B 1,761,418

Digitized by Google

THE UNIVERSITY OF MICHIGAN
LIBRARIES
1817

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

Univ. of Mich.
FEB 7 1983
Current Serials

7

7.1980

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU VÀ MỞ RỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

TRONG thời đại ngày nay, quá trình quốc tế hóa sinh hoạt kinh tế là một quá trình khách quan bắt nguồn từ sự khác biệt về điều kiện tự nhiên giữa các nước, từ sự phát triển của lực lượng sản xuất và việc xã hội hóa sản xuất vượt ra ngoài phạm vi một nước, lao động xã hội không những được phân công trong phạm vi một nước mà còn được phân công trên phạm vi quốc tế. Trong thế giới ngày nay, không một nước nào có thể xây dựng và phát triển kinh tế một cách biệt tập và đứng ngoài vòng chu chuyển của kinh tế thế giới. Vì vậy, **không ngừng đẩy mạnh trao đổi hàng hóa, mở rộng sự phân công và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật** *là một nhu cầu không thể thiếu được của đời sống kinh tế và là một tất yếu khách quan của thời đại. Đặc biệt đối với những nước kinh tế kém phát triển như nước ta, việc mở rộng trao đổi hàng hóa với nước ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế không những là một nhiệm vụ chiến lược trong quá trình công nghiệp hóa, mà còn là một yêu cầu cấp bách nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế trước mắt.*

Ngày nay, những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và mở rộng các quan hệ mậu dịch và hợp tác kinh tế giữa các nước đang không ngừng tăng lên. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật phát triển mạnh mẽ trên thế giới đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của xã hội. Những thành tựu to lớn của khoa học và kỹ thuật hiện đại đang mở ra những triển vọng to lớn cho loài người trong việc giải quyết nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách có liên quan đến những điều kiện sản xuất, lao động và đời sống của loài người. Đối với nước ta, việc ứng dụng

Digitized by Google

những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại của thế giới sẽ giúp ta tiến nhanh trên con đường phát triển kinh tế, và, trong một thời gian tương đối ngắn, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa nước ta và các nước kinh tế đã phát triển.

Ngày nay, khi chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, nền kinh tế của nước ta tất yếu phải gắn với nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, phải mở rộng quan hệ với các nước khác trên thế giới. Có sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự hợp tác toàn diện với các nước đó, nước ta hoàn toàn có khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. V. I. Lê-nin đã chỉ rõ: « Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa » (1).

Trong quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, khó khăn và mâu thuẫn lớn nhất là chúng ta vừa phải bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, vừa phải tăng cường và củng cố quốc phòng để đối phó với những hành động phiêu lưu của bọn bành trướng Bắc-kinh và các thế lực phản động khác, vừa phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, khẩn trương xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Mở rộng trao đổi và hợp tác kinh tế với các nước khác, trước hết là với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác sẽ tạo điều kiện cho chúng ta nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật mà trong nước chưa sản xuất được, sử dụng những lợi thế của sự phân công lao động quốc tế, sử dụng có hiệu quả những thành tựu của khoa học và kỹ thuật hiện đại, tranh thủ được vốn và kỹ thuật của nước ngoài để khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phong phú và tận dụng lực lượng lao động dồi dào ở trong nước, trên cơ sở đó, góp phần nâng cao hiệu quả của sản xuất và lao động trong nước và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đó là **một trong những điều kiện cơ bản** *giúp cho nước ta đi từ sản xuất nhỏ lên thẳng chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.*

Thông qua việc mở rộng trao đổi hàng hóa và tăng cường hợp tác quốc tế, chúng ta có điều kiện kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu hai ngành sản xuất cơ bản của xã hội là công nghiệp và nông nghiệp, vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương. Thông qua các hình thức chuyên môn hóa sản xuất, hợp tác sản xuất

---

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, tr. 295.

Digitized by Google

và các quan hệ kinh tế khác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, chúng ta có thể hạn chế thời gian lịch sử cần thiết để cải tạo kỹ thuật nông nghiệp, xây dựng và phát triển nền công nghiệp hiện đại, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Thông qua sự hợp tác và phân công quốc tế, chúng ta có thể bổ sung những mặt non yếu của nền kinh tế nước ta, khai thác được những khả năng to lớn mà nước ta sẵn có. Sự hợp tác và phân công quốc tế hợp lý, trên cơ sở giữ vững độc lập và chủ quyền, sẽ giúp chúng ta xây dựng nhanh chóng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, xóa bỏ tính chất phụ thuộc của nền kinh tế cũ. Mặt khác, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, khai thác có hiệu quả mọi năng lực tiềm tàng trong nước, lại càng có điều kiện mở rộng hợp tác và phân công quốc tế, góp phần tích cực vào việc củng cố và tăng cường sức mạnh chung của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Trong việc hợp tác kinh tế với nước ngoài, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng hợp tác kinh tế với Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cách đây 25 năm, ngày 18-7-1955, Hồ Chủ tịch đã ký hiệp ước hợp tác kinh tế với Liên-xô, đặt cơ sở đầu tiên cho sự hợp tác kinh tế giữa nước ta và Liên-xô. Từ đó quan hệ kinh tế giữa hai nước anh em không ngừng phát triển. Sự hợp tác kinh tế với Liên-xô đã có tác dụng tích cực đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Sau khi miền Nam nước ta được giải phóng, nước ta được thống nhất và cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, sự hợp tác kinh tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Liên-xô có bước phát triển mới.

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô ký ngày 3-11-1978 cùng với Hiệp định hợp tác kinh tế dài hạn 10 năm là kết quả tất yếu của quá trình hợp tác giữa hai nước và là một bước phát triển mới về chất trong quan hệ giữa nước ta và Liên-xô. Điều 2 của Hiệp ước đã quy định rõ phương hướng, mục tiêu và nội dung hợp tác: « Hai nước sẽ cùng nhau cố gắng để củng cố và mở rộng sự hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật cùng có lợi nhằm đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân hai nước. Hai nước sẽ tiếp tục phối hợp dài hạn kế hoạch kinh tế quốc dân, thỏa thuận những biện pháp lâu dài nhằm phát triển các lĩnh vực quan trọng nhất của nền kinh tế, khoa học kỹ thuật, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ».

Tháng 2-1978, Chính phủ ta quyết định **gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế** *với tư cách hội viên chính thức trong khóa họp lần thứ*

Digitized by Google

32 (1978). Sự kiện quan trọng này đánh dấu một giai đoạn mới rất quan trọng trong quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và mở ra một khả năng mới hợp tác nhiều bên trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế.

Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt với Liên-xô, phát triển các quan hệ hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế là một bảo đảm quan trọng cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta từng bước thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho nước ta thực hiện nghĩa vụ của mình đối với việc củng cố và tăng cường sức mạnh kinh tế của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời, chúng ta rất coi trọng việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước khác trên thế giới, trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Để mở rộng quan hệ trao đổi và hợp tác quốc tế, trong điều kiện nước ta, **vấn đề then chốt là đẩy mạnh xuất khẩu.**

Đẩy mạnh xuất khẩu là tiền đề để phát triển ngoại thương, mở rộng quan hệ trao đổi và hợp tác quốc tế.

Để tạo ra nhiều nguồn hàng cho xuất khẩu, ngoài việc dựa vào sức mình và các năng lực sản xuất hàng xuất khẩu sẵn có, chúng ta còn phải tranh thủ vốn và kỹ thuật của nước ngoài để khai thác có hiệu quả nhất các thế mạnh của nền kinh tế của ta, thông qua các hình thức hợp tác về kinh tế và khoa học kỹ thuật. Vì vậy, **đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng hợp tác quốc tế có quan hệ khăng khít với nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển.** *Có đẩy mạnh xuất khẩu, chúng ta mới có điều kiện cải thiện cán cân ngoại thương và cán cân thanh toán quốc tế, trên cơ sở đó, mới có khả năng tăng cường và mở rộng các quan hệ hợp tác kinh tế với nước ngoài. Mặt khác, tăng cường hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế và khoa học kỹ thuật, nhất là dưới các hình thức hợp tác sản xuất và chuyên môn hóa sản xuất trong các ngành sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, sẽ thúc đẩy mạnh mẽ việc tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu và xây dựng những mặt hàng xuất khẩu chủ lực với khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, có sức hấp dẫn trên thị trường thế giới. Với ý nghĩa đó,* **đẩy mạnh xuất khẩu là một nhiệm vụ kinh tế có ý nghĩa chiến lược**

Digitized by Google

trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế nước ta, là một vấn đề có ý nghĩa then chốt trong quá trình phát triển kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời là một nhiệm vụ kinh tế cấp bách góp phần giải quyết các khó khăn trước mắt.

Trong lĩnh vực ngoại thương, chúng ta đang gặp một mâu thuẫn lớn là: trong khi quan hệ kinh tế và thương mại của nước ta với nước ngoài, nhất là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nói chung là thuận lợi, thì chúng ta lại rất thiếu hàng để xuất khẩu. Vì vậy, để đẩy mạnh xuất khẩu, chúng ta cần **tập trung sức vào việc tạo ra nguồn hàng, phát triển sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực với khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, có sức hấp dẫn trên thị trường thế giới.**

Phát triển sản xuất hàng xuất khẩu trong điều kiện cụ thể của nước ta là một vấn đề mới và phức tạp đòi hỏi phải giải quyết một loạt vấn đề, từ **phương hướng và cơ cấu hàng xuất khẩu đến tổ chức và quản lý sản xuất hàng xuất khẩu và tổ chức xuất khẩu.**

Để xác định đúng đắn phương hướng xuất khẩu, trước hết chúng ta phải xuất phát từ đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, từ khả năng phát triển nguồn hàng xuất khẩu của các ngành và các địa phương và điều kiện sản xuất các mặt hàng đó. Hàng xuất khẩu chỉ để tiêu thụ ở thị trường nước ngoài, nó nhất thiết phải đáp ứng yêu cầu của thị trường về mặt hàng, quy cách, phẩm chất, và phải có sức hấp dẫn, nghĩa là phải có sức cạnh tranh.

Trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Đảng ta đã vạch ra phương hướng và cơ cấu hàng xuất khẩu trong giai đoạn hiện nay là: «Tăng nhanh xuất khẩu bằng cách phát huy khả năng lớn của nông nghiệp, lâm nghiệp nhiệt đới, tận dụng khả năng của công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đẩy mạnh khai thác một số hải sản và khoáng sản có trữ lượng khá, tiến tới xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp nặng».

Hướng tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay là nhằm vào kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, đồng thời tận dụng năng lực của sản xuất cá thể. Đẩy mạnh xuất khẩu từ kinh tế địa phương là một hướng rất quan trọng. Xác định hướng sản xuất và cơ cấu xuất khẩu đúng đắn có ý nghĩa rất lớn đối với việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu cả về quy mô và tốc độ.

Để bảo đảm thực hiện phương hướng xuất khẩu nói trên, trong các nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 và lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa IV), Đảng ta lại vạch ra các biện pháp cụ thể. Nghị

Digitized by Google

quyết Hội nghị lần thứ 5 đã ghi rõ : « Phải tăng cường đầu tư để tăng nhanh năng lực xuất khẩu, trước hết trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khoáng sản và gia công xuất khẩu, phải mạnh dạn nhập khẩu vật tư, nguyên liệu để tăng xuất khẩu với điều kiện có hiệu quả kinh tế, phải nhanh chóng tạo ra những vùng xuất khẩu lớn về nông sản (cao su, cà phê, lạc, đỗ, dứa, chuối, thuốc lá, chè, đay, tơ tằm và lâm sản...), về chăn nuôi, về hải sản, về lâm sản, phải tích cực khai thác và cung ứng đủ nguyên liệu để tăng mức xuất khẩu hàng mây, tre, cói, hàng mỹ nghệ ; phải ban hành ngay một số chính sách khuyến khích xuất khẩu..., phải cải tiến tổ chức sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu ». Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 bổ sung nhiều điểm quan trọng vào chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu nói trên.

Theo tinh thần các nghị quyết nói trên, Chính phủ đã ban hành bản « quy định về chính sách và biện pháp nhằm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu ». Những chính sách và biện pháp này nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản và then chốt và một số vướng mắc thường gặp phải trong sản xuất hàng xuất khẩu, từ đầu tư, cung ứng tư liệu sản xuất, lương thực, đến cho vay ngoại tệ, định giá thu mua khuyến khích, trợ cấp xuất khẩu, bán khuyến khích, thưởng khuyến khích bằng tiền Việt-nam và cho quyền sử dụng ngoại tệ, v.v. Các chính sách và biện pháp nói trên hợp thành một hệ thống biện pháp và đòn bẩy kinh tế nhằm bảo đảm các điều kiện vật chất để sản xuất hàng xuất khẩu và khuyến khích các ngành, các địa phương và cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu quan tâm đến việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu. Các chính sách và biện pháp này vừa đáp ứng lợi ích của Nhà nước, vừa đáp ứng yêu cầu của cơ sở, của địa phương và ngành kinh tế.

Để nâng cao tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, Chính phủ cho phép các Liên hiệp xí nghiệp, các Công ty chuyên doanh sản xuất hàng xuất khẩu thuộc các ngành sản xuất và các tổ chức chuyên doanh xuất khẩu của một số địa phương trong những điều kiện nhất định được trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng xuất khẩu với các công ty nước ngoài, dưới sự chỉ đạo và quản lý về chính sách và nghiệp vụ của Bộ ngoại thương, theo nguyên tắc Nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương và các quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Để tăng nhanh khối lượng và giá trị hàng xuất khẩu, phải nhanh chóng tạo ra những nguồn **hàng xuất khẩu chủ lực** *có chất lượng tốt. Đó là những hàng trong nước có khả năng phát triển sản xuất và đưa nhanh sản xuất lên, có hiệu quả kinh tế nhiều so với các loại hàng*

Digitized by Google

khác, có thị trường tiêu thụ rộng rãi, ổn định, vững chắc và lâu dài. Tạo ra được mặt hàng xuất khẩu chủ lực thì bảo đảm tăng nhanh xuất khẩu; bảo đảm vững chắc việc nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư kỹ thuật; tạo điều kiện giữ vững và ổn định thị trường, mở rộng hợp tác quốc tế. Với điều kiện thiên nhiên thuận lợi, nguồn lao động dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú, chúng ta có khả năng xây dựng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực gồm nông sản, lâm sản, hải sản, sản phẩm công nghiệp và khoáng sản. Xây dựng hàng xuất khẩu chủ lực là quá trình kết hợp các mặt hoạt động của nhiều ngành có quan hệ đến nhiều vấn đề kinh tế, xã hội. Đó là quá trình xây dựng cơ sở sản xuất trong nước kết hợp với việc xây dựng thị trường ngoài nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế; là quá trình xây dựng kinh tế trung ương đi đôi với phát triển kinh tế địa phương; là quá trình phát huy vai trò làm chủ tập thể về kinh tế của các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất dưới sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Nhà nước, thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế và vai trò chủ động của ngoại thương. Đó cũng là quá trình xây dựng các vùng chuyên canh kết hợp với phân vùng kinh tế, xây dựng các cơ sở, các xí nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu; là quá trình xây dựng mặt hàng từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều, kết hợp việc xây dựng hàng xuất khẩu chủ lực với việc tận dụng mọi khả năng phát triển sản xuất, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Với nguồn lao động dồi dào và có truyền thống trong nhiều lĩnh vực sản xuất, **đẩy mạnh gia công quốc tế** *là một hướng quan trọng để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Chế độ gia công sản xuất hàng xuất khẩu là sự cải tiến đặc biệt các thuộc tính riêng của các đối tượng lao động nhằm đạt được một giá trị sử dụng mới theo một công thức nhất định thông qua lao động sáng tạo. Sản phẩm của gia công xuất khẩu là sự kết hợp giữa lao động trong nước với đối tượng lao động của nước ngoài. Tiến hành gia công xuất khẩu góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu thể hiện trên nhiều mặt: thu hút nguồn lao động dồi dào vào quá trình sản xuất, qua đó, không ngừng làm tăng thêm thu nhập quốc dân, mà còn rèn luyện tay nghề, nâng cao trình độ sản xuất, thúc đẩy các cơ sở sản xuất trong nước thích ứng với quy mô tiêu thụ lớn của thị trường thế giới, tạo điều kiện để thâm nhập thị trường nước ngoài và khắc phục được tình trạng thiếu nguyên liệu, vật tư, kỹ thuật mà nền kinh tế của sản xuất nhỏ chưa thể cân đối được với lực lượng lao động dồi dào. Gia công xuất khẩu là một hình thức tổ chức có tác dụng thúc đẩy mở rộng hợp tác quốc tế.*

Muốn làm tốt gia công xuất khẩu, một mặt, phải tổ chức sản xuất và quản lý tốt công việc này, mặt khác cần tăng cường mở rộng

Digitized by Google

quan hệ hợp tác quốc tế. Phải giáo dục cho người lao động nêu cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong sản xuất, nâng cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất và các cơ quan quản lý, nhằm thực hiện đúng đắn các hợp đồng gia công và cam kết với nước ngoài.

Đẩy mạnh xuất khẩu, tăng cường hợp tác quốc tế là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các ngành, các địa phương có trách nhiệm tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào công tác xuất khẩu. Các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất phải phát huy tinh thần làm chủ tập thể, có kế hoạch và biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu để vừa đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vừa để tự trang trải mọi nhu cầu nhập khẩu và trả những món nợ ngoại tệ của ngành mình, địa phương mình. Các ngành sản xuất khác không trực tiếp tạo ra hàng xuất khẩu hoặc các ngành khác, như văn hóa, giáo dục, lưu thông, phân phối, cần có kế hoạch trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia sản xuất hàng xuất khẩu. Phải tiết kiệm trong tiêu dùng để dành nguồn hàng cho xuất khẩu.

Ngành ngoại thương phải góp phần quan trọng vào việc tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu, hướng dẫn, khuyến khích và làm hậu cần cho sản xuất hàng xuất khẩu, đồng thời, bảo đảm tiêu thụ những sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Cần khẩn trương cải tiến tổ chức và lề lối làm việc của bộ máy ngoại thương từ trung ương đến các địa phương, tăng cường bồi dưỡng, đào tạo và bổ sung cán bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ ngoại thương có khả năng làm tốt công tác xuất khẩu trong giai đoạn mới.

Các ngành, các cấp cần nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách về xuất khẩu của Đảng và Nhà nước, phấn đấu tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiến lên giành những thắng lợi mới.

Digitized by Google

VINH DỰ LỚN

NGÀY 30-4-1980 Ủy ban giải thưởng quốc tế Lê-nin Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc công bố quyết định trao Giải thưởng quốc tế Lê-nin năm 1979 cho đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, và ngày 20-6-1980 lễ trao tặng Giải thưởng đã được tổ chức trọng thể tại thủ đô Hà-nội.

Giải thưởng cao quý mang tên Lê-nin vĩ đại dành cho những nhà hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa xuất sắc của các nước đã có những cống hiến lớn lao đối với sự nghiệp hòa bình thế giới và việc củng cố quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

Trao tặng Giải thưởng này cho đồng chí Lê-Duẩn, Ủy ban giải thưởng đánh giá cao những cống hiến của đồng chí Tổng bí thư của chúng ta, người kế tục xuất sắc sự nghiệp của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giành độc lập, thống nhất cho đất nước, đánh thắng bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ hòa bình ở Đông Nam châu Á và thế giới, và ngày nay đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, không ngừng đóng góp sức mình cho sự nghiệp củng cố hòa bình, sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác giữa các dân tộc.

Tại lễ trao tặng Giải thưởng, Viện sĩ N.N. Blô-khin, thay mặt Ủy ban giải thưởng quốc tế Lê-nin, đã nói lên vai trò quan trọng và những đóng góp to lớn của đồng chí Lê-Duẩn, « nhà quốc tế chân chính và là người bạn lớn của nhân dân Liên-xô, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi để đoàn kết khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa, củng cố sự thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, củng cố hòa bình và an ninh của các dân tộc ».

Việc đồng chí Lê-Duẩn được trao tặng Giải thưởng quốc tế Lê-nin Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc là vinh dự chung của Đảng

Digitized by Google

ta và nhân dân ta. Phát biểu trước Đại diện của Ủy ban giải thưởng, đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Vinh dự mà các đồng chí dành cho tôi trong dịp trao tặng Giải thưởng cao quý này trước hết thuộc về Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh và nhân dân Việt-nam anh hùng, những lực lượng đã đóng vai trò quyết định làm nên những thắng lợi huy hoàng trong hơn nửa thế kỷ qua ».

Thắng lợi của nhân dân ta trong công cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm qua có phần đóng góp quan trọng của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả loài người tiến bộ, trước hết là của Liên-xô, thành trì của cách mạng, trụ cột của hòa bình, tiêu biểu cho tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Ngày nay nhân dân ta đang đem hết sức mình xây dựng đất nước, đồng thời bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo vệ thành quả cách mạng của mình, chống lại tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác, hằng ngày đe dọa chiến tranh hòng thực hiện âm mưu thôn tính nước ta. Trong cuộc đấu tranh không ít khó khăn, gian khổ đó, nhân dân ta nhất định sẽ giành được thắng lợi ngày càng rực rỡ, bởi vì chúng ta có sức mạnh của một dân tộc anh hùng, bất khuất, thông minh, sáng tạo, có sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng, có đường lối đúng đắn, sáng tạo của một Đảng kiên cường và từng trải, có đất nước độc lập, thống nhất đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, có lao động dồi dào, tài nguyên phong phú; đồng thời chúng ta có mối quan hệ đặc biệt với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, có tình hữu nghị vĩ đại và sự hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự đoàn kết của các lực lượng độc lập, dân chủ và hòa bình trên thế giới.

Việc trao tặng Giải thưởng quốc tế Lê-nin Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc cho đồng chí Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta càng cổ vũ nhân dân ta vững bước tiến lên, xứng đáng với lòng tin yêu của anh em và bầu bạn.

Digitized by Google

LỜI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ-DUẨN

Thưa đồng chí Viện sĩ N.N. Blô-khin, Chủ tịch Ủy ban giải thưởng quốc tế Lê-nin thân mến,

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

TRƯỚC hết, xin cho phép tôi bày tỏ lòng biết ơn về việc Ủy ban giải thưởng quốc tế Lê-nin quyết định trao tặng tôi Giải thưởng cao quý **Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc,** mang tên V.I. Lê-nin vĩ đại.

Từ đáy lòng mình, tôi xin chân thành cảm ơn đồng chí Viện sĩ N.N. Blô-khin đã đánh giá cao cống hiến của nhân dân Việt-nam vào sự nghiệp hòa bình thế giới, cảm ơn những lời tốt đẹp, chứa chan tình cảm nồng nhiệt mà đồng chí đã nói về Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam, về Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến của chúng tôi, mà sự nghiệp cách mạng cao cả vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, đã và đang được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt-nam kế tục một cách trung thành và xuất sắc.

Thưa đồng chí N.N. Blô-khin và các đồng chí Liên-xô thân mến,

VINH dự mà các đồng chí dành cho tôi trong dịp trao tặng Giải thưởng cao quý này trước hết thuộc về Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh và nhân dân Việt-nam anh hùng, những lực lượng đã đóng vai trò quyết định làm nên những thắng lợi huy hoàng trong hơn nửa thế kỷ qua.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản Việt-nam, nhân dân Việt-nam đã anh dũng chiến đấu chống lại những thế lực xâm lược tàn bạo, hết phát-xít Nhật đến thực dân Pháp, hết đế quốc Mỹ đến bọn bành trướng Bắc-kinh, viết nên những trang đẹp nhất trong lịch sử giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần làm thay đổi lực lượng so sánh trên thế giới có lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân Việt-nam chúng tôi đã vượt qua mọi khó khăn để tiến lên phía trước đánh thắng quân thù là nhờ có sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn, từ tình yêu thiết tha đối với độc lập, tự do, đối với hòa bình và cuộc sống. Qua chiến đấu lâu dài và gian khổ, chúng tôi hiểu thấm thía rằng chỉ có độc lập, tự do chân chính mới đem lại hòa bình thật sự; ngược lại, chỉ trong điều kiện hòa bình thì độc lập, tự do mới được giữ vững; và ngày nay hòa bình, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội phải gắn chặt với nhau, đó là chân lý của thời đại.

Digitized by Google

Nhân dân chúng tôi có sức mạnh chiến đấu vô địch còn là nhờ có tình đoàn kết quốc tế của những người cộng sản và bầu bạn khắp năm châu, trước hết là của nhân dân Xô-viết anh em. Đối với Việt-nam, Liên-xô là một tấm gương quý báu về đấu tranh cách mạng, là một hình ảnh sáng ngời về chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trong những năm Việt-nam kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Liên-xô đã đứng bên cạnh nhân dân Việt-nam. Hiện nay trong giai đoạn Việt-nam phải đương đầu với bọn bành trướng Trung-quốc, Liên-xô là người bạn chiến đấu hùng mạnh của Việt-nam. Là người chịu đựng những hy sinh không sao kể xiết trong chiến tranh chống phát-xít, Liên-xô mãi mãi là trụ cột của hòa bình, là thành trì của cách mạng, là chỗ dựa vững chắc cho những lực lượng đấu tranh vì giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Thưa các đồng chí và các bạn,

THẾ giới bước vào thập kỷ 80 với những thắng lợi cực kỳ to lớn của hòa bình và của ba dòng thác cách mạng. Song, những hành động thù địch ngày càng tăng của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế làm cho nhân dân các nước phải cảnh giác.

Đế quốc Mỹ ngày càng tỏ ra hiếu chiến, đang ráo riết tập hợp các lực lượng phản động, ra sức đẩy mạnh chạy đua vũ trang, mưu toan trở lại thời kỳ chiến tranh lạnh, gây tình hình căng thẳng ở nhiều nơi trên thế giới. Việc đế quốc Mỹ xúc tiến liên minh với tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và việc bọn này hung hăng chống phá các lực lượng cách mạng, điên cuồng thực hiện chủ nghĩa bành trướng, đang đe dọa nghiêm trọng hòa bình và độc lập, tự do của các dân tộc.

Sau hơn ba mươi năm liên tục chiến đấu chống xâm lược, hơn ai hết, nhân dân Việt-nam mong muốn được sống trong độc lập, tự do và hòa bình lâu dài để xây dựng lại đất nước. Song chính sách thù địch của nhà cầm quyền Bắc-kinh đã chà đạp nguyện vọng thiết tha đó. Đầu năm 1979, họ đã gây ra cuộc chiến tranh tội ác chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, và hiện nay họ đang hằng ngày đe dọa chiến tranh hòng thực hiện dã tâm thôn tính Việt-nam và các nước khác trên bán đảo Đông-dương để tiến lên làm bá chủ cả Đông – Nam châu Á.

Đứng ở tuyến đầu chống đế quốc và phản động quốc tế, nhân dân Việt-nam phải đối phó với một kẻ thù rất độc ác và phải vượt qua nhiều khó khăn. Song nhân dân chúng tôi một lòng tin tưởng vào thắng lợi của mình trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng cuộc sống mới. Bởi vì ngày nay Việt-nam đã hoàn toàn độc lập, thống nhất và có sức mạnh giữ nước lớn hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây; đồng thời lại có sự đoàn kết chặt chẽ hơn bao giờ hết của hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên thế giới.

Thời kỳ làm mưa làm gió của bọn đế quốc đã vĩnh viễn qua rồi. Bọn bành trướng Bắc-kinh đi theo vết xe đổ của chủ nghĩa đế quốc nhất định sẽ chuốc lấy thất bại nhục nhã. Trong thời đại chúng ta, nhân dân tất cả các nước đều đã đứng lên nắm lấy quyền làm chủ vận mệnh của mình; và, trong thế giới xã hội chủ nghĩa ngày nay, Liên-xô đã có trong tay những lực lượng hết sức hùng hậu, tỉnh táo và kiên quyết, đủ sức giáng trả đích đáng, làm thất bại mọi kế hoạch phiêu lưu của những thế lực hiếu chiến.

Digitized by Google

Đồng chí LÊ - DUẨN

Digitized by Google

Digitized by Google

Nhân dân Việt-nam theo dõi với niềm phấn khởi vô hạn và sự đồng tình sâu sắc những cố gắng không mệt mỏi của Liên-xô và của cá nhân đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên-xô, trong việc tăng cường khả năng phòng thủ của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trong việc thực hiện cương lĩnh hòa bình nhằm thúc đẩy quá trình hòa dịu, trừ bỏ nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Cùng với những người yêu chuộng hòa bình trên trái đất, nhân dân Việt-nam nhiệt liệt hoan nghênh Hội nghị thường kỳ Ủy ban chính trị hiệp thương các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va vừa qua và bản Tuyên ngôn mới của hội nghị, thể hiện quyết tâm và thiện chí của Liên-xô cùng toàn thể cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới trong cuộc đấu tranh nhằm cải thiện bầu không khí quốc tế.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười và đoàn kết với Liên-xô là một nguồn sức mạnh rất quan trọng của cách mạng Việt-nam. Chúng ta xiết bao vui mừng nhận thấy tình hữu nghị Việt – Xô vĩ đại do Hồ Chủ tịch đích thân xây đắp từ những năm 20 của thế kỷ này, đến nay, đã nở hoa kết quả, để lại những dấu ấn tốt đẹp trong những thắng lợi và thành tựu của Việt-nam.

Với việc ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-nam – Liên-xô, tình đoàn kết chiến đấu của chúng ta đã giở sang một trang mới. Đó là một sức mạnh không gì phá vỡ nổi, một bảo đảm cho nhân dân Việt-nam vững bước tiến lên giành những thắng lợi rực rỡ hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần gìn giữ hòa bình trong khu vực Đông – Nam Á, ở châu Á và trên thế giới.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng cộng sản Việt-nam và nhân dân Việt-nam, tôi xin gửi đến đồng chí L. I. Brê-giơ-nép kính mến, đến Đảng cộng sản và nhân dân Liên-xô anh em lời chào mừng thân thiết nhất và lòng biết ơn sâu sắc nhất về sự giúp đỡ hết lòng trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng mà Liên-xô đã dành cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam chúng tôi trước đây cũng như hiện nay.

Đảng cộng sản Việt-nam và nhân dân Việt-nam nguyện làm hết sức mình tăng cường tình hữu nghị vĩ đại và sự hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, vun đắp mối quan hệ đặc biệt trước sau như một với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, đoàn kết với các quốc gia và các lực lượng yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, đặng góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì những mục tiêu cao cả của thời đại ngày nay là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hòa bình giữa các dân tộc nhất định thắng!

Những lý tưởng vĩ đại của chúng ta nhất định thắng!

Xin cảm ơn tất cả các đồng chí và các bạn có mặt hôm nay.

Digitized by Google

LỜI PHÁT BIỂU CỦA VIỆN SĨ N.N. BLÔ-KHIN

Thưa đồng chí Lê-Duẩn thân mến,

Thưa các đồng chí thân mến,

Thưa các bạn,

HÔM nay, tôi rất vui mừng được trao Giải thưởng quốc tế Lê-nin **Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc** cho đồng chí Lê-Duẩn, người con quang vinh của nhân dân Việt-nam, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Cho phép tôi thay mặt Ủy ban giải thưởng quốc tế Lê-nin, tất cả các chiến sĩ hòa bình trên trái đất xin nồng nhiệt chúc mừng đồng chí nhân dịp đồng chí được tặng giải thưởng cao quý và vinh dự này vì những đóng góp to lớn của đồng chí cho sự nghiệp củng cố hòa bình, sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác giữa các dân tộc.

Gắn bó chặt chẽ cuộc đời mình với Đảng của những người cộng sản Việt-nam, đồng chí Lê-Duẩn đã cùng với Đảng cộng sản Việt-nam trải qua chặng đường đấu tranh vẻ vang cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội của nhân dân Việt-nam

Đồng chí Lê-Duẩn kính mến.

NHÂN dân Liên-xô biết đồng chí là người bạn chiến đấu của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người tham gia tích cực vào những hoạt động cách mạng chiến đấu và lao động của nhân dân Việt-nam, người kiên quyết bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc và những thành quả của chủ nghĩa xã hội, chống lại mọi sự xâm phạm của bọn phản động quốc tế và tay sai của chúng.

Chúng tôi biết đồng chí là nhà quốc tế chân chính và là người bạn lớn của nhân dân Liên-xô, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi để đoàn kết khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa, củng cố sự thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, củng cố hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Đất nước của các đồng chí đã chịu những thử thách rất nặng nề. Kẻ thù của nhân dân Việt-nam đã nhiều lần âm mưu tước đoạt quyền phát triển độc lập trong hòa bình của nhân dân Việt-nam. Nhưng cứ mỗi lần đứng lên kiên quyết đấu tranh để bảo vệ quyền thiêng liêng đó, nhân dân Việt-nam đều giành được thắng lợi. Bằng kinh nghiệm của chúng, thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, đế quốc Mỹ và bọn

Digitized by Google

bành trướng Bắc-kinh đã thấy rõ được sức mạnh vô địch của nước Việt-nam anh hùng. Trên thế giới trước kia cũng như ngày nay, không có một sức mạnh nào có thể dập tắt được tình yêu của Việt-nam đối với cuộc sống và hòa bình. Chính nhân dân các đồng chí chứng minh hùng hồn và sáng tỏ điều đó.

Mọi người đều biết nguyện vọng của nhân dân Việt-nam là muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong lao động hòa bình. Nhưng chính những kẻ ngăn cản sự nghiệp xây dựng của nhân dân Việt-nam lại là những kẻ coi Việt-nam là trở ngại trên con đường thực hiện âm mưu bành trướng và bá quyền của chúng, những kẻ tiếp tục đe dọa chiến tranh trên biên giới Việt-nam. Nhân dân Việt-nam luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và cảnh giác cao độ trước mối đe dọa nghiêm trọng đó của chúng.

Kẻ thù của nhân dân Việt-nam đừng có ảo tưởng. Nhân dân Việt-nam có đầy đủ quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của mình. Nhân dân Việt-nam có những người bạn trung thành và đáng tin cậy, những người đã và sẽ ủng hộ nhân dân Việt-nam mọi thứ cần thiết.

Chúng tôi tự hào rằng, trong thời gian thử thách ác liệt của chiến tranh cũng như trong thời gian hòa bình, nhân dân Liên-xô dưới sự lãnh đạo của Đảng Lê-nin đã và đang kiên quyết trước sau như một đứng về phía nhân dân Việt-nam. Trong khi bọn xâm lược tiếp tục những âm mưu chống Việt-nam, sức mạnh của tình hữu nghị và tình đoàn kết của chúng ta như đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đã nói tại lễ ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Liên-xô và Việt-nam, có ý nghĩa đặc biệt.

Việt-nam luôn luôn thể hiện tinh thần quốc tế cao cả. Điều đó được tỏ rõ bằng tấm gương của mối quan hệ giữa nhân dân Việt-nam với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em. Đó là tình đoàn kết của Việt-nam với tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ của thời đại.

Hôm nay, tôi rất muốn trích dẫn lời phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn trong buổi lễ trao Giải thưởng quốc tế Lê-nin **Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc** cho đồng chí L.I. Brê-giơ-nép năm 1973 tại Mát-xcơ-va : « Trong thời đại chúng ta, cuộc đấu tranh cho hòa bình là nhiệm vụ cách mạng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng »

Và trên thực tế, mục đích đó là nguyện vọng của tất cả những người yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên hành tinh chúng ta mà trước hết là của những người cộng sản, những người thể hiện các lợi ích sống còn cơ bản của nhân dân lao động, thể hiện những lý tưởng nhân đạo của toàn thể loài người.

Những người đã trải qua chiến tranh càng quý trọng hòa bình hơn ai hết, nhưng hòa bình — như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã nói — phải là hòa bình thật sự, hòa bình trong độc lập và tự do. Lời di huấn đó của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh sống mãi trong trái tim những người bạn chiến đấu của Người. Nó được thể hiện trong cuộc sống của Việt-nam hiện nay

Nhân dân Liên-xô chân thành vui mừng nhận thấy rằng giữa Liên-xô và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có quan điểm hoàn toàn thống nhất trong tất cả các vấn đề quan trọng nhất của thời đại. Trong đại gia đình các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chúng tôi luôn luôn cùng với các bạn Việt-nam tin tưởng tiến lên phía trước trên con đường chung để đạt được những mục đích chung là củng cố tình đoàn kết chiến đấu và sự thống nhất không gì phá vỡ nổi của chúng ta.

Từ đáy lòng, chúng tôi cùng với tất cả những người bạn trên thế giới

Digitized by Google

nhiệt liệt chúc mừng những thắng lợi vẻ vang và những thành tựu của nhân dân Việt-nam, một dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Việt-nam đã dốc hết sức lực, tài năng và nghị lực của mình vào sự nghiệp xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, kiên quyết bảo vệ những thành quả cách mạng của mình và tích cực tham gia trong việc phát triển sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác giữa các dân tộc ở lục địa châu Á và trên toàn thế giới. Và trong toàn bộ sự nghiệp đó có sự đóng góp to lớn của bản thân đồng chí Lê-Duẩn, người đứng đầu bộ tham mưu chiến đấu của Đảng là Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam.

Đồng chí Lê-Duẩn thân mến,

TRAO tặng đồng chí tấm bằng và huân chương của người được Giải thưởng **Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc**, một lần nữa, tôi xin chúc mừng đồng chí nhân dịp trao tặng đồng chí Giải thưởng cao quý này, giải thưởng mang tên Lê-nin vĩ đại. Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng Giải thưởng này đánh giá xứng đáng công lao của đồng chí và đồng thời thừa nhận sự đóng góp to lớn của toàn thể nhân dân Việt-nam cho sự nghiệp đấu tranh chung vì hòa bình trên toàn thế giới.

Đồng chí Lê-Duẩn thân mến, xin chúc đồng chí dồi dào sức khỏe, sống lâu, đạt được nhiều thành tích mới trong hoạt động cao cả của đồng chí vì lợi ích của nhân dân Việt-nam, vì lợi ích tiếp tục củng cố tình hữu nghị anh em và tình đoàn kết giữa nhân dân Liên-xô và nhân dân Việt-nam, thực hiện những lý tưởng trong sáng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chúc tình hữu nghị không gì phá vỡ nổi và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước chúng ta ngày càng được củng cố và phát triển.

Hòa bình trên toàn thế giới muôn năm!

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH VỀ KINH TẾ

NGUYỄN-DUY-TRINH

CHÚNG ta đang đứng trước một tình hình đặc biệt, có những thắng lợi và thuận lợi rất to lớn, song trước mắt, có nhiều khó khăn phức tạp trên lĩnh vực kinh tế.

Các nghị quyết của Hội nghị lần thứ 5 và Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng, và mới đây, nghị quyết của Bộ chính trị về phân phối, lưu thông — thể hiện sự quán triệt đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng — đã quyết định những giải pháp đúng đắn cho những vấn đề nóng hổi do cuộc sống đề ra. Hiểu đúng và chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết đó, là điều có ý nghĩa quyết định để làm chuyển biến tình hình, đưa nền kinh tế thoát ra khỏi những khó khăn trước mắt.

I — ĐÁNH GIÁ ĐÚNG TÌNH HÌNH, QUÁN TRIỆT ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Đứng trước những diễn biến kinh tế, xã hội phức tạp, với cách suy nghĩ giản đơn, hời hợt, không quán triệt quan điểm của Đảng, thì không thể đánh giá đúng tình hình. Chúng ta đang gặp nhiều khó khăn, mà khó khăn lớn nhất là sản xuất phát triển chậm, nên kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, phát sinh nhiều nhân tố tiêu cực, đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, dẫn đến hiệu quả kinh tế và năng suất lao động rất thấp, đời sống của nhân dân lao động, nhất là công nhân và nhân viên Nhà nước, nông dân ở những nơi mất mùa hoặc bị chiến tranh tàn phá đang gặp nhiều khó khăn. Tình hình đó gây nên tâm trạng băn khoăn lo lắng và làm nảy sinh tâm lý bi quan, tiêu cực, ở một số người.

Vì sao như vậy?

Chúng ta không thể có câu trả lời đúng đắn, nếu không đặt vấn đề trong *bối cảnh lịch sử cụ thể* của nó. Những khó khăn trên đây thật sự là những thử thách đối với chúng ta, những người bắt đầu bước vào con đường

Digitized by Google

mới của lịch sử — con đường từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta bắt-đầu tiến lên với một nền kinh tế còn thấp kém, sản xuất chưa đủ tiêu dùng, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình có nhiều mặt bị *đảo lộn*: thiên tai nặng nề xảy ra liên tiếp mấy năm liền; trong khi đó phải huy động lực lượng cả nước chống hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn bành trướng Bắc-kinh gây ra, vết thương chiến tranh cũ chưa kịp hàn gắn, lại chịu đựng thêm sự tàn phá mới; các thế lực phản động trong và ngoài nước câu kết với nhau, lợi dụng tình hình đó để phá chúng ta.

Có thấy rõ bối cảnh lịch sử đó, mới đánh giá đúng nguyên nhân khách quan gây ra khó khăn và đánh giá đúng những thành tựu của Đảng và của nhân dân. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn như vậy, chúng ta đã khôi phục và mở rộng sản xuất, củng cố lực lượng quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, duy trì an ninh chính trị, trật tự xã hội, mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế, chăm lo bảo đảm đời sống của nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế... Đó là *những thắng lợi có ý nghĩa cơ bản, rất đáng tự hào*. Không nhận rõ và khẳng định những thắng lợi đó thì không tránh khỏi dao động, bi quan trên con đường tiến lên và dẫn đến giảm sút ý chí và nhiệt tình cách mạng.

Còn những nguyên nhân thuộc về chủ quan thì sao?

Các Hội nghị lần thứ 5 và lần thứ 6 của Trung ương Đảng, sau khi đã phân tích tình hình một cách khoa học, với thái độ tự phê bình và phê bình nghiêm túc, đã khẳng định đường lối do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra là *hoàn toàn đúng đắn*. Tuy nhiên, trong việc thực hiện đường lối của Đại hội, chúng ta đã có những khuyết điểm về kế hoạch hóa, về xây dựng chính sách cụ thể, về các biện pháp tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Phương thức quản lý mang nặng tính chất *tập trung quan liêu*, quản lý kinh tế theo lối *hành chính — bao cấp*. Những khuyết điểm đó đã cản trở việc xây dựng cơ cấu kinh tế, sử dụng nguồn lao động dồi dào, khai thác tài nguyên, nhất là đất đai, để phát triển sản xuất. Chúng ta lại *buông lơi cuộc đấu tranh giữa hai con đường* xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, buông lỏng quản lý kinh tế, chưa biết sử dụng tốt sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Những khuyết điểm trên đây chủ yếu là do các ngành, các cấp chưa quán triệt đường lối của Đảng trong thực tiễn, là nguyên nhân hạn chế thắng lợi, làm tăng thêm những khó khăn và phát sinh thêm nhiều hiện tượng tiêu cực. Không ít trường hợp nói và làm trái đường lối, quan điểm của Đảng, dẫn đến những tổn thất không đáng có! Vì vậy, trước hết, phải nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, không cho phép ai được tùy tiện giải thích và làm sai đường lối của Đảng.

Đường lối của Đảng được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa và các quy luật kinh tế, vận dụng tổng hợp những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại vào điều kiện cụ thể của nước ta, thể hiện đầy đủ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đường lối đó mang tính cách mạng và tính khoa học sâu sắc. Trong việc quán triệt đường lối kinh tế của Đảng, phải đặc biệt nắm vững và thực hiện đúng mấy điểm cơ bản sau đây:

1 — Để đưa nền kinh tế lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu

Digitized by Google

kinh tế có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, phải nắm vững đường lối *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*, mà mấu chốt là phát triển *công nghiệp nặng*. Trong điều kiện nước ta, xét về quy mô dân số, các nguồn tài nguyên và vị trí địa lý, cần thiết và phải sớm xây dựng công nghiệp nặng. Đương nhiên, như Đảng ta đã chỉ rõ, không thể một chiều phát triển công nghiệp nặng, để xảy ra tình trạng mở rộng cánh kéo giữa công nghiệp và nông nghiệp như đã từng diễn ra trong lịch sử, hơn nữa còn phải tạo ra những tiền đề chính ngay cho việc phát triển công nghiệp nặng. Vì vậy con đường duy nhất đúng đắn là *ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ*, kết hợp ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu, làm cho hai ngành thúc đẩy nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Trong bước đi ban đầu, Đảng ta chỉ rõ *phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu*, phải tập trung sức phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Muốn vậy, phải *sử dụng tốt lực lượng lao động dồi dào để khai thác tài nguyên, trước hết là đất đai*, trên cơ sở tận dụng kỹ thuật sẵn có; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế, nhanh chóng xây dựng các cơ sở công nghiệp nặng trực tiếp phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, tích cực chuẩn bị xây dựng một số ngành công nghiệp lớn, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế mới và năng suất lao động mới. Đó là phương hướng chủ yếu để tạo ra thế đi lên của nền kinh tế.

Chính vì không nắm vững bước đi của công nghiệp hóa, chưa kết hợp chặt chẽ công nghiệp với nông nghiệp và tập trung sức vào việc phát triển nông nghiệp, chưa sử dụng tốt lao động và đất đai, phân công lại lao động, cho nên chậm thoát ra khỏi *tình trạng sản xuất thấp kém*, chưa bảo đảm được đời sống của nhân dân và tạo điều kiện cho công nghiệp hóa. Nhiệm vụ xây dựng *cơ cấu kinh tế mới* và tạo ra *năng suất lao động mới* phải là mục tiêu trước hết của công tác kinh tế hiện nay.

2 — Tiến hành *cải tạo xã hội chủ nghĩa* là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, để xác lập chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đưa nền kinh tế tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, phải nắm vững quan điểm của Đảng là *kết hợp cải tạo với xây dựng, kết hợp xây dựng quan hệ sản xuất mới với phát triển lực lượng sản xuất*. Phải xuất phát từ trình độ của các lực lượng sản xuất mà áp dụng các hình thức cải tạo thích hợp, có tác dụng thúc đẩy sản xuất. Nhằm mục đích đó, trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải biết xây dựng và vận dụng một *cơ cấu kinh tế gồm nhiều thành phần*, phù hợp với các quy mô to, nhỏ và trình độ kỹ thuật cao, thấp khác nhau, cho phép tận dụng được mọi yếu tố sản xuất của xã hội. Mỗi thành phần kinh tế có phương thức hoạt động khác nhau, song có quan hệ chặt chẽ với nhau trong cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, trong các cơ cấu kinh tế ngành và địa phương trong đó kinh tế quốc doanh đóng vai trò nòng cốt và lãnh đạo; tất cả các thành phần kinh tế đều nhằm phục vụ lợi ích của chủ nghĩa xã hội.

Do không nắm vững quan điểm đó, hiểu một cách đơn giản mục đích của cải tạo xã hội chủ nghĩa chỉ là xóa bỏ chế độ tư hữu và « xóa bỏ càng nhanh càng tốt », cho nên ở nhiều địa phương đã có xu hướng tiến hành cải tạo một cách *nóng vội, ào ạt, gò ép, mệnh lệnh*, không biết áp dụng linh hoạt các hình thức cải tạo, làm cho sản xuất sút kém đi và do đó cũng không xác lập được vững chắc quan hệ sản xuất mới. Đó là một quan điểm sai lầm có xu hướng « *tả* » *khuynh*,

Digitized by Google

không phù hợp với đường lối của Đảng, cần phải kịp thời sửa chữa để làm tốt việc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, phải chống *thái độ do dự, ngả nghiêng*, muốn *trì hoãn* công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, *buông lỏng* việc quản lý kinh tế tư nhân và cá thể, gò bó xí nghiệp quốc doanh, để cho kinh tế cá thể và tư nhân « bung ra » một cách vô chính phủ, đi đến trận địa xã hội chủ nghĩa bị suy yếu. Đó là quan điểm sai lầm và nguy hiểm, biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, trái với đường lối của Đảng, cần phải phê phán nghiêm khắc và sửa chữa gấp.

Kết hợp cải tạo với xây dựng, xây dựng và vận dụng đúng đắn một cơ cấu kinh tế gồm nhiều thành phần, là một nội dung cơ bản trong đường lối kinh tế của Đảng. Quán triệt quan điểm đó trong công tác kinh tế là một vấn đề nóng hổi hiện nay.

3 — Mở rộng *quan hệ kinh tế đối ngoại*, chủ yếu với *Liên-xô* và *Hội đồng tương trợ kinh tế*, là một chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Đó là điều kiện *không thể thiếu* để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội đối với những nước kinh tế kém phát triển như nước ta. Như V. Lê-nin đã khẳng định: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thực hiện hợp tác kinh tế chủ yếu với Liên-xô và Hội đồng tương trợ kinh tế là một bộ phận hợp thành của đường lối kinh tế của Đảng, là chỗ dựa cực kỳ quan trọng và có hiệu lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại.

Sự hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa trong Hội đồng tương trợ kinh tế dựa trên nguyên tắc bảo đảm quyền độc lập tự chủ của các nước thành viên, các bên đều có lợi, làm cho trình độ phát triển kinh tế của các nước nhích lại gần nhau. Quan hệ hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn xa lạ với tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

Chúng ta cần khẳng định dứt khoát rằng độc lập, tự chủ và hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa là hai mặt quan hệ mật thiết trong điều kiện quốc tế hiện nay. Mỗi bước tiến trên con đường xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ tạo điều kiện để *nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế*, và hợp tác quốc tế càng sâu rộng bao nhiêu lại *càng tạo điều kiện để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ bấy nhiêu*.

Để tận dụng thế thuận lợi do hợp tác quốc tế đem lại, chúng ta phải có *nếp suy nghĩ mới về trách nhiệm và nghĩa vụ của ta trong cộng đồng*, không ỷ lại, dựa dẫm một chiều, mà phải thực sự hợp tác trên tinh thần bình đẳng; phải xác định *cơ cấu kinh tế* hợp lý của ta trong từng giai đoạn phát triển để tận dụng những điều kiện quốc tế, phát huy đầy đủ mọi tiềm năng của ta, vừa có lợi nhất cho nước ta, vừa có lợi nhất cho sự phát triển của cả cộng đồng.

Quán triệt quan điểm của Đảng về đánh giá tình hình và những vấn đề cơ bản về đường lối kinh tế của Đảng là cơ sở để tiến hành công tác kinh tế, và nhiệm vụ cải tiến quản lý kinh tế trước hết phải quán triệt những quan điểm đó nhằm cụ thể hóa đường lối kinh tế của Đảng trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới, cải tiến phương thức quản lý, và chấn chỉnh tổ chức quản lý.

Digitized by Google

II – MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ CẢI TIẾN QUẢN LÝ KINH TẾ HIỆN NAY

1 – Bảo đảm sự thống nhất giữa chính trị và kinh tế, tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước. Nguyên tắc cơ bản nhất về chính sách kinh tế của chuyên chính vô sản, như V. Lê-nin đã vạch rõ, là : « Chính trị không thể không có vị trí hàng đầu so với kinh tế ». Bởi vì công cuộc cải tạo và xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không thể hình thành một cách tự phát, mà phải đặt dưới sự quản lý có kế hoạch của Nhà nước chuyên chính vô sản. Mặt khác, chức năng chủ yếu của chuyên chính vô sản chính là cải tạo và xây dựng kinh tế, thể hiện trực tiếp lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, V. Lê-nin nói : « Chính trị là sự thể hiện tập trung nhất của kinh tế ».

Không nắm vững mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế thì sẽ mắc sai lầm, hoặc rơi vào *tư tưởng kinh tế đơn thuần*, buông lỏng chuyên chính vô sản ; hoặc dừng lại ở lãnh đạo chính trị chung chung, mắc bệnh *hành chính quan liêu* trong quản lý kinh tế. Cả hai xu hướng đó đều dẫn đến tình trạng tự phát trong cải tạo và xây dựng kinh tế, thực chất là không nắm vững chuyên chính vô sản, không phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Quan hệ giữa chính trị và kinh tế phản ánh mối quan hệ và tác động qua lại giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng. Theo quan điểm duy vật lịch sử của Mác, việc giải quyết các vấn đề kinh tế phải được đặt ra trong *toàn bộ hình thái kinh tế – xã hội*, trong *cục diện chung của sự nghiệp cách mạng*, trong mối quan hệ với chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội.. Chỉ có như vậy, mới tránh khỏi sự *phiến diện* khi xem xét và giải quyết các vấn đề kinh tế. Mặt khác, vì kinh tế là cơ sở, cho nên việc giải quyết các vấn đề về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội... không thể không xuất phát từ kinh tế, gắn chặt với kinh tế và tác động trở lại kinh tế.

Sự thống nhất giữa chính trị và kinh tế đòi hỏi phải tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước chuyên chính vô sản bằng cách kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp : *kinh tế – hành chính – giáo dục*. Tác động lẫn nhau giữa ba loại biện pháp ấy, trong đó biện pháp kinh tế là nền tảng, kết hợp lợi ích kinh tế với tự giác về tư tưởng và bắt buộc về pháp lý và tổ chức, tạo nên sức mạnh tổng hợp để tiến hành quản lý một cách có hiệu lực.

Trong khi hoạt động kinh tế và xã hội đang có nhiều hiện tượng tiêu cực như hiện nay, càng phải sử dụng tổng hợp ba loại biện pháp đó để tiến hành cuộc *đấu tranh giữa hai con đường*, phát huy mạnh mẽ nhân tố tích cực cách mạng, kiên quyết đẩy lùi và thanh toán những nhân tố tiêu cực, lạc hậu. Phải thẳng tay trấn áp bọn thù địch, tay sai của đế quốc và bọn phản động Bắc-kinh đang phá hoại ta về kinh tế và bằng đầy mạnh chiến tranh tâm lý. Phải nghiêm khắc trừng trị những phần tử bóc lột, chống lại cải tạo ; bọn dầu cơ, buôn lậu, ăn cắp ; bọn lưu manh, côn đồ. Cần thấy rằng sự phát sinh ra những hiện tượng tiêu cực chủ yếu bắt nguồn từ tính tự phát của sản xuất nhỏ và do sự buông lỏng quản lý của ta, tạo ra những sơ hở cho kẻ địch và những phần tử xấu lợi dụng để chống lại ta. Vì vậy, phải tăng cường sự quản lý của Nhà nước, phát động phong trào cách mạng của quần chúng đứng lên quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực.

Digitized by Google

2 — *Gắn chặt sản xuất với phân phối, lưu thông, tiêu dùng, bảo đảm tính thống nhất của quá trình tái sản xuất :*

Sản xuất — phân phối — lưu thông — tiêu dùng là những bộ phận, những giai đoạn của quá trình tái sản xuất. Theo quan điểm của Mác, sản xuất quyết định phân phối, lưu thông, tiêu dùng, mặt khác, đến lượt nó, phân phối, lưu thông, tiêu dùng tác động trở lại sản xuất, tạo điều kiện phát triển hoặc kìm hãm sản xuất. Đó là sự thống nhất biện chứng của quá trình tái sản xuất.

Trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và đưa nền kinh tế tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cùng với sự biến đổi về chế độ sở hữu, diễn ra sự biến đổi trong toàn bộ quá trình tái sản xuất — từ sản xuất đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng.

Vì vậy, phải *kết hợp cải tạo chế độ sở hữu với tổ chức lại sản xuất kể cả tổ chức lại phân phối, lưu thông và tiêu dùng.* Nếu tách rời và đối lập giữa các khâu đó thì không những không xác lập và hoàn thiện được quan hệ sản xuất mới, mà còn làm cho quá trình tái sản xuất bị rối loạn, phát sinh các nhân tố tự phát, vô chính phủ.

Hiện nay, tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, nhất là trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, song xét cho cùng thì khó khăn lớn nhất lại bắt nguồn từ sản xuất thấp kém. Vì vậy, phải nắm vững *quan điểm sản xuất.* Nói « bung ra » về cơ bản là phải bung sản xuất, trước hết là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nắm vững quan điểm sản xuất không có nghĩa là sản xuất với bất cứ phương thức nào, mà phải nắm vững quan điểm *sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa,* phân biệt rõ ràng với quan điểm sản xuất nhỏ cá thể và quan điểm sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Quản lý theo quan điểm sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay có nghĩa là nắm vững công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, thể hiện thành cơ cấu kinh tế và bước đi phù hợp với tính quy luật từ nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đạt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Phải khắc phục *nếp nghĩ và tập quán của người sản xuất nhỏ* như : phân tán, vô tổ chức, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, cũng như chủ nghĩa hình thức, phô trương, v.v. và *ngăn ngừa tính tự phát tư bản chủ nghĩa.*

Nói sản xuất lớn không phải chỉ có sản xuất, mà bao gồm cả *phân phối, lưu thông, tiêu dùng.* Do đó quan điểm sản xuất lớn phải quán triệt đối với toàn bộ quá trình tái sản xuất. Phân phối và lưu thông thể hiện *tổng hợp* các mối quan hệ kinh tế và xã hội, có quan hệ chặt chẽ với đời sống của nhân dân lao động. Đây là lĩnh vực khó khăn nhất mà sự hiểu biết của nhiều cán bộ chúng ta còn quá ít ỏi. Công tác phân phối, lưu thông đã phạm nhiều thiếu sót sai lầm, không phù hợp với yêu cầu của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, không coi trọng thích đáng quy luật giá trị, không quán triệt đường lối của Đảng, vì vậy đã làm cản trở sản xuất và gây nên nhiều tiêu cực. Cải tiến phân phối, lưu thông hướng vào phục vụ sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, là một việc làm cấp bách.

3 — *Thực hiện phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch làm chính, sử dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa — tiền tệ.*

Kế hoạch là *công cụ chủ yếu* để quản lý nền kinh tế quốc dân. Song, trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi mà trình độ xã hội hóa sản xuất trực tiếp trên phạm vi toàn xã hội chưa đạt tới trình độ cao và chín muồi, thì còn có quan hệ sản xuất hàng hóa.

Digitized by Google

Sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ trở thành tất yếu để quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy, quan hệ hàng hóa — tiền tệ trong chủ nghĩa xã hội có sự thay đổi về nội dung, và phụ thuộc vào quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch của chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thì việc quản lý và *kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân phải vận dụng rộng rãi và đúng đắn quan hệ hàng hóa — tiền tệ.*

Phải biết gắn *kế hoạch hóa tập trung* từ trung ương về những mục tiêu và những cân đối chủ yếu với *quyền chủ động kế hoạch hóa* của các địa phương và *quyền tự chủ về tài chính* của các đơn vị kinh tế cơ sở, cả trong kế hoạch và ngoài kế hoạch. Phải thống nhất kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị, bao gồm cả việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế, bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế trong xây dựng kế hoạch cũng như trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Đối với *kinh tế cá thể và tư nhân*, cần hướng dẫn họ sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước, sử dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ, luật pháp của Nhà nước và công tác giáo dục để quản lý họ.

Lối quản lý kế hoạch hóa *hành chính — quan liêu và bao cấp tràn lan*, coi thường việc vận dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ đã gây nên nhiều tác hại nghiêm trọng đối với công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, làm giảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, hạn chế rất nhiều tính chủ động sáng tạo của các tổ chức kinh tế và những người lao động. Đã đến lúc phải kiên quyết xóa bỏ lối quản lý hành chính — quan liêu, bao cấp tràn lan, thật sự chuyển sang *phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Mặt khác, phải chống xu hướng muốn hạ thấp vai trò của kế hoạch, thu hẹp cả những phần đích đáng của kế hoạch Nhà nước để mở rộng sản xuất ngoài kế hoạch, thổi phồng cơ chế thị trường, chạy theo thị trường tự do, lẩn tránh sự kiểm soát của Nhà nước. Đó là biểu hiện của *tư tưởng vô chính phủ*, một xu hướng sai lầm và nguy hiểm cần phải xóa bỏ.

4 — Phân phối lại thu nhập quốc dân theo yêu cầu của ba nhiệm vụ chiến lược và kết hợp đúng đắn ba lợi ích.

Chúng ta đang gặp mâu thuẫn cực kỳ gay gắt giữa tình trạng sản xuất thấp kém với yêu cầu phân phối theo ba nhiệm vụ chiến lược, vừa bảo đảm đời sống nhân dân, vừa tăng cường tiềm lực quốc phòng, vừa bảo đảm tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, công tác phân phối mắc nhiều khuyết điểm, không giải quyết đúng mối quan hệ giữa lợi ích của toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích người lao động. Vì vậy, vấn đề phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm yêu cầu của ba nhiệm vụ chiến lược, bảo đảm kết hợp ba lợi ích, là vấn đề cấp bách hiện nay.

Để giải quyết các mâu thuẫn trên đây, vấn đề cơ bản là phải *ra sức đẩy mạnh sản xuất* bằng cách tận dụng sức lao động, tài nguyên, khả năng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có và những tiến bộ kỹ thuật đã đạt được, tăng nhanh năng suất lao động xã hội, chuyển từ tái sản xuất giản đơn sang tái sản xuất mở rộng, tạo ra nguồn thu nhập quốc dân có khả năng đáp ứng yêu cầu của ba nhiệm vụ chiến lược.

Đồng thời, phải giải quyết tốt vấn đề *phân phối lại thu nhập quốc dân* trên quy mô toàn xã hội, cân đối lại khả năng và nhu cầu, xác định chính sách phân phối các nguồn vốn một cách tiết kiệm và có hiệu quả, vừa đáp ứng nhu cầu đời sống và quốc phòng, vừa tạo ra nguồn tích lũy để tái sản

Digitized by Google

xuất mở rộng. Trong tình hình hiện nay, để tạo điều kiện cho tái sản xuất mở rộng, phải vừa khai thác nguồn vốn từ trong nước, vừa thực hiện sự hợp tác quốc tế, chủ yếu là với Liên-xô và Hội đồng tương trợ kinh tế, và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, tăng nhanh nhịp độ phát triển sản xuất.

Trước mắt, *ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân*, nhất là của công nhân và nhân viên Nhà nước sống ở thành thị, và đồng bào ở một số vùng nông thôn đang gặp khó khăn, là một nhiệm vụ *rất bức thiết*. Trong khi chưa có khả năng nâng cao ngay đời sống, chúng ta phải tìm mọi cách giảm bớt khó khăn, ổn định đời sống, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất.

Muốn vậy, phải *phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư* theo hướng bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn, bảo đảm đời sống của công nhân cán bộ; phải bảo vệ lợi ích của những người lao động chân chính, điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao không hợp lý và phi pháp.

Việc phân phối quỹ tiêu dùng phải quán triệt nguyên tắc *phân phối theo lao động*, đồng thời, tùy theo trình độ phát triển sản xuất mà tăng phúc lợi xã hội, bảo đảm kết hợp chặt chẽ lợi ích toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích cá nhân của người lao động. Chỉ có như vậy mới tạo nên động lực khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất. Trong khi quỹ tiêu dùng còn hạn chế, việc chi cho phúc lợi phải rất hợp lý, có hiệu quả; mặt khác phải xóa bỏ tình trạng cung cấp tràn lan, giảm chi phí quản lý hành chính, thực hiện chính sách tiêu dùng hợp lý.

Để cải tiến công tác phân phối theo các yêu cầu trên đây, cần tiến hành sự *kiểm kê, kiểm soát* của Nhà nước đối với mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế, động viên và sử dụng mọi nguồn vốn của xã hội, đấu tranh kiên quyết chống tệ ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc và lạm dụng quyền hành để phá hoại chính sách phân phối, quét sạch tệ đầu cơ, tích trữ, buôn lậu.

5 — Ổn định lưu thông hàng hóa, làm chủ thị trường.

Có sản xuất hàng hóa thì tất yếu có lưu thông hàng hóa và tiền tệ, có sự hoạt động của thị trường. Trong tình hình sản xuất thấp kém, ta đã phân phối không hợp lý, lại không tổ chức tốt lưu thông hàng hóa, do đó đã gây nên sự biến động rất lớn trong lĩnh vực lưu thông, tác động xấu đến tình hình sản xuất, phân phối và đời sống.

Vấn đề cấp bách đặt ra là phải nhanh chóng ổn định lưu thông hàng hóa, làm chủ thị trường. Muốn vậy, Nhà nước phải tăng cường các biện pháp *nắm nguồn hàng, nắm tiền tệ, giá cả, quản lý chặt chẽ lao động*.

Trong nền kinh tế của ta hiện nay, sự lưu thông hàng hóa diễn ra trên hai cơ cấu thị trường khác nhau: *một là*, thị trường có tổ chức, *hai là*, thị trường không có tổ chức (hay là thị trường tự do).

Mỗi loại thị trường có vai trò và tác dụng của nó. Không thể dùng thái độ giản đơn hoặc thô bạo đối với thị trường. Có kinh tế phụ gia đình, nghề phụ ở nông thôn, sản xuất cá thể và tư nhân, thì còn có thị trường tự do bên cạnh thị trường có tổ chức. Nếu coi những gì ngoài kế hoạch Nhà nước đều là bất hợp pháp thì cũng tức là phủ nhận tính tất yếu của thị trường tự do. Nói về sự cần thiết tất yếu của thị trường tự do trong thời kỳ quá độ, Lê-nin đã viết: « Hoặc giả tìm cách ngăn cấm, chặn đứng mọi sự phát triển của sự trao đổi tư nhân, không phải là của Nhà nước, tức là của thương mại, tức là của chủ nghĩa tư bản, một sự phát triển không thể tránh được khi có hàng triệu người sản xuất nhỏ.

Digitized by Google

Chính sách ấy là dại dột và tự sát đối với đảng nào áp dụng nó. Dại dột, bởi vì, về phương diện kinh tế, chính sách ấy không thể nào thực hiện được; tự sát, vì những đảng nào thi hành một chính sách như thế nhất định sẽ bị phá sản» (1). Vấn đề ở đây là phải quản lý tốt thị trường tự do, loại trừ cho được bọn đầu cơ, buôn lậu.

Việc sử dụng quan hệ thị trường là việc làm *tự giác*, dựa trên cơ sở nhận thức và chủ động vận dụng các quy luật kinh tế với một cơ chế tác động đúng đắn; chúng ta không để cho thị trường chi phối sản xuất, lưu thông và đời sống một cách tự phát, mà phải quản lý thị trường và vươn lên làm chủ thị trường.

Để làm chủ lưu thông hàng hóa, làm chủ thị trường, Nhà nước phải quản lý toàn bộ thị trường, *mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa* đi đôi với tăng cường *công tác thuế*.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải hoạt động trên cả *hai thị trường*: có tổ chức và không có tổ chức; bằng *hai phương thức kinh doanh*: thương nghiệp cung ứng theo kế hoạch và thương nghiệp kinh doanh trong và ngoài kế hoạch; bằng *hai loại giá*: giá chỉ đạo và giá thỏa thuận (bảo đảm kinh doanh). Phải cải tiến phương thức mua, bán hàng hóa đi đôi với việc kiên quyết bài trừ buôn bán trái phép.

Công tác thuế cần được tăng cường đúng mức, vừa chống thất thu, bảo đảm *cân đối ngân sách* của Nhà nước, vừa *điều tiết thu nhập* của các tầng lớp dân cư, và *quản lý thị trường* một cách có hiệu lực.

III — KIỆN TOÀN BỘ MÁY QUẢN LÝ, BỐ TRÍ ĐÚNG, BỒI DƯỠNG VÀ SỬ DỤNG TỐT CÁN BỘ THEO YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ MỚI

Đường lối kinh tế của Đảng, kế hoạch của Nhà nước, phương thức quản lý kinh tế thể hiện trong các chính sách, chế độ về kế hoạch hóa, về hạch toán kinh tế và các đòn bẩy kinh tế, đều do bộ máy quản lý và đội ngũ cán bộ đảm nhận việc tổ chức thực hiện. Do đó, chúng ta phải cùng một lúc giải quyết tốt hai loại vấn đề có tác động nhân — quả chặt chẽ với nhau:

Một là, thấu suốt đường lối của Đảng, xây dựng kế hoạch đúng, cải tiến kế hoạch hóa và các chính sách đòn bẩy, tóm lại là quyết định giải pháp đúng về quản lý.

Hai là, bảo đảm thực hiện giải pháp đúng đó bằng một bộ máy quản lý được tổ chức hợp lý, có hiệu lực cao, và bằng một đội ngũ cán bộ được lựa chọn, bố trí đúng, được bồi dưỡng, đào tạo tốt.

Giải pháp đúng về quản lý cho phép kiện toàn bộ máy quản lý, tạo ra động lực thúc đẩy đội ngũ cán bộ, phát huy mặt mạnh của cán bộ, làm nảy nở nhân tài. Ngược lại, những thiếu sót, sai lệch trong giải pháp về quản lý lan truyền sang bộ máy, gây nên những khuyết điểm trong tổ chức và chế độ làm việc, khiến cho những mặt tiêu cực trong đội ngũ cán bộ có mảnh đất để tồn tại và thậm chí tăng lên.

Nhưng tổ chức quản lý không thụ động chịu ảnh hưởng một chiều của phương thức quản lý, mà có sức sống

(1) V. Lê-nin: «Bàn về thuế lương thực», *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969, quyển II, phần II, tr. 502.

Digitized by Google

độc lập của mình, có tác động trở lại rất lớn đến giải pháp quản lý. Chính tổ chức quản lý và đội ngũ cán bộ là lực lượng nghiên cứu giải pháp quản lý, quyết định giải pháp quản lý và đưa giải pháp quản lý vào cuộc sống. Nhìn từ góc độ đó, chất lượng của tổ chức quản lý là nhân tố quyết định chất lượng của giải pháp quản lý và bảo đảm giải pháp đó được thực hiện.

Chúng ta vừa phải chăm lo thấu suốt đường lối của Đảng và nắm vững các quan điểm về quản lý kinh tế để có giải pháp quản lý đúng, vừa phải chăm lo kiện toàn bộ máy quản lý, chấn chỉnh chế độ làm việc, bố trí đúng và bồi dưỡng tốt đội ngũ cán bộ. Hai mặt này phải được coi trọng như nhau. Ở những nơi mà hiện nay tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, đội ngũ cán bộ có nhiều khuyết điểm và quá yếu, đuối sức quá xa so với nhiệm vụ, thì việc kiện toàn tổ chức và giải quyết vấn đề cán bộ trở thành khâu đầu tiên và khâu quyết định để triển khai công việc theo phương thức quản lý mới.

Việc *kiện toàn bộ máy quản lý* xuất phát từ những đòi hỏi về xây dựng cơ cấu kinh tế mới và phương thức quản lý mới. Trong xây dựng tổ chức, phải coi trọng *chất lượng*, bảo đảm *hiệu lực* của bộ máy, *hiệu quả* của sản xuất, kinh doanh; phải xuất phát từ công việc, từ yêu cầu kinh tế — kỹ thuật mà đặt tổ chức và bố trí cán bộ, khắc phục tình trạng quan liêu, cồng kềnh, cách biệt, gò bó cơ sở, cũng như tình trạng phân tán, lỏng lẻo kỷ luật.

Bộ máy nào rất cần thiết và đang là khâu yếu thì cần tăng cường mạnh. Bộ máy nào chưa có yêu cầu cấp bách, thì cần củng cố, chuẩn bị bước phát triển. Bộ máy nào trùng lắp thì cần hợp nhất. Cần bỏ những bộ phận thừa và bộ phận trung gian không cần thiết.

Phải phân công sản xuất và phân định quyền hạn thật rõ ràng giữa các Bộ, không để tình trạng có việc thiếu cơ quan phụ trách, có việc nhiều cơ quan cùng làm.

Cần phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính — kinh tế của Bộ với chức năng quản lý sản xuất — kinh doanh của các tổ chức kinh tế thuộc Bộ.

Phải phân cấp thật dứt khoát, cụ thể đối với từng tỉnh, từng huyện; mở rộng quyền chủ động cho tỉnh, huyện, cơ sở, không để kéo dài tình trạng tranh chấp.

Trong công tác kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước, cần thực hiện nghiêm túc việc *cải tiến chế độ làm việc, tăng cường kỷ luật của Đảng và Nhà nước*. Phải tổ chức tốt quá trình thu thập, tổng hợp thông tin, nắm kịp thời, chính xác những thông tin cần thiết để giải quyết tình hình, tổ chức một cách khoa học công tác lãnh đạo. Phải thu hút đông đảo cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật vào việc chuẩn bị và xây dựng những phương án kinh tế — kỹ thuật. Trong quá trình thực hiện nghị quyết, phải xác định trách nhiệm cho từng người đối với từng việc; tổ chức tốt việc kiểm tra thực hiện các chính sách, chế độ, không để lơi lỏng, kém hiệu lực như hiện nay.

Đối với tất cả các chức trách, đều phải có quy định cụ thể, nghiêm ngặt, bảo đảm thực hiện trong bất cứ tình huống nào, không để trễ nải công việc, không xuề xoa đối với bất kỳ ai vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Phải đề cao chế độ kỷ luật và *chế độ trách nhiệm*, cả trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân, về cả tinh thần và vật chất, bảo đảm kỷ luật nghiêm ngặt trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng và kế hoạch của Nhà nước. Phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xử lý nghiêm minh mọi sai phạm bất kỳ ở cấp nào, chống tư tưởng và những biểu hiện «đặc quyền đặc lợi», đặt

Digitized by Google

mình lên trên pháp luật, lên trên nghị quyết của Đảng.

Xây dựng và thực hiện nghiêm túc *chức năng* của từng tổ chức và từng người, quyền hạn và trách nhiệm cân xứng với nhau, bảo đảm cho các quyết định được chính xác, tổ chức thực hiện được mau lẹ, dứt điểm.

Trên cơ sở chức năng rõ ràng, cụ thể mà tinh giản biên chế hành chính, tăng cường cán bộ, nhân viên cho bộ máy sản xuất, kinh doanh, cho cấp huyện và cơ sở.

Đi đôi với kiện toàn bộ máy quản lý, phải chăm lo *củng cố các đơn vị kinh tế cơ sở*, tạo mọi điều kiện thuận lợi và đòi hỏi các cơ sở sản xuất làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Các cơ sở kinh tế công nghiệp, nông nghiệp quốc doanh, hợp tác xã, công tư hợp doanh... đều là nơi quần chúng lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, sản xuất ra của cải vật chất. Cơ sở cũng là nơi diễn ra hằng ngày, hằng giờ, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải *hướng mạnh về cơ sở*, lấy cơ sở làm đối tượng phục vụ một cách thông suốt, nhanh nhạy, trực tiếp, thường xuyên bám sát và củng cố cơ sở, kịp thời giải quyết những vấn đề do cơ sở đề ra. Hiện nay, các cơ sở sản xuất, nhất là cơ sở quốc doanh và hợp tác xã, đang gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, cần tạo các điều kiện đồng bộ để các cơ sở có thể chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch, tránh tùy tiện xáo trộn các điều kiện sản xuất, gây phiền hà cho cơ sở. Cần tổ chức kiểm kê thiết bị, lao động, vật tư, nguyên liệu ở từng xí nghiệp để sử dụng tốt mọi năng lực sản xuất.

Cần đẩy mạnh công tác *xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện*, tập trung sức làm tốt ở khoảng 60 huyện có tỷ suất hàng hóa nông sản tương đối cao, có khả năng nhanh chóng tạo ra quỹ hàng hóa cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bằng cách tăng cường đầu tư có trọng điểm, tiến hành quy hoạch và tổ chức lại sản xuất, bổ sung cán bộ và cải tiến quản lý.

Khâu quan trọng có tính chất quyết định là *công tác cán bộ*. Về vấn đề cán bộ, Đảng đã có nhiều nghị quyết đúng đắn, nhưng chưa thực hiện được tốt.

Vấn đề đặt ra trước hết là phải biết lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sử dụng và đánh giá đúng cán bộ.

Cần bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý cho phù hợp với phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gồm những người thích hợp nhất với từng vị trí, có khả năng tạo ra bước phát triển mạnh trong công việc.

Kiên quyết thay đổi một số cán bộ không làm chạy việc mà còn cản trở nghiêm trọng hoạt động của toàn bộ máy... Thay vào đó bằng những cán bộ có tài tổ chức, không những trung thành, tận tụy, mà còn đủ khả năng nắm và thực hiện có sáng tạo đường lối, chính sách, những nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước đề ra, đủ khả năng làm chuyển động toàn bộ máy.

Đội ngũ cán bộ quản lý phải được bố trí theo *cơ cấu* đồng bộ, bổ sung được cho nhau, vừa vững vàng về chính trị, vừa tinh thông về nghiệp vụ, có năng lực quản lý kinh tế, kỹ thuật, vừa chắc chắn, vừa xông xáo, sáng tạo, táo bạo, nhạy bén: gồm những người ưu tú nhất, bảo đảm tiêu chuẩn nhất trong các lứa tuổi. Trong cơ cấu đó, phải đề cao vai trò và trách nhiệm của người thủ trưởng.

Một điều rất quan trọng là *phải tiêu chuẩn hóa cán bộ* theo từng chức danh, trên cơ sở đó mà lựa chọn và bố trí đúng cán bộ.

Phải *kiểm tra* công việc thường xuyên và chặt chẽ, cán bộ làm tốt cần được khen thưởng kịp thời và đích đáng, cán bộ nào tỏ ra không đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ thì phải

Digitized by Google

thay đổi. Chúng ta hãy làm đúng lời dạy của Lê-nin: « Mấu chốt của toàn bộ công tác sẽ là ở việc lựa chọn người và kiểm tra việc chấp hành công tác. Nếu về phương diện đó, chúng ta học tập được để làm được mọi công việc một cách thực tiễn..., chúng ta cũng sẽ khắc phục được tất cả mọi khó khăn » (2).

Trong công tác tổ chức, không tránh khỏi những trường hợp có nhu cầu công tác mà ta chưa có cán bộ thích hợp, cho nên nhiều đồng chí được giao nhiệm vụ quản lý kinh tế, mà chưa được đào tạo về kinh tế. Đảng ta đang gấp rút *bồi dưỡng cán bộ quản lý*, và đòi hỏi mỗi cán bộ phải ra sức *học tập* nâng cao năng lực quản lý, không thể kéo dài tình trạng sử dụng cán bộ như hiện nay.

Phải mở rộng hệ thống trường, lớp bồi dưỡng để mọi cán bộ từng bước được bồi dưỡng có hệ thống, và tiếp đó, định kỳ 3 – 5 năm được bồi dưỡng vài tuần, vài tháng về đường lối, chính sách của Đảng, về phương pháp công tác, về những tiến bộ trong khoa học, kỹ thuật và quản lý. Trước mắt, coi trọng bồi dưỡng về quản lý kinh tế cho các loại cán bộ quản lý từ cơ sở trở lên. Đẩy mạnh bồi dưỡng về chính trị, kinh tế, kỹ thuật cho cán bộ đương chức, tiến tới bảo đảm bồi dưỡng những kiến thức cần thiết cho cán bộ kế cận theo từng chức danh, trước khi đề bạt.

Chúng ta cần chăm lo xây dựng đội ngũ *chuyên gia*, tạo điều kiện cho họ phát huy sức sáng tạo của mình, kết hợp khéo léo giữa các thế hệ, các lớp cán bộ già và trẻ, cũ và mới, cán bộ chính trị và chuyên gia, sử dụng tốt các chuyên gia từ trong chế độ cũ để lại.

Cần bố trí ổn định và chuyên môn hóa cán bộ khoa học, kỹ thuật. Gắn cán bộ với việc cụ thể, với cơ sở sản xuất. Đưa cán bộ xuống các vùng tập trung chuyên canh, thâm canh, các công trình mũi nhọn, các nông trường mới xây dựng. Có chính sách khuyến khích vật chất thỏa đáng và đặt thành kỷ luật bắt buộc đưa hàng loạt cán bộ, kể cả cán bộ phụ trách, từ các cơ quan hành chính cấp trên về cơ sở để phân bố lại đội ngũ cán bộ, vừa thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa tạo điều kiện cho cán bộ trưởng thành nhanh.

Trong tình hình hiện nay, tìm ra được những giải pháp đúng đắn là vấn đề khó; tổ chức thực hiện trong thực tiễn lại càng khó khăn hơn. Vì vậy, trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng, phải gấp rút kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường đội ngũ cán bộ để bảo đảm công tác tổ chức thực tiễn có hiệu quả cao.

---

(2) V. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969, quyển II, phần II, tr. 626

Digitized by Google

Đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực

ĐỖ - MƯỜI

SAU khi giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, chúng ta đã tiến hành việc khôi phục, cải tạo và phát triển nền kinh tế, bảo đảm và ổn định đời sống nhân dân, đồng thời đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Đó là những thành tích căn bản và to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong những năm đầy khó khăn vừa qua.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích to lớn nói trên, tình hình kinh tế, đời sống sau chiến tranh có nhiều khó khăn, công tác quản lý kinh tế và quản lý xã hội có nhiều thiếu sót, sơ hở, do đó, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội đang phát triển, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Tình hình này đã gây nhiều thiệt hại về tài sản xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất, khoét sâu thêm những khó khăn về kinh tế tài chính của Nhà nước, gây khó khăn cho đời sống của nhân dân, nhất là bộ đội, cán bộ, công nhân, viên chức, gây trở ngại lớn cho việc quản lý trật tự an ninh xã hội...

Vì vậy để phát huy được thắng lợi to lớn về mọi mặt nói trên, để khai thác và phát huy khả năng và tiềm lực kinh tế to lớn của đất nước, sớm khắc phục những khó khăn về kinh tế, và đời sống, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải ra sức thực hiện một nhiệm vụ cấp bách mà nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng đã nêu ra là *đấu tranh khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng*, kết hợp nhiệm vụ này với các nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Thái độ của mỗi người chúng ta, nhất là những người cán bộ cách mạng, đảng viên cộng sản là phải kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực ấy, tiến tới xóa bỏ các hiện tượng ấy ra khỏi đời sống xã hội, vì nó đi ngược lại bản chất tốt đẹp của chế độ ta, gây thiệt hại đến lợi ích của nhân dân lao động, vì nó làm suy yếu cơ chế chuyên chính vô sản, từ cơ cấu tổ chức chính

Digitized by Google

quyền, đến cơ cấu tổ chức của Đảng và các đoàn thể quần chúng, vì nó làm thoái hóa, biến chất bộ phận non yếu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Phải kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực ấy với tinh thần dũng cảm của người cộng sản. Vì lợi ích của nhân dân, chúng ta quyết tâm đưa phong trào đấu tranh chống tiêu cực đến thắng lợi.

Đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực là một nhiệm vụ cách mạng. Nhưng trong những năm vừa qua, nhiều nơi chưa làm tốt cuộc đấu tranh này; có nơi làm qua loa, đại khái, không thường xuyên liên tục, và không làm đến nơi đến chốn, có cán bộ, đảng viên chỉ nói mà không làm, giữ thái độ bàng quan, vô trách nhiệm, do đó hiệu quả cuộc đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong xã hội thấp.

Từ khi có nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng và chỉ thị 81 của Ban bí thư về chống tiêu cực, các ngành, các cấp có đẩy mạnh hoạt động chống tiêu cực, một số nơi làm tốt, đã ngăn chặn được một số hiện tượng tiêu cực. Nhưng những chuyển biến ấy chưa mạnh mẽ, chưa trở thành phong trào quần chúng.

Nguyên nhân chính của tình hình này là *sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, của các ngành, các cấp đối với vấn đề này có nhiều khuyết điểm:*

Khuyết điểm lớn nhất là chúng ta chưa làm cho cán bộ, đảng viên thấy hết tác hại *nhiều mặt và nguy hiểm* của các hiện tượng tiêu cực này. Chính vì cán bộ chúng ta chưa nhận thức rõ tính chất nguy hiểm của những hiện tượng này, cho nên có tư tưởng chủ quan, coi thường tình hình, lơ là trong việc đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực. Hiện nay, sau khi có nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng và chỉ thị 81 của Ban bí thư về chống tiêu cực, nhận thức này cũng chưa được thấu suốt trong cán bộ các ngành, các cấp. Điều này thể hiện ở chỗ các ngành, các cấp chưa có trách nhiệm đầy đủ và quyết tâm cao đối với nhiệm vụ chống tiêu cực. Tình trạng làm qua loa, hình thức còn khá phổ biến; thậm chí còn có tình trạng tìm mọi cách để không làm. Việc tổ chức thực hiện vẫn theo cung cách cũ, ra chỉ thị, phổ biến chủ trương rồi dừng lại.

Về mặt quản lý Nhà nước, một khuyết điểm nổi bật là chúng ta *chưa nắm vững công cụ sắc bén là Nhà nước chuyên chính vô sản* để tiến hành cuộc đấu tranh này.

Chúng ta biết rằng chuyên chính vô sản có hai chức năng: *Xây dựng xã hội mới và trấn áp kẻ thù.* Nếu đứng về chức năng xây dựng mà xét, thì việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Nhà nước ta còn nhiều sơ hở. Nhiều chính sách, luật pháp của Nhà nước chưa được thực hiện nghiêm chỉnh. Chế độ, nguyên tắc quản lý kinh tế, xã hội bị buông lỏng, trách nhiệm không rõ ràng. Nhiều chế độ không còn phù hợp nữa nhưng vẫn chưa được sửa đổi. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát tiến hành không thường xuyên, ít hiệu lực...

Nếu đứng về chức năng trấn áp kẻ thù mà xét, thì Nhà nước ta đã chiến thắng kẻ thù bên ngoài và bọn tay sai của chúng một cách rất oanh liệt. Nhưng đối với những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng — một loại kẻ thù rất nguy hiểm trong nội bộ chúng ta —, chúng ta lại không kiên quyết trấn áp, đấu tranh ngăn chặn, đi đến xóa bỏ tận gốc.

Chúng ta làm cách mạng là vì lợi ích của nhân dân. Ngày nay, chúng ta đã có chính quyền, chúng ta phải chăm lo bảo vệ lợi ích trước mắt và

Digitized by Google

lâu dài của nhân dân. Để tình trạng ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng phát triển, gây thiệt hại cho đời sống của nhân dân, là Nhà nước ta chưa làm tròn trách nhiệm đối với nhân dân, chưa bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động

★

Cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội hiện nay, về thực chất là một bộ phận trong cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, một cuộc *đấu tranh cách mạng vừa cấp bách, vừa lâu dài*. Trong cuộc đấu tranh này, Nhà nước cách mạng phải thắng bọn phá hoại, bọn ăn bám, bọn sâu mọt của xã hội. Nếu không, thì không thể có chủ nghĩa xã hội theo ý nghĩa chân chính của nó.

Cuộc đấu tranh này có tính chất *cấp bách* là vì hiện nay các hiện tượng tiêu cực đang gây tác hại trên nhiều mặt hoạt động của xã hội, từ lĩnh vực kinh tế đến lĩnh vực chính trị, tâm lý xã hội... nó đang làm suy yếu các tổ chức cách mạng của ta. Phải thấy đây là vấn đề rất quan trọng của Nhà nước chuyên chính vô sản của ta. Nếu không tiến hành một cách kiên quyết và khẩn trương để chặn đứng, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực này, thì tình hình sẽ diễn biến nghiêm trọng hơn nữa, phức tạp hơn nữa.

Song, cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực này lại *lâu dài*, không thể chỉ làm một lần là xong, không phải chỉ trong một thời gian ngắn là có thể xóa bỏ ngay được. Có nơi có lúc các hiện tượng này đã bị đẩy lùi một bước, nhưng sau đó nếu không tiếp tục đấu tranh thì các hiện tượng ấy lại quay trở lại. Vì vậy phải có tinh thần *đấu tranh kiên trì và liên tục*, có phương pháp đúng đắn mới chiến thắng hoàn toàn các hiện tượng tiêu cực ấy

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực lần này là một cuộc đấu tranh trên nhiều mặt, tức là mọi biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội đều phải chống Tuy nhiên, trong các mặt tiêu cực, cần tập trung chống tệ *ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng* vì tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng đang gây ra nhiều trở ngại lớn trong hoạt động xã hội; về thực chất đó là những hành động bóc lột, áp bức quần chúng, những hành động trái với bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Yêu cầu cấp bách hiện nay là các ngành, các cấp phải khắc phục cho bằng được tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng; nhất là trong *giao thông vận tải, phân phối lưu thông, thương nghiệp, vật tư, lương thực, trong quản lý nhà đất, hộ khẩu, tuyển sinh*; tập trung vào việc kiểm kê, kiểm soát, tăng cường quản lý, chống lấy cắp các vật tư chiến lược, các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng, nhất là *lương thực, xăng dầu, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, phụ tùng thiết bị, máy móc, vải, thuốc chữa bệnh*.

Theo yêu cầu trên đây, tất cả các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở đều tiến hành chống tiêu cực. Nhưng trong khi đôn đốc và chỉ đạo phong trào chung, cần tập trung vào các *trọng tâm, trọng điểm* để làm thật tốt. Trong *chống ăn cắp*, còn tập trung chống những vụ ăn cắp lớn, những vụ lợi dụng chức quyền để ăn cắp, và khắc phục cho được việc ăn cắp những vật tư chiến lược, những hàng hóa phục vụ sản xuất, chiến đấu và nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân. Trong *chống hối lộ*, cần tập trung chống hối lộ trong những khâu giải quyết nhà ở, hộ khẩu, việc làm, đi học, đăng ký kinh doanh, v v. Trong *chống ức hiếp*, cần tập trung chống những hành động cán bộ lạm dụng chức quyền và tổ chức để trù dập, trả thù những người phát hiện, tố giác những việc làm sai trái của mình.

Digitized by Google

Để thực hiện mục đích, yêu cầu và phương hướng của cuộc đấu tranh chống tiêu cực lần này, cần có những *biện pháp* đúng.

1 — Làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục và phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống tiêu cực. Đây là một công tác rất quan trọng, nhưng lâu nay chúng ta chưa làm tốt. Công tác tuyên truyền giáo dục lần này phải đi sâu vào nội dung chống tiêu cực, gây một dư luận rộng rãi trong quần chúng lên án các tệ nạn này và hướng dẫn quần chúng thực hiện các biện pháp khắc phục đi đến xóa bỏ các tệ nạn xã hội ấy, làm cho các thói hư, tật xấu ấy, các ung nhọt của xã hội cũ còn rơi rớt lại ấy không có đất để sinh sôi nảy nở trong xã hội chúng ta.

Việc phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội phải đi đôi với việc giáo dục, xây dựng cho mọi người *lối sống của con người xã hội chủ nghĩa*, lấy lao động sản xuất xây dựng và bảo vệ Tổ quốc làm lẽ sống, có tinh thần trách nhiệm bảo vệ của công, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần phục vụ nhân dân và tôn trọng quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mọi người, không ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, không làm ăn gian dối, đầu cơ trục lợi. Cần công bố rộng rãi các pháp lệnh, nghị định về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, về « 4 chế độ » (1), về việc trừng trị các hành động phá hoại kinh tế, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, cũng như xâm phạm tài sản và vi phạm các quyền dân chủ của công dân. Phải lấy những gương người tốt, việc tốt xây dựng thành những điển hình tiên tiến, phát động một phong trào cách mạng sôi nổi trong nhân dân, trong các đơn vị cơ sở làm theo những điển hình xã hội chủ nghĩa ấy, nhằm phát huy đầy đủ bản chất tốt đẹp của chế độ mới, làm cho những mặt tích cực trong xã hội phát triển, áp đảo các mặt tiêu cực, tạo được sức mạnh của lòng tin vào chế độ, vào Đảng và Nhà nước ta.

Để phát động được phong trào quần chúng, cần có phương thức vận động và tổ chức quần chúng thật sát với tình hình và nguyện vọng của từng đối tượng nhằm tạo điều kiện cho quần chúng *đứng lên thực hiện quyền làm chủ tập thể* ở từng đơn vị cơ sở của mình.

Trong khu vực Nhà nước, cần chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện nghị định 182 — CP của Hội đồng chính phủ về quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, tôn trọng và bảo vệ các quyền làm chủ tập thể của họ trong lao động sản xuất, trong xây dựng kế hoạch Nhà nước, trong bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, trong tổ chức phân phối và đời sống, và nhất là quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và quyền giám sát, kiểm tra. Ở nông thôn, cần có những hình thức thiết thực để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng trong sản xuất cũng như trong phân phối ở các hợp tác xã nông nghiệp. Cần áp dụng kinh nghiệm « phong trào 5 công khai » ở huyện Tiền-hải và một số địa phương khác để phát động quần chúng tìm ra các biện pháp chống tiêu cực, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất và tăng cường công tác quản lý trong hợp tác xã nông nghiệp.

2 — Chấn chỉnh ngay những khâu cấp bách trong công tác quản lý. Để kịp thời ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, các ngành, các cấp cần chấn chỉnh ngay những khâu công tác quản lý có nhiều thiếu sót, sơ hở đang gây ra nhiều hành động tiêu cực, không chờ chấn chỉnh toàn bộ tổ chức, cơ chế quản lý rồi mới làm. Thực hiện

(1) « 4 chế độ » là chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân, mà Hội đồng Chính phủ đã ban hành.

Digitized by Google

cho được yêu cầu mà nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng đề ra là: «Người đứng đầu mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị phải chịu trách nhiệm bảo vệ chu đáo những tài sản Nhà nước giao cho mình quản lý, chấn chỉnh gấp việc quản lý tài sản, kho tàng, cửa hàng... tổ chức kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất những vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thưởng phạt nghiêm minh và kịp thời». Muốn vậy:

a) Thủ trưởng mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị cần nắm chắc *tài sản Nhà nước* giao cho mình quản lý; nắm chắc cán bộ, nhân viên thuộc phạm vi quản lý của mình; nắm chắc các chế độ, *chính sách*, các nguyên tắc, thể lệ quản lý và đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện.

b) Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ *kiểm kê, kiểm soát, kế toán, hạch toán* đối với tài sản Nhà nước; chấn chỉnh các phương tiện và cách thực hiện cân, đong, đo, đếm, củng cố các kho tàng, bến bãi và các thiết bị bảo vệ tài sản; chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, nhất là các định mức về ngày công, giờ công, về sử dụng nguyên liệu, vật liệu, về gia công đặt hàng...; tăng cường công tác thanh tra nhân dân.

c) Thực hiện đúng các chế độ, thể lệ quản lý mà Nhà nước đã ban hành, nhằm khôi phục và tăng cường nền nếp, kỷ cương trong lao động, quản lý kinh tế và tổ chức đời sống, khắc phục tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật trong quản lý. Trong khu vực Nhà nước, cần thực hiện nghị định 217 — CP của Hội đồng chính phủ về xây dựng 4 *chế độ* (chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân), đề cao *trách nhiệm của người thủ trưởng*. Ở nông thôn, cần thực hiện chủ trương về tổ chức lại sản xuất, chấn chỉnh, kiện toàn việc tổ chức quản lý hợp tác xã, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.

3 — Chăm lo giải quyết đời sống và các quyền lợi kinh tế, văn hóa của nhân dân.

Đấu tranh chống tiêu cực không thể tách rời việc chăm lo giải quyết đời sống của nhân dân. Vì vậy, mỗi ngành mỗi địa phương, mỗi đơn vị cơ sở cần nắm vững tình hình đời sống quần chúng trong phạm vi quản lý của mình để có biện pháp giải quyết cụ thể và kịp thời. Cần chú ý sắp xếp công ăn việc làm cho những người chưa có việc làm, số học sinh chưa chuyển được cấp, số công nhân, viên chức, trí thức vùng mới giải phóng ở miền Nam; quan tâm giải quyết các vấn đề về phúc lợi và phụ cấp của công nhân, cố gắng thực hiện trả lương đủ và đúng kỳ hạn cho cán bộ, công nhân, viên chức, cải tiến tổ chức và phương thức phân phối để lương thực, thực phẩm và các hàng tiêu dùng thiết yếu đến tận người dân một cách công bằng, hợp lý. Tóm lại, trong khi phát động quần chúng đấu tranh chống tiêu cực, chúng ta phải quan tâm giải quyết tốt những nhu cầu về đời sống hằng ngày của nhân dân.

4 — Chống địch phá hoại kinh tế và chống đầu cơ buôn lậu, lưu manh côn đồ ngoài xã hội.

Việc đấu tranh chống tiêu cực trong khu vực Nhà nước và khu vực tập thể không tách rời việc chống địch phá hoại về kinh tế và chống đầu cơ, buôn lậu, lưu manh côn đồ ngoài xã hội. Cần giáo dục nâng cao cảnh giác cho nhân dân để chống những âm mưu và hành động phá hoại việc xây dựng kinh tế và gây khó khăn cho đời sống nhân dân. Nhưng trong khi xét xử các vụ án, cần phân biệt rõ hành động phá hoại với hành động vụ lợi cá nhân để có thái độ xử lý đúng đắn. Cần thực hiện việc bắt buộc phải lao động đối với những người làm ăn phi pháp, trốn tránh

Digitized by Google

lao động, kết hợp cuộc vận động này với phong trào xây dựng nếp sống mới, lành mạnh, giản dị; tiến hành việc cải tạo bọn lưu manh côn đồ chuyên nghiệp; kiên quyết trừng trị những bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự an ninh xã hội.

5 — Xử lý các vụ vi phạm.

Song song với các biện pháp nói trên, các ngành các cấp cần chỉ đạo thật kiên quyết công tác xử lý. Công tác xử lý phải *kịp thời, kiên quyết và nghiêm minh.* Đó là biện pháp quan trọng của cuộc đấu tranh chống tiêu cực, vì có xử lý kịp thời, kiên quyết và nghiêm minh mới đề cao được pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững được kỷ cương của Đảng và Nhà nước, củng cố lòng tin của quần chúng. Những năm qua, sở dĩ phong trào đấu tranh chống tiêu cực chưa có kết quả tốt, chính là vì chúng ta chưa làm tốt việc xử lý các vụ vi phạm pháp luật. Việc xử lý các vụ vi phạm pháp luật làm quá chậm, nhiều tội xử quá nhẹ, không phát huy được tác dụng của tòa án nhân dân. V. I. Lê-nin thường nói đến vấn đề này. Người xem việc kết án những bọn ăn hối lộ quá nhẹ mà lẽ ra phải xử bắn chúng là một điều sỉ nhục đối với người đảng viên cộng sản, và Người đã đề nghị truy tố những đảng viên quan tòa này trước tòa án và khai trừ ra khỏi Đảng.

Trong thời gian tới, cần chọn một số vụ vi phạm pháp luật nghiêm trọng đưa ra xử lý công khai và trừng trị đích đáng. Đối với những việc cần truy tố trước pháp luật, trong khi chờ đợi hoàn thành các thủ tục, cần xử lý ngay về mặt *hành chính, nội bộ* để ngăn ngừa kịp thời các hiện tượng tiêu cực; đặc biệt đối với những cán bộ lợi dụng chức quyền để ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, cần đưa ngay ra khỏi cương vị phụ trách và phải xử lý rõ ràng, nghiêm minh, không được có thái độ dung túng bao che kẻ có tội, và phải xử phạt nặng việc trù dập những người tố giác. Tài sản của Nhà nước bị xâm phạm phải được thu hồi, nhất là vật tư chiến lược, phụ tùng thiết bị, máy móc, hàng tiêu dùng thiết yếu và các mặt hàng do Nhà nước quản lý.

Để thực hiện các biện pháp nói trên, cần *nâng cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tiêu cực.* Tất cả các cấp ủy Đảng các ngành, các địa phương và đơn vị đều có trách nhiệm giáo dục, lãnh đạo đảng bộ của mình không để xảy ra tình trạng đảng viên phạm tội ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, hoặc thấy người phạm các tội đó mà làm ngơ không đấu tranh; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, và lãnh đạo quần chúng tham gia mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống tiêu cực.

★

Chống tiêu cực là một cuộc đấu tranh cách mạng. Cần tiến hành cuộc đấu tranh này với *khí thế cách mạng tiến công, chủ động và kiên trì.* Mỗi ngành, mỗi đơn vị tổ chức đều phải tự mình làm, không chờ đợi ngành khác, đơn vị khác, nơi nào có hiện tượng tiêu cực là phải chống, không chần chừ, do dự. Cần nắm vững quan hệ giữa hai mặt « xây » và « chống »; trong quan hệ này, cần lấy « xây » làm biện pháp chủ yếu, lấy phòng ngừa, ngăn chặn là chính, nhưng khi đã phát hiện ra các hiện tượng tiêu cực rồi, thì cần phải « chống » Có « chống » tốt mới « xây » được tốt. Hai mặt này phải kết hợp chặt chẽ với nhau, không tách rời một cách máy móc.

Khi đã nói đấu tranh cách mạng, thì điều tất yếu là phải nói đến *sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của quần chúng.* Khi đã nói sự lãnh đạo của Đảng, thì phải nói đến sự lãnh đạo tập thể của các cấp ủy Đảng và vai trò tích cực chủ động của đồng chí

Digitized by Google

bí thư, đồng chí trưởng ban cán sự, đồng chí phụ trách chính quyền. Nếu các đồng chí này không thi hành, thì làm thế nào có phong trào cách mạng, có phong trào quần chúng.

Muốn chỉ đạo phong trào quần chúng trong đấu tranh chống tiêu cực có kết quả, cần xây dựng *lực lượng đấu tranh vững mạnh*. Muốn xây dựng lực lượng đấu tranh vững mạnh, cần nắm vững cơ chế tổ chức của chế độ ta là: *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý*. Sở dĩ từ trước đến nay chúng ta chống tiêu cực ít kết quả chính là vì chúng ta tiến hành đấu tranh chống tiêu cực theo lối hành chính đơn thuần, không quan tâm xây dựng lực lượng.

Vấn đề hàng đầu là phải *xây dựng và củng cố các tổ chức Đảng thật trong sạch, vững mạnh*; nâng cao tính chiến đấu và vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và đảng viên, nhất là các cấp ủy Đảng, bảo đảm đội ngũ cốt cán lãnh đạo của Đảng thật sự là những cán bộ trong sạch và có tinh thần hăng hái đấu tranh chống tiêu cực, thật sự là những người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Cần *kiên quyết đưa ngay ra khỏi Đảng những phần tử mất phẩm chất; đồng thời, chấn chỉnh bộ máy Nhà nước thật trong sạch, vững mạnh*, làm cho bộ máy Nhà nước phát huy đầy đủ hiệu lực của nó, làm cho pháp luật được chấp hành một cách nghiêm chỉnh từ trên xuống dưới. Có làm như vậy, phong trào quần chúng đấu tranh chống tiêu cực mới phát triển mạnh mẽ được. Vì vậy, trong năm 1980, các ngành, các cấp cần gắn chặt việc đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng *với việc phát thẻ đảng viên và công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức chính quyền, công an, quân đội...* nhằm làm trong sạch các tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, không để lọt vào hàng ngũ Đảng những phần tử xấu, thù địch, phạm các tội ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Khi đã xác định rõ vai trò quan trọng của quần chúng trong cuộc đấu tranh cách mạng này, thì các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước phải bảo đảm *phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động* để họ đứng lên tham gia cuộc đấu tranh này. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quần chúng là người làm chủ cuộc đấu tranh này. Đảng phải thật sự là chỗ dựa cho quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể. Thông qua cuộc đấu tranh chống tiêu cực lần này, chúng ta nâng cao được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động với một nội dung cụ thể, thiết thực, và thông qua việc làm này mà chấn chỉnh tổ chức và xây dựng nền nếp chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước. Vừa qua, các huyện Vĩnh-bảo, Tiên-hải, do làm đúng việc giáo dục quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, cho nên đã lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tiêu cực đạt kết quả tốt. Đến nay, huyện ủy Vĩnh-bảo đã thay thế một bộ phận cấp ủy viên ở xã và 200 chi ủy viên ở các chi bộ đội sản xuất, làm cho tổ chức Đảng được trong sạch và vững mạnh, nhờ đó, đã làm chuyển biến được mọi mặt công tác, biến Vĩnh-bảo từ một huyện yếu kém trước đây trở thành một huyện mạnh về mọi mặt. Đó là điển hình tốt chúng ta cần học tập làm theo, để biến phong trào đấu tranh chống tiêu cực thành một phong trào quần chúng mạnh mẽ từ nông thôn đến thành thị, từ các cơ sở kinh tế quốc doanh đến các đơn vị kinh tế tập thể.

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực *vừa có tính khoa học vừa có tính quần chúng*. Để «chống» cho tốt, phải vận dụng tất cả các bộ môn khoa học để «xây» cho tốt, nhất là xây dựng con người mới, xây dựng các chế độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội, v.v.

Quần chúng lao động phải nắm được khoa học quản lý. Đó là một yêu cầu của cuộc đấu tranh này. Nhưng

Digitized by Google

điều đó không thể thực hiện được chỉ bằng nhiệt tình cách mạng. V.I. Lê-nin đã nói rất rõ: « Điều đó, chỉ có thể thực hiện được bằng kỷ luật tự giác, bằng việc tổ chức sự lao động của công nhân và nông dân, chỉ có thể bằng chế độ kiểm kê và kiểm soát... Chúng ta chưa học được cách thực hiện điều đó, nhưng phải học. Đấy là con đường dẫn đến chủ nghĩa xã hội, con đường duy nhất là huấn luyện công nhân biết làm công tác thực tiễn của việc quản lý những xí nghiệp khổng lồ, tổ chức nền sản xuất quy mô lớn và phân phối quy mô hết sức lớn » (2).

Vì vậy, cần giáo dục cho quần chúng công nhân và nông dân những hiểu biết về các chế độ quản lý kinh tế, các chế độ pháp luật của Nhà nước, để họ tiến hành việc giám sát và phát hiện những việc làm không đúng của cơ quan, cán bộ với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đầy đủ. Một khi quần chúng công nhân và nông dân giác ngộ về quyền làm chủ tập thể và nắm được khoa học quản lý kinh tế, họ sẽ thực hiện một cách có ý thức việc kiểm kê, kiểm soát đối với sản xuất và phân phối sản phẩm, không để một cân lương thực, một vật tư hàng hóa lọt vào tay bọn ăn cắp, bọn lợi dụng chức quyền để tham ô, sử dụng không đúng chính sách. Chỉ khi ấy, quần chúng mới thực hiện được chức năng tham gia quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội một cách có hiệu quả. Và khi ấy, không còn một tên ăn cắp nào, một hành vi hối lộ, ức hiếp quần chúng nào tránh khỏi sự xử lý của pháp luật Nhà nước.

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực là *một bộ phận của cuộc vận động cách mạng toàn diện ở các đơn vị cơ sở*, do đó, cuộc đấu tranh này đòi hỏi chúng ta phải biết *vận dụng các biện pháp một cách đồng bộ*, biết sử dụng nhiều biện pháp, kết hợp chặt chẽ các biện pháp giáo dục, tổ chức, hành chính, kinh tế, kết hợp chặt chẽ « xây » và « chống », kết hợp chống tiêu cực trong các cơ quan Nhà nước với chống tiêu cực ngoài xã hội, xóa bỏ các hiện tượng đầu cơ, buôn lậu trên thị trường...; kết hợp chống tiêu cực với chấn chỉnh công tác quản lý, chấn chỉnh các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, tạo điều kiện để quần chúng tích cực tham gia quản lý và làm chủ thật sự ở đơn vị cơ sở.

---

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, tr. 380, 381.

Digitized by Google

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VĂN HỌC CỦA CHÚNG TA

TRẦN - ĐỘ

TRƯỚC hết, cần nhấn mạnh rằng trong 35 năm qua, văn học ta đã có những thành tựu to lớn. Đó là một sự thật hết sức rõ ràng. Phải có quan điểm đúng đắn mới đánh giá được đúng đắn nền văn học ta. Tất nhiên trong từng thể loại, từng tác phẩm, ta vẫn còn những chỗ yếu kém nhất định. Nhưng nhìn bao quát, chúng ta đã có một nền văn học mới, xã hội chủ nghĩa, vững vàng, dày dặn về số lượng và chất lượng tác phẩm, về thể loại cũng như về đội ngũ, phù hợp với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn vừa qua. Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học nước ta « xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại hiện nay » (Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương trong Đại hội lần thứ IV của Đảng).

Điều đó có nghĩa là văn học ta đã làm tròn sứ mệnh cao quý của nó là phản ánh được nguyện vọng độc lập tự do của nhân dân ta, phản ánh được chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội và nhân dân ta.

Điều đó có nghĩa là văn học ta mang bản sắc dân tộc khá phong phú, đã có những đóng góp quý báu, tác động khá sâu sắc vào đời sống tinh thần và tình cảm của nhân dân ta.

Và, văn học ta sở dĩ có được những thành tựu như vậy là vì ở nước ta trong giai đoạn vừa qua, nhiệm vụ cách mạng cũng đồng thời là nhiệm vụ của văn học, mục tiêu cách mạng cũng đồng thời là mục tiêu của văn học, thực tiễn cách mạng là đối tượng miêu tả của văn học. Đây là nguyên lý và cũng là kinh nghiệm thực tiễn của văn học nước ta, hướng dẫn cách nhìn và sự suy nghĩ của chúng ta trong tình hình hiện nay.

★

Hiện nay trong sáng tác cũng như trong lý luận phê bình, nền văn học ta trong bước phát triển mạnh mẽ của nó, đang đặt ra nhiều vấn đề. Nhưng điều cơ bản nhất vẫn là *nhận thức hiện thực — chỗ đứng để nhận thức hiện thực, phương pháp tư tưởng để nhận thức hiện thực.*

Digitized by Google

Nhận thức hiện thực không phải chỉ là học thuộc và nhắc lại mấy câu nhận định về tình hình chung, mà phải cảm thấy rõ rệt và sâu sắc kẻ thù và âm mưu của chúng đối với đất nước ta, dân tộc ta, thực chất cuộc đấu tranh tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực, những thuận lợi và khó khăn mọi mặt của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay, để cho tình cảm nồng nàn yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội thấm vào mỗi chương, mỗi dòng của tác phẩm chúng ta.

Thực tế là cả nước ta mới đi vào chủ nghĩa xã hội được 5 năm. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ chuyển biến lớn lao của cách mạng, thời kỳ đầu của *« một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, vô cùng sâu sắc và triệt để »*. Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) đã chỉ ra như vậy.

Trong 5 năm qua, thực tiễn cách mạng thật vô cùng sôi động và gay gắt.

Chúng ta quyết tâm đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã thống nhất nước nhà kịp thời và nhanh chóng, xây dựng chính quyền vô sản chuyên chính trên cả nước, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, căn bản xóa bỏ được giai cấp bóc lột. Nhưng hậu quả của 30 năm chiến tranh xâm lược rất to lớn, lúc đầu chúng ta chưa lường hết được. Do sự phản bội của những người cầm quyền Bắc-kinh và tay sai của chúng là bọn Pôn Pốt ở Cam-pu-chia, chúng ta phải đối phó với một tình trạng bạn trở thành thù, phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới tây nam. Sau đó, lại phải giúp nhân dân Cam-pu-chia khôi phục và giữ vững thành quả cách mạng ở đó, giúp đỡ dân tộc Cam-pu-chia hồi sinh để xây dựng đất nước Chúng ta đã xây dựng lại được tình đoàn kết cách mạng đặc biệt giữa ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, tạo một cục diện mới ở Đông-dương và Đông Nam châu Á. Rồi chúng ta lại phải tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía bắc, một cuộc chiến tranh lớn, tiếp tục tăng cường củng cố quốc phòng, khôi phục lại sản xuất và đời sống bình thường ở những vùng bị địch tàn phá, và cho đến bây giờ vẫn còn phải đánh địch, vẫn còn thương vong, vẫn còn phải tiếp tục đối phó với một cuộc chiến tranh ngầm rất thâm độc của địch nữa.

Bọn đế quốc câu kết với bọn phản động Bắc-kinh tìm mọi cách gây khó khăn cho ta, bôi nhọ Việt-nam, hạ thấp uy tín của Việt-nam hòng làm cho Việt-nam suy yếu để chúng dễ bề thôn tính. Chúng công kích Việt-nam hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Chúng phá hoại tình đoàn kết đặc biệt giữa ba nước ở Đông-dương v.v. Chúng tập trung mũi nhọn công kích và chống phá Việt-nam bởi vì Việt-nam đã trở thành ngọn cờ tiêu biểu của độc lập tự do cũng như chúng công kích và chống phá Liên-xô bởi vì Liên-xô là ngọn cờ tiêu biểu của chủ nghĩa xã hội, là thành trì của cách mạng và hòa bình trên thế giới.

Những khó khăn về kinh tế và đời sống chưa thể giải quyết sớm được, những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, trong các cơ quan Nhà nước kéo dài và có chiều hướng phát triển, trật tự trị an không tốt, những hiện tượng tiêu cực trong lối sống của một bộ phận thanh niên, thiếu niên, tất cả những hiện tượng xã hội ấy có nguyên nhân sâu xa và rộng lớn từ trong đặc điểm tình hình xã hội ta lúc này, từ trong quá trình chuyển biến cách mạng, từ trong những âm mưu thâm độc của mọi loại kẻ thù Đương nhiên, chúng ta cũng có khuyết điểm là chưa có sự chuẩn bị đầy đủ cho một tình hình biến chuyển cách mạng lớn lao như vậy Đường lối cách mạng đúng đắn chưa được cụ thể hóa thành những kế

Digitized by Google

hoạch thiết thực, những chính sách có hiệu quả. Trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội của ta còn quá thấp. Song, những khuyết điểm này cũng có mặt khách quan của nó: khó mà có thể lường tính hết được tất cả mọi tình hình khó khăn và phức tạp, lại cũng chưa đủ thời gian để rèn luyện được một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng mới tức là có một trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội cần thiết. (Ngay đánh giặc, chúng ta cũng phải qua ít nhất 30 năm mới có được một trình độ chỉ đạo chiến tranh cao như hiện nay).

Hiện thực trên đất nước ta hiện nay trong tất cả sự phát triển phức tạp của nó hơn lúc nào hết đòi hỏi ở chúng ta một cách nhìn và một sự suy nghĩ khoa học, toàn diện và tỉnh táo của người cách mạng. Nhận thức đúng đắn hiện thực là điều kiện quyết định đầu tiên để chúng ta bàn tới những vấn đề của văn học ta hiện nay, tính hiện thực của văn học ta hiện nay.

★

Ở giai đoạn vừa qua, *văn học ta đã là một lực lượng cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tự do*, đã nung nấu ý chí căm thù, thổi bùng ngọn lửa yêu nước và tinh thần anh hùng cách mạng của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt.

Vậy thì ngày nay văn học ta cũng phải đóng vai trò là một lực lượng cách mạng trong cuộc đấu tranh gay gắt xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta muốn hòa bình, nhưng kẻ thù vẫn buộc chúng ta phải sẵn sàng chiến đấu và tiêu diệt chúng khi chúng xâm phạm đất nước ta. Trong tình hình hiện nay, yêu cầu khách quan của cách mạng có phải là tiếp tục *bảo vệ Tổ quốc* chống mọi kẻ thù đang âm mưu từ bên ngoài và từ bên trong, từ phía bắc và từ phía nam, tiếp tục động viên sâu sắc hơn nữa tinh thần yêu nước của nhân dân ta hay không?

Có phải là chúng ta phải kiên quyết giữ vững mục tiêu *xây dựng xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi nghèo khó, nâng cao tiềm lực kinh tế và quốc phòng*, bằng cách nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đồng thời đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, nhằm mục tiêu xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa hay không?

Hơn lúc nào hết, cần nhắc lại luận điểm của Lê-nin về «Sự nghiệp văn học phải trở thành *một bộ phận* trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản», «phải trở thành một bộ phận khăng khít của công tác có tổ chức, có kế hoạch, và thống nhất của Đảng xã hội – dân chủ» (1). Cần ngăn ngừa và tránh những khuynh hướng tách văn học ra khỏi sự nghiệp cách mạng nói chung. Trước tình hình phức tạp khó khăn, có thể xảy ra những tâm trạng bối rối, những xu hướng bi quan, hoài nghi: đánh giá sai lạc tình hình văn học của ta; đem những khuyết điểm bộ phận vẽ lên thành dạng vẻ chung của cả một nền văn học với ngụ ý rằng văn học có khuyết điểm thế là vì văn học bị chèn ép, văn học không được tự do, văn học phải chiều theo ý muốn lãnh đạo, v.v

Mặt khác, nếu không giữ vững tính kiên định trong mục tiêu, trong đường lối thì có thể dễ mắc vào âm mưu của địch, lang thang mất phương hướng, làm mồi cho chiến tranh tâm lý của

(1) V.I. Lê-nin: *Bàn về văn học nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 73.

Digitized by Google

địch, rơi vào một mối hoài nghi nguy hiểm

Chủ nghĩa xã hội có thật hay không? Có nên đi con đường xã hội chủ nghĩa nữa không? (Vậy thì đi con đường nào?)

Đứng trước kẻ thù mà còn mơ hồ chưa nhận thấy thật rõ bộ mặt kẻ thù.

Đứng trước nước anh em, cần được nước anh em giúp đỡ thì lo mình mất tự chủ, cần giúp nước anh em thì lo ảnh hưởng tới vốn liếng của cải và đời sống của mình.

Muốn mau lên chủ nghĩa xã hội, nhưng lại ngại phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không phát triển được sản xuất, do đó muốn duy trì và ủng hộ những quan hệ sản xuất cũ, v.v.

Đó là những sự bối rối có thể xảy ra lúc này và thực tế đã xảy ra ở một số ít người. Kẻ địch lợi dụng những khó khăn của ta đang gieo rắc thêm hoài nghi, gây nên và khoét sâu vào cái tâm lý hoang mang bối rối đó.

Vậy thì văn học với tư cách là một vũ khí của cách mạng, phải làm gì? Không vạch mặt kẻ thù, động viên ý chí tiến công và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta vượt mọi khó khăn, giữ vững đường lối của Đảng, nhằm mục tiêu của cách mạng, vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì văn học không làm tròn được nhiệm vụ của nó.

Trước đây, cả nước đã chịu đựng những hy sinh ghê gớm, những gian khổ cực kỳ mà vẫn «phơi phới dậy tương lai». Ngày nay, tại sao ta lại không thể chấp nhận những gian khổ gay gắt để bảo vệ độc lập tự do, để xây dựng chủ nghĩa xã hội? Trước đây, ta đã đi vào cuộc đấu tranh mấy chục năm, bây giờ ta mới bước vào cuộc đấu tranh mới 5 năm, mỗi người cầm bút hãy nhận rõ trận địa, nắm chắc vũ khí của mình, giữ vững và nâng cao hơn nữa nhiệt tình cách mạng, lòng tin vững chắc vào sự nghiệp, vào thắng lợi của cách mạng. Nhân dân ta đang mong chờ những tác phẩm nói về họ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, khắc phục khó khăn, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, tạo nên những kỳ tích mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Dương nhiên, chúng ta còn phải nâng cao hơn nữa chất lượng văn học, làm cho văn học vừa có tính tư tưởng cao vừa phải đầy tính sáng tạo, có trình độ nghệ thuật cao.

Phải khẳng định đây là một yêu cầu chân chính của giai đoạn cách mạng hiện nay và cũng là yêu cầu mà trước đây Đảng luôn đặt ra với văn học nghệ thuật.

Có đồng chí nói đến văn học phải «dữ dội» hơn, sâu sắc hơn, đa dạng hơn. Chính thực tiễn cách mạng của ta cũng đang đòi hỏi văn học như thế. Nhưng có vấn đề là cái gì dữ dội, cái gì sâu sắc? Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập tự do bây giờ có dữ dội không? Cuộc đấu tranh để kiên định ý chí và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, chống lại bao nhiêu mưu đồ xuyên tạc bôi nhọ và phá hoại của kẻ địch có dữ dội không? Văn học muốn dữ dội sao không đi vào đây? Có một số ý kiến làm cho ta có cảm tưởng là văn học muốn dữ dội và sâu sắc thì hình như cứ vướng phải một cái gì đó? Thành ra văn học phải tránh né! Không phải đâu! Đảng yêu cầu văn học xông vào những trận địa dữ dội và sâu sắc: chống kẻ thù của Tổ quốc và của chủ nghĩa xã hội, chống bọn đầu cơ, phá hoại, chống bọn cơ hội chủ nghĩa đủ màu sắc muốn lợi dụng những từ ngữ cách mạng để dễ che giấu những mưu đồ đen tối của cá nhân, để kích động chia rẽ Đảng và quần chúng, chia rẽ

Digitized by Google

cán bộ, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Việt-nam và các nước anh em, v.v. gieo rắc hoài nghi, gieo rắc những ý nghĩ tiêu cực, v.v.

Trong văn học cũng như trong nghệ thuật, nhiều người nói đến cái mới, cái sáng tạo. Vấn đề là cái mới nào và sáng tạo ra cái gì. Hãy nhắc lại câu của Lê-nin mà mọi người đã biết: «Cần phải giữ gìn cái đẹp, lấy nó làm mẫu mực, xuất phát từ nó, dù cho nó là «cũ» đi nữa. Tại sao chúng ta lại cần phải quay ngoắt khỏi cái đẹp thực sự, từ bỏ nó, không coi nó là điểm xuất phát để tiếp tục phát triển, chỉ vì nó là «cũ»? Tại sao phải cúi mình trước cái mới như trước thần thánh, phải chịu khuất phục nó chỉ vì «đó là mới». Vớ vẩn, hoàn toàn vớ vẩn! Ở đây có nhiều cái giả dối và cố nhiên có sự tôn sùng vô ý thức đối với cái mốt nghệ thuật đang ngự trị ở phương Tây. Chúng ta là những người cách mạng tốt, nhưng tại sao chúng ta cứ buộc phải tỏ ra là mình «cũng đứng trên đỉnh cao của nền văn hóa hiện đại». Tôi dám cả gan nhận mình là «người dã man». Tôi không đủ sức coi những tác phẩm của chủ nghĩa biểu hiện, chủ nghĩa vị lai, chủ nghĩa lập thể và các thứ «chủ nghĩa» khác như là biểu hiện cao của thiên tài nghệ thuật được». (Lê-nin nói với Cla-ra Dét-kin — Trích Hồi ký của Cla-ra).

Nói đến mới và sáng tạo, có ý kiến lại kêu gọi chấp nhận cả sự phi lý

Chúng ta đã xác định thế nào là có lý, cái lý của chúng ta là cái gì Chúng ta đã có cái lý của chúng ta, vậy tại sao ta lại cần cái gì phi lý nghĩa là cái chống lại cái lý của ta? Cần đề phòng hai điều:

a) Với lý do tìm cái mới lạ, phi lý để phủ nhận cái lý của ta — và điều này kẻ địch của chúng ta đang mong muốn.

b) Cố gắng đi tìm cái mới lạ, phi lý để rồi đi tới xây dựng những tính cách «dữ dội» khác hẳn những tính cách truyền thống và tâm hồn người Việt-nam, đặt ra rất nhiều mâu thuẫn giả tạo và đẻ ra những nhân vật kỳ quái (chứ không phải mới lạ). Điều này dẫn tới một thứ chủ nghĩa hình thức bệnh hoạn.

Từ những thành tựu của văn học ta trong giai đoạn vừa qua, chúng ta tiếp tục tiến lên mạnh mẽ trên con đường cách mạng của chúng ta, làm sáng tỏ những vấn đề đang đặt ra trong bước phát triển của văn học ta, tạo ra những tác phẩm ngày càng hay, càng chân thật và hùng hồn, để văn học ta ngày càng nâng cao được chất lượng yêu nước và xã hội chủ nghĩa cao đẹp.

Digitized by Google

Nguyễn-Trãi — THỜI ĐẠI VÀ SỰ NGHIỆP

Giáo sư PHAN-HUY-LÊ

I

NGUYỄN-TRÃI sinh năm 1380, giữa lúc triều Trần nghiêng ngả và phong trào đấu tranh của nô tỳ—nông dân đang dâng lên mạnh mẽ.

Năm 1400, triều Trần bị lật đổ, triều Hồ thay thế. Nguyễn-Trãi lúc ấy 20 tuổi, đỗ tiến sĩ và tham gia chính quyền nhà Hồ.

Nguyễn-Trãi bước vào cuộc đời hoạt động chính trị giữa lúc nhà Minh, với tham vọng bành trướng của một đế chế phong kiến lớn mạnh, đang ra sức đe dọa, khuất phục và ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta. Cuối năm 1406, nhà Minh huy động 80 vạn quân, mở cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Cuộc kháng chiến chống xâm lăng do triều Hồ lãnh đạo, bị thất bại đau đớn sau 6 tháng chiến đấu.

Sau gần 5 thế kỷ giành lại và giữ vững độc lập dân tộc, đánh thắng những cuộc xâm lược hung hãn của đế chế Tống, đế chế Nguyên, nay đất nước lại làm vào thảm họa bị phong kiến Trung-quốc đô hộ.

Vua Minh lúc đó là Minh-Thành-Tổ, tỏ ra rất đắc chí, ngạo mạn khi tuyên bố: « *Ngày xưa, thời nhà Tống, nhà Nguyên, nước An-nam trái mệnh, sai quân sang đánh đều không thành công. Vũ công lần này hơn hẳn ngày xưa, tiếng to công lớn truyền đề muôn đời* ». (An-nam khí thủ bản mạt, Q.I) Âm mưu và quyết tâm của nhà Minh là thực hiện dã tâm đồng hóa nhằm vĩnh viễn xóa bỏ nước ta, sáp nhập hẳn vào đế chế Minh. Đấy là mục tiêu mà các đế chế Hán, Đường trước đây từng đeo đuổi trong suốt thời kỳ nước ta bị đô hộ nhưng đã thất bại.

Chính sách đồng hóa của nhà Minh vừa tàn bạo vừa thâm độc. Có thể nói, tất cả những gì là cơ sở tồn tại về vật chất và tinh thần của một quốc gia dân tộc cũng như khả năng phục hồi độc lập của quốc gia dân tộc đó, chúng đều tìm cách hủy hoại dần.

Chúng bỏ tên nước, chia nước ta ra thành quận huyện như đất đai của nhà Minh. Chúng đàn áp khủng bố cực kỳ man rợ hòng dập tắt phong trào và ý chí phản kháng của nhân dân ta. Chúng áp dụng thủ đoạn « *dĩ Di trị Di* » (tức lấy người Việt trị người Việt) để chia rẽ, phá hoại sức mạnh đoàn kết của dân tộc ta.

Chúng lùng kiếm thợ thủ công, thầy thuốc, vũ nữ.. đem về nước phục dịch cho chúng. Chúng bắt phụ nữ, trẻ em làm nô lệ, mua bán những người này như một thứ hàng hóa. Độc ác hơn nữa, chúng bắt cóc hàng loạt trẻ con gọi là « *Giao đồng* » (trẻ con đất Giao-chỉ, tức nước ta), đem về

Digitized by Google

nước rồi lợi dụng tuổi thơ, huấn luyện thành những kẻ vong bản, hòng làm biến chất cả một thế hệ.

Chúng có cả một kế hoạch hủy diệt nền văn hóa lâu đời của dân tộc ta. Minh-Thành-Tổ đã trực tiếp ra lệnh cho bọn tướng xâm lược, khi tiến quân vào nước ta, đi đến đâu phải phá hoại triệt để các di sản văn hóa đến đấy. Lệnh của vua Minh quy định rõ, về sách vở thì *« một mảnh giấy, một chữ viết đều thiêu hủy hết »*, về bia đá thì *« đập phá hết, một chữ không để sót »* (Việt kiệu thư, Q,2). Nhà Minh còn cưỡng bức nhân dân ta thay đổi cách ăn mặc, bỏ các phong tục tập quán cổ truyền, rập theo kiểu người Minh.

Nhà sử học thế kỷ XV là Ngô-Sĩ-Liên đã nhận xét : *« Xét những cuộc loạn trong cõi nước Việt ta, chưa bao giờ thấy tội độ như lúc này... Hơn 20 năm biến phong tục thành tóc dài răng trắng, hóa làm người Ngô cả. Than ôi, họa loạn tột mực đến thế ư »* (Đại Việt sử ký toàn thư, Q.10, tờ 53a).

Cuộc chiến tranh xâm lược rồi nền đô hộ và mưu đồ đồng hóa của nhà Minh đặt dân tộc ta trước một thử thách ghê gớm.

Nước mất, nhà tan...

Gia đình Nguyễn-Trãi cũng tan nát. Cha là Nguyễn-Phi-Khanh bị quân giặc bắt và đưa sang Trung-quốc. Nguyễn-Trãi cũng bị quân Minh bắt giữ một thời gian ở Đông-quan.

Nguyễn-Trãi nhanh chóng tìm cách rời khỏi Đông-quan, rồi 10 năm liền phiêu bạt qua nhiều nơi của đất nước đau thương :

Thập niên phiêu chuyển thân bồng bình.

(Mười năm xiêu giạt, thân như cánh bèo cỏ bồng).

Trong thời gian lưu lạc, Nguyễn-Trãi thấu hiểu nỗi lầm than thống khổ của nhân dân và chứng kiến những tội ác tày trời của giặc Ngô bao ngược :

Tát cạn nước biển Đông, không rửa sạch tanh hôi,

Chẻ hết trúc núi Nam, khó ghi đầy tội ác.

Thần người đều căm giận,
Trời đất chẳng dung tha.

Nguyễn-Trãi đau buồn, nhiều đêm thao thức không ngủ và suy nghĩ rất nhiều đến vận mạng của dân, của nước :

Thần châu nhất tự khởi can qua,
Vạn tính ngao ngao khả nại hà ?

(Nước nhà từ thuở nổi can qua,

Muôn dân rên xiết biết làm sao đây ?)

Vấn đề lớn đặt ra trong suy tư của Nguyễn-Trãi là làm sao để cứu nước cứu dân. Từ thất bại của triều Hồ, Nguyễn-Trãi rút ra một bài học kinh nghiệm quan trọng :

Phúc chu thủy tín dân do thủy

(Thuyền bị lật mới tin dân mạnh như nước)

Nguyễn-Trãi ví dân như nước. Nước có thể chở thuyền và có thể lật thuyền. Triều Hồ có tinh thần chống giặc nhưng bị thất bại vì đã tách mình ra khỏi nhân dân, không đoàn kết được toàn dân để đánh giặc giữ nước. Những cuộc khởi nghĩa chống Minh đang dâng cao khắp nơi lúc bấy giờ cũng chưa nhận thấy và khắc phục được sai lầm của nhà Hồ. Vì vậy Nguyễn-Trãi khâm phục tinh thần yêu nước của các phong trào đấu tranh ấy nhưng không tham gia.

Nguyễn-Trãi đi lại nhiều nơi, suy xét lịch sử, khảo nghiệm thực tế là để tìm ra một con đường cứu nước mới. Qua một số bài thơ trong *Ức-Trai thi tập*, thì hình như trong thời gian này, Nguyễn-Trãi có lần sang Trung-quốc (1). Nếu sự kiện này được

(1) Trong *Ức-Trai di tập* có 17 bài thơ chữ Hán nói về cảnh và người ở Trung-quốc. Những nhà chú giải *Nguyễn-Trãi toàn tập*, lần xuất bản thứ hai, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1976, xác định 5 bài có thể không phải của Nguyễn-Trãi, còn lại 12 bài.

Digitized by Google

xác minh thì đấy cũng là một nét độc đáo ở Nguyễn-Trãi đi sang cả nước của kẻ thù để tìm đường cứu nước.

Sau một quá trình suy tư, tìm tòi, Nguyễn-Trãi đã vạch ra một kế sách cứu nước gọi là *Bình Ngô sách*. Với kế sách đó, Nguyễn-Trãi vào Thanh-hóa, *phò tá Lê-Lợi, tham gia khởi nghĩa Lam-sơn. Đó là hướng đi đúng đắn và sự lựa chọn có ý nghĩa quyết định đối với cả cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn-Trãi.*

Sau 10 năm chiến đấu gian khổ, Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi và bộ chỉ huy nghĩa quân Lam-sơn đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến toàn thắng.

Trong thắng lợi vĩ đại của dân tộc, *công lao và cống hiến của Nguyễn-Trãi thật to lớn.*

Trong bộ chỉ huy nghĩa quân Lam-sơn do Lê-Lợi đứng đầu, Nguyễn-Trãi là một *« mưu sĩ »* (lời Lê-Lợi), là người *« giúp việc trù hoạch mưu lược nơi màn trướng »* (lời Lê-Thánh-Tông). Là một nhà chính trị, một nhà tư tưởng, một nhà chiến lược quân sự, một nhà ngoại giao, một nhà thơ, nhà văn... Nguyễn-Trãi đã có nhiều đóng góp tạo nên trí tuệ chung của bộ chỉ huy.

Với *Bình Ngô sách*, Nguyễn-Trãi đã góp phần quan trọng hoạch định phương châm, đường lối của cuộc khởi nghĩa. Tác phẩm bị thất truyền, nhưng tư liệu lịch sử cho biết, trong đó Nguyễn-Trãi đề ra *« ba kế sách dẹp giặc Ngô »* (Lê-Quý-Đôn, Toàn Việt thi lục, Q.7) và nêu cao chủ trương *« Đánh vào lòng người »* (Nguyễn-Năng-Tĩnh, Lời tựa *Ức-Trai di tập*, Q.I). Tư tưởng chủ đạo của Nguyễn-Trãi là :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo

Nguyễn-Trãi chủ trương dựa vào dân để đánh giặc, cứu nước phải gắn liền với cứu dân. Đó là đường lối tiến hành chiến tranh nhân dân yêu nước chống ngoại xâm. Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng ấy, khởi nghĩa Lam-sơn đã phát triển thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mang tính nhân dân sâu rộng, dấy lên được sức mạnh của cả nước đánh giặc, toàn dân cứu nước.

Trên cơ sở đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa Lam-sơn sớm kết hợp với đấu tranh chính trị, ngoại giao, địch vận. Nguyễn-Trãi vận dụng chiến lược *« mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất »* (đánh bằng mưu nên phải đánh vào lòng người, không chiến mà giặc tự khuất phục), tổ chức và chỉ đạo cuộc đấu tranh trên những mặt trận này và thu nhiều thắng lợi rực rỡ.

Vào lúc kết thúc chiến tranh, Nguyễn-Trãi kiên trì một chủ trương sáng suốt : phát huy thắng lợi quyết định trên chiến trường, dùng biện pháp chính trị, ngoại giao buộc quân địch đầu hàng. Như thế vừa đỡ tổn hại xương máu của nhân dân hai nước Việt, Trung, vừa sớm mở đường lập lại quan hệ bang giao hòa bình với nhà Minh.

Nghĩ vì kế lâu dài của nước nhà,
Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh.
Sửa hòa hiếu cho hai nước,
Tắt muôn đời chiến tranh.

Chủ trương đó thể hiện rõ lập trường độc lập dân tộc kiên quyết kết hợp với thiện chí hòa bình chân chính và lòng nhân đạo cao cả của nhân dân ta.

Sau chiến thắng, Nguyễn-Trãi được vinh dự viết *Bình Ngô đại cáo*, trịnh trọng tuyên bố trước toàn dân thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là một bản Tuyên ngôn độc lập và cũng là một bản tổng kết tuyệt vời thắng lợi của sự nghiệp bình Ngô và toàn bộ tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc cho đến đầu thế kỷ XV. Phải là người có tâm hồn tiêu biểu cho đạo lý dân tộc và có tài năng kết tinh được trí tuệ dân tộc như

Digitized by Google

Nguyễn-Trãi mới có thể viết nên tác phẩm *« thiên cổ hùng văn »* như vậy

Trong công cuộc cứu nước, cùng với Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi xứng đáng là một *anh hùng dân tộc vĩ đại.*

II

Sau thắng lợi của chiến tranh giải phóng dân tộc, đất nước được hồi sinh trong độc lập và thanh bình. Dưới triều Lê, Nguyễn-Trãi lại hăng hái bắt tay vào công việc xây dựng đất nước.

Hoài bão dựng nước của Nguyễn-Trãi là xây dựng một quốc gia độc lập và giàu mạnh, *« phú quốc cường binh »*, một xã hội có *« vua sáng »*, *« tôi hiền »* và *« nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng oán hận sầu than »*. Nguyễn-Trãi quan niệm phò vua phải gắn liền với giúp dân dựng nước vì nước và dân là một thể thống nhất. Nguyễn-Trãi nguyện suốt đời *« thương yêu dân chúng, nghĩ làm những việc khoan nhân »*, *« để làm dân chúng, mình trước lo điều thiên hạ phải lo »*. Trong đời, Nguyễn-Trãi đã bao đêm thức trắng với nỗi lo vì dân vì nước :

Còn có một lòng âu việc nước,
Đêm đêm thức nhẫn nẻo sơ chung.

Và :

Bình sinh độc bão tiên ưu chí,
Tọa ủng hàn khâm dạ bất miên.
(Bình sinh một mình ôm chí lo trước,
Ngồi quàng chăn lạnh suốt đêm không ngủ).

Lý tưởng dựng nước cao đẹp thấm nhuần tinh thần vì nước vì dân như thế làm sao thực hiện được dưới chế độ phong kiến triều Lê có xu hướng chuyên chế và quan liêu ngày càng nặng nề ? Mâu thuẫn đó là nguyên nhân sâu xa làm cho Nguyễn-Trãi bị ghen ghét dèm pha, có lần bị hạ ngục và cuối cùng bị giết cùng cả ba họ ngày 19 tháng 9 năm 1442. Cái chết bi thảm của Nguyễn-Trãi là một bản cáo trạng đối với chế độ quân chủ chuyên chế triều Lê. Nguyễn-Trãi bị giết hại oan uổng và tàn nhẫn chỉ vì Nguyễn-Trãi tài giỏi quá, trong sáng quá, trung thực quá và suốt đời đấu tranh cho lý tưởng cao đẹp quá.

Trong sự nghiệp dựng nước, Nguyễn-Trãi không có điều kiện thực hiện hoài bão của mình, nhưng đã để lại cho dân tộc nhiều thành tựu văn hóa có giá trị. Hoạt động văn hóa của Nguyễn-Trãi rất phong phú, bao gồm nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn, sáng tác trên các lĩnh vực giáo dục, luật pháp, lịch sử, địa lý, văn thơ, nghệ thuật...

Nguyễn-Trãi có nhiều thời gian đi dạy học và đã từng đứng đầu cơ quan giáo dục của triều đình. Ông đã chăm lo tổ chức việc học việc thi và một lần chủ trì kỳ thi tiến sĩ đào tạo nhân tài cho đất nước.

Nguyễn-Trãi đã soạn một bộ luật 6 quyển (đã mất) nhằm xây dựng kỷ cương trong triều và ổn định trật tự xã hội.

Nguyễn-Trãi là tác giả *Văn bia Vĩnh-lăng*, một tác phẩm có giá trị lịch sử, và *Dư địa chí*, cuốn địa lý học lịch sử đầu tiên của nước ta. Trong tác phẩm sau, đất nước được trình bày như một lãnh thổ thống nhất toàn vẹn với núi sông hùng vĩ, đất đai màu mỡ, tài nguyên sản vật đa dạng và lối sống riêng của một dân tộc có lịch sử và văn hóa lâu đời.

Nguyễn-Trãi còn soạn *Thạch khánh đồ* và *Giao tự đại lễ* (đã mất) với quan điểm nghệ thuật tiến bộ : *« Hòa bình là gốc của nhạc. Thanh âm là văn của nhạc.. Nguyện xin bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng, dân chúng để nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng oán hận sầu than. Thế là giữ được cội gốc của nhạc vậy »* (Đại Việt sử ký toàn thư, Q.II, tờ 36a).

Nguyễn-Trãi là một nhà thơ, nhà văn lớn. Riêng thơ, tác phẩm còn

Digitized by Google

lại của ông gồm *Ức-Trai thi tập* với 105 bài thơ chữ Hán và *Quốc âm thi tập* với 254 bài thơ chữ Nôm. Trong thơ ca của Nguyễn-Trãi, tình yêu nước thương dân tha thiết quyện chặt với tình yêu thiên nhiên bao la và niềm tự hào dân tộc sâu sắc. *Quốc âm thi tập* là tập thơ Nôm xưa nhất còn giữ được đến nay, chứng tỏ một bước phát triển của ngôn ngữ dân tộc và mở ra một tiền đồ rộng lớn của nền văn học cổ điển Việt-nam.

Tư tưởng chủ yếu chi phối toàn bộ hoạt động của Nguyễn-Trãi, như chính ông đã khái quát, là *tư tưởng nhân nghĩa*. Nguyễn-Trãi nói: « *Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy nhân nghĩa gồm đủ thì công việc mới thành đạt được* » (Quân trung từ mệnh tập).

Thực chất và nội dung cơ bản của tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn-Trãi là chủ nghĩa yêu nước, ý thức độc lập dân tộc kết hợp với lòng thương dân, tinh thần nhân đạo và ước vọng hòa bình.

Với tư tưởng ấy, Nguyễn-Trãi đã phấn đấu không biết mệt mỏi cho độc lập dân tộc, cho đất nước giàu mạnh, cho cuộc sống ấm no của nhân dân và mong muốn mọi quốc gia dân tộc được tồn tại trong độc lập hòa bình. Nguyễn-Trãi kiên quyết đấu tranh đập tan chiến tranh xâm lược và nền đô hộ của nhà Minh là để « *xã tắc bền vững* », « *non sông đẹp tươi* », « *mở nền thái bình muôn thuở* » (Bình Ngô đại cáo) và để « *không những sinh linh nước tôi được khỏi lầm than, mà binh sĩ Trung-quốc cũng khỏi nỗi khổ gươm đao* », và « *hai nước thoát khỏi cái họa binh đao* » (Quân trung từ mệnh tập)

Nguyễn-Trãi là *một nhà tư tưởng lớn, một nhà hoạt động văn hóa thiên tài.*

III

Trong lịch sử Việt-nam, *Nguyễn-Trãi là một anh hùng dân tộc vĩ đại, một nhà văn hóa kiệt xuất.*

Nguyễn-Trãi là một anh hùng, một bác học, một nghệ sĩ. Ở Nguyễn-Trãi có sự kết hợp hài hòa giữa khí phách của người anh hùng dân tộc với tri thức uyên thâm của nhà bác học trên nhiều lĩnh vực và tâm hồn thơ mộng của một nghệ sĩ.

Sự nghiệp cũng như tư tưởng, tình cảm của Nguyễn-Trãi là *sản phẩm của đất nước Việt-nam, nhân dân Việt-nam, dân tộc Việt-nam trong một thời đại trưởng thành và lớn mạnh nhưng đầy biến động và bão táp của lịch sử.*

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta lúc bấy giờ đã trưởng thành về nhiều mặt và đạt đến một sự cố kết dân tộc bền chặt, một ý thức sâu sắc về độc lập chủ quyền.

Nền văn hóa dân tộc qua gần 5 thế kỷ (từ thế kỷ X đến XV) phục hồi, xây dựng và phát triển cũng đã vươn tới một trình độ cao. Đó là nền văn hóa Thăng-long rực rỡ có bản lĩnh vững vàng và sắc thái riêng.

Nhưng, trên đường phát triển, vào cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, chế độ phong kiến nước ta đang trải qua những chuyển biến phức tạp. Kinh tế điền trang thái ấp và quan hệ bóc lột nô tỳ đã trở nên lỗi thời. Các mâu thuẫn kinh tế xã hội diễn biến gay gắt và làm bùng nổ một cuộc chiến tranh nông dân kéo dài. Triều Hồ thay thế triều Trần, thực hiện một số cải cách có mặt tiến bộ nhất định, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội.

Tiếp theo đó, cuộc chiến tranh xâm lược rồi nền đô hộ tàn ngược của nhà Minh, chồng chất thêm những tai họa nặng nề cho đất nước và đòi hỏi dân tộc phải vượt qua một thách thức hết sức ác liệt.

Digitized by Google

Sinh ra và lớn lên trong một bối cảnh lịch sử như thế, Nguyễn-Trãi đã sớm chọn đúng đường đi của mình và cống hiến tất cả tài năng, nghị lực cho sự nghiệp cứu dân cứu nước, xây dựng đất nước, phát triển văn hóa dân tộc. Và chính thực tiễn của cuộc đấu tranh ấy tác động trở lại Nguyễn-Trãi, làm cho tâm hồn, tư tưởng, tình cảm, tài năng của ông càng được phát huy cao độ và vươn tới đỉnh cao của thời đại.

Nguyễn-Trãi là một ngôi sao sáng trong lịch sử Việt-nam, đã *kết tinh những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc, những giá trị tiêu biểu của lịch sử và văn hóa Việt-nam cho đến thế kỷ XV.*

Từ đỉnh cao của lịch sử Việt-nam dây thách thức và biến động, sự nghiệp, tư tưởng, tình cảm của Nguyễn-Trãi thể hiện *xu hướng tiến bộ của thời đại trong bình diện phát triển tinh thần của thế giới đương thời.*

Lúc bấy giờ, ở phương Đông, chế độ phong kiến đang ngự trị và nhiều thế lực bành trướng đang hoành hành dữ dội trong đó đế chế Minh là lớn mạnh và nguy hiểm nhất. Cuộc đấu tranh xã hội có ý nghĩa tiến bộ của phương Đông thời ấy là chiến tranh nông dân chống lại các vương triều chuyên chế phản động và chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi lãnh đạo chống lại nạn bành trướng của đế chế Minh là một mũi nhọn của cuộc đấu tranh xã hội tiến bộ đó.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh yêu nước ấy không những đã giải phóng đất nước, giành lại trọn vẹn độc lập chủ quyền, mà còn đánh bại cả ý chí xâm lược của nhà Minh vào lúc thịnh đạt, làm cho phong kiến Trung-quốc trong hơn 3 thế kỷ sau đó, không dám xâm phạm nước ta.

Thắng lợi oanh liệt của dân tộc ta còn gây nhiều khó khăn lâu dài cho nhà Minh và góp phần chặn đứng sự bành trướng của đế chế này xuống vùng Đông Nam Á.

Vào đầu thế kỷ XV, hướng bành trướng chủ yếu của nhà Minh là vùng Đông Nam Á và Nam Á. Cùng với kế hoạch xâm lược nước ta, nhà Minh phái Trịnh-Hòa chỉ huy một hạm đội mạnh hoạt động trong khu vực này. Lần vượt biển thứ nhất khởi hành năm 1405, hạm đội Trịnh-Hòa gồm 62 tàu biển cỡ lớn (mỗi tàu 44×18 trượng, tức 145 × 60m), 27800 quân tinh nhuệ và chở theo nhiều vàng bạc của cải. Từ năm 1405 đến năm 1435, Trịnh-Hòa bảy lần « *hạ Tây Dương* », mỗi lần thường kéo dài 2—3 năm. Trịnh-Hòa đã qua các nước Đông Nam Á, rồi sang Ấn-độ, Ba-tư, các nước Ả-rập, vào biển Đỏ và xuống bờ biển Đông Phi.

Mục đích của các chuyến vượt biển ấy, như *Minh sử* chép, là *điều binh cõi ngoài để chứng tỏ sự giàu mạnh của Trung-quốc* » (Q. 301, tờ 2b), tức là diễu võ dương oai nhằm đe dọa rồi « *chiêu dụ* » các nước về « *thần phục và triều cống thiên triều* ». Thủ đoạn của Trịnh-Hòa là dùng uy thế của nước lớn để dụ dỗ, dùng của cải để mua chuộc và khi cần thiết thì dùng hạm đội tiến công thẳng vào kinh đô các nước, bắt sống quốc vương làm tù binh. Trịnh-Hòa đã nhiều lần sử dụng vũ lực và bắt sống quốc vương ba nước, trong đó có quốc vương Cựu Cảng (Pa-lem-bang ở In-đô-nê-xi-a) và Tích-lan (Xri Lanca).

Với bảy lần vượt biển trong vòng 28 năm, Trịnh-Hòa đã đi qua và chiêu dụ 30 nước vùng Đông Nam Á và Nam Á về thần phục và triều cống nhà Minh. Đấy là một phương thức bành trướng nguy hiểm kết hợp các thủ đoạn chính trị, ngoại giao với kinh tế, quân sự.

Năm 1411, *Minh sử* nhận xét : « *Lúc bấy giờ Giao-chỉ (tức nước ta) đã bị*

Digitized by Google

phá và bị diệt, chia đất làm quận huyện, các nước bị chấn động nhiều nên đến triều cống càng đông » (Q. 301, tờ 3b). Bọn phong kiến nhà Minh xâm lược và hủy diệt nước ta, trong âm mưu và tính toán của chúng, còn nhằm đe dọa các nước Đông Nam Á, góp sức cho hoạt động của hạm đội Trịnh-Hòa

Nhưng rồi tình trạng sa lầy kéo dài và sự thất bại thảm hại ở nước ta làm cho bọn phong kiến nhà Minh không thực hiện được tham vọng bành trướng của chúng. Sau thất bại của « thiên triều » ở nước ta, Trịnh-Hòa chỉ tổ chức được một chuyến vượt biển cuối cùng rồi phải bãi bỏ. Sự khống chế về chính trị mà Trịnh-Hòa áp đặt đối với các nước Đông Nam Á cũng nhanh chóng bị sụp đổ.

Tổng kết cuộc chiến đấu của dân tộc ta, Nguyễn-Trãi nói :

Lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn,
Đem chí nhân mà thay cường bạo.

Cuộc đấu tranh của dân tộc ta lúc đó tiêu biểu cho cuộc đấu tranh của văn minh chống bạo tàn, của nhân nghĩa chống dã man, của độc lập dân tộc chống bành trướng xâm lược. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đó có những tác dụng và ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi nước ta.

Ở phương Tây lúc ấy, chế độ phong kiến bước vào giai đoạn hậu kỳ với quá trình tan rã của quan hệ sản xuất phong kiến và sự phát sinh của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh chống phong kiến đang trỗi dậy mạnh mẽ dưới hình thức những cuộc chiến tranh nông dân, những phong trào thị dân và phong trào cải cách tôn giáo.

Trên cơ sở những chuyển biến kinh tế xã hội mới và cuộc đấu tranh chống phong kiến, giai đoạn phục hưng văn hóa bắt đầu diễn ra ở một số nước phát triển của phương Tây. Cùng với quá trình phát sinh của chủ nghĩa tư bản là quá trình hình thành dân tộc tư sản.

Trong công cuộc phục hưng văn hóa và quá trình hình thành dân tộc, sản phẩm tinh thần tiến bộ nhất của phương Tây là chủ nghĩa nhân đạo và ý thức dân tộc.

Trong điều kiện của chế độ phong kiến, nước ta lúc bấy giờ chưa có nhiều quan hệ với thế giới bên ngoài, nhất là phương Tây. Nhưng đặt trong bối cảnh chung của lịch sử thế giới như vậy để thấy, *chủ nghĩa yêu nước, ý thức dân tộc, tinh thần nhân đạo, nguyện vọng hòa bình của dân tộc ta được đúc kết ở Nguyễn-Trãi, mang ý nghĩa tiến bộ của thời đại, biểu thị ước mơ đẹp đẽ của các dân tộc và loài người đương thời.*

Nguyễn-Trãi nói :

Nước Đại Việt ta,
Thật là một nước văn hiến.
Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc, Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần, đã xây dựng đất nước,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều xưng đế một phương.
Mạnh yếu tuy có lúc khác nhau,
Nhưng hào kiệt không bao giờ thiếu.

Nguyễn-Trãi đã nhân danh dân tộc ta, phát biểu một cách có hệ thống và khá toàn diện những tư tưởng tiên tiến của thời đại về quyền của các quốc gia dân tộc được sống trong độc lập và hòa bình. Quan niệm về dân tộc của Nguyễn-Trãi bao gồm cả lãnh thổ, chủ quyền, lịch sử, văn hóa và con người.

Tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn-Trãi chói sáng trong lịch sử Việt-nam như một niềm tự hào dân tộc, một biểu tượng của các giá trị văn hóa truyền thống có tác dụng mãi mãi cổ vũ nhân dân ta trên con đường đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc quang vinh của mình.

Digitized by Google

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIAI CẤP, DÂN TỘC VÀ QUỐC TẾ

ĐỖ - TƯ

TRONG thời đại ngày nay chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp đại diện chân chính cho dân tộc; chỉ có giai cấp vô sản mới có khả năng bảo đảm cho dân tộc thật sự độc lập, tự do, bảo đảm cho tất cả các dân tộc trên trái đất có điều kiện sống trong quan hệ bình đẳng, hòa bình và hữu nghị.

Vì vậy, vấn đề giai cấp, vấn đề dân tộc và vấn đề quan hệ quốc tế là những vấn đề không thể tách rời nhau. Các đảng mác-xít — lê-nin-nít có nhiệm vụ giải quyết đúng đắn những mối quan hệ đó trong quá trình cách mạng ở mỗi nước và thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ quốc tế của mình.

Trong 50 năm qua, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, lập trường chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc và giải quyết đúng đắn những mối quan hệ đó. Kết hợp cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, sự nghiệp giành độc lập dân tộc với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa; kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả..., những tư tưởng cơ bản ấy đã quán xuyến toàn bộ tiến trình cách mạng Việt nam do Đảng ta lãnh đạo.

★

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã chỉ rõ nguồn gốc chung của nạn áp bức, bóc lột giai cấp và dân tộc là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Nếu đối kháng giai cấp trong nội bộ từng dân tộc được xóa bỏ thì quan hệ thù địch giữa các dân tộc cũng được xóa bỏ. Cho nên, giai cấp vô sản ở mỗi nước trước hết phải xóa bỏ giai cấp tư sản ở nước mình. Giai cấp vô sản mỗi nước, ngoài mối quan hệ với giai cấp vô sản các nước khác, bao giờ cũng gắn liền với dân tộc mình. Vì vậy, việc giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản trong phạm vi mỗi nước vừa là thắng lợi của việc giải phóng toàn dân tộc khỏi tình trạng bị nô dịch, vừa là đóng góp thiết thực vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới.

Việt-nam vốn là một nước thuộc địa — nửa phong kiến. Đối với chủ nghĩa đế quốc, giai cấp công nhân Việt-nam có hai mối thù: mối thù giai cấp bị bóc lột và mối thù dân tộc bị áp bức. Khác với giai cấp công

Digitized by Google

nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa độc lập, lấy giải phóng giai cấp mình làm cơ sở để giải phóng xã hội, giai cấp công nhân Việt-nam phải trên cơ sở đấu tranh giải phóng dân tộc mà kết hợp đấu tranh giải phóng giai cấp mình từng bước. Vì vậy, ngay từ khi mới thành lập, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng ta đã xác định rõ cách mạng Việt-nam phải trải qua hai giai đoạn chiến lược: trước làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chống đế quốc, chống phong kiến giành độc lập dân tộc, từng bước thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân, đem lại ruộng đất cho nông dân; sau đó, làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Như thế là, ngay từ đầu, Đảng ta đã biết khéo kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đường lối kết hợp đúng đắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp công nhân như vậy đã phản ánh đúng thực tế Việt-nam trong xu hướng vận động và phát triển của nó, đồng thời cũng là con đường tiến lên phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử.

Trong giai đoạn đầu của cách mạng, khi kẻ thù chưa suy yếu, lực lượng cách mạng còn non trẻ, tình thế cách mạng chưa xuất hiện, điều kiện giành chính quyền chưa chín muồi, thì đấu tranh chống đế quốc, phong kiến đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi cải thiện đời sống, là rất cần thiết. Nhưng đến khi những điều kiện khách quan và chủ quan đã đầy đủ, phong trào cách mạng đã lên cao, thời cơ đã đến, thì yêu cầu giành độc lập dân tộc nổi lên hàng đầu.

Trong thời kỳ trực tiếp dẫn đến Cách mạng tháng Tám, Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 và tháng 5-1941 đã nêu bật tư tưởng của Đảng ta lấy giải phóng dân tộc làm nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách. Nêu cao tinh thần yêu nước và tập trung lực lượng của toàn dân để giải phóng dân tộc, như vậy không có nghĩa là hạ thấp đấu tranh giai cấp, không chú ý đến lợi ích của giai cấp. Trái lại, xét về thực chất, đó là sự kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh giải phóng dân tộc, kết hợp lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta lúc ấy. Trong cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo, việc thủ tiêu chế độ vua quan phong kiến cũng được kết hợp với nhiệm vụ đánh đuổi đế quốc, phát xít. Cách mạng giải phóng dân tộc trên một mức độ nhất định đã mang nội dung dân chủ. Tuy rằng yêu cầu đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ và thực hiện quyền sở hữu ruộng đất của nông dân chưa được đặt ra ngay tức khắc, nhưng không phải vì thế mà coi như cách mạng không chú ý đến nhiệm vụ ấy. Thật ra, đó chỉ là phương sách «bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn». Quyền lợi của công nông tạm thời chưa thực hiện được trọn vẹn vì rằng trong bước đầu của cách mạng «quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc... nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được». (1)

Theo phương sách đúng đắn ấy, Đảng ta đã tập hợp được đông đảo các lực lượng yêu nước chung quanh giai cấp công nhân, thành lập được một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi dựa trên khối liên minh công nông vững chắc và đã giành được thắng lợi huy hoàng trong Cách mạng tháng Tám, mở ra một kỷ nguyên

(1) *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập 1, tr. 510.

Digitized by Google

mới của nước ta: kỷ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuyên ngôn độc lập do Hồ Chủ tịch đọc tại quảng trường Ba-đình ngày 2-9-1945 đã khẳng định nước ta đã độc lập, tự do và « toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy » (2).

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, hoàn cảnh lịch sử của nước ta đã thay đổi về cơ bản, Đảng ta và Nhà nước ta đã có điều kiện để tiếp tục thực hiện những yêu cầu tự do, dân chủ của nhân dân lao động. Nhưng bọn đế quốc vẫn không chịu từ bỏ những tham vọng thực dân của chúng. Đế quốc Pháp, đế quốc Mỹ cùng các thế lực phản động quốc tế khác đã buộc nhân dân ta phải tiến hành hai cuộc kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh trong suốt 30 năm liền. Không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ, dù có phải chịu đựng bao nhiêu đổ nát, hy sinh cũng quyết giành và giữ lấy độc lập, tự do. Ý chí ấy của nhân dân ta, của Đảng ta là không gì lay chuyển được.

Những chặng đường cách mạng đầy máu lửa đã được kết thúc bằng những chiến công lừng lẫy của nhân dân ta và bằng những thất bại cay đắng của bè lũ đế quốc. Nếu chiến thắng Điện-biên-phủ « chấn động địa cầu » đã điểm giờ tận số của chủ nghĩa thực dân cũ thì đại thắng mùa Xuân 1975 lại báo hiệu sự bắt đầu quá trình phá sản không sao tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân ta đã thực hiện đúng *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, làm cho Việt-nam có vinh dự là « một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to — là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc » (3).

Phải chăng lịch sử đã hoàn toàn không nhầm lẫn khi lựa chọn Việt-nam làm nơi thể hiện điển hình cho một chân lý giản dị nhưng vô cùng vĩ đại: « Không có gì quý hơn độc lập tự do » ? Độc lập, đó là quyền cơ bản và chính đáng của mọi dân tộc. Tự do, đó là quyền cơ bản và chính đáng của nhân dân lao động. Vì độc lập của dân tộc, vì tự do chân chính của mình mà nhân dân ta, hết thế hệ này đến thế hệ khác, đã chiến đấu chống mọi kẻ thù xâm lược, từ tên bạo chúa Tần-Thủy-Hoàng vào thế kỷ III trước Công nguyên đến đế quốc Mỹ, tên đế quốc dầu sỏ của thời đại ngày nay. Từ khi có Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt-nam, đội tiên phong của dân tộc đã dũng cảm chiến đấu vì lợi ích của giai cấp mình, của dân tộc mình và cũng vì lợi ích của các dân tộc khác trên thế giới. Thực tiễn cách mạng nước ta do Đảng ta lãnh đạo cho thấy rõ: « Ý thức dân tộc càng đúng đắn bao nhiêu thì quan điểm giai cấp càng đúng đắn bấy nhiêu. Ngược lại, lập trường giai cấp vô sản càng đúng đắn bao nhiêu thì càng nắm chắc được vấn đề dân tộc bấy nhiêu » (4).

Giai cấp vô sản bao giờ cũng gắn liền với dân tộc mình, đồng thời lại có quan hệ với giai cấp vô sản các nước khác về lợi ích và về mục đích chung. Vì vậy, nếu giai cấp và dân tộc không tách rời nhau thì chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản cũng không tách rời nhau. Lê-nin đã chỉ rõ: « Chỉ có một chủ nghĩa quốc tế thật sự, duy nhất và độc nhất là: làm việc quên mình cho sự phát triển của phong trào cách mạng và của cuộc đấu tranh cách mạng ở *trong* nước mình, ủng hộ

(2) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 55.

(3) Hồ-Chí-Minh: Sách đã dẫn, tr. 330.

(4) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, tr. 484.

Digitized by Google

(bằng sự tuyên truyền, bằng sự đồng tình, bằng một sự giúp đỡ vật chất) *cũng cuộc đấu tranh ấy*, cũng đường lối ấy, và chỉ *đường lối ấy mà thôi*, trong *tất cả* các nước không trừ một nước nào » (5). Trong thời đại ngày nay, đường lối đấu tranh ấy, xét về nội dung, là đường lối đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết Mác — Lê-nin cũng như thực tế lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã cho thấy rõ chủ nghĩa quốc tế vô sản bắt nguồn từ bản chất, từ sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản, từ việc thừa nhận sự tồn tại của các dân tộc trên thế giới trong một thời kỳ lịch sử lâu dài là một tất yếu khách quan. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm chiến thắng giai cấp tư sản trước hết phải diễn ra trên địa bàn từng dân tộc, và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở bất cứ nước nào đều không thể giành được thắng lợi trọn vẹn nếu không có sự ủng hộ và giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước khác. Sự đoàn kết trong hành động theo một đường lối chung và vì những mục tiêu chung của giai cấp vô sản trên phạm vi toàn thế giới là nhân tố thắng lợi của phong trào vô sản; và thắng lợi của phong trào vô sản là điều kiện có ý nghĩa quyết định để chấm dứt tình trạng thù địch, xung đột giữa các dân tộc. Sự ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau của giai cấp vô sản đã nắm chính quyền hay chưa nắm chính quyền ở các nước trong thời đại hiện nay đang là một nghĩa vụ hàng đầu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đảng ta cho rằng, « tăng cường đoàn kết quốc tế không những là một nghĩa vụ thiêng liêng của Đảng ta, của nhân dân ta, mà còn là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của cách mạng Việt-nam »(6). Vì vậy, Đảng ta luôn luôn coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, chống những quan điểm dân tộc chủ nghĩa tư sản và tiểu tư sản, chống những luận điệu xuyên tạc, chia rẽ và phá hoại của bọn đế quốc và bè lũ tay sai. Đảng luôn luôn chú ý giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiểu rằng thắng lợi của cách mạng Việt-nam gắn liền với sự phát triển của cách mạng thế giới, gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, trước hết là giai cấp công nhân, nhân dân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đồng thời, chúng ta có nghĩa vụ góp phần tích cực vào việc tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và tăng cường đoàn kết với các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cùng với việc chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, Đảng ta đã hoạt động hết sức mình vừa để làm tròn trách nhiệm đối với dân tộc vừa để làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình. Đặc trưng nổi bật của Đảng ta là dùng thực tiễn cách mạng, giành lấy những thắng lợi trong cách mạng mà góp phần thiết thực cùng giai cấp công nhân quốc tế và nhân dân cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới, củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, trợ lực cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào dân chủ, làm phá sản chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Lập trường quốc tế vô sản của Đảng ta có nguồn gốc lịch sử sâu xa,

---

(5) Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển II, phần I, tr. 36.

(6) Lê-Duẩn: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 19.

Digitized by Google

có những nét biểu hiện độc đáo và đã được quán triệt trên mọi phương diện tư tưởng, đường lối và hành động thực tiễn của Đảng.

Từ những năm 20 của thế kỷ này, Hồ Chủ tịch đã xác định rõ cần phải liên kết chặt chẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với phong trào vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa. Người đã hoạt động tích cực và kiên trì cho việc thành lập các tổ chức có tính chất quốc tế như « Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa », « Hội các dân tộc bị áp bức ở châu Á », v.v. Trong cuốn « Đường kách mệnh ». Người đã nêu rõ: « Kách mệnh Việt-nam cũng là một bộ phận trong kách mệnh thế giới. Ai làm kách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân Việt-nam cả » (7). Trong *Luận cương chính trị* năm 1930 của Đảng ta, chủ nghĩa quốc tế vô sản đã được xác lập là lập trường chính trị của Đảng. Từ đó, Đảng ta luôn luôn có ý thức gắn liền nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế, gắn liền cách mạng nước ta với cách mạng thế giới.

Thực tiễn chỉ đạo chiến tranh cách mạng qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đã phát triển thêm một bước mới bản lĩnh chính trị và nghệ thuật kết hợp đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế của Đảng ta. Đảng ta đã biết tiến hành chiến tranh và kết thúc chiến tranh đúng lúc, vừa bảo đảm được trọn vẹn lợi ích dân tộc, vừa giữ gìn được hòa bình thế giới và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển. Trước kẻ thù lớn hơn mình gấp bội mà Đảng vẫn tạo ra được những điều kiện để thực hiện chiến lược tiến công. Chiến lược là tiến công nhưng lại biết kéo địch xuống thang từng bước, để thắng nó từng bước, kiên quyết đẩy mạnh cách mạng nhưng đồng thời lại giữ gìn được hòa bình cho thế giới. Thực hiện được những yêu cầu đó hoàn toàn không phải là vấn đề đơn giản.

Hiện nay, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế do còn tồn tại những khuynh hướng cơ hội, xét lại, dân tộc chủ nghĩa tư sản hoặc tiểu tư sản, cho nên việc giương cao ngọn cờ chủ nghĩa quốc tế vô sản càng trở thành một nhiệm vụ quan trọng và cũng là một nhiệm vụ hết sức phức tạp của các đảng mác-xít — lê-nin-nít chân chính nhằm đấu tranh chống lại những khuynh hướng sai trái ấy.

Mặt khác, trên thế giới hiện nay lại xuất hiện một kẻ thù nguy hiểm mới là chủ nghĩa Mao và tập đoàn phản động theo Mao trong giới cầm quyền ở Trung-quốc. Bọn chúng mang « nhãn hiệu Mác — Lê-nin », nấp dưới những khẩu hiệu cách mạng, mạo nhận là những người cộng sản, nhưng kỳ thực đó là những kẻ đang điên cuồng chống chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống chủ nghĩa cộng sản, phá hoại ba dòng thác cách mạng của thời đại, phá hoại hòa bình thế giới. Tình hình đó đặt ra trước các đảng mác-xít — lê-nin-nít, trước giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới một nhiệm vụ mới là phải vạch trần bản chất phản động của chủ nghĩa Mao và tập đoàn phản động theo Mao, chặn đứng những âm mưu đen tối, những hành động thù địch của chúng.

Trung thành với học thuyết Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, một lần nữa, Đảng ta, dân tộc ta lại sẵn sàng chấp nhận cuộc đụng đầu lịch sử mới chống tập đoàn phản động Bắc-kinh và đã giành được thắng lợi bước đầu rất quan trọng trong cuộc đấu tranh chống âm mưu bành trướng, xâm lược của chúng đối với nước ta.

---

(7) *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1977, tr. 63.

Digitized by Google

Tóm lại, toàn bộ tiến trình cách mạng Việt-nam do Đảng ta lãnh đạo thể hiện rõ mối quan hệ không thể tách rời giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, giữa phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

★

Do âm mưu bành trướng, xâm lược của tập đoàn phản động theo Mao, ngày nay đất nước ta vẫn đang ở trong hoàn cảnh vừa có hòa bình vừa có nguy cơ xảy ra chiến tranh. Nhân dân ta chưa thể dốc toàn lực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà còn phải dành một phần quan trọng lực lượng của mình cho yêu cầu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và thực hiện những nhiệm vụ quốc tế thiêng liêng của mình.

Song, dù tình hình trước mắt có khó khăn, phức tạp như thế nào, dưới sự lãnh đạo vững vàng và sáng suốt của Đảng ta, toàn dân ta vẫn tiến bước hào hùng trên con đường đã được xác định. Độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc là tiền đề cực kỳ quan trọng mở đường cho nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là cái đích nhất định phải tiến tới của cách mạng Việt-nam. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho đất nước ta thật sự độc lập, vững vàng và Tổ quốc ta mới thống nhất ở trình độ cao nhất và đầy đủ nhất. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn và lạc hậu. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân lao động nước ta quyền làm chủ thật sự, toàn diện và đầy đủ.

Nếu trong giai đoạn trước, việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và quốc tế là một yêu cầu quan trọng để bảo đảm thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thì trong giai đoạn hiện nay, điều đó càng có ý nghĩa trọng đại đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân cách mạng thế giới, đặc biệt là đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, đó là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam trong giai đoạn hiện nay. Chủ nghĩa xã hội ở nước ta sẽ là kết quả của quá trình tiếp tục kết hợp sức mạnh của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa với sức mạnh của ý chí độc lập dân tộc, của quá trình phát huy mọi thế mạnh vốn có của đất nước và mọi năng lực sáng tạo của nhân dân ta, của quá trình kết hợp sự phát triển đến đỉnh cao mọi tinh hoa của truyền thống dân tộc với sự tiếp thu có chọn lọc những thành tựu mới của nền văn minh thế giới, của quá trình kết hợp tinh thần tự lực tự cường của nhân dân ta với những sự giúp đỡ vô cùng quan trọng của Liên-xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và của tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới.

Ngày nay, dân tộc ta là dân tộc xã hội chủ nghĩa độc lập, Tổ quốc ta là Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thống nhất. Lòng yêu nước của nhân dân ta ngày nay là lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và bảo vệ đất nước ta là xây dựng và bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản càng không thể tách rời trong ý thức và hành động của giai cấp công nhân và nhân dân

(Xem tiếp trang 75)

Digitized by Google

QUÁN TRIỆT NGUYÊN TẮC TIẾT KIỆM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

NGUYỄN-ĐỨC-NHÂN

NHÂN dân ta đang đứng trước một nhiệm vụ có ý nghĩa trọng đại và sâu sắc đối với sự phát triển của dân tộc ta. Đó là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một đất nước từ sản xuất nhỏ đi lên lại bị 30 năm chiến tranh tàn phá nặng nề. Trong khi đó, chính sách thù địch của bọn bành trướng bá quyền nước lớn Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc thường xuyên đe dọa chiến tranh buộc nhân dân ta phải không ngừng tăng cường sức mạnh quốc phòng. Tình huống hết sức đặc biệt trên đây của cách mạng đòi hỏi:

Một mặt, việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế phải theo đúng đường lối kết hợp kinh tế với quốc phòng, làm sao mỗi thành tựu đạt được về kinh tế đáp ứng cùng một lúc các nhu cầu về sản xuất, đời sống và quốc phòng. Mặt khác việc tăng cường sức mạnh quốc phòng phải căn cứ vào yêu cầu chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và phải nghiêm chỉnh tuân theo nguyên tắc sử dụng lực lượng của đất nước một cách tiết kiệm, đạt hiệu quả cao nhất. Lê-nin viết: « Việc phòng thủ nước Cộng hòa xô-viết đòi hỏi bức thiết phải hết sức tiết kiệm lực lượng và phải sử dụng lao động của nhân dân một cách có hiệu quả nhất » (1).

Dưới chủ nghĩa xã hội, những chi phí xã hội dành cho quân đội và quốc phòng về đại thể có thể chia thành: quỹ vật chất của quốc phòng; lực lượng lao động xã hội và thời gian lao động xã hội cần huy động vào quân đội để tiến hành các nhiệm vụ quân sự; một bộ phận ngân sách bằng tiền.

Quỹ vật chất dành cho quân đội và quốc phòng là tiền đề vật chất lập nên sức mạnh quân sự. Nó thường lập nên từ một bộ phận rất quan trọng của tổng sản phẩm xã hội là thu nhập quốc dân. Quy mô của nó phụ thuộc vào khối lượng và sự tăng lên của thu nhập quốc dân, của năng suất lao động xã hội. Huy động lực lượng vật chất để tạo ra quỹ quốc phòng cũng có nghĩa là lấy đi một bộ phận thu nhập quốc dân đáng lẽ được sử dụng vào sản xuất và cải thiện đời sống.

Lực lượng lao động cần huy động cho quốc phòng là bộ phận trẻ khỏe có cơ cấu chất lượng ngành nghề ngày càng cao. Huy động bộ phận lực lượng này cho các nhiệm vụ quân sự cũng có nghĩa là rút từ lĩnh vực sản xuất một bộ phận lực lượng sản xuất

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 28, tr. 453.

Digitized by Google

cơ bản. Không những thế, còn phải huy động một phần thu nhập quốc dân sẵn có bảo đảm cho nó hoạt động.

Phần ngân sách Nhà nước dành cho quốc phòng là biểu hiện về mặt giá trị một bộ phận thu nhập quốc dân sẽ được huy động. Việc sử dụng khối lượng tiền mặt này có quan hệ mật thiết đến tình hình thị trường, đến việc duy trì và thực hiện các mối quan hệ cân đối có kế hoạch trong nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa.

Từ sự phân tích về cơ cấu chi phí xã hội dành cho quân đội và quốc phòng nói trên, chúng ta có thể đi đến một số kết luận có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn dưới đây:

Một là, mọi chi phí xã hội về lao động và vật chất dành cho quân đội và các hoạt động quân sự đều phải rút ra từ lĩnh vực sản xuất, đều là thành quả lao động sáng tạo của toàn dân. Những lực lượng ấy là tiền đề vật chất rất cần thiết để tạo ra sức mạnh quân sự bảo vệ đất nước. Thế nhưng, vì nó là lực lượng không trực tiếp tham gia vào quá trình sáng tạo ra thu nhập quốc dân, cho nên nó có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến quy mô, cơ cấu, tốc độ phát triển sản xuất cũng như mức độ cải thiện đời sống nhân dân.

Hai là, sử dụng tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất lực lượng xã hội dành cho công cuộc quốc phòng là điều kiện rất quan trọng bảo đảm cho các lực lượng vũ trang hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của mình, đồng thời là một yêu cầu khách quan, rất nghiêm khắc của sự phát triển xã hội, của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa đối với mọi hoạt động quân sự cũng như mọi hoạt động xã hội khác.

Ba là, thực hành tiết kiệm đối với mọi hoạt động quân sự không chỉ thu hẹp trong lĩnh vực hạn chế tiêu dùng, mà nội dung của nguyên tắc này là: hoàn thành mọi nhiệm vụ quân sự đạt đến sự sẵn sàng chiến đấu cao nhất, sức mạnh chiến đấu lớn nhất với những chi phí xã hội ít nhất; trong khi thực hành mọi nhiệm vụ quân sự, phải tạo ra được một sự sẵn sàng chiến đấu cao hơn, và một sự tích lũy sức mạnh quân sự lớn hơn, trong đó bao gồm cả sức mạnh kinh tế — quân sự.

Như thế, tiết kiệm trong mọi hoạt động quân sự là một vấn đề quan trọng thuộc về đường lối có quan hệ đến cả hai nhiệm vụ xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước; đồng thời là một nguyên tắc chỉ đạo mọi hoạt động quân sự được thể hiện cả trong đường lối quân sự, trong nghệ thuật quân sự, trong từng thủ đoạn và hành động tác chiến của các lực lượng vũ trang, cũng như của mỗi công dân khi tiến hành các nhiệm vụ quân sự. Lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước của dân tộc ta chỉ ra rằng: một trong những đặc điểm đặc sắc nhất của đường lối giữ nước của dân tộc ta là: sử dụng tiết kiệm, hợp lý lực lượng đất nước cho cả hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo phương hướng kết hợp kinh tế với quốc phòng làm cho *dân giàu nước mạnh*. Trong chiến lược quân sự, nghệ thuật quân sự, quân và dân ta luôn luôn lấy chất lượng thắng số lượng, với lực lượng ít biết tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn, đánh địch và thắng địch trên thế mạnh của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân. Trong hành động quân sự, quân đội vừa chiến đấu vừa lo bồi dưỡng lực lượng, vừa huấn luyện, xây dựng, vừa tham gia sản xuất, luôn luôn phấn đấu tạo ra những điều kiện cần thiết để đánh giặc và thắng giặc, và có rất nhiều cách đánh mưu trí, sáng tạo với lực lượng ít, đạt hiệu quả chiến đấu cao.

Trong hoàn cảnh nền kinh tế đất nước còn có nhiều khó khăn, không ít các đơn vị ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc đã có những nỗ lực lớn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu với những chi phí xã hội ít nhất, theo

Digitized by Google

phương hướng: vừa phấn đấu nâng cao chất lượng chiến đấu, vừa chăm lo cải thiện đời sống cho bộ đội, vừa tích cực tham gia sản xuất, vừa đẩy mạnh công tác nghiên cứu tìm tòi những vấn đề mới về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ thực tiễn chiến đấu.

Thực tiễn trên đây khẳng định rằng: tiết kiệm trong mọi hoạt động quân sự là một vấn đề có tầm quan trọng về đường lối, một nguyên tắc chỉ đạo mọi hoạt động quân sự, một vấn đề thuộc về khoa học và nghệ thuật quân sự.

★

Nhiệm vụ thiêng liêng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của các lực lượng vũ trang ta là chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện sự nghiệp xây dựng đất nước gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các lực lượng vũ trang ta phải không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, luôn luôn nắm chắc phần chủ động, kịp thời giáng những đòn sấm sét lên đầu bọn xâm lược ngay từ phút đầu, trên tuyến đầu của Tổ quốc.

Trong chiến đấu, các lực lượng vũ trang ta kiên quyết phấn đấu đạt được mục tiêu quân sự của chiến tranh với hiệu suất chiến đấu cao nhất. Hiệu suất chiến đấu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc không chỉ thể hiện ở tỷ lệ so sánh về thương vong giữa ta và địch như trước đây mà còn phải thể hiện trên nhiều mặt: tiêu diệt gọn nhiều đơn vị quân địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng; hạn chế đến mức thấp nhất sự thiệt hại về người và của của các lực lượng vũ trang và nhân dân ta, bảo vệ vững chắc từng vị trí, từng trận địa, không cho địch tàn sát nhân dân, phá hoại cơ sở kinh tế của ta.

Chúng ta chiến đấu là nhằm bảo vệ quyền làm chủ trọn vẹn của nhân dân ta trên phạm vi cả nước, cũng như ở từng địa phương, vì thế khi nói đến tiết kiệm trong chiến đấu, là nói đến bảo vệ và sử dụng tiết kiệm bất cứ lực lượng nào của đất nước, kể cả của Nhà nước và của nhân dân. Các lực lượng vũ trang ta phải giữ đúng và chấp hành triệt để mọi chính sách và pháp luật của Nhà nước, nghiêm chỉnh giữ vững kỷ luật của quân đội, không bao giờ ỷ lại vào yêu cầu tiêu diệt địch để đi đến sử dụng lao động và của cải của Nhà nước và nhân dân một cách tùy tiện. Đây không những là một vấn đề thuộc về bản chất, truyền thống của các lực lượng vũ trang nhân dân, mà còn là một vấn đề rất quan trọng có quan hệ đến việc xây dựng và tích lũy lực lượng chiến đấu trước mắt cũng như về lâu dài.

Khi chưa có nhiệm vụ chiến đấu, mọi hoạt động của các lực lượng vũ trang đều nhằm mục đích nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu. Nắm vững mục đích ấy và quán triệt nguyên tắc tiết kiệm bất cứ ở đâu, bất cứ trong công tác gì, mỗi thành viên của các lực lượng vũ trang cũng phải ra sức phấn đấu, sử dụng ít nhất chi phí xã hội để tăng cường nhiều nhất sự sẵn sàng chiến đấu và chất lượng chiến đấu.

Theo phương hướng trên, chúng ta hết sức coi trọng nhiệm vụ huấn luyện quân sự, biết sử dụng thời gian một cách tập trung và có hiệu quả nhất cho huấn luyện quân sự. Phải coi trọng huấn luyện chiến sĩ mới, bảo đảm cho họ trong một thời hạn ngắn nhất có được kỹ năng lao động quân sự khá nhất.

Đối với vũ khí và trang bị thì yêu cầu cao nhất của nguyên tắc tiết kiệm là bảo đảm cho giá trị sử dụng của chúng không bị hao mòn, để khi có nhiệm vụ chiến đấu, có thể phát huy đầy đủ tính năng tác dụng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật như đã thiết kế. Muốn thế, một mặt phải chăm lo huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ có đủ trình độ làm

Digitized by Google

chủ trang bị kỹ thuật, sử dụng thành thạo mọi thứ vũ khí trang bị hiện có theo cách đánh của ta. Mặt khác, phải hết sức coi trọng khâu quản lý, bảo quản, làm cho cán bộ, chiến sĩ coi việc giữ gìn và sử dụng thành thạo, với hiệu quả lớn nhất vũ khí, trang bị kỹ thuật mà nhân dân trao cho như giữ gìn và sử dụng nguồn sinh lực của chính mình. Làm mất mát, hư hỏng một viên đạn, một khẩu súng là tự làm giảm khả năng chiến đấu, tự tước quyền làm chủ đối với phương tiện chiến đấu và tăng thêm gánh nặng cho Nhà nước và nhân dân.

Trong những của cải xã hội dành cho các lực lượng vũ trang có một bộ phận bảo đảm đời sống cho cán bộ và chiến sĩ. Đối với bộ phận của cải này, phải sử dụng đúng theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, biết cách tổ chức sử dụng một cách khoa học để có thể với một số lượng nhất định, đạt được những kết quả tốt nhất về cải thiện đời sống, góp phần nâng cao sức chiến đấu cho từng người và đơn vị. Sử dụng lãng phí, sử dụng tùy tiện, không vì lợi ích cải thiện đời sống của bộ đội, không quan tâm đúng mức đến việc tổ chức tốt đời sống của đơn vị, vi phạm quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ đối với mọi thành quả lao động của họ cũng có nghĩa là làm suy yếu sức chiến đấu của bộ đội, có thể đưa đến thương vong, tổn thất không đáng có trên chiến trường và là một tội ác đối với nhân dân và Tổ quốc.

Dưới chủ nghĩa xã hội, mọi hoạt động xã hội đều có nhiệm vụ phục vụ lợi ích xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Nắm vững mục đích phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống mới của toàn dân, quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong mọi hoạt động quân sự, quân đội nhân dân, trong khi làm tốt mọi nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu là nhiệm vụ quan trọng nhất, thiêng liêng nhất, phải làm tốt cả nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ : « Lao động sản xuất, xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, thể hiện bản chất và truyền thống tốt đẹp của các lực lượng vũ trang nhân dân. Đó cũng là yêu cầu khách quan của tình hình và nhiệm vụ cách mạng hiện nay » (2).

Làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế đối với quân đội thường trực là sử dụng một cách có hiệu quả nhất lực lượng của quân đội để tăng cường sức mạnh quốc phòng và góp phần giảm bớt sự cung cấp của Nhà nước. Vì thế, phải biết cách kết hợp thật tốt hai nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện quân sự với lao động sản xuất. Cần có nhiều biện pháp, hình thức tổ chức thích hợp để có thể huy động và sử dụng lực lượng của đơn vị nhằm đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện quân sự, tham gia lao động sản xuất, khai thác, tận dụng mọi tiềm năng của đơn vị, bảo đảm tự giải quyết ngày càng tốt hơn chi phí nuôi quân và góp phần cùng nhân dân đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc phòng toàn dân ở địa phương. Các cơ sở sản xuất do quân đội quản lý, ngoài nhiệm vụ sản xuất phục vụ quân đội, cần tận dụng công suất thiết bị, lực lượng kỹ thuật, phế liệu phế phẩm để sản xuất phục vụ kinh tế và đời sống.

Nền kinh tế của ta là một nền kinh tế phát triển có kế hoạch đặt dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Nhà nước. Quân đội làm kinh tế không phải như trước đây theo lối tự cung tự cấp, mà phải theo đúng kế hoạch của Nhà nước ; mọi sản phẩm do quân đội làm ra là thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, không được tự ý sử dụng,

(2) Lê-Duẩn « Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng hùng mạnh, kiên quyết chiến thắng mọi kẻ thù » *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1980, tr. 35.

Digitized by Google

đổi chác, mua bán. Quân đội phải nghiêm chỉnh và gương mẫu chấp hành chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Nói đến tiết kiệm phải nói đến việc nâng cao kỹ năng lao động cho người lao động. Thông qua việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và lao động sản xuất xây dựng kinh tế, quân đội góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng, đào tạo thế hệ thanh niên thành người chiến sĩ giỏi, người lao động mới. Như thế, cũng có nghĩa là thiết thực trực tiếp góp phần vào quá trình tái sản xuất ra lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội. Cho nên quân đội nhân dân phải ra sức phấn đấu để « thật sự là một trường học lớn có sức hấp dẫn đối với thế hệ trẻ, rèn luyện thanh niên thành những con người mới, chiến đấu giỏi, sản xuất tốt, có lý tưởng cao đẹp, có sức khỏe dồi dào, có tinh thần kỷ luật, có tác phong khẩn trương, có năng lực tổ chức và kỹ năng lao động, biết xây dựng những quan hệ đúng đắn giữa người với người, đào tạo những người lao động tốt, những cán bộ tốt cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội » (3).

★

Tiết kiệm chi phí lao động xã hội để đạt đến một năng suất lao động cao là một vấn đề thuộc lĩnh vực tổ chức thực tiễn.

Việc tiết kiệm lực lượng lao động xã hội được huy động cho quân đội đòi hỏi một sự phân bố, phân công lao động xã hội khoa học và hợp lý cho các ngành hoạt động xã hội khác nhau, theo một tỷ lệ cân đối thích hợp nhất. Đối với quân đội thường trực, điều quan trọng trước tiên là phải nghiêm chỉnh tuân theo biên chế tổ chức đã được quy định. Phải căn cứ vào tổ chức biên chế mà rèn luyện cán bộ, chiến sĩ để mọi người làm đúng chức trách của mình. Nếu tùy tiện thay đổi tổ chức biên chế, thì khi có nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, sẽ thiếu lực lượng, tổ chức chiến đấu xộc xệch, buộc phải thực hiện động viên đột xuất, gây trở ngại lớn cho sự phát triển bình thường của xã hội.

Muốn làm cho cán bộ, chiến sĩ thật sự quan tâm đến việc sử dụng tiết kiệm với hiệu quả cao nhất lực lượng của đất nước dành cho quốc phòng thì phải giáo dục cho mọi người hiểu rõ ý nghĩa phục vụ lợi ích của nhân dân cũng như của chính mình trong từng hành động quân sự. Cần bảo đảm cho cán bộ chiến sĩ thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể trong mọi hoạt động quân sự, trong việc quản lý, sử dụng thời gian lao động, lực lượng lao động, lực lượng vật chất, trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả việc sử dụng lao động và phương tiện vật chất trong quân đội. Trong hoạt động quân sự, quyền làm chủ tập thể của mọi người không nằm ngoài mệnh lệnh chỉ huy, điều lệnh, điều lệ mà là một yếu tố bên trong của việc chấp hành mệnh lệnh. Vì thế mọi mệnh lệnh của người chỉ huy phải thể hiện được quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ. Người chỉ huy phải tạo ra những điều kiện cần thiết cho mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bằng công tác giáo dục và biện pháp tổ chức chặt chẽ, kiên quyết khắc phục tình trạng sử dụng lao động trong quân đội một cách tùy tiện theo quan điểm rất tệ hại : « nước sông công lính ».

Hoạt động quân sự có tính kế hoạch cao. Muốn thực hiện bất cứ một nhiệm vụ gì đều phải có sự phối hợp chính xác của nhiều bộ phận, nhiều đơn vị, nhiều ngành chuyên môn kỹ thuật. Vì thế, không thể nói tiết kiệm, nếu bộ đội không có kỷ luật nghiêm, nếu hoạt động quân sự không theo kế hoạch thống nhất và việc kế hoạch

(3) Lê-Duẩn : « Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng hùng mạnh, kiên quyết chiến thắng mọi kẻ thù ». *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1980, tr. 35.

Digitized by Google

hóa công tác quân sự không được cải tiến luôn.

Dưới chủ nghĩa xã hội, thi đua là một động lực mạnh mẽ làm nảy nở những yếu tố tốt đẹp của lao động xã hội chủ nghĩa, tạo nên năng suất lao động cao. Trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang, thi đua giữ vị trí rất quan trọng vì ở đây con người giác ngộ cách mạng có năng lực làm chủ giỏi là nhân tố quyết định trực tiếp thắng lợi trên chiến trường. Quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong mọi hoạt động quân sự, trong phong trào thi đua hiện nay, chúng ta chú trọng đến một nội dung quan trọng về nâng cao chất lượng chiến đấu là: thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến không ngừng công tác huấn luyện quân sự, công tác quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, công tác quản lý bộ đội, công tác tổ chức lao động quân sự một cách khoa học.

Chủ nghĩa xã hội sở dĩ đạt được một năng suất lao động ngày càng cao, điều rất quan trọng là người lao động xã hội chủ nghĩa có ý thức làm chủ, có năng lực nhận thức và hành động theo đúng các quy luật khách quan. Hoạt động kinh tế là nền tảng, quan hệ kinh tế là cơ sở của mọi quan hệ xã hội. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, quy luật kinh tế tác động một cách khách quan trong tất cả các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang quy luật kinh tế tác động xen kẽ với các quy luật đấu tranh vũ trang, cho nên phải giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nắm được tri thức kinh tế, đường lối kinh tế, chính sách và luật pháp về kinh tế của Nhà nước, các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa và phải quán triệt quan điểm, đường lối kinh tế của Đảng và vận dụng đúng đắn trong hoạt động thực tiễn.

Hoạt động quân sự dù được tiến hành dưới bất cứ hình thức nào bao giờ cũng là một việc sử dụng lao động sống và lao động vật hóa. Mọi mệnh lệnh, chỉ thị quân sự đều dẫn đến một sự tiêu dùng lao động và của cải. Điều đó có nghĩa là: công tác chỉ huy, công tác quản lý bộ đội hiện nay thật sự là sự thống nhất giữa các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, hành chính. Sự thống nhất ấy đòi hỏi người chỉ huy phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc sử dụng lực lượng của đất nước vào các nhiệm vụ quân sự. Trong công tác chỉ huy và quản lý bộ đội, người chỉ huy phải có nhiều biện pháp có hiệu lực để có thể sử dụng tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất sức lực của quân đội trong việc cải thiện điều kiện sinh hoạt, tập luyện, bảo đảm cho bộ đội đạt được chất lượng và hiệu quả chiến đấu cao. Một trong những biện pháp ấy là vấn đề tiêu chuẩn hóa về thời gian và về tiêu phí vật tư, tài chính cho những công việc có thể tiêu chuẩn hóa được, là vấn đề tổ chức thực hiện một cách nghiêm chỉnh và triệt để mọi quy định, điều lệ, điều lệnh của quân đội trong sinh hoạt, huấn luyện chiến đấu và lao động sản xuất. Không đưa mọi hoạt động của quân đội vào nền nếp chính quy, không giữ nghiêm kỷ luật, không chấp hành triệt để chế độ trách nhiệm đối với cán bộ chỉ huy, thì bất cứ một sự tiết kiệm dù nhỏ đến đâu cũng không thể thực hiện được. Do đó, quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc tiết kiệm đối với cán bộ là một vấn đề ý thức, đồng thời là một vấn đề trình độ, năng lực; là biểu hiện sự thống nhất giữa hai mặt đức và tài. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, giáo dục ý thức tiết kiệm cho bộ đội, nâng cao trình độ, năng lực làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ đối với mọi lực lượng của Nhà nước giao cho các lực lượng vũ trang, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nhất những lực lượng ấy, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là một yêu cầu quan trọng về nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, về nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Digitized by Google

Điều tra

KHOÁN MÀU Ở VĨNH-PHÚ

HỮU-HẠNH

MẤY năm gần đây, sản xuất màu ở Vĩnh-phú phát triển khá. Các loại cây màu lương thực đã tăng nhanh cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích màu năm 1978 đạt 61 000 héc-ta (tăng 22% so với 1977) và sản lượng màu quy thóc đạt gần 10 vạn tấn. Riêng màu vụ đông 1979 tăng 2,5 lần về diện tích và tăng thêm 1 vạn tấn so với 1978. Hiện nay, sản lượng màu (quy thóc) ở Vĩnh-phú chiếm trên 25% sản lượng lương thực của tỉnh. Nhờ vậy, mặc dù hai năm qua thiên tai lớn làm cho lúa Vĩnh-phú mất mát nhiều, nhưng đời sống nông dân vẫn được giữ vững, chăn nuôi gia súc tiếp tục phát triển.

Một trong những lý do làm cho diện tích, năng suất và sản lượng màu (đặc biệt là màu vụ đông) ở đây tăng lên nhanh là do áp dụng chế độ khoán *phù hợp với đặc điểm sản xuất kỹ thuật* của cây màu (đặc biệt là cây màu có củ).

CÁCH KHOÁN VÀ HIỆU QUẢ

Qua hai năm chỉ đạo và rút kinh nghiệm trong thực tiễn, Tỉnh ủy Vĩnh-phú đã có nghị quyết chính thức về tổ chức sản xuất và quản lý cây màu lương thực trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Việc tổ chức sản xuất và khoán trồng màu trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Vĩnh-phú được tiến hành theo hai cách sau đây:

Một là, hợp tác xã khoán cho đội sản xuất, đội sản xuất nhận khoán và tổ chức *làm tập trung* cả đội hoặc chia nhóm nhỏ và giao nộp sản phẩm cuối cùng cho hợp tác xã. Chế độ thưởng phạt cho đội được thực hiện bằng hiện vật.

Hai là, hợp tác xã khoán cho đội, đội tổ chức làm đất tập trung, sau đó phân công và *giao khoán cho xã viên cùng gia đình* làm các công việc gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cuối cùng (kể cả sản phẩm cây trồng xen nếu có). Đội có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quy trình sản xuất, biện pháp kỹ thuật,

Digitized by Google

thu nhận sản phẩm và giao nộp cho hợp tác xã, thực hiện chế độ thưởng 100% sản lượng vượt định mức bằng hiện vật và phạt 100% sản lượng hụt bằng giá thị trường tự do đối với từng người nhận khoán.

Việc thực hiện khoán sản phẩm cho xã viên cùng gia đình nhất thiết phải bảo đảm các nguyên tắc: *Một là*, hợp tác xã phải xây dựng được quy hoạch, tổ chức sản xuất theo vùng, bảo đảm quy trình sản xuất, khoán trồng màu nhưng không ảnh hưởng đến hai vụ lúa, hoặc cây trồng vụ trước và vụ sau. *Hai là*, hợp tác xã phải quản lý chặt chẽ tư liệu sản xuất và nắm được sản phẩm cuối cùng, thống nhất phân phối trong phạm vi toàn hợp tác xã theo nguyên tắc phân phối theo lao động, bảo đảm có tích lũy cho hợp tác xã và có sản phẩm hàng hóa bán cho Nhà nước. *Ba là*, nâng cao trách nhiệm của hợp tác xã, đội sản xuất và từng người lao động, kết hợp tốt lợi ích của hợp tác xã, đội sản xuất và người lao động trong quá trình sản xuất và phân phối.

Sau đây là ví dụ cụ thể về cách khoán và thưởng phạt đang được tiến hành ở các hợp tác xã trong tỉnh dưới dạng mô hình như sau:

Nơi trồng	Cây trồng	Làm đất	Thủy lợi	Trừ sâu	Phân	Giống	Gieo trồng	Chăm sóc	Thu hoạch	Thưởng, phạt
HTX Đồng-văn	Khoai lang	o					×	×	×	+ Thưởng 100% sản lượng vượt khoán bằng hiện vật – Phạt 100% sản lượng hụt bằng giá thị trường tự do
		o					×	×	×	
		o				×	×	×	×	
		o				×	×	×	×	
HTX Trung-nguyên	Khoai tây	o					×	×	×	– như trên –
		o					×	×	×	
		o				×	×	×	×	
		o				×	×	×	×	
HTX Đồng-văn	Ngô (đông)	o					×	×	×	– như trên –
		o					×	×	×	
		o					×	×	×	
		o					×	×	×	
HTX Đồng-văn	Lạc	o					×	×	×	– như trên –
		o					×	×	×	
							×	×	×	
							×	×	×	
HTX Liên-châu	Mía						×	×	×	+ Thưởng 100% sản lượng vượt khoán bằng giá chỉ đạo – Phạt 100% sản lượng hụt bằng 2 lần giá chỉ đạo
							×	×	×	
							×	×	×	
							×	×	×	

Ghi chú:
- Công việc hợp tác xã đảm nhiệm: [ ]
- Công việc đội sản xuất đảm nhiệm: [oooo]
- Công việc giao khoán cho lao động: [××××]

Digitized by Google

Cách khoán và thưởng phạt này gắn việc làm hằng ngày của người xã viên với kết quả lao động của họ thể hiện ở sản phẩm cuối cùng. Người xã viên được đội sản xuất phân công, nhận khoán làm một số khâu công việc gắn với sản phẩm cuối cùng phải bảo đảm nộp đủ cho hợp tác xã, đã cố gắng đem hết công sức (bỏ thêm lao động ngoài giờ và lao động phụ trong gia đình), vốn liếng (thêm phân, thêm giống), cần cù ngày đêm chăm sóc đồng ruộng, tận thu sản phẩm (cả chính và phụ) không để hao hụt, mất mát, nhằm vượt mức sản lượng khoán của hợp tác xã để được hưởng 100% sản phẩm vượt khoán. Lợi ích này đã tác động như *một động lực nhạy bén* thúc đẩy người xã viên tích cực lao động sản xuất, tạo ra năng suất cây trồng cao và tăng thêm nhiều sản phẩm nông nghiệp cho hợp tác xã. Chính ở đây, việc kết hợp lợi ích của người lao động và lợi ích của hợp tác xã (gắn liền với lợi ích của Nhà nước) được thể hiện một cách rõ nét và đem lại kết quả thiết thực.

Một vấn đề được đặt ra ở đây là: tổ chức khoán và thưởng phạt như vậy có ảnh hưởng gì đến quan hệ sản xuất mới ở nông thôn?

Căn cứ vào mô hình khoán như đã trình bày ở trên và thực tiễn sản xuất trên đồng ruộng của Vĩnh-phú hiện nay, thấy rằng ở đây hợp tác xã (tập thể) quản lý và nắm chắc các tư liệu sản xuất (bao gồm ruộng đất, máy móc, trâu bò cày kéo, cày bừa và các công cụ chủ yếu khác) để sử dụng hoặc giao cho đội sản xuất sử dụng. Hợp tác xã và đội sản xuất nắm giữ và đảm đương các khâu công việc: làm đất, tưới và tiêu nước cho đồng ruộng, cung cấp phân bón (vô cơ và hữu cơ), phun thuốc trừ sâu, phát giống...; đó là một hệ thống những việc làm có tính chất quyết định đối với quá trình tiến hành sản xuất theo vùng và theo quy trình kỹ thuật. Hợp tác xã nắm và quản lý sản phẩm cuối cùng theo kế hoạch, tiến hành phân phối thống nhất trong phạm vi toàn hợp tác xã.

Người xã viên nhận khoán có nghĩa vụ giao nộp đúng kỳ hạn, đủ số lượng và chất lượng phân chuồng cho hợp tác xã (theo định mức nghĩa vụ), làm đủ số ngày công (theo quy định cho từng loại lao động) và làm theo lịch điều hành lao động của hợp tác xã. Hợp tác xã nghiêm phạt những người vi phạm các quy định nói trên bằng cách khấu trừ vào mức ăn chia phân phối trong năm của người đó. Kết quả trên thực tế là kế hoạch phân bón và kế hoạch lao động cả năm và trong từng mùa vụ sản xuất của hợp tác xã đều bảo đảm đầy đủ cho sản xuất theo kế hoạch chung.

Như vậy, quan hệ sản xuất mới ở nông thôn được giữ vững, sản xuất phát triển theo chiều sâu, trình độ thâm canh cây trồng được nâng cao, năng suất tăng, sản lượng nhiều, kinh doanh có lãi:

(Xem bảng kê ở trang bên)

VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

Hiện nay, sản xuất nông nghiệp của ta chủ yếu còn là thủ công. Vật tư của Nhà nước cung cấp cho nông nghiệp có hạn, ít có điều kiện tăng thêm theo yêu cầu của sản xuất ở cơ sở. Vốn liếng của hợp tác xã cũng vậy, chỉ có hạn. Trong điều kiện như vậy, làm cách nào để khai thác được tiềm năng ruộng đất (năng suất đang còn thấp) và lao động ở nông thôn (đang còn nhiều thời gian nhàn rỗi) để tạo ra năng suất cây trồng cao, sản lượng

Digitized by Google

Nơi trồng	Cây trồng	Hiệu quả kinh tế							
		Năng suất làm tập trung theo đội		Năng suất khoán cho xã viên (nộp hợp tác xã)		Sản lượng vượt khoán (xã viên hưởng)	Hiệu quả hạch toán ban đầu (Theo giá trị ngày công ăn chia)		
		kg/ha	%	kg/ha	Tăng (%)	ước tính kg/ha	Thu (đ)	Chi (đ)	Lãi (đ)
HTX Đồng-văn	Khoai lang	5040	100	7000	138,8	+ 1400 đến + 2100	1610	849	+ 761
HTX Trung-nguyên	Khoai tây	5880	100	7000	119	+ 2100	3500	3142	+ 358
HTX Đồng-văn	Ngô (đông)	1160	100	1660	143	+ 320	1190	675	+ 515
HTX Đồng-văn	Lạc thu Lạc xuân	504 672	100	840 1120	166,6 166,6	+ 210 + 330	2850 3780	1703 1703	+1147 +2077
HTX Liên-châu	Mía thuần Mía có xen đậu	18000 18000	100	54000 54000	300 300	Một phần sản phẩm phụ và màu trồng xen	4368 4771	1940 2021	+2428 +2750

nhiều, là điều cấp bách đặt ra đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp hiện nay của chúng ta.

Kinh nghiệm khoán màu, (sau mở rộng ra làm thử đối với một số cây công nghiệp) ở Vĩnh-phú mở ra khả năng khai thác tốt tiềm năng của đất đai và lao động theo kế hoạch và quy trình sản xuất, nâng cao sản lượng nông nghiệp, kết hợp tốt ba lợi ích (của Nhà nước, hợp tác xã và người lao động). Động lực thúc đẩy người nông dân xã viên hăng hái sản xuất một cách có ý thức chính là việc *gắn lao động với sản phẩm cuối cùng.*

Tuy nhiên, ở Vĩnh-phú cũng còn có những nơi thực hiện khoán chưa đúng theo quy định của tỉnh. Có những đội sản xuất chỉ mới làm chức năng nhận mức khoán của hợp tác xã rồi giao đất cho gia đình xã viên làm, chưa xác định chính xác mức khoán cụ thể. Mức khoán đưa ra thường thấp, vì lấy

(Xem tiếp trang 88)

Digitized by Google

Xóa bỏ bao cấp tràn lan, thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động

TRẦN-NGỌC-VINH

TRONG những năm trước đây, việc thực hiện chính sách cung cấp hàng hóa theo định lượng đặt ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh là *cần thiết*, góp phần ổn định giá cả, bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, viên chức và những người lao động khác. Đi đôi với việc cung cấp hàng hóa theo định lượng, việc bảo đảm cung cấp một số hàng hóa thiết yếu cho nhu cầu tối thiểu của các tầng lớp nhân dân đã có tác dụng ổn định đời sống nhân dân, khuyến khích mọi người hăng hái tham gia kháng chiến, cứu nước. Nhưng chế độ cung cấp theo định lượng được thực hiện trong thời gian dài, dần dần mở rộng ra nhiều mặt hàng tiêu dùng khác và cho cả những người không có quan hệ kinh tế với Nhà nước, trở thành chế độ bao cấp tràn lan. Chế độ bao cấp tràn lan đó đã dẫn đến khó khăn cho Nhà nước; nó gây trở ngại cho việc kinh doanh thương nghiệp, làm cho việc phân phối không hợp lý, gây nhiều lãng phí và mất mát hàng hóa của Nhà nước.

Rõ ràng chế độ bao cấp tràn lan trong phân phối đã dẫn đến sự trì trệ trong sản xuất, lưu thông, gây nhiều mặt tiêu cực trong đời sống xã hội, mà biểu hiện rõ nét nhất là tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, muốn hưởng nhiều mà làm ít..., vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động, đẻ ra tệ nạn tham ô, móc ngoặc, cửa quyền, chủ nghĩa quan liêu.

Vì vậy, cần kiên quyết *xóa bỏ chế độ bao cấp tràn lan trong phân phối, thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động.*

★

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, còn tồn tại sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa, còn các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, do đó, trong lĩnh vực phân phối cho tiêu dùng cá nhân, người lao động nhận được một phần sản phẩm mà xã hội phân phối cho bản thân mình dưới hình thái giá trị, hình thái tiền tệ. Người lao động muốn có sản phẩm tiêu dùng, phải đem thu nhập bằng tiền mà mình nhận được mua những thứ hàng hóa cần dùng. Vì vậy, để khuyến khích người lao động làm việc với năng suất cao, trước hết Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải có *chính sách tiền lương đúng đắn đi đôi với chính sách giá cả, chính*

Digitized by Google

sách cung ứng hàng hóa và chính sách tiêu dùng hợp lý.

Chính sách *tiền lương* hiện nay đã tồn tại gần hai mươi năm. Về cơ bản, đó là chế độ nửa cung cấp, mặc dù đã có nhiều cải tiến nhất định. Trải qua thời kỳ chiến tranh, trong tình hình việc quản lý kinh tế bị buông lỏng, chính sách này lại càng mang nặng tính bao cấp và càng bộc lộ thêm nhiều điều không hợp lý. Chế độ tiền lương này chưa gắn chặt với năng suất lao động, với nhiệm vụ cụ thể mà mỗi người lao động phải hoàn thành, mang nặng tính chất bình quân chủ nghĩa. Hệ thống thang lương, bảng lương, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật và mức lương có nhiều chỗ không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Việc vận dụng các hình thức trả lương cũng như việc quản lý và tổ chức chỉ đạo tiền lương chưa tốt, làm cho tác dụng đón bẩy của tiền lương bị hạn chế.

Mặt khác, do nhu cầu về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng ngày càng tăng, mà khả năng cung cấp hàng hóa của Nhà nước có hạn, cho nên giá cả một số hàng hóa trên thị trường không có tổ chức tăng lên quá cao so với giá chỉ đạo của Nhà nước, làm cho đời sống của những người «làm công ăn lương» gặp nhiều khó khăn, tiền lương thực tế bị giảm sút.

Tình hình thực tế đó đòi hỏi phải cải tiến hệ thống tiền lương. Song trước mắt, trong tình hình kinh tế tài chính đang có nhiều khó khăn, lưu thông hàng hóa tiền tệ chưa ổn định, vấn đề đặt ra trước hết là bảo đảm *tiền lương thực tế* kết hợp với vận dụng các *hình thức trả lương tiền tiền* (lương sản phẩm, lương khoán...) *và tiền thưởng* để khuyến khích sản xuất và tăng năng suất lao động, đồng thời tăng thu nhập cho công nhân, đi đôi với *cố gắng đến mức cao nhất bảo đảm cung cấp cho công nhân, viên chức những mặt hàng thiết yếu với giá cả ổn định*, phụ cấp cho những người lương thấp, nhằm bảo đảm tiền lương thực tế và ổn định đời sống của họ.

Những năm trước đây, để bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, cán bộ và thu nhập hợp lý của các tầng lớp nhân dân, Nhà nước đã thực hiện *chính sách tiền lương nửa cung cấp và chế độ cung ứng hàng hóa theo định lượng theo giá ổn định*. Sự ổn định giá cả này là *cần thiết*. Nhưng sự ổn định giá cả kéo dài trong nhiều năm lại mâu thuẫn với những điều kiện của nền kinh tế chưa ổn định và thường bị biến động trong chiến tranh, và giá cả trên thị trường «tự do» lên rất cao. Do đó, hệ thống giá cả ấy đã bộc lộ rõ những mặt không hợp lý và có nhiều thiếu sót, nhất là hệ thống giá nông sản và giá hàng công nghiệp tiêu dùng. Việc cải tiến hệ thống giá cả đã trở nên cần thiết.

Song, việc cải tiến hệ thống giá cả là một vấn đề rất phức tạp, cho nên cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng và cần có những *bước đi* thích hợp.

Trước mắt, cần giữ việc ổn định giá bán lẻ đối với các mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu «cung cấp theo định lượng» cho công nhân, cán bộ, và những người có quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước; mở rộng một cách vững chắc việc thi hành *chính sách hạt giá* đối với những mặt hàng cung cấp bán ngoài định lượng, với điều kiện định lượng cung cấp được bảo đảm và có đủ lực lượng hàng hóa. Đồng thời, cần *điều chỉnh giá* một số mặt hàng tiêu dùng, dịch vụ và một phần tư liệu sản xuất đã thấy rõ là không hợp lý, kể cả hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

Đi đôi với việc cải tiến cách trả lương và điều chỉnh giá cả đối với một số mặt hàng xét thấy không hợp lý, cần tập trung sức làm tốt công tác *thu mua nắm nguồn hàng*, quản lý tốt thị trường và cải tiến việc phân phối hàng hóa.

Digitized by Google

Để thực hiện tốt công tác thu mua nắm được đại bộ phận nguồn hàng lương thực, nông sản, thực phẩm vào trong tay Nhà nước, một mặt phải cải tiến các chính sách, chế độ, phương thức và tổ chức thu mua, mặt khác phải hết sức coi trọng *quản lý thị trường*.

Những năm gần đây, một phần do khó khăn khách quan như sản xuất phát triển chậm, chiến tranh xảy ra liên tiếp, thiên tai nặng nề, cung cầu hàng hóa mất cân đối nghiêm trọng..., phần nữa do ta buông lỏng quản lý thị trường cho nên thị trường tự do phát triển bừa bãi, vô tổ chức, đã gây nên hiện tượng rối ren, trì trệ trong sản xuất và đời sống xã hội; trong khi đó hoạt động của thương nghiệp quốc doanh bị co lại. Với phương thức kinh doanh hành chính bao cấp như hiện nay, công tác thu mua nắm nguồn hàng lương thực, nông sản, thực phẩm vào tay Nhà nước ngày càng khó khăn hơn, gây trở ngại lớn cho việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Do đó, chấn chỉnh và tăng cường quản lý thị trường là một trong những *công việc cấp bách nhất hiện nay* để khôi phục lại trật tự trong đời sống kinh tế, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Điều cần thiết là phải *mở rộng và củng cố hệ thống thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã*, bảo đảm cho các tổ chức kinh doanh này mở rộng hoạt động kinh doanh của mình đối với những mặt hàng ngoài kế hoạch và ngoài diện, mở rộng mạng lưới phục vụ, từng bước chiếm lĩnh lại trận địa và tiến tới làm chủ cho được thị trường. Phải kịp thời ngăn chặn và trừng trị đích đáng các hoạt động đầu cơ buôn lậu, nhất là phải bịt cho được các đường buôn lậu qua biên giới và ngoài biển.

Chừng nào mà việc quản lý thị trường còn bị các cơ quan lãnh đạo địa phương và các tổ chức kinh doanh thương nghiệp xem nhẹ và buông lỏng, thì mặt tiêu cực của thị trường «tự do» còn tăng lên, giá cả biến động, thu nhập của người «làm công ăn lương» còn bị điều tiết, tiền lương thực tế còn bị giảm sút.

Với số lượng hàng hóa có trong tay, các tổ chức thương nghiệp cần cải tiến phương thức phân phối để vừa tiện lợi cho khách hàng, vừa tiện lợi cho việc quản lý, chống quay vòng tem phiếu, tiết kiệm được lực lượng hàng hóa của Nhà nước, bảo đảm cho những hàng hóa đó đến tận tay người tiêu dùng *đúng chính sách, đúng đối tượng*, góp phần thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Cần khắc phục tư tưởng bao cấp tràn lan và chủ nghĩa bình quân trong việc phân phối hàng hóa, điều chỉnh lại mặt hàng cung cấp, đối tượng được cung cấp theo định lượng hợp lý. Trong kế hoạch phân phối hàng hóa, một mặt cần bảo đảm một số nhu cầu tối cần thiết cho mọi người, mặt khác, cần có ý thức đầy đủ về phân phối theo lao động, giảm bớt chế độ bao cấp đối với những người không có quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước.

Việc thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động trong lúc này là nhằm khuyến khích người lao động vì lợi ích vật chất mà quan tâm đến kết quả lao động của họ, bảo đảm cho người lao động tiên tiến, có năng suất cao, có tay nghề giỏi, có nhiều cống hiến cho xã hội có mức sống khá hơn những người lao động bình thường.

Những yêu cầu về nguyên tắc phân phối theo lao động trên đây có liên quan đến việc thực hiện một *chính sách tiêu dùng hợp lý*. Do sản xuất còn nhiều khó khăn, cho nên Nhà nước chưa có điều kiện để thỏa mãn được mọi nhu cầu tiêu dùng của các tầng lớp nhân dân thương nghiệp chưa có điều kiện hoạt động bình thường, còn phải duy trì chế độ cung

Digitized by Google

cấp hàng hóa theo định lượng trong một thời gian nữa. Những mặt hàng đã đưa vào diện cung cấp theo định lượng phải được bảo đảm đầy đủ, thương nghiệp quốc doanh không được tùy tiện cắt giảm. Phải bằng mọi cách bảo đảm cho các tiêu chuẩn định lượng được thực hiện. Đó là vấn đề có ý nghĩa kinh tế, chính trị rộng lớn. Chính sách tiêu dùng hợp lý đòi hỏi Nhà nước *phải bảo đảm phân phối một số hàng hóa thuộc nhu cầu thiết yếu đối với đời sống của từng loại lao động như dành lương thực thực phẩm phân phối cho công nhân, viên chức và những người lao động không sản xuất nông nghiệp, và dành hàng công nghiệp tiêu dùng phân phối cho nông dân.*

Trong thực tế, số tiền mà công nhân, viên chức dùng để mua lương thực và thực phẩm chiếm trên 70% quỹ mua hàng của họ. Như vậy, nhu cầu tiêu dùng chủ yếu của công nhân, viên chức trong lúc này là lương thực và thực phẩm. Nhà nước cố gắng bảo đảm cho họ phần lương thực và thực phẩm cung cấp theo định lượng với giá cả ổn định, đó là điều kiện quan trọng để bảo đảm tiền lương thực tế của họ. Song muốn có lương thực, thực phẩm để cung cấp cho công nhân viên chức, trước hết phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Muốn đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trước hết phải làm cho người nông dân phấn khởi, hăng hái sản xuất, làm cho họ quan tâm đến kết quả sản xuất của họ. Một trong những biện pháp quan trọng để kích thích nông dân đẩy mạnh sản xuất là *kiên quyết dành một phần hàng công nghiệp tiêu dùng cần thiết, ưu tiên phân phối cho nông dân để đổi lấy lương thực, thực phẩm.*

Trong khi sản xuất chưa có điều kiện thỏa mãn nhu cầu của các tầng lớp nhân dân, thì việc thực hiện chính sách tiêu dùng như đã nói trên là hợp lý, là góp phần thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, bảo đảm phân phối đúng đối tượng, làm cho công nhân, viên chức và nông dân đều phấn khởi, hăng hái sản xuất.

Digitized by Google

Bàn về cải tiến bữa ăn của người Việt-nam

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU

CHĂM lo đời sống của nhân dân, trước hết phải chăm lo việc ăn, ở và mặc của nhân dân.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã đề ra khẩu hiệu « cơm áo và ruộng đất ». Bác Hồ lúc sinh thời thường nhắc nhủ cán bộ, đảng viên phải luôn luôn quan tâm đến « tương, cà, mắm, muối, cần thiết cho đời sống hằng ngày của nhân dân ».

Đi vào nghiên cứu vấn đề cải tiến bữa ăn của nhân dân, chúng ta phải giải quyết cả về số lượng và chất lượng, sao cho phù hợp với nền kinh tế của nước ta.

CHÚNG TA ĂN NHỮNG GÌ ?

Việc chúng ta ăn những gì trong bữa ăn bình thường hằng ngày sẽ chi phối vấn đề sản xuất lương thực, thực phẩm, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp để cung cấp nguồn năng lượng cho cơ thể con người Việt-nam.

Bữa ăn của một con người cần được tính toán một cách cân đối giữa ba thành phần chủ yếu là :

— Chất bột (glu-xit).

— Chất đạm (prô-tit) (ở các nước phương Tây chủ yếu lấy từ nguồn động vật).

— Chất mỡ, béo (li-pit), v.v.

Nước ta là một nước ở miền nhiệt đới ; nhu cầu về prô-tit và mỡ không giống như ở các nước khí hậu lạnh. Ở một nước nông nghiệp chưa phát triển, dân ta có tập quán lấy đời ăn chất bột — nguồn cung cấp năng lượng quan trọng nhất (trên 80%). Còn nguồn cung cấp prô-tit của ta, chủ yếu vẫn là thực vật (90%).

Do đó, trong việc cải tiến bữa ăn, ta cố tăng thêm thành phần prô-tit động vật lên chút ít là tốt rồi. Do khả năng nông nghiệp của ta còn hạn chế, khó bảo đảm được thức ăn cho chăn nuôi gia súc, nguồn prô-tit trong bữa ăn của ta chủ yếu vẫn là từ thực vật. Theo tính toán thì muốn có 1 kg prô-tê-in động vật, cần phải cung cấp cho chăn nuôi 5 kg prô-tê-in thực vật hoặc 5 kg bột cá. Phương hướng cải tiến bữa ăn của chúng ta là nên cung cấp chủ yếu cho bữa ăn các prô-tê-in, li-pit thực vật.

Digitized by Google

1. Các chất bột :

Nếu lấy nguồn cung cấp ca-lo chủ yếu là gạo theo cách ăn cổ điển từ trước đến nay của chúng ta thì chắc chắn là ta không thể nào sản xuất đủ gạo ăn được. Cần lưu ý là thành phần prô-tê-in của gạo thấp hơn so với nhiều loại ngũ cốc khác. Tỷ lệ gạo chỉ nên dùng là 1/3, hay cao nhất là 1/2 lượng bột ăn bình thường của người Việt-nam.

Nên thay thế 1/2 hay 2/3 gạo bằng các loại bột khác, như ta đã biết :

– Ngô, khoai, sắn, mì,

– Kê, cao lương, dong riềng,

– Khoai tây và các loại củ khác.

Từ trước đến nay ta đánh giá chưa đúng, còn xem rất nhẹ giá trị của các loại cây lương thực này. Đây là một nguyên nhân làm cho việc giải quyết đời sống của nhân dân ta khó khăn lúng túng. Nếu ta dứt khoát được trong nhận thức rằng ăn màu là chính, ăn gạo là phụ thì ta có khả năng giải quyết được bữa ăn một cách nhanh chóng hơn nhiều.

Đối với các loại lương thực này, cần phải thay đổi cách chế biến, mà động tác đầu tiên là xay thành bột ; từ bột làm thành các dạng như bánh, mì ăn liền, mì sợi, mì thanh, bún, v.v. có thể ăn ngay hoặc tiếp tục chế biến cho hoàn chỉnh tại gia đình.

Thay đổi hướng ăn các chất bột thật ra là một cuộc cách mạng về ăn uống, đòi hỏi nhiều cố gắng to lớn của các ngành nông nghiệp, lương thực, thực phẩm, công nghiệp nhẹ, v.v.

2. Các chất đạm :

– *Thịt lợn*, hiện nay ta chưa có đủ ; trong thịt lợn, thành phần thịt nạc có hạn, mà thành phần mỡ thì nhiều. Vả lại việc cung cấp thịt lợn cho dân còn nhiều khó khăn lâu dài, do chăn nuôi chưa ổn định và chưa phát triển được rộng rãi.

– *Thịt bò, thịt trâu* nói chung còn hiếm trong một bữa ăn bình thường.

Nếu phát triển được đàn trâu, bò – thì nên hướng về nuôi trâu, bò sữa. Cần đưa sữa và các sản phẩm từ sữa vào cơ cấu bữa ăn, ít nhất là cho trẻ em, cho bệnh nhân trong các bệnh viện, cho các điều dưỡng viên ở các nhà điều dưỡng, cho công nhân sản xuất. Đối với công nhân sản xuất thuộc các ngành nghề, nếu trong bữa ăn trưa ở xí nghiệp sản xuất, có thêm được một cốc sữa với cà phê thì điều đó sẽ có tác dụng tốt đối với năng suất lao động. Trong bữa ăn trưa, nếu có một bát cháo bột gạo hoặc một bát mì và có thêm một ít sữa và bơ thì đó là một sự cải thiện đáng kể. Việc xây dựng công nghiệp sữa gắn vào các nông trường chăn nuôi lớn, hoặc xây dựng một dây chuyền sản xuất sữa ở các cơ sở chăn nuôi nhỏ, không đòi hỏi đầu tư gì lớn, có thể tiến hành nhanh chóng, và sẽ giúp chúng ta không phải nhập khẩu sữa.

Do việc phát triển chăn nuôi đại gia súc còn hạn chế, việc cung cấp thịt đại gia súc còn khó khăn, cho nên phương hướng chung là nên đẩy mạnh chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm là chính để cung cấp thịt cho nhân dân, ít tốn kém, đầu tư ít, mà tác dụng lại nhanh, và động viên nhân dân tham gia dễ dàng hơn.

– *Thịt dê* là một loại thịt tốt, còn có tác dụng chữa bệnh. Sữa dê rất tốt, da dê có thể thuộc để làm nguyên liệu cho công nghiệp. Việc phát triển chăn nuôi dê có thể kéo theo ngành công nghiệp thịt, công nghiệp sữa và thuộc da. Dê có thể chăn nuôi ở các vùng có núi đá, các đảo gần, v.v. theo quy mô lớn hoặc quy mô hợp tác xã. Đầu tư vốn ban đầu không lớn, nhưng hiệu quả kinh tế cao.

– *Thịt thỏ* ăn ngon, dễ chế biến, thường có mặt trong các bữa ăn của người châu Âu. Thỏ dễ nuôi, sinh sản

Digitized by Google

nhanh, cho thịt, da và lông. Chăn nuôi thỏ có thể trở thành một bộ phận sản xuất phụ ở gia đình, ở các hợp tác xã nông nghiệp, tăng thêm thu nhập cho nhân dân địa phương.

— *Thịt gà, trứng gà* là nguồn prôtít lớn. Ngoài các trại chăn nuôi lớn của Nhà nước, nên khuyến khích phát triển chăn nuôi gia đình không những ở nông thôn mà ở cả các thành phố, thị trấn. Nên nuôi gà nhốt hơn là gà thả rông theo tập quán hiện nay. Mỗi hộ có thể nuôi 2 — 3 con gà, tận dụng chất ăn thừa để có trứng và phần nào thịt, cải thiện bữa ăn. Ngoài ra có thể đề cập đến vấn đề tận thu phân gà cho sản xuất nông nghiệp phụ hoặc các yêu cầu khác. Vấn đề chính cần giải quyết là thức ăn cho gà. Nên lập ở các địa phương các nhà máy tận dụng các dư phẩm hải sản, xương, các loại máu, rau, v.v. chế biến thức ăn cho gà và bán cho các gia đình chăn nuôi. Nếu có thức ăn cho gà thì có thể phát triển được hàng triệu gà nhốt ở các thành phố, thị trấn và giải quyết được một phần nhu cầu prô-tít động vật cho nhân dân.

Nếu giải quyết được vấn đề thức ăn theo hướng giải quyết cho gà như nói trên thì có thể phát triển rộng rãi hơn việc nuôi các loại gia cầm khác như vịt, ngan, ngỗng, v.v.

— *Lươn* cung cấp một loại thịt tốt. Có thể phát triển nuôi lươn ngay cả ở thành phố và các vùng ngoại ô.

Cá và các hải sản khác là một nguồn cung cấp đạm chính của nhân dân ta (tỷ trọng chiếm vào khoảng ít nhất 70% đạm động vật). Đảng ta chủ trương nuôi, trồng, khai thác cá nước mặn, cá nước ngọt, cá nước lợ, các loại hải sản và thủy sản khác, kể cả rong, tảo, v.v. Nên lưu ý đến việc sản xuất *dầu từ gan cá* ở các vùng hải sản tập trung (như Kiên-giang, Thuận-hải, v.v.) — ở đây ta chưa có kỹ thuật sử dụng, chế biến nguồn nguyên liệu nầy.

Trong một thời gian còn dài chất đạm động vật chưa phải là nguồn đạm chủ yếu trong bữa ăn của nhân dân ta, chúng ta cần đẩy mạnh việc cung cấp đạm thực vật cho bữa ăn.

Ta cần mạnh dạn đi nhanh vào các loại:

Các họ đậu, đặc biệt là đậu nành (đậu tương), đậu rồng, v.v. ngoài hạt, quả dùng làm thực phẩm, còn có thể dùng thân làm phân bón. Các loại đậu ấy còn là một nguồn xuất khẩu có giá trị. Từ đậu, ta có thể chế biến một số thực phẩm có tỷ trọng prôtít cao như sữa đậu nành, đậu phụ, tương, đậu nhự, chao, giá, v.v. Rau muống chấm tương ăn vào ngày hè vừa ngon vừa bổ. Làm tương có thể là một nghề phụ đối với các hợp tác xã nông nghiệp.

Nước ta có khả năng phát triển các loại đậu. Nên dành cho các loại đậu một diện tích đất trồng ngày một lớn hơn.

— *Lạc, vừng* cũng cần được đưa trở lại vào bữa ăn cho nhân dân ta.

Đậu, lạc, vừng là những nguyên liệu chủ yếu của các bữa ăn chay mà kỹ thuật nấu ăn của ta đã đạt đến một trình độ điêu luyện.

Cứ xem hàm lượng các chất trong đậu, lạc, ta sẽ thấy chúng có giá trị dinh dưỡng cao như thế nào:

Đậu nành:	Glu-xít	16,2%
	Prô-tít	38,8%
	Li-pít	18,6%
	Xen-lu-lô-da	4,9%
	Khoáng	4,6%
	Vi-ta-min A	710 đơn vị quốc tế
	B1	300 —
	B2	90 —
	C	11 —
Giá trị nhiệt lượng:		387 ca-lo/100 g
Lạc:	Glu-xít	15,5%
	Prô-tít	27,5%
	Li-pít	44,5%
	Vi-ta-min B1	0,44 mg/100g

Digitized by Google

Giá trị nhiệt lượng: 590 ca-lo/100g

— *Nước mắm* có một tỷ trọng các a-xit a-min dáng kể và là một món nước chấm quen thuộc đối với nhân dân ta. Ta nên đẩy mạnh việc cung cấp nước mắm (bên cạnh tôm, mực, cá khô) không những cho nhân dân đồng bằng, mà cả cho nhân dân miền núi để góp phần giảm bớt bệnh bướu cổ. Để cho việc chuyên chở được dễ dàng, nên nghiên cứu chế biến nước mắm cô đặc, nước mắm viên, v.v.

Nấm hiện nay vẫn được coi là một thực phẩm cao cấp, nhân dân ta rất thích ăn nấm. Nó có một tỷ trọng đạm khá cao. Thực ra nấm dễ trồng, dễ phát triển, ngay cả ở thành phố, thị trấn. Phát triển trồng nấm sẽ tạo thêm được một ngành sản xuất đạm cho nhân dân nông thôn và các thành phố.

3 — Các chất mỡ:

Trước mắt và trong một thời gian còn tương đối dài, chủ trương hợp lý đối với ta là khai thác mỡ chủ yếu từ thực vật.

Ngoài mỡ động vật (chủ yếu là mỡ lợn), cần đẩy mạnh việc dùng các loại mỡ thực vật,

— Dầu vừng,
— Dầu lạc,
— Dầu dừa,
— Dầu sở.

Các loại cây này rất quen thuộc với nhân dân ta, chỉ cần có chủ trương để mở rộng việc trồng trọt.

Chúng ta có thể trồng cây *hướng dương* để từ hạt chế biến ra dầu ăn. Cây này mọc rất dễ ở nước ta, bất cứ vùng nào. Từ trước đến nay thỉnh thoảng có nơi trồng nó như cây làm cảnh. Có thể tận dụng mọi mảnh đất còn chưa dùng để trồng nó trong phong trào « tấc đất, tấc vàng » hiện nay và nhất là lâu dài về sau, thời gian trồng ngắn, thu hoạch nhanh, không giống như một số cây cho dầu khác (cây đen, cây óc chó, v.v.). Sản xuất được nhiều dầu hướng dương để nhân dân xào rau, rán cá, và các thực phẩm khác, là ta có thể cải tiến được phần nào bữa ăn cho nhân dân.

4 — Các loại thực phẩm khác:

Ai cũng biết rằng rau, quả có nhiều ở nước ta và là những thực phẩm không thể thiếu được trong đời sống của nhân dân ta. Nhưng làm thế nào có thể cung cấp rau, quả tươi hoặc muối chua (dưa muối, cà muối, v.v.) cho nhân dân ta ăn hằng ngày, hoặc các rau quả đóng hộp và chế biến theo nhiều kiểu (ví dụ chuối cắt lát mỏng và rán) để dùng quanh năm, là một vấn đề rất lớn thuộc vào các quy hoạch kinh tế quốc dân.

Nước uống không chỉ có tác dụng giải khát mà còn tăng thêm thành phần dinh dưỡng và muối khoáng cần thiết cho cơ thể. Ngoài các loại nước uống mà nhân dân ta đã quen dùng (nước quả, nước chanh, bia, v.v.), chúng ta nên phát triển một số loại nước uống khác:

— Nên đưa *nước khoáng* đóng chai, bán rẻ cho nhân dân dùng trong bữa ăn hằng ngày hoặc để giải khát. Nước khoáng nếu có trộn khí còn có tác dụng phòng và chữa bệnh. Nước ta có nhiều loại nước khoáng dùng rất tốt: Vĩnh-hảo, Kênh-gà, Mơ-đá, Mỹ-lâm, Kỳ-quế, v.v. Suối khoáng có thể là cơ sở phát triển công nghiệp nước khoáng để cung cấp cho nhân dân và xuất khẩu. Nó có thể thay thế cho bia và các nước hoa quả mà ta còn có khó khăn trong sản xuất. Công nghiệp nước khoáng không yêu cầu nhiều lao động. Nó chỉ đòi hỏi lao động có kỹ thuật, mà việc đào tạo loại lao động này không khó lắm. Trang bị để khai thác không đòi hỏi sự đầu tư lớn. Tất nhiên nó phải được kèm theo bộ phận sản xuất chai, nút, v.v. và cần có tổ chức vận chuyển cho tốt.

— Ta nên trồng rộng rãi một số *cây thuốc nam* (hoa hòe, sâm đại hành, cây muồng, v.v.) để thay chè, dùng để giải khát mùa hè, hoặc dùng thường

Digitized by Google

xuyên hằng ngày. Các loại cây này rất dễ trồng ở bất cứ đâu.

CHÚNG TA ĂN BAO NHIÊU?

Nói cách khác, khẩu phần ăn của chúng ta cần một khối lượng bao nhiêu ca-lo để cung cấp đủ năng lượng cho cơ thể.

Ta tạm thời tiêu chuẩn hóa một bữa ăn theo năng lượng cung cấp bằng ca-lo. Các nước đều có bảng nhu cầu ca-lo cho mỗi đối tượng lao động. Ta chưa tính được một cách thật đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên dựa vào kinh nghiệm của các nước và dựa vào tính toán sơ bộ của Việt-nam, ta có thể tạm thời quy định số năng lượng tối thiểu cần thiết để phấn đấu cho 10 năm sắp đến, như sau:

Đối với trẻ em, chúng ta cần tính năng lượng cần thiết để vừa bù đắp vào sự tiêu hao năng lượng do hoạt động hằng ngày, vừa cung cấp cho sức lớn và sức phát triển:

– Dưới 1 tuổi	: 800 – 900	ca-lo/ngày
– 1 – 2 tuổi	: 1100	–
– 4 – 6 –	: 1400	–
– 7 – 9 –	: 1800	–
– 10 – 12 –	: 2200	–
– 13 – 15 –	: 2600	–
– 16 – 18 –	: 2800	–

Cần chú ý đến các phụ nữ có thai. Ít nhất trong 3 tháng cuối, mỗi ngày họ cần có thêm 350 ca-lo (hiện nay chưa có chế độ).

Đối với các bà mẹ cho con bú, cần thêm 350 ca-lo/ngày trong 6 tháng đầu. (Hiện nay ta đã có chế độ: trong 2 tháng đầu, mỗi tháng được thêm 4 kg thịt; ngoài tiêu chuẩn của con, bà mẹ được cung cấp 2 kg đường và 2 kg thịt).

Đối với người lao động thì ta lấy năng lượng cần thiết để bù vào sự tiêu hao năng lượng trong lao động hằng ngày là chính:

– Lao động nhẹ (bàn giấy): 2400 ca-lo/ngày,

– Lao động nặng vừa (ngành công nghiệp nhẹ): 2800 – 3000 ca-lo/ngày,

– Lao động nặng (ngành công nghiệp nặng): 3400 – 3600 ca-lo/ngày,

– Lao động nặng đặc biệt: 3800 – 4000 ca-lo/ngày.

Mức năng lượng nói trên là dự tính cho lao động sản xuất 8 giờ/ngày. Cần lưu ý là trong điều kiện sinh sống của ta, các tiện nghi phục vụ cho đời sống hằng ngày còn quá thô sơ, năng lượng tiêu hao cho sinh hoạt nhiều khi vượt quá năng lượng tiêu hao cho lao động sản xuất; điều này cũng có thể là một trong những nguyên nhân của năng suất thấp do không đủ sức làm việc thật sự trong 8 giờ/ngày.

Việc thay đổi phương pháp chế biến lương thực thực phẩm và phân phối cho phù hợp với các điều kiện lao động hiện nay (làm thông tầm, theo ca kíp) là rất cần thiết và cấp bách.

Về mặt cân bằng ca-lo trong cơ cấu bữa ăn, cần cố gắng bảo đảm từng bước tỷ lệ trung bình sau đây:

– Ca-lo do prô-tít 12 – 13%

trong đó:

$$\frac{\text{pro-tít động vật}}{\text{prô-tít chung}} = \text{khoảng } 30\%$$

– Ca-lo li-pit 12 – 15%

– Ca-lo glu-xit 72 – 76%

Một đối tượng cần lưu ý là các người ốm và các người lao động bị giảm sức khỏe do lao động quá sức và cần phải được bồi dưỡng ở các nhà điều dưỡng.

Khẩu phần chia cho mỗi người lao động trong xã hội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cần lưu ý đến hai yếu tố chính:

a) Khối lượng lương thực thực phẩm sản xuất ra được, liên quan đến sản xuất nông nghiệp (kể cả chăn nuôi, thủy sản, v.v.), làm sao cho người nông dân phấn khởi, tích cực sản xuất ra nhiều lương thực thực phẩm.

Digitized by Google

b) Số lượng người cần được cung cấp lương thực thực phẩm, hay nói nôm na là số « miệng ăn » của xã hội.

Trong nước ta hiện nay, sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn. Theo tính toán kinh tế học, muốn giữ được mức sống cho nhân dân không bị sụt xuống thì, nếu tăng 1% số dân, phải tăng được tổng sản phẩm quốc dân lên 4%. Nhìn vào tỷ lệ sinh đẻ của nhân dân, ta không lấy làm ngạc nhiên là đời sống ngày một vất vả, khó khăn, thiếu thốn. Muốn cải thiện được đời sống nói chung, bữa ăn nói riêng, một điểm quan trọng phải giải quyết là giảm tốc độ phát triển số dân của ta còn quá cao — một trong những tốc độ cao nhất thế giới. Phải tích cực đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, làm sao hạ tỷ lệ phát triển số dân xuống còn 2% hoặc cao hơn một ít (khoảng 2,1 — 2,2%) trên cả nước vào cuối năm 1980, theo nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng. Như vậy là trong 10 năm sắp đến, ta phải đưa khuôn khổ mỗi gia đình Việt-nam đến mức trung bình là:

50% các gia đình có 2 con.

50% các gia đình có 3 con.

Không thể nói đến việc cải tiến bữa ăn cho người lao động nói riêng cũng như cho nhân dân nói chung, nếu không tích cực đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch.

NÊN ĂN NHƯ THẾ NÀO ?

Trong khi chờ các Viện nghiên cứu về dinh dưỡng tính toán cụ thể khối lượng lương thực, thực phẩm cần được sản xuất ra, cơ cấu chi tiết một bữa ăn mẫu cho mỗi đối tượng, cách chế biến thức ăn tốt nhất, khoa học nhất cho các loại bếp ăn, v.v. chúng ta cần lưu ý một điều: Trên cơ sở một khối lượng lương thực thực phẩm được cung cấp theo lý thuyết đủ cho nhu cầu, làm thế nào cho cơ thể hấp thụ được một cách có lợi nhất. Cần xóa bỏ định kiến cho là phải ăn no căng dãy bụng thì mới đủ sức làm việc. Cùng một khối lượng lương thực thực phẩm như nhau, nếu ta ăn no ngày 2 bữa (trưa, chiều) thì sự hấp thụ của cơ thể sẽ kém nhất (75%); nếu chia ra ăn một ngày làm 3 bữa gần bằng nhau (có thể là 45%, 25%, 30%) thì có thể tăng khả năng hấp thụ dinh dưỡng của cơ thể lên đến 85%. Cách ăn sau có thể tăng tác dụng có ích của các bữa ăn lên thêm 10%.

Chắc là không cần phải nhắc đến vấn đề ăn chậm, nhai kỹ mà mọi người đều đã biết tác dụng.

Cần đẩy mạnh việc ăn màu, vì màu bổ sung vào khẩu phần ăn một số a-xit a-min thiếu như ly-sin, mê-thi-ô-nin, v.v

Trong hoàn cảnh khí hậu của Việt-nam, các lương thực thực phẩm dễ bị mốc, mục, ôi, thiu, v.v., yêu cầu về bảo quản đặt ra gay gắt hơn các nước phương Tây rất nhiều. Cần bảo đảm chất lượng của các lương thực, thực phẩm cung cấp cho nhân dân, tránh để các lương thực, thực phẩm bị hư hỏng, biến chất do bảo quản không tốt. Việc cải tiến nhanh chóng các phương tiện bảo quản, kho tàng, kho lạnh, bao bì, đóng gói là rất cần thiết. Về mặt này, ta còn cần nhiều cố gắng rất lớn, nhất là giáo dục tốt hơn nữa đội ngũ cán bộ và nhân viên làm công tác này.

— Cần nghiên cứu giao cho ngành thú y kiểm tra kỹ chất lượng thịt của các lò mổ; kiểm tra việc chuyên chở thịt trên đường, tránh gây ô nhiễm thịt, nhất là về mùa hè, là một yêu cầu bức thiết.

— Các phương tiện vận chuyển lương thực, thực phẩm cần được cải tiến hơn nữa, các quy định về vệ sinh thực phẩm tối thiểu cần được tôn trọng. Hiện nay còn tồn tại nhiều vi phạm nghiêm trọng trong khâu vận chuyển hay phân phối (chuyển trên xe xích lô không có bao bì, để thực phẩm

Digitized by Google

phơi bày lỗ lộ ngoài trời...). Từ nhiều năm nay có sự cộng tác rất tốt giữa các ngành y tế, lương thực, thực phẩm, nội thương, trong khâu kiểm tra vệ sinh thực phẩm, kiểm tra các cửa hàng ăn, bồi dưỡng cán bộ, công nhân, viên chức... tuy nhiên những tiến bộ trong các khu vực này còn rất chậm. Một sự chậm trễ tai hại là số người bị các bệnh đường ruột vẫn chưa giảm đi được bao nhiêu.

Ngoài ra, hằng năm vẫn xảy ra nhiều vụ ngộ độc, ỉa chảy ở các tập thể, đặc biệt là ở ký túc xá các trường chuyên nghiệp, do học sinh ăn phải các thức ăn ôi, thiu về mùa hè.

Trong khi lương thực thực phẩm của ta chưa đủ, một số nước anh em, bạn bè có viện trợ lương thực, thực phẩm cho nhân dân ta. Trong số đó, có những loại, nhất là sữa, nhằm vào mấy đối tượng chủ yếu, đặc biệt là trẻ em, bệnh nhân tại các bệnh viện. Để giảm bớt khó khăn và góp phần nâng cao sức khỏe cho các đối tượng này, sau khi nhận được các hàng viện trợ ấy, ta cần lưu ý không để cho hư hỏng hay biến chất, và phân phối cho kịp thời, đúng đối tượng.

★

Cải tiến bữa ăn cho nhân dân ta là một vấn đề tổng hợp rất quan trọng, to lớn. Thật sự, nó là một cuộc cách mạng trong ăn uống, là một cuộc cách mạng xã hội. Muốn giải quyết được, cần đặt nó trong phạm trù ba cuộc cách mạng hiện nay và phải giải quyết nó theo nhịp độ tiến hành ba cuộc cách mạng đó. Nó đòi hỏi những nỗ lực to lớn của tất cả các ngành kinh tế quốc dân và sự tham gia của toàn dân ta.

Đảng ta coi vấn đề này là bức thiết; đất nước, khí hậu của ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất lương thực, thực phẩm; cách ăn cổ truyền của nhân dân ta rất tốt, phong phú; chúng ta biết kết hợp các kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại với các kinh nghiệm trong việc ăn uống theo tập quán cổ truyền của dân tộc Việt-nam; chắc chắn không lâu lắm, chúng ta sẽ giải quyết được về cơ bản vấn đề cải tiến bữa ăn của nhân dân ta.

Về mối quan hệ...

(Tiếp theo trang 54)

ta, trước hết là những người cộng sản Việt-nam.

Giữ vững ý chí độc lập và tuyệt đối trung thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, giai cấp công nhân Việt-nam mãi mãi xứng đáng là đội tiên phong lãnh đạo toàn dân vững bước tiến về tương lai tươi sáng của mình. Không thế lực phản động nào có thể cản nổi bánh xe cách mạng Việt-nam đang tiến tới dưới ngọn cờ chân lý và chính nghĩa của Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh.

Digitized by Google

NI-CA-RA-GOA, MỘT CUỘC CÁCH MẠNG ĐANG TIẾN LÊN

NGUYỄN-KHẮC-THÌN

CÁCH đây một năm, ngày 19-7-1979, với việc giải phóng thủ đô Ma-na-goa; cách mạng Ni-ca-ra-goa đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Với thắng lợi này, cuộc đấu tranh của nhân dân Ni-ca-ra-goa anh hùng đã chấm dứt gần 50 năm thống trị tàn bạo của chế độ gia đình trị độc tài Xô-mô-xa, một trong những tên tay sai đắc lực nhất của đế quốc Mỹ ở châu Mỹ la tinh. Cùng với cách mạng Cu-ba, thắng lợi của cách mạng Ni-ca-ra-goa đã góp phần tạo nên một cục diện mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ la tinh và nhất là của nhân dân các nước ở Trung Mỹ và Ca-ri-bê chống đế quốc Mỹ, giành nền độc lập lần thứ hai.

Ni-ca-ra-goa, nước lớn nhất về diện tích trong 6 nước Trung Mỹ với gần 15 vạn ki-lô-mét vuông, nhưng lại là nước ít dân nhất (khoảng hai triệu rưởi người), là cái mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc ở phần nửa trái đất phía Tây.

Đây là nơi cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân các nước ở châu Mỹ la tinh trực tiếp chống lại sự can thiệp của Mỹ, đã khởi đầu sớm nhất và cũng kéo dài nhất. Thực tế, lịch sử của Ni-ca-ra-goa từ giữa thế kỷ trước đến năm cuối cùng của thập kỷ 70 vừa qua là lịch sử của sự can thiệp vũ trang của Mỹ và lịch sử đấu tranh của nhân dân Ni-ca-ra-goa chống sự can thiệp đó. Từ năm 1936 đến ngày 17-7-1979, khi tên bạo chúa Xô-mô-xa chạy trốn ra nước ngoài trước nguy cơ bị ngọn triều cách mạng cuốn băng, giòng họ Xô-mô-xa đê Bay-lê đã biến đất nước giàu đẹp và thơ mộng này — được người ta đặt cho cái tên là Thụy-sĩ của Trung Mỹ — thành tài sản riêng của chúng và của các công ty tư bản Mỹ. Để bảo vệ chế độ thống trị của giòng họ, trong gần nửa thế kỷ, bọn Xô-mô-xa được đế quốc Mỹ ra sức giúp đỡ về kinh tế, tài chính và quân sự để dìm cuộc đấu tranh của nhân dân trong biển máu.

Như vậy, ở Ni-ca-ra-goa, mâu thuẫn dân tộc nổi lên gay gắt nhất. Hầu hết các cuộc đấu tranh của nhân dân đều nảy sinh từ mâu thuẫn đó. Trong những năm 20 của thế kỷ này, đã có đến 30 phong trào đấu tranh vũ trang chống Mỹ. Đáng kể nhất là cuộc kháng chiến kiên cường do nhà yêu nước vĩ

Digitized by Google

đại Au-gu-xtô Xê-xa Xan-đi-nô lãnh đạo. Cuộc đấu tranh vũ trang này kéo dài trong 7 năm, từ 1927 đến 1933, đã đưa đến kết quả là buộc bọn can thiệp Mỹ phải rút khỏi Ni-ca-ra-goa. Nhưng trước khi rút đi, Mỹ đã dựng lên một bộ máy quân sự tay sai do tên A-na-xta-xi-ô Xô-mô-xa (cha của tên Xô-mô-xa bây giờ) đứng đầu.

Tháng Giêng 1934, Xô-mô-xa cho ra lệnh ám sát Xan-đi-nô. Nhưng hành động hèn nhát này không dập tắt được phong trào đấu tranh của nhân dân. Bằng nhiều hình thức, những người Ni-ca-ra-goa yêu nước đã tiếp tục sự nghiệp của Xan-đi-nô. Đầu năm 1959, cách mạng Cu-ba thành công đã cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân Ni-ca-ra-goa. Năm 1961, Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô ra đời và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc. Mặt trận thu hút được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Năm 1969, Mặt trận đưa ra một cương lĩnh, thực chất là cương lĩnh tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong là Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô. Cương lĩnh này xác định rằng « Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô là một tổ chức chính trị và quân sự theo những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác — Lê-nin », và « mục tiêu đấu tranh là giành chính quyền, chống đế quốc, giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ».

Ngay sau khi cách mạng giành được thắng lợi, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô, Chính phủ lâm thời xây dựng lại đất nước (thành lập ngày 17-6-1979) đã lãnh đạo nhân dân Ni-ca-ra-goa bắt tay vào khôi phục đất nước gần như hoàn toàn bị tàn phá do chiến tranh và thiên tai (1).

Chỉ trong một năm Ni-ca-ra-goa đã tiến những bước rất xa so với toàn bộ lịch sử của mình. Trước hết, để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững độc lập và chủ quyền đất nước, Mặt trận Xan-đi-nô chú trọng củng cố và tăng cường hệ thống chuyên chính cách mạng. Điều đó thể hiện trong việc xóa bỏ hiến pháp Xô-mô-xa, ban bố hiến pháp mới, hủy bỏ bộ máy chính quyền phản cách mạng, thiết lập hệ thống chính quyền cách mạng từ trung ương đến cơ sở. Việc thống nhất các lực lượng vũ trang với việc thành lập Bộ tổng tư lệnh do đồng chí Um-bét-tô Óoc-tê-ga làm tổng tư lệnh là một thắng lợi. Đồng thời, hệ thống cơ quan công an được củng cố chặt chẽ. Tổ chức bảo vệ cách mạng được thành lập. Các đoàn thể quần chúng như công đoàn, đoàn thanh niên, hội liên hiệp phụ nữ, đội thiếu niên.. lần lượt ra đời. Nhờ tăng cường hệ thống chuyên chính, việc trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ chính quyền nhân dân, chống lại sự thâm nhập và phá hoại từ bên trong và bên ngoài, trong năm qua, đều giành được những thắng lợi rất đáng khích lệ (2).

Về mặt kinh tế, Ni-ca-ra-goa là một nước nông nghiệp lạc hậu, 61% số dân làm nông nghiệp; nông nghiệp chiếm 53% giá trị tổng sản lượng kinh tế quốc dân. Ni-ca-ra-goa có nhiều loại tài nguyên nhưng không giàu. Do hậu quả của chiến tranh và thiên

(1) Trong quá trình chiến tranh giải phóng, gần 5 vạn người chết, hơn 10 vạn người bị thương, 5 vạn trẻ em mồ côi, 23 vạn nhà cửa bị phá hủy; toàn bộ các cơ sở sản xuất công nông nghiệp bị tàn phá nặng nề; nợ nước ngoài 1,1 tỷ đô la trong khi dự trữ ngoại tệ chỉ có 3,5 triệu đô la; thất nghiệp và lạm phát nghiêm trọng. Tháng 12-1972, nạn động đất làm cho 14000 người chết, 20 vạn người không có nhà; thủ đô Ma-na-goa bị phá hủy 60%.

(2) Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô được coi như đảng lãnh đạo chính quyền. Ban lãnh đạo của Mặt trận gồm có 9 ủy viên. Về mặt chính quyền, có Hội đồng lãnh đạo chính phủ xây dựng lại đất nước gồm 5 ủy viên. Đó là cơ quan hành pháp cao nhất. Bên cạnh đó, có một nội các gồm 18 bộ trưởng. Gần đây đã mở rộng Hội đồng Nhà nước gồm 47 ủy viên, mang tính chất như một cơ quan lập pháp. Ngoài ra, còn thành lập Mặt trận yêu nước thống nhất, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân nhằm xây dựng lại đất nước.

Digitized by Google

tai. Nhà nước cách mạng Ni-ca-ra-goa đã thi hành một loạt biện pháp khẩn cấp nhằm ổn định đời sống nhân dân, phục hồi sản xuất ngang mức năm 1978 là năm trước khi cách mạng thắng lợi. Đường lối chung hiện nay là tăng cường khu vực kinh tế Nhà nước trên cơ sở khu vực kinh tế đã quốc hữu hóa (quốc hữu hóa tài sản của gia đình Xô-mô-xa trị giá 2 tỷ đô-la, riêng của Xô-mô-xa là 500 triệu; tài sản của tư bản lũng đoạn Mỹ chiếm 85% tổng số vốn đầu tư nước ngoài, và của bọn phản động tay sai khác), đồng thời khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đẩy mạnh sản xuất để xuất khẩu, nhằm bước đầu bảo đảm các nhu cầu của đời sống nhân dân. Bên cạnh việc chú trọng phục hồi sản xuất công nghiệp, nhất là sản xuất nông nghiệp, Nhà nước cách mạng Ni-ca-ra-goa kiên quyết dành một số vốn khá lớn để phục hồi ngành y tế và văn hóa giáo dục. Chính vì vậy mà năm 1980 được coi là năm xóa nạn mù chữ. Chiến dịch này dự kiến kết thúc vào tháng 7-1980 với việc giải thoát cho 85 vạn người từ 10 tuổi trở lên khỏi nạn mù chữ.

Năm vừa qua cũng là năm mà địa vị và uy tín quốc tế của nước Ni-ca-ra-goa cách mạng được nâng cao nhanh chóng. Đối với kẻ thù chính là đế quốc Mỹ, Ni-ca-ra-goa luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm nhập và phá hoại của chúng. Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, Ni-ca-ra-goa tự nguyện đứng vào hàng ngũ các nước không liên kết, kiên quyết chống đế quốc, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi-ôn, chống các chế độ độc tài thân Mỹ ở châu Mỹ. Ni-ca-ra-goa kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc ở vùng Ca-ri-bê, khu vực Trung Mỹ và ở châu Mỹ la tinh chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ, giành độc lập và tiến bộ xã hội. Ni-ca-ra-goa cũng đứng về phía các dân tộc đang đấu tranh chống sự đe dọa và can thiệp của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh.

Ni-ca-ra-goa chú trọng tăng cường hữu nghị với các nước láng giềng, thắt chặt quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, với Cu-ba, Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Trên tinh thần bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và giữ vững chủ quyền Nhà nước, Ni-ca-ra-goa thi hành một chính sách đối ngoại vừa có nguyên tắc vừa linh hoạt, nhằm hạn chế tới mức thấp nhất những nhân tố tiêu cực ngăn cản cách mạng phát triển, tranh thủ tới mức cao nhất những điều kiện có lợi cho việc bảo vệ và xây dựng lại đất nước. Theo hướng đó, Ni-ca-ra-goa đã phát triển quan hệ hợp tác kinh tế với nhiều nước, kể cả các nước tư bản Tây Âu và Bắc Mỹ, và các tổ chức kinh tế thế giới.

Ni-ca-ra-goa là nước đầu tiên ở lục địa châu Mỹ mà cách mạng đã thắng lợi sau một quá trình đấu tranh lâu dài, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, tiến hành đấu tranh ở cả thành thị, nông thôn và vùng núi, cuối cùng thực hiện tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền về tay nhân dân. Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô giương cao ngọn cờ yêu nước chống đế quốc, tập hợp được một mặt trận hết sức rộng rãi, bao gồm cả các phần tử tư sản, tôn giáo và các nhân sĩ yêu nước đủ mọi chính kiến, lấy lực lượng công nhân, nông dân và thanh niên học sinh làm nòng cốt. Những người lãnh đạo cách mạng Ni-ca-ra-goa nắm vững thời cơ cách mạng, nhằm trúng lúc kẻ thù đang bị cô lập và suy yếu nhất đã phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền. Cách mạng Ni-ca-ra-goa nổ ra trong hoàn cảnh có ảnh hưởng to lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, của cách mạng Cu-ba đối với vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê, nhất là trong tình hình đế quốc Mỹ đang lúng

Digitized by Google

túng, bị động và trên đà suy yếu sau thất bại ở Việt-nam. Nhờ vậy, Cách mạng Ni-ca-ra-goa tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế rộng rãi.

Đó là những nhân tố cơ bản đã góp phần tạo nên thắng lợi của cách mạng Ni-ca-ra-goa.

Ni-ca-ra-goa là một nước nhỏ, dân không đông nhưng tầm cỡ cách mạng Ni-ca-ra-goa thật sự vượt ra ngoài khuôn khổ một nước. Bằng thắng lợi huy hoàng của mình, Ni-ca-ra-goa đã góp phần làm phong phú thêm kinh nghiệm cách mạng trên thế giới, nhất là ở châu Mỹ la tinh, nơi mà vấn đề đường lối và phương pháp cách mạng ngày càng được nhiều người chú ý.

Cách mạng Ni-ca-ra-goa một lần nữa chứng minh thế tiến công của ba dòng thác cách mạng, dù là ở nơi từng được coi là sân sau của đế quốc Mỹ. Tiếp sau cách mạng Cu-ba, cách mạng Ni-ca-ra-goa chứng minh chân lý lớn nhất của thời đại là độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân Ni-ca-ra-goa chứng tỏ không một thế lực phản động nào có thể ngăn cản được xu thế lịch sử của chân lý đó, dù đó là bọn đế quốc Mỹ, hay là chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc. Chúng ta còn nhớ rằng cách đây 21 năm, khi cách mạng Cu-ba thành công, tổng thống Mỹ lúc đó là Ai-xen-hao đã tuyên bố: vì bị bất ngờ nên Mỹ không kịp thời can thiệp để ngăn chặn. Ông ta tuyên bố rằng sau Cu-ba, Mỹ sẽ không cho phép chủ nghĩa cộng sản (nên hiểu là các phong trào cách mạng) thành công ở bất cứ nơi nào trên lục địa châu Mỹ. Nhưng, ngày nay ở Mỹ la tinh, không những cách mạng Cu-ba ngày càng vững mạnh và phát huy ảnh hưởng to lớn, mà còn có thêm hai nước làm cách mạng thành công. Đó là Grê-na-đa và Ni-ca-ra-goa. Đặc biệt, Ni-ca-ra-goa đã tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và Mỹ đã giở mọi thủ đoạn mà không ngăn chặn nổi thắng lợi hoàn toàn của Ni-ca-ra-goa. Rõ ràng thắng lợi của cách mạng Ni-ca-ra-goa là phù hợp với xu thế của thời đại.

Ni-ca-ra-goa hiện đang tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân chủ. Các nhà lãnh đạo Ni-ca-ra-goa từng tuyên bố sẽ biến Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-đi-nô thành chính đảng của giai cấp công nhân, và đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, trên con đường tiến lên của mình, Ni-ca-ra-goa còn phải đương đầu với nhiều khó khăn do kẻ thù bên ngoài và bên trong gây nên, kể cả những khó khăn về chính trị và tư tưởng trong một xã hội chịu ách thống trị lâu dài của chủ nghĩa thực dân mới.

Nhân dân Việt-nam đồng tình và ủng hộ cách mạng Ni-ca-ra-goa ngay từ đầu. Các bạn Ni-ca-ra-goa, về phần mình, cũng hết sức quý trọng kinh nghiệm của cách mạng Việt-nam. Đó là cơ sở xây đắp nên mối quan hệ hữu nghị và đoàn kết cách mạng giữa nhân dân hai nước. Sự gắn bó đó thể hiện rực rỡ trong chuyến đi thăm lịch sử của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng trên đất nước Ni-ca-ra-goa mà cách mạng giành được thắng lợi chỉ mới 55 ngày. Nhân dân Việt-nam hết sức vui mừng trước thắng lợi vĩ đại của nhân dân Ni-ca-ra-goa và tin tưởng vào tiền đồ tươi sáng của cách mạng Ni-ca-ra-goa.

Digitized by Google

Quan điểm phản động, phản mác-xít về xây dựng đảng của chủ nghĩa Mao

LÊ-XUÂN-LỰU

NẾU bản thân chủ nghĩa Mao — như mọi người đã biết — không phải là một hệ thống hoàn chỉnh, nhất quán, có lô-gích chặt chẽ, thì lý luận về đảng của chủ nghĩa Mao cũng vậy.

Toàn bộ « lý luận » và hoạt động thực tiễn xây dựng đảng của ông ta chỉ nhằm một mục tiêu là xây dựng một đảng theo tư tưởng của ông ta, xác lập sự thống trị tuyệt đối của ông ta đối với đảng, biến đảng thành một công cụ phục vụ cho mưu đồ thống trị xã hội Trung-quốc và thực hiện âm mưu bành trướng và bá quyền nước lớn của Mao và tập đoàn theo Mao.

Mao đã xuyên tạc, phủ nhận mọi nguyên lý xây dựng đảng, mọi tiêu chuẩn về tổ chức, mọi quy tắc sinh hoạt của một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Chúng ta biết rằng tính chất đảng là một nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác — Lê-nin về *đảng của giai cấp công nhân*. Muốn xác định tính chất công nhân của đảng, trước hết phải xác định đúng đắn và đầy đủ vai trò lịch sử của giai cấp công nhân. Đây là tiền đề quan trọng bậc nhất của cách mạng, nó quyết định trước hết sự đúng đắn của đường lối và phương pháp cách mạng.

Khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, khẳng định lập trường của đảng là lập trường của giai cấp công nhân, phân biệt ranh giới dứt khoát giữa lập trường của đảng với lập trường tiểu tư sản và tư sản là vấn đề rất quan trọng đối với một đảng mà đa số đảng viên xuất thân từ nông dân và tiểu tư sản. Chính trên vấn đề cơ bản này có sự khác nhau hoàn toàn giữa quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa Mao.

Trong lịch sử, một giai cấp chỉ trở thành một giai cấp lãnh đạo cách mạng khi nó đại biểu cho một phương thức sản xuất mới, tiến bộ nhất, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội loài người. Gắn liền với nền đại công nghiệp và là sản vật của bản thân đại công nghiệp, giai cấp công nhân tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, chẳng những có khả năng « đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản » mà còn là lực lượng xã hội có khả năng cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản văn minh. Đây là điều quyết định sứ mệnh lịch sử, vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay.

Digitized by Google

Một đảng Mác — Lê-nin chân chính trước hết phải xác định đúng đắn tính chất công nhân của Đảng.

Khoác áo Mác — Lê-nin, chủ nghĩa Mao tuy có nói đến vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân nhưng thật ra nó phủ nhận tính chất công nhân của Đảng vì trong thực tế nó phủ nhận sứ mệnh lịch sử, vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân và tuyệt đối hóa vai trò của nông dân.

Chủ nghĩa Mao phân tích giai cấp không trên cơ sở xem xét chế độ xã hội đã sản sinh ra các giai cấp, địa vị của một giai cấp trong nền kinh tế — xã hội và vị trí của mỗi giai cấp đối với xu thế phát triển khách quan của lịch sử, mà lại đi so sánh giàu nghèo để phân chia giai cấp và xác định vai trò của nó. Từ đó chủ nghĩa Mao hiểu giai cấp vô sản là nghèo khổ, cho rằng bần cố nông nghèo khổ nhất cho nên cách mạng nhất; lấy bần cố nông làm cơ sở giai cấp trong xây dựng Đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ.

Dĩ nhiên với đặc điểm của một xã hội như xã hội Trung-quốc, nửa thuộc địa và nửa phong kiến, nông dân là một lực lượng to lớn của cách mạng. Nhưng chỉ có giai cấp công nhân, thông qua đảng tiên phong của nó được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mới phát huy được lực lượng to lớn của nông dân, lập nên khối liên minh công nông làm trụ cột của cách mạng. Và giai cấp nông dân cũng chỉ có thể phát huy được năng lực cách mạng của mình dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Tuyệt đối hóa vai trò nông dân không phải chỉ là sai lầm về lý luận mà còn là một ý đồ, một nhu cầu của chủ nghĩa Mao. Chủ nghĩa Mao dựa vào nông dân, lấy nông dân làm cơ sở xã hội của Đảng, của chế độ, hoàn toàn không phải nó xuất phát từ lợi ích của nông dân mà chính vì nó tìm thấy ở nông dân, nhất là bần cố nông, một lực lượng đông đảo có thể tiếp thụ dễ dàng chính sách ngu dân của Mao; đối với lực lượng đó Mao có thể tạo ra sự tin tưởng mù quáng, kích thích tính tự phát vô chính phủ để đấu tranh giành quyền lực.

Cái mẫu người mà Mao cần là những kẻ trung thành với tư tưởng Mao-Trạch-Đông, với cá nhân ông ta và đường lối của ông ta, răm rắp làm theo lệnh của ông ta, hiểu hay không hiểu cũng phải tuyệt đối chấp hành, không cần kiến thức vì theo ông ta có nhiều tri thức thường dễ phát sinh bệnh « giáo điều » hoặc « xét lại ». Ông ta chỉ cần một đội ngũ đảng viên gồm những « con chiên ngoan đạo ». Đội ngũ đó ông ta lựa chọn từ nông dân.

Sau khi Mao chết, tập đoàn theo Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại quay sang một hướng thực dụng chủ nghĩa cực kỳ phản động trong đường lối tổ chức: « mèo đen hay mèo trắng miễn là bắt được chuột đều tốt ». Những ai đồng tình với đường lối phản động của nó, ủng hộ « bốn hiện đại hóa », thì bất chấp thành phần giai cấp và lai lịch như thế nào, cũng đều được nó cho là tốt và kết nạp vào tổ chức.

Chính trên vấn đề căn bản là tính chất đảng, chủ nghĩa Mao đã phơi bày bản chất cái đảng mà nó xây dựng.

Chính đảng của giai cấp công nhân là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân. Một đảng Mác — Lê-nin chân chính bao giờ cũng *lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình*. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là vũ khí tư tưởng, lý luận của giai cấp công nhân, là biểu hiện tập trung lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân. Chính đảng của giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện được vai trò đội tiên

Digitized by Google

phong của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh để thiết lập nền chuyên chính vô sản cũng như trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nếu hoạt động của Đảng được chỉ đạo bởi lý luận duy nhất cách mạng và khoa học là chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Lê-nin đã chỉ rõ «*Chỉ đảng nào có được một lý luận tiên phong hướng dẫn, thì mới có thể làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong*» (1).

Trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, vận dụng đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng mỗi nước, là tiêu chuẩn quan trọng đầu tiên để xác định tính chất công nhân của một đảng.

Đảng của chủ nghĩa Mao không phải là một đảng Mác — Lê-nin vì nó lấy tư tưởng Mao-Trạch-Đông — hệ tư tưởng chống chủ nghĩa Mác—Lê-nin— làm cơ sở tư tưởng.

Một đảng có lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm nền tảng tư tưởng hay không, điều đó được thể hiện chủ yếu ở đường lối và chính sách, chiến lược và sách lược của đảng ấy. Một đảng thế nào là chính đảng của giai cấp công nhân? Điều đó, như Lê-nin đã chỉ rõ, «Không phải chỉ tùy ở chỗ đảng đó bao gồm công nhân, mà cũng còn tùy ở chỗ những ai lãnh đạo nó, và ở tính chất của hành động và của sách lược chính trị của đảng đó nữa. Chỉ có những yếu tố nói sau mới làm cho chúng ta thấy là đảng đó có phải là một chính đảng thật sự của vô sản hay không?» (2).

Trong đường lối của họ, Mao-Trạch-Đông và những người theo chủ nghĩa Mao đã xét lại toàn bộ nguyên lý của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về chủ nghĩa xã hội khoa học. Họ đã dựng lên một mô hình xã hội «xã hội chủ nghĩa» và con đường tiến lên «chủ nghĩa cộng sản» khác với Mác và Lê-nin — đó là con đường công xã nhân dân. Coi nguyên tắc xã hội chủ nghĩa về phân phối theo lao động là thuộc pháp quyền «tư sản» và nhằm «phục hồi chủ nghĩa tư bản», họ thực hiện chế độ bao cấp bình quân trong công xã bất chấp chất lượng và số lượng lao động.

Bất chấp quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, họ dựa vào một số tài nguyên sẵn có trong nước và số dân đông, dùng cường bức siêu kinh tế được ngụy trang dưới khẩu hiệu «gian khổ 3 năm, sung sướng muôn đời», thu hẹp mọi nhu cầu đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, bòn rút lao động thặng dư của mấy trăm triệu dân để làm một cuộc «đại nhảy vọt» hòng đuổi kịp và vượt một số nước tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa cộng sản trước Liên-xô!

Chủ nghĩa xã hội kiểu Mao mang nhiều nét gần giống với một số trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác là «chủ nghĩa xã hội phong kiến và tiểu tư sản», đồng thời cũng rất gần gũi với những quan niệm vô chính phủ đã bị Mác gọi là «chủ nghĩa cộng sản trại lính».

Rõ ràng đối với Mao, giá trị chủ yếu của chủ nghĩa xã hội không phải là ở việc cải tạo xã hội cũ một cách căn bản, xây dựng xã hội mới dựa trên những quy luật phổ biến mà Mác và Lê-nin đã vạch ra để đem lại cho nhân dân lao động một cuộc sống ngày càng tốt đẹp, mà là ở chỗ Mao có thể lợi dụng được sức hấp dẫn đặc biệt của chủ nghĩa xã hội đối với đông đảo quần chúng, để thực hiện những mưu toan bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn.

Ngày nay những kẻ nối gót Mao không đếm xỉa gì đến lợi ích căn bản của nhân dân Trung-quốc, dựa vào chủ nghĩa đế quốc xúc tiến «bốn

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 5, tr. 436.
(2) *Sách đã dẫn*, 1969, tập 31, tr. 312.

Digitized by Google

hiện đại hóa » mà trung tâm là hiện đại hóa quân sự hòng biến Trung-quốc thành cường quốc số một trên thế giới vào cuối thế kỷ này.

Về đối ngoại, Mao-Trạch-Đông và những người theo chủ nghĩa Mao thi hành một chiến lược toàn cầu phản cách mạng, liên minh với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và mọi thế lực phản động khác, điên cuồng chống chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khiêu khích chiến tranh, mưu đồ làm bá chủ thế giới.

Rõ ràng đảng của chủ nghĩa Mao mang tên là cộng sản nhưng đường lối đối nội, đối ngoại của nó trái hẳn với những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đi ngược lại lợi ích của nhân dân lao động Trung-quốc và lợi ích của phong trào cách mạng thế giới.

Một đảng Mác — Lê-nin chân chính bao giờ cũng là một tổ chức chặt chẽ được xây dựng theo *chế độ tập trung dân chủ*. Đó là nguyên tắc tổ chức căn bản của đảng. Chế độ tập trung dân chủ là nguồn sức mạnh của Đảng. Nó làm cho toàn đảng thành một khối thống nhất ý chí và hành động, có kỷ luật nghiêm minh, có tổ chức chặt chẽ, đồng thời vẫn bảo đảm phát huy cao độ tính tích cực và tính sáng tạo của mỗi đảng viên. Trong việc mở rộng dân chủ, tăng cường tập trung, một điều quan trọng là phải tuân theo nguyên tắc lãnh đạo tập thể. Sự lãnh đạo tập thể bảo đảm cho mọi quyết định của đảng đều dựa trên cơ sở tập trung được ý kiến và kinh nghiệm của toàn đảng và quần chúng, phát huy được tính tích cực và sáng tạo của đảng và củng cố được sự thống nhất trong đảng.

Chủ nghĩa Mao đã sử dụng nguyên tắc này một cách thực dụng và cơ hội chủ nghĩa, biến nó thành công cụ thực hiện mưu đồ chính trị cá nhân. Khi muốn tiến hành lật đổ, cướp quyền trong Đảng thì phủ định tập trung, đưa ra thuyết phục tùng « có điều kiện », dùng dân chủ để mị dân, lôi kéo những cán bộ, đảng viên mê muội vào những cuộc đấu tranh vô nguyên tắc. Ngược lại, khi cần củng cố địa vị thống trị thì họ nhấn mạnh tập trung, yêu cầu phục tùng mù quáng không kể đúng sai, thủ tiêu mọi quyền dân chủ của đảng viên và tổ chức đảng.

Đảng của chủ nghĩa Mao lấy sự sùng bái cá nhân, đề cao quyền lực cá nhân thay thế cho nguyên tắc lãnh đạo tập thể, hơn nữa đã thực hiện mối quan hệ giữa đảng và lãnh tụ hoàn toàn trái với học thuyết Mác — Lê-nin. Mao-Trạch-Đông đã đặt mình lên trên đảng. Ông ta coi cương vị lãnh tụ như ngôi vua, có chế độ thừa kế.

Sự sùng bái cá nhân trong đảng đã được nâng lên như một tôn giáo. Mao được coi là thánh sống, được xếp lên trên Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị, trên toàn đảng. Mao được coi như một người không bao giờ phạm sai lầm, người mà mỗi lời nói là một chân lý, là một chỉ thị mà toàn đảng phải thi hành.

Trực tiếp gắn liền với tệ sùng bái cá nhân là sự chuyên chế cá nhân trong Đảng cộng sản Trung-quốc, sự vi phạm những tiêu chuẩn sơ đẳng nhất của sinh hoạt Đảng. Tất cả quyền lực đều ở trong tay Mao và phe nhóm ông ta. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách cho đến công tác tổ chức cán bộ đều do ông ta quyết định. Đến như đại biểu đại hội đảng cũng do Mao và phe nhóm bí mật chỉ định chứ không phải do toàn thể đảng viên bỏ phiếu kín bầu ra. Ông ta hoàn toàn thủ tiêu dân chủ trong Đảng nhưng có lúc ông ta lại thực hiện « dân chủ » rộng rãi với « quần chúng ». Lấy cớ phải để cho quần chúng nói tiếng nói của mình, ông ta đã sử dụng Hồng vệ binh làm áp lực để hạ bệ các đối thủ của ông ta, phá đảng, phá chuyên chính vô sản. Sau khi Mao

Digitized by Google

chết, kẻ cố thế lực trong đảng khôi phục lại phương châm « trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng » và phương châm « bốn đại » (đại minh, đại phóng, đại tự báo, đại biện luận). Trong việc làm này họ lại có mưu đồ riêng: vừa để lừa mị, vừa mượn tiếng nói của người khác đả kích đối thủ của mình.

Nhưng khi cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng nhân dân, nói lên tiếng nói của mình đối với Đảng, với chế độ..., thì lập tức họ thẳng tay đàn áp và tìm cách hủy bỏ « bốn đại » đã ghi trong hiến pháp.

Rõ ràng dân chủ trong đảng kiểu Mao chỉ là một phương tiện để kẻ cầm quyền sử dụng vào mục đích cá nhân, còn áp đặt quyền lực tuyệt đối của mình trong Đảng, trong xã hội là bản chất của những kẻ đi theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn Bắc-kinh.

Đoàn kết thống nhất là nguồn gốc sức mạnh của một đảng Mác — Lê-nin. Sự đoàn kết thống nhất của đảng là điều kiện cơ bản để đoàn kết toàn dân. Đảng phải luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Sự đoàn kết thống nhất ấy là sự đoàn kết thống nhất có nguyên tắc. Cơ sở của sự đoàn kết thống nhất đó là sự nhất trí cao độ về tư tưởng và sự thống nhất vững chắc về tổ chức. Như Lê-nin đã dạy: « Chúng ta không được quên rằng nếu như không có cái cơ sở tư tưởng chung thì không thể có được vấn đề thống nhất ». (3) Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng phải dựa trên cương lĩnh đúng đắn của Đảng. « Mác hay vô luận một nhà lý luận hoặc một nhà làm công tác thực tiễn nào khác của Đảng xã hội dân chủ cũng đều không ai phủ nhận tầm quan trọng to lớn của một cương lĩnh đối với sự hoạt động nhất trí và liên tục của một chính đảng » (4).

Đảng của chủ nghĩa Mao không hề làm như vậy. Mao-Trạch-Đông đã nêu ra lý luận « một chia hai », « chính đảng là một thứ xã hội chính trị » để làm cơ sở cho luận điểm « ngoài đảng có đảng, trong đảng có phái », « giai cấp tư sản nằm ngay trong đảng » rồi dán cái nhãn hiệu « tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới chuyên chính vô sản » lên những hoạt động phe phái, những cuộc đấu tranh loại trừ đối thủ, cướp quyền trong đảng, của ông ta.

Ông ta đã xóa nhòa ranh giới giữa đảng và xã hội, giữa đội tiên phong với bộ phận còn lại của giai cấp.

Đảng tuy là một bộ phận của xã hội, cuộc sống ngoài xã hội có tác động vào trong Đảng, kể cả mặt tiêu cực, nhưng chỉ bộ phận đảng viên non yếu, không bình thường mới chịu sự tác động của mặt tiêu cực đó. Nếu Đảng thụ động chịu mọi sự tác động tiêu cực của xã hội thì Đảng còn đâu là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là người nắm vững những quy luật khách quan của sự phát triển của xã hội, là lực lượng lãnh đạo mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa xã hội tiến lên.

Đảng càng không phải là tấm gương phản chiếu nguyên xi mọi cái ngoài xã hội như Mao đã nói để rồi cho rằng ngoài xã hội còn có giai cấp tư sản thì trong đảng cũng có giai cấp tư sản, mâu thuẫn ngoài xã hội là mâu thuẫn giữa tư bản và vô sản thì mâu thuẫn trong đảng cũng là mâu thuẫn giữa tư bản và vô sản.

Đây chỉ là một sự xuyên tạc có chủ đích.

Mâu thuẫn trong một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân là mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu mà nguồn gốc chủ yếu của nó là sự rèn luyện và giác ngộ của cán bộ, đảng viên. Phương pháp căn bản để giải

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 5, tr. 268.

(4) *Sách đã dẫn*, tập 4, tr. 287.

Digitized by Google

quyết mâu thuẫn đó là tự phê bình và phê bình đi đôi với không ngừng nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên.

« Lý-luận » « một chia hai », « chính đảng là một thứ xã hội chính trị » v.v trên đây của chủ nghĩa Mao nhằm biện hộ cho những cuộc đấu tranh giữa các phe phái, đàn áp những đối thủ của Mao bằng nhục hình đấu tố, truy bức, chà đạp lên tinh thần và thể xác con người, kể cả tù đày, chém giết.

Do lý luận đó mà nhân dân Trung-quốc trong hơn chục năm qua đã chứng kiến nhiều « bộ tư lệnh tư sản » trong đảng. Mao-Trạch-Đông và Lâm-Bưu đã gán cho Lưu-Thiếu-Kỳ là tư sản; đến lượt mình, Lâm-Bưu lại bị coi là tư sản và bị đánh đổ. Đặng-Tiểu-Bình đã từng bị gọi là « con chó ghẻ, tay sai của giai cấp tư sản » nay nghiễm nhiên trở thành kẻ có quyền lực nhất ở lầu Trung-nam-hải. Và những « bè lũ 4 tên » sau này bị đánh đổ cũng đều được coi là tư sản.

Tập đoàn lãnh đạo hiện nay, thôi thúc bởi tham vọng gấp rút biến Trung-quốc thành cường quốc thế giới để thực hiện chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn, cần phải lấy lòng tin của bọn đế quốc để dựa vào chúng, cần lừa mị nhân dân Trung-quốc đã sống hàng chục năm trong hỗn loạn vì các cuộc đấu tranh liên miên giữa các phe phái trong giới cầm quyền, đã lớn tiếng kêu gọi « ổn định », « đoàn kết », « thống nhất » để thực hiện « bốn hiện đại hóa ».

Nhưng chúng không thể tạo ra một tình hình « ổn định », « đoàn kết », « thống nhất » được vì tranh giành quyền lực, gạt bỏ lẫn nhau vẫn là cái bản chất nằm trong cái trung tâm cốt lõi của chủ nghĩa Mao là bành trướng, bá quyền nước lớn. Những cuộc gạt bỏ lẫn nhau từ trung ương đến địa phương, từ trong đảng đến bộ máy Nhà nước và quân đội đã và đang tiếp diễn chứng minh điều đó.

Quan điểm lý luận về vai trò quần chúng trong lịch sử là một bộ phận khăng khít của chủ nghĩa duy vật lịch sử Mác — Lê-nin. Quan điểm đó cho rằng: quần chúng là người sáng tạo ra lịch sử và cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của một cá nhân anh hùng nào. Nhất là sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ lại càng phải là sự nghiệp của quần chúng. Lê-nin đã từng dạy chúng ta: « Tính chủ động sáng tạo của quần chúng đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới... Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống... Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân » (5).

Chính đảng của giai cấp công nhân phải coi việc *giữ vững mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng*, dựa vào quần chúng là một nguyên lý cơ bản trong những nguyên lý xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Mối liên hệ giữa đảng và quần chúng trước hết biểu hiện ở đường lối, chủ trương, chính sách của đảng. Đảng không có mục đích nào khác là phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân. Đảng là người tự nguyện phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên đảng phải gắn bó với quần chúng và tập hợp được quần chúng chung quanh mình. Và quần chúng cũng chỉ ủng hộ và gắn bó với đảng một khi đảng có một đường lối đúng đắn, thật sự vì lợi ích của dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.

Đảng của chủ nghĩa Mao không hề làm như vậy vì đường lối của đảng không xuất phát từ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung-quốc mà chỉ nhằm thực hiện

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 327.

Digitized by Google

mục tiêu bành trướng và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh.

Mặt khác, mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng phải được thể hiện qua việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vì điều này nói lên bản chất của chế độ mới, chế độ mà Đảng lãnh đạo quần chúng xây dựng nên. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa và dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân, nhân dân lao động lần đầu tiên đóng vai trò người tự giác sáng tạo ra lịch sử, lần đầu tiên bước lên con đường thênh thang tiến lên đỉnh cao của tri thức và văn hóa và phát triển toàn diện nhân cách của mình.

Trái với quan điểm nói trên, Mao-Trạch-Đông đã tuyệt đối hóa vai trò của cá nhân trong lịch sử. Ông ta luôn luôn tự coi mình là «mặt trời đỏ», là «cứu tinh của nhân dân». Quần chúng nhân dân chỉ được coi như một đám đông một màu sắc, mù quáng tôn sùng vô điều kiện «lãnh tụ vĩ đại». «Trăm anh hùng chỉ một bộ mặt». Khuôn mẫu người anh hùng lý tưởng trong thời đại Mao-Trạch-Đông là con người trung thành với Mao, chỉ biết nhất nhất vâng lời Mao, làm theo chỉ thị của Mao, tự nguyện «làm cái đinh vít không gỉ thuần nhất, làm người lính (tốt đen) của Mao chủ tịch». Những con người như vậy không còn cá tính, tình cảm tự nhiên của con người. Chủ nghĩa Mao đã phủ định nhân cách con người. Và trong cái chế độ xã hội chủ nghĩa kiểu trại lính của Mao-Trạch-Đông không có chỗ cho con người với tư cách là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, là người làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời mình.

Với đường lối hoàn toàn trái ngược với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung-quốc, với quan niệm về con người và thái độ đối với con người như vậy, cùng với cái bộ máy quan liêu, quân phiệt mà chủ nghĩa Mao đã dựng lên ở Trung-quốc, và hàng chục triệu người bị tàn sát trong «cách mạng văn hóa vô sản», thực chất cái «mối liên hệ giữa đảng và quần chúng» của chủ nghĩa Mao đã được phơi bày rõ rệt.

Chủ nghĩa Mao chỉ «liên hệ với quần chúng» và phóng tay phát động quần chúng khi cần có quần chúng làm chỗ dựa, làm công cụ để đấu tranh lật đổ đối thủ của Mao, thậm chí lật đổ đảng, lật đổ bộ máy chuyên chính vô sản để bảo vệ vị trí của Mao và những kẻ theo Mao. Ngoài mục tiêu đó ra thì chủ nghĩa Mao không có mối quan hệ nào khác với quần chúng theo như tinh thần mà một đảng cách mạng cần phải có.

Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng, là một biện pháp cơ bản để tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Đảng là một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhưng nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận mâu thuẫn ở trong Đảng. Thực tế trong Đảng mâu thuẫn cũng thường xuyên xuất hiện đòi hỏi phải thường xuyên được giải quyết. Như trên đã nói, đó là mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tư tưởng vô sản và những ảnh hưởng của tư tưởng phi vô sản, nảy sinh ra từ những trình độ không đồng đều của cán bộ, đảng viên, từ sự nhận thức nhanh chậm khác nhau trước những thay đổi của tình hình và nhiệm vụ, những vấn đề mà thực tiễn cách mạng đặt ra đòi hỏi Đảng phải giải quyết.

Phương pháp cơ bản để giải quyết mâu thuẫn đó trong Đảng là tự phê bình và phê bình đi đôi với không ngừng nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên. Tự phê bình và phê bình không phải chỉ để tìm ra ưu điểm, khuyết điểm mà còn là để nâng cao nhận thức, phát triển trí tuệ, làm cho nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng

Digitized by Google

viên theo kịp sự phát triển khách quan của cách mạng.

Từ đó mà Lê-nin đã cho rằng: « Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xét xem đảng ấy có nghiêm chỉnh không và có *thật sự* làm tròn nghĩa vụ của mình đối với *giai cấp* mình và đối với *quần chúng* lao động không » (6).

Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của đảng Mác — Lê-nin — Nó có nội dung hết sức cách mạng và khoa học. Tự phê bình và phê bình trong đảng phải trên những vấn đề nguyên tắc, trên quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng. Có như vậy mới làm cho đường lối, chính sách của Đảng được quán triệt sâu sắc, được tổ chức thực hiện đúng đắn và thông qua thực tiễn được bổ sung không ngừng.

Cái gọi là « phê bình và tự phê bình » của chủ nghĩa Mao không hề là như vậy.

« Phê bình » của chủ nghĩa Mao không phải để phân biệt đúng sai, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nâng cao nhận thức, làm cho con người và công tác tiến lên. Qua các kiểu « phê bình » như « không có gì biết mà không nói, đã nói thì nói hết, người nói không có tội, người nghe lấy đó làm răn, ngăn trước ngừa sau... », Mao-Trạch-Đông dụng tâm tạo ra sự suy diễn trong Đảng, gây chia rẽ bè phái, gây hỗn loạn trong Đảng để cuối cùng ông ta dễ bề dựa vào nhóm này chống lại nhóm khác nhằm thực hiện mưu đồ thanh trừng, lật đổ. Ông ta làm điều đó dưới cái nhãn hiệu từ bi: « trị bệnh cứu người ».

Còn theo kiểu tự phê bình của chủ nghĩa Mao thì mọi người phải lấy tư tưởng Mao-Trạch-Đông làm khuôn vàng thước ngọc để đối chiếu với mình. Cuối cùng mọi người đều thấy mình sai lầm, đều có tội mà tội lớn nhất là không nắm được tư tưởng Mao-Trạch-Đông, không làm đúng như Mao dạy, cuối cùng tự phủ định mình, tự mình không tin mình, không tin ai khác ngoài Mao. Đó chính là vì chủ nghĩa Mao là một hệ tư tưởng phản động hướng vào mọi cái lạc hậu và chỉ có thể dùng những nội dung và phương pháp phản khoa học để tạo ra sự tin tưởng mù quáng và biến đảng viên, cán bộ và nhân dân thành công cụ để thực hiện dã tâm chính trị của Mao.

Trong đảng theo chủ nghĩa Mao, tự phê bình là điều bắt buộc đối với mọi người, nhưng Mao có quyền đặc biệt, không phải tự phê bình. Trong cái đảng ấy, cán bộ, đảng viên thường phải « phản tỉnh » phải « sám hối » còn lãnh tụ thì được « lệ ngoại ».

Sau khi Mao chết, ban lãnh đạo mới của Trung-quốc đã làm một số việc như: sửa lại án oan, án giả, án sai, khôi phục lại cán bộ cũ và đưa một số cán bộ cũ vào Bộ chính trị Trung ương Đảng, vào các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Họ đang giải thích lại một số luận điểm của chủ nghĩa Mao như: đấu tranh giai cấp dưới chuyên chính vô sản, quan hệ giữa chính trị và kinh tế, chính trị và kỹ thuật, khôi phục lại các đoàn thể công đoàn, Đoàn thanh niên, hội phụ nữ. Thậm chí họ cũng đã đánh giá lại cả « cách mạng văn hóa » của Mao. v v.

Như vậy phải chăng là những kẻ theo Mao ở Bắc-kinh đã thực hiện tự phê bình và phê bình theo đúng quan điểm của một đảng Mác—Lê-nin và đã « phi Mao hóa » ? Không!

Việc « tự phê bình và phê bình » của họ nhằm phục vụ cho ý đồ xấu xa của họ. Họ không hề đoạn tuyệt với hệ tư tưởng của Mao, không hề

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, tr. 63.

Digitized by Google

từ bỏ mục tiêu chiến lược của chủ nghĩa Mao mà chỉ tìm những thủ đoạn sách lược, những mánh khóe hiệu nghiệm hơn để thực hiện cái cốt lõi của chủ nghĩa Mao là bành trướng và bá quyền nước lớn một cách thực dụng chủ nghĩa và phản động hơn.

Thực tiễn của tình hình buộc họ phải « điều chỉnh » chủ nghĩa Mao cho phù hợp với chủ trương, biện pháp của họ hiện nay. Ngoài mưu đồ chung là tìm cớ « ổn định » để thực hiện « bốn hiện đại hóa », còn có mưu đồ riêng của các cá nhân trong tập đoàn phản động Bắc-kinh là tập hợp lực lượng tạo nên phe cánh, gây lòng tin và uy tín cá nhân, đồng thời hạ uy thế đối thủ của họ.

Toàn bộ những điều trên đây nói lên những quan điểm lý luận về Đảng cũng như những hoạt động thực tiễn xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mao là hoàn toàn phản động, phản mác-xít.

Chính vì thế mà chủ nghĩa Mao đã làm cho Đảng cộng sản Trung-quốc — một đảng đã lãnh đạo nhân dân Trung-quốc đấu tranh cho những mục tiêu dân chủ thắng lợi và đã chuyển qua cách mạng xã hội chủ nghĩa với những thành quả bước đầu — biến chất.

Trước những thực tế đau xót của cách mạng Trung-quốc dưới sự lãnh đạo của đảng theo chủ nghĩa Mao, kể từ cái gọi là « đại cách mạng văn hóa vô sản », cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng nhân dân Trung-quốc đã và đang đánh giá lại tư tưởng Mao-Trạch-Đông, chủ nghĩa xã hội kiểu Mao, chuyên chính vô sản kiểu Mao và đảng kiểu Mao.

Đó là dấu hiệu tốt lành vì những cái gì phản lại chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống lại lợi ích của nhân dân không thể lừa bịp được mãi nhân dân Trung-quốc có lịch sử đấu tranh lâu dài.

Sự phá sản của toàn bộ chủ nghĩa Mao cũng như những quan điểm lý luận phản động, phản mác-xít về đảng của nó là điều không thể tránh khỏi.

Khoán màu ở Vĩnh-phú

(Tiếp theo trang 64)

mức năng suất (đạt thấp) khi làm tập thể theo lối ồ ạt làm mốc để khoán cho xã viên. Thậm chí có những đội sản xuất buông lỏng quản lý, khoán trắng cho gia đình xã viên, gây ảnh hưởng không tốt đến sản xuất tập thể của đội và hợp tác xã.

Những hiện tượng lệch lạc này thường xảy ra ở những hợp tác xã và đội sản xuất yếu kém. Điều đó càng cho thấy, muốn thực hiện có kết quả việc khoán và thưởng phạt đối với người lao động cho đến khâu cuối cùng của quá trình sản xuất, thì công tác quản lý của hợp tác xã phải được tăng cường và đề cao, đội sản xuất phải được củng cố thật vững chắc.

Việc thưởng phạt còn có chỗ chưa hợp lý. Đội sản xuất là người trực tiếp nhận khoán và chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo công việc làm hằng ngày của xã viên để thực hiện kế hoạch khoán của hợp tác xã. Thế mà việc thưởng phạt lại không thực hiện đối với đội sản xuất. Lẽ ra đội sản xuất phải được chia phần sản lượng vượt mức khoán và phải chịu phạt nếu sản lượng bị hụt. Như vậy, mới thúc đẩy đội sản xuất nói chung và cán bộ đội nói riêng nêu cao trách nhiệm tập thể, phấn đấu thực hiện vượt mức kế hoạch khoán của hợp tác xã, thực hiện tốt chế độ hạch toán ban đầu ở đội, và giao nộp sòng phẳng sản phẩm cuối cùng cho hợp tác xã.

Digitized by Google

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ N° 7 — 1980

ПЕРЕДОВАЯ. Активизировать экспорт и расширять международное сотрудничество. ★★ Большая честь! НГУЕН ЗЮИ ЧИНЬ. Основные и актуальные экономические проблемы. ДО МЫОЙ. Борьба с отрицательными явлениями в обществе. ЧАН ДО. Некоторые соображения о нашей литературе. ФАН ХЮИ ЛЕ. Нгуен Чай: его дело и эпоха. ДО ТЫ. О связях между классом, нацией и миром. НГУЕН ДЫК НЯН. Усвоить принцип экономии во всех областях деятельности народных вооруженных сил. НГУЕН КХАК ТХИН. Никарагуа: революция предвигается вперед. ЛЕСУАН ЛЫУ. Антимарксистские реакционные маоистские воззрения на партийное строительство.

REVIEW OF COMMUNISM N° 7 – 1980

Editorial — Step up exports and amplify international cooperation. ★★ Our great honour. *NGUYÊN-DUY-TRINH* — Some urgent and basic problems of our economy. *ĐỖ-MƯỜI* — Struggle against negative phenomena. *TRẦN-ĐỘ* — Some reflections about our literature. *PHAN-HUY-LÊ* — Nguyễn Trãi — his times and his works. *ĐỖ-TƯ* — The relationships between class, nation and internationalism. *NGUYÊN-ĐỨC-NHÂN* — Grasp the principles of economy in all activities of the people's armed forces. *NGUYÊN-KHẮC-THÌN* — Nicaragua — an advancing revolution. *LÊ-XUÂN-LỰU* — The anti — Marxist and reactionary viewpoint of Maoism on Party building.

. . .

REVUE DU COMMUNISME N° 7 – 1980

Editorial — Activer l'exportation et amplifier la coopération internationale. ★★ Un grand honneur. *NGUYÊN-DUY-TRINH* — Quelques problèmes économiques fondamentaux et urgents. *ĐỖ-MƯỜI* — Lutter pour éliminer les phénomènes négatifs. *TRẦN-ĐỘ* — Quelques idées sur notre littérature. *PHAN-HUY-LÊ* — Nguyễn-Trãi — son époque et son oeuvre. *ĐỖ-TƯ* — Sur les relations entre la classe, la nation et le monde. *NGUYÊN-ĐỨC-NHÂN* — Bien saisir le principe d'économie dans toutes les activités des forces armées. *NGUYÊN-KHẮC-THÌN* — Nicaragua, une révolution en marche. *LÊ-XUÂN-LỰU* — Les conceptions maoïstes réactionnaires, antimarxistes sur l'édification du Parti.

. . .

REVISTA DEL COMUNISMO N° 7 – 1980

Editorial — Llevar adelante las exportaciones y ampliar las coopéraciones internacionales. ★★ — Un gran honor para nosotros. *NGUYÊN-DUY-TRINH* — Unos problemas básicos y apremiantes de nuestra economía. *ĐỖ-MƯỜI* — La lucha contra les fenómenos negativos. *TRẦN-ĐỘ* — Unas reflexiones sobre nuestra literatura. *PHAN-HUY-LÊ* — Nguyễn-Trãi. Su época y su obra. *ĐỖ-TƯ* — Las relaciones entre clases, naciónc internacionalisme. *NGUYÊN-ĐỨC-NHÂN* — Ha de observar bien los principios de ahorro en tedas las actividades de la fuerzas armadas pôpulares. *NGUYÊN-KHẮC-THÌN* — Nicaragua, revolución en avance. *LÊ-XUÂN-LỰU* — El antimarxista y reaccionario punto de vista del maoismo acerca del problema de la construcción del Partido.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 7

1980

NĂM THỨ XXVI (295)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng hợp tác quốc tế 1

★★ — Vinh dự lớn 9

Lời phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn 11

Lời phát biểu của Viện sĩ N.N. Blô-khin 14

NGUYỄN-DUY-TRINH — Mấy vấn đề cơ bản và cấp bách về kinh tế 17

ĐỖ-MƯỜI — Đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực 29

TRẦN-ĐỘ — Một số ý kiến về văn học của chúng ta 37

PHAN-HUY-LÊ — Nguyễn-Trãi — Thời đại và sự nghiệp 42

ĐỖ-TƯ — Về mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và quốc tế 49

NGUYỄN-ĐỨC-NHÂN — Quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong mọi hoạt động của các lực lượng vũ trang nhân dân 55

Điều tra ★ *HỮU-HẠNH* — Khoán màu ở Vĩnh-phú 61

TRẦN-NGỌC-VINH — Xóa bỏ bao cấp tràn lan, thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động 65

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU — Bàn về cải tiến bữa ăn của người Việt-nam 69

NGUYỄN-KHẮC-THÌN — Ni-ca-ra-goa, một cuộc cách mạng đang tiến lên 76

LÊ-XUÂN-LƯU — Quan điểm phản động, phản mác-xít về xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mao. 80

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc :

HỒ-CHÍ-MINH :

– Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ

– Về phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm

– Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ40

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

HX
9
.H68B

Univ. of Mich.
FEB 7 1983
Current Serials

8

8.1980

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

Thấu suốt chủ trương của đảng về cải tiến công tác phân phối, lưu thông

HƠN bốn năm qua, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước phấn đấu kiên cường, bảo đảm yêu cầu tăng cường quốc phòng và an ninh, đánh thắng bọn Trung-quốc xâm lược; cố gắng bảo đảm những yêu cầu thiết yếu trong đời sống nhân dân; khôi phục sản xuất và làm cho sản xuất trên một số mặt phát triển hơn trước; tăng thêm năng lực sản xuất ở một số ngành. Đảng và Nhà nước đã có một số cải tiến trên lĩnh vực phân phối và lưu thông, như tăng giá thu mua, áp dụng hợp đồng kinh tế hai chiều trong thu mua, cải tiến cách phân phối trong nội bộ hợp tác xã, tăng tỷ lệ tiền thưởng trong quỹ lương, v.v.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế nói chung đang có **nhiều khó khăn:** *sản xuất phát triển chậm hơn tốc độ tăng số dân và không tương xứng với số vốn đầu tư thêm vào các ngành kinh tế; năng suất lao động và hiệu quả kinh tế của sản xuất và xây dựng thấp. Điều đó dẫn đến những khó khăn trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.*

Nét nổi bật trong lĩnh vực phân phối, lưu thông hiện nay là mất cân đối nghiêm trọng và có nhiều yếu tố tiêu cực, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống.

Nền tài chính quốc gia không ổn định, công tác thu, chi tài chính có nhiều thiếu sót, để thất thu nhiều, nhất là trong các khu vực tư nhân và tập thể; phân phối và sử dụng vốn không hợp lý, hiệu quả thấp; chi cho tiêu dùng mang nặng tính bao cấp tràn lan. Công tác quản lý tiền tệ, tín dụng làm chưa tốt. Hệ thống giá cả Nhà nước hình thành từ lâu, nay không còn thích hợp nữa. Giá cả chỉ đạo không còn phản ánh đúng giá trị của hàng hóa. Hệ thống tiền lương mang nặng tính bình quân chủ nghĩa, không theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Digitized by Google

Công tác quản lý thị trường bị buông lỏng nghiêm trọng. Mậu dịch quốc doanh bó hẹp phạm vi hoạt động của mình như là một cơ quan cung cấp hàng hóa, không mở rộng kinh doanh thương nghiệp. Những hoạt động đầu cơ, buôn lậu phát triển, làm xói mòn thị trường có tổ chức, cướp đoạt những nguồn thu nhập khá lớn của Nhà nước và của công nhân, viên chức, gây tình trạng mất ổn định về kinh tế và xã hội.

Nguyên nhân của tình hình trên đây có nhiều. Ngoài những nguyên nhân khách quan tác động rất mạnh đến tình hình kinh tế và công tác phân phối, lưu thông, còn có những nguyên nhân chủ quan chủ yếu dưới đây :

Một là, *nguyên nhân cơ bản và sâu xa nhất là* **sản xuất phát triển chậm**, *do chúng ta chưa tổ chức và sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào để khai thác tài nguyên, nhất là đất đai. Điều này có liên quan đến những thiếu sót và yếu kém của chúng ta trong quản lý kinh tế : chưa hiểu đúng, chưa thấu suốt đường lối phát triển kinh tế của Đảng, chưa cụ thể hóa đường lối của Đảng thành những mục tiêu kinh tế, những bước đi chính xác trong từng lĩnh vực, từng ngành, từng cấp, những kế hoạch, chính sách, những hình thức tổ chức, những biện pháp hành động đúng đắn.*

Hai là, *trong quản lý kinh tế, khuyết điểm nổi bật nhất là để cho* **bệnh hành chính — bao cấp** *nặng nề và kéo dài thể hiện trong tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội. Chế độ hành chính — bao cấp không khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện hạch toán kinh tế, không khuyến khích tăng năng suất lao động và thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, không khuyến khích tiết kiệm và tiêu dùng hợp lý, ngược lại, đã gây tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, sử dụng lãng phí của cải xã hội, gây nhiều điều bất hợp lý trong phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, và là miếng đất tốt cho những hoạt động tiêu cực như lợi dụng, móc ngoặc, ăn cắp, đầu cơ... phát triển.*

Các chính sách phân phối, lưu thông cần phải linh hoạt, uyển chuyển, nhưng trong cơ chế quản lý của ta các chính sách phân phối lưu thông lại gò bó, cứng nhắc, chưa vận dụng đúng mức các quan hệ hàng hóa tiền tệ để phát huy mọi khả năng của các thành phần kinh tế nhằm phát triển sản xuất, bảo đảm nhu cầu của xã hội...

Ba là, cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, *đặc biệt trên lĩnh vực phân phối, lưu thông đã bị buông lơi. Thị trường « tự do » lấn át thị trường có tổ chức, nạn đầu cơ lan tràn bao gồm những hoạt*

Digitized by Google

động đầu cơ của bọn tư sản chưa cải tạo hoặc chỉ mới cải tạo về hình thức, bọn gian thương, bọn buôn lậu qua biên giới và những hoạt động đầu cơ nhỏ của vô số những người sản xuất nhỏ. Trong lúc đó, các thế lực phản động quốc tế câu kết với các thế lực phản động trong nước tìm mọi cách phá hoại ta về kinh tế.

Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ, chúng ta chưa sử dụng tốt sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, kết hợp không đồng bộ và không đúng mức các loại biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục. Khuyết điểm quan trọng nhất là chúng ta đã xem nhẹ và không làm tốt việc xây dựng khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực sản xuất cũng như trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, nhất là không làm tốt việc xây dựng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán; buông lỏng việc kiểm tra, kiểm soát và quản lý khu vực kinh tế tư nhân, chưa làm tốt việc cải tạo các khu vực kinh tế phi xã hội chủ nghĩa và đấu tranh chống các mặt tiêu cực của sản xuất nhỏ còn phổ biến trong xã hội. Mặt khác, chúng ta kém cảnh giác, thiếu kiên quyết và thiếu liên tục đấu tranh chống các thế lực phản động quốc tế câu kết với bọn phản động trong nước, bọn tư sản không chịu cải tạo đang lợi dụng những sơ hở và khó khăn của ta để chống phá ta trên mặt trận kinh tế.

Theo quan điểm của C. Mác và F. Ăng-ghen, **sản xuất** *là gốc, quyết định phân phối, lưu thông và tiêu dùng; chế độ sản xuất quyết định chế độ phân phối và lưu thông, mức độ sản xuất quyết định mức độ phân phối và tiêu dùng. Đồng thời,* **phân phối, lưu thông và tiêu dùng** *đến lượt nó cũng* **tác động trở lại sản xuất** *(kìm hãm hay thúc đẩy sản xuất phát triển). F. Ăng-ghen đã viết: « Phân phối không phải chỉ đơn thuần là một kết quả tiêu cực của sản xuất và của trao đổi; đến lượt nó, nó cũng tác động trở lại sản xuất và trao đổi* (1).

Trong việc xây dựng và cải tiến các chính sách, chế độ quản lý, cần vận dụng đúng đắn mối quan hệ tác động qua lại giữa sản xuất và phân phối, lưu thông, nhất là trong điều kiện đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa; phải căn cứ vào chế độ và trình độ sản xuất mà quy định các chính sách, chế độ phân phối, lưu thông và mức độ phân phối cho phù hợp. Đồng thời, phải thông qua phân

(1) F. Ăng-ghen: *Chống Đuy-rinh*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 252.

Digitized by Google

phối và lưu thông đúng đắn mà tạo điều kiện **thúc đẩy sản xuất phát triển với năng suất và hiệu quả ngày càng cao.**

Nhận thức đúng đắn về mối quan hệ tác động qua lại giữa sản xuất và phân phối, lưu thông và vận dụng đúng đắn sự tác động qua lại đó là vấn đề khó khăn, phức tạp về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Trong khi đó, sự hiểu biết của số đông cán bộ chúng ta về vấn đề này còn ít ỏi và nhiều khi phiến diện; do đó chúng ta đã sử dụng không tốt các công cụ phân phối, lưu thông, để xảy ra những thiếu sót nghiêm trọng kéo dài.

Một mặt, chúng ta cần nắm vững cái gốc là phát triển sản xuất, và sản xuất có hiệu quả, không phải là sản xuất với bất cứ giá nào. Mặt khác, chúng ta không chờ cho sản xuất lên rồi mới giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. **Trong một tình hình nhất định, phân phối, lưu thông có ý nghĩa quyết định;** *nó có tác dụng hoặc là ngăn cản sản xuất phát triển bình thường, hoặc là mở đường và thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, điều tiết lại sự phân phối thu nhập quốc dân cho hợp lý, tạo thế cân đối mới cho nền kinh tế quốc dân, làm cho nền kinh tế có điều kiện phát triển thuận lợi.*

Vì vậy, để chuyển biến tình hình kinh tế, khắc phục các khó khăn trong nền kinh tế, cần **giải quyết vấn đề cơ bản là phát triển sản xuất,** *tăng cường quản lý theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo ra cơ cấu mới và thế cân đối mới của nền kinh tế; đồng thời, phải* **sửa chữa ngay những sai lầm và khuyết điểm trong các chính sách phân phối, lưu thông** *để khôi phục và phát triển sản xuất, tăng cường quản lý.*

Những khó khăn về tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương, thương nghiệp có nguyên nhân từ trong sản xuất và phải được giải quyết sớm từ trong kế hoạch hóa và quản lý sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng. Đồng thời, những khó khăn trên cũng có những nguyên nhân từ trong bản thân lĩnh vực phân phối, lưu thông cần được giải quyết ngay để phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Vấn đề phân phối, lưu thông là vấn đề tổng hợp của nhiều mối quan hệ kinh tế và xã hội, liên quan đến tổng thể nền kinh tế quốc dân. Muốn giải quyết các vấn đề phân phối, lưu thông, phải chỉnh đốn toàn bộ hoạt động kinh tế và quản lý nền kinh tế, thúc đẩy cả quá trình tái sản xuất xã hội (sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng) và tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; phải nhìn thấy cả các mặt kinh tế, chính trị và xã

Digitized by Google

hội và cả cuộc sống của người lao động; phải sử dụng sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, kết hợp đúng đắn ba loại lợi ích (toàn xã hội, tập thể, cá nhân người lao động).

Việc cải tiến công tác phân phối, lưu thông phải nằm trong khuôn khổ của toàn bộ việc cải tiến hệ thống quản lý kinh tế nói chung, chuyển từ lối quản lý hành chính — bao cấp sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch hóa làm chính, kết hợp với vận dụng các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, kết hợp đúng đắn ba loại biện pháp (kinh tế, hành chính, giáo dục), nhằm đáp ứng những **mục tiêu kinh tế** *mà Trung ương Đảng đề ra dưới đây:*

1 — Thúc đẩy sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, khuyến khích nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, làm cho công nhân và nông dân yên tâm, phấn khởi phát triển sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội.

2 — Ổn định tài chính, lưu thông tiền tệ và thị trường, tăng cường nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước, đặc biệt là những hàng hóa có tính chất chiến lược như lương thực, củng cố và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

3 — Phân phối hợp lý sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân trên quy mô toàn xã hội, giữ vững và từng bước cải thiện đời sống của những người lao động trong khu vực Nhà nước và tập thể, trước hết là công nhân, nhân viên Nhà nước và nhân dân ở những vùng bị chiến tranh tàn phá và thiên tai nặng nề.

Để đạt được những mục tiêu trên, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1 — Kế hoạch hóa việc phân phối thu nhập quốc dân và cân đối tài chính của các cấp.

Hiện nay, nhu cầu tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, nhu cầu về cải thiện đời sống nhân dân, nhu cầu bảo đảm quốc phòng và nghĩa vụ quốc tế đều rất to lớn, nhưng khả năng kinh tế tài chính của ta lại có hạn. Đó là mâu thuẫn cực kỳ gay gắt trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đảng và Nhà nước ta giải quyết mâu thuẫn này bằng hai cách: ra sức phát triển sản xuất và giải quyết tốt vấn đề phân phối. Trước mắt, cần đặt lại vấn đề phân phối trên quy mô toàn xã hội, cân đối lại khả năng và nhu cầu, không thể phân phối và tiêu dùng nhiều hơn cái ta có; cần chỉnh đốn lại các công cụ phân phối (tài chính, tín dụng, giá cả, tiền lương, phúc lợi xã hội, v.v.) để phục vụ tốt các nhu cầu to lớn nói trên của xã hội.

Cần nắm vững mục tiêu và nhiệm vụ chung của cả thời kỳ quá độ là **công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.** *Nguồn vốn để công nghiệp*

Digitized by Google

hóa và để bảo đảm ba nhiệm vụ chiến lược như Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng đề ra, không thể ở đâu khác ngoài việc tận dụng **sức lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có**, *và thi hành một chính sách* **tiết kiệm triệt để**. *Muốn vậy, Nhà nước phải kế hoạch hóa việc phân phối thu nhập quốc dân và cân đối tài chính của các cấp theo hướng phân phối đúng và sử dụng tốt các nguồn vốn hiện vật và tài chính nhằm* **giải quyết đúng quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng**, *đồng thời phân phối lại một cách hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư theo hướng có lợi cho nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn; bảo đảm đời sống của công nhân, nhân viên Nhà nước, điều tiết một phần thu nhập của các tầng lớp khác, nhất là của thương nhân và những người làm những ngành nghề có thu nhập cao không hợp lý. Trong khi chưa có khả năng cải thiện đời sống của toàn dân, cần tìm mọi cách giảm bớt khó khăn và cải thiện đời sống cho công nhân, nhân viên Nhà nước để tạo nên những động lực kích thích ban đầu, đẩy năng suất lao động lên, tạo cơ sở cho việc tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân. Cần sử dụng tất cả công cụ phân phối để bảo đảm kết hợp chặt chẽ ba loại lợi ích (toàn xã hội, tập thể và cá nhân người lao động),* **thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối theo lao động**, *kiên quyết điều tiết những thu nhập không hợp lý trong xã hội, bảo vệ lợi ích của những người lao động.*

2 — Tăng cường kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước *đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các khu vực kinh tế, các đơn vị sản xuất kinh doanh, đối với việc động viên và sử dụng có hiệu quả các yếu tố sản xuất. Đồng thời, cần đấu tranh kiên quyết chống các tệ ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc; chặn đứng âm mưu, hành động của bọn phá hoại và thẳng tay trừng trị chúng, bài trừ lệ đầu cơ, tích trữ, buôn lậu.*

3 — Cân đối ngân sách Nhà nước, củng cố nền tài chính quốc gia *bằng biện pháp tăng thu, tiết kiệm chi tiêu trên cơ sở tăng sản xuất, thu mua nắm nguồn hàng, tận thu thuế và thu nợ, chống thất thu, điều chỉnh những giá quá bất hợp lý. Nhà nước cần sửa đổi ngay chính sách thuế và đẩy mạnh thu thuế theo hướng công bằng, hợp lý và đơn giản, khuyến khích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hóa, quản lý thị trường. Chi cho xây dựng cơ bản phải theo nguyên tắc tiết kiệm, tập trung, dứt điểm, bảo đảm hiệu quả; chi cho tiêu dùng phải tiết kiệm triệt để, trong phạm vi thu nhập quốc dân cho phép.*

4 — Thiết lập và tăng cường sự kiểm tra của Nhà nước đối với lưu thông tiền tệ trong tất cả các khu vực của nền kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân. *Tiền tệ là công cụ vô cùng sắc bén không*

Digitized by Google

những để phát triển sản xuất, mà còn để hướng dẫn và kiểm soát mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh của các khu vực kinh tế trong xã hội. Muốn ổn định tình hình phân phối, lưu thông, phát huy tác dụng tích cực của đồng tiền, Nhà nước phải nắm chắc tiền tệ, làm chủ sự vận động của tiền tệ, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu thông tiền tệ của các khu vực kinh tế. Đồng thời, cần cải tiến và mở rộng hình thức **gửi tiền tiết kiệm**, *để thu hút phần rất lớn tiền nhàn rỗi trong xã hội. Cần kiểm tra nghiêm ngặt việc thu, chi tiền mặt.* **Ngành tài chính và ngân hàng** *cần thực hiện nghiêm túc công tác* **thanh tra, kiểm tra** *đối với các hoạt động kinh tế ở tất cả các khu vực: quốc doanh, tập thể và tư nhân; mặt khác, phải ra sức cải tiến nghiệp vụ công tác của mình để tạo được sự thuận lợi và linh hoạt cần thiết cho hoạt động của các ngành và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.*

5 — Cải tiến hệ thống thu mua nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp, tập trung nguồn nông sản trong tay Nhà nước.

Nhà nước cần sử dụng đúng đắn các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục để nắm cho được các nguồn hàng thiết yếu và phân phối cho các nhu cầu một cách có kế hoạch; mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và nông dân thông qua thị trường có tổ chức, loại trừ tư thương mua buôn và bán buôn ra khỏi thị trường nông thôn; gắn việc cung ứng tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng cho nông thôn với việc thu mua nông sản.

Đối với khu vực kinh tế tập thể thì, ngoài thuế, Nhà nước dùng hình thức ký kết hợp đồng ổn định dài hạn giữa Nhà nước và hợp tác xã để thu mua nông sản. ngoài ra, Nhà nước áp dụng biện pháp mua theo giá thỏa thuận. Đối với thành phần cá thể thì, ngoài thuế, trong thời gian trước mắt, Nhà nước dùng hình thức bán tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và mua nông sản theo giá thỏa thuận giữa hai bên.

Nhà nước thực hiện việc ổn định nghĩa vụ lương thực đối với các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ngay trong năm 1980. Nghĩa vụ lương thực gồm hai phần: nộp thuế và bán theo hợp đồng hai chiều ổn định trong 5 năm và theo giá chỉ đạo. Về các nông sản khác, Nhà nước có chính sách thu mua và giá cả đúng đắn, có phương thức kinh doanh linh hoạt (cung ứng lương thực và tư liệu sản xuất, áp dụng chế độ nghĩa vụ, thu mua bằng giá thỏa thuận với số sản phẩm ngoài điện nghĩa vụ ..), **bằng nhiều cách** *mua cho được nguyên liệu, bảo đảm cho nhà máy hoạt động hết công suất, công nhân có việc làm. Nhà nước có hàng hóa. Đối với hàng công nghiệp, các xí nghiệp*

Digitized by Google

quốc doanh cần thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ giao nộp sản phẩm, không được bán sản phẩm ra ngoài (trừ trường hợp thương nghiệp quốc doanh không tiêu thụ).

Tăng cường quản lý thị trường chính là **xác lập quyền làm chủ của Nhà nước trên thị trường**, *là một trong các* **công việc cấp bách nhất** *để khôi phục lại trật tự trong đời sống kinh tế, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Bằng những biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải quản lý toàn bộ thị trường xã hội, không được buông lỏng việc quản lý thị trường « tự do ». Trong công tác này, cần chống cả hai xu hướng : xu hướng tả khuynh, muốn nhanh chóng xóa bỏ thị trường « tự do », và xu hướng hữu khuynh, « thả nổi » thị trường « tự do », làm cho lưu thông hàng hóa rối loạn, tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống.*

Để làm chủ thị trường, chúng ta phải kiên quyết đấu tranh **chống bọn tư thương** *tranh mua với Nhà nước, phá rối thị trường, giá cả, chống chính sách thu mua và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa Cần đặc biệt* **mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa**, *làm cho nó trở thành công cụ có hiệu lực quyết định trong nhiệm vụ cải tạo và quản lý thị trường « tự do ». Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải mở rộng hoạt động trên cả* **ba khâu** *: thu mua, bán buôn và bán lẻ, bằng cả* **hai phương thức** *: cung cấp và kinh doanh, trong kế hoạch và ngoài kế hoạch, bằng cả* **hai loại giá** *: giá chỉ đạo và giá thỏa thuận. Có như vậy, chúng ta mới quản lý được thị trường, mở rộng và củng cố trận địa xã hội chủ nghĩa.*

6 — Chính sách giá cả phải có tác dụng kích thích sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. *Chính sách giá cả của Nhà nước cần phản ánh được chi phí sản xuất và lưu thông ; giá cả phải phù hợp với sức mua của đồng tiền và có tính đến giá hàng nhập khẩu từ thị trường thế giới ; xóa bỏ những bù lỗ bất hợp lý của Nhà nước ; chấm dứt tình trạng xí nghiệp sản xuất kinh doanh bị lỗ vốn. Trước mắt, cần cải tiến ngay một số giá nhằm thực hiện việc phân phối lại một phần thu nhập quốc dân trong xã hội, giảm bớt một phần khó khăn trong đời sống của công nhân và cán bộ, giảm bớt bù lỗ cho ngân sách Nhà nước. Cần chỉnh đốn một bước việc quản lý giá thành và giá bán buôn của xí nghiệp, góp phần tăng cường quản lý kinh tế.*

7 — Bảo đảm nhu cầu tối thiểu về hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn, nhất là những người lao động ở khu vực Nhà nước và khu vực tập thể.

Do trình độ sản xuất còn kém, mức năng suất lao động còn thấp, cho nên đời sống của nhân dân lao động, từ công nhân, nhân viên

Digitized by Google

Nhà nước đến nông dân, còn nhiều khó khăn. Trước mắt, khó khăn gay gắt nhất là đời sống của những người sống bằng tiền lương và nông dân ở một số vùng bị thiên tai nặng nề liên tiếp. Bên cạnh biện pháp cơ bản là phát triển sản xuất, cần áp dụng ngay một số biện pháp có tính chất cấp bách để giảm bớt khó khăn cho những người sống bằng tiền lương: **bảo đảm cung cấp ổn định** *lương thực, rau, cá..., những hàng thiết yếu mà Nhà nước công bố; dùng biện pháp về giá cả, thuế, quản lý thị trường để phân phối lại một phần thu nhập quốc dân phục vụ lợi ích công nhân, nhân viên Nhà nước; tiến hành trợ cấp cho những người lương thấp, đời sống thực tế quá khó khăn, chú ý công nhân các ngành trọng điểm và nhân viên các ngành giáo dục, y tế.. Mặt khác, cần tích cực tận dụng các* **hình thức trả lương tiên tiến** *và* **tiền thưởng** *để khuyến khích sản xuất và tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả kinh tế, đồng thời tăng thu nhập cho công nhân; bổ sung và thi hành ngay một số chế độ về tuyển dụng lao động và cho thôi việc nhằm từng bước sắp xếp lại cho hợp lý và sử dụng tốt hơn lực lượng lao động xã hội.*

★

Để làm tốt những nhiệm vụ trên đây, trước hết phải nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng về cải tiến công tác phân phối, lưu thông, tạo ra sự **nhất trí sâu sắc** *trong tất cả các ngành, các cấp, trong cán bộ, đảng viên và trong quần chúng nhân dân. Đảng ta đặt và giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông trong* **cục diện chung của cách mạng nước ta.** *Giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông phải gắn liền với tiếp tục* **cải tạo xã hội chủ nghĩa,** *tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, củng cố và phát triển các khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đi đôi với sử dụng và cải tạo đúng đắn các khu vực kinh tế khác. Phải thực hiện phương thức* **quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa,** *lấy kế hoạch làm chính, đồng thời sử dụng rộng rãi và đúng đắn quan hệ hàng hóa – tiền tệ, phân phối lại thu nhập quốc dân trên quy mô toàn xã hội theo yêu cầu của* **ba nhiệm vụ chiến lược** *(bảo đảm đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng và bảo đảm tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội), kết hợp đúng đắn* **ba lợi ích,** *(toàn xã hội, tập thể và cá nhân người lao động), thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động; ổn định lưu thông hàng hóa – tiền tệ, nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước,* **làm chủ thị trường, mở rộng và củng cố trận địa xã hội chủ nghĩa.**

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

MẤY QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VÀ MẤY VẤN ĐỀ LỚN TRONG CÔNG TÁC PHÂN PHỐI, LƯU THÔNG

TÔ-HỮU

PHÂN phối, lưu thông là một vấn đề rộng lớn và phức tạp. Trên lĩnh vực này, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm, mặc dù có nhiều cố gắng và đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng thực tiễn chứng tỏ còn những thiếu sót không nhỏ. Những chủ trương và biện pháp lớn tương đối toàn diện về phân phối, lưu thông mà Bộ chính trị quyết định lần này chẳng những soi sáng thêm những quan điểm cơ bản, mà còn có giá trị thực tiễn lớn, có tác dụng chỉ đạo thực hiện, phát huy những kinh nghiệm sáng tạo, và uốn nắn một số lệch lạc trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng trong thời gian qua.

Để thấu suốt những chủ trương và biện pháp cải tiến công tác phân phối lưu thông, chúng ta cần nắm vững một số *quan điểm cơ bản* sau đây:

1 — Trước hết, cần nắm vững mối quan hệ giữa sản xuất với phân phối, lưu thông và tiêu dùng.

Từ trước đến nay, Đảng ta vẫn nhận thức đúng đắn quan hệ giữa sản xuất và phân phối, lưu thông, *coi sản xuất là gốc, quyết định* phân phối, lưu thông và tiêu dùng; nhưng phân phối, lưu thông lại có tác động trở lại đối với sản xuất rất lớn. Quan điểm này đã được xác minh trong thực tiễn hoạt động kinh tế của chúng ta. Những năm qua, sản xuất phát triển chậm là do nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân về chỉ đạo, tổ chức và quản lý sản xuất chưa tốt; có nguyên nhân về kế hoạch, về cơ cấu kinh tế, về bước đi chưa thích hợp; có nguyên nhân về cơ chế quản lý chưa đúng, còn nặng về quản lý theo phương thức hành chính — bao cấp, chưa chuyển mạnh sang quản lý kinh doanh; có nguyên nhân về quan hệ sản xuất yếu kém; có nguyên nhân về công tác tư tưởng chưa sắc bén, công tác tổ chức và cán bộ chưa chặt chẽ, công tác pháp chế xã hội chủ nghĩa lơi lỏng, v.v. Song cần nhấn mạnh ở đây những nguyên nhân về *phân phối, lưu thông*. Trong điều kiện hiện nay, đây là những nguyên nhân nổi bật, có ý nghĩa *quyết định trước mắt*, cần gỡ ngay để «cởi trói» cho sản xuất, *để phục vụ* và *kích thích* sản xuất. Chính vì vậy, cho nên chúng ta phải nhanh chóng cải tiến các công tác trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, là lĩnh vực *nóng bỏng nhất*.

Tất cả các ngành, trước hết là những ngành làm công tác phân phối, lưu thông, phải thấy hết vị trí, chức năng của phân phối, lưu thông đối với sản xuất, không để cho phân phối, lưu thông gây trở ngại cho sản xuất. Nếu có chính sách nào trở ngại cho sản

Digitized by Google

xuất, bất kể là sản xuất quốc doanh, tập thể hoặc sản xuất cá thể, chúng ta đều phải xem xét lại một cách nghiêm túc.

Quan điểm cơ bản của Đảng ta là công tác *phân phối, lưu thông phải phục vụ đời sống nhân dân*. Chúng ta đều biết những khó khăn trong đời sống có những nguyên nhân từ sản xuất, trong đó nguyên nhân cơ bản là sản xuất phát triển chậm; nhưng cũng có nguyên nhân từ phân phối, lưu thông, và những nguyên nhân về *phân phối, lưu thông* là rất quan trọng. Ngoài tác động xấu của phân phối, lưu thông đối với sản xuất, *phân phối, lưu thông còn tác động trực tiếp đến đời sống*. Rõ ràng là, trong khi sức sản xuất của chúng ta còn bị hạn chế, nếu làm tốt hơn công tác phân phối, lưu thông (nắm nguồn hàng, quản lý thị trường, tổ chức phân phối, v.v. tốt hơn), thì đời sống cũng đỡ khó khăn hơn. *Ví dụ*, sản lượng lương thực hiện nay còn thấp nhưng nếu quản lý thị trường tốt hơn, thu mua khá hơn ở những nơi nông dân còn thóc thừa thì tình hình lương thực không đến nỗi căng thẳng, nhất là ở thành phố. Một ví dụ khác: chúng ta chưa có nhiều dừa, những nhà máy làm xà phòng của trung ương đang thiếu dừa, thế mà lại để sản xuất xà phòng tư nhân mọc lên ở nhiều nơi với chất lượng rất kém. Thuốc lá cũng ở trong tình hình như vậy. Có nhiều trường hợp Nhà nước đã nắm lực lượng hàng hóa trong tay, nhưng do vận tải kém, phân phối không công bằng, không hợp lý, tệ tham ô, móc ngoặc, cửa quyền trong phân phối nghiêm trọng, cho nên Nhà nước cũng không đáp ứng được những nhu cầu về hàng tiêu dùng của nhân dân.

Phải thấy *mối quan hệ biện chứng, khăng khít giữa 4 khâu của quá trình tái sản xuất mở rộng*, để xác định đúng đắn vị trí, chức năng của phân phối, lưu thông (dưới hình thái hiện vật cũng như dưới hình thái giá trị), phải sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa — tiền tệ và phải thấu suốt quan điểm của Đảng và làm cho tốt công tác phân phối, lưu thông

2 — *Phân phối, lưu thông phải quán triệt đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giữa hai con đường, bảo đảm sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội.*

Khi nói đến phân phối, lưu thông, cần gắn nó với vấn đề xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, cần nắm vững quan điểm của Đảng về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Tách rời vấn đề phân phối, lưu thông với vấn đề cải tạo quan hệ sản xuất là sai lầm lớn. Chúng ta phải biết cải tạo như thế nào để thúc đẩy công tác phân phối, lưu thông, và ngược lại, phải biết phân phối, lưu thông như thế nào để thúc đẩy và hỗ trợ, chứ không kìm hãm công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Cần phát huy vai trò của *Nhà nước chuyên chính vô sản*, sử dụng sức mạnh tổng hợp, cả về chính trị, kinh tế, xã hội... *để phát triển lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa* (quốc doanh và hợp tác xã), *sử dụng thích đáng kinh tế tư nhân để phát triển sản xuất*, và luôn luôn tăng cường sự *kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước*. Đó là một quan điểm, một vấn đề có *tính nguyên tắc* mà chúng ta cần nắm vững

Cần bảo đảm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa toàn thắng dưới hai hình thức *quốc doanh* và *tập thể*. Trong tình hình kinh tế tư bản và kinh tế cá thể còn tồn tại một cách khách quan và chỉ là một bộ phận thứ yếu trong nền kinh tế quốc dân hiện nay, chúng ta phải biết điều hành sự phát triển của các thành phần kinh tế nói trên như thế nào để bảo đảm sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội. Vừa qua, ở nhiều nơi chúng ta đã «thả nổi»

Digitized by Google

kinh tế tư nhân, nhất là tiểu thương, thậm chí để cho cả bọn đầu cơ, buôn lậu hoạt động trắng trợn. Trong công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, do hiểu lầm, hoặc do quyền lợi cá nhân, không ít cán bộ còn chần chừ do dự, không tích cực tiến hành hợp tác hóa, thậm chí còn để kéo dài tình trạng chiếm hữu ruộng đất và bóc lột theo lối địa chủ, phú nông.

Cần hiểu cho đúng quan điểm của nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng là *trên cơ sở sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển mà sử dụng tốt các thành phần kinh tế tư nhân*, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cần sử dụng sức mạnh tổng hợp của Nhà nước chuyên chính vô sản về mọi mặt để bảo đảm sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó sử dụng kinh tế tư nhân và đặt nó dưới sự *kiểm tra* chặt chẽ của Nhà nước để hướng dẫn nó phát triển đúng hướng.

Sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản là dựa trên cơ sở phát huy quyền *làm chủ tập thể* của nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công nông. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp; muốn vậy, Đảng và Nhà nước ta phải giải quyết tốt các vấn đề thu mua, giá cả, cung cấp tư liệu sản xuất cũng như hàng tiêu dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp phát triển. Các chính sách thu mua, giá cả cung cấp, v.v. đều phải xét đến *tương quan hợp lý* về thu nhập giữa công nhân và nông dân, giữa Nhà nước với nông dân, bảo đảm sự thống nhất và kết hợp *ba loại lợi ích*: toàn xã hội, tập thể và cá nhân người lao động.

3 — Cần nắm vững quan điểm phân phối xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, dựa trên những nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm quan hệ hợp lý giữa *tích lũy và tiêu dùng* trong từng thời kỳ phát triển của cách mạng. Trước mắt và trong thời gian tương đối lâu dài, phân phối phải bảo đảm cho được *ba nhiệm vụ chiến lược* của chúng ta (đời sống, quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật). Khi đặt vấn đề phân phối tiêu dùng, cần hiểu phân phối cho ai, lo đời sống cho ai trước. Trong tình hình hiện nay, phải đặc biệt chăm lo cho lực lượng vũ trang của chúng ta nói chung, trước hết ở tiền tuyến biên giới. Hằng ngày chúng ta đứng trước sự đe dọa của bọn bành trướng Bắc-kinh, do đó chúng ta không thể lơ là cảnh giác. Ngày nay, kẻ địch đánh chúng ta không phải chỉ ở trước mặt mà còn ở đằng sau, do đó quốc phòng và an ninh là một. Mọi chi phí cần thiết cho quốc phòng an ninh đều phải bảo đảm. Có như vậy mới phá tan được âm mưu của địch hòng tiến công chúng ta từ bên ngoài cũng như từ bên trong. Phải rất quan tâm bảo đảm cung cấp cho đời sống của công nhân, cán bộ và nhân dân lao động ở các thành phố và khu công nghiệp hiện nay đang rất khó khăn, nhất là về lương thực, thực phẩm và những hàng thiết yếu hằng ngày. Và phải chú ý giúp đỡ thích đáng đồng bào ở những vùng bị thiên tai hoặc sản xuất thấp kém.

Chúng ta đang ở trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải quán triệt và thực hiện tốt đường lối của Đảng trong những năm trước mắt là *tập trung sức cho phát triển nông nghiệp*, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng tiêu dùng, và nông sản cho xuất khẩu.

b) *Kết hợp và thống nhất ba loại lợi ích (toàn xã hội, tập thể và cá nhân người lao động) và quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động.* Trong công tác quản lý kinh tế, nếu không thấy chỗ gặp nhau giữa ba lợi ích, thì không bao giờ chúng ta điều động được lao động, sử dụng được lao động đạt hiệu

Digitized by Google

quả lớn nhất. Có thể nói, một điểm quan trọng trong nghệ thuật lãnh đạo, quản lý, là biết tìm ra sự thống nhất giữa ba lợi ích. Tất cả những điển hình tiên tiến đều ít nhiều cho chúng ta bài học này. Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn cần thiết, nhưng phải rất coi trọng khuyến khích lợi ích vật chất. Không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ bằng việc giáo dục lý tưởng. Nếu chỉ có thế, chúng ta sẽ trở thành những người duy tâm. Đi đôi với giáo dục lý tưởng, phải đem lại lợi ích vật chất thiết thực cho người lao động, để mọi người lao động thấy rõ cụ thể chủ nghĩa xã hội đem lại cuộc sống ngày càng tốt đẹp cho họ. Song trong thực tế, nhiều đồng chí chúng ta đã bất chấp nguyên tắc phân phối theo lao động, không cố gắng bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi ích. Kết quả là người lao động không hăng hái sản xuất, và thường xảy ra mâu thuẫn giữa ba lợi ích, làm thiệt hại cho Nhà nước, cho tập thể và cho cả người lao động. Cần hiểu và tin rằng: nhân dân ta, công nhân, nông dân, trí thức, mọi người lao động đều yêu nước và muốn cống hiến cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội, song họ đòi hỏi sự phân phối công bằng, sự *phân phối theo lao động*. Đúng như Bác Hồ nói: «Chúng ta không sợ nghèo, chỉ sợ không công bằng». Phải kiên quyết chống «chủ nghĩa bình quân», chống sự phân phối, đãi ngộ không căn cứ vào thành quả lao động, cống hiến thực tế của mỗi người, chống cách quản lý và phân phối tùy tiện, không có định mức khoa học. Càng phải kiên quyết trừ bỏ tệ tham ô, móc ngoặc, và mọi thủ đoạn gian lận trong đời sống của chúng ta, coi chúng như những kẻ thù của chủ nghĩa xã hội.

4 — *Thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

Phương thức kinh doanh này phải dựa trên cơ sở vận dụng hệ thống các quy luật, trước hết là *các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội*, lấy *kế hoạch làm chính* và vận dụng đúng đắn các *quan hệ hàng hóa — tiền tệ* trong kế hoạch hóa và quản lý. Trong công tác phân phối, lưu thông, phải *vận dụng* và thực hiện tốt *phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, thông qua các công tác tài chính — lưu thông, tiền tệ, giá cả, tiền lương, thương nghiệp, quản lý thị trường. Gần đây hình như có sự ngộ nhận rằng: «cho kinh tế «bung ra» là «bung» cả kế hoạch». Nếu hiểu và làm như vậy thì nền kinh tế của ta sẽ không còn là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nữa. Cần khẳng định rằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền *kinh tế có kế hoạch*, và chỉ có làm tốt công tác kế hoạch, *kể cả trong lĩnh vực quan hệ hàng hóa — tiền tệ*, mới làm cho sản xuất ngày càng phát triển. Phải lấy kế hoạch làm chính, và *trên cơ sở đó* mà sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

Tóm lại, có thấu suốt những quan điểm nói trên mới có thể đánh giá đúng *tình hình*, nắm vững được *phương hướng, nhiệm vụ* và những chủ trương về cải tiến công tác phân phối, lưu thông, và thực hiện một cách tự giác và sáng tạo Nghị quyết của Bộ chính trị về phân phối, lưu thông.

★

Qua thực tiễn hoạt động đã nảy sinh nhiều vấn đề cụ thể, nhiều kinh nghiệm sáng tạo, và không ít lệch lạc, khuyết điểm. Đó là những vấn đề vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn sâu sắc trong công tác phân phối, lưu thông.

1 — Vấn đề cấp bách nhất là làm sao ***nắm được nguồn hàng thông qua chế độ thu mua hợp lý***, từ đó mà khôi phục, phát triển công nghiệp quốc doanh chế biến nông sản, có lực

Digitized by Google

lượng hàng hóa để khống chế thị trường, đấu tranh quản lý được thị trường và làm tốt việc cung ứng hàng hóa cho nhân dân lao động, nhất là cho những người sống bằng tiền lương của Nhà nước, có thêm hàng cho xuất khẩu, và từ đó cân đối được ngân sách, giảm phát hành tiền mặt.

Đối với khu vực nông nghiệp, ngoài nghĩa vụ thuế, giữa Nhà nước và hợp tác xã, cần thực hiện tốt chế độ *nghĩa vụ hai chiều*, thông qua hợp đồng ký kết ổn định trong 5 năm. Nhà nước cung cấp tư liệu sản xuất cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất với khối lượng ổn định và theo giá chỉ đạo; hợp tác xã và tập đoàn sản xuất bán cho Nhà nước một khối lượng nông sản theo giá chỉ đạo cũng ổn định trong 5 năm.

Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ hai chiều thông qua hợp đồng ổn định trong 5 năm, nếu hợp tác xã có thêm sản phẩm bán cho Nhà nước hoặc Nhà nước có thêm tư liệu sản xuất bán cho hợp tác xã, thì hai bên sẽ ký *hợp đồng phụ* hoặc *mua bán với nhau theo giá thỏa thuận*.

Việc mua bán theo nghĩa vụ hai chiều thông qua hợp đồng cũng có thể áp dụng *đối với các hộ nông dân cá thể*, nếu họ muốn, và ta cũng *khuyến khích họ* làm như vậy.

Đây là *phương thức mua bán tốt nhất giữa Nhà nước và hợp tác xã hay nông dân cá thể*, vì thực hiện hợp đồng đã ký, cả hai bên đều có thể kế hoạch hóa sản xuất, kế hoạch hóa các khâu trao đổi một cách chủ động để cân đối sản xuất và tiêu dùng.

Việc áp dụng chế độ này đối với các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất là có lợi rõ rệt: nó góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi ích. Đó là phương thức hợp lý để thắt chặt mối liên hệ giữa Nhà nước xã hội chủ nghĩa và giai cấp công nhân với nông dân, thông qua kế hoạch, thông qua thị trường có tổ chức, theo giá chỉ đạo hợp lý của Nhà nước, bảo đảm quyền lợi chính đáng của giai cấp công nhân và nông dân.

Song vấn đề cần suy nghĩ là ở những vùng *đại bộ phận nông dân đang là nông dân cá thể* như ở Nam-bộ cũ, việc hợp tác hóa dù là ở hình thức thấp cũng chưa xong, nông dân xưa nay vẫn quen lối « mua đứt bán đoạn », chưa quen cách làm theo kế hoạch, thì *làm thế nào để thu mua được mà vẫn bảo đảm Nhà nước và nông dân đều có lợi*.

Về điểm này, rút kinh nghiệm của các tỉnh thu mua khá, Bộ chính trị đã quyết nghị: « *Đối với những vùng mà trước mắt chưa tổ chức ký được hợp đồng với hộ nông dân cá thể, thì ngoài nghĩa vụ thuế, Nhà nước mua nông sản và bán tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng theo giá thỏa thuận* ».

Bằng cách thu mua này, với số hàng hóa hiện dùng để thu mua, Nhà nước sẽ mua được nhiều hơn lương thực và các nông sản khác; nông dân cá thể được thuận tiện trong việc bán nông sản và mua hàng của Nhà nước, không bị gò bó bởi những thủ tục phiền phức, quan liêu của hình thức « hàng đổi hàng » bằng hiện vật, vừa lạc hậu, phiền phức, vừa không có lợi cho Nhà nước cũng như cho nông dân. Trong tình hình trình độ tổ chức của cấp xã ở miền Nam còn yếu, làm như thế sẽ tránh được nhiều hư hao tổn thất và giải phóng cho cấp xã nhiều việc không cần thiết; các xí nghiệp chế biến nông sản sẽ có thêm nguyên liệu. Kế hoạch Nhà nước về mặt này có thể thực hiện tốt hơn trong một số ngành, một số sản phẩm (như đường, dừa, thuốc lá...), không đến nỗi trì trệ, bị động như hiện nay. Chúng ta có khả năng thu mua được phần lớn số thóc còn thừa ở đồng bằng sông Cửu-long, do đó dành thêm được ngoại tệ cho việc nhập nguyên liệu làm hàng tiêu dùng bán lại cho nông dân.

Digitized by Google

Tuy không hay bằng phương thức thu mua theo nghĩa vụ hai chiều thông qua hợp đồng ổn định, nhưng hình thức *mua cao, bán cao* nên được áp dụng trong lúc này và vài năm trước mắt, hình thức đó sẽ đem lại kết quả tốt hơn cho cả Nhà nước và nông dân. Vì vậy có thể nói đó là cái *bất đắc dĩ nhưng cần thiết và có lợi*. Phương hướng tiến lên là *vận động nông dân đi vào tập thể hóa*, củng cố các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, làm cho hợp tác xã và nông dân hăng hái phát triển sản xuất, và trên cơ sở đó, thực hiện chính sách nghĩa vụ và *thi hành hợp đồng hai chiều ổn định là chính*, chứ không phải duy trì lâu dài hình thức Nhà nước và nhân dân cá thể trao đổi với nhau và mua bán theo giá thỏa thuận.

Tóm lại, với những hình thức nói trên, các tỉnh ở miền Nam phải tích cực *làm tốt nghĩa vụ thu mua* lương thực và các nông sản; *phải thu đủ thuế và nợ* trong thời hạn sớm nhất, không có lý do gì thiếu hụt và chậm trễ.

2– Về vấn đề hạch toán thương nghiệp áp dụng cho các xí nghiệp phải dùng các nguyên liệu nông sản mua theo giá thỏa thuận.

Thực tế đang có tình hình là: ngoài phần nông sản mua theo nghĩa vụ thông qua hợp đồng hai chiều ổn định trong 5 năm, chúng ta còn cần mua theo giá thỏa thuận phần nông sản nguyên liệu, nông sản hàng hóa của hợp tác xã bán thêm hoặc do kinh tế phụ gia đình sản xuất (không kể loại nông sản do Nhà nước độc quyền), và chúng ta còn cần phải mua nông sản của nông dân cá thể và bán tư liện sản xuất, hàng tiêu dùng cho họ trong một thời gian nữa.

Vì vậy, trong mỗi xí nghiệp chế biến nông sản, thường có phần nguyên liệu do Nhà nước cung ứng theo giá chỉ đạo và có phần nguyên liệu mua theo giá thỏa thuận.

Dĩ nhiên, *phần mua theo giá chỉ đạo phải thực hiện theo chế độ hạch toán kinh tế của Nhà nước; còn phần mua theo giá thỏa thuận thì phải thi hành chế độ hạch toán thương nghiệp do Nhà nước ban hành.*

Như thế, có làm hạch toán thương nghiệp hay không *là do các tiền đề khách quan quyết định, chứ không phải do ý muốn chủ quan của ta.* Hạch toán thương nghiệp sẽ có những phiền phức, những sơ hở, nếu Nhà nước không quản lý tốt. Bởi vậy, *Nhà nước sẽ có những quy định cụ thể* để tránh sơ hở, mặt khác yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm phải tăng cường *kiểm tra, kiểm soát.*

Đây là điều bắt buộc phải lựa chọn giữa một trong hai trường hợp, hoặc là đóng cửa nhà máy, hoặc là thực hiện chế độ thu mua nông sản và cung ứng hàng hóa của Nhà nước theo giá thỏa thuận, và do đó phải có *hạch toán thương nghiệp.*

Cần thấy rằng cùng một loại nguyên liệu, có nhiều nhà máy của một ngành hoặc một số ngành dùng đến; ví dụ: dầu dừa làm nguyên liệu cho nhiều xí nghiệp của Bộ công nghiệp nhẹ và của Bộ lương thực và thực phẩm; mía cũng cần cho nhiều xí nghiệp làm đường. Vì vậy, đối với những nguyên liệu đã sơ chế có thể vận chuyển đi xa, như đay, cói... thì cần tổ chức *một cơ quan* (tốt nhất là công ty hay liên hiệp các xí nghiệp) *thu mua* rồi phân phối theo kế hoạch, mà không nên để từng xí nghiệp đi thu mua riêng dẫn đến tình trạng cạnh tranh nhau và đẩy giá thị trường lên.

Đối với những nguyên liệu cần tiêu thụ tươi như mía, chè, thì cần *khoanh vùng*, giao cho *từng nhà máy thu mua tại chỗ.*

Trong việc chỉ đạo giá thu mua nông sản cần chú ý những điều sau đây: *điều kiện sản xuất ở các vùng* khác nhau dưa đến năng suất, sản lượng cây trồng ở từng vùng

Digitized by Google

khác nhau. *Điều kiện trao đổi ở mỗi nơi* cũng khác nhau, do xí nghiệp hay tổ chức thu mua có hàng hay không có hàng (tư liệu sản xuất) để bán lại cho nông dân theo giá chỉ đạo, v.v. Vì vậy, cần chỉ đạo giá thu mua ở các vùng khác nhau một cách *linh hoạt*, nên quy định giá khung (tối đa, tối thiểu) để xí nghiệp, công ty vận dụng *theo vùng* và *theo thời vụ*.

Đối với nông sản làm nguyên liệu, *phương thức thu mua hợp lý nhất và phương hướng tiến lên là: quy vùng sản xuất* (chuyên canh). Nhà nước thông qua các chính sách, biện pháp hợp tác hóa, đầu tư, cung ứng tư liệu sản xuất và lương thực, tín dụng... để ổn định quan hệ trao đổi với hợp tác xã và nông dân một cách có tổ chức, có kế hoạch, theo *giá chỉ đạo. Nhưng khi chưa có đủ những điều kiện đó*, thì phải dùng phương thức *hạch toán thương nghiệp* để trao đổi với nông dân; có như vậy mới có thể *loại trừ nhanh chóng được* bọn gian thương đầu cơ tranh mua với Nhà nước ra khỏi thị trường nông thôn; đối với bọn này, chúng ta không thể chỉ dùng biện pháp hành chính đơn thuần, mà phải biết kết hợp chặt chẽ cả ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục mới có hiệu quả.

3 — Về vấn đề quản lý thị trường và mở rộng kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

Trong một thời gian dài, chúng ta đã *buông lỏng thị trường cho tư thương lũng đoạn*. Đó là một *sai lầm nghiêm trọng*. Buông lỏng thị trường, chính là buông lỏng *cuộc đấu tranh « ai thắng ai »* trên *mặt trận thương nghiệp*, trong cải tạo tư thương, trong việc chống bọn tư sản còn sót lại, trong việc chống bọn phản động quốc tế câu kết với bọn phản động trong nước để phá ta về kinh tế, về an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Buông lỏng thị trường hàng hóa cũng tức là buông lỏng công tác tư tưởng, công tác tổ chức, do đó ảnh hưởng đến phẩm chất cán bộ, đảng viên. Chúng ta đã có những bài học về vấn đề này. Phải thấy cho hết, cho sâu sắc những thiệt hại do những sai lầm khuyết điểm trên lĩnh vực thị trường gây ra để tích cực sửa chữa khuyết điểm đã qua và hết sức làm tốt công tác này trong thời gian tới. Và phải lường cho hết sự phản ứng quyết liệt của bọn gian thương, đầu cơ, bọn phản động Bắc-kinh và bọn đế quốc trên lĩnh vực này để tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết và có hiệu quả.

Thương nghiệp quốc doanh là người *nội trợ của nhân dân lao động*. Phải xác định thái độ và trách nhiệm như vậy mới làm đúng. Nhưng để làm được người nội trợ của nhân dân lao động, thương nghiệp quốc doanh phải có *phương thức kinh doanh đúng*, mở rộng hoạt động, mở rộng mạng lưới, phải đấu tranh với tư thương, phải khống chế được thị trường để có thể *thu mua, nắm được nhiều hàng để cung ứng cho nhân dân lao động*. Phải tổ chức tốt việc quản lý kho tàng, vận chuyển..., giảm hư hao, giảm chi phí, do đó có giá rẻ.

Để làm được việc đó, thương nghiệp quốc doanh không thể chỉ bó hẹp phạm vi hoạt động của mình trong việc thu mua theo nghĩa vụ và phân phối hàng theo tem phiếu, để mặc cho tư thương phá rối thị trường, tự do bắt chẹt những người lao động với giá « cắt cổ ».

Thương nghiệp quốc doanh, ngoài phần thu mua theo kế hoạch Nhà nước đối với những sản phẩm mua theo nghĩa vụ, phải *vươn lên làm tốt việc thu mua ngoài kế hoạch* để đấu tranh chống bọn gian thương trên thị trường « tự do », để phục vụ nhân dân với giá rẻ hơn (ngoài số hàng bán theo định lượng và theo giá chỉ đạo).

Digitized by Google

Đó là phương thức hoạt động kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh trong tình hình hiện nay và trong một số năm nữa.

Bên cạnh thương nghiệp quốc doanh, phải phát triển thương nghiệp *hợp tác xã*. Đây cũng là một tổ chức *thương nghiệp xã hội chủ nghĩa*, nhưng nó có thể kinh doanh linh hoạt hơn, cơ động hơn, không những đại lý cho thương nghiệp quốc doanh về những mặt hàng của thương nghiệp quốc doanh, mà cả những mặt hàng linh tinh nhưng cần thiết cho đời sống của nhân dân. Kinh nghiệm một số hợp tác xã mua bán và tiêu thụ của các quận, phường ở thành phố Hồ-Chí-Minh cho thấy khả năng mở rộng hệ thống này và việc mở rộng hệ thống này rất có lợi cho đời sống nhân dân. Tất nhiên, chúng ta phải chỉnh đốn, cải tiến những điều chưa hợp lý, còn sơ hở, cần tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát, đề phòng và khắc phục những mặt tiêu cực xảy ra trong thương nghiệp tập thể cũng như trong thương nghiệp quốc doanh. Nhưng không nên vì những khuyết điểm nào đó mà hạn chế, rụt rè không mở rộng tổ chức này hoặc xóa bỏ nó.

4 — Vấn đề nắm tiền.

Phải *trên cơ sở nắm hàng, làm chủ thị trường mà nắm tiền* (vốn bằng tiền và lưu thông tiền tệ). Tất nhiên, nắm tiền là phương tiện để *tổ chức lao động* và *đẩy mạnh sản xuất*, để *nắm hàng* và để *làm chủ thị trường*.

Để *nắm tiền*, phải dùng các hình thức *đăng ký kinh doanh, mở tài khoản, kiểm tra và kiểm soát kinh doanh tư nhân*... Nhưng cũng phải thấy rõ, muốn nắm tiền, điều hòa được lưu thông tiền tệ có lợi cho quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính bản thân *ngân hàng* cũng như *các ngành liên quan* phải *cật tiến một loạt chính sách, biện pháp, làm tốt nghiệp vụ ngân hàng, phục vụ tốt các xí nghiệp, hợp tác xã, và cả các hộ tư nhân kinh doanh, không gây trở ngại cho sản xuất và kinh doanh*, không để kéo dài lối quản lý quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà, chậm trễ như lâu nay. Mặt khác, phải thấy có lúc, có nơi, ta cần mạnh dạn *đưa tiền ra để thúc đẩy sản xuất, thu mua*. Trong điều kiện không có hàng để trao đổi, cũng phải *đưa tiền ra để thu mua, không sợ phát hành*, vì bỏ tiền ra là để *nắm được nguyên liệu, để phát triển sản xuất, để có hàng trong tay Nhà nước, và thu hồi được tiền về*. Muốn khắc phục nạn «tọa chỉ», khắc phục tình trạng trì trệ của lưu thông tiền tệ và thế bị động của ngân hàng, phải sửa chữa ngay những khuyết điểm của ngân hàng đã tạo ra tình trạng đó, không nên chỉ thấy một mặt những khuyết điểm của các cơ quan, xí nghiệp.

5 — Về vấn đề giá cả.

Khuyết điểm lớn nhất của chúng ta trong công tác giá cả trong thời gian qua là không thấy rõ *những căn cứ của giá cả đã thay đổi* (sức mua của đồng tiền đã thay đổi, chi phí sản xuất và lưu thông thay đổi, giá cả quốc tế lên cao...) do đó, đã *bảo thủ* trong nhận định và giải quyết vấn đề giá cả.

Có đồng chí cho rằng *không nên thi hành chính sách hạ giá*, mà nên *nâng giá đồng loạt*, và bù lương cho công nhân, cán bộ. Ý kiến đó không đúng, vì như vậy là *thay đổi giá trị đồng tiền* (phá giá), tăng khối lượng tiền lưu thông. Trong điều kiện cung cầu vẫn còn mất cân đối, thị trường chưa ổn định, ta chưa làm chủ được thị trường, thì biện pháp đó sẽ làm cho ta bị động hơn nữa.

Trong tình hình hiện nay, việc điều chỉnh giá cả để thúc đẩy sản xuất, giảm bù lỗ của ngân sách, và mở rộng kinh doanh (mua — bán) của hệ thống thương nghiệp quốc doanh là một yêu cầu khách quan; việc cấp bách nhất là cần điều chỉnh giá bán lẻ

Digitized by Google

hàng công nghiệp, giá bán một số tư liệu sản xuất để giảm bù lỗ cho Nhà nước, và có cơ sở cải thiện đời sống công nhân, cán bộ. Giữ nguyên hệ thống giá chỉ đạo hiện nay và chỉ thi hành một hệ thống giá thống nhất là tự bó tay chúng ta lại, và kéo dài sự trì trệ của nền kinh tế quốc dân.

6 — Về vấn đề tiền lương và đời sống.

Trong khi nền kinh tế còn nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng, giá cả chưa ổn định, sản xuất đang trì trệ..., muốn cải tiến tiền lương, phải có thêm tiền bằng cách « lạm phát » mà « lạm phát » thì người sống bằng tiền lương của Nhà nước phải gánh chịu trước tiên và nền kinh tế sẽ khó khăn hơn nữa về nhiều mặt. Vì vậy, *biện pháp cơ bản* trong lúc này là *bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu* cho công nhân, cán bộ, *theo định lượng* và *theo giá chỉ đạo của Nhà nước, để giữ tiền lương thực tế và nâng dần từng bước vững chắc.* Phụ cấp cho những người có lương quá thấp, cho những ngành trọng điểm, chú trọng các ngành như y tế, giáo dục. Mở rộng các hình thức *lương khoán và trả lương theo năng suất lao động. Sắp xếp cán bộ, công nhân theo đúng phẩm chất, năng lực thực tế,* quản lý tốt hơn, tạo điều kiện cho mọi người *đạt năng suất lao động, hiệu suất công tác cao hơn, cống hiến tốt hơn* cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là một việc làm thiết thực để nâng cao *mức hưởng thụ xứng đáng với công sức lao động.* Hiện nay, còn nhiều bất hợp lý trong việc sử dụng cán bộ, công nhân và trí thức. Do không có tiêu chuẩn rõ ràng và do những quan điểm, thành kiến sai lầm, do đầu óc hẹp hòi bè phái, việc sử dụng cán bộ, công nhân, trí thức có nhiều khuyết điểm. Chưa cần nói đến cải tiến tiền lương, *nếu sử dụng đúng khả năng của họ* sẽ đưa lại *mức thu nhập tốt hơn cho họ.* Và do đó sẽ tạo điều kiện cho họ cống hiến tốt hơn cho chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời với việc tăng cường cung cấp hàng hóa và phụ cấp cho công nhân, cán bộ, *sẽ thi hành mạnh mẽ việc trả lương khoán ở những nơi có điều kiện, tức là mở rộng cách trả lương theo năng suất lao động.*

Chúng ta cần đánh giá đúng đắn kinh nghiệm sáng tạo của các đơn vị cơ sở. Trong kinh nghiệm của xí nghiệp đánh cá Côn-đảo của công ty cao-su Đồng-nai, của mỏ than Cọc 6, v.v., chúng ta phải thấy những nguyên tắc, những điểm chủ yếu trong cơ chế khoán (khoán tập thể) về cơ bản là đúng, cần hoàn thiện và vận dụng tốt; còn đối với những điểm chưa hoàn chỉnh, thì nên giúp đỡ các xí nghiệp ấy làm tốt hơn, không nên chỉ thấy những thiếu sót mà quên mất những thành công, những kinh nghiệm có tính chất sáng tạo đang cần được phổ biến rộng rãi.

7 — Vấn đề phân cấp cho địa phương.

Để phát triển kinh tế và tăng cường quản lý, phải quán triệt đường lối của Đảng đối với kinh tế địa phương. Phải mạnh dạn phát triển kinh tế địa phương, giao cho địa phương những cơ sở kinh tế và những quyền hạn cần thiết để địa phương chủ động trong việc phát triển kinh tế, phục vụ đời sống của nhân dân. *Hướng cải tiến phân phối, lưu thông vừa là tăng cường tập trung nguồn hàng và tiền vào tay Nhà nước, vừa phải phân bổ đúng đắn những nguồn vốn vật tư và tiền tệ giữa trung ương, địa phương và cơ sở, và phải xác định hợp lý quyền hạn, trách nhiệm giữa trung ương và địa phương.* Phải chấm dứt tình trạng buông lỏng kỷ luật Nhà nước, không được lấy lý do là chính sách, pháp luật Nhà nước có một số vấn đề cần sửa đổi để tùy tiện không

Digitized by Google

chấp hành, tùy tiện đặt chính sách, chế độ riêng của địa phương, tùy tiện thay đổi giá của Nhà nước.

Trong khi phệ phán phương thức quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp, và đề cao chủ trương mở rộng phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cởi bỏ những trói buộc vô lý của lối quản lý cũ, chúng ta *càng phải đề cao kỷ luật Nhà nước, pháp chế xã hội chủ nghĩa*, không được để cho nền chuyên chính vô sản của ta rơi vào tình trạng lơi lỏng, mềm yếu, bất lực trước những hiện tượng tiêu cực trong xã hội cũng như trong bản thân bộ máy Nhà nước.

8 — Vấn đề tổ chức và cán bộ.

Tổ chức sản xuất và cả tổ chức phân phối, lưu thông của ta hiện nay còn mang nặng bệnh quan liêu, chưa thật sự là một tổ chức kinh tế đúng nghĩa *kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, chưa thật sự là một guồng máy làm ăn có hiệu lực và có hiệu quả. Bộ máy quản lý cũng mang nặng bệnh quan liêu như vậy. Với phương thức quản lý và bộ máy sản xuất, phân phối, lưu thông quan liêu đó, không thể tạo ra đội ngũ cán bộ làm ăn kinh tế theo lối kinh doanh xã hội chủ nghĩa được. Muốn có đội ngũ cán bộ giỏi kinh tế, phải có một *cơ cấu kinh tế tốt* và một *phương thức quản lý tốt*. Từ đó, chúng ta thấy rõ tính bức thiết của *việc cải tổ tổ chức sản xuất — kinh doanh và tổ chức quản lý*, của *việc đổi mới đội ngũ cán bộ của ta* theo đúng quan điểm mới về kinh tế, về quản lý.

Nếu không kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng cán bộ cả về *lập trường, tư tưởng và kiến thức, nhất là kiến thức quản lý*, và ở đây là *kiến thức kinh doanh* (như Lê-nin đã dạy là phải học buôn bán), và nếu không loại trừ những *phần tử thoái hóa, những phần tử nặng đầu óc tư hữu, thậm chí bóc lột* ra khỏi Đảng và Nhà nước, nhất là ở những cương vị lãnh đạo, có chức, có quyền, thì không thể thi hành nghị quyết của Đảng tốt được.

Cải tiến công tác phân phối, lưu thông là một vấn đề khá phức tạp. Cần thấy hết khó khăn, nhưng cũng *phải thấy hết thuận lợi*, nhất là thuận lợi do việc Đảng ta đề ra được các *chính sách hợp với các quy luật kinh tế, hợp với nguyện vọng của nhân dân lao động* và trên cơ sở vận dụng tốt, *khai thác được một cách tổng hợp khả năng thiện thực của Nhà nước chuyên chính vô sản của ta*, những cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế của ta hiện nay đang bị bỏ lãng phí quá lớn.

Cần thấy rằng chúng ta có bộ máy chính quyền chuyên chính vô sản vững mạnh, có quần chúng nhân dân cách mạng, nắm trong tay các ngành công nghiệp, ngoại thương, ngân hàng, giao thông vận tải, thương nghiệp bán buôn và đại bộ phận bán lẻ.... lại có thêm sự giúp đỡ nhiều mặt của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chúng ta hoàn toàn có thể phát triển sản xuất, tổ chức tốt phân phối, lưu thông theo hướng mở rộng và củng cố trận địa của chủ nghĩa xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhândân. Chúng ta hoàn toàn có khả năng đánh bại bọn gian thương đầu cơ, bọn làm ăn phi pháp, bọn phá hoại, bọn phản động các loại. Ta biết đánh thì nhất định đánh thắng.

Lẽ nào ta không thể tổ chức phân phối, lưu thông tốt hơn để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp tiến lên một bước mới ngay trong điều kiện hiện nay?

Lẽ nào trong lúc nhà máy có sẵn công nhân, thiết bị, có thể đủ năng lượng và nguồn nguyên liệu nông sản, mà ta lại cứ chịu để nhà máy dở sống dở chết?

Lẽ nào có thể nắm được tốt hơn hàng và tiền, quản lý được thị trường, và tổ chức được phân phối, mà ta lại để đời sống của nhân dân quá đỗi khó khăn?

Digitized by Google

Nghị quyết của Bộ chính trị về phân phối, lưu thông mở ra cho chúng ta một phương hướng hành động rất sáng tỏ, rất tích cực, sát với thực tế, hoàn toàn hợp với nguyện vọng của nhân dân lao động. Giải thích sâu rộng Nghị quyết này đạt tới sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân, tổ chức thực hiện một cách có kế hoạch từng bước vững chắc, có biện pháp tích cực, có chính sách cụ thể, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ kiên quyết phấn đấu và thành thạo nghiệp vụ, đó là những việc làm sắp tới của chúng ta để bảo đảm cho Nghị quyết của Bộ chính trị về phân phối, lưu thông được thực hiện thắng lợi, thật sự trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân ta

Thấu suốt chủ trương của Đảng...

(Tiếp theo trang 9)

Phải kịp thời phê phán và khắc phục những quan điểm lệch lạc, sai trái như: tư tưởng tập trung quan liêu, lối quản lý hành chính – bao cấp, làm ăn không tính toán hiệu quả kinh tế; tính bảo thủ, trì trệ; bệnh cục bộ, địa phương, bản vị; thái độ do dự, chần chừ trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa; xu hướng buông lỏng quản lý, chạy theo thị trường «tự do», hạ thấp vai trò của kế hoạch hóa; phân phối theo lối bình quân chủ nghĩa...

Cải tiến công tác phân phối, lưu thông là một cuộc đấu tranh cách mạng gay go, phức tạp trên tất cả các lĩnh vực. Nó đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải có một tổng thể các biện pháp được chuẩn bị và tổ chức thực hiện có hệ thống theo một trình tự khoa học. Nó đòi hỏi tất cả các ngành, các cấp phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, ý thức trách nhiệm, đứng trên quan điểm toàn cục của nền kinh tế quốc dân, đồng tâm hiệp lực, thực hiện nghiêm chỉnh và đồng bộ các chủ trương, biện pháp về cải tiến công tác phân phối, lưu thông theo từng bước đi vững chắc, bảo đảm thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đem lại sự đoàn kết, nhất trí và sự phấn khởi trong lao động sản xuất và công tác của mọi người.

Digitized by Google

Nghiên cứu

TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT TỔNG KHỞI NGHĨA TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGUYỄN-THẾ-NGUYÊN

CUỘC Cách mạng Tháng Tám diễn ra trong một thời gian ngắn: chỉ trong vòng hai tuần lễ, toàn dân ta đã giành chính quyền trên cả nước. Đó là vì Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã có nghệ thuật tổ chức chuẩn bị và thực hành tổng khởi nghĩa hết sức tài giỏi.

Trong việc *tổ chức chuẩn bị tổng khởi nghĩa*, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã giải quyết thành công những vấn đề hết sức quan trọng như: xác định đúng đường lối cách mạng và phương thức tiến hành cách mạng; xác định đúng lực lượng tiến hành tổng khởi nghĩa và tích cực xây dựng lực lượng đó; xác định và thực hiện đúng các bước đi để tiến tới tổng khởi nghĩa; xác định đúng các điều kiện và tích cực tạo điều kiện để tiến hành tổng khởi nghĩa.

Về đường lối cách mạng, Hồ Chủ tịch là người Việt-nam đầu tiên sớm đến với chủ nghĩa Lê-nin và thấy được: «*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*» (1).

Xuất phát từ con đường Hồ Chủ tịch đã tìm thấy, ngay từ đầu, Đảng cộng sản Việt-nam đã xác định tính chất của cách mạng nước ta là cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ hội nghị thứ 6, Trung ương Đảng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và đến hội nghị thứ 8, Đảng khẳng định: Cuộc cách mạng hiện tại là một cuộc giải phóng dân tộc. Chính nhờ xác định đúng nhiệm vụ cách mạng, biết giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và trước hết là ngọn cờ độc lập dân tộc, Đảng ta có điều kiện động viên lực lượng của cả dân tộc vùng lên tổng khởi nghĩa.

Thành công của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám bắt nguồn từ việc tìm đúng con đường cứu nước của Hồ Chủ tịch, từ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt-nam, từ đường lối cách mạng đúng đắn do Đảng và Bác Hồ đã xác định.

Về phương thức tiến hành cách mạng, ngay từ đầu Đảng và Bác Hồ đã xác định phải tiến hành cách mạng

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 705.

Digitized by Google

bạo lực, phải bạo động vũ trang (tức khởi nghĩa vũ trang) giành chính quyền. Đến hội nghị thứ 8, Trung ương Đảng xác định: «Cuộc cách mạng Đông-dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa võ trang» (2). Đảng ta không vận dụng phương thức dùng quân đội là chủ yếu để tiến hành chiến tranh giải phóng mà chủ trương tiến hành khởi nghĩa vũ trang của toàn dân để giành chính quyền. Đó chính là xuất phát từ kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử và từ thực tiễn cách mạng những năm 30 của dân tộc ta, kết hợp với kinh nghiệm Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Thành công của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám chính là do Đảng ta đã xác định đúng phương thức tiến hành cách mạng.

Về lực lượng tiến hành tổng khởi nghĩa, trong Luận cương chính trị, Đảng xác định phải phát động «*Công nông binh*» tiến hành bạo động vũ trang.

Đến hội nghị thứ 8, Trung ương Đảng xác định phải phát động toàn dân, phát động toàn thể dân tộc tiến hành tổng khởi nghĩa, do đó phải thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi nhất — Mặt trận Việt minh — để thu hút mọi tầng lớp nhân dân vùng lên khởi nghĩa.

Chính vì xác định đúng lực lượng để tiến hành tổng khởi nghĩa, biết *phát động toàn dân* vùng lên chứ không phải chỉ có phát động công nông binh vùng lên, cho nên tháng Tám 1945, mặc dù mới có 5 000 bộ đội thoát ly, ta đã có một lực lượng mạnh giành chính quyền trong cả nước. Tin tưởng ở sức mạnh vô địch của toàn dân, phát động toàn dân khởi nghĩa — đó là một sáng tạo quan trọng của Đảng và Hồ Chủ tịch.

Đảng ta đã xác định *đúng các bước đi để tiến tới tổng khởi nghĩa*. Đó là bước đi bắt đầu bằng xây dựng cơ sở chính trị quần chúng, rồi từ cơ sở chính trị quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang; bắt đầu bằng đấu tranh chính trị, tiến lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, rồi tiến hành khởi nghĩa từng phần, đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa. Chính Hồ Chủ tịch đã vận dụng đúng đắn các bước đi. Năm 1941, Người đã đề ra «người trước súng sau», đã bắt đầu bằng xây dựng bản «hoàn toàn», xã «hoàn toàn», tiến lên tổng «hoàn toàn», châu «hoàn toàn». «Hoàn toàn» tức là toàn dân bí mật theo Việt minh, cũng như ngày nay ta nói toàn dân làm chủ. Từ cơ sở quần chúng, Người đã xây dựng lực lượng tự vệ, tiểu tổ du kích, đội du kích. Năm 1944, khi dự kiến cách mạng sắp chuyển sang một giai đoạn mới, Người chỉ thị thành lập đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân và chủ trương kết hợp chính trị với quân sự. «Người trước súng sau» cũng là một sáng tạo quan trọng của Đảng ta và Hồ Chủ tịch. Quan điểm đó hoàn toàn trái ngược với quan điểm «chính quyền trên ngọn súng».

Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, Đảng ta và Hồ Chủ tịch chủ trương tiến hành khởi nghĩa từng phần, không ngừng mở rộng khởi nghĩa và thành lập khu giải phóng.

Sự ra đời của khu giải phóng và các chiến khu khác cũng như sự xuất hiện của đội quân giải phóng và các đội du kích khác đã gây một niềm tin vô hạn trong toàn quốc, tạo điều kiện cho Mặt trận Việt minh phát triển nhanh chóng, tập dượt cho nhân dân ta nắm chính quyền, đào tạo được một đội ngũ cán bộ quân sự nòng cốt để xây dựng quân đội sau khi giành được chính quyền trong cả

(2) *Văn kiện Đảng* 1939 — 1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1977, tr 214.

Digitized by Google

nước — một việc rất cần thiết đối với một nước thuộc địa bị tước vũ khí lâu ngày —, thúc đẩy các điều kiện tổng khởi nghĩa mau chín muồi và thôi thúc toàn dân ta dũng cảm đứng lên tổng khởi nghĩa khi thời cơ xuất hiện. Chính quá trình khởi nghĩa từng phần đã tạo điều kiện cho tổng khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Trong việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã *xác định đúng các điều kiện cần thiết và tích cực chuẩn bị điều kiện để tiến hành tổng khởi nghĩa.*

Về điểm này, Đảng ta đã học tập rất nhiều ở Cách mạng Tháng Mười. Tuy nhiên hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng đã đề ra các điều kiện để tổng khởi nghĩa không hoàn toàn giống như các điều kiện của cách mạng Nga. Chúng ta đề ra :

1 — « Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc.

2 — Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp — Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa.

3 — Phe thống trị Đông-dương đã bước vào cuộc khủng hoảng phổ thông đến cực điểm vừa về kinh tế, chính trị lẫn quân sự... » (3).

Các điểm nói trên chính là các điều kiện để tiến hành một cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân. Ngoài ra, vì việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa của dân tộc ta được tiến hành trong chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình đang biến động lớn, cho nên Trung ương Đảng đã đề ra *điểm thứ tư* là : những điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc cách mạng nước ta.

Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng nhận định rằng lúc bấy giờ tuy lực lượng của bọn phát-xít Đức, Ý, Nhật đang mạnh, thế chúng đang thắng, nhưng nhất định chúng sẽ thất bại. Còn nhân dân ta tuy chưa quyết tâm bước vào khởi nghĩa: « Nhưng rồi đây tình thế chết đã đến chân, bắt buộc họ phải đứng dậy, liều chết vật lộn với quân giặc cướp nước. Lúc ấy cả thế giới như một nồi nước sôi và tình hình cách mạng Đông-dương bước những bước vĩ đại để dọn đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa mạnh mẽ (4).

Đảng ta đã tích cực chuẩn bị tổng khởi nghĩa theo các điều kiện đã xác định và đến tháng Tám 1945, tình hình đã diễn ra gần đúng như đã dự kiến. Chiến công oanh liệt của Liên-xô đánh bại bọn quân phiệt Nhật, buộc chúng đầu hàng không điều kiện đã tạo cho dân tộc Việt-nam thời cơ ngàn năm có một để tổng khởi nghĩa.

Trong thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa, Trung ương Đảng ta đã chú trọng chỉ dẫn cho cán bộ các cấp biết độc lập bắt mạch tình hình, nắm đúng thời cơ khởi nghĩa. Đó là việc rất cần thiết trong điều kiện ta chưa có chính quyền, việc thông tin liên lạc hết sức khó khăn.

Đặc biệt, chỉ thị *Nhật — Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* ngày 12-3-1945 của Thường vụ Trung ương Đảng do đồng chí Trường-Chinh, Tổng bí thư chủ trì, đã có tác dụng hết sức to lớn giúp cho toàn Đảng, toàn dân ta biết kịp thời nắm thời cơ tiến hành tổng khởi nghĩa. Chỉ thị này đã chỉ rõ : Chúng ta không thể ỷ lại chờ quân đồng minh đổ bộ mới khởi nghĩa. Nếu Nhật mất nước, cách mạng Nhật nổ ra, quân đội Nhật mất tinh thần, ta vẫn có thể khởi nghĩa giành thắng lợi.

Đến tháng tám 1945, tại Hội nghị Tân-trào, Đảng ta đã quyết định tiến hành tổng khởi nghĩa, nhưng không phải quyết định đó đã được phổ biến ngay kịp thời khắp toàn quốc. Chính các cán bộ Đảng đã quán triệt nguyên tắc kịp thời nắm đúng thời cơ khởi nghĩa mà Bác Hồ đã nêu lên trong

(3) Sách đã dẫn, tr. 214.

(4) Sách đã dẫn, tr. 216.

Digitized by Google

cuốn « Đường kách mệnh » và đặc biệt đã quán triệt chỉ thị ngày 12-3-1945 của Thường vụ Trung ương Đảng, cho nên đã chủ động phát động khởi nghĩa ở các địa phương.

Trong việc *thực hành tổng khởi nghĩa*, Đảng ta và Bác Hồ đã giải quyết đúng những vấn đề chủ yếu sau đây :

— Xác định đúng mục tiêu cần đạt được để cuộc tổng khởi nghĩa thành công, có sách lược đúng đắn đối với kẻ thù.

— Xác định đúng các khu vực cần chiếm khi tổng khởi nghĩa.

— Không ngừng quán triệt tư tưởng tiến công, quyết giành chính quyền trên toàn quốc trong một thời gian ngắn

— Kết hợp nhiều phương thức đấu tranh. Tích cực tiến hành vận động ngụy quyền, ngụy quân.

— Giải quyết tốt các vấn đề cần thiết sau khi khởi nghĩa thành công để giữ vững chính quyền cách mạng.

Về mục tiêu cần đạt được của cuộc tổng khởi nghĩa, Đảng ta đã căn cứ vào lực lượng đối sánh giữa ta và địch lúc bấy giờ mà xác định.

Bọn quân phiệt Nhật còn khoảng mười vạn quân rải ra đóng khắp nơi, và một bộ máy ngụy quyền từ trung ương đến xã với ba vạn bảo an binh. Nhật đã đầu hàng không điều kiện Đồng minh, tinh thần quân Nhật và bọn tay sai hoang mang giao động đến cực điểm.

Đảng ta mới có khoảng 5000 đảng viên và 5000 quân thoát ly được trang bị rất kém ; Mặt trận Việt minh tuy đã phát triển rộng nhưng chưa có cơ sở ở khắp mọi nơi.

Trong điều kiện đó, Đảng xác định mục tiêu của tổng khởi nghĩa là phải đập tan bộ máy ngụy quyền, giành cho được chính quyền về tay nhân dân, không đặt vấn đề tiêu diệt quân Nhật, tước vũ khí của chúng, mà có sách lược linh hoạt đối với chúng, vừa đấu tranh vừa đàm phán nhằm « vô hiệu hóa » quân đội Nhật.

Vì đã đầu hàng Đồng minh không điều kiện, không cần thiết phải bảo vệ ngụy quyền tay sai đã mất hết tác dụng đối với chúng, lại đứng trước lực lượng to lớn của toàn dân ta, bọn Nhật nói chung đã không đem quân đánh lại khi nhân dân ta vùng lên khởi nghĩa.

Khi thực hành khởi nghĩa, rất nhiều nơi đã có các biện pháp khác nhau để thăm dò thái độ của Nhật. Đó là những biện pháp cần thiết để hạ quyết tâm khởi nghĩa một cách có cơ sở.

Ngược lại, nếu ta đặt vấn đề tiến công tiêu diệt quân Nhật để giành chính quyền thì tất yếu bọn Nhật phải đánh trả và do đó việc giành chính quyền của ta sẽ gặp nhiều khó khăn.

Việc xác định đúng mức mục tiêu cần đạt được của tổng khởi nghĩa đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổng khởi nghĩa thành công nhanh chóng. Đây là một quyết định rất sáng suốt của Đảng ta trong việc vận dụng nghệ thuật tổng khởi nghĩa.

Về các khu vực cần chiếm khi tổng khởi nghĩa, Đảng ta xác định phải đồng thời khởi nghĩa ở cả thành thị và nông thôn, đặc biệt phải khởi nghĩa thành công nhanh chóng ở các trung tâm chính trị lớn, phải nhanh chóng đập tan bộ máy ngụy quyền trung ương, và có làm như thế mới có thể nhanh chóng giành chính quyền trong cả nước. Thực tiễn đã chứng minh điều đó.

Vì từ lâu Đảng ta đã coi trọng xây dựng phong trào cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, không chủ trương « trường kỳ mai phục ở thành thị »,

Digitized by Google

cho nên tháng tám 1945, ta có điều kiện để làm việc đó.

Trong Tổng khởi nghĩa, *Đảng ta quán triệt tư tưởng tích cực tiến công từ đầu đến cuối.* Hồ Chủ tịch đã xác định dù có phải đốt cháy cả dãy Trường-sơn cũng quyết giành cho được tự do và độc lập.

Vì ta chưa có phương tiện thông tin để chỉ huy thống nhất kịp thời cho nên việc các địa phương quán triệt tư tưởng tích cực tiến công, chủ động phát động khởi nghĩa, khởi nghĩa đồng loạt hoặc theo phương thức dây chuyền là hết sức cần thiết và đã tạo nên thắng lợi to lớn của tổng khởi nghĩa. Trong tình hình 20 vạn quân Tưởng-Giới-Thạch cùng với quân Anh sắp vào giải giáp quân Nhật, chiếm đóng nước ta, Trung ương Đảng ta đã phái cán bộ đến các nơi chỉ đạo gấp rút khởi nghĩa giành chính quyền, đã kịp thời thành lập chính phủ và tổ chức ngày tuyên bố độc lập. Với chủ trương sáng suốt, kịp thời đó của Đảng, nhân dân ta đã đứng trên tư thế người chủ của đất nước để đón tiếp quân Đồng minh.

Nhanh chóng giành được chính quyền trong vòng hai tuần lễ sau khi Nhật đầu hàng và trước khi quân đồng minh kéo vào nước ta — đó cũng chính là sự thể hiện nghệ thuật kịp thời nắm thời cơ để khởi nghĩa. Khởi nghĩa sớm hơn đương nhiên là không thể được. Nhưng nếu khởi nghĩa muộn hơn thì sẽ mất thời cơ.

Liên tục tiến công, nhanh chóng giành chính quyền trong cả nước trong vòng hai tuần lễ là một sự nhạy bén trong nghệ thuật khởi nghĩa của Đảng ta.

Trong Cách mạng Tháng Tám, nhân dân ta *đã vận dụng nhiều phương thức đấu tranh.*

Ở Hà-nội và nhiều nơi khác, chúng ta đã đi từ huy động quần chúng bãi công chính trị, mít tinh biểu tình, tiến lên đỉnh cao quyết định là phát động quần chúng tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Ở Thái-nguyên và Tuyên-quang, chúng ta đã kết hợp khởi nghĩa vũ trang của quần chúng với tác chiến của bộ đội.

Công tác vận động ngụy quân, ngụy quyền đã có tác dụng rất quan trọng trong tổng khởi nghĩa. Nhờ lôi kéo được phần lớn bảo an binh, lôi kéo được nhiều nhân viên ngụy quyền trong đó có cả những người giữ những chức vụ quan trọng, vận động được Bảo-Đại thoái vị, việc giành chính quyền của ta đã được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng, ít xảy ra đổ máu.

Như vậy là trong quá trình tiến hành Cách mạng Tháng Tám có bãi công chính trị, mít tinh, biểu tình, có khởi nghĩa vũ trang của quần chúng, có tác chiến của lực lượng vũ trang cách mạng, có công tác vận động ngụy quân, ngụy quyền, vừa có đấu tranh vừa có đàm phán nhằm « vô hiệu hóa » quân đội Nhật.

Tuy nhiên cần thấy rằng phương thức quyết định việc giành chính quyền là khởi nghĩa vũ trang của lực lượng chính trị quần chúng và tác chiến của lực lượng vũ trang cách mạng. Mỗi phương thức đều có tác dụng quan trọng và tạo điều kiện cho nhau, nhưng phương thức khởi nghĩa vũ trang của lực lượng chính trị quần chúng là phổ biến nhất, quyết định nhất.

Thành công của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám không phải chỉ có giành được chính quyền mà còn giữ được chính quyền. Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch *đã giải quyết đúng đắn các vấn đề sau khi giành được chính quyền :* nhanh chóng xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức bầu cử Quốc hội, ban bố Hiến pháp, nhanh chóng xây dựng và phát triển lực lượng chính trị trong toàn quốc, nhanh chóng xây dựng và phát triển quân

(Xem tiếp trang 38)

Digitized by Google

Đảng ta với phương pháp cách mạng Lê-nin-nít

NGUYỄN-VĂN-PHÙNG

CÁCH mạng Việt-nam trong nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và có tính chất thời đại. Có thắng lợi đó trước hết và chủ yếu là do Đảng ta tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, biết vận dụng sáng tạo khoa học mác-xít — lê-nin-nít vào điều kiện cụ thể của Việt-nam để định ra đường lối cách mạng đúng đắn. Có thắng lợi đó còn do Đảng ta đã thực hiện một cách xuất sắc những lời dạy của Lê-nin — người thầy vĩ đại của cách mạng thế giới — về phương pháp tiến hành cách mạng.

Thời đại mà Lê-nin sống là thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, là thời đại loài người quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thời đại mà cách mạng vô sản đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp, chuyên chính của giai cấp vô sản được ghi vào «chương trình nghị sự» của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Bắt mạch và hiểu được sâu sắc yêu cầu của thời đại, bằng trí tuệ thiên tài và bằng năng lực tổ chức thực tiễn xuất sắc, Lê-nin đã nắm vững và phát triển học thuyết cách mạng của Mác, đã giải quyết thành công hàng loạt vấn đề lý luận, vấn đề chiến lược, sách lược và đã lãnh đạo thắng lợi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người, từ đó nâng chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Ở thời đại Lê-nin, vấn đề đặt ra không chỉ là coi trọng lý luận, coi trọng việc xác định những vấn đề chiến lược mà còn phải đặc biệt coi trọng cả những vấn đề tổ chức, vấn đề hình thức và phương pháp tiến hành cách mạng để thực hiện những mục tiêu chiến lược của cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo thiên tài của Lê-nin, trong quá trình tiến hành cách mạng, Đảng bôn-sê-vích đã kết hợp đấu tranh hợp pháp và đấu tranh nửa hợp pháp, đã phối hợp công tác bí mật với công tác công khai; từ bãi công kinh tế biến thành bãi công chính trị và từ bãi công chính trị biến thành khởi nghĩa; kết hợp đấu tranh trong nghị trường với đấu tranh ngoài nghị trường, lúc thì tẩy chay nghị viện, lúc lại biến nghị viện thành diễn đàn cách mạng và tranh thủ quần chúng; vừa học tập khoa học tiến công, vừa học tập khoa học rút lui để chuẩn bị tiến lên cao trào mới, học tập kinh nghiệm hoạt động trong các tổ chức công đoàn do giai cấp tư sản lập ra, lợi dụng các mâu thuẫn dù là nhỏ nhất trong hàng ngũ kẻ địch để làm lợi cho cách mạng; sử dụng mọi hình thức, biện pháp để tập hợp quần chúng, giành hết trận địa này đến trận địa khác của đời sống xã hội từ trong tay giai cấp tư sản. Tất cả nhằm xây dựng một đội quân chính trị cho cuộc khởi

Digitized by Google

nghĩa giành chính quyền. Lý luận của Lê-nin về tình thế cách mạng, về điều kiện khởi nghĩa và nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa đã đưa lại toàn thắng cho Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại.

Trong lĩnh vực tìm ra và thực hiện những phương pháp cách mạng khoa học, có hiệu quả, Lê-nin là bậc thầy kiệt xuất. Người chỉ ra rằng giai cấp vô sản muốn làm tròn nhiệm vụ của mình thì phải biết nắm lấy hết thảy mọi hình thức và mọi phương diện của hoạt động xã hội, không trừ một hình thức và một phương diện nào; đồng thời cần chuẩn bị sẵn sàng để có thể thay thế nhanh chóng và kịp thời hình thức này bằng hình thức khác. Theo Người, không có gì tai hại hơn là tuyệt đối hóa một phương thức đấu tranh nào đó và áp đặt nó vào mọi hoàn cảnh khác nhau, mọi thời gian khác nhau. Những người cách mạng mà không học cách sử dụng tất cả các loại « vũ khí », tất cả các loại phương pháp và thủ đoạn đấu tranh thì là những người rất tồi, thậm chí còn phạm tội ác. Khi tình hình thay đổi mà không kịp thời chuyển hướng hình thức đấu tranh thì cách mạng có thể tổn thất và thất bại.

Lê-nin cho rằng Quốc tế thứ hai sở dĩ bị phá sản là vì đã để cho một hình thức duy nhất (hình thức nghị viện) « thôi miên ». Lê-nin phê phán chủ nghĩa giáo điều hữu khuynh chỉ biết khăng khăng giữ lấy những hình thức cũ, còn chủ nghĩa giáo điều tả khuynh thì lại phủ nhận một cách tuyệt đối những hình thức cũ mà không thấy nội dung mới đang tự mở con đường xuyên qua mọi hình thức.

Có thể nói những tinh hoa, những thành tựu về phương pháp cách mạng của thời đại đã được Lê-nin đúc kết lại. Những tinh hoa đó đã và đang hướng dẫn hành động cho các đảng mác-xít — lê-nin-nít, cho phong trào cách mạng thế giới.

★

Kinh nghiệm lịch sử của cách mạng nước ta trong 50 năm qua và của phong trào cách mạng thế giới trong thế kỷ này cho thấy « phong trào cách mạng có khi dẫm chân tại chỗ, thậm chí thất bại nữa, không phải vì thiếu phương hướng và mục tiêu rõ ràng mà chủ yếu vì *thiếu phương pháp cách mạng thích hợp* » (1). Vì vậy, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta, ngoài việc định ra đường lối cách mạng đúng đắn, còn đặc biệt chú ý vạch ra phương pháp tiến hành cách mạng thích hợp.

Từ những tác phẩm đầu tiên, nhất là trong cuốn « Đường kách mệnh », đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã chú ý nghiên cứu những kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga và nghệ thuật chỉ đạo của Lê-nin trong cuộc cách mạng ấy. Trong điểm 12 của phần « Lịch sử kách mệnh Nga », đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã đi sâu nghiên cứu vấn đề thời cơ khởi nghĩa, giải thích tại sao Lê-nin lại chủ trương khởi nghĩa vào ngày 7-11 mà lại không khởi nghĩa vào ngày 6 hoặc ngày 8. Sau đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng đều đã dày công nghiên cứu và thấm nhuần nhiều tác phẩm quan trọng của Lê-nin. Đồng chí Ngô-Gia-Tự khi tạm bị giam ở nhà tù Hỏa lò (Hà-nội) đã viết tóm tắt lại cuốn *Nguyên lý chủ nghĩa Lê-nin* để làm tài liệu học tập cho Đảng ta về chiến lược và sách lược.

Quán triệt phương pháp của Lê-nin, trên cơ sở bước đầu phân tích đặc điểm xã hội nước ta, *Luận cương chính trị* năm 1930 của Đảng do đồng chí Trần-Phú khởi thảo, trong khi khẳng định phải dùng cách mạng bạo lực để giành chính quyền, đã không quan niệm cách mạng bạo lực chỉ là xây dựng lực lượng quân sự, tiến hành đấu tranh vũ trang. Để tiến tới

(1) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 34.

Digitized by Google

khởi nghĩa vũ trang, ngay từ đầu Đảng rất coi trọng việc giáo dục, tổ chức, động viên, đưa quần chúng ra đấu tranh chính trị, xây dựng «đội quân chính trị quần chúng» của cách mạng, dựa vào phong trào quần chúng, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Khi chưa có tình thế cách mạng thì sử dụng những hình thức, phương pháp đấu tranh thích hợp đòi quyền dân chủ, dân sinh để tập hợp quần chúng. Khi tình thế cách mạng đã chín muồi, phải kịp thời chuyển sang những hình thức, phương pháp đấu tranh cao hơn để giành chính quyền. Do đi đúng phương hướng đó mà Đảng ta vừa mới ra đời đã phát động được một phong trào cách mạng sôi nổi của công nông khắp cả nước những năm 1930 – 1931 với đỉnh cao là xô viết Nghệ-Tĩnh. Trong cao trào đó, những hình thức và phương pháp đấu tranh mới lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta: bãi công, đình công của công nhân, biểu tình, mít tinh, tuần hành thị uy của công nhân và nông dân, bãi học của học sinh, bãi chợ của tiểu thương, khởi nghĩa ở địa phương Nghệ-an – Hà-tĩnh.

Trong thời kỳ chống khủng bố trắng, phục hồi và phát triển phong trào cách mạng (1932–1935) và đặc biệt là trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936–1939), Đảng ta đã sử dụng thành công nhiều hình thức tổ chức và phương pháp hoạt động rất phong phú: hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp kết hợp với hoạt động bí mật, không hợp pháp; đấu tranh của quần chúng ngoài đường phố kết hợp với đấu tranh trong nghị viện của địch, đưa những đảng viên cộng sản và những người yêu nước vào hoạt động trong các Hội đồng quản hạt, Viện dân biểu do thực dân Pháp lập ra, biến các Viện và Hội đồng ấy thành diễn đàn lên án bọn thực dân phản động, vạch mặt bọn tay sai, đoàn kết những người tiến bộ, tranh thủ những người lừng chừng, lợi dụng sách báo hợp pháp để giới thiệu các quan điểm mác-xít và đường lối của Đảng; tổ chức các hội ái hữu, nghiệp đoàn, cứu tế, truyền bá quốc ngữ để tập hợp đông đảo quần chúng. Cao trào Mặt trận dân chủ (1936 – 1939) thật sự là một trường huấn luyện cho Đảng ta không chỉ về chỉ đạo chiến lược mà còn về phương pháp cách mạng phong phú, linh hoạt, thích hợp. Tác phẩm *Tự chỉ trích* của đồng chí Nguyễn-Văn-Cừ đã phản ánh một phần tình hình đó và nhấn mạnh luận điểm của Lê-nin về lợi dụng những mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù.

Thành công tuyệt vời của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Đảng ta trong khoa học và nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền. Năm 1939, khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, rồi tới khi thực dân Pháp quỳ gối dâng Đông-dương cho phát xít Nhật, dân ta một cổ hai tròng, Đảng ta đã nhận định đây là thời kỳ mà áp bức bóc lột và chiến tranh làm cho nhân dân ngày càng cách mạng hóa, thời kỳ mà cách mạng nhất định sẽ nổ ra. Từ thực tế đó, Đảng đề ra chủ trương lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, trong đó có sáng kiến lớn của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc là lập Mặt trận Việt-nam độc lập đồng minh (Việt minh)–một hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật – Pháp thích hợp với tình hình lúc đó. Chủ trương từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa cũng được nêu ra trong thời gian này. Những chủ trương đó của Đảng đã được bổ sung và phát triển hoàn chỉnh trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, Đảng vừa nhấn mạnh vai trò của toàn dân vũ trang nổi dậy, vừa nhấn mạnh vai trò của các căn cứ địa và lực lượng vũ trang. Tổng khởi nghĩa

Digitized by Google

Tháng Tám năm 1945 là sự kết hợp nhịp nhàng đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang của các đội quân du kích; là sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, kinh tế và binh vận, ngụy vận, là kết quả của việc lợi dụng các mâu thuẫn giữa phát xít Nhật và đế quốc Pháp, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ các hạng bù nhìn tay sai, kể cả việc vận động và buộc vua Bảo-Đại phải thoái vị, làm sụp đổ bộ máy Nhà nước của đế quốc và tay sai. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 là sự kịp thời chớp lấy thời cơ « ngàn năm có một »: quân đội Nhật bị Liên-xô đánh bại đã tê liệt, tan rã, mất tinh thần; nạn đói khủng khiếp làm chết hai triệu người, dẫn đến tình thế « tầng lớp dưới không muốn » sống như trước,... « tầng lớp trên cũng không thể nào » sống như cũ được nữa » (2) — chớp lấy thời cơ đó, Đảng đã phát động toàn dân đồng loạt nổi dậy giành chính quyền ở cả thành thị và nông thôn, với đòn quyết định là các cuộc khởi nghĩa ở Hà-nội, Huế, Sài-gòn. Tất cả những gì là tinh hoa trong kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin về nghệ thuật khởi nghĩa đã được vận dụng vào cuộc Cách mạng Tháng Tám. Những kinh nghiệm mà Đảng ta đã tích lũy được từ cao trào xô viết Nghệ-Tĩnh (1930 — 1931), từ cuộc khởi nghĩa Bắc-sơn, cuộc khởi nghĩa Nam-kỳ (1940), cuộc khởi nghĩa Ba-tơ và các cuộc khởi nghĩa từng phần trong thời kỳ sau cuộc đảo chính của Nhật, đều được vận dụng linh hoạt để giành thắng lợi cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Chỉ trong vòng hơn 10 ngày mà toàn bộ hệ thống chính quyền của phát xít Nhật và tay sai đã sụp đổ tan tành, chính quyền nhân dân đã được thiết lập khắp cả nước. Tài năng chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng thể hiện ở độ chính xác đến mức như bấm đúng vào cái « nút » cần bấm. Cuộc Tổng khởi nghĩa không nổ ra quá sớm, khi quân Nhật làm đảo chính (9-3-1945), mà cũng không nổ ra quá muộn, khi quân đội của Tưởng-Giới-Thạch và quân đội của Anh đã đặt chân lên nước ta.

Thực tiễn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và chống bọn bành trướng Bắc-kinh trong hơn một phần ba thế kỷ là biểu hiện rực rỡ của sự phát triển cao độ về tài năng sử dụng những phương pháp cách mạng trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Đảng ta.

Nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với thù trong, giặc ngoài và muôn vàn khó khăn, thử thách nghiêm trọng. Đứng trước tình thế « ngàn cân treo sợi tóc », Đảng ta đứng đầu là Hồ chủ tịch đã lãnh đạo nhân dân nêu cao ý chí sắt đá bảo vệ độc lập tự do, đồng thời sử dụng linh hoạt mọi hình thức và biện pháp nhằm phân hóa cao độ kẻ thù, đánh tiêu từng tên, lần lượt làm thất bại mọi âm mưu của chúng. Đảng đã tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng và tăng cường lực lượng về mọi mặt: lúc thì hòa hoãn với Tưởng-Giới-Thạch để chống Pháp, lúc thì hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi đất nước, và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những chủ trương và biện pháp hết sức sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng như một mẫu mực tuyệt vời về nghệ thuật lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch, về sự nhân nhượng có nguyên tắc và về việc phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng.

Khi bắt buộc phải tiến hành chiến tranh cách mạng để bảo vệ Tổ quốc, giữ vững chính quyền, Đảng đã vạch

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, tr. 237.

Digitized by Google

ra cương lĩnh kháng chiến *toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.* Cuộc kháng chiến đã nổ ra đúng lúc. Nghệ thuật biết mở dầu chiến tranh của Đảng ta là ở chỗ không nổ ra quá muộn sau ngày 19-12-1946 mà cũng không nổ ra quá sớm vào tháng 3-1946 (ký hiệp định sơ bộ).

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã hấp thu toàn bộ kinh nghiệm của 15 năm đấu tranh giành chính quyền và nâng nó lên một bước mới trong điều kiện cả nước tiến hành chiến tranh và quyền làm chủ đã thuộc về nhân dân lao động. Với khẩu hiệu: « mỗi làng, xóm, mỗi đường phố là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ », trên khắp đất nước ta, nơi nào cũng là mặt trận, người Việt-nam yêu nước nào cũng chiến đấu hoặc tham gia phục vụ chiến đấu.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đấu tranh vũ trang là hình thức đấu tranh chủ yếu, nhưng đó không phải là hình thức đấu tranh duy nhất mà luôn luôn kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị của quần chúng, kết hợp với đấu tranh ngoại giao đòi chấm dứt « cuộc chiến tranh bẩn thỉu » ở Việt-nam và đòi rút quân đội viễn chinh Pháp về nước. Đấu tranh ở vùng tự do kết hợp với đấu tranh ở vùng sau lưng địch, kể cả đấu tranh trong các thành phố lớn Hà-nội, Huế, Sài-gòn, Hải-phòng, tiêu biểu là cuộc biểu tình của nửa triệu đồng bào Sài-gòn — Chợ-lớn ngày 19-3-1950, chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ, buộc hai tàu chiến Mỹ phải cút khỏi bến cảng Sài-gòn một cách nhục nhã. Chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, rồi chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng.

Cuộc tiến công chiến lược 1953 — 1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ là điển hình thành công về sự kết hợp giữa chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích; giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; giữa tiền tuyến và hậu phương; giữa đấu tranh của nhân dân ở vùng tự do và đấu tranh ở vùng sau lưng địch; giữa đấu tranh của nhân dân ta và đấu tranh của nhân dân thế giới.

Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, dân tộc ta lại phải bước ngay vào cuộc chiến đấu lâu dài hơn, ác liệt hơn chống đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, tên sen đầm quốc tế. Trước tình hình cực kỳ nghiêm trọng của đất nước và trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh của người lãnh đạo sáng suốt, kiên định và độc lập tự chủ. Đảng đã vạch ra đường lối tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; kết hợp chặt chẽ cách mạng ở hai miền thành quan hệ hợp đồng chiến đấu giữa tiền tuyến lớn và hậu phương lớn. Đồng thời, Đảng đã gắn liền cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, tranh thủ sự đoàn kết và ủng hộ quốc tế ngày càng rộng lớn, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, làm thành sức mạnh tổng hợp kỳ diệu, đủ sức đập tan các bước mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, kéo địch xuống thang từng bước và cuối cùng đánh thắng những cố gắng chiến tranh cao nhất của chúng, nhưng vẫn bảo đảm được hòa bình thế giới.

Phát triển lên một trình độ mới những kinh nghiệm về phương pháp cách mạng trong Cách mạng Tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại với những hình thức và phương pháp cách mạng vô cùng phong phú, sáng tạo. Những

Digitized by Google

hình thức và phương pháp đó là : sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân ; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng ; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và có thời kỳ kết hợp với đấu tranh ngoại giao, đánh địch bằng ba mũi tiến công : chính trị, quân sự, binh vận ; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy, và tiến công, tiến công và nổi dậy ; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị ; kết hợp giữa ba thứ quân, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ, kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy ; nắm vững phương châm : làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ, đánh lâu dài đồng thời biết tạo thời cơ và nắm thời cơ, mở những đợt tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy để giành thắng lợi cuối cùng.

Toàn bộ những hình thức và phương pháp trên đây là một thể thống nhất, có quan hệ hữu cơ với nhau, tạo nên chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự điêu luyện của chiến tranh cách mạng Việt-nam.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước ta độc lập, thống nhất và hòa bình. Đó là thắng lợi lớn của nhân dân ta, đồng thời cũng là thất bại lớn của đế quốc Mỹ, của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế. Mặc dù bị thất bại, kẻ thù của chúng ta không từ bỏ âm mưu phá hoại và làm suy yếu ba nước Đông-dương. Bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã lập tức tiến hành liên tiếp hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam ở biên giới phía tây nam và phía bắc.

Trong cuộc đụng đầu lịch sử mới chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, một lần nữa tài năng sáng tạo của Đảng ta lại tỏ rõ trong lĩnh vực phương pháp cách mạng. Đảng đã phối hợp chặt chẽ, khéo léo, kịp thời cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta với việc giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai của tập đoàn phản động Bắc-kinh. Với sự phối hợp này, kẻ thù đã bị đánh trước mặt, đánh sau lưng, chúng không thể nào chống đỡ nổi, cuối cùng đã thất bại hoàn toàn. Với sự phối hợp này, nhân dân ta vừa loại trừ được cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới tây nam, vừa giữ được toàn vẹn lãnh thổ ở dọc biên giới phía bắc, vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Cam-pu-chia, làm cho tình hình cách mạng ở ba nước Đông-dương tốt đẹp, vững mạnh hơn bao giờ hết.

★

Lịch sử 50 năm đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch là cả một kho tàng kinh nghiệm phong phú về những phương pháp và hình thức đấu tranh cách mạng muôn hình muôn vẻ. Đảng ta đã biết nắm lấy và sử dụng thông thạo mọi phương pháp và mọi hình thức đấu tranh đó. Đảng đã không để cho một phương pháp, một hình thức nào « thôi miên ». Đảng đã không khư khư giữ lấy phương pháp và hình thức cũ khi tình hình đã thay đổi, đồng thời cũng biết sử dụng một cách thích hợp những phương pháp và hình thức cũ với nội dung mới. Quả thật là chưa có thời kỳ nào trong đời sống xã hội nước ta lại diễn ra nhiều biến đổi sâu sắc với tầm vóc to lớn, với nhịp độ dồn dập và với những hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng muôn màu muôn vẻ như thời gian qua.

(Xem tiếp trang 38)

Digitized by Google

VĂN THƠ NGUYỄN-TRÃI

Giáo sư ĐINH-GIA-KHÁNH

NGUYỄN-TRÃI đã để lại một di sản văn học khá lớn về khối lượng, rất quý về chất lượng. Di sản ấy bao gồm các tác phẩm viết bằng Hán văn và Việt văn. Trong di sản văn học của Nguyễn-Trãi, ngoài những giá trị về nội dung phản ánh, nội dung tư tưởng và những giá trị về hình thức biểu hiện, về nghệ thuật ngôn ngữ, còn phải kể đến những tư tưởng của Nguyễn-Trãi liên quan đến mục đích và chức năng của văn học nghệ thuật, đến vai trò và trách nhiệm của nhà văn nghệ.

Văn chữ Hán của Nguyễn-Trãi chủ yếu là văn chính luận. Trước hết phải kể đến *Quân trung từ mệnh tập*. *Quân trung từ mệnh tập*, với khoảng trên dưới 70, bài là văn từ lệnh viết trong thời gian kháng chiến chống quân Minh. Phần lớn những bài văn đó là thư từ giao thiệp với các tướng Minh, với bọn ngụy quan và bè lũ, các bức thư dụ hàng gửi cho quân địch đóng trong các thành, v.v. Ngoài ra, lại còn văn tấu các vua nhà Trần, lệnh dụ các tướng hiệu quân nhân, chiếu khuyến dụ hào kiệt.

Đến ngày đất nước được giải phóng, Nguyễn-Trãi lại viết nhiều bài văn nổi tiếng. Trước hết phải kể đến bài *Bình Ngô đại cáo*, một bản tuyên ngôn độc lập, một áng hùng văn vào bậc nhất trong lịch sử nước nhà. *Bình Ngô đại cáo* phát biểu một cách có hệ thống chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn-Trãi. Những bài « Chiếu cầu hiền tài », « Chiếu cấm các đại thần tổng quản, cùng các quan ở viện, sảnh, cục tham lam lười biếng », « Chiếu cho Tư-Tề quyền nhiếp quốc chính », v.v. phát biểu những quan điểm nhân nghĩa, cần kiệm của Nguyễn-Trãi trong vấn đề « trị nước yên dân », đề ra « chính sách cán bộ » của ông. Những tác phẩm này được tập hợp lại trong phần *Văn loại* của *Ức-Trai di tập*.

Về văn của Nguyễn-Trãi lại còn phải kể đến những bài « Chí-linh sơn phú », « Băng-hồ di sự lục », truyện Nguyễn-Phi-Khanh, Văn bia Vĩnh-lăng, v.v.

Cuốn *Lam-sơn thực lục* do Nguyễn-Trãi viết và *Lam-sơn động chủ* (Lê-Lợi) đề tựa năm 1432 là một tập lịch sử ký sự về cuộc Lam-sơn khởi nghĩa và cuộc trường kỳ kháng chiến chống Minh. *Lam-sơn thực lục* thất lạc từ lâu : đến thế kỷ XVII đời Lê-Hy-Tông (Vĩnh-Trị nguyên niên, 1676), Hồ-Sĩ Dương đứng đầu một số sử thần đã « tìm tòi, chắp vá, ráp lại thành sách » và có sửa lại. Như vậy, có thể tin rằng bản *Lam-sơn thực lục* hiện đang lưu hành không còn giữ được nguyên vẹn như một văn bản của Nguyễn-Trãi.

Nếu *Lam-sơn thực lục* là một tập sách có giá trị sử học thì *Dư địa chí* lại có giá trị về mặt địa lý, lịch sử và dân tộc học. Sách viết khoảng năm 1435.

Về thơ ca của Nguyễn-Trãi hiện còn lại *Ức-Trai thi tập* và *Quốc âm thi*

Digitized by Google

tập. Ức-Trai thi tập gồm 3 quyển, 105 bài thơ ngũ ngôn và thất ngôn. Thơ chữ Hán Nguyễn-Trãi giàu tính chất trữ tình, tả cảnh thiên nhiên, tả di tích lịch sử, tả tâm tình, tả ý chí, v.v.

Trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn-Trãi, Việt văn có một vị trí quan trọng. Đó là những bài thơ sử dụng tiếng Việt và viết bằng chữ Nôm. Trong sáng tác thơ ca của ông, tỷ lệ tác phẩm viết bằng chữ Nôm rất cao. Chỉ với sự hiểu biết của chúng ta hiện nay thì *Quốc âm thi tập* của Nguyễn-Trãi đã gồm 254 bài thơ chữ Nôm, nhiều gấp hai lần rưỡi số thơ chữ Hán của ông.

Nguyễn-Trãi là một trong những tác giả viết nhiều nhất thời xưa. Ông bôn ba gian khổ từ năm 27 tuổi đến năm 49 tuổi tức là trong thời gian giặc Minh chiếm đóng nước ta, lúc đầu thì lẩn tránh sự truy bức của giặc, về sau thì tham gia cuộc kháng chiến quyết liệt và dai dẳng. Từ năm 50 tuổi (1430) đến năm 62 tuổi, ông cũng ít có thời giờ rảnh rang, trừ vài năm về Côn-sơn. Một người suốt đời chiến đấu vất vả, tại sao lại có thì giờ viết nhiều văn, làm nhiều thơ như thế? Chính Nguyễn-Trãi đã giải đáp cho chúng ta câu hỏi đó.

Trong bài thơ Nôm *Tự thán* (số 2) ông viết:

Non hoang tranh vẽ, chập hai ngàn,
Nước mấy dòng thanh, ngọc mấy hoàn.
Niềm cũ sinh linh đeo ắt nặng,
Cật chưng hồ hải đặt chưa an.
Những vì chúa thánh âu đời trị,
Há kẻ thân nhân tiếc tuổi tàn,
Thừa chỉ, ai rằng thì khó ngặt,
Túi thơ chứa hết mọi giang san.

Nguyễn-Trãi tự hào vì túi thơ chứa chất núi sông Tổ quốc, vì hồn thơ nặng trĩu tình đời.

Nguyễn-Trãi với chức thừa chỉ Hàn lâm viện phải làm rất nhiều công việc, nhưng ông lại nói: ai bảo rằng làm chức thừa chỉ là thời giờ ngặt nghèo lắm? Suốt đời Nguyễn-Trãi rất bận rộn nhưng ông vẫn không cho rằng mình thiếu thì giờ để làm thơ, viết văn. Nguyễn-Trãi viết để đánh giặc, viết để xây dựng đất nước, viết để phê phán mặt tiêu cực của bộ phận thoái hóa trong giới cầm quyền đầu triều Lê. Ông viết để tự tu dưỡng, để nói lên chí của mình, để giữ vững phẩm chất trong những cơn bĩ cực, để khẳng định giá trị chân chính của con người. Ở Nguyễn-Trãi, con người hành động và con người sáng tác gắn bó với nhau, nương tựa vào nhau, hỗ trợ nhau. Ở Nguyễn-Trãi, có thể tìm thấy một mẫu mực về sự gắn bó giữa nhà văn và người chiến sĩ đấu tranh vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì con người. Ở Nguyễn-Trãi, có thể tìm thấy một dẫn chứng hùng hồn về mối liên hệ mật thiết giữa văn nghệ và cuộc sống.

Đúng như ông đã phát biểu trong bài thơ nêu lên ở trên, vì suốt đời không được ngả lưng an cật, vì suốt đời đeo đẳng nỗi niềm thương yêu sinh linh, vì suốt đời ôm ấp lý tưởng lo cho Tổ quốc được thái bình, thịnh trị mà Nguyễn-Trãi đã có được hồn thơ cao cả, tứ thơ phong phú. Suốt đời lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, Nguyễn-Trãi đã tỏ ra rất tự hào về trách nhiệm của người cầm bút. Trong bài thơ Nôm *Bảo kính cảnh giới*, (số 5) ông viết:

« Văn chương chép lấy, đòi câu thánh,
Sự nghiệp tua gìn, phải đạo trung.
Trừ độc trừ tham trừ bạo ngược,
Có nhân có trí có anh hùng ».

Thật là rõ ràng. Trong lời thơ có tính chất một *tuyên ngôn văn học* như thế, Nguyễn-Trãi đã gắn văn chương với sự nghiệp, gắn nhiệm vụ làm văn với bổn phận làm người. Văn chương gắn liền với hành động: « trừ độc trừ tham trừ bạo ngược », văn chương gắn liền với phẩm chất: « có nhân có trí có anh hùng ». Nhưng ở nước ta muốn « trừ độc trừ tham trừ bạo

Digitized by Google

ngược, có nhân có trí có anh hùng », muốn bảo vệ cuộc sống và khẳng định giá trị con người thì trước hết phải bảo vệ Tổ quốc, khẳng định dân tộc. Trong hàng nghìn năm, nhiều tác giả lớn đã thể nghiệm điều ấy. Và Nguyễn-Trãi là tác giả lớn nhất đã thể nghiệm một cách sâu sắc nhất điều ấy.

Trong bài thơ Nôm *Bảo kính cảnh giới* (bài số 56) ông viết :

« Dao bút phải dùng tài đã vẹn(1)
Chỉ thư nấy chép việc càng chuyên.
Vệ nam mãi mãi ra tay thước (2)
Điện bắc đà đã yên phận tiên.

Nguyễn-Trãi đã dùng dao bút để viết các bức chỉ thư, tức là lệnh chỉ của Lê-Lợi mà người đời sau gộp lại dưới cái tên : *Quân trung từ mệnh tập*. Trong việc làm ấy, tức là trong việc dùng văn chương để chiến đấu vì chính nghĩa, tập hợp lực lượng ta, tiến công lực lượng giặc, ông đã chuyên cần « ra tay thước » tức là trổ hết tài năng của mình. Sự nghiệp chiến đấu để « Vệ Nam » tức là bảo vệ « Nam quốc sơn hà » ấy đã đưa tới chỗ « điện Bắc » tức là dẹp yên giặc Bắc và do đó có thể xây dựng được cuộc sống an cư lạc nghiệp, thần tiên ở nước ta.

Trước Nguyễn-Trãi, nhiều nhà văn hóa, văn học đã sử dụng văn chương trong cuộc chiến đấu vì nước, vì dân. Từ bài thơ « Nam quốc sơn hà » của Lý-Thường-Kiệt mà tác dụng cổ vũ binh sĩ đã góp phần vào chiến thắng trên sông Như-nguyệt đến bài sớ « Thất trảm » của Chu-An mà « nghĩa động cân khôn » (3) khiến « kẻ đớn hèn cũng tự lập được » (4), nhiều tác giả tiền bối của Nguyễn-Trãi chắc chắn đã có ý thức về sức mạnh của văn chương. Nhưng có lẽ chỉ đến Nguyễn-Trãi thì ý thức ấy mới được phát biểu lên một cách rành mạch như thế. Có thể nói Nguyễn-Trãi là người đầu tiên để lại những lời có tính chất tuyên ngôn văn học hào hùng và sâu sắc, những lời tuyên ngôn phù hợp nhất với những yêu cầu của dân tộc, của nhân dân đối với văn học. Từ thế kỷ XV trở đi, truyền thống mà Nguyễn-Trãi xác định một cách rõ nét đã được kế thừa và phát huy : ngòi bút trước hết phải là một vũ khí vì Tổ quốc, vì dân tộc, vì nhân dân.

Nguyễn-Trãi, trong toàn bộ tác phẩm của mình, luôn luôn có ý thức chăm lo quyền lợi của nhân dân, tuy rằng trong thời Nguyễn-Trãi người ta chưa dùng đến danh từ nhân dân. Manh lệ, xích tử, lê dân, thương sinh, sinh linh... những danh từ này đã trở đi trở lại nhiều lần trong các tác phẩm của ông. Còn danh từ « dân » thì đã xuất hiện 155 lần dưới ngòi bút Nguyễn-Trãi.

Mở đầu bài *Bình Ngô đại cáo* nổi tiếng, Nguyễn-Trãi viết :

« Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo ».

Yên dân, đó là điều Nguyễn-Trãi luôn luôn tâm niệm. Trong rất nhiều tác phẩm, ông đã thể hiện nỗi thao thức vì dân. Trong bài thơ chữ Hán *Mạn hứng*, ông viết :

« Nhà nhỏ, nương thân có thể qua tuổi già,
Lúc nào cũng nghĩ đến dân, riêng mình ta lo trước (5)

Trong bài thơ chữ Hán *Quan duyệt thủy trận*, ông viết :

« Lòng vua muốn cho dân được nghỉ ngơi,
Việc văn trị xét đến cùng là để đưa đến cảnh thái bình ».

---

(1) Đao bút : cây bút làm bằng dao. Ngày xưa, người ta dùng dao khắc chữ vào tre, gỗ, vì chưa có giấy bút. Thời Nguyễn-Trãi, đã có giấy bút, nhưng ông vẫn dùng danh từ dao bút.

(2) Ra tay thước : thợ mộc dùng thước để đo đạc, đó là thước thợ. Ra tay thước là ra tay thợ khéo, trổ hết tài năng.

(3) Lời của sử gia Lê-Tung khen *Thất trảm sớ* (Việt giám thông khảo tổng luận).

(4) Lời của sử gia Ngô-Sĩ-Liên khen *Thất trảm sớ* (Đại Việt sử ký toàn thư).

(5) Về tất cả những câu thơ chữ Hán nói ở trong bài, xin phép chỉ dẫn lời dịch — Đ.G K.

Digitized by Google

Nỗi niềm yêu thương nhân dân như vậy lại được thể hiện trong quan điểm văn nghệ của ông. Theo Nguyễn-Trãi thì văn nghệ phải gắn bó mật thiết với cuộc sống của quảng đại quần chúng. Nhân trình bày với vua Lê-Thái-Tông quan niệm của mình về một nền âm nhạc chân chính, ông đã phát biểu như sau : « Thời loạn thì dụng võ, thời bình thì dụng văn Ngày nay, định ra lễ nhạc chính là phải thời lắm. Song không có gốc không thể đứng vững, không có văn không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăm nuôi muôn dân, khiến cho chốn thôn cùng xóm vắng, không có một tiếng hờn giận, oán sầu, đó tức là giữ được cái gốc của nhạc vậy » (6). Nguyễn-Trãi đã nhân việc bàn về âm nhạc mà nhắc nhở nhà vua phải thi hành chính sách thân dân, huệ dân. Nhưng qua những lời nói trên đây lại có thể thấy quan điểm của ông đối với văn nghệ. Giữa *gốc*, tức nội dung cơ bản của văn nghệ và *văn*, tức hình thức diễn đạt của văn nghệ có mối quan hệ mật thiết, trong đó nội dung quyết định hình thức. Xây dựng âm nhạc không phải chủ yếu và trước hết quan tâm đến văn, tức là đến hình thức, đến kỹ thuật, kỹ xảo về âm thanh. Xây dựng âm nhạc thì chủ yếu và trước hết là phải quan tâm đến gốc, đến nội dung, đến hòa bình, tức là đến sự hài hòa của tâm hồn, của cuộc sống.

Văn nghệ có gốc ở cuộc sống, trước hết là cuộc sống của dân chúng. Theo Nguyễn-Trãi, phải chăm lo cái gốc thì cái văn mới tươi đẹp được. Muốn cho văn nghệ có thể phát triển, có thể nở hoa, kết quả thì phải chăm lo đến cuộc sống của quảng đại quần chúng.

Và nhà văn hóa văn nghệ trước hết phải biết hành động vì cuộc sống, vì nhân dân, vì con người. Chỉ có trong quá trình hành động ấy mới có thể sáng tạo ra những tác phẩm hay. Và những tác phẩm hay phải phản ánh được nhân sinh, phải phục vụ nhân sinh.

★

Suốt đời thao thức vì dân, Nguyễn-Trãi muốn qua thơ văn nói lên cái chí của mình.

Cái chí vì dân của ông rất lớn. Đó là :

« Quốc phú binh cường chăng có chước
Bằng tôi nào thuở ích chung dân ? » (7)

Tấm lòng vì dân của ông rất tha thiết. Đó là :

Bui một tấc lòng ưu ái cũ,
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông (8).

Cái chí ấy, tấm lòng ấy không những thể hiện qua những tác phẩm về những việc lớn của quốc gia, của dân tộc mà còn thể hiện trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống. Có khi ông làm thơ văn để ghi lại tình cảm đối với quê hương. Trong bài thơ chữ Nôm *Về Côn-sơn ngẫu tác ngày Trùng cửu* (9), ông viết :

Trùng dương mấy phát (10) khách thiên nha (11)
Kịp phen này được đỗ nhà (12)
Túi đã không tiền khôn chác (13) rượu
Vườn tuy có cúc chửa đàm hoa.
Phong sương đã bén biên thi khách (14)

---

(6) Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 11, tờ 35a, tờ 35b và *Việt sử thông giám cương mục*, q. 17, tờ 3a.

(7) Trần tình, bài 1 thơ Nôm.

(8) Thuật hứng, bài 5, thơ Nôm.

(9) Trùng cửu : mồng 9 tháng 4.

(10) Mấy phát : mấy độ.

(11) Khách thiên nha : người ở góc trời, ý nói tác giả phiêu bạt nơi góc biển chân trời.

(12) Đỗ nhà : dừng lại ở nhà, quê nhà.

(13) Chác : đổi lấy.

(14) Biên : là mái tóc. Gió sương đã bén mái tóc, ý nói đã đốm bạc vì gội gió sương.

Digitized by Google

Tang tử (15) còn thương tích cố gia (16)
Ngày khác hay đâu còn việc khác,
Tiết lành mựa nỡ (17) để cho qua.

Tác giả hình như hối hả ghi lại những tình cảm sâu sắc về quê hương vì sợ rằng lúc khác không còn hoàn cảnh ghi lại nữa.

Có khi ông làm thơ là để nói lên niềm nhớ thương cha mẹ. Trong bài thơ chữ Hán *Đề tranh «Trông mây trắng nhớ cha mẹ» của Hà hiệu úy*, ông viết:

Quê hương từ cách tuổi càng cao;
Cha mẹ ai mà chẳng mến yêu.
Dặm khách trông mây tình dễ thiết,
Việc rồi giở sách dạ thường đau.
Tử phần thương nhớ khôn khuây được,
Trung hiếu xưa nay há khác nhau.
Đưa tặng người ta thêm tự cảm,
Thơ xong ta cũng lệ chan bào...

Có khi là một niềm yêu đời và thiết tha với hạnh phúc của tuổi xuân. Trong bài thơ nôm *Tiếc cảnh* (số 2) ông viết:

Dịp trúc còn khoe tiết cứng; (18)
Rày liễu đã rủ tơ mềm (19)
Lầu hồng có khách cầm xuân ở (20)
Cầm ngọc tay ai dắng dõi thêm (21).

Tóm lại, cuộc sống muôn hình, muôn vẻ luôn luôn là sức gợi cảm, là sự kích thích đối với nghệ sĩ. Nguyễn-Trãi cho rằng nhà văn nhà thơ có thể luôn luôn tìm thấy đề tài và cảm hứng trong cuộc sống. Trong bài thơ Nôm *Tự thán* (số 5) ông viết:

Qua đời cảnh chép câu đôi cảnh
Nhân một ngày nên quyển một ngày.

Như vậy, cảnh nào trên đời cũng có thể là đối tượng miêu tả của nhà thơ. Cảnh đó có thể là cảnh đời, mà cũng có thể là cảnh thiên nhiên. Trong bài thơ Nôm *Bảo kính cảnh giới* (số 26) ông viết:

Nước biếc non xanh thuyền gối bãi,
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu.
Chén châm rượu đục ngày ngày cạn
Túi quẩy thơ nhàn chốn chốn thâu.

Như thế là nhà thơ có thể thâu lượm mọi cảnh đẹp của thiên nhiên ở khắp nơi, khắp chốn vào túi thơ của mình. Trong bài thơ chữ Hán *Đề chùa Hoa-yên núi Yên-tử*, cảm xúc hào hùng của ông đã được biểu lộ như sau:

«Vũ trụ mắt đưa ngoài biển cả.
Nói cười người ở giữa mây xanh».

Nhà thơ đã hòa với biển cả mây xanh, với cảm xúc hào hùng, với tầm nhìn cao cả. Với nét bút hoành tráng, Nguyễn-Trãi đã miêu tả một cách độc đáo thiên nhiên của Tổ quốc. Hơn nữa, ông thường gắn thiên nhiên của Tổ quốc với lịch sử của dân tộc. Trong bài thơ chữ Hán *Bạch đằng hải khẩu*, ông viết:

Gió bấc thổi trên mặt nước, hơi biển rùng rợn,
Nhẹ kéo buồm thơ đề qua cửa Bạch-đằng.
Như cá sấu bị chặt, cá voi bị mổ, núi đứt khúc lại khúc,
Như mũi qua chìm, cây kích gãy, bờ chồng tầng lại tầng.

Sông Bạch-đằng kỳ vĩ, nhưng chiến tích của ông cha trên sông ấy lại kỳ vĩ hơn. Địa linh, nhân kiệt, quan niệm ấy thấm đọng vào lời thơ Nguyễn-Trãi.

Ngòi bút của Nguyễn-Trãi hào hùng như vậy, nhưng lại có thể rất hào hoa như trong bài thơ chữ Hán *Vân đồn*:

---

(15) Tang tử: cây dâu và cây thi. Điểm này dùng để chỉ quê nhà.

(16) Tích cố gia: vết tích của nhà cố gia (cố gia là nhà cũ, cũng có nghĩa là nhà đã nhiều đời thi đỗ và làm quan).

(17) Mựa nỡ: chớ nỡ, chẳng nên.

(18) Khi cây trúc còn phải chứng tỏ sức chịu đựng cứng cỏi của nó thì đó là mùa đông.

(19) Khi liễu đã rủ tơ mềm tức là vào cuối mùa xuân.

(20) Khách cầm xuân là người muốn giữ mùa xuân lại, ý nói là người thiếu nữ muốn trẻ mãi.

(21) Cầm ngọc là cây đàn ngọc.

Digitized by Google

« Một mặt phẳng sắc lam sắc biếc
(như) tấm gương trong suốt,
Muôn vòm màu đen màu xanh (như)
những búi tóc óng ả trễ xuống ».

Vì nhạy cảm trước thiên nhiên, nhạy cảm đối với nhân sinh mà nhà văn nghệ chân chính có thể có được cái nhìn sâu sắc và tầm nhìn cao rộng hơn là người đời. Chịu sự tác động của ngoại cảnh, nhà văn nghệ phản ánh ngoại cảnh và có thể tác động trở lại ngoại cảnh. Trong bài thơ Nôm *Mạn thuật* (số 13), ông viết :

« Khách đến, vườn còn hoa lác
Thơ nên, cửa thẫy nguyệt vào ».

Bài thơ vừa làm xong thì thấy mặt trăng bước vào nhà. Thế là thơ đã gọi trăng vào ! Tất nhiên, đây chỉ là dựa theo trí tưởng tượng của tác giả mà thôi vì văn nghệ không thể trực tiếp tác động vào thiên nhiên được. Nhưng trái lại, văn nghệ có thể tác động trực tiếp vào con người, vào xã hội, trước hết là vào công chúng của văn nghệ. Nhờ tác phẩm văn nghệ, cảm hứng của công chúng có thể vươn lên cao hơn, nhận thức của công chúng có thể mở rộng thêm.

Nguyễn-Trãi trước hết đã hiểu thế nào là sức mạnh của những tác phẩm văn học chính luận. Ông đã dùng các áng hùng văn để đánh vào hàng ngũ giặc. Ngòi bút của ông đã là một vũ khí sắc bén để « tâm công », tức là thực hiện một chủ trương lớn của nghĩa quân Lam-sơn. Ngoài các tác phẩm chính luận thì các tác phẩm thơ văn khác của Nguyễn-Trãi cũng ảnh hưởng tốt đến người đọc. Tất nhiên Nguyễn-Trãi cũng hiểu rất rõ về tác dụng của tác phẩm văn nghệ nói chung đối với công chúng.

Nguyễn-Trãi đã từng phát biểu ý kiến về tác dụng ấy. Ông viết :

« Ngư ca tam xướng yên hồ khoát,
Mục địch nhất thanh thiên nguyệt cao »

(*Chu trung ngâu thành*, bài 2).

Dịch nghĩa : Ông chài hát lên ba lần thì mặt hồ phủ khói lại mở rộng thêm ra ; chú chăn trâu thổi lên một tiếng sáo thì mặt trăng trong bầu trời được đẩy lên cao hơn.

Hồ rộng thêm vì làn dân ca tỏa ra trên mặt nước, lan dần ra mạn mác, vô biên. Trăng vọt lên cao hơn vì tiếng sáo vút thẳng trong bầu trời, không biết dừng lại ở đâu. Tả lời hát, tả tiếng sáo, đồng thời tả cảm giác của người ta khi nghe ca, nghe nhạc ; ý tứ thật là hàm súc, sâu xa. Không gian rộng thêm ra, cao thêm lên mà chính cũng là tâm hồn con người mở rộng ra, lớn thêm lên. Văn nghệ có thể và phải nâng con người lên một tầm vóc cao đẹp hơn là như thế.

Nói về thơ, Nguyễn-Trãi cũng có ý tương tự :

Khách lạ đến ngàn, hoa chửa rụng,
Câu thần ngâm dạ, nguyệt càng cao.
(Thơ Nôm : *Thuật hứng*, bài 7)

Thơ hay thì phải làm cho người ta nhìn hiện thực ở một tầm cao hơn mức bình thường. Đó là quan niệm rất chính xác và rất sâu sắc về tác dụng có thể có của văn nghệ đối với quần chúng.

Là một tác giả lớn, Nguyễn-Trãi đã thể nghiệm qua thực tiễn chiến đấu sôi động và thực tiễn sáng tác phong phú của mình ý nghĩa và tác dụng của văn nghệ đối với đời sống của dân tộc, của nhân dân, đối với tâm hồn của con người. Và điều rất đáng quý là ông đã phát biểu lên quan điểm và ý kiến của mình về những vấn đề ấy.

Những quan điểm và ý kiến đó của Nguyễn-Trãi là những đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận văn nghệ của dân tộc ta. Những quan điểm và ý kiến của Nguyễn-Trãi tất nhiên không thể tách rời những điều kiện xã hội và văn hóa của thế kỷ XV. Nhưng khi ông nhấn mạnh rằng cái

Digitized by Google

gốc của văn nghệ là đời sống của dân tộc, của nhân dân, và khi ông đề ra yêu cầu đối với nhà văn nghệ là phải dốc hết tài trí và tinh lực vào lao động sáng tác thì những quan điểm và ý kiến của ông vẫn có ý nghĩa hiện đại nóng hổi đối với chúng ta ngày nay.

Một tác giả lớn đầu thế kỷ XV là Nguyễn-Mộng-Tuân, trong bài thơ *Tặng gián nghị đại phu Nguyễn công* đã ca ngợi Nguyễn-Trãi là một người « kinh bang hoa quốc cổ vô tiền » (lo liệu việc nước và làm đẹp cho nước xưa kia chưa từng có ai như thế). Lo liệu việc nước và làm đẹp cho nước, trước thế kỷ XV chưa có ai bằng Nguyễn-Trãi chăng? Điều này có thể còn cần phải bàn luận. Nhưng chắc rằng trước Nguyễn-Trãi, đã có nhiều người cùng lo liệu việc nước và làm đẹp cho nước.

Làm đẹp cho nước thì có nhiều cách, trong đó có việc sáng tác văn nghệ. Trước Nguyễn-Trãi, các nghệ nhân dân gian, nghệ sĩ và nhà văn đã làm đẹp cho nước. Nhưng có lẽ ít người đã làm như Nguyễn-Trãi tức là vừa sáng tác, vừa phát biểu những quan điểm cơ bản có ý nghĩa thực tiễn và ý nghĩa lý luận về các vấn đề văn nghệ.

Và Nguyễn-Trãi không những có thể được coi là người tiêu biểu cho bước phát triển lớn của văn học thế kỷ XV mà còn cần được coi như nhà lý luận văn nghệ kiệt xuất của dân tộc.

Tìm hiểu nghệ thuật...

(Tiếp theo trang 25)

đội và lực lượng tự vệ, đặt các lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và về mọi mặt của Đảng, kịp thời giải quyết những vấn đề cấp bách nhất trong đời sống nhân dân như chống giặc đói, chống giặc dốt; có chính sách đối nội, đối ngoại đúng đắn, có sách lược đúng đối với các loại kẻ thù, thấy được kẻ thù chủ yếu trước mắt để tập trung lực lượng đánh chúng.

Mặc dù vận mệnh Tổ quốc lúc bấy giờ như ngàn cân treo sợi tóc, nhưng nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng do Hồ Chủ tịch đứng đầu, con thuyền cách mạng Việt-nam đã vượt qua mọi thác ghềnh để tiến lên phía trước.

Đảng ta với phương pháp cách mạng...

(Tiếp theo trang 31)

Lịch sử cách mạng nước ta mấy thế kỷ qua cũng chứng minh rằng phương pháp cách mạng của cách mạng Việt-nam luôn luôn thấu suốt *tư tưởng chiến lược tiến công*. Tư tưởng chiến lược đó phản ánh bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, giai cấp dám « tiến công lên tới tận trời » như Mác nói; đồng thời cũng phản ánh tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt-nam, một dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm rất oanh liệt.

Trong tất cả các thời kỳ và các giai đoạn cách mạng, với đường lối chiến lược đúng đắn, với phương pháp cách mạng khoa học, sáng tạo, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm cho dân tộc ta xứng đáng được đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong đấu tranh cho những lý tưởng cao đẹp của loài người, góp phần tích cực thúc đẩy tiến trình cách mạng thế giới.

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ-CHÍ-MINH
NHÀ TƯ TƯỞNG, NHÀ LÝ LUẬN
(Điểm qua dư luận các nước)

NGUYỄN-TRÌNH

CHỦ tịch Hồ-Chí-Minh, nhà yêu nước vĩ đại nhất của dân tộc Việt-nam, đã tiếp thụ đúng đắn, vận dụng và phát triển rất sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong những điều kiện lịch sử mới. Người là một nhà tư tưởng lớn, có những cống hiến lý luận rất lớn cho kho tàng tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nhà tư tưởng chân chính, như Các Mác đã viết : « ... là con đẻ của thời đại họ, của nhân dân nước họ, và những tinh hoa tốt đẹp nhất, quý báu nhất và khó trông thấy nhất của thời đại và của nhân dân nước họ đều được thể hiện trong những tư tưởng triết học » (1). Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã tiếp thụ những tinh hoa của nhân dân và của thời đại, thể hiện và phát triển những tư tưởng cách mạng của thời đại — giải phóng dân tộc kết hợp chặt chẽ với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội.

Nghiên cứu và tìm hiểu về Chủ tịch Hồ-Chí-Minh với tính cách là một nhà tư tưởng, một nhà lý luận, cần phải có một quan niệm, một thái độ đúng đắn. Ai nấy đều biết rằng, tư tưởng và lý luận cách mạng trước hết là sự phản ánh đúng đắn quy luật phát triển của lịch sử, là sự tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng : nó được thể hiện trong đường lối chiến lược và sách lược cách mạng, được vận dụng để xác định các động lực cách mạng chủ yếu, tập hợp, xây dựng, củng cố và không ngừng phát triển các lực lượng cách mạng, v.v. nhằm đưa cách mạng đi tới thành công nhanh nhất. Nếu tư tưởng và lý luận cách mạng được hiểu theo nghĩa như vậy, thì tất cả những vấn đề mà Hồ Chủ tịch nêu lên và giải quyết trong cách mạng Việt-nam nửa thế kỷ qua, đã được thực tiễn lịch sử của cách mạng Việt-nam chứng minh là đúng đắn và sáng tạo về tư tưởng và lý luận.

Hồ Chủ tịch có phong cách diễn đạt tư tưởng và lý luận rất đặc biệt. Người không viết những tác phẩm « lớn » với cái nghĩa là những cuốn sách dày, gồm hàng trăm, hàng nghìn trang giấy. Những cuốn sách, những bài viết, hoặc bài nói của Người bao giờ cũng ngắn gọn, nhưng hết sức cô đọng, sâu sắc, nêu lên bản chất của vấn đề. Cách nói và viết của Hồ Chủ tịch thể hiện rõ nét sự thông hiểu rất sâu sắc tâm lý xã hội, trình độ kiến thức, khả năng tiếp nhận... của đông đảo người nghe và đọc. Về mặt này, nhiều báo chí và những nhà nghiên cứu nước ngoài đã có những nhận xét rất đúng. Báo *Dân tộc Hung-ga-ri viết :*

(1) C. *Mác và F. Ăng-ghen : Về văn học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1958, tr. 21—22.

Digitized by Google

« ... Đồng chí Hồ-Chí-Minh không bao giờ đơn giản hóa những điều phức tạp, nhưng trong dòng máu của Người đã mang một đặc tính là đem tất cả những phần cốt yếu của sự việc nói lên bằng tiếng nói đơn giản của quần chúng... » (2). *Báo An-nái* (An-giê-ri) ngày 5-9-1969 cũng đã viết : « *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* », một câu ngắn gọn và thoạt nghe qua có vẻ bình thường. Nhưng... câu này hợp với văn phong của người đã đề ra nó. Một con người biết nói lên những lời cần nói vào mỗi giai đoạn lịch sử... Những lời nói giản dị, đúng mức, không văn hoa nhưng khắc sâu vào trái tim và khối óc của từng người »(3).

Sin-gô Si-ba-ta, nhà triết học và xã hội học Nhật-bản đã có nhận xét sau đây : « Đọc tất cả những tác phẩm của Hồ-Chí-Minh, ta không thấy ở đó sự phát triển những hệ thống lý luận có tính chất học thuật, mà phần nhiều là những câu văn bình dị, ngắn gọn. Nhưng như đã chỉ rõ, ở đó bao hàm những viên ngọc quý giá về lý luận... » (4).

Đồng chí Vin-li Xan-báo, một nhà hoạt động xã hội ở Cộng hòa dân chủ Đức, đã viết : « Qua những lời dạy của Người, tôi thấy các chân lý lớn của thời đại được diễn đạt trong những lời giản dị và hàm súc » (5).

Thật vậy, có những vấn đề lý luận rất lớn, nhưng với trình độ uyên bác, với tài năng diễn đạt của Hồ Chủ tịch, Người đã trình bày một cách rất giản dị, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, nhưng hết sức súc tích, sâu sắc, trong đó là cả một hệ thống lý luận của vấn đề. Chẳng hạn như, năm 1924, khi xem xét về chủ nghĩa thực dân, Người đã khái quát nó một cách rất sinh động, dễ hiểu, nhưng lại đúng với bản chất của nó bằng một câu ngắn gọn : « Chủ nghĩa thực dân như là con đỉa hai vòi, một vòi hút máu của vô sản ở chính nước nó, còn vòi kia thì hút máu của nhân dân ở các nước thuộc địa ». Để diễn đạt một cách rõ rệt hơn nữa, trong bài « *Đông-dương và Thái-bình-dương* » cũng công bố năm 1921, Người lại viết : « Ngày nay chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng ».

Nói về việc chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc đã phát triển đến « trình độ hoàn bị gần như khoa học » ấy, đồng thời cũng nói lên chiến lược cơ bản của giai cấp công nhân quốc tế trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cũng là điều then chốt nhất của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong điều kiện lịch sử mới, Người chỉ viết ngắn gọn : « Nếu người ta muốn giết con vật đó, thì người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống, và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra ».

Hoặc như khi nói về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong điều kiện rất mới của Việt-nam — đấu tranh chống những kẻ thù hung bạo nhất trong điều kiện so sánh lực lượng vật chất hết sức chênh lệch, Người cũng chỉ nói một câu đơn giản tựa như một khẩu hiệu : « Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ». Với câu nói ấy, Người, một mặt nêu lên nội dung của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, xác định mục tiêu phải đạt tới :

---

(2), (3) *Một giờ với đồng chí Hồ-Chí-Minh*, Nxb Thanh niên, Hà-nội 1975, tr. 48 và 15.

(4) S. Si-ba-ta : *Hồ-Chí-Minh, nhà tư tưởng*, trong cuốn « Setonemu to shiso no mondai », Tokyo, « Aoki Shoten », 1972, tr. 271.

(5) Bản tin Việt-nam thông tấn xã, ngày 29-8-1973.

Digitized by Google

mặt khác, chỉ ra những điều kiện cơ bản nhất để đạt tới mục tiêu. Ở đây Hồ Chủ tịch sử dụng ngôn ngữ phổ thông, quen thuộc, nhưng đã đưa vào đó một hàm nghĩa cách mạng mới...

Những vấn đề tư tưởng và lý luận của Hồ Chủ tịch đã được Người chú ý vận dụng trong thực tiễn. « Lý luận đi đôi với thực tiễn ». Đó là điều luôn luôn nhất quán ở Người. Điều này cũng đã được nhiều báo chí và nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài nói đến. I. Lép-sen-cô (Liên-xô) viết : « Người là một nhà lê-nin-nít trong tư duy, tư tưởng, trong công tác thực tế và đấu tranh » (6). Xu-dan Xôn-tắc sau khi đến Việt-nam nghiên cứu thực tế đã viết : « Người Việt-nam coi Chủ tịch Hồ-Chí-Minh không chỉ là một nhà tư tưởng mà còn là một con người hành động, những lời nói của Người là để áp dụng » (7). Tờ tuần báo *Thế kỷ ở Ấn-độ*, sau khi xem xét toàn bộ ảnh hưởng của tư tưởng lý luận và cuộc đời hoạt động của Người đối với cách mạng ở Đông-dương và toàn bộ thế giới, đã viết : « Trong cuộc đấu tranh của nhân dân Đông-dương, xét về tầm quan trọng đối với trong nước và trên trường quốc tế, vai trò của cụ Hồ-Chí-Minh đã có một ảnh hưởng và một sức mạnh vĩ đại... Người là một người xã hội chủ nghĩa, một nhà lý luận, một vị lãnh tụ tối cao của dân tộc. Nhưng đồng thời, Người quả là một nhà thực tiễn kiệt xuất... » (8).

Như vậy, khi nghiên cứu những cống hiến về tư tưởng và lý luận của Hồ Chủ tịch, cần phải thấy rõ « Lý luận đi đôi với thực tiễn ». Người đã giải quyết nhiều vấn đề lớn theo đúng quan niệm của Mác : « Đời sống xã hội căn bản là có *tính chất thực tiễn*. Tất cả những sự bí mật đang đánh lạc hướng lý luận về phía chủ nghĩa thần bí đều tìm thấy sự giải quyết hợp lý của chúng trong thực tiễn của con người và trong sự nhận thức về thực tiễn đó » (9).

Những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học là những nhà lý luận vĩ đại, nhưng các vị bao giờ cũng quan tâm trước hết đến thực tiễn. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lý luận chỉ đạo thực tiễn, nhưng thực tiễn lại là thước đo của lý luận, là cái kiểm nghiệm tính chính xác của lý luận. Hồ Chủ tịch « *bao giờ cũng khái quát lý luận từ trong thực tiễn, giải quyết và chứng minh lý luận trong thực tiễn*. Do đó, *Người không chỉ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mà còn phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách thiết thực* » (10).

Hồ Chủ tịch luôn luôn kết hợp lý luận với thực tiễn và dùng thực tiễn phong phú để chứng minh tư tưởng và lý luận của Người. Tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp, tính cách, cá tính, phẩm chất... của Người luôn luôn kết hợp rất biện chứng, rất sinh động, rất hữu cơ với nhau. Chính vì thế tư tưởng và lý luận của Hồ Chủ tịch đã và đang biến thành sức mạnh của quần chúng.

Ngày nay, nhiều nhà nghiên cứu ở trong nước cũng như ở nước ngoài đều thừa nhận những cống hiến lớn lao của Hồ Chủ tịch đối với kho tàng tư tưởng và lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Việc hệ thống hóa những vấn đề tư tưởng và lý luận mà Người đã cống hiến là rất cần thiết và đó phải là công việc của nhiều người và nhiều ngành khoa học cùng làm. Hiện

---

(6) Bản tin Việt-nam thông tấn xã ngày 17-10-1969.

(7) Báo Phụ nữ Việt-nam số 305, ngày 13-2-1973.

(8) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 20.

(9) *F. Ăng-ghen : L. Phơ-bách và sự cáo chung của nền triết học cổ điển Đức*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1955, tr. 67.

(10) Phạm-Văn-Đồng : *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 23.

Digitized by Google

nay có một số vấn đề đã được nhiều người nêu lên.

Một là, như đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã nói, Hồ Chủ tịch « hiểu rõ một cách thiên tài rằng trong điều kiện của các nước thuộc địa và phụ thuộc, cần phải kết hợp đấu tranh giải phóng dân tộc với đấu tranh giải phóng xã hội » (11). Hồ Chủ tịch viết: « *Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản* » (12).

Đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô còn nói: « Đồng chí Hồ-Chí-Minh đã tìm ra con đường là kết hợp giữa những tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điểm then chốt trong học thuyết của người » (13). « Đó là một cống hiến khác thường của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vào tư tưởng cách mạng thế giới » (14). Giăng Ca-na-pa, một nhà nghiên cứu mác-xít của Đảng cộng sản Pháp đã viết: « Không thể hiểu được các sự kiện của ba mươi năm qua nếu không xuất phát từ sự kiện chủ yếu là, ở Việt-nam, đấu tranh vì độc lập dân tộc và đấu tranh vì giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau... sự nghiệp của những người yêu nước Việt-nam đã chứng minh hai luồng tư tưởng của thời đại chúng ta đã hòa lẫn vào nhau: cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân cùng các đồng minh của nó vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức vì độc lập dân tộc. *Hình ảnh cao lồng lộng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là hiện thân của tính chất kép đó* » (15), (tôi nhấn mạnh — N.T). Tô-mát Hốt-kin, nhà sử học Anh cho rằng, nếu nghiên cứu kỹ việc thành lập *Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* và cuốn *Đường cách mệnh*, người ta « thấy nổi bật một tư tưởng cho rằng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt-nam phải được kết hợp chặt chẽ với giải phóng xã hội và giai cấp » (16)

Hai là: Hồ Chủ tịch đã phát triển hơn nữa lý luận của V.I. Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là mối quan hệ giữa chủ nghĩa đế quốc và thuộc địa, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn mới của lịch sử. T. Hốt-kin đã viết: « Trên thế giới này... không ai có được kinh nghiệm phong phú và nhiều vẻ về chủ nghĩa đế quốc, về những phương pháp áp bức bóc lột của nó và cách làm suy thoái nó như người Việt-nam. Lịch sử buộc họ phải trở thành những người hiểu biết nhất... » (17). « Nhận thức của người Việt-nam về các vấn đề của chủ nghĩa đế quốc đã được thể hiện một cách hết sức vững vàng trên cơ sở của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đồng thời họ cũng có những đóng góp có trọng lượng đặc biệt về một số điểm. Từ những năm 20, cụ Hồ-Chí-Minh (Nguyễn-Ái-Quốc) đã nhấn mạnh về vai trò của chủ nghĩa chủng tộc trong hệ tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc. Người còn nêu ra quan điểm một chủ nghĩa thực dân chuyên cho vay nặng lãi và ốm yếu » (18). Si-ba-ta cho rằng, trong nhiều tác phẩm của mình, Hồ Chủ tịch đã « làm sâu sắc hơn, phát triển hơn nữa lý luận của chủ nghĩa Lê-nin trong lĩnh vực dân

---

(11) Phi-đen Ca-xtơ-rô: Diễn văn hoan nghênh Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do đồng chí Phạm-Văn-Đồng dẫn đầu sang thăm Cu-ba ngày 27-3-1974.

(12) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 705.

(13) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 76.

(14) Phi-đen Ca-xtơ-rô: Bài đã dẫn.

(15) Giăng Ca-na-pa: Tầm vóc chiến thắng của các dân tộc Đông-dương *Tạp chí về chủ nghĩa cộng sản*, Pa-ri, 1975, số 6, tr. 6 — 12.

(16), (17) T. Hốt-kin: « *Cách mạng Việt-nam và một vài bài học* » Tạp chí « Race and class », Luân-đôn, 1975, tr. XVI, s. 3 trang 223 — 249 và trang 243.

(18) Sách đã dẫn trang 244.

Digitized by Google

tộc và thuộc địa. Một đặc trưng của nó là, với Hồ-Chí-Minh, việc lên án sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân được phát triển tới một giai đoạn mới, trở nên đặc biệt cụ thể hơn so với những tài liệu lên án chủ nghĩa thực dân trước đó » (19). Si-ba-ta nhận xét rằng luận văn *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là một tác phẩm đã nêu lên một cách sinh động và cụ thể chế độ thống trị, bóc lột và đàn áp của chủ nghĩa thực dân Pháp. Ông viết : « Ở vào thời đó có rất ít nhà mác-xít sinh ra ở thuộc địa, bản thân thể nghiệm cuộc sống ở thuộc địa, không chỉ ở Việt-nam mà còn ở nhiều thuộc địa khác nữa... Hồ-Chí-Minh là một trong số rất ít người mác-xít có kinh nghiệm ấy. Điều đó đã tạo cho Người khả năng cụ thể hóa hơn nữa lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa » (20).

Sau khi nêu lên những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa thực dân Pháp, những nét đồng nhất và khác biệt của chế độ thực dân thực hiện trong các thuộc địa đã được Chủ tịch Hồ-Chí-Minh nêu lên trong tác phẩm của Người, tác giả nhận xét rằng, « Người (Hồ Chủ tịch — N.T) không dừng lại ở những lý luận chung về thuộc địa và phụ thuộc, mà làm cho chúng sâu sắc hơn một cách cụ thể, nắm đồng thời tính phổ biến và tính đặc thù của chúng... Những đặc trưng về phương pháp tư tưởng của Hồ-Chí-Minh là Người luôn luôn vận dụng phương pháp tư duy biện chứng, nắm một cách chính xác tính đặc thù đồng thời với tính phổ biến » (21).

Si-ba-ta đã nêu bật công lao của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh trong việc « cụ thể hóa hơn nữa mệnh đề của Lê-nin về sự cần thiết phải đoàn kết nhân dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc với nhân dân ở các nước đế quốc chủ nghĩa » (22). Sau khi nêu bật nhiều luận điểm quan trọng của Hồ Chủ tịch về vấn đề này, tác giả viết : « Tôi vẫn hằng nghĩ rằng, sau khi Lê-nin mất, trong phong trào cộng sản quốc tế, hiếm có vị lãnh tụ nào được như Hồ-Chí-Minh, một người có kinh nghiệm về cả cuộc sống của công nhân chính quốc lẫn cuộc sống của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc và không ngừng đấu tranh cho sự đoàn kết của hai khối đó... Quả là đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn của Hồ-Chí-Minh trong lĩnh vực này rất đáng được chú ý » (23). Ri-sớt U-oác-dơ, một người Mỹ, viết trên báo *Người bảo vệ*, cũng nhận xét : « Cụ Hồ-Chí-Minh là người cộng sản Việt-nam đầu tiên và cũng là người lãnh đạo đầu tiên của phong trào đấu tranh giành độc lập cho Việt-nam ; hoạt động của Cụ dựa trên sự phân tích xã hội Việt-nam và mối quan hệ của xã hội đó với chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc thế giới. Trong những năm 20, khi có rất ít người cộng sản hiểu được đúng bản chất của chủ nghĩa đế quốc — sự tàn bạo và chính sách ngu dân cũng như tính chất quốc tế của nó và những lực lượng to lớn mà nó chi phối — thì Cụ Hồ-Chí-Minh đã nhận thức được tầm quan trọng quyết định của sự đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và sự liên minh giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp công nhân ở các nước đế quốc » (24).

Ba là, theo Si-ba-ta, đóng góp quan trọng « về mặt lý luận và tư tưởng của Hồ-Chí-Minh là Người đã đặc biệt làm sâu sắc thêm lý luận về các vấn đề dân chủ, quyền dân tộc tự quyết và quyền dân tộc cơ bản. Về mặt này, chúng ta không thể bỏ qua bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa do chính Hồ-Chí-Minh

(19) S. Si-ba-ta : Sách đã dẫn.

(20), (21), (22), (23) Sách đã dẫn, trang 265, 266, 267 268.

(24) Trích cuốn *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 391.

Digitized by Google

thảo ra và tuyên đọc ngày 2-9-1945». Si-ba-ta cho rằng «Tư tưởng của *Tuyên ngôn độc lập* Việt-nam, và do đó, tư tưởng cách mạng Việt-nam của Hồ-Chí-Minh, là sự kế thừa của tư tưởng cách mạng các thế kỷ trước. Ông viết: «Người còn mở rộng quyền của con người, quyền của cá nhân được xem là nền tảng của quyền làm cách mạng. Đóng góp đáng chú ý của Hồ-Chí-Minh là Người đặ cụ thể hóa, đã phát triển những quyền của con người thành quyền của dân tộc. Do đó tất cả các dân tộc phải có quyền quyết định vận mệnh của mình, và vì thế, tất cả các dân tộc đều có thể và phải sử dụng quan điểm độc lập tự chủ» (25).

Bốn là, tư tưởng và lý luận của Hồ Chủ tịch về các vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp đấu tranh cách mạng đã được thực tiễn 50 năm qua của cách mạng Việt-nam chứng minh là đúng đắn, sáng tạo. Những tư tưởng và lý luận ấy trước hết là: kết hợp phong trào yêu nước ở một nước thuộc địa và phụ thuộc với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân — một lực lượng lãnh đạo tiên tiến nhất của thời đại, xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong điều kiện nó còn nhỏ bé về số lượng; liên minh công nông với tính cách là nền móng của cách mạng và tạo ra tình thế bên trong của cách mạng; xây dựng, củng cố và không ngừng phát triển mặt trận đoàn kết dân tộc; tiến hành chiến tranh nhân dân, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh: chính trị, quân sự, ngoại giao, biến các hình thức đấu tranh ấy thành một sức mạnh tổng hợp; khẳng định rõ ràng «Kách mệnh Việt-nam là một bộ phận của Kách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của Việt-nam» (*Đường kách mệnh*). Từ đó có một đường lối quốc tế đúng đắn và một mặt trận đoàn kết quốc tế chống đế quốc đã hình thành...

Những tư tưởng và lý luận ấy bắt nguồn từ sự phân tích một cách sáng suốt và sâu sắc những điều kiện kinh tế và xã hội của đất nước: thuộc địa, nửa phong kiến; xác định rõ bản chất, xu thế và động lực phát triển của thời đại, vạch rõ tính chất và nội dung của mỗi thời kỳ cách mạng và những hình thức thể hiện của chúng. Đúng như S. Si-ba-ta đã nêu lên: «... Về mặt lý luận, Hồ-Chí-Minh là người đã phát triển lý luận của cách mạng Việt-nam trên cơ sở tính đặc thù của hoàn cảnh Việt-nam» (26).

V.S. Ra-xto-gu-ép (Liên-xô), sau khi nghiên cứu *Tuyển tập Hồ-Chí-Minh*, đã khẳng định sự phát triển sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, trong đó đặc biệt nhấn mạnh kết luận của Hồ Chủ tịch, rằng «cách mạng trong các nước thuộc địa, nửa thuộc địa và phụ thuộc—cách mạng mang tính chất dân chủ nhân dân—muốn giành được thắng lợi, cần phải thành lập mặt trận dân tộc rộng rãi, tập hợp tất cả các tầng lớp xã hội và các giai cấp muốn tự giải phóng khỏi ách thực dân. Nội dung cách mạng ở các nước này phải luôn luôn kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến, nó phải được quần chúng nông dân tham gia đông đảo. Vì vậy, liên minh công nông bao giờ cũng phải là nền tảng vững chắc của mặt trận dân tộc. Trong cuộc cách mạng này giai cấp công nhân phải giữ vai trò lãnh đạo, vai trò tiên phong» (27).

Đồng chí Phạm-Văn-Đồng, trong cuốn «*Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*», sau khi khái quát thiên tài của Hồ Chủ tịch về chiến lược cũng

---

(25), (26) S. Si-ba-ta: Sách đã dẫn, tr. 268, 269.

(27) V.S. Ra-xto-gu-ép: «Hồ-Chí-Minh, Lê-nin, về chủ nghĩa Lê-nin và tình hữu nghị Xô—Việt không gì lay chuyển nổi», Tạp chí *Các dân tộc Á — Phi*, số 5, 1970, tr. 177.

Digitized by Google

như về sách lược cách mạng, đã kết luận: « Tác phẩm của Hồ Chủ tịch từ buổi đầu của cuộc đấu tranh cách mạng của Người cho đến gần đây từng bước đánh dấu sự phát triển và sự đóng góp đó, phản ánh sáng tỏ quá trình đấu tranh cách mạng và những thắng lợi liên tiếp, ngày càng lớn của Đảng ta và nhân dân ta » (28). Đồng chí Võ-Nguyên-Giáp, khi nghiên cứu những tư tưởng chiến lược của Hồ Chủ tịch, đã khẳng định rằng: « Bác Hồ vận dụng tài tình và sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào thực tiễn cách mạng nước ta. Sự chỉ đạo chiến lược và sách lược của Bác vô cùng kiên quyết và linh hoạt, dũng cảm và khôn khéo. Trong những giờ phút thử thách gay go, Hồ Chủ tịch là người cầm lái dạn dày kinh nghiệm. Bác là người của những bước ngoặt vĩ đại của những quyết định lịch sử... Hồ Chủ tịch là nhà chiến lược thiên tài vạch đường cho cách mạng Việt-nam. Bác cũng là nhà chiến lược có cống hiến xuất sắc vào thắng lợi chung của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới » (29).

Năm là, xây dựng chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân trong điều kiện một nước thuộc địa, nửa phong kiến, số lượng giai cấp công nhân ít, nền công nghiệp lạc hậu, dân cư đa số là nông dân, là vấn đề lý luận và thực tiễn rất lớn đã được Hồ Chủ tịch giải quyết hết sức sáng tạo. Đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô coi việc thành lập Đảng cộng sản Việt-nam năm 1930 « là một cống hiến khác thường của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vào tư tưởng cách mạng thế giới ». Đồng chí nói: « Lịch sử đã chứng tỏ Người hoàn toàn đúng. Chỉ có dưới sự lãnh đạo của một đảng mác-xít — lê-nin-nít, chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân thì nhân dân Việt-nam mới có thể đánh bại được hai tên đế quốc: đầu tiên là đế quốc Pháp và sau đó là đế quốc Mỹ... Một dân tộc đoàn kết, có sự lãnh đạo của một đảng mác xít — lê-nin-nít và có lý luận cách mạng là một dân tộc không gì thắng nổi » (30).

S. Si-ba-ta đã đặc biệt đề cao tư tưởng của Hồ Chủ tịch trong việc vận dụng những nguyên tắc dân chủ vào lý luận về Đảng và giáo dục đảng viên. Ông cho rằng, « trong những tác phẩm của Hồ-Chí-Minh, từ những tác phẩm đầu tiên cho đến « *Di chúc* », đều nhất quán nhấn mạnh đến ý nghĩa của vấn đề dân chủ trong Đảng và trong các cơ quan quyền lực của nhân dân ». S. Si-ba-ta rất quan tâm đến tư tưởng của Hồ Chủ tịch về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền: « Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên, cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính chí công vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... » (Di chúc của Hồ Chủ tịch).

S. Si-ba-ta cho rằng, « một đảng cầm quyền mà lơ là với vấn đề này thì luôn luôn có nguy cơ rơi vào chủ nghĩa quan liêu. Không ngừng ngăn ngừa điều này, thường xuyên nhấn mạnh đến việc xây dựng tác phong của đảng viên, quan hệ của Đảng với nhân dân, đó cũng là đóng góp quan trọng của Hồ-Chí-Minh ». « Tôi nghĩ rằng ở đây có rất nhiều điều cần học tập; vấn đề lý luận về chính đảng, về Nhà nước, về đạo đức học mác-xít... » (31).

---

(28) Phạm-Văn-Đồng: Sách đã dẫn, tr. 22—23.

(29) Võ-Nguyên-Giáp: *Hồ Chủ tịch, nhà chiến lược thiên tài, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 11.

(30) Phi-đen Ca-xtơ-rô: « Cống hiến khác thường của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh », Báo *Thống nhất*, số 245, ngày 16-6-1974, tr. 6.

(31) S. Si-ba-ta: Sách đã dẫn, tr. 270.

Digitized by Google

Sáu là, Hồ Chủ tịch xác định con đường tiến lên của nước ta — một nước thuộc địa và nửa phong kiến — là con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó không những là đường lối duy nhất đúng đắn của nước ta, « mà cũng là con đường giải phóng chân chính của biết bao dân tộc bị áp bức hiện đang sống đọa đầy dưới ách thực dân phong kiến » (32). Đây là một cống hiến lớn của Hồ Chủ tịch cho kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

S. Si-ba-ta cho rằng: « một trong những đóng góp vô cùng to lớn của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh và Đảng lao động Việt-nam là đã đề ra lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời với việc tiến hành chiến tranh nhân dân... Thông thường người ta cho rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được xây dựng trong những điều kiện hòa bình. Quan điểm phổ biến trong lý luận mác-xít về xây dựng chủ nghĩa xã hội cho rằng chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc. Nhưng một phần tư thế kỷ đã qua kể từ khi nhân dân Việt-nam buộc phải tiến hành chiến tranh... Phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trong khi còn tiến hành cuộc chiến tranh. Đảng lao động Việt-nam, theo chỗ tôi biết, là đảng mác-xít đầu tiên trên thế giới đề ra lý luận này » (33). Đó cũng là những vấn đề lý luận có tính chất vạch thời đại mà Hồ-Chí-Minh và Đảng lao động Việt-nam đã nêu ra » (34).

Vừa kháng chiến, vừa xây dựng là một đặc điểm rất quan trọng của cách mạng Việt-nam do Hồ Chủ tịch đề xuất. Tư tưởng ấy vừa là yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt-nam, vừa là sự kết hợp biện chứng giữa hai trào lưu tư tưởng của thời đại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. « Chúng ta đã kết hợp thành công hai loại quy luật: quy luật của chiến tranh cách mạng với quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa, do đó đã phát huy được sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa... đồng thời vẫn tiếp tục phát triển công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một số mặt » (35).

Bảy là, Hồ Chủ tịch đã có những cống hiến to lớn về đạo đức học mác-xít. Tư tưởng đạo đức của Người thể hiện sinh động thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng của giai cấp vô sản, nó hình thành trên cơ sở kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thụ và phát triển những giá trị tinh thần của loài người. Tư tưởng đạo đức của Người mang tính chất cách mạng và khoa học.

Hồ Chủ tịch chỉ rõ « Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang » (36). Như vậy, đạo đức cách mạng được Hồ Chủ tịch coi là « nền tảng » của người cách mạng với cái nghĩa hoàn chỉnh: phẩm chất cách mạng và năng lực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng phải được kết hợp hữu cơ với nhau.

Hồ Chủ tịch biết rất rõ con người là sản phẩm của xã hội, và khi Người

---

(32) Võ-Nguyên-Giáp: Sách đã dẫn. tr. 11 — 12.

(33), (34) S. Si-ba-ta: Sách đã dẫn, tr. 270 — 271.

(35) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 33.

(36) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 178.

Digitized by Google

nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa... » (37) là Người muốn nhấn mạnh những yêu cầu đối với con người làm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa: phải giác ngộ về lý tưởng, phải có phẩm chất và năng lực hành động phù hợp với các quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chủ tịch nói: « Cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới... » (38). Trên các khía cạnh triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học cũng như đạo đức học mác-xít, những chữ trên đây mang nhiều ý nghĩa và thể hiện nhiều mối quan hệ; giữa con người với con người, giữa cá nhân với tập thể, xã hội; nghĩa vụ và trách nhiệm của con người đối với nền sản xuất, đối với quốc gia; trách nhiệm của con người đối với việc phát triển lực lượng sản xuất xã hội, hoàn thiện các quan hệ sản xuất xã hội; phát triển cơ sở hạ tầng và củng cố kiến trúc thượng tầng...

Hồ Chủ tịch rất quan tâm phát triển những tư tưởng đạo đức cách mạng. Trong tổng số những tác phẩm của mình, Người dành một tỷ lệ khá lớn nói về đạo đức cách mạng. Những tư tưởng đạo đức của Người là những cống hiến rất lớn đối với đạo đức học mác-xít.

★

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là một nhà tư tưởng lớn. « Tầm vĩ đại tư tưởng của Người, nhãn quan sáng suốt nhìn xa thấy rộng của Người chỉ có thể bắt nguồn từ sự nhận thức sâu sắc về những lực lượng thúc đẩy sự biến đổi có tính chất bùng nổ nhất trong toàn bộ công việc của loài người, qua các thời đại lịch sử (39).

« Người là một nhà cách mạng cộng sản vĩ đại, một nhà lý luận vĩ đại, một nhân vật thật sự vĩ đại » (40).

« Tư tưởng Hồ-Chí-Minh vẫn sống và đang phát triển » (41).

---

(37) Hồ-Chí-Minh: *Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến bộ*. Nxb *Sự thật*, Hà-nội, 1960, tr. 85.

(38) Lê-Quyết-Thắng: *Cần, kiệm, liêm, chính*, Phân đoàn lao động nhà in Hồng-lĩnh, Hà-tĩnh xuất bản, 1949, tr. 2. (Lê-Quyết-Thắng là một trong những bút danh của Hồ Chủ tịch — N.T.).

(39) « Diễn văn của đồng chí Gớt Hôn, Tổng bí thư Đảng cộng sản Mỹ », *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr. 530.

(40) Bài viết của đồng chí Giôn Gôn-lan, Tổng bí thư Đảng cộng sản Anh, sách đã dẫn, tr. 474.

(41) *Một giờ với đồng chí Hồ-Chí-Minh*, Nxb Thanh-niên, Hà-nội, 1975, tr. 68.

Digitized by Google

TỐ-HỮU, NHÀ THƠ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

LÊ-ĐÌNH-KỴ

CÁCH mạng Tháng Mười không chỉ cắm cái mốc sừng sững trong tiến trình lịch sử của nhân loại, của rất nhiều dân tộc, mà còn cắm cái mốc quan trọng trong đời mỗi người. Những tường ngăn, lưới bủa của chế độ thực dân phong kiến và sương mù của các quan điểm tư sản không ngăn chặn nổi dòng thác của thời đại tràn vào xã hội Việt-nam:

Liên-xô nở trước đời tôi ba tuổi

(Hy vọng)

Cách mạng Tháng Mười thành công, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới ra đời trước Tố-Hữu ba năm, và ảnh hưởng của nó sẽ trùm nhiều thế kỷ. Giai cấp công nhân Việt-nam đứng đầu là đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, giương cao ngọn cờ của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, xây dựng nên chính đảng của mình, lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cao trào cách mạng thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông-dương đòi hỏi giải quyết hàng loạt vấn đề mà báo chí công khai và bí mật của Đảng phải lần lượt đặt ra trước công luận. Những vấn đề mới mẻ, táo bạo của cách mạng trở thành cảm hứng thơ ca, càng thêm hấp dẫn, lôi cuốn. Những bài thơ trong *Từ ấy* ra đời ôm trùm một hệ thống đề tài: *Máu lửa — Xiềng xích — Giải phóng*, những đề tài không thấy có, không thể có ở trong thơ ca lãng mạn đương thời.

Từ ấy mang tư tưởng của Đảng mà:

Vãi giống tung trời những sớm mai

(Nhớ đồng)

Những hạt giống bắt đầu đâm chồi hứa hẹn những mùa hoa trái huy hoàng sớm muộn sẽ đến:

... Và khi đó, tự nhiên
Sẽ trố nhìn ngơ ngác, lớp thanh niên
Xây thế giới cao quá trời xa thẳm.

(Hy vọng)

Nhà thơ chiến sĩ không chút mơ hồ về con đường phải trải qua, về cái giá phải trả cho tương lai. Khi ngang qua Lao-bảo, viễn cảnh ác liệt, ghê rợn của tù ngục chỉ càng nung nấu thêm quyết tâm hiến dâng đời mình cho lý tưởng:

Cho tôi hưởng tinh thần hăng chiến đấu
Cho da tôi dày dạn với ngày mai
Cho tôi hiến đến cuối cùng suối máu
Để nhuộm hồng bao cảnh xám bi ai!

(Lao-bảo)

Những bài thơ viết khi nhà thơ bắt đầu giác ngộ và hoạt động cách mạng trong những điều kiện tương đối thuận lợi, vẫn được đặt dưới cái tiêu

Digitized by Google

đề : *Máu lửa*. Bởi lẽ cách mạng nói chung, và nhất là trong hoàn cảnh nước ta thời kỳ bấy giờ, chỉ có thể phát triển trong máu lửa : từ phong trào Cần vương, phong trào Phan-Bội-Châu đến Xô viết Nghệ-tĩnh đều là như thế.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Hàng loạt chiến sĩ cách mạng lại bị ngồi tù. Cái điều tất yếu không sao tránh khỏi, cái điều chờ đợi đã đến với nhà thơ chiến sĩ :

Đời cách mạng, từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù đày
Là gươm kề tận cổ, súng kề tai
Là thân sống chỉ coi còn một nửa.

(Trăng trối)

Nhưng cũng chính *Từ ấy*, từ khi được mặt trời chân lý chiếu tỏa, dù bị giam cầm nơi tù ngục, dù gặp phải những hoàn cảnh đen tối nhất, tâm hồn con người vẫn chan hòa ánh sáng và đậm đà hương sắc. Hiện thực nhà tù là hiện thực đấu tranh của thời đại, và là một mảng lớn trong đời của mỗi chiến sĩ. Vào tù là bắt đầu một cuộc thử thách mới, một trường hoạt động cách mạng mới. Dao động, lùi bước, đầu hàng, phản bội hay giữ vững khí tiết, chiến đấu đến cùng — đó là vấn đề đặt ra hằng ngày. Chế độ nhà tù nghiệt ngã, đàn áp, khủng bố, giết chóc, mua chuộc, không thể lung lạc, khuất phục những người cộng sản. Không thể cầm tù tư tưởng, không thể khóa chặt lời ca. Sau này trong những ngày dân tộc được giải phóng, nhà thơ có thể yên tâm, thanh thản nhìn lại mình :

Roi điện cùm xai tóc máu tươi
Xà lim không thể khóa hồn người
Bừng bừng tiếng hát rung song sắt
Tiếng hát ta bay lộng giữa đời...

(Quê mẹ)

Lửa thử vàng, gian nan thử sức. Từ các bài thơ *Từ ấy* toát lên lòng trung thành vô hạn với lý tưởng, với tổ chức Đảng, ý chí kiên cường bất khuất, tinh thần lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi. Khi ta biết ý nghĩ này được viết ra trong những ngày đấu tranh tuyệt thực :

Còn một giây còn một chút tận hơi
Là phải còn tranh đấu mãi không thôi
Lấy xương máu mà chọi cùng sắt lửa.

(Đói bạn)

Khi ta biết đến lúc « phút chết đã kề bên », nhà thơ ôn lại quãng đời qua :

Trường đông tố mấy năm trời vật lộn
Với cách mạng, tôi không hề đùa bỡn
Và không hề dám chối một nguy nan.

rồi nhìn thẳng vào cái chết đang đến với mình :

Trường đấu tranh là một bản hùng ca
Ta sẽ chết trong điệu đàn tranh đấu...

(Trăng trối)

thì phải thấy ý nghĩa của bài thơ cảm động, thấm thía đến độ cao siêu.

Từ năm 1940, phát xít Nhật tràn vào Việt-nam và Đông-dương, chia quyền thống trị cùng hất cẳng thực dân Pháp. Dân ta một cổ hai tròng, kết quả là Đông — xuân 1944 — 1945 xảy ra trận đói ghê gớm, cướp đi hai triệu người. Mặt trận Việt minh thành lập. Lòng căm thù của quần chúng là miếng đất tốt cho hạt giống cách mạng nảy nở ; khí thế cách mạng dâng cao. Tố-Hữu viết các bài : *Tiếng hát trên đê, Đói ! Đói ! Vỡ bờ*.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ. Mỗi người Việt-nam như được sống lại trong cuộc hồi sinh của dân tộc. Sau bao nhiêu năm băn khoăn tìm đường hay kéo lê kiếp sống tủi nhục, niềm vui giải phóng thật dạt dào, bao la. Đất nước, núi sông, lòng người,

Digitized by Google

tất cả đều bừng lên phơi phới, như rừng cờ đỏ sao vàng tung bay khắp bầu trời Tổ quốc:

Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy
Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!
(Huế Tháng Tám)

Gió gió ơi! Hãy làm dông làm tố,
Cuốn tung lên, cờ đỏ máu thơm tươi,
Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi!...

Cảm hứng của các bài thơ trong *Từ ấy* là cảm hứng về lý tưởng cách mạng, về nhân sinh quan cách mạng, về con đường phải chọn để có cuộc sống xứng đáng. Các bài thơ trong tập *Việt-bắc* thì viết sau khi cách mạng đã thành công và trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Nếu trước kia nhà thơ muốn kêu lên, muốn chia sẻ với mọi người cái mới lạ, cái đẹp của lý tưởng, được hiến dâng tất cả đời mình cho chủ nghĩa xã hội thì giờ đây, lý tưởng ấy đã đi vào đời sống hằng ngày của quần chúng. Cái đẹp của lý tưởng đã biến thành cảnh tượng huy hoàng của cả dân tộc ta đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám và tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh, đã biến thành cái đẹp của vô số con người thực, của cuộc sống thực. Tình quân dân cá nước qua cuộc gặp gỡ trò chuyện giữa người cán bộ và anh Vệ quốc quân diễn ra thật giản dị mà đằm thắm:

Tôi ở Vĩnh-yên lên
Anh trên Sơn-cốt xuống
Gặp nhau lưng đèo Nhe
Rặng tre trùm mát rượi.
(Cá nước)

Trước kia, sự thể hiện của nhà thơ thiên về lãng mạn là để đối lập với cuộc sống tầm thường trong xã hội thực dân phong kiến; bây giờ, cái phi thường nhất là cuộc kháng chiến đã trở thành nếp sống bình thường của nhân dân ta. Những con người bình thường làm nên sự tích phi thường — tập thơ *Việt-bắc* giúp ta hiểu cách mạng là như vậy đó, Người lính sống ở nơi rừng núi cũng bị sốt rét dày vò như ai:

Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Tư thế cũng chẳng có gì ghê gớm:
Anh chiến sĩ hiền lành
Tỳ tay trên mũi súng.
(Cá nước)

Anh bộ đội thời chống Pháp đúng là như thế, và thể hiện anh như thế mới là chân thực. Nhưng cũng chính anh và các đồng đội của anh là niềm kinh sợ của kẻ địch, đã giành thắng lợi này đến thắng lợi khác, và đưa cuộc chiến tranh nhân dân đến chiến thắng Điện-biên-phủ «chấn động địa cầu». Cuối cùng, với ý chí quyết chiến quyết thắng, nghị lực, tài trí, chủ nghĩa anh hùng cách mạng vô song của mình, dân tộc ta đã giành được thắng lợi quyết định:

Đêm lịch sử, Điện-biên sáng rực
Tên đất nước, như huân chương trên ngực
Dân tộc ta, dân tộc anh hùng.
(Hoan hô chiến sĩ Điện-biên)

Điện-biên-phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến lần thứ nhất, nhân dân ta bước vào giai đoạn cách mạng mới, với thế và lực tăng lên gấp bội. Chế độ Mỹ — ngụy ở miền Nam là đứa con đẻ ra từ sự thất bại của Pháp. Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là sản phẩm của chiến thắng và được xây dựng bởi những người chiến thắng — chiến thắng của chân lý cách mạng, của chủ nghĩa xã hội, của tương lai các dân tộc.

Đất nước giàu đẹp giành lại được từ nanh vuốt của kẻ thù xâm lược, của các giai cấp áp bức bóc lột, đang chờ đợi được khai thác, xây dựng lại. Thực chất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng cho lao động. Chưa bao giờ những người lao động bình

Digitized by Google

thường lại hiện ra với vẻ rắn rỏi, lắm liệt như trong bài *Tiếng chổi tre* của Tố-Hữu:

Những đêm đông
Khi cơn dông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công
Như sắt
Như đồng
Chị lao công
Đêm đông
Quét rác...

Với chủ nghĩa xã hội, lao động từ chỗ bị tha hóa và coi khinh, đã biến thành lao động tự do, sáng tạo, là lẽ sống, là niềm vui, là thước đo giá trị và phẩm chất của con người:

Đi, ta đi! Khai phá rừng hoang
Hỏi núi non cao, đâu sắt đâu vàng?
Hỏi biển khơi xa, đâu luồng cá chạy?
Sông Đà, sông Lô, sông Hồng, sông Chảy,
Hỏi đâu thác nhảy, cho điện quay chiều?

(*Bài ca mùa xuân 1961*)

Mùa xuân 1961 đã được đón chào như một ngày hội lớn, chấm dứt thời kỳ khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa, mở đầu kế hoạch 5 năm thứ nhất ở nước ta:

Đời trẻ lại. Tất cả đều cách mạng!
Rũ sạch cô đơn, riêng lẻ, bần cùng.

Các bài thơ trong *Gió lộng* dạt dào một niềm vui lớn. Vui vì một nửa đất nước đã hoàn toàn giải phóng, và đang tiến nhanh, tiến mạnh về tương lai:

Một vùng trời đất trong tay
Dẫu chưa toàn vẹn, đã bay cờ hồng!

(*Bài ca mùa xuân 1961*)

Vui trước cảnh tượng rộn ràng, xôn xao, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống Mỹ, cứu nước:

Rộn ràng thay, cảnh quê hương
Nửa công trường, nửa chiến trường xôn xao.

(*Tiếng hát sang xuân*)

Mẹ Suốt, bà mẹ anh hùng trên sông Nhật-lệ, mang niềm vui ấy trong lòng, ngày đêm đưa quân và cán bộ ta sang sông, dưới bom đạn chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ:

Bảy chữ sông nước về ta
Đi khơi đi lộng, thuyền ra thuyền vào
Bảy chữ biển rộng trời cao
Cá tôm cũng sướng, lòng nào chẳng xuân!

(*Mẹ Suốt*)

Đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước, câu thơ Tố-Hữu vẫn ung dung ca ngợi sức sống không gì ngăn cản được của chủ nghĩa xã hội và của dân tộc ta ở miền Bắc:

Ơi con cò trắng bay ngang
Có nom thấy lúa thẳng hàng xanh xanh?
Xuống đây mà ngắm cùng anh
Ngón tay các chị cấy nhanh như đàn.

Nghé con, mày đứng cho ngoan
Chớ xô hàng chuối, hàng xoan mới trồng.
Kênh mương vừa nắn thẳng dòng,
Chớ leo bờ thửa, bờ vùng mới xây.

(*Xuân sớm*)

Miền Nam càng nước sôi lửa bỏng, đồng bào miền Bắc càng xót xa, nhức nhối, canh cánh bên lòng nỗi thương nhớ miền Nam. Sự thật thì từ khi cuộc kháng chiến Nam-bộ nổ ra, cả khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, miền Nam chưa hề được sống qua một ngày hòa bình. Không phải tình cờ mà bài thơ mở đầu tập *Ra trận* lại mang tên *Có thể nào yên?* «Có thể nào yên. Có thể nào nguôi. Có thể nào khuây. Có thể nào quên»? «Vì sao, vì sao»? Bài thơ cứ láy đi láy lại, day dứt không nguôi:

Digitized by Google

Ôi Miền Nam, vì sao mỗi lúc
Mây chiều xa bay giục cánh chim
Đêm khuya một tiếng bầu, tiếng trúc
Một câu hò,... cũng động trong tim?
Vì sao chẳng ngày vui trọn vẹn
Như bâng khuâng việc hẹn chưa làm?
Vì sao miếng cơm ăn bỗng nghẹn?
— Một nửa còn cay đắng: Miền Nam!

(Miền Nam)

Đất nước cắt chia, đấu tranh cho Tổ quốc thống nhất là một vấn đề chính trị trọng đại và một vấn đề tình cảm lớn. Những câu thơ có chiều sâu thẳm của tâm hồn khi chuyển sang hành động, vẫn không thôi day dứt, vẫn vương. Tấm lòng của miền Bắc đối với miền Nam là như thế!

Cho ta lại trở về quê cũ
Bờ sông Hương hay bến sông Bồ
Cùng các mẹ, các o, các chú
Giành lại từng mảnh đất thành đô!
Cho ta được làm kho mìn nổ
Đèo Hải-vân, quật đổ quân thù
Cho ta được làm cây chông miệng hố
Đâm chết bầy giặc bỗ chiến khu!

(Có thể nào yên)

Chiến tranh là thử thách cao nhất đối với một dân tộc, một chế độ. Kẻ thù thật nguy hiểm, có sức mạnh vật chất khổng lồ, chúng muốn đưa ta trở lại thời kỳ đồ đá. Nhưng thời đại mà bọn đế quốc tha hồ làm mưa làm gió đã vĩnh viễn qua rồi. Chúng ta không trở lại đồ đá mà chính đế quốc Mỹ ngày càng thất bại chua cay.

Cả nước có chiến tranh! Cả nước lên đường. Con đường ra tiền tuyến càng kêu gọi, giục giã vì cũng là con đường nhích gần lại miền Nam:

Đường vào khu Bốn, vào Thanh
Khống đi thì nhớ không đành, phải đi

(Đường vào)

Cảnh tượng quân dân ta đi vào tuyến lửa, vì tình nghĩa Bắc Nam, vì những lẽ sống lớn của dân tộc và của thời đại được thể hiện trong những vần thơ vừa hùng tráng vừa trữ tình thắm thiết:

Quân đi rung lá ngụy trang
Xôn xao như sóng trường giang trùng trùng.
Đường ta đi, đẹp vô cùng
Nghìn năm luyện bước anh hùng đấy chăng?

(Đường vào)

Từ lâu, Tố-Hữu đã có những vần thơ cảm động dành cho các bà mẹ Việt-nam, từ *Bà má Hậu-giang*, *Mẹ Tơm*, đến các *Bà mẹ Việt-bắc*, đến *Mẹ Suốt*, bà mẹ điển hình của thời đại chống Mỹ, cứu nước. Mẹ đã đến giữa cuộc chiến đấu, hồn nhiên mà lẫm liệt:

Một tay, lái chiếc đò ngang
Bến sông Nhật-lệ, quân sang đêm ngày.

Tưởng đâu là một vị nữ tướng thời bà Trưng, bà Triệu mà *Đại Nam quốc sử diễn ca* đã ghi lại. Nhưng không, chỉ là bà mẹ thời chống Mỹ, cứu nước, gan dạ mà vẫn nhân hậu, chất phác như trăm nghìn bà mẹ bình thường khác:

Sợ chi sóng gió tàu bay
Tây kia mình đã thắng, Mỹ này ta chẳng thua!
Kể chi tuổi tác già nua
Chống chèo xin cứ thi đua đến cùng!

Giản dị, nhưng cũng cao lớn, uy nghiêm lạ lùng:

Ngẩng đầu, mái tóc mẹ rung
Gió lay như sóng biển tung, trắng bờ...

(Mẹ Suốt)

Dân tộc ta đi theo con đường của danh dự và lương tâm. Cuộc hành trình dài lâu, gian khổ hết sức, đòi hỏi một sự dũng cảm phi thường và tinh thần hy sinh không bờ bến. Đi

Digitized by Google

trên những đỉnh cao chói lọi, nhưng biết bao hiểm trở, trèo đèo, lội suối, lên thác, xuống ghềnh, nhân dân ta quyết tâm vượt lên tất cả :

Chập chùng, thác Lửa, thác Chông
Thác Dài, thác Khó, thác Ông, thác Bà
Thác, bao nhiêu thác, cũng qua.
Thênh thênh, là chiếc thuyền ta trên đời
. .
Xe bay, nghiêng gió dạt cành
Đã quen lối tắt, đường quanh hiểm nghèo
Đến đâu, anh cũng dám theo
Áo bà ba, mũ tai bèo chú em !

(*Nước non ngàn dặm*)

Đi trên con đường duy nhất mà nhân dân ta có thể chọn, để xứng đáng với truyền thống cha ông, với sự hy vọng của anh em bạn bè trên thế giới, của các dân tộc bị áp bức và nhân loại tiến bộ. Đi như anh giải phóng quân, chỉ đôi dép cao su, một chiếc xuồng con mà dậy hồn sông nước, quân thù khiếp sợ, uy danh Tổ quốc vang lừng ra ngoài bờ cõi, « Cả năm châu chấn lý đang nhìn theo ». Đi tới nơi hò hẹn lớn lao của dân tộc, mà lịch sử sẽ đời đời ghi nhớ :

Trường-sơn, xẻ dọc, rọc ngang
Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng
Trường-sơn, vượt núi băng sông
Xe đi trăm ngả chiến công bốn mùa.

(*Nước non ngàn dặm*)

Đi để nên người, để xứng đáng là người Việt-nam.

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong chiến dịch mang tên Bác, tháng 4 năm 1975. Những ngày ấy, từ lâu Bác quả quyết là sẽ đến. Trong những giờ phút suốt đời không quên ấy, ý nghĩ đầu tiên của ta là nghĩ về Bác, nghĩ đến công lao trời bể của Bác :

Xin dâng lên Bác một mùa hoa
Cả nước, anh em đẹp một nhà
Như khối hoa cương và cẩm thạch
Ngàn năm quanh Bác, bản hòa ca.

(*Vui thế hôm nay*)

Trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa anh em, trong đại gia đình các dân tộc bị áp bức bóc lột, trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, chúng ta ý thức được hết trách nhiệm của mình :

Ta vì ta, ba chục triệu người
Cũng vì ba ngàn triệu trên đời !

(*Miền Nam*)

Trước niềm tin, niềm cảm phục của nhân loại tiến bộ :

Ngôi sao chân lý của đời
Việt-nam, vàng của loài người hôm nay.

Dân tộc ta càng được cổ vũ, càng tin chắc ở con đường mà mình đã chọn, vì sự sống còn của mình, và vì tương lai của cả loài người :

Nếu được làm hạt giống để mùa sau
Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn làm người lính đi đầu
Trong đêm tối, tim ta làm ngọn lửa !

(*Chào xuân 67*)

Tinh thần dân tộc, ý thức độc lập, tự cường chan hòa chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Hiển nhiên, sự trưởng thành của dân tộc ta không tách rời sự lãnh đạo của Đảng, người tổ chức mọi thắng lợi của dân tộc ta. Không thể nói đến dân tộc, đến nhân dân mà không nói đến Đảng ta. Ở *Từ ấy*, nhà thơ nói đến *mặt trời chân lý*, đến *mất thần chủ nghĩa*, cũng là đã đề cập đến Đảng. Nhưng phải đợi đến *Gió lộng* về sau, Đảng mới là nguồn cảm hứng trực tiếp cho những sáng tác khác nhau của Tố-Hữu.

Từ là đứa bé sinh ra đời giữa sương gió tơi bời, Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh quyết liệt với kẻ thù và đem lại cho mỗi chúng ta :

Digitized by Google

Trời cao, đất rộng bao la
Bát cơm tấm áo, hương hoa hồn người

(Ba mươi năm đời ta có Đảng)

Cuộc sống lớn có đôi mắt Đảng
Mỗi bước đi gần, nâng ước mơ xa.

(Bài ca xuân 71)

Hồ Chủ tịch, người sáng lập nên Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, đã được Tố-Hữu thể hiện trong những vần thơ rung cảm, có tầm cỡ lớn. Nhà thơ thường lấy thiên nhiên, đất trời để nói lên phong thái và đức độ của Bác. Khi lần đầu Hồ Chủ tịch ra mắt quốc dân đồng bào tại quảng trường Ba-đình lịch sử «Trời bỗng xanh hơn nắng chói lòa». Lời Bác vang dội vào lòng ức triệu đồng bào:

Như Trường-sơn say gió biển Đông.

(Theo chân Bác)

Bác từ giã thủ đô Hà-nội, lên ở chiến khu Việt-bắc:

Bốn phương lồng lộng, thủ đô gió ngàn.

(Sáng tháng Năm)

Nơi Bác ở: sàn mây vách gió
Sáng nghe chim rừng gáy bên nhà
Đêm khuya một ngọn đèn khêu nhỏ
Tiếng suối trong như tiếng hát xa

(Theo chân Bác)

Khi Bác xuất hiện giữa núi rừng:

Người đi rừng núi trông theo bóng Người

(Việt-bắc)

Bác là tinh hoa của non sông, Tổ quốc, Bác ra đi tìm đường cách mạng từ cảnh nhà thanh bạch. Khi trở về, làm Chủ tịch nước, lãnh đạo toàn dân kháng chiến và xây dựng đất nước, Bác vẫn sống cuộc sống giản dị, tao nhã của dân tộc. Bác mất, để lại một sự nghiệp cách mạng vĩ đại, một tâm hồn cộng sản rất Việt-nam:

Mong manh áo vải hồn muôn trượng

(Bác ơi)

Nhà gác đơn sơ, một góc vườn
Gỗ thường mộc mạc, chẳng mùi sơn
Giường mây chiếu cói, đơn chăn gối
Tủ nhỏ, vừa treo mấy áo sờn.

(Theo chân Bác)

Đức hy sinh Việt-nam, tình thương Việt-nam, mà Bác là hình ảnh tuyệt vời, toát lên trong những tình cảm của Bác đối với dân, với nước:

Vì sao? Trái đất nặng ân tình
Nhắc mãi tên Người: Hồ-Chí-Minh
Như một niềm tin, như dũng khí
Như lòng nhân nghĩa, đức hy sinh.

(Theo chân Bác)

Thơ Tố-Hữu về Bác bao giờ cũng dạt dào tin tưởng và thương mến. Tình cảm cách mạng, lòng nhân ái cách mạng, nhiệm vụ cách mạng thường được nhà thơ thể hiện dưới cái dạng Việt-nam là tình nghĩa. Nhiều người gọi Tố-Hữu là nhà thơ của tình thương mến. Cũng có thể gọi đó là nhà thơ của tình nghĩa cách mạng, của tình nghĩa Việt-nam.

Thơ Tố-Hữu là thơ cách mạng trong ý nghĩa chân chất, trung thực của từ này, từ thuở nhà thơ còn băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời rồi bước vào hoạt động cách mạng, theo chân Bác đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngay từ đầu, thơ Tố-Hữu đã có cái mà cho đến nay thơ ca ta ít nhiều còn thiếu: *tấm lòng của người viết*. Từ ấy có những chỗ mà có người còn có thể có ý kiến này hoặc ý kiến khác, nhưng những bài khô khan hay vô thưởng vô phạt thì không có. Bài nào viết ra cũng là do nhu cầu bên trong ở thời điểm hay cảnh ngộ nào đó đã thôi thúc phải có chính bài thơ ấy.

Đến *Việt-bắc*, thơ Tố-Hữu có sự chuyển biến rõ rệt về phong cách, về trình độ nghệ thuật. Sự trưởng thành của nhà thơ đi liền theo sự trưởng thành của nhân dân ta, trải

Digitized by Google

qua cách mạng và kháng chiến, nghĩa là của chính bản thân hiện thực khách quan, của bản thân đối tượng thể hiện, và trước hết là ở cái lý tưởng mà nghệ sĩ dùng để soi rọi vào đối tượng. Và xét cho cùng, việc chọn đối tượng này hay đối tượng khác để thể hiện cũng là do thế giới quan và lý tưởng của nghệ sĩ quyết định.

Có sự chuyển biến và phát triển, nhưng mấu chốt thành công của nhà thơ ở *Từ ấy* và ở các sáng tác sau này vẫn là một. Đó là kết tinh của một cuộc đời hiến dâng tất cả cho cách mạng, trải qua những thử thách ghê gớm dưới chế độ thực dân phong kiến, và sau khi cách mạng thành công, luôn luôn đứng ở mũi nhọn của phong trào, với những trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó.

Tố-Hữu coi « thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người trước cuộc đời, trước tất cả cái gì diễn ra xung quanh mình...», « Thơ là tiếng nói đồng ý đồng tình, tiếng nói đồng chí », « Phải ở trong lòng đồng chí thì mới có tiếng vang đến lòng đồng chí », « Thơ cho người phải là thơ hết mình mới đúng », « Có thể nói thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy » (1). Đó là tiền đề để có được thơ ca cách mạng. Quan niệm ấy đã được chứng minh đầy đủ trong sự nghiệp sáng tác của nhà thơ. Nói điểm nổi bật trong phong cách thơ của Tố-Hữu là trữ tình, tức cũng là nói đến cái đậm đà, dào dạt của tình cảm cách mạng, niềm yêu thương gắn bó đến độ say mê đối với con người và cuộc sống của chúng ta, thể hiện trong những câu thơ nhuần nhị, có sức truyền cảm lớn. Độc lập, tự do, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quần chúng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội — những lẽ sống lớn lao mà nhà thơ đã « không hề dám chối một nguy nan » hiến dâng tất cả đời mình để thực hiện, đã trở thành hiện thực hằng ngày, nó như ca hát trong tâm hồn nhà thơ. Cần phải ghi lại tiếng hát ấy, đem nó trả lại cho đời và để cho nó ngân vang lên trong tâm hồn mọi người :

Cầm tay nhau, hát vui chung...
(Việt-bắc)

Nhà thơ đứng từ đỉnh cao của lý tưởng cách mạng mà sáng tác, nhưng điều nói ra bao giờ cũng gần gũi, lý tưởng cao cả ấy chính đang được nhân dân ta từng giờ từng phút biến thành hiện thực. Nhưng nói được nên lời những điều vốn ấp ủ tiềm tàng trong quần chúng, cho nó có hình, có sinh khí, có thần hồn, đó là phần cống hiến của Tố-Hữu cũng như của mọi văn nghệ sĩ chân chính. Người ta thường nói nhà văn cổ điển là người biết thể hiện tư tưởng của nhiều người trong ngôn ngữ của một đôi người. Xét về mặt này, nhiều bài thơ của Tố-Hữu xứng đáng đi vào vốn cổ điển của nền văn học dân tộc.

Thơ ca cách mạng là cái nhạc điệu vang lên từ đời sống cách mạng, từ cá tính sáng tạo của nhà thơ và từ đáy sâu kín của tâm hồn nhân dân. Tố-Hữu trong một thời gian dài là một trong những ngôi sao sáng của nền thơ ca cách mạng Việt-nam, chính là nhờ tình ý chủ quan của nhà thơ đã hòa làm một với tình ý khách quan của giai cấp, của dân tộc. Nhà thơ đã có phong cách thích hợp kết tinh được mối thống nhất sinh động giữa lý tưởng và hiện thực, tư tưởng và nghệ thuật, suy nghĩ và cảm xúc, dân tộc và hiện đại. Đó là sự thống nhất rất đẹp giữa sống và viết, giữa người chiến sĩ và nhà thơ. Sự nghiệp sáng tác của Tố-Hữu là một bằng chứng rực rỡ về sự đúng đắn của đường lối văn nghệ của Đảng, đồng thời là bài học lớn cho giới sáng tác Việt-nam, cho các anh chị em văn nghệ sĩ muốn được cống hiến nhiều nhất cho dân tộc, cho cách mạng.

---

(1) Tố-Hữu : *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta* ; Nxb văn học, Hà-nội, 1973, tr. 440—441, 442.

Digitized by Google

Mấy vấn đề trong nông nghiệp ở Vĩnh-phú

HOÀNG-QUY
(Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh-phú)

VĨNH-PHÚ là tỉnh trung du có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp toàn diện, song cũng gặp nhiều khó khăn vì tình hình sản xuất đa dạng, phức tạp, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém, trình độ và tập quán canh tác giữa các vùng rất khác nhau.

Từ cuối năm 1971, Vĩnh-phú tiến hành tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh. Cùng với việc quy hoạch đẩy mạnh sản xuất lương thực, nhất là cây màu, Vĩnh-phú đã phấn đấu từng bước hình thành các vùng cây công nghiệp và trồng rừng tập trung: vùng chè 7000ha (ở hai huyện Sông-lô, Sông-thao); vùng sơn 3000 ha (ở các huyện Tam-thanh, Thanh-sơn); vùng dứa 3000 ha ở các huyện Tam-thanh, Lập-thạch, Tam-đảo); vùng mía 1500 ha tập trung ở huyện Vĩnh-lạc; vùng sắn trên 10000 ha ở các huyện Phong-châu, Sông-lô, Thanh-sơn, Sông-thao); vùng cọ 7000ha (ở các huyện Sông-lô, Sông-thao, Phong-châu), và đang xây dựng vùng rau (Tam-đảo) khoảng 320 ha, trồng 70000 ha rừng cung cấp nguyên liệu cho sản xuất giấy.

Song song với việc quy hoạch lại các vùng sản xuất, Vĩnh-phú đã mở rộng quy mô hợp tác xã (đại bộ phận có quy mô toàn xã) phù hợp với yêu cầu tổ chức lại sản xuất và phân công lao động mới. Quy mô các huyện cũng được mở rộng, mỗi huyện mang đặc trưng một vùng sản xuất chuyên canh và kết hợp sản xuất với chế biến. Ví dụ huyện Sông-lô tập trung sản xuất chè trên diện tích hơn 6000 ha. Ngoài các hợp tác xã, trong huyện còn có 2 nông trường trồng chè và 3 nhà máy chế biến chè. Huyện Tam-đảo có các vùng dứa, thuốc lá và cây xuất khẩu với trên dưới 2000 ha, có mạng lưới xí nghiệp chế biến gồm nhà máy hoa quả Tam-đảo, nhà máy rượu Đồng-xuân, xưởng ép dầu Ngoại-trạch, 36 cơ sở chế biến sắn.

Việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung chuyên canh trên đây tạo điều kiện cho việc củng cố hợp tác xã gắn với xây dựng huyện. Lúc đầu, cũng như ở nhiều nơi khác, Vĩnh-phú đã áp dụng việc tổ chức sản xuất theo kiểu công trường thủ công, tập trung lao động để điều hành trên phạm vi huyện. Cách làm đó tuy có đạt được một số hiệu quả trước mắt, nhưng nếu lạm dụng cách điều hành này sẽ làm cho tổ chức sản suất ở cơ sở không ổn định, thậm chí có khi gây ra những vi phạm về hạch toán kinh tế, và không bảo đảm chất lượng công việc, nhất là đối với các khâu đòi hỏi kỹ thuật tỉ mỉ. Cùng với việc điều hành lao động trên phạm vi huyện thường nảy ra khuynh hướng coi nhẹ đội sản xuất cơ bản, muốn tổ chức ra quá nhiều «đội chuyên» trong phạm vi hợp tác xã, bỏ 3 khoán cho đội sản xuất, dẫn đến tình trạng không ai chịu trách nhiệm

Digitized by Google

thường xuyên trên từng khu ruộng và sản phẩm thu hoạch.

Giữa năm 1978, Vĩnh-phú sửa đổi cách tổ chức điều hành lao động cho phù hợp với công việc sản xuất và điều kiện lao động trong nông nghiệp, nhất là lúc này, trước âm mưu xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh, lao động trẻ khỏe ở nông thôn ra đi phục vụ chiến đấu và bảo vệ biên giới ngày càng nhiều.

Trên cơ sở phân công lại lao động trong các hợp tác xã theo hướng đi dần vào chuyên canh, thâm canh, Vĩnh-phú đặc biệt coi trọng củng cố đội sản xuất cơ bản. Trong hai năm 1978 — 1979, đã chấn chỉnh lại 7415 đội sản xuất cơ bản (có quy mô từ 15 đến 20 héc-ta với từ 40 đến 60 lao động) và 1900 đội chuyên phục vụ (giống, thủy lợi, thủy nông, vận tải, bảo vệ thực vật, sửa chữa nông cụ, v.v.). Các đội cày, đội chế biến phân trước tập trung lên xã, nay tổ chức thành các nhóm làm đất, làm phân trong đội sản xuất cơ bản. Thực tế cho thấy những hợp tác xã mạnh chính là những hợp tác xã có nhiều đội sản xuất cơ bản mạnh. Để củng cố các đội sản xuất cơ bản, một việc làm có ý nghĩa quyết định là thực hiện tốt chế độ khoán.

Từ vụ đông năm 1978, Vĩnh phú bắt đầu cải tiến cách khoán trồng màu (cây có củ), khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý tư liệu sản xuất (đất, sức kéo) như trong « khoán hộ » trước đây, và cũng tránh lối làm tập trung ồ ạt kém hiệu quả. Việc khoán trồng khoai tây làm theo cách sau đây: Theo kế hoạch của hợp tác xã, đội sản xuất quy vùng trồng khoai tây, làm đất tập thể, rồi khoán cho xã viên và gia đình trồng, bón phân, chăm sóc, thu hoạch theo đúng quy trình sản xuất và nộp sản phẩm theo đúng định mức khoán đã định. Nếu đội trồng tập thể thì khoán cho xã viên và gia đình làm các khâu sau khi trồng. Hợp tác xã thưởng 100% số sản lượng vượt mức khoán hoặc phạt 100% số sản lượng hụt mức khoán bằng giá thị trường, đội sản xuất thu sản lượng theo đúng mức khoán nộp cho hợp tác xã.

Nhờ cách khoán trên, khoai tây vụ đông năm 1978 đã phát triển mạnh cả về diện tích và sản lượng. Từ kinh nghiệm này, Vĩnh-phú xác định cách khoán chung cho 4 cây màu có củ (khoai tây, khoai lang, sắn, khoai sọ), đồng thời có bổ sung việc khuyến khích người nhận khoán trồng xen cây đỗ vào đất màu và cho hưởng 100% sản lượng cây trồng xen, chỉ giữ lại cho hợp tác xã thân lá làm phân, trừ nơi nào việc trồng xen đã thành tập quán và hợp tác xã lo giống cho xã viên thì hợp tác xã thu về cho tập thể một tỷ lệ nhất định. Cách làm này đã phục hồi được tập quán trồng xen ghép ở nhiều nơi và được quần chúng hoan nghênh. Và cũng từ những kết quả trên, Vĩnh-phú thấy rằng cần mạnh bạo đi vào làm thử việc khoán cho *từng cây trồng phù hợp với điều kiện kỹ thuật của từng loại cây.*

Việc thực hiện khoán như trên (theo Nghị quyết số 13 của Tỉnh ủy) đã đưa đến kết quả: diện tích cây vụ đông năm 1979 tăng gấp 2,5 lần so với năm 1978, sản lượng màu (quy thóc) riêng vụ đông tăng trên 1 vạn tấn, các cây đỗ, lạc trồng thuần và trồng xen trên đất màu vụ đông xuân tăng 1,5 đến 2 lần. Hợp tác xã Đông-thành, tiêu biểu của vùng đồi, đã thu sản lượng đỗ, lạc gấp 3 lần so với năm trước. Rất nhiều gia đình có từ 50 tới 200 — 300kg đỗ, lạc nhờ trồng xen.

Để đưa công tác quản lý của các hợp tác xã đi vào nền nếp và hoàn thiện chế độ khoán, đầu năm 1980, Vĩnh-phú đã tổ chức rút kinh nghiệm và xác định 4 nguyên tắc khoán sau đây:

1 — Khoán phải phù hợp với *điều kiện kinh tế kỹ thuật từng cây, con gia*

Digitized by Google

sức, kết hợp chặt che giữa quản lý và kỹ thuật, giữ vững và mở rộng vùng sản xuất tập trung, bảo vệ và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao không ngừng khối lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh các cây trồng và con gia súc.

2 — Phải nắm vững *tư liệu sản xuất cơ bản* (đất đai, sức kéo), quản lý, sử dụng tốt vật tư kỹ thuật chủ yếu và nắm chắc được *sản phẩm cuối cùng* để thống nhất kinh doanh, thống nhất phân phối theo kế hoạch của hợp tác xã, đồng thời thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

3 — Phát huy *sức mạnh tổng hợp* của lực lượng sản xuất đã được tập thể hóa, năng lực lao động cùng kinh nghiệm canh tác của xã viên và gia đình để khai thác tốt tiềm năng đất đai.

4 — Kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn các vấn đề về trách nhiệm và lợi ích của hợp tác xã, đội sản xuất và xã viên (cùng gia đình), bảo đảm không ngừng tăng tích lũy của hợp tác xã và cơ sở vật chất trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời khuyến khích đội sản xuất, người lao động làm ăn siêng năng có hiệu quả được hưởng thụ thích đáng, tương xứng với sự đóng góp của họ, bảo đảm nâng cao ý thức làm chủ tập thể của xã viên và làm cho họ gắn bó với kinh tế tập thể.

Bốn nguyên tắc trên đều phải được coi trọng như nhau, không được nhấn mạnh nguyên tắc này mà xem nhẹ nguyên tắc khác. Thực tiễn ở Vĩnh-phú cho thấy trong quá trình thực hiện nghị quyết số 13 của Tỉnh ủy, có những cán bộ, đảng viên chỉ nhấn mạnh lao động gia đình và lợi ích của người lao động; thậm chí có người cho rằng khoán cho gia đình xã viên thì tốt hơn lao động tập thể. Các đồng chí đó không thấy rằng trên miếng đất đã được tập thể hóa, dù khoán một số khâu cho xã viên và gia đình họ, song sản phẩm làm ra là do sự đóng góp rất lớn của Nhà nước và tập thể. Ví dụ, muốn trồng được khoai tây, hợp tác xã phải làm lúa mùa sớm, phải sử dụng tổng hợp sức kéo bao gồm máy kéo của Nhà nước, máy kéo nhỏ và sức trâu của tập thể thì mới có thể làm đất kỹ, lại phải điều tiết nước và cung cấp một tỷ lệ phân đạm nhất định. Tất nhiên, chăm sóc, thu hoạch cũng đều là những khâu kỹ thuật rất quan trọng, và ở các khâu này, lao động gia đình xã viên đóng góp phần không nhỏ. Cũng có những đồng chí nhấn mạnh việc kết hợp 3 lợi ích (của Nhà nước, tập thể và người lao động) nhưng lại coi nhẹ quản lý kỹ thuật. Thực tiễn chỉ rõ là sản xuất không lên hoặc lên chậm không chỉ do quản lý mà còn do kỹ thuật, vì vậy nếu quản lý không gắn với kỹ thuật, không xuất phát từ điều kiện kinh tế — kỹ thuật, hoặc cản trở việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, thì không thể có được kết quả mong muốn.

Muốn gắn kỹ thuật với quản lý thì cách khoán đối với từng cây, từng con không thể giống nhau. Sản xuất ở Vĩnh-phú chưa mạnh không chỉ do cách khoán chưa hợp lý mà còn do chưa coi trọng kỹ thuật, chưa làm đúng kỹ thuật. Về mặt này, bài học hay của Hải-hưng và một số tỉnh anh em rất quý đối với tỉnh chúng tôi. Vĩnh-phú vốn có kinh nghiệm lâu đời về xen canh gối vụ để chống xói mòn, khai khác tốt đất đai; vì vậy ở đây phải kết hợp cho tốt cuộc cách mạng xanh với phương thức canh tác có hiệu quả của ông cha. Chính trên cơ sở kết hợp kỹ thuật với quản lý đi đôi với kết hợp 3 lợi ích, Vĩnh-phú đã có cách khoán cụ thể đối với từng loại cây màu, từng loại cây công nghiệp, và đối với mỗi cây cũng có thể khoán theo 2—3 cách khác nhau, tùy theo điều kiện kỹ thuật cụ thể và trình độ quản lý của hợp tác xã.

Digitized by Google

Có hai phương pháp khoán và thưởng phạt:

1 — *Khoán trả công và định mức chi phí theo sản phẩm* (áp dụng cho những nơi có điều kiện sản xuất chắc và trình độ quản lý khá). Sản lượng vượt kế hoạch dưới 10% thì được thưởng theo hệ số 1,5, nếu vượt trên 10% thì được thưởng theo hệ số 2 so với công khoán. Với số tiền thưởng này, hợp tác xã bán lương thực từ 50 đến 100% tùy theo khả năng lương thực của hợp tác xã.

2 — *Khoán sản lượng, trả công và chi phí theo định mức kinh tế kỹ thuật* (áp dụng cho những nơi có điều kiện sản xuất ổn định như chăn nuôi tập thể, ngành nghề). Vượt khoán thì được thưởng từ 70 đến 80% sản lượng tăng bằng hiện vật hoặc bằng tiền; nếu thưởng bằng tiền thì hợp tác xã bán hiện vật trị giá bằng từ 20% đến 30% số tiền thưởng. Nếu hụt mức khoán thì bị phạt từ 70 đến 80% sản lượng hụt bằng hiện vật hoặc tiền theo giá chỉ đạo.

Trong hai phương pháp khoán này, phương pháp khoán sản phẩm là phương pháp khoán có chế độ thưởng phạt chặt chẽ đòi hỏi trách nhiệm cao, trình độ tổ chức quản lý khá, điều kiện sản xuất tương đối ổn định và phải bảo đảm những cân đối tương đối vững chắc trong quá trình sản xuất.

Từ hai phương pháp khoán này, có thể và phải vận dụng cụ thể cho từng cây trồng, con gia súc, từng ngành nghề, phù hợp với yêu cầu kinh tế kỹ thuật trong từng hợp tác xã. Đối với cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày, áp dụng phương pháp khoán sản lượng, nhưng để nâng cao chế độ trách nhiệm thì thưởng phạt 100%. Đối với cây công nghiệp dài ngày như chè, sơn, sở... đòi hỏi thâm canh ngay từ đầu, để bảo đảm sản xuất lâu dài trong cả một chu kỳ kinh tế, nên chia làm hai giai đoạn khoán cho phù hợp với thực tế tổ chức sản xuất: áp dụng phương pháp khoán thứ nhất đối với giai đoạn trồng mới, còn giai đoạn kinh doanh thu sản phẩm như hái búp chè, cắt sơn nhựa thì áp dụng thưởng phạt theo giá thu mua và trong thưởng có bán lương thực khuyến khích từ 20 đến 30% tiền thưởng.

Điểm chung nhất để nâng cao trách nhiệm của đội sản xuất, cán bộ đội và xã viên là tính thưởng theo ngày công thực làm và phạt theo ngày công nghĩa vụ. Cán bộ đội được thưởng hoặc bị phạt theo mức đạt kế hoạch sản lượng của đội, chứ không tính tỷ lệ tương ứng với công chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm như trước.

Tùy yêu cầu của kỹ thuật sản xuất và phương pháp hiệp tác để đạt được năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao mà khoán theo *công việc* hay khoán *đến sản phẩm cuối cùng. Khoán cho nhóm và từng người lao động hay cho xã viên và gia đình xã viên, nhưng đội sản xuất vẫn là đơn vị khoán và thanh toán khoán, là đơn vị cơ bản* tổ chức lao động trong hợp tác xã. Còn hợp tác xã vẫn phải nắm khâu điều hành sản xuất then chốt như quy vùng sản xuất, bố trí cơ cấu lao động, cung cấp nước, phân bón, phân hóa học, thuốc trừ sâu, làm đất trên địa bàn lớn, nắm sản phẩm cuối cùng và thống nhất phân phối.

Khi thực hiện chế độ khoán, ở những nơi phong trào yếu kém, thường dễ rơi vào lối *buông trôi, khoán trắng* hoặc kiểu «*khoán hộ*» cũ. Vì vậy, Vĩnh-phú đã tiến hành tập huấn cho chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã về các định mức kinh tế kỹ thuật, về tổ chức điều hành, bảo đảm không những hợp tác xã nắm chắc tư liệu sản xuất và sản phẩm cuối cùng mà còn biết sử dụng các tiến bộ kỹ thuật, xác định cho được cơ cấu cây trồng phù hợp và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Khi đã khoán cho xã viên và gia đình thì không được nghĩ rằng đó là việc sản xuất riêng của họ, hợp tác xã không

Digitized by Google

kiểm tra, không giúp đỡ họ, nhất là khi điều kiện kỹ thuật và thời tiết thay đổi. Trái lại chỉ đạo của hợp tác xã càng phải chặt chẽ hơn, nhất là phải đi sâu vào chỉ đạo thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế rất cụ thể nhằm tăng sản phẩm trên từng thửa đất. Phải tiến hành bồi dưỡng, đào tạo cho được một đội ngũ *đội trưởng, đội phó* có nhiệt tình và biết cách quản lý tốt.

Trong những năm gần đây, Vĩnh-phú đã bồi dưỡng được 2800 chủ nhiệm, kế toán trưởng và bước đầu làm thử việc bổ nhiệm kế toán trưởng ở các hợp tác xã. Vĩnh-phú đã soạn chương trình huấn luyện cho cán bộ đội sản xuất và bồi dưỡng cho ban chủ nhiệm và cán bộ nghiệp vụ của hợp tác xã để họ có thể tổ chức huấn luyện cho cán bộ đội của hợp tác xã mình. Làm như vậy, vừa triển khai nhanh công tác huấn luyện, vừa sát với thực tiễn của hợp tác xã, làm cho mối quan hệ giữa lãnh đạo hợp tác xã và lãnh đạo đội sản xuất thêm gắn bó. Trước vụ mùa 1980, về cơ bản các hợp tác xã, với sự giúp đỡ của các trường Đảng huyện và Ban nông nghiệp huyện, đã huấn luyện lại hầu hết các đội trưởng, đội phó về cách khoán và quản lý trong đội sản xuất.

Mọi thành công hay thất bại của chế độ quản lý mới, chế độ khoán mới, đều diễn ra ở cơ sở; vì vậy cấp tỉnh và huyện phải hướng mạnh về cơ sở, ra sức *củng cố cơ sở*. Chức trách của tỉnh và huyện đối với cơ sở sản xuất nông nghiệp có khác nhau. Tỉnh không những lo vấn đề quy hoạch, kế hoạch sản xuất chung, lo kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và các mặt công tác khác, mà còn phải thường xuyên coi trọng việc nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm xây dựng các chế độ quản lý phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, kinh nghiệm chỉ đạo điển hình thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tăng cường các điều kiện vật chất, kinh tế kỹ thuật cho cơ sở thông qua huyện. Huyện là cấp trên trực tiếp của cơ sở cho nên phải chỉ đạo cơ sở hằng ngày. Phải biết cụ thể hóa nội dung từng phần việc, có chương trình công tác, có lịch hành động, phân công từng đồng chí huyện ủy viên sử dụng các bộ môn, chịu trách nhiệm từng phần việc để chỉ đạo thực hiện chương trình đã đề ra và kiên quyết chỉ đạo dứt điểm từng việc, tăng cường kiểm tra giúp cơ sở thực hiện chương trình, chấn chỉnh ngay hệ thống thông tin kinh tế thống nhất từ cơ sở lên. Trong phương pháp công tác của huyện, việc nắm hai đầu mạnh và yếu là rất quan trọng, cho nên đi đôi với bồi dưỡng các hợp tác xã khá, phải củng cố các hợp tác xã yếu kém. Thông thường sự yếu kém của hợp tác xã thể hiện trên các mặt: *sản xuất thấp kém, đời sống khó khăn, nội bộ mất đoàn kết và cơ sở vật chất kỹ thuật quá yếu*. Những yếu kém của hợp tác xã có liên quan tới việc chỉ đạo của huyện và tỉnh. Nếu xác định đúng mặt yếu kém của từng hợp tác xã và có sự chỉ đạo sát và có hiệu lực, có biện pháp thiết thực giúp đỡ của huyện ủy và các ngành trong huyện thì nhất định các hợp tác xã yếu kém sẽ nhanh chóng vươn lên. Qua hai năm (1978 — 1979) phấn đấu, Vĩnh-phú đã rút tỷ lệ hợp tác xã yếu kém từ 19,9% xuống 11%, riêng huyện Vĩnh-lạc chỉ còn 6% hợp tác xã yếu kém và các hợp tác xã yếu kém này so với trước đây đều có sự chuyển biến tốt trên từng mặt.

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng và học tập kinh nghiệm của các tỉnh anh em, tổng kết kinh nghiệm công tác quản lý kinh tế và kỹ thuật nông nghiệp của địa phương trong hai năm gần đây, Vĩnh-phú tin tưởng rằng sắp tới sẽ có những bước phát triển toàn diện và mạnh mẽ hơn trong sản xuất nông nghiệp.

Digitized by Google

TÌNH THƯƠNG

« THƯƠNG người như thể thương thân ». Đó là một nét rất đẹp trong truyền thống đạo đức của dân tộc ta.

Tình thương là một khái niệm nằm trong phạm trù đạo đức. Hay nói cách khác, tình thương là một nội dung của phạm trù đạo đức.

Trong các xã hội có giai cấp, tình thương theo quan điểm của giai cấp bóc lột chỉ là một khái niệm đầy tính hoa mỹ về hình thức, nhưng trống rỗng về nội dung.

Giai cấp phong kiến cũng như giai cấp tư sản đều luôn luôn nói đến tình thương với đủ các lời hay, ý đẹp, nhưng đằng sau những lời nói đẹp đẽ của họ là những hành vi vùi dập con người hết sức tàn bạo.

Giai cấp phong kiến tìm mọi cách tước đoạt hết ruộng đất của nông dân, biến họ thành những người « không một tấc đất cắm dùi », nhưng sau đó lại sẵn sàng « cưu mang » họ, cho « mượn » ruộng làm, hoặc nhận họ làm gia nhân, đầy tớ, để buộc họ phải suốt đời nai lưng phục vụ, hầu hạ bọn bóc lột. Giai cấp phong kiến đã phá nát hạnh phúc của biết bao gia đình nông dân nghèo nhưng vẫn lớn tiếng là đã sẵn sàng cho họ vay gạo, vay tiền để « cứu giúp » họ qua cơn hoạn nạn... Tình thương của giai cấp phong kiến là như thế, đó là một sự lừa dối, cướp bóc ác độc nhưng lại mang cái vỏ ban ơn, một thứ tình thương mà ca dao, tục ngữ gọi là : « miệng nam mô, bụng đầy bồ dao găm »

Giai cấp tư sản thường nêu khẩu hiệu : « Tôn trọng và yêu thương con người ». Nhưng đó chỉ là chiếc bánh vẽ. Thực tế thì khác hẳn. Giai cấp tư sản đã cắt đứt không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác ngoài mối lợi lạnh lùng và lối trả tiền ngay không tình nghĩa. Giai cấp tư sản đã dìm mọi thứ tình cảm vào trong dòng nước giá ngắt của lối tính toán vị kỷ, đã biến phẩm cách con người thành một món hàng hóa trao đổi đơn thuần. Tình thương, tình yêu, tình bạn, tình cha con, tình vợ chồng, v.v., tất cả những cái đó đều trở thành hàng hóa. Bởi vì, lẽ sống duy nhất của giai cấp tư sản là tiền ; lý tưởng của giai cấp tư sản là lợi nhuận. Đối với giai cấp tư sản, lợi nhuận là tiếng gọi thiêng liêng và cao quý nhất ; lợi nhuận có sức mạnh thần kỳ. Chả thế mà một nhà bình luận người Anh đã nhận xét : « Tư bản ghét cay ghét đắng tình trạng không có lợi nhuận hay có quá ít lợi nhuận, chẳng khác gì giới tự nhiên ghê sợ chân không. Lợi nhuận mà thích đáng, thì tư bản trở thành can đảm ; lợi nhuận mà bảo đảm được 10%, thì người ta có thể dùng được tư bản ở khắp nơi, bảo đảm được 20% thì nó hăng máu lên, bảo đảm được 50% thì nó táo bạo không biết sợ là gì ; bảo đảm được 100% thì nó chà đạp lên tất cả mọi luật lệ của loài người ; bảo đảm được 300%, thì nó chẳng từ tội ác nào mà không dám phạm, thậm

Digitized by Google

chỉ có bị treo cổ nó cũng không sợ » (1).

Những người trong các giai cấp bóc lột không thể có tình thương chân chính. Anh bóc lột người khác mà có thể nói rằng anh thương người đó được chăng. Anh không lao động, anh sống bằng mồ hôi nước mắt của người khác mà có thể nói rằng anh có tình thương chân chính được chăng ? Muốn có tình thương chân chính thì phải lao động, phải xóa bỏ áp bức bóc lột. Muốn có tình thương chân chính phải xóa bỏ giai cấp, phải xây dựng xã hội không giai cấp.

Tình thương với đúng nghĩa của nó là cái đối lập với hệ tư tưởng của các giai cấp bóc lột. Nó chỉ tồn tại trong nhân dân lao động và chỉ trở thành nhu cầu tình cảm của nhân dân lao động mà thôi. Trong các xã hội cũ, nhân dân lao động là những người luôn luôn phải đương đầu với những đau khổ cả về vật chất lẫn tinh thần do giai cấp bóc lột thống trị gây ra. Vì vậy, cái cần thiết, cái nâng đỡ họ nhiều nhất là tình thương. Tình thương ấy thể hiện trong quan hệ gia đình, thôn xóm, làng mạc, trong sự thương yêu đùm bọc lẫn nhau của những người cùng cảnh ngộ. Trong văn học dân gian cũng như trong văn học thành văn đã có bao nhiêu lời đẹp như: « Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng », hoặc « Thương nhau chia củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng »... để chỉ tình thương đó của người lao động.

Song, do những hạn chế về thế giới quan, cho nên tình thương của người lao động dưới chế độ cũ còn có những ràng buộc, hạn chế về mặt này mặt khác, nhất là còn chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến, chưa có tính giai cấp sâu sắc, chưa vươn tới những tình cảm cách mạng rộng lớn, cao cả

Dưới chế độ ta, tình thương trở thành một bộ phận, một nhu cầu của đời sống xã hội và cũng có thể nói là một động lực xã hội.

Tình thương mà chúng ta xây dựng là tình thương theo quan điểm của giai cấp công nhân có sự kế thừa, phát triển và nâng lên một trình độ mới cao hơn những gì là tinh túy nhất, tốt đẹp nhất trong truyền thống đoàn kết, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau của dân tộc ta.

Tình thương mà chúng ta xây dựng là tình thương gắn liền với đấu tranh. Một mặt chúng ta bồi dưỡng, vun đắp những tình cảm đẹp, những hành vi cao cả phù hợp với yêu cầu xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa ; mặt khác chúng ta khắc phục những hạn chế, những biểu hiện tiêu cực trong tình thương cũ trước đây, và chúng ta thường xuyên đấu tranh chống những nhận thức, những thái độ và hành vi sai trái đối lập với đạo đức xã hội chủ nghĩa gây ảnh hưởng tiêu cực đến bước đường phát triển của cách mạng, làm tổn hại đến việc xây dựng tình thương chân chính, đến mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người.

Tình thương mà chúng ta xây dựng hiện nay bắt nguồn từ chính bản chất tốt đẹp của xã hội ta, từ đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân đang lãnh đạo chính quyền, từ sự đòi hỏi tất yếu của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Thiếu tình thương thật sự giữa người và người thì không thể có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và như vậy thì làm sao chúng ta có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ?

Xây dựng tình thương rộng rãi trong toàn xã hội ta hiện nay là trách nhiệm chung của Đảng ta, Nhà nước ta và của toàn dân. Rất nhiều người trong chúng ta có quan điểm đúng đắn về tình thương, có tinh thần trách

(1) C. Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập 3, tr. 285.

Digitized by Google

nhiệm cao trong việc xây dựng tình thương. Song, đáng tiếc là cũng có những người có quan điểm không đúng về tình thương; có thái độ và hành động dẫn đến phá hoại tình thương; hoặc có tình thương mà « không biết cách thương ».

Có người cho rằng: trước kia, trong những điều kiện cực kỳ khó khăn của cuộc đấu tranh cách mạng, con người sống với nhau có tình, có nghĩa hơn, thương yêu, đùm bọc nhau hơn. Ngày nay, trong hoàn cảnh mới, mỗi người có một cuộc sống gia đình riêng; trong cán bộ lại có chế độ hưởng thụ, đãi ngộ khác nhau, vì vậy tình thương yêu giữa con người với nhau không còn đậm đà, sâu sắc như trước nữa. Theo quan niệm của họ thì ngày nay chỉ có tình thương thật sự giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ chồng, giữa anh chị em ruột thịt với nhau..., còn trong phạm vi xã hội thì khái niệm tình thương không còn nữa.

Quan niệm như vậy là hoàn toàn sai. Ngày nay, trong điều kiện mới, đúng là mỗi người đều có hoàn cảnh riêng, cuộc sống riêng; một phần do hoàn cảnh mới đó mà đã xảy ra tình trạng ở một số người, tình cảm cách mạng, tình thương yêu đùm bọc, lòng nhân ái vị tha giảm sút, nguội lạnh. Số người này chỉ biết vun vén, lo tính cho cá nhân, cho gia đình, không quan tâm đến ai khác, càng không biết lấy việc làm điều lành, điều tốt cho người khác làm hạnh phúc của chính mình. Song, điều đó không thể làm lu mờ được bản chất tốt đẹp của chế độ ta, không thể căn cứ vào đó để nói là tình thương ngày nay không còn được đậm đà sâu sắc như trước.

Chúng ta đều biết cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp sáng tạo của hàng triệu người lao động. Không có tình thương rộng lớn cao đẹp vì dân vì nước, làm sao chúng ta chiến thắng được địch họa thiên tai, khắc phục được nghèo nàn lạc hậu, đưa đất nước từng bước tiến lên. Và cũng chính với tình thương rộng lớn và hết sức cao đẹp ấy, đã có biết bao nhiêu người ngã xuống trong những cuộc chiến đấu chống đế quốc và chống bọn bành trướng Trung-quốc xâm lược. Hàng triệu gia đình đã chắt chiu từng củ khoai, hạt gạo làm nghĩa vụ đối với Nhà nước với ý thức để góp phần bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Trong chiến đấu cũng như trong cuộc sống hằng ngày, các cán bộ chiến sĩ quân đội ta dù ở hậu phương hay tiền tuyến, ở biên giới hoặc hải đảo xa xôi đều đã sống với nhau như anh em ruột thịt; họ sẻ cơm, nhường áo cho nhau, sẵn sàng hy sinh bảo vệ đồng đội. Hàng chục vạn thầy giáo, thầy thuốc đã tự nguyện tạm rời cuộc sống êm ấm trong gia đình lên miền núi phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số, v.v. Còn có thể kể ra biết bao hình ảnh đẹp đẽ khác. Tất cả những sự thật đó nói lên điều gì nếu không phải là tình thương — một tình thương rộng lớn, vô cùng cao đẹp, một tình thương đã được mở rộng, từ tình thương dân, thương nước đến tình cảm quốc tế cao cả, chứ không phải là thứ tình thương nhỏ hẹp. Cho rằng ngày nay tình thương không còn nữa hay đã bị thu hẹp lại là, hoặc không hiểu đúng, hoặc xuyên tạc bản chất của xã hội ta, và điều đó xúc phạm đến một truyền thống rất đẹp đẽ của dân tộc ta, xúc phạm đến những tình cảm cao đẹp của biết bao đồng bào, đồng chí, thể hiện ở vô vàn việc làm diễn ra hằng ngày trên đất nước ta.

Còn phải kể tới số người mà thái độ và hành động của họ hoàn toàn trái với truyền thống đạo đức của dân tộc, trái với đạo đức xã hội chủ nghĩa, làm tổn hại đến việc xây dựng và bảo vệ tình thương. Họ thường là những người có thái độ thiếu thiện chí, thiếu tinh thần xây dựng, vô trách nhiệm trong quan hệ giao tiếp với mọi người. Họ hằn học trước sự tiến bộ và hạnh phúc của người khác. Họ

Digitized by Google

ám ức khi thấy mình thua kém bạn bè. Lòng nhân ái, vị tha trong con người họ không còn nữa. Nhiều khi, họ còn có những hoạt động chia rẽ bè phái, những hành động trù dập, ức hiếp người khác, xâm phạm quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.

Lại có những người có tình thương mà « không biết cách thương ». Một số cán bộ nọ, thấy đồng chí của mình, bạn mình lấy thứ này thứ khác của cơ quan, xí nghiệp nhưng bỏ qua không đấu tranh, vì « thương » đồng chí mình, bạn mình đang ở vào hoàn cảnh khó khăn, nếu phê bình, tố cáo thì họ sẽ bị thi hành kỷ luật, sẽ mất việc (!).

Lại nữa, có những gia đình vì « thương » con nên để cho chúng tha hồ « tự do », muốn làm gì cũng được, muốn sống ra sao cũng được, v.v. và v.v.

Những cách hiểu như vậy về tình thương cũng không đúng vì đó là thứ tình thương sai trái, ngược lại với nền đạo đức xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Cuộc sống đã nhiều lần cho chúng ta thấy rõ những hậu quả tai hại của loại tình thương như vậy rồi.

Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta: muốn xây dựng được tình thương yêu trong toàn thể nhân dân, trong toàn xã hội, thì trước hết trong Đảng phải đoàn kết và thương yêu lẫn nhau. Đoàn kết và thương yêu nhau là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, của nhân dân ta. Nguồn gốc sức mạnh của Đảng ta là ở sự đoàn kết nhất trí và tình thương yêu giữa các đảng viên dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và những nguyên tắc tổ chức của Đảng. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn « con ngươi của mắt mình », và phải thật sự thương yêu nhau với tình cảm cách mạng trong sáng.

Một biện pháp quan trọng để xây dựng tình thương trong Đảng là phải thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Nói tự phê bình và phê bình nghiêm túc có nghĩa là chúng ta đã loại trừ cả hai tình trạng: một là, bao che, dung túng những khuyết điểm, những thói hư tật xấu của nhau, thờ ơ, vô trách nhiệm với khuyết điểm của đồng chí mình; hai là, bới lông tìm vết, lợi dụng phê bình để đả kích, dìm dập, trù đập nhau, vội vã quy kết cho nhau những tội này, tội khác. Phải thông qua việc tự phê bình và phê bình mà xây dựng cho nhau tình cảm cách mạng chân chính, trong sáng, tình đoàn kết, thương yêu chân thành, làm cho mỗi đảng viên ngoài những mối quan hệ về tổ chức, về công tác, còn cảm thấy thật sự được sống trong sự đùm bọc và thương yêu của Đảng.

Hương-Giang

Digitized by Google

Đọc sách

Bàn về những lời bàn của ông Ních-xơn

PHAN-LANG

LIÊN tiếp trên nhiều số phát hành trong tháng 4 vừa rồi, tờ báo Pháp *Pa-ri Mát* đã trích đăng những phần chủ chốt nhất của cuốn sách *Chiến tranh thật sự* của một tác giả mà tên tuổi rất quen thuộc đối với nhiều người trên thế giới, nhất là người Việt-nam chúng ta. Đó là Ri-sớc Ních-xơn, người đã từng được báo chí Mỹ phong cho các tước hiệu: « Tổng thống B52 », « Tổng thống Oa-tơ-ghết » và nhiều tước hiệu khác chẳng đẹp đẽ gì lắm.

Bằng một giọng văn rất « Ních-xơn » (một con người « bất chấp đạo lý và rất hung bạo, thường mất cảm tình » — nói theo đúng nguyên văn lời giới thiệu của tờ *Pa-ri Mát*), sau khi đưa chủ nghĩa đế quốc Mỹ lên bàn mổ, tổng thống thứ 37 của Hoa-kỳ đã làm một cuộc phẫu thuật về cơn bệnh này và đã kê một đơn thuốc.

Ních-xơn quả quyết rằng, nếu chấp nhận liều thuốc công phạt của ông ta, thì chủ nghĩa đế quốc Mỹ — nay đã là một lão già lắm bệnh và vẫn « đang phải liêm tiếp vết thương chiến tranh Việt-nam » — sẽ cải lão hoàn đồng, trở nên cường tráng như chàng trai còn sung sức.

Cuộc mổ xẻ của ông Ních-xơn đáng được mổ xẻ; những lời bàn của ông ta đáng được đưa ra bàn.

★

Mở đầu cuốn sách, Ních-xơn đã làm một cuộc tổng kiểm kê tài sản, kể ra khá tỉ mỉ những cái « mất » của đế quốc Mỹ, của chủ nghĩa đế quốc nói chung, trong thập kỷ qua. Dưới đây là bức tranh do Ních-xơn phác thảo:

— « Từ 1974 — Ních-xơn viết — gần 100 triệu người, trong 5 năm, đã rơi vào ảnh hưởng cộng sản. Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Áp-ga-ni-xtan, Nam Y-ê-men, Mô-dăm-bích, Lào, Cam-pu-chia và Nam Việt-nam đã lọt vào quyền thống trị của cộng sản ».

— Phong trào chống Mỹ sôi sục khắp nơi. « I-ran đã chìm trong một thế hỗn loạn đẫm máu, chỉ một sớm một chiều, đã từ một pháo đài của các lực lượng phương Tây, biến thành một vạc dầu chống phương Tây sôi sục ».

— « Phương Tây đã bước qua ngưỡng cửa, sang một thời kỳ khủng

Digitized by Google

hoảng gay gắt, trong đó, sự sống còn của nó trong thế kỷ XXI bị đe dọa ».

— « Hiện nay, 21 nước đang nằm trong qũy đạo của chủ nghĩa cộng sản. Về lãnh thổ, các cường quốc cộng sản đang tiến bước trên toàn thế giới và phương Tây đang rút lui ».

— « Với những tiến bộ nhanh chóng trong kỹ thuật tên lửa, hạt nhân, với sự phát triển nhanh chóng trong những hệ thống vũ khí mới, Liên-xô đang mau chóng lấp lỗ hổng trong các lĩnh vực và tăng thêm ưu thế của họ ở những nơi mà họ vượt Mỹ. Liên-xô có một lợi thế rất lớn trong các lực lượng thông thường trên mặt đất ».

Từ việc điểm tình hình trên, Ních-xơn đi tới kết luận: « Trong những năm 80, lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, Mỹ sẽ phải đối phó với hai thực tế cụ thể. Một là, nếu chiến tranh bùng nổ, Mỹ có nguy cơ thua trận. Hai là, Mỹ có thể thua trận mà không có chiến tranh. Triển vọng thứ hai có nhiều khả năng xảy ra hơn triển vọng thứ nhất và cũng đáng lo ngại như thế ».

Theo những người đã từng biết Ních-xơn trong suốt quá trình « 1 phần 3 thế kỷ hoạt động chính trị », biết ông ta (về tài năng cũng như tính cách) trong cương vị là tổng tư lệnh điều hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, thì trong toàn bộ cuốn sách sặc mùi găng-xtơ này, đoạn văn trích dẫn ở trên là đoạn viết khá nhất, phản ánh, thú nhận được một chừng mực nào đó sự thật.

Trong nhiều năm nay, những người cộng sản đã từng đưa ra những nhận định tổng quát sau đây về cục diện thế giới ngày nay:

— Ba dòng thác cách mạng đang trong thế tiến công, ngày càng thu được những thắng lợi to lớn trên hầu khắp các lục địa.

— Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa mà Liên-xô là thành trì, đã trở thành nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người, đang phát huy ảnh hưởng to lớn trên khắp hành tinh chúng ta.

— Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đã sa vào bước ngoặt đi xuống, lâm vào cuộc tổng khủng hoảng thứ ba với đặc điểm nổi bật là, khác với hai cuộc tổng khủng hoảng trước đây, cuộc tổng khủng hoảng này diễn ra trong điều kiện không có chiến tranh thế giới.

Trong suốt hơn 10 chương mục cuốn sách, Ních-xơn năm lần bảy lượt « lên án » những người cộng sản « ăn gian nói dối »; thế nhưng, rốt cuộc thì ngay tác giả rồi cũng không thể nào nói khác được, so với những điều mà những người cộng sản đã nói. Sự « thành thực » của ông Ních-xơn chỉ có thể giải thích một cách lô-gích như thế này: bức tranh về thế giới ngày nay mà ông Ních-xơn buộc phải hé ra một phần, đã trở thành một sự thật quá hiển nhiên!

★

Tất nhiên viết ra trên giấy trắng mực đen một phần sự thật, không phải là cái đích cuối cùng của Ních-xơn. Chỉ cần đọc tiếp một số dòng liền đó, người ta có thể thấy ngay dụng ý thật sự của tác giả khi ông ta quyết định bỏ công sức ra viết cuốn *Chiến tranh thật sự*.

Tự trao cho mình sứ mệnh thầy lang chữa bệnh cứu nước Mỹ, sau khi xem xét triệu chứng, ông Ních-xơn quay sang chẩn đoán. Đây là một trong những phần biểu lộ một cách cô đọng nhất quan điểm « bất chấp đạo lý » của con « diều hâu » Ních-xơn — thực chất là quan điểm hiếu chiến, phản động, cực hữu của các tập đoàn công nghiệp — quân sự Mỹ, những thế lực đã chọn mặt gửi vàng, cử Ních-xơn đứng ra làm người đại diện, phát ngôn thay cho chúng.

Ních-xơn đã dùng khá nhiều giấy mực, đã tốn khá nhiều công phu tầm chương trích cú, dẫn ra những lời phát

Digitized by Google

ngôn xưa nay của các danh nhân tư bản, đưa ra khá nhiều « thực tế », nhiều « lý lẽ », và — như một thành ngữ phương Tây thường nói : tất cả mọi con đường đều dẫn đến thành La-mã — tất cả những « lý lẽ » trên đều nhằm dẫn dắt người đọc đến kết luận này : *nước Mỹ thất bại là do thiếu ý chí và đó là nguyên nhân duy nhất.*

Để làm « căn cứ lý luận » cho luận đề của mình, ông Ních-xơn đã dẫn ra một công thức định nghĩa về « sức mạnh của một quốc gia » mà rõ ràng là ông ta rất tâm đắc, của người bạn cố tri Xia Rô-bớc Thom-xơn, chuyên gia người Anh về « chống chiến tranh nổi dậy » (cũng là một nhân vật nữa mà nhân dân Việt-nam nhẵn mặt).

Công thức đó được trình bày dưới dạng một phương trình toán học, như sau :

SỨC MẠNH CỦA ĐẤT NƯỚC = (SỨC NGƯỜI + SỨC CỦA) × Ý CHÍ

Tác giả cuốn *Chiến tranh thật sự* thuyết minh : « Khi xem xét phương trình của Thom-xơn, có thể thấy ngay rằng, nếu ý chí là số O, thì giá trị toàn bộ phương trình cũng = O ».

Tiếp đó, ông Ních-xơn quả quyết : « ngay Liên-xô cũng biết là không bao giờ họ vượt được nền kinh tế Mỹ (tức là sức người + sức của của Mỹ). Nhưng họ phát hiện trong ý chí của Mỹ một thế yếu có nguy cơ làm giảm tác dụng của các con chủ bài khác của Mỹ... Chiến lược của Liên-xô là như thế : trước hết, họ làm cho Mỹ mất tinh thần để rồi có thể tiêu diệt đối phương. Liên-xô muốn chấm dứt chiến tranh thế giới thứ ba không phải bằng một đòn huy hoàng, mà là bằng một tiếng rên rỉ của Mỹ ». (nghĩa là bằng cách trước hết biến ý chí của Mỹ thành số O, để phương trình về sự « hùng mạnh » của Mỹ trở thành O).

Ông Ních-xơn chỉ chiết một số người trong Nhà trắng « nói là lãnh đạo nước Mỹ nhưng thật ra lại là những người tổ chức các cuộc rút lui » đã không nhận thức được « mưu đồ thâm hiểm » của Liên-xô, đã có ý nghĩ « ngây thơ », « ngu xuẩn » cho rằng « Mỹ có thể gìn giữ tự do bằng cách tỏ ra thiện chí »... « hy vọng là nếu Mỹ hạn chế trang bị, vũ khí của mình thì những nước khác sẽ làm theo » và do đó, « đã để cho Liên-xô tưởng Mỹ yếu, Mỹ trù trừ, khiếp sợ ».

Tình trạng nước Mỹ « mất ý chí chiến đấu » — ông Ních-xơn phân tích tiếp — không phải chỉ diễn ra trong giới cầm quyền mà còn cả trong dân chúng, đặc biệt trong tầng lớp trí thức chẳng những đã phản đối chiến tranh, phản đối chạy đua vũ trang, mà còn tuyên truyền không công cho cộng sản.

Dưới đề nhỏ « *Chính lớp tinh hoa Mỹ đã làm mất Việt-nam* », ông Ních-xơn mạt sát không thương tiếc các trường đại học, các tờ báo, các hãng vô tuyến truyền hình Mỹ. Ông ta viết : « Trường đại học Ha-vớt tượng trưng rất tốt cho cả đa số lớp trí thức và văn hóa Mỹ : nô lệ các thứ « mốt », để bị lừa phỉnh, đầy tự mãn, mù một mắt... có xu hướng trở nên cực kỳ giản đơn và ngây thơ khi bị đặt trước cuộc xung đột toàn cầu ». Còn vô tuyến truyền hình Mỹ thì « đã đem màu sắc lãng mạn tô điểm cho những người cách mạng, do đó, tăng thêm nhiều khả năng thắng lợi cho các cuộc chiến tranh cách mạng được Liên-xô ủng hộ, hoàn toàn giống như vầng hào quang lãng mạn mà tờ *Thời báo Niu Oóc* tặng cho Phi-đen Ca-xtơ-rô hai mươi năm trước đã đóng vai trò quyết định trong việc hợp pháp hóa cuộc cách mạng Cu-ba, mà đó là điều kiện thắng lợi của Ca-xtơ-rô ».

Nói một cách thật vắn tắt, lập luận của tác giả cuốn *Chiến tranh thật sự* là thế này : với ưu thế về sức người sức của, chỉ cần thừa số « ý chí » của Mỹ là một đại lượng > 0, thì tất cả những diễn biến lịch sử trong thập kỷ qua đã hoàn toàn lật ngược rồi : nước Mỹ đế quốc đã vênh vang với

Digitized by Google

vòng nguyệt quế trên đầu chứ đâu đến nỗi phải cuốn cờ thảo chạy bằng máy bay lên thẳng như ở Việt-nam và như ở nhiều nơi khác trên thế giới!

Lý lẽ của ông Nich-xơn, ngay cả những người Mỹ dễ tin nhất, nghe cũng không lọt tai. Ông Nich-xơn là một con người chẳng những có thừa ý chí (đến nỗi một viên tướng Pháp nguyên là quan năm nhảy dù ở Điện-biên-phủ, mới đây đã phải gọi ông ta là « một tên tướng cướp ») mà còn có đầy đủ điều kiện quyền lực hơn bất cứ người Mỹ nào để thực hiện ý chí đó. Trong những năm làm tổng thống nước Mỹ, ông ta đã « dám mạo hiểm một cách có tính toán », dám làm những việc chưa một tổng thống nào dám làm (mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia; dùng máy bay B52 đánh thẳng vào các khu dông dân và thủ đô nước Việt-nam; phong tỏa các hải cảng của Việt-nam, bất chấp sự lên án của cả loài người). Thế nhưng, chính là dưới sự điều hành chiến tranh đầy ý chí đó của Nich-xơn, nửa triệu quân Mỹ đã phải hối hả rút lui, trao lại gánh nặng chiến tranh cho quân ngụy, để hòng giữ được thể diện, không bị cùng chết chìm với chúng — chẳng phải sự thật rành rành là như thế hay sao?

Dĩ nhiên, cũng có những cái ông Nich-xơn không làm, lý do không phải vì ông ta bị bó chân bó tay bởi những người có ý nghĩ « ngây thơ », « ngu xuẩn » chung quanh, mà là vì ông ta không thể làm được. Ông ta phải « hạn chế », không đổi mới được trang bị, phải chấp nhận thực trạng « hải quân Mỹ lạc hậu hẳn một thế hệ tàu chiến » là vì chi phí cho chiến tranh Việt-nam quá lớn, đã nuốt chửng một khoản rất lớn ngân sách dành cho quốc phòng của nước Mỹ.

Ông Nich-xơn tự cho mình là người thông thái, trèo lên bục giảng, lên lớp cho cả nước Mỹ; song, người ta lại hết sức nghi ngờ về sự «thông thái» đó.

Cục diện thế giới ngày nay là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập; là kết quả của sự vận động hợp với quy luật, hợp với xu thế phát triển của những mâu thuẫn thời đại. Cuộc đấu tranh đó là một sự thử thách toàn diện đối với cả hai bên, trên tất cả mọi mặt: bản chất chế độ xã hội; tiềm lực kinh tế, quốc phòng; nhân tố con người; chiến lược, sách lược, v v.

Ông Nich-xơn từ chối một sự phân tích, so sánh toàn diện một cách nghiêm túc, cố trình bày những thất bại của chủ nghĩa đế quốc trong thập kỷ qua, như những thất bại mang tính chất ngẫu nhiên (nghĩa là nếu Mỹ chỉ cần sửa sai về phương diện «ý chí» thì thế cờ đã hoàn toàn khác rồi). Thế nhưng, làm sao lại có thể giải thích là « ngẫu nhiên » được, khi mà thắng lợi của ba dòng thác cách mạng trên thế giới không phải đã diễn ra như một trường hợp cá biệt, mà là đồng loạt, trong một xu thế lịch sử không gì cưỡng nổi, như chính Nich-xơn đã thú nhận.

Ông Nich-xơn chỉ xoay đèn cù chung quanh nhân tố « ý chí », từ chối một cuộc giải phẫu thật sự. Điều này rất dễ hiểu. Bởi lẽ, nếu làm như thế thì ngay ông ta cũng không thể không buộc phải đi đến kết luận này: chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản đã thắng, đang tiếp tục thắng.

Không ai phủ nhận rằng, trong đấu tranh xã hội, ý chí con người đóng một vai trò rất quan trọng. Khác với trong giới tự nhiên, trong đấu tranh xã hội, các quy luật chỉ có thể phát sinh tác dụng, trở thành hiện thực, thông qua hoạt động của con người. Tuy nhiên, ý chí lại không phải là một sản phẩm của hư vô, có thể tùy tiện tạo ra được. Mặt khác, ý chí, không phải bao giờ cũng đóng vai trò tích cực; không phải bao giờ nó cũng là thừa số « dương » (+). Trong

Digitized by Google

trường hợp hoạt động của con người phù hợp với quy luật khách quan của tự nhiên, của lịch sử, ý chí sẽ nhân sức mạnh con người lên thành một sức mạnh vĩ đại. Trong trường hợp ngược lại, ý chí — nói đúng hơn, ý muốn ngông cuồng — của con người càng lớn, thì hậu quả càng tai hại.

Từ lâu, Mác đã nói rằng, bi kịch lớn nhất của xã hội loài người là bi kịch về mâu thuẫn giữa hành động chủ quan của con người không phù hợp với thực tại khách quan. Một trong những nguyên nhân khiến tác phẩm của Xéc-văng-tét trở thành bất hủ chính là do nhà văn Tây-ban-nha này đã biết khai thác mâu thuẫn trên. Đông Ky-sốt có thể không bị sứt đầu, mẻ trán, nhục nhã đến như thế đâu, khi lao vào đánh nhau với cối xay gió, nếu như « ý chí » của anh chàng hiệp sĩ này chỉ là một đại lượng nhỏ thôi.

Rõ ràng, nhân dân nước Mỹ, khi xuống đường phản đối chiến tranh xâm lược Việt-nam, phản đối chạy đua vũ trang, đã tỏ ra sáng suốt gấp vạn lần, so với ông Ních-xơn và các tập đoàn lái súng đứng sau lưng ông ta.

★

Tuy nhiên, cũng không nên đặt vấn đề tranh luận lý luận với ông Ních-xơn làm gì. Bởi lẽ, đó không phải là nhiệm vụ mà ông ta đặt ra cho mình khi viết cuốn *Chiến tranh thật sự*.

Mục đích thật sự của tổng thống thứ 37 của nước Mỹ là gì ?

Trước hết, ta hãy xem, sau khi chẩn đoán, ông Ních-xơn đã kê đơn thuốc gì cho nước Mỹ.

Toàn văn cái đơn thuốc đó như sau :

« Mỹ là một người khổng lồ đang mơ ngủ. Đã đến lúc phải đánh thức người khổng lồ ấy dậy, xác định các mục tiêu của anh ta, hồi phục sức khỏe của anh ta và lấy lại sức sống cho ý chí của anh ta ».

Để làm được như thế, ông Ních-xơn đã kiến nghị nhiều biện pháp, đề ra nào là « 10 quy tắc dùng cho Nhà trắng », nào là « tăng cường quyền uy cho tổng thống Mỹ », nào là « tổng thống Mỹ phải biết giỏi chơi bài tây ». Thế nhưng, những biện pháp này cũng chỉ mới là chất phụ gia, còn đây mới là biện pháp có giá trị như một cái lõi : *nước Mỹ cần có một cái gậy thật lớn*. Ông Ních-xơn tuyên bố : « Cần phải thi hành những biện pháp kiên quyết để làm đảo ngược xu hướng hiện nay đang bất lợi cho Mỹ. Việc tăng 5% ngân sách quân sự do tổng thống Ca-tơ loan báo còn rất lâu mới coi là đủ được. Phải tăng nhiều hơn nữa, phải tăng 20%, nghĩa là khoảng 30 tỷ đô-la, tính theo giá trị đồng đô-la năm 1980, trong 5 năm tới ». Như thế đấy — cái đơn thuốc của ông Ních-xơn xem qua thì có vẻ dài dòng, song, thật ra chỉ có mỗi một vị : bom ! bom nữa ! và thêm nhiều bom nữa !.

Việc tăng ngân sách quân sự chẳng những phải « mạnh mẽ » mà còn phải làm ngay lập tức, bởi lẽ — ông Ních-xơn viết tiếp — « lịch sử của các cuộc chiến tranh bị thua có thể tóm trong hai tiếng : quá muộn ! »

Nhằm thuyết phục nước Mỹ chấp nhận đơn thuốc của các tập đoàn lái súng mà hệ số lãi, vốn của chúng rõ ràng là phụ thuộc vào mức độ và tốc độ chạy đua vũ trang, ông Ních-xơn đã sử dụng một cách rất lộ liễu các thủ đoạn kích động. Ông ta đã tìm mọi cách khai thác tâm lý sô-vanh nước lớn trong một bộ phận nhân dân Mỹ bằng những luận điệu mà ông ta nói là « tổng kết của lịch sử ».

Ních-xơn viết : « Đặc điểm của các nền văn minh tiên tiến là, cùng với việc tăng thêm của cải và cuộc sống phong phú, các nền văn minh ấy mềm yếu đi và trở nên dễ bị tổn thương hơn. Suốt trong lịch sử, các nền văn minh chi phối các thời đại

Digitized by Google

đã bị tiêu hủy bởi những dân man di, vì thức tỉnh quá muộn trước nguy cơ và phản ứng trong chiến lược chống cự quá rụt rè ».

Ông Ních-xơn còn tìm mọi cách hù dọa nước Mỹ, quả quyết với nhân dân Mỹ rằng, nước Mỹ không phải chỉ đứng trước nguy cơ mà trên thực tế — theo cách định nghĩa mới về chiến tranh của Ních-xơn — thì chiến tranh thế giới thứ ba đã nổ ra rồi, « nổ ra ngay từ sau khi chiến tranh thế giới thứ hai vừa chấm dứt » và « nước Mỹ cùng phương Tây đang thua trận trong hòa bình ».

Ông Ních-xơn còn dùng một thủ đoạn rất quen thuộc mà bọn quan lại thuộc địa xưa nay vẫn dùng : đánh thẳng vào tình cảm thực dân của các tầng lớp thống trị và kinh doanh trong nước. Ông ta đã phác ra một cách thật « đáng thèm muốn » về những nguồn tài nguyên của thế giới mà Mỹ cần phải và có thể chi phối nếu có thực lực quân sự mạnh, nhất là hai kho tài nguyên lớn của loài người : kho nhiên liệu thuộc vùng vịnh Ba-tư và kho khoáng sản ở Trung và Nam châu Phi.

Rõ ràng, với cuốn *Chiến tranh thật sự*, ông Ních-xơn không định làm một nhà lý luận mà chỉ định làm một lão trùm chiến tranh tâm lý, nhằm nhen nhóm những tình cảm không đúng, không lành mạnh trong nước Mỹ, để tìm cơ sở xã hội cho một đường lối phiêu lưu, hiếu chiến, rất nguy hiểm mà các tập đoàn lái súng Mỹ đang lăm le đẩy nước Mỹ đi tới.

Có những tác phẩm rất dở nhưng cái hay lại nằm ngay đằng sau chúng. Cuốn sách của ông Ních-xơn thuộc trường hợp này.

Sở dĩ người ta phải chế tạo ra « thuẫn » là bởi trong đời sống đã xuất hiện cái « mâu ». Sở dĩ ông Ních-xơn phải dồn sức viết một cuốn sách dày cộp tuyên truyền cho chiến tranh là bởi trong nước Mỹ và trong thế giới phương Tây, đã và đang dấy lên một phong trào chống chiến tranh, chống chạy đua vũ trang sau khi chính quyền Ca-tơ quyết định theo đuổi « đường lối đối ngoại cứng rắn », gây tình hình căng thẳng khắp thế giới. Việc các tập đoàn cầm quyền hiếu chiến ở Mỹ phải móc từ dưới đáy mồ lên cái thây ma chính trị Ních-xơn, đẩy y đứng ra đánh nhau với dư luận, chứng tỏ bè lũ hiếu chiến yếu chứ không mạnh và chúng đang lúng túng.

Digitized by Google

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 8 — 1980 г

ПЕРЕДОВАЯ — Последовательное усвоение установок партии по улучшению работы в области распределения и товарного обращения. ТО ХЫУ Некоторые основные установки и важнейшие проблемы в работе по товарообращению и распределению. НГУЕН ТХЕ НГУЕН — К вопросу об искусстве проведения всеобщего восстания во время Августовской революции. НГУЕН ВАН ФУНГ — Наша партия и ленинские революционные методы. ДИНЬ ЖИА КХАНЬ — Проза и поэзия Нгуен Чая. НГУЕН ЧИНЬ — Президент Хо Ши Мин — мыслитель и теоретик. ЛЕ ДИНЬ КИ — То Хыу — поэт вьетнамской революции. ФАН ЛАНГ — О разглагольствованиях господина Никсона.

. . .

REVIEW OF COMMUNISM N° 8 – 1980

Editorial – Grasp the Party's policy on improved distribution and circulation. *TỐ-HỮU* – Some fundamental viewpoints and some major questions in distribution and circulation. *NGUYỄN-THẾ-NGUYÊN* – A look into the art of waging a general insurrection in the August Revolution. *NGUYỄN-VĂN-PHÙNG* – Our Party and the Leninist revolutionary method. *ĐINH-GIA-KHÁNH* – Nguyen Trai' s prose and poetry. *NGUYỄN-TRÌNH* – President Hồ-Chí-Minh, thinker and theorist. *LÊ-ĐÌNH-KỲ* – Tố-Hữu, the poet of the Vietnamese revolution. *PHAN-LANG* – Comments on Mr Nixon' s comments.

. . .

REVUE DU COMMUNISME N° 8 – 1980

Editorial – Bien saisir la politique du Parti sur l'amélioration de la distribution et de la circulation des marchandises. *TỐ-HỮU* – Quelques points de vue fondamentaux et quelques grands problèmes de la distribution et de la circulation des marchandises. *NGUYỄN-THẾ-NGUYÊN* – L' art de l'insurrection générale dans la Révolution d' Août 1945. *NGUYỄN-VĂN-PHÙNG* – Le PCV et la méthode révolutionnaire léniniste. *ĐINH-GIA-KHÁNH* – Nguyễn Trãi, vers et prose. *NGUYỄN-TRÌNH* – Le président Hồ Chí Minh, le penseur, le théoricien. *LÊ-ĐÌNH-KỲ* – Tố Hữu, le poète de la révolution vietnamienne. *PHAN-LANG* – Sur les commentaires de M. Nixon.

. . .

REVISTA DEL COMUNISMO N° 8 – 1980

Editorial – Una cabal comprensión de la política del Partido acerca del mejoramiento del trabajo de distribución y de circulación de mercancías. *TỐ-HỮU* – Unos puntos de vista fundamentales y grandes problemas en el trabajo de distribución y circulación de mercancías. *NGUYỄN-THẾ-NGUYÊN* – El arte de la insurrección general de la Revolución de Agosto. *NGUYỄN-VĂN-PHÙNG* – Nuestro Partido y el método revolucionario leninista. *ĐINH-GIA-KHÁNH* – Prosa y poesía de Nguyễn Trãi. *NGUYỄN-TRÌNH* – El presidente Hồ-Chí-Minh – pensador y teólogo. *LÊ-ĐÌNH-KỲ* – Tố-Hữu, poeta de la revolución vietnamita. *PHAN-LANG* – Acerca de los comentarios del señor Nixon

. . .

Digitized by Google

TẠP-CHÍ CỘNG SẢN

Số 8

1980

NĂM THỨ XXVI (296)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Thấu suốt chủ trương của Đảng về cải tiến công tác phân phối, lưu thông 1

TỐ-HỮU — Mấy quan điểm cơ bản và mấy vấn đề lớn trong công tác phân phối, lưu thông 10

Nghiên cứu ★ *NGUYỄN-THẾ-NGUYÊN* — Tìm hiểu nghệ thuật tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám 21

NGUYỄN-VĂN-PHÙNG — Đảng ta với phương pháp cách mạng lê-nin-nít 26

ĐINH-GIA-KHÁNH — Văn thơ Nguyễn-Trãi 32

NGUYỄN-TRÌNH — Chủ tịch Hồ-Chí-Minh — nhà tư tưởng, nhà lý luận 39

LÊ-ĐÌNH-KỲ — Tố-Hữu, nhà thơ của cách mạng Việt-nam 48

HOÀNG-QUY — Mấy vấn đề trong nông nghiệp ở Vĩnh-phú 56

Sinh hoạt tư tưởng ★ *HƯƠNG-GIANG* — Tình thương 61

Đọc sách ★ *PHAN-LANG* — Bàn về những lời bàn của ông Nich-xơn 65

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc:

– Cách mạng Tháng Tám (1945)
Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương

★ 35 năm chiến đấu và xây dựng

★ Việt-nam đất nước anh hùng

★ Việt-nam đấu tranh và xây dựng

★ Việt-nam đất nước giàu đẹp – Tập I

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ40

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

Univ. of Mich.
FEB 7 1983
Current Serials

9

9.1980

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

BA MƯƠI LĂM NĂM CHIẾN ĐẤU KIÊN CƯỜNG VÀ CHIẾN THẮNG VẺ VANG

TRƯỚC đây 35 năm, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, đập tan bộ máy Nhà nước phản động của đế quốc và phong kiến, dựng nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi rực rỡ đầu tiên của chủ nghĩa Mác – Lê-nin ở một nước thuộc địa. Nó cũng là thắng lợi vẻ vang của con đường cứu nước mà Hồ Chủ tịch đã tìm ra cho dân tộc ta từ hơn nửa thế kỷ trước đây, sau khi Người đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lê-nin. Đó là con đường gắn bó cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc, con đường đi từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, con đường giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong thời đại mới của lịch sử loài người do Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga đã mở ra.

Cách mạng Tháng Tám là một cái mốc rất quan trọng trên con đường dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nó đánh dấu sự đổi đời của một dân tộc vốn có 4000 năm lịch sử, nhưng trong thời cận đại lại chịu sự thống trị ngót một trăm năm của chủ nghĩa đế quốc và bọn phong kiến tay sai. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân ta từ nô lệ đã trở thành người chủ chân chính của đất nước, nắm vững vận mệnh của mình, và quyết tâm giữ vững quyền làm chủ ấy để bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được và xây dựng cuộc sống mới trên Tổ quốc thân yêu.

Từ cái mốc lịch sử ấy, với bộ máy Nhà nước mới trong tay, nhân dân ta do Đảng và Hồ Chủ tịch lãnh đạo, tiếp tục tiến bước trên con đường cách mạng vẻ vang, vì độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội.

Ít có một dân tộc nào trên thế giới phải trải qua những thử thách ghê gớm như dân tộc ta trong 35 năm qua. Cuộc chiến tranh xâm

Digitized by Google

lược của đế quốc Pháp hòng bóp chết chính quyền nhân dân còn non trẻ và bắt nhân dân ta trở lại kiếp nô lệ, cuộc chiến tranh thực dân mới của Mỹ với tất cả sức mạnh tàn bạo của một tên đế quốc đầu sỏ, hòng đè bẹp cuộc cách mạng nước ta, xóa bỏ những thành quả xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã giành được, thậm chí hòng đẩy miền Bắc nước ta trở lại thời kỳ đồ đá, đều đã bị thất bại thảm hại. Nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế vô cùng lạc hậu, lúc đầu ở miền Bắc, khi đất nước còn tạm thời bị chia cắt, và sau này trên cả nước, khi đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, với tất cả những hậu quả nghiêm trọng của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới. Thêm vào đó là sự phản bội đê hèn của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đối với cuộc cách mạng của nhân dân ta, các cuộc chiến tranh xâm lấn nước ta từ biên giới tây nam và biên giới phía bắc, v.v. Đó là bấy nhiêu thử thách nặng nề mà nhân dân ta đã gặp phải. Song tất cả những thử thách ấy đã không thể ngăn cản nhân dân anh hùng nước ta giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, với chiến thắng Điện-biên-phủ lẫy lừng báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, và nhất là cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, với chiến dịch Hồ-Chí-Minh lịch sử, mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới, mãi mãi được ghi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta như những trang hết sức chói lọi và vẻ vang. Thắng lợi bước đầu của nhân dân ta trước bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc đã bẻ gãy một gọng kìm của chúng ở phía tây nam Tổ quốc, giúp đỡ đắc lực cho nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy đập tan ách thống trị diệt chủng của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai của Bắc-kinh, và làm cho âm mưu của chúng hòng xâm lược nước ta từ phía bắc bị thất bại.

Cùng với những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ trương sáng suốt của Đảng ta về việc thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, đã đem lại kết quả rực rỡ về hai mặt: vừa củng cố được miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa làm cho miền Bắc trở thành nhân tố quyết định đối với sự nghiệp cách mạng chung trong cả nước, dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thực hiện được sự thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, nhìn lại những năm tháng đã qua, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng: thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ,

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ-CHÍ-MINH
890 969

Digitized by Google

Digitized by Google

cứu nước sẽ không thể nào có được nếu không có vai trò quyết định của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nơi mà ngay từ năm 1964, những thắng lợi to lớn của sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã làm cho bộ mặt đất nước và con người đều đổi mới, đúng như Hồ Chủ tịch đã nói trong Hội nghị chính trị đặc biệt, trước khi nhân dân ta bước vào cuộc chiến tranh chống Mỹ trên phạm vi cả nước.

Và từ năm 1975 đến nay, với những cố gắng to lớn, nhân dân ta cũng đã giành được những thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và hình thành cơ cấu kinh tế thống nhất trong cả nước, mặc dù những thắng lợi đó còn bị hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có những khuyết điểm của ta trong công cuộc quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Điều đặc biệt đáng nêu là nhân dân ta đã giành được những thành tích nổi bật trong sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục và y tế. Nạn mù chữ đã được thanh toán, kể cả ở miền Nam là nơi mới được giải phóng không lâu. Hiện nay cả nước ta có gần 13 triệu học sinh phổ thông các cấp, tính bình quân cứ trên 3 người có một người đi học. Số học sinh đại học hằng năm bằng trên một trăm lần tổng số học sinh đại học toàn Đông-dương năm 1939 — 1940 dưới thời Pháp thống trị. Hàng nghìn người đã có trình độ trên đại học. Về y tế, nhân dân ta đã xây-dựng được một mạng lưới tương đối hoàn chỉnh từ trung ương đến cơ sở, từ thành thị đến nông thôn và rừng núi, thể hiện sự quan tâm to tớn của Đảng và Nhà nước ta đối với sức khỏe của nhân dân.

Về mặt đối ngoại, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam chúng ta, thành quả vĩ đại nhất của hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng của nhân dân ta do Đảng cộng sản lãnh đạo, đã có uy tín ngày càng to lớn trên trường quốc tế. Với tinh thần hy sinh phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bằng những đóng góp tích cực của mình vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, nhân dân ta đã giành được sự tin yêu và kính phục của cả loài người tiến bộ. Đó là một nguồn cổ vũ và cũng là một nguồn sức mạnh to lớn của nhân dân ta. Với Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô và việc nước ta chính thức gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế, sự liên minh giữa nước ta và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sự liên minh toàn diện giữa nước ta với Liên-xô, được tăng cường và củng cố. Đó là điều kiện rất thuận lợi để nhân dân ta đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Những thành quả về mọi mặt của nhân dân ta trong 35 năm qua đã làm nổi bật sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng theo con đường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, con đường của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại; làm nổi bật bản chất anh hùng cách mạng, nghị lực chiến đấu phi thường, sức sáng tạo vô tận của nhân dân ta; làm nổi bật vai trò tiên phong, dũng cảm của những người cộng sản trong hàng ngũ của nhân dân Việt-nam anh hùng; làm nổi bật vai trò tổ chức và quản lý của Nhà nước ta mà sức mạnh sẽ còn lớn hơn nữa nếu ta biết phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm để nó thật sự là một chính quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, một chính quyền biết quản lý và quản lý giỏi sự nghiệp phát triển kinh tế và các mặt của đời sống xã hội. Những thành quả đó dương nhiên không thể tách rời sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế, trước hết là của Liên-xô vĩ đại, trụ cột của cách mạng và hòa bình trên toàn thế giới.

Ngày nay, sau khi đã giành được những thắng lợi to lớn trong việc bảo vệ và phát huy những thành quả của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân ta đang đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề và rất vẻ vang: xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trong việc thực hiện những nhiệm vụ chiến lược trọng đại đó, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản. Đó là sức mạnh của một dân tộc có truyền thống yêu nước, có tinh thần lao động cần cù và sáng tạo, thông minh, dũng cảm, đoàn kết, nhất trí và quyết tâm phấn đấu để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Đó là tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng của một đất nước lần đầu tiên đã đạt tới sự thống nhất thật sự trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng Mác — Lê-nin chân chính, đã từng trải trong đấu tranh cách mạng và đang ngày càng đi sâu nắm vững những quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế và xã hội. Đó là bộ máy Nhà nước chuyên chính vô sản đã được xây dựng khắp nước và đang cố gắng cải tiến công tác tổ chức và quản lý của mình. Đó là sự lớn mạnh và trưởng thành của các lực lượng vũ trang nhân dân đang tiến mạnh trên con đường chính quy và hiện đại, có tinh thần « trung với nước, hiếu với dân », cảnh giác, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ mà Tổ quốc và nhân dân giao phó. Về mặt quốc tế, chúng ta có sự đoàn kết chặt chẽ với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, hợp thành một mặt trận cách mạng

Digitized by Google

thống nhất của toàn Đông-dương, khiến cho thế và lực của cách mạng Đông-dương vững chắc hơn bao giờ hết. Nước ta lại liên minh với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, một bảo đảm vô cùng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Cần phải thấy rõ tất cả những thuận lợi cơ bản ấy để quyết tâm vượt qua những khó khăn to lớn mà cách mạng nước ta đang gặp phải. Đó là tình trạng vô cùng lạc hậu của nền kinh tế nước ta, một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến, khiến cho sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trở nên vô cùng khó khăn, đúng như Lê-nin đã từng dự đoán. Đó là những hậu quả nặng nề của hơn 30 năm chiến tranh ác liệt và của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, và tình trạng đất nước ta đang thường xuyên bị bọn bành trướng Bắc-kinh đe dọa xâm lược. Đương nhiên những khuyết điểm chủ quan của ta trong lĩnh vực quản lý kinh tế và xã hội cũng làm cho những khó khăn đó gay gắt thêm. Vì vậy trong khi phấn đấu hết sức mình để vượt qua những khó khăn khách quan do địch họa và thiên tai gây ra, chúng ta phải chú ý khắc phục những khuyết điểm quan trọng trong công tác tổ chức và quản lý, kiên quyết khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội.

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đang được hướng dẫn bởi một đường lối đúng đắn. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu lên đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta như sau:

« Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ».

Đường lối chung ấy đã được Đảng ta cụ thể hóa trong nhiều nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng và của Bộ chính trị cũng như trong nhiều nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, nhất là trong

Digitized by Google

những nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách, về nông nghiệp, về công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, về phân phối, lưu thông, v.v. Chúng ta cần nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết đó, nhằm tạo ra một chuyển biến trong nền kinh tế, một sự cải thiện trong tình hình xã hội để tạo cơ sở vững chắc cho việc đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, và phát huy tính chủ động, sáng tạo của quần chúng nhân dân, trên cơ sở của tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Phải nghiên cứu sâu hơn nữa tình hình cụ thể của nước ta và những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để cụ thể hóa hơn nữa đường lối của Đảng trong từng thời kỳ của cách mạng cũng như trong từng lĩnh vực của sự phát triển xã hội. Phải làm cho toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân thấm nhuần những quan điểm cơ bản của Đảng trong sự nghiệp cách mạng hiện nay như: kết hợp sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, kết hợp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng; kết hợp cải tạo xã hội chủ nghĩa với xây dựng chủ nghĩa xã hội; kết hợp và tiến hành song song ba cuộc cách mạng; nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, v.v. Khắc phục những lệch lạc như: tách rời kinh tế với quốc phòng, tách rời cải tạo với xây dựng, tách rời ba cuộc cách mạng, buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng cuộc đấu tranh giữa hai con đường, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, v.v.

Phải tăng cường sự nhất trí về tư tưởng và thống nhất trong hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố kỷ luật Đảng, khiến cho toàn Đảng hành động như một khối thống nhất. Đây là điều kiện quyết định để tăng cường sự thống nhất trong toàn xã hội, và cũng là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và phát huy sức mạnh vĩ đại của toàn dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chuyên chính vô sản là công cụ vô cùng sắc bén của cách mạng nước ta để xây dựng và bảo vệ đất nước. Chúng ta phải làm mọi cái có thể làm được để tăng cường nền chuyên chính vô sản, nâng cao tác dụng của nó trong việc tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý cả sự nghiệp củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của nước ta. Buông lỏng chuyên chính vô

Digitized by Google

sản, khiến cho nó mềm yếu, kém hiệu lực là rất có hại cho lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đương nhiên, một chính quyền mạnh phải là một chính quyền tự coi mình là đầy tớ của nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ lợi ích của nhân dân, đồng thời biết tổ chức và quản lý giỏi kinh tế và xã hội, theo đúng đường lối của Đảng tiên phong. Chúng ta phải ra sức xây dựng chính quyền xã hội chủ nghĩa của nước ta theo phương hướng đó, từ đó mà làm cho nó có hiệu lực ngày càng lớn trong sự nghiệp cách mạng của nước ta.

Để phát huy trí sáng tạo và tinh thần chủ động của nhân dân ta, cần phải thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của họ trong mọi mặt của đời sống xã hội. Muốn vậy phải làm rất nhiều việc, đặc biệt là phải đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thông qua Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tăng cường giáo dục chính trị và hết sức chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Quyền làm chủ của nhân dân còn phụ thuộc một phần quan trọng vào phẩm chất và năng lực của các đảng viên, nhất là những đảng viên có trách nhiệm trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Các đảng viên này càng thực hiện đầy đủ lời dạy của Bác Hồ « làm đầy tớ của nhân dân », thì nhân dân càng có cơ hội để làm chủ thật sự Nhà nước của mình. Đó là bài học quý báu ở những nơi thực hiện tốt lời Di chúc của Bác Hồ. Chúng ta cần mở rộng tấm gương tốt đẹp ấy ra khắp các ngành, các địa phương, các cơ sở trong cả nước. Đương nhiên, để bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, chúng ta còn phải kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng, trừng trị bọn lưu manh, ăn cắp, hối lộ, trừng trị tất cả những ai xâm phạm nặng nề đến tài sản xã hội chủ nghĩa, đến lợi ích chính đáng của nhân dân lao động.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đang đứng trước những triển vọng tốt đẹp. Phát huy những thành quả vĩ đại của cách mạng nước ta trong 35 năm qua, thực hiện nghiêm chỉnh những chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, nhân dân ta nhất định sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt, tiến mạnh trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vĩ đại của mình.

Digitized by Google

TIẾN LÊN GIÀNH NHỮNG THẮNG LỢI MỚI, NGÀY CÀNG TO LỚN, XỨNG ĐÁNG VỚI SỰ NGHIỆP BIẾT BAO YÊU QUÝ CỦA CHÚNG TA *

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Kính thưa đồng chí Lê-Duẩn,
Thưa các đồng-chí và các bạn,

HÔM nay chúng ta kỷ niệm lần thứ 35 thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại và ngày thành lập nước Việt-nam mới, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, với niềm hân hoan vô hạn bởi đó là những sự kiện lịch sử cực kỳ quan trọng đối với dân tộc Việt-nam ta.

Nhân dịp này, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tôi thân ái gửi đến đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài những tình cảm nồng thắm nhất và những lời chúc mừng tốt đẹp nhất, thân ái chúc mọi người Việt-nam chúng ta hãy làm hết sức mình, xứng đáng với biết bao chiến sĩ đã chiến đấu và hy sinh trong suốt 35 năm qua để có ngày vẻ vang hôm nay. Mọi người chúng ta hãy vươn lên kế tục sự nghiệp cách mạng của những người đã khuất, quyết đưa Tổ quốc ta và dân tộc ta tiến lên giành những thắng lợi huy hoàng hơn nữa trong thời đại Hồ-Chí-Minh vĩ đại.

Cũng nhân dịp này, nhân dân Việt-nam thân ái gửi đến nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, thân ái gửi đến nhân dân Liên-xô và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, thân ái gửi đến nhân dân các nước bầu bạn gần xa trên thế giới những tình cảm nồng nhiệt và lòng biết ơn sâu sắc về sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn mà các đồng chí và các bạn đã dành cho cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng gian khổ, đồng thời vô cùng oanh liệt của nhân dân Việt-nam ta suốt 35 năm qua.

Hôm nay, chúng ta nhiệt liệt chào mừng thành công rực rỡ của chuyến bay của hai nhà du hành vũ trụ Xô—Việt: V.V. Go-rơ-bát-cô và Phạm-Tuân. Thật vậy, không phải ngẫu nhiên mà hôm nay nhân kỷ niệm 35 năm Ngày sinh của nước Việt-nam mới, chúng ta chào mừng sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại này. V.I. Lê-nin, Cách mạng Tháng Mười và Liên-xô vĩ đại đã chắp cho nhân dân Việt-nam ta đôi cánh để bay lên những đỉnh cao của cuộc chiến đấu vì độc lập và tự do; mới đây lại chắp

* Diễn văn đọc tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 35 Cách mạng Tháng Tám và mừng Quốc khánh 2-9.

Digitized by Google

cho một công dân Việt-nam đôi cánh để cùng người anh em chí thân của mình bay lên vũ trụ. Với đôi cánh kỳ diệu này, nhân dân Việt-nam sẽ cùng nhân dân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cùng nhân dân cách mạng toàn thế giới bay tới những chân trời mới của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hôm nay, sau 35 năm chứng kiến những gì đã xảy ra trên đất nước ta cũng như trên thế giới, chúng ta có đủ điều kiện để đánh giá một cách đúng đắn tầm quan trọng to lớn và sâu xa của Cách mạng Tháng Tám và ngày 2 tháng 9 năm 1945.

35 năm qua là 35 năm dựng nước và giữ nước oanh liệt nhất trong lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc Việt-nam ta; 35 năm xây dựng và bảo vệ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, 35 năm đưa đất nước ta và dân tộc ta tiến cùng một hướng, một nhịp với thời đại, mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại: thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

35 năm qua là 35 năm chiến đấu kiên cường và chiến thắng vẻ vang những nước đế quốc hùng mạnh nhất là Pháp và Mỹ, xóa bỏ hoàn toàn ách thống trị thực dân cũ và mới trên toàn bộ nước ta, nêu cao ngọn cờ của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính yêu: không có gì quý hơn độc lập tự do, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc khắp nơi trên thế giới, làm nổi bật ý nghĩa quốc tế và tầm vóc thời đại của thắng lợi của Việt-nam. Tiếp đó nhân dân ta một bước chiến thắng bọn bành trướng Trung-quốc ở Cam-pu-chia và ở biên giới phía bắc nước ta.

35 năm qua là 35 năm gắn bó sự nghiệp cách mạng nước ta với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh và Đảng ta đã gắn liền cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta với cách mạng thế giới, với ba dòng thác cách mạng không ngừng dâng lên, tạo cho chúng ta nhiều thuận lợi để chiến đấu và chiến thắng, đồng thời để chúng ta cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Phải làm sáng tỏ những điều trên đây để thấy rõ ý nghĩa và tác dụng của Cách mạng Tháng Tám, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cuộc cách mạng đưa tới sự ra đời của nước Việt-nam mới, Nhà nước công nông đầu tiên ở khu vực này, Nhà nước làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, nhằm xóa bỏ tận gốc vết tích của chế độ thực dân và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

I — CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KỶ NGUYÊN MỚI TRONG LỊCH SỬ VIỆT-NAM

Thưa các đồng chí và các bạn,

Như vậy, Cách mạng Tháng Tám là cái mốc lịch sử đánh dấu ý chí của nhân dân ta đoạn tuyệt với quá khứ bị áp bức và bóc lột, nghèo nàn và lạc hậu, quá khứ thực dân và phong kiến; nó mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, kỷ nguyên nước nhà giàu mạnh, nhân dân có đời sống văn minh và hạnh phúc. Nó là kết

Digitized by Google

quả rực rỡ của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, Đảng của giai cấp công nhân, vũ trang bằng học thuyết Mác — Lê-nin vĩ đại. Nó diễn ra ở một thời gian lịch sử rất thuận lợi sau chiến thắng vang lừng của Liên-xô chống chủ nghĩa phát-xít trong chiến tranh thế giới lần thứ hai và từ đó nó càng gắn bó cách mạng nước ta với cách mạng thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là sự phát triển tất yếu của lịch sử của dân tộc Việt-nam ta trải qua mấy nghìn năm phấn đấu. Nó thể hiện ước mơ lâu đời của ông cha ta trong quá trình dựng nước và giữ nước đầy gian khổ và thành tựu vẻ vang. Quá trình đó, sự phát triển đó, tóm lại những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giờ đây đã hòa một nhịp với xu thế của thời đại, với những tư tưởng lớn của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin, với Cách mạng Tháng Mười, với cuộc đấu tranh cách mạng long trời lở đất của nhân dân thế giới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường đã dẫn dắt loài người, từ những hang động nguyên thủy, qua biết bao thế hệ, kiên trì cuộc đấu tranh nhằm những mục tiêu cao đẹp vô cùng: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Mãi mãi dân tộc Việt-nam biết ơn Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính yêu, từ đầu thế kỷ này, đã ra đi để tìm con đường cứu nước, cứu dân, con đường cách mạng triệt để, con đường đưa đến thắng lợi và vinh quang.

Con đường đó là con đường đi từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đúng như cương lĩnh chính trị của Đảng đã vạch rõ ngay từ ngày thành lập Đảng, và phù hợp với lời dạy sáng suốt của Lê-nin vĩ đại: « Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ».

Đây là hai cuộc cách mạng nối tiếp nhau, cuộc trước chuẩn bị cho cuộc sau, cuộc sau hoàn thành những gì cuộc trước chưa làm xong. Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, diễn ra một cuộc đấu tranh cách mạng liên tục, bền bỉ, không ngừng phát triển, nhằm xóa bỏ cái cũ, xây dựng cái mới trong mọi lĩnh vực của đời sống, từ đó mà phát huy đến mức sâu rộng nhất sức mạnh, trí tuệ, tài năng của các tầng lớp nhân dân, của cả dân tộc để dựng nước và giữ nước.

Cách mạng Tháng Tám, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, ngay từ đầu đã đạp đổ chính quyền thực dân và phong kiến và thiết lập chính quyền mới, của dân, do dân, vì dân. Chính quyền đó bắt tay ngay vào công việc cải cách dân chủ, từng bước xóa bỏ những vết tích của chế độ thực dân và phong kiến, thực hiện rộng rãi những quyền dân chủ của nhân dân. Cuộc cải cách dân chủ to lớn nhất, sâu xa nhất, có ý nghĩa cách mạng triệt để nhất là cuộc cải cách ruộng đất nhằm thực hiện ước mơ ngàn xưa của nông dân nước ta: người cày có ruộng. Cải cách ruộng đất là một cuộc đấu tranh cách mạng rất gay gắt nhằm giải phóng giai cấp nông dân, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, tác động mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần củng cố liên minh công nông, nền tảng của Mặt trận thống nhất của dân tộc, cống hiến to lớn vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc trong những năm 50.

Với cải cách ruộng đất, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân về cơ bản đã hoàn thành và mở đường để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, hai bộ phận

Digitized by Google

quan hệ khăng khít với nhau. Mặc dù biết bao khó khăn và phức tạp bắt nguồn từ chiến tranh và trình độ lạc hậu của nền kinh tế quốc dân, Đảng ta và Nhà nước ta vẫn kiên trì cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực kinh tế: trong nông nghiệp, công nghiệp, phân phối và lưu thông, v.v. và đã thu được những kết quả đáng mừng. Nền kinh tế bao gồm ba thành phần: kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã (chủ yếu trong nông nghiệp), kinh tế cá thể, đã có những bước phát triển vững chắc, góp phần quan trọng vào việc chi viện cho kháng chiến và cải thiện đời sống của nhân dân. Ở đây cần nhấn mạnh những cố gắng và những thành tựu trong việc hợp tác hóa nông nghiệp, từng bước xây dựng nông thôn mới, xã hội chủ nghĩa, đưa đến những biến đổi khác trước như trời với vực!

Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của miền Bắc nước ta, làm cho miền Bắc trở thành cột trụ vững mạnh của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bắt đầu từ những năm 60. Trong hơn 15 năm, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã cống hiến ngày càng to lớn, càng có ý nghĩa quyết định vào cuộc chiến đấu và chiến thắng đế quốc Mỹ. Những thành tựu rực rỡ này chứng tỏ một cách hùng hồn sự sáng suốt của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta và nhiệt tình cách mạng của nhân dân Việt-nam ta.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC PHÁP VÀ MỸ

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong «Tuyên ngôn Độc lập», Hồ Chủ tịch nói: «Nước Việt-nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy». Ở đây Hồ Chủ tịch nhấn mạnh ý chí kiên cường của dân tộc, quyết tâm phấn đấu nhằm giữ vững nước Việt-nam mới, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, thể hiện ý nguyện độc lập tự do của dân tộc.

Hồ Chủ tịch đã đoán đúng mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, trực tiếp là thực dân Pháp: chúng không muốn biết đến nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, chúng cố tình phá hoại mọi cuộc đàm phán, và ráo riết tập trung lực lượng quân sự để xâm lược và nô dịch nước ta, đặt nước ta trở lại dưới sự thống trị của thực dân Pháp.

Trước tình hình đó, Hồ Chủ tịch kêu gọi: «Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt-nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước».

Đây là cuộc chiến đấu chính nghĩa, cuộc chiến tranh để bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám, bảo vệ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Cuộc chiến tranh đã huy động toàn bộ lực lượng của dân tộc Việt-nam, lực lượng đó đã được nhân lên gấp bội bởi tác dụng và ảnh hưởng của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên toàn bộ đất nước ta, từ Bắc đến Nam.

Lúc đầu bọn thực dân Pháp huênh hoang tuyên bố: chỉ cần mấy tuần lễ chúng sẽ dẹp cuộc kháng chiến của nhân dân Việt-nam, sớm đặt lại chế độ cũ. Thật sự cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã anh dũng diễn ra trong 9 năm và kết thúc bằng chiến dịch đông xuân 1953—1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện-biên-phủ vang lừng, báo hiệu sự sụp đổ của chế độ thực dân cũ.

Digitized by Google

Thắng lợi của chúng ta là rõ rệt và rất lớn. Tuy nhiên, tại Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 về Đông-dương, nhà cầm quyền Trung-quốc, câu kết với các nước đế quốc, đã hạn chế ý nghĩa của thắng lợi đó; bọn chúng ra sức tạo mọi thuận lợi cho đế quốc Mỹ thay thế thực dân Pháp chiếm đóng miền Nam nước ta, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, xóa bỏ thành quả của Cách mạng Tháng Tám, đưa Việt-nam trở lại chế độ thuộc địa dưới quyền thống trị của đế quốc Mỹ.

Dân tộc Việt-nam ta buộc phải đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến chống nước đế quốc giàu mạnh nhất, cuộc «chống Mỹ, cứu nước», cuộc chiến tranh thần thánh nhằm bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, bảo vệ tự do, độc lập của dân tộc.

Lúc này, khác hẳn với tình hình nước ta sau Cách mạng Tháng Tám, khi nước Việt-nam dân chủ cộng hòa mới ra đời, lúc mà Hồ Chủ tịch phải kêu gọi «diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm». Lúc này lực lượng của chúng ta về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, quan hệ quốc tế, đã lớn mạnh hơn rất nhiều; Quân đội ta vừa đánh thắng đội quân viễn chinh, đội quân nhà nghề của nước Pháp; nhân dân cả nước ta sục sôi căm thù và hăng hái tham gia cuộc chiến tranh chống bọn xâm lược mới, cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc oanh liệt nhất trong lịch sử nước ta.

Cuộc kháng chiến bắt đầu ở miền Nam «Thành đồng Tổ quốc» và diễn ra qua các giai đoạn, qua các bước leo thang của kẻ thù: chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, chiến tranh «Việt-nam hóa». Mỗi một bước leo thang đánh dấu một bước thất bại nặng nề của quân xâm lược, leo thang càng cao thì thất bại càng nặng cho đến thất bại cuối cùng.

Phải thấy hết quy mô rộng lớn và tính chất ác liệt của cuộc chiến tranh: đế quốc Mỹ đã ném vào đây mọi khả năng và phương tiện chiến tranh có thể dùng được trong cuộc chiến tranh này, có lúc chúng đã đưa vào miền Nam nước ta trên nửa triệu quân, trang bị rất đầy đủ và hiện đại, đã vận dụng mọi lực lượng của nước Mỹ: quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao... Tóm lại, chúng đã cố gắng hết sức hòng giành thắng lợi; chúng đã thuyết phục, lôi kéo vào chiến tranh nhiều nước đế quốc phương Tây, nhiều nước ở Đông — Nam Á, các nước đồng minh của Mỹ và, từ năm 1972, chúng đã câu kết với nhà cầm quyền Bắc-kinh. Tất cả những cố gắng điên cuồng của đế quốc Mỹ càng phơi bày trước nhân dân thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ bản chất cực kỳ phi nghĩa và tàn bạo của cuộc chiến tranh xâm lược do chúng gây nên, đồng thời càng làm nổi bật cuộc chiến đấu sáng ngời chính nghĩa của nhân dân Việt-nam ta, cuộc chiến đấu tiêu biểu lương tri của loài người, đưa đến sự hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống Mỹ xâm lược! Như mọi người đều biết, cuộc chống Mỹ, cứu nước của chúng ta đã diễn ra qua mấy đời tổng thống và đã kết thúc bằng thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ và thắng lợi vĩ đại của Việt-nam. «Không có gì quý hơn độc lập tự do», và độc lập tự do đã thắng!

Cũng như trong cuộc chiến tranh chống Pháp, nhưng lần này lớn mạnh hơn, giàu kinh nghiệm hơn và chủ động hơn, chúng ta đã tiến hành cuộc chiến tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao; chúng ta đã thực hiện một cách tuyệt đẹp chiến lược — một chiến lược đã thành thơ — «đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào», mở đầu bằng việc ký kết Hiệp định Pa-ri (1973), tiếp đó là chiến dịch Hồ-Chí-Minh lịch sử, giành thắng lợi hoàn toàn, trọn vẹn, triệt để mùa xuân 1975.

Cuộc chiến đấu và thắng lợi của Việt-nam gắn liền với cuộc chiến đấu

Digitized by Google

và thắng lợi của hai dân tộc anh em trên bán đảo Đông-dương. Địa lý và lịch sử đã gắn bó nhân dân các nước Đông-dương bằng mối tình hữu nghị «đặc biệt», tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước chống kẻ thù chung vì những mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của nhân dân ba nước Đông-dương là tất yếu của lịch sử, nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự ổn định tình hình ở khu vực này, góp phần vào hòa bình và hữu nghị giữa các nước ở Đông – Nam Á. Nó tăng cường sức mạnh chống can thiệp của các thế lực đế quốc và bành trướng vì lợi ích của các nước Đông-dương và các nước Đông – Nam Á, vì lợi ích của hòa bình thế giới.

Thắng lợi của nhân dân Việt-nam có ý nghĩa quốc tế rộng lớn: nhân dân thế giới đồng thanh ca ngợi cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân Việt-nam, coi đó là mẫu mực, là đỉnh cao của cuộc chiến đấu chống xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, coi Việt-nam là tượng trưng cho lòng dũng cảm, trí thông minh, cho ý chí quyết chiến và quyết thắng; từ đó mà rút kết luận: Việt-nam đã thắng thì mọi dân tộc chiến đấu cho độc lập tự do nhất định cũng sẽ thắng, mặc dù kẻ thù lớn mạnh và độc ác đến mức nào.

Đúng như vậy! Thời đại của chúng ta là thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Việt-nam đã chứng minh rằng giương cao hai ngọn cờ vẻ vang đó, tức là phấn đấu theo xu thế của lịch sử, theo ý nguyện của nhân dân, thì nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt-nam sẽ đi vào lịch sử như một bản anh hùng ca bất hủ, ca ngợi cuộc chiến đấu và chiến thắng của một dân tộc dám hy sinh tất cả vì độc lập tự do và đã chiến thắng những nước đế quốc hùng mạnh nhất của thời đại.

Sau thất bại ở Việt-nam, đế quốc Mỹ càng lún sâu trong cuộc khủng hoảng triền miên không có lối thoát, khủng hoảng về kinh tế, khủng hoảng về tinh thần, về lòng tin, báo hiệu sự suy đồi của chủ nghĩa đế quốc, đem lại tương quan lực lượng ngày càng thuận lợi cho sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

II – NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM: TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ

Thưa các đồng chí và các bạn,

SAU chiến thắng mùa Xuân 1975, chỉ trong một thời gian ngắn, chúng ta đã làm nên những việc rất lớn: thực hiện thống nhất nước nhà và tuyên bố sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, họp Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam và Đại hội vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước, chiến đấu và chiến thắng bọn bành trướng Bắc-kinh ở biên giới tây – nam và ở phía bắc nước ta; thắt chặt khối đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông-dương thành lực lượng bảo vệ hòa bình và ổn định ở Đông – Nam Á chống lại mọi âm mưu bành trướng và xâm lược của nhà cầm quyền Trung-quốc và đế quốc Mỹ; triển khai hoạt động đối ngoại hướng về Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hướng về mọi nước gần xa trên thế giới vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Hiện nay nhân dân ta đứng trước một tình hình và những nhiệm vụ khó khăn phức tạp, song chưa có lúc nào

Digitized by Google

trong lịch sử lâu dời của mình, đất nước và dân tộc ta lớn mạnh về mọi mặt như ngày nay

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam chúng ta, thành quả của cuộc đấu tranh bền bỉ và bất khuất qua hàng chục thế kỷ, là một nước cỡ trung bình về tầm vóc. Nhưng điều quan trọng không phải ở tầm vóc, mà chính là ở tài năng sáng tạo, ở lòng dũng cảm và trí thông minh của nhân dân, và về mặt này, chúng ta có thể tự hào về những khả năng vô tận của dân tộc, của con người Việt-nam ta. Quá khứ đã chứng minh, hiện tại đang chứng minh, và tương lai sẽ càng chứng minh chân lý ấy.

Một điều nữa cũng rất quan trọng, đó là tài nguyên thiên nhiên có thể rất phong phú và đa dạng của đất nước, mà tới nay, chúng ta mới hiểu biết một phần nhỏ. Nước ta lại ở vào một vị trí địa lý — chính trị thuận lợi trên ngã ba đường từ đông sang tây, từ bắc đến nam. Nhìn ra thế giới, nước ta cùng hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia đoàn kết ngày càng chặt chẽ, và đấu tranh vì những mục tiêu chung: cùng nhau bảo vệ độc lập dân tộc, cùng giúp nhau xây dựng đời sống mới, xã hội chủ nghĩa. Nước ta có quan hệ hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, hiện đang mở rộng quan hệ với nhiều nước khác, và chúng ta quyết làm hết sức mình nhằm phát huy tác dụng của sự hợp tác quý báu này. Tóm lại, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa thân yêu của chúng ta đang đứng trước những khả năng và những triển vọng tốt đẹp để hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình. Trong thời điểm lịch sử này, mọi người Việt-nam ta hãy có ý thức đầy đủ và sâu sắc về sức mạnh và thế mạnh của đất nước, hăng hái, phấn khởi vươn lên, hướng về phía trước.

Tất nhiên, trong tình hình hiện nay của đất nước, chúng ta phải thấy hết khó khăn. Vậy đó là khó khăn gì và từ đâu đến? Trước hết, đó là những khó khăn do kẻ thù gây nên, kẻ thù trước đây và kẻ thù hiện nay: đó là những khó khăn do 30 năm chiến tranh và một thế kỷ chủ nghĩa thực dân (chủ yếu ở miền Nam) để lại. Chúng ta hãy nhớ luôn rằng kẻ thù của chúng ta đã mong muốn, bằng cuộc chiến tranh tàn phá, đưa đất nước ta trở về thời kỳ đồ đá! Và ngày nay, kẻ thù mới là bọn bành trướng Trung-quốc chẳng phải đang câu kết với đế quốc Mỹ và mọi lực lượng phản động khác ôm ấp mưu đồ xâm lược nước ta, hằng ngày phá hoại nền kinh tế nước ta, gây cho chúng ta biết bao khó khăn mà chúng ta chưa thể lường hết!

Thêm vào đó, nền kinh tế nước ta vốn lạc hậu, bị kìm hãm dưới chế độ thực dân và phong kiến, chỉ có thể phát triển trong một phạm vi hạn chế suốt thời gian hai cuộc kháng chiến, lại bị tổn thất rất lớn do chiến tranh hủy diệt của kẻ thù.

Cũng cần kể thêm hậu quả nặng nề của thiên tai liên tiếp khắp nơi trên đất nước ta trong mấy năm qua cho đến trận bão gần đây ở miền Bắc.

Nhắc đến những khó khăn kể trên và nguồn gốc của nó, tôi cần nhấn mạnh với các đồng chí và đồng bào những yếu kém và thiếu sót của các cơ quan có thẩm quyền trong công việc quản lý nền kinh tế quốc dân. Nói như vậy, chính là chúng tôi tự phê bình trước các đồng chí và đồng bào về trách nhiệm của mình. Đồng thời, đòi hỏi mọi người chúng ta phải tự phê bình và phê bình về tình trạng vô trách nhiệm, vô kỷ luật, làm việc không có hiệu quả, về năng suất lao động thấp kém, về tình trạng tham ô, móc ngoặc, cửa quyền, v.v.

Digitized by Google

Phải thấy hết khó khăn để khắc phục khó khăn và muốn khắc phục khó khăn, phải thấy hết thuận lợi, đó là sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, đó là nhiệt tình cách mạng, ý chí quyết chiến và quyết thắng của nhân dân ta. Tất nhiên, nhiệt tình cách mạng, ý chí cách mạng, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân làm nên thắng lợi là kết quả của sự lãnh đạo của Đảng, của đường lối của Đảng, đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối kinh tế, đường lối ngoại giao, người phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quần chúng, người làm nảy nở những bông hoa của chế độ xã hội chủ nghĩa, chế độ nhân dân lao động làm chủ mọi công việc của đất nước, của xã hội. Đó là nhân tố cơ bản nhất, nó đã quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, thắng lợi của công cuộc dựng nước và giữ nước 35 năm qua. Nó sẽ quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng hiện nay và sau này của chúng ta.

Theo tinh thần đó, chúng ta ra sức xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam vững mạnh về mọi mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng, có nền kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, nền khoa học — kỹ thuật tiên tiến, có đời sống văn minh và hạnh phúc. Để làm những việc trên đây chúng ta phải biết vận dụng một cách sáng tạo đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra :

« Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ; cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt ; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu ; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ; xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa ; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ».

Hiện nay cả nước ta đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, điều quan trọng và cấp bách bậc nhất là chúng ta phải đồng thời thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân. Đây là cuộc đấu tranh cách mạng dưới chính quyền chuyên chính vô sản, một cuộc đấu tranh không khoan nhượng bằng những biện pháp hành chính, kinh tế, tư tưởng, nhằm củng cố và mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, hạn chế và thu hẹp kinh doanh tư bản chủ nghĩa tư nhân dưới mọi hình thức, nhất là trong lĩnh vực thương nghiệp. Ở miền Nam, chúng ta cho phép tồn tại và hoạt động kinh doanh những ngành nghề tư bản chủ nghĩa tư nhân trong công nghiệp còn có ích lợi cho nền kinh tế quốc dân. Chúng ta cần tiến hành vững chắc cuộc đấu tranh cách mạng khá phức tạp này, quyết giành thắng lợi cuối cùng cho chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, chúng ta phải chú trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở miền Nam, kiên quyết đưa nông nghiệp và nông thôn miền Nam đi theo con đường hợp tác hóa, con đường của chủ nghĩa xã hội.

Cải tạo và xây dựng gắn liền với phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng việc ưu tiên phát triển

Digitized by Google

công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đây là vấn đề cơ cấu công—nông nghiệp, bộ phận chủ yếu của nền kinh tế quốc dân ở trung ương cũng như ở địa phương, ngay từ buổi đầu, từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cũng như trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, quá trình xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Đi đôi với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải ra sức tăng cường lực lượng quốc phòng nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Toàn thể dân tộc ta phải có ý thức đầy đủ và sâu sắc về tham vọng bành trướng và bá quyền nước lớn của nhà cầm quyền Trung-quốc đối với nước ta cũng như đối với các nước khác ở khu vực này, từ đó mà xác định quyết tâm tăng cường lực lượng phòng thủ đất nước về mọi mặt, từ các phía, khắp mọi nơi, quyết đánh bại quân xâm lược bất cứ từ đâu và lúc nào chúng đến. Chúng ta phải vận dụng một cách có hiệu quả nhất những khả năng của dân tộc và đất nước để tổ chức tốt công cuộc phòng thủ này. Chúng ta phải đúc kết những kinh nghiệm quý báu của những cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt-nam từ xưa cho đến gần đây, nhằm chiến đấu tốt hơn và chiến thắng vẻ vang hơn quân xâm lược Trung-quốc nếu chúng liều lĩnh xâm phạm bờ cõi nước ta.

Chúng ta muốn hòa bình và hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, chúng ta muốn bình thường hóa quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Chúng ta muốn tập trung mọi lực lượng của đất nước và của nhân dân để xây dựng cuộc sống mới, xã hội chủ nghĩa. Nhưng trước chính sách thù địch của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, chúng ta phải đề cao cảnh giác và luôn luôn sẵn sàng.

Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đó là hai nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt-nam ta suốt cả giai đoạn hiện nay và sắp tới. Tầm mắt của chúng ta phải nhìn xa thấy rộng về thời gian và không gian để suy nghĩ và tính toán về những gì chúng ta phải làm nhằm thực hiện hai nhiệm vụ trọng đại kể trên. Trước mắt, chúng ta phải tổng kết những kinh nghiệm của việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm năm 1976—1980, rút ra những bài học đích đáng nhất nhằm xây dựng một cách vững chắc và tích cực kế hoạch Nhà nước 1981 — 1985. Kế hoạch năm năm sắp tới có ý nghĩa rất quan trọng ở chỗ nó sẽ đem lại cho chúng ta sự ổn định và một bước phát triển nền kinh tế quốc dân làm cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ sau này.

Đứng trước những khó khăn to lớn, chúng ta càng phải thấy những triển vọng tốt đẹp đang chờ đón chúng ta. Mọi người chúng ta phải lớn lên về tư tưởng và chính trị, về trình độ và năng lực, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, phải nâng cao tầm nhìn của mình ngang với những nhiệm vụ mà chúng ta phải gánh vác. Chúng ta phải động viên mọi lực lượng tích cực, phát huy mọi điển hình tốt, làm nảy nở những người tốt, việc tốt theo lời dạy của Bác Hồ. Khắp nơi chúng ta đều có những hạt nhân quý báu như vậy cần sớm phát hiện và nhân lên. Đó cũng là cách tốt nhất để chống các hiện tượng tiêu cực mà mọi người chúng ta đều lo lắng. Chúng ta phải biết coi trọng và sử dụng tốt lực lượng trẻ, hăng hái, có trình độ, đã được rèn luyện qua thử thách và đầy hứa hẹn, chính đây là những lực lượng có khả năng lớn lên nhanh chóng, một nhịp với tình hình và nhiệm vụ. Trong lịch sử lâu đời của mình, dân tộc Việt-nam luôn luôn hướng về những chân trời mới mà đi tới, vững bước, phấn khởi, tin tưởng.

Digitized by Google

Những thế hệ của chúng ta, đến lượt mình, cần chứng minh một cách sáng tỏ hơn bao giờ hết xu thế tất yếu đó.

Sau đây, tôi xin trình bày về một số nhiệm vụ trước mắt.

Chúng ta đang kết thúc kế hoạch Nhà nước năm 1980, năm cuối của kế hoạch Nhà nước năm năm 1976—1980. Để tạo điều kiện thực hiện thuận lợi kế hoạch năm năm tiếp theo, chúng ta cần ra sức làm tốt một loạt công việc quan trọng, trước hết là tập trung sức đẩy mạnh sản xuất, rất chú trọng sản xuất lương thực, thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng.

Vừa qua, cơn bão số 4, tiếp theo là những trận mưa lớn gần đây đang gây khó khăn nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc, trực tiếp là vụ lúa mùa. Như vậy, chúng ta càng phải cố gắng phấn đấu nhằm đạt những chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước về diện tích, năng suất và sản lượng của vụ mùa, đồng thời khẩn trương chuẩn bị ngay từ bây giờ cho vụ đông và vụ xuân tới. Ở đây, cần nhấn mạnh một lần nữa phải coi trọng các loại màu bởi khả năng to lớn của màu (có chế biến) đối với lương thực cho người và thức ăn cho gia súc. Từng địa phương, từ cấp tỉnh cho đến đơn vị cơ sở, phải huy động mọi khả năng về đất đai, lao động, phương tiện vật chất vào sản xuất, quyết đạt sản lượng cao nhất về lương thực và thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của địa phương, đồng thời tăng mức đóng góp cho Nhà nước.

Trong khi nỗ lực phấn đấu cho sản xuất nông nghiệp, chúng ta phải coi trọng đúng mức nghề rừng và nghề cá; đó là những thành phần có quan hệ hỗ trợ qua lại hợp thành nền nông nghiệp toàn diện, xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp đối với sản xuất nông nghiệp phải biết vận dụng ba cuộc cách mạng vào sản xuất, phải hướng về cơ sở, đồng thời phải ra sức chăm lo xây dựng và kiện toàn cấp huyện. Quy hoạch tổng thể của huyện phải được xác định trên cơ sở nắm vững các yếu tố đất đai, nhân lực, trang bị, từ đó mà xây dựng kế hoạch của huyện một cách thiết thực, tích cực và vững chắc, nhằm các mục tiêu: lương thực, thực phẩm, cây nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Sản xuất nông nghiệp gắn liền với hợp tác hóa nông thôn. Đối với miền Bắc đó là tiếp tục hoàn thiện tổ chức và quản lý các hợp tác xã nông nghiệp, đối với miền Nam đó là thực hiện hợp tác hóa. Hai việc này cũng liên quan mật thiết đến công cuộc xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa ở nước ta, và về mặt này, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trong việc tổ chức đời sống mới, đời sống vật chất và văn hóa ở nông thôn.

Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có quan hệ nhiều mặt với nông nghiệp và trực tiếp phục vụ đời sống của nhân dân. Trong tình hình hiện nay, khi yêu cầu về hàng tiêu dùng của nhân dân và yêu cầu hàng cho xuất khẩu ngày càng tăng, thì vị trí rất trọng yếu của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng càng nổi lên rõ rệt. Theo tinh thần ấy, các địa phương, với sự hỗ trợ đầy đủ của các ngành có liên quan ở trung ương, phải ra sức tận dụng lao động và nguyên liệu tại chỗ để phát triển sản xuất hàng tiêu dùng trong địa phương mình, từ tỉnh, huyện, cho đến hợp tác xã, theo quy hoạch và kế hoạch chung.

Đối với công nghiệp nặng phải khẩn trương khắc phục tình trạng phát triển chậm và không vững chắc của các ngành điện, than, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng...

Về điện, phải ra sức tăng cường nguồn điện, ưu tiên cân đối nguyên liệu cho ngành điện, phải tăng cường quản lý nhằm huy động đến mức cao

Digitized by Google

công suất của các nhà máy phát điện, bảo đảm cung cấp năng lượng một cách ổn định cho những cơ sở trọng điểm.

Về than, phải thực hiện bằng được kế hoạch sản lượng để có than cung cấp cho các yêu cầu trước mắt, và có dự trữ cho giao thông đường sắt, cho các nhà máy điện và cho xuất khẩu. Ngành than phải khẩn trương chấn chỉnh công tác chỉ đạo và quản lý, từ đó mà tăng hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư, tăng năng suất lao động và tăng sản lượng than.

Cơ khí, một trong những ngành có tầm quan trọng to lớn trước mắt và lâu dài đối với nền kinh tế quốc dân, hiện đang gặp khó khăn về năng lượng và nguyên liệu. Trước tình hình đó, phải bố trí kế hoạch sản xuất nhằm tận dụng năng lực hiện có để phục vụ những yêu cầu thiết yếu của nền kinh tế quốc dân; đồng thời, phải tận dụng mọi khả năng tạo cho ngành cơ khí những điều kiện để phát triển mạnh mẽ và vững chắc trong những năm tới.

Đối với các ngành luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng... chúng ta tiếp tục kiên trì phấn đấu, từng bước làm cho các ngành đó ngày càng có vị trí xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Hiện nay, một nhiệm vụ cực kỳ trọng yếu và khẩn trương của chúng ta là ra sức cải tiến công tác trong lĩnh vực phân phối và lưu thông nhằm đẩy mạnh sản xuất, từng bước ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định là Nhà nước phải nắm trong tay nguồn hàng. Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã nhận gia công cho Nhà nước, phải nghiêm chỉnh giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Trong nông nghiệp, các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất, các hộ nông dân phải làm đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ nộp thuế và bán nông sản cho Nhà nước; Nhà nước cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu... cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân. Đây là quan hệ hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, một biểu hiện cụ thể của mối liên minh công nông trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhân đây, chúng ta nhiệt liệt biểu dương những địa phương, đơn vị và cá nhân đã làm tốt nghĩa vụ của mình, đồng thời chúng ta nghiêm khắc phê phán những địa phương, đơn vị và cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ, và từ đó đã gây những khó khăn đáng lẽ tránh được cho công việc của chúng ta.

Để ổn định nền tài chính và tiền tệ, chúng ta phải rất coi trọng việc tăng thu, nhất là thu thuế công thương nghiệp và thuế nông nghiệp, chống lậu thuế và chống thất thu, đồng thời chúng ta phải triệt để tiết kiệm chi.

Phải tăng cường quản lý thị trường, kiên quyết chống những hiện tượng làm rối loạn thị trường, trốn tránh sự kiểm tra và kiểm soát của Nhà nước, kiên quyết chống buôn lậu, đầu cơ, nâng giá; thực hiện kiểm kê và kiểm soát của Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh của các thành phần kinh tế, nhất là đối với kinh tế tư doanh. Tất cả những công việc trên đây phải nhằm xây dựng và củng cố thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình hiện nay của nền kinh tế quốc dân chúng ta khuyến khích các ngành nghề mà hoạt động kinh doanh còn có lợi cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời chúng ta nghiêm khắc đòi hỏi mọi người phải tuân theo pháp luật về thể lệ đăng ký kinh doanh, về thuế, về quản lý giá cả, về mở tài khoản ở Ngân hàng Nhà nước...

Đời sống của nhân dân lao động, nhất là của cán bộ, công nhân viên ở các thành phố và khu công nghiệp tập trung, đang gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, nắm

Digitized by Google

nguồn hàng. Nhà nước sẽ hết sức cố gắng bảo đảm cung cấp theo định lượng những mặt hàng thiết yếu như lương thực và thực phẩm, đồng thời đẩy mạnh cuộc đấu tranh để một bước ổn định giá một số mặt hàng, cố gắng bảo đảm tiền lương thực tế của cán bộ, công nhân viên. Ở những nơi có điều kiện, cần vận dụng hình thức trả lương theo sản phẩm, lương khoán, tận dụng nguyên liệu tại chỗ để làm ra sản phẩm có giá trị phát triển kinh tế phụ gia đình ra sức tăng thu nhập góp phần cải thiện đời sống. Mọi người chúng ta cần nhận thức một cách sâu sắc rằng cái gốc của vấn đề là đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động nhằm thỏa mãn một cách hợp lý lợi ích của người sản xuất, của tập thể và của xã hội.

Trong xây dựng cơ bản, phải tập trung sức thi công để hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm thuộc các ngành nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải đã được ghi trong kế hoạch Nhà nước theo thứ tự ưu tiên.

Trong năm nay, chúng ta bắt đầu thực hiện việc hợp tác với Liên-xô về dầu khí. Đây là loại công việc mới và khó, song đầy triển vọng. Chúng ta quyết chuẩn bị thật tốt để triển khai thuận lợi sự nghiệp có ý nghĩa quan trọng này đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân của chúng ta.

Việc xây dựng nhà ở phải được chú trọng trước hết ở thủ đô Hà-nội và một số khu công nghiệp tập trung phù hợp với những khả năng về vật liệu xây dựng, về trang bị và thiết bị...

Đứng trước những yêu cầu đa dạng và ngày càng lớn của nền kinh tế quốc dân, giao thông — vận tải hiện đang là một ngành có những mặt yếu kém cần khẩn trương khắc phục. Nó đòi hỏi những cố gắng lớn nhằm tăng cường cơ sở vật chất—kỹ thuật đi đôi với tăng cường năng lực quản lý của ngành : nó đòi hỏi sự chuyển biến rõ rệt trong thời gian tới, nhất là trong khâu bốc dỡ, giải phóng tàu và chống các hiện tượng tiêu cực ở cảng Hải-phòng và các cảng khác.

Trước mắt và trong những năm tới, chúng ta phải triệt để khai thác năng lực vận tải đường sắt, tận dụng khả năng vận tải đường sông, phát triển vận tải đường biển, điều chỉnh lực lượng vận tải đường bộ, đẩy mạnh vận tải bằng các phương tiện thô sơ để đáp ứng yêu cầu vận tải của địa phương.

Là một nước nhiệt đới, có tài nguyên phong phú, có nguồn nhân lực dồi dào, chúng ta có đầy đủ điều kiện để làm ra những mặt hàng xuất khẩu có giá trị ngày càng lớn, đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế. Dựa vào những thuận lợi sẵn có, chúng ta tăng cường hợp tác với Liên-xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với các nước khác theo nguyên tắc các bên đều có lợi. Theo tinh thần ấy, để giải đáp những yêu cầu rất lớn và cấp bách của xuất khẩu, các ngành và các địa phương phải mạnh dạn mở rộng các cơ sở làm hàng xuất khẩu, chú trọng những mặt hàng ta có thế mạnh như nông sản nhiệt đới, hải sản, cây làm thuốc, khoáng sản và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống Việt-nam... Bộ ngoại thương có trách nhiệm ủng hộ và giúp đỡ các ngành và các địa phương phát huy tính chủ động trong việc tìm thêm nguồn hàng xuất khẩu cũng như trong việc giao dịch với các tổ chức xuất nhập khẩu của nước ngoài.

Ngay từ khi thành lập nước Việt-nam mới, chúng ta đã coi văn hóa, giáo dục, y tế, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, thể dục thể thao, v.v. là những hoạt động rất quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa và đã cố gắng phát triển các ngành ấy. Hôm nay, chúng ta rất vui

Digitized by Google

mừng trước những thành tựu đáng tự hào trong lĩnh vực này, những thành tựu góp phần làm cho đời sống văn hóa của nhân dân ta, nhất là ở địa phương, ngày thêm phong phú. Chúng ta tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của các ngành quan trọng kể trên, ra sức khắc phục những khó khăn do nền kinh tế chậm phát triển của nước ta, phát huy nhiệt tình cách mạng và tài năng sáng tạo của cán bộ và nhân dân, phấn đấu tiến lên giành những thành tựu to lớn hơn nữa, chứng minh tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Về khoa học và kỹ thuật, Đảng ta đã xác định tầm quan trọng to lớn của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong việc phát triển nền kinh tế quốc dân, trong việc thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Như vậy, nền khoa học và kỹ thuật của nước ta phải phát triển theo một hướng và cùng một nhịp với công cuộc phát triển của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đang triển khai các mặt hoạt động của khoa học và kỹ thuật với lòng tin vững chắc rằng trên mặt trận trọng yếu này, chúng ta sẽ có những bước tiến đầy hứa hẹn, bởi lẽ, cùng với những thuận lợi khác để phát triển khoa học và kỹ thuật, chúng ta có đội ngũ cán bộ trẻ làm khoa học và kỹ thuật, một lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có trình độ và năng lực, có ý chí phấn đấu cao cho sự nghiệp lớn của Tổ quốc và dân tộc.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng kể trên, phải biết tổ chức và quản lý. Mọi thắng lợi của chúng ta trong việc thực hiện đường lối cách mạng và đường lối kinh tế của Đảng phụ thuộc vào chất lượng của công tác tổ chức và quản lý.

Về mặt này thực tiễn những năm qua cho thấy, trước hết phải tăng cường chế độ trách nhiệm và kỷ luật trong hệ thống tổ chức của Nhà nước, làm cho những chỉ thị, nghị quyết của cấp trên được các cấp dưới thực hiện một cách nghiêm chỉnh và có hiệu quả. Muốn vậy, chúng ta phải soát xét lại một cách nghiêm túc bộ máy quản lý ở các cấp đi đôi với việc bố trí những cán bộ có phẩm chất và năng lực thực hiện những nhiệm vụ khó khăn trong giai đoạn hiện nay. Phải xác định rõ chức trách của từng đơn vị, từng người trong hệ thống quản lý của Nhà nước, từ cấp trung ương đến cơ sở, làm cho từng đơn vị, từng người hiểu rõ và ra sức thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình. Phải xây dựng một chế độ làm việc có quy định rành mạch trách nhiệm đối với mọi trường hợp làm sai, làm hỏng. Tóm lại phải đòi hỏi thực hiện một cách nghiêm khắc chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công và chế độ phục vụ nhân dân.

Một nhiệm vụ cấp bách khác đang đặt ra cho công tác quản lý kinh tế hiện nay là xây dựng các chính sách và biện pháp quản lý nhằm khuyến khích mọi người hăng hái lao động, lao động có năng suất và có hiệu quả. Đây là những chính sách và biện pháp khuyến khích về vật chất và tinh thần một cách thích đáng, thể hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, trả công lao động theo khối lượng và chất lượng công việc. Các cơ quan quản lý các cấp phải nghiên cứu những điển hình tốt, xây dựng những định mức hợp lý, mở rộng các hình thức khoán để khuyến khích những người làm tốt, có năng suất cao, có hiệu quả tốt. Đồng thời phải nghiên cứu và áp dụng những chính sách và biện pháp chặt chẽ, thích hợp nhằm một mặt khuyến khích sản xuất, mặt khác, có tác dụng ngăn ngừa và trừng trị các hành vi tham ô, móc ngoặc, cửa quyền...

Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng Nhà nước của chúng ta là một Nhà

Digitized by Google

nước chuyên chính vô sản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, Nhà nước quản lý sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng pháp luật. Cho nên chúng ta phải rất chú ý đến việc nghiên cứu pháp luật, xây dựng pháp luật, vận dụng pháp luật, tuân thủ pháp luật, giáo dục pháp luật... Nói như vậy là xác định tầm quan trọng của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta đòi hỏi chúng ta hằng ngày, hằng giờ chăm lo nền an ninh chính trị của đất nước cũng như nền trật tự và an toàn xã hội. Theo tinh thần đó, chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh lễ kỷ niệm lần thứ 35 Ngày thành lập Công an nhân dân Việt-nam, và tin tưởng sâu sắc rằng, lễ kỷ niệm này đánh dấu một bước lớn mạnh của lực lượng Công an nhân dân Việt-nam trong sạch và vững mạnh, quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, một lòng trung thành với Tổ quốc và nhân dân, sẽ vươn lên phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trọng đại và vẻ vang của mình.

THẾ GIỚI VÀ VIỆT-NAM

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hiện nay, điều quan trọng bậc nhất về tình hình quốc tế là so sánh lực lượng giữa một bên là độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, và khả năng bảo vệ hòa bình, với bên kia là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động và hiếu chiến khác, ngày càng phát triển thuận lợi cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân thế giới là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Mọi người đều biết xu thế này đã diễn biến như thế nào trong những thập kỷ qua với sự lớn mạnh không gì ngăn cản nổi của ba dòng thác cách mạng, nhất là với sự lớn mạnh về mọi mặt của Liên-xô, thành trì của hòa bình thế giới, chỗ dựa vững chắc của cách mạng thế giới.

Ở đây chúng ta cần đặc biệt chú ý đến một sự kiện rất quan trọng: « Sự câu kết giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bá quyền Bắc-kinh là một biểu hiện nguy hiểm mới trong chính trị thế giới, nguy hiểm đối với toàn thể loài người, kể cả đối với nhân dân Mỹ và nhân dân Trung-quốc » (1). Sự câu kết này càng chứng minh thế yếu, thế thua của các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế, thế mạnh và thế thắng của các lực lượng cách mạng và hòa bình đưa đến khả năng duy trì hòa hoãn, bảo vệ hòa bình trên phạm vi toàn thế giới, cũng như ở khu vực Đông — Nam Á này.

Xuất phát từ những thuận lợi cơ bản như vậy của tình hình quốc tế, chính sách đối ngoại của Đảng ta và Nhà nước ta là nhằm tăng cường tình hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên-xô cũng như với hai nước láng giềng anh em trên bán đảo Đông-dương, với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, phát triển quan hệ về nhiều mặt với các nước trong Phong trào không liên kết và các nước trong thế giới thứ ba, trước hết với các nước ở Đông — Nam Á và Nam Á, đồng thời mở rộng quan hệ với mọi nước khác trên thế giới vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Trước sau như một, kiên trì chính sách giữ gìn hòa bình, chống tham vọng bành trướng và bá quyền nước lớn của nhà cầm quyền Bắc-kinh câu

(1) Trích Nghị quyết Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô ngày 23-6-1980 về tình hình quốc tế và chính sách đối ngoại của Liên-xô.

Digitized by Google

kết với đế quốc Mỹ và các lực lượng phản động khác, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam cùng với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia là những nhân tố tích cực của nền độc lập dân tộc và sự ổn định ở khu vực trọng yếu này của thế giới. Cuộc đấu tranh của các nước Đông-dương là một cuộc đấu tranh chính nghĩa, nó ngày càng được sự ủng hộ và sự giúp đỡ của nhân dân thế giới, nhất định nó sẽ giành được thắng lợi cuối cùng.

Nhân dân Việt-nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có uy tín lớn trên thế giới. Uy tín đó là những tình cảm và sự ủng hộ rất quý, rất đẹp của nhân dân thế giới đối với cuộc chiến đấu biết bao oanh liệt và những thắng lợi biết bao vẻ vang của nhân dân Việt-nam suốt 35 năm qua. Hiện nay cuộc đấu tranh đó đang tiếp diễn và uy tín quốc tế của nhân dân Việt-nam và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam sẽ càng sâu rộng trong lòng của nhân dân thế giới mặc dù những cố gắng phá hoại điên cuồng của kẻ thù.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Thời đại của chúng ta là thời đại cách mạng. Sự nghiệp của chúng ta là sự nghiệp cách mạng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại, đầy gian khổ, song cũng đầy triển vọng tươi sáng. Mọi người chúng ta phải vũ trang cho mình những tư tưởng lớn của sự nghiệp cách mạng để trở nên những người chiến sĩ kiên cường trên mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội và trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn mới, Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội vẫn là ngọn cờ bách chiến bách thắng của chúng ta cũng như của nhân dân thế giới. Tuy nhiên, hiện nay trong nhân dân ta vẫn còn có người chưa hiểu đầy đủ và sâu sắc về cuộc đấu tranh cách mạng đang đòi hỏi chúng ta, khuyến khích chúng ta vươn lên, lớn lên về nhiều mặt nhằm từng bước hoàn thành nhiệm vụ lịch sử và nghĩa vụ quốc tế của chúng ta. Đó là những người thấy cây không thấy rừng, thấy mặt trái không thấy mặt phải, thấy cái khó trước mắt không thấy triển vọng tươi sáng của tương lai... Cùng với những cố gắng và những thành tựu của chúng ta trên các mặt trận: chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, chúng ta phải có ý thức làm tốt công tác tư tưởng, nhằm nâng cao nhiệt tình cách mạng và ý chí đấu tranh cách mạng, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội.

Trải qua 50 năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt-nam là người chiến sĩ cách mạng kiên cường, một lòng, một dạ phấn đấu cho một nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam giàu mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc, góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân thế giới. Mọi người có chức, có quyền trong cơ quan lãnh đạo của Đảng, trong bộ máy của Nhà nước, trong lực lượng vũ trang nhân dân, trong các đoàn thể nhân dân... đều phải thấm nhuần và quán triệt bằng việc làm lời dạy của Bác Hồ kính yêu của chúng ta: Người lãnh đạo phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Có hiểu như vậy, có làm như vậy, thì chúng ta mới dần dần thực hiện một cách thiết thực quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, và đó là biện pháp mầu nhiệm bảo đảm cho chúng ta những kết quả tốt đẹp trong mọi lĩnh vực của sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta. Và chỉ khi nào quần chúng nhân dân đứng lên làm chủ công việc của mình thì mới có phong trào thi đua hào hứng, vững mạnh và ngày càng phát triển, đem lại những

(Xem tiếp trang 50)

Digitized by Google

Một số kinh nghiệm lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ

HOÀNG-VĂN-THÁI

KHI phân tích về những nguyên nhân thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: « Nhân tố quyết định thắng lợi quan trọng nhất là sự lãnh đạo của Đảng ta với đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo ».

Quán triệt đường lối ấy của Đảng vào hoạt động thực tiễn và từng bước góp phần hoàn chỉnh đường lối ấy, tùy nơi, tùy lúc có thể xoáy vào những điểm cụ thể khác nhau, nhưng nói chung đều tập trung vào ba nội dung cơ bản có tính xuyên suốt cả cuộc cách mạng là: *giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quan điểm cách mạng bạo lực và tư tưởng chiến lược tiến công.*

Ba nội dung cơ bản ấy, trong giai đoạn cách mạng hiện nay, vẫn còn có ý nghĩa chỉ đạo hết sức quan trọng đối với chúng ta.

★

Quán triệt đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kết hợp chặt chẽ giữa nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của cách mạng, là mục đích chính trị cơ bản của cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân ta trong mấy chục năm qua.

Đường lối đó đã gắn liền cách mạng nước ta với xu thế phát triển của thời đại, gắn liền cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới, góp phần giữ vững hòa bình và thúc đẩy ba dòng thác cách mạng tiến tới; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Nó là nền tảng cho mọi chiến lược và sách lược của Đảng qua các giai đoạn phát triển đi lên của cách mạng nước ta, thực hiện từng bước những mục tiêu cơ bản của cách mạng cả nước, thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia.

Nó quyết định tính chất chính nghĩa và là nguồn sức mạnh tổng hợp, vô địch của cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc cũng như trên từng chiến trường.

Chống đế quốc Mỹ gây chiến tranh xâm lược, nhân dân ta đã tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc, để bảo vệ hòa bình, bảo đảm công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,

Digitized by Google

tiến tới giải phóng miền Nam và giúp đỡ cách mạng Lào, cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

Giữa các nhiệm vụ cách mạng trên có mối quan hệ khăng khít thúc đẩy lẫn nhau, gắn bó với nhau. Do đó, bài học quán triệt đường lối quan trọng nhất ở đây là *nắm vững mối quan hệ giữa các nhiệm vụ cách mạng đó.*

Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã xác định rằng: « Muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam » (1).

Đảng ta đã chỉ rõ: giải phóng miền Nam là nghĩa vụ cấp thiết nhất của cả dân tộc ta đối với Tổ quốc mình và có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với phong trào cách mạng thế giới, đồng thời phải ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc vững mạnh làm « cái gốc cho cả nước », bảo vệ cho được miền Bắc cũng là nghĩa vụ sống còn của cả dân tộc.

Nhân dân ta ở miền Bắc nhận rõ nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là *nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự nghiệp phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà*, đã vừa ra sức lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa kiên cường đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa động viên sức người, sức của cho miền Nam, thực hiện « tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược ».

Bất cứ trong tình huống nào miền Bắc cũng phải xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì « không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa » (2).

Hơn hai mươi năm qua, miền Bắc đã phát huy tính hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của cho mặt trận, dành mọi thứ cần thiết cho miền Nam, vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đánh bại chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, cùng với quân và dân ta ở miền Nam hoàn thành giải phóng cả nước.

Nhân dân miền Nam, thấu suốt nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có *tác dụng quyết định* trực tiếp đối với việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, đã mấy chục năm ròng kiên cường vừa chiến đấu giải phóng miền Nam, vừa hợp đồng chiến đấu với miền Bắc dưới khẩu hiệu: địch đánh miền Bắc một, miền Nam đánh trả chúng gấp mười, gấp trăm lần.

Với tinh thần hy sinh to lớn, chịu đựng gian khổ, tự lực khai thác mọi nguồn vật chất, động viên sức người, sức của tại chỗ, xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ, tăng gia sản xuất để tự túc, sản xuất vũ khí, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả mọi chi viện của miền Bắc, cách mạng miền Nam đã không ngừng từng bước tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ để tiến công địch mạnh mẽ và liên tục bằng cả chính trị và vũ trang, bằng cả ba thứ quân, trên cả ba vùng chiến lược, làm cho hơn một triệu quân Mỹ ngụy và chư hầu bị căng mỏng ra, bị ghìm đầu chịu đòn trên chiến trường miền Nam và phải chịu thua nhục nhã.

Từng bước thắng lợi, đồng thời cũng từng bước đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện và khuynh hướng tách rời hai nhiệm vụ chiến lược, gạt bỏ nhận thức phiến diện và tầm nhìn nông hẹp: chỉ thấy cục bộ không thấy toàn cục, chỉ thấy địa phương không thấy cả nước, chỉ thấy yêu cầu cách mạng giải phóng miền Nam mà không

(1) *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 — 1975. Những sự kiện quân sự.* Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, tr. 25.

(2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 28.

Digitized by Google

thấy hết vai trò và tác dụng quyết định nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chỉ tập trung xây dựng, củng cố miền Bắc và thiếu kế hoạch lâu dài cho miền Nam, không ra sức làm nghĩa vụ hậu phương lớn cho cách mạng cả nước và cả chiến trường Đông-dương

Giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân cả nước ta quyết thực hiện kỳ được mục tiêu cách mạng : *xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.*

Đánh Mỹ, Đảng và nhân dân ta còn biết *kết hợp giữa nghĩa vụ giải phóng dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. kết hợp được sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại*, giành độc lập, tự do và hạnh phúc cho Việt-nam, đồng thời giữ vững hòa bình, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, ngăn chặn không cho chúng mở rộng chiến tranh ; tăng cường lực lượng và thúc đẩy ba dòng thác cách mạng.

Trong cuộc đụng đầu lịch sử với đế quốc Mỹ, ba dân tộc Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia lại tiếp tục truyền thống chung lưng đấu cật, dựa vào nhau, giúp đỡ lẫn nhau chống kẻ thù chung, nhân dân ta một lần nữa coi sự nghiệp giữ nước và dựng nước của bạn như của mình.

Với tinh thần giúp bạn là tự giúp mình, nhiều cán bộ, đơn vị chiến đấu tình nguyện Việt-nam đã thủy chung gắn bó, sát cánh với lực lượng vũ trang và nhân dân Lào, Cam-pu-chia kiên trì chiến đấu không quản hy sinh, gian khổ, cùng giúp nhau, cùng chiến đấu, cùng giành thắng lợi.

Mối liên minh đầy tình nghĩa anh em với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng mẫu mực, giữa ba dân tộc trên bán đảo Đông-dương đã làm thất bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ nhằm chia rẽ ba nước Đông-dương, dập tan mọi mưu đồ đen tối của bọn phản động Trung-quốc nhằm gây chia rẽ, hằn thù dân tộc, hạn chế thắng lợi cách mạng của ba nước Đông-dương.

Phối hợp giữa ba chiến trường, miền Nam Việt-nam đã trở thành chiến trường chính diệt Mỹ và tay sai, miền Bắc là hậu phương lớn cho cả Đông-dương, nguồn chi viện sức người sức của cho tiền tuyến.

Lịch sử đã giao phó cho dân tộc ta làm người lính xung kích chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế và thế lực phản động quốc tế trên khu vực sục sôi đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng. Đứng hẳn vào cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, nêu cao vai trò tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc, với chính sách linh hoạt, nhân dân ta đã được sự ủng hộ triệt để của đông đảo các nước bè bạn và phong trào tiến bộ trên thế giới chống đế quốc Mỹ.

Bằng cuộc đấu tranh cách mạng của mình chống chủ nghĩa đế quốc và mọi thế lực phản động, Đảng ta còn ra sức *bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin*, kiên quyết chống lại chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc phản động của giới cầm quyền Bắc-kinh ; ra sức góp phần tích cực củng cố tình đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

★

Nắm vững quan điểm cách mạng bạo lực, tiến hành khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng là con đường duy nhất để giải phóng dân tộc, giành thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến.

Con đường sử dụng bạo lực cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra là con đường duy nhất đúng để giải phóng dân tộc, đánh bại bọn đế quốc xâm lược và bọn tay sai.

Kinh nghiệm của hai năm đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp nghị Giơ-ne-vơ cho thấy rõ kẻ thù rất ngoan cố,

Digitized by Google

không đấu tranh kiên quyết thì không thể có thắng lợi. Tháng 4-1956, hội nghị thứ 9 của Trung ương Đảng (khóa II), đã vạch rõ : « Trong trường hợp giai cấp tư sản với bộ máy quân sự và cảnh sát mạnh mẽ và kiên quyết dùng vũ lực đàn áp phong trào cách mạng thì cuộc đấu tranh quyết liệt để giành chính quyền là không tránh khỏi, cho nên giai cấp vô sản phải có chuẩn bị trước ».

Cũng trong thời gian này, trong tác phẩm « Đường lối cách mạng miền Nam », đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ : kẻ thù đã dùng chính sách độc tài phát xít của đế quốc và giai cấp thống trị để chiếm cứ miền Nam, dùng chính sách khủng bố trả thù, đàn áp chém giết tràn lan, thì nhân dân « chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường nào khác ».

Gạt bỏ đường lối « trường kỳ mai phục » chờ đợi thuận lợi bên ngoài để giải phóng dân tộc, phát huy tinh thần quật cường của dân tộc, nhân dân miền Nam đã nổi dậy đấu tranh vũ trang ở Trà-bồng, Bác-ái, Hậu-giang, Đồng-tháp, Tây-ninh, v.v. Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng ta (tháng 5 năm 1959) đã vạch ra con đường tiến lên của cách mạng miền Nam : « lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang » hoặc nhiều hoặc ít, tùy tình hình « để đánh đổ quyền thống trị đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân » đồng thời phải chuẩn bị « cuộc chiến tranh lâu dài giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta ».

Sau « đồng khởi » thắng lợi, cách mạng miền Nam đã chuyển sang giai đoạn mới, quần chúng tiếp tục nổi dậy thực hiện khởi nghĩa từng phần, tiến hành chiến tranh cách mạng. Đảng ta kịp thời chủ trương đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả hai mặt chính trị và quân sự.

Như vậy, theo quan điểm của Đảng ta, bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng với sức mạnh toàn dân đánh giặc, phát huy truyền thống « trăm họ ai cũng là binh », thực hiện một cuộc chiến tranh vì dân và do dân, bao gồm sức mạnh nổi dậy của quần chúng và sức mạnh quân sự chống lại kẻ địch tàn bạo có đội quân to lớn, trang bị hiện đại, có bộ máy kim kẹp đông đảo.

Do đó, Đảng ta đã hết sức coi trọng *động viên và tổ chức toàn dân xây dựng lực lượng chính trị rộng rãi của quần chúng, đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh gồm ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.*

Do bản chất xâm lược và hiếu chiến, đế quốc Mỹ không cam chịu thất bại, chúng đã điên cuồng tiến hành một cuộc chiến tranh tàn bạo chưa từng có, một cuộc chiến tranh tổng hợp quy mô ngày càng lớn có tính hủy diệt cao. Muốn giành thắng lợi, chúng ta nhất thiết phải đánh bại chúng về quân sự, phải nắm vững quy luật của chiến tranh và dùng đòn tiến công quân sự có vai trò trực tiếp tiêu diệt địch và làm đòn bẩy cho quần chúng nổi dậy.

Ta đã sớm và nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân một số tỉnh ở Nam-bộ và Khu 5, đã chuẩn bị vũ khí, bố trí cán bộ, tranh thủ phát triển lực lượng vũ trang.

Từng bước thắng lợi, ta đã tập trung và khẩn trương xây dựng quân chủ lực, đặc biệt là các binh đoàn cơ động chiến lược, đủ sức thực hiện những đòn chiến lược có tác dụng làm thay đổi đối sánh lực lượng, giành thắng lợi từng bước, tiến lên

Digitized by Google

đánh thắng hoàn toàn kẻ địch, kết thúc chiến tranh một cách chủ động.

Trước sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân, mỗi làng, mỗi đường phố là một trận địa tiến công, mỗi huyện là một pháo đài diệt địch. Với những Củ-chi, Long-đất, Bắc-ái, Hòa-vang, Điện-bàn... ta đánh địch khắp nơi, đánh địch mọi lúc làm cho chúng có quân đông mà phải căng mỏng ra nhiều, trang bị hiện đại mà sử dụng không có hiệu quả, phải chịu tiêu hao rất lớn, lâm vào thế thường xuyên bị bao vây, chia cắt, ngày càng bị sa lầy, suy yếu...

Sử dụng bạo lực cách mạng là con đường sống còn của cách mạng, của cuộc kháng chiến. Đồng thời, Đảng ta còn biết khôn khéo kết hợp với sách lược linh hoạt, sử dụng *phương thức vừa đánh vừa đàm* để tranh thủ chuẩn bị lực lượng, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ mới, làm suy yếu kẻ địch, tăng cường sức mạnh cho ta để cuối cùng đánh bại địch.

Chúng ta đã gạt bỏ mọi đường lối của các nhà lãnh đạo Bắc-kinh khi thì khuyên ta « trường kỳ mai phục, chờ đợi thời cơ », khi thì khuyên ta tiến hành đấu tranh bằng « cuộc chiến tranh du kích trường kỳ », khi thì lại nói « chồi ngắn không quét được nhện xa », thực chất là nhằm câu kết với đế quốc Mỹ kiềm chế và phá hoại cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Đế quốc Mỹ và bọn phản động bành trướng Bắc-kinh đã thất bại thảm hại, nhưng chúng chưa từ bỏ mưu đồ xâm lược. Cho nên tăng cường xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang để bảo vệ vững chắc Nhà nước xã hội chủ nghĩa, vẫn là nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay.

★

Nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, để thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng ta.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ còn là thắng lợi của chiến lược tiến công, luôn luôn giữ vững thế tiến công, đồng thời biết kéo địch xuống thang từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Từ cao trào « đồng khởi » cho đến cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa xuân năm 1975 kết thúc chiến tranh thắng lợi, « là một quá trình liên tục giữ vững thế tiến công, liên tục thực hành chiến lược tiến công » (3).

Tư tưởng chiến lược tiến công của Đảng ta trong kháng chiến chống Mỹ đã phát triển đến độ hoàn chỉnh.

Đó là *chiến lược tiến công toàn diện* dựa vào sức mạnh toàn dân, cả nước một lòng, đánh địch cả bằng chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Đánh địch rộng khắp trên cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, cả ba thứ quân cùng đánh, kết hợp bằng nhiều phương thức phong phú và có hiệu quả của chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, đánh địch trên cả hai miền, cả nước là một chiến trường đánh Mỹ, cả ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia là một chiến trường tiêu diệt địch.

Đảng ta biết kết hợp cuộc tiến công của nhân dân ta và cuộc tiến công của ba dòng thác cách mạng vào đinh lũy của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tiến công địch trên chiến trường và làm rung chuyển hậu phương của chúng.

Đó là *chiến lược tiến công kiên quyết, liên tục*, kết hợp tiến công thường xuyên, rộng khắp và những đợt tiến công lớn, những đợt tổng tiến công chiến lược có tác dụng làm biến đổi về căn bản lực lượng so sánh giữa ta và địch, đánh sập địch từng bước, cuối cùng đánh sập hoàn toàn quân địch.

---

(3) Sách đã dẫn, tr. 23.

Digitized by Google

Tính kiên quyết triệt để của chiến lược tiến công là phải đi đôi với nghệ thuật tổ chức tài giỏi, kiên trì chuẩn bị, công phu xây dựng, tạo được thế mạnh, lực mạnh, khai thác triệt để sai lầm của địch, nhất là những sai lầm có ý nghĩa chiến lược, tạo được thời cơ thuận lợi, đã đánh là thắng.

Trong khi nhấn mạnh tính kiên quyết trong tiến công, Đảng ta còn khéo vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo chủ trương chiến lược kiềm chế và đánh thắng bộ binh địch ở miền Nam, kéo địch xuống thang từng bước trên cơ sở biết khai thác và khoét sâu những mâu thuẫn trong chiến lược của đế quốc Mỹ.

Trên mặt trận ngoại giao, cũng là một cuộc tiến công tích cực và chủ động, kiên quyết về nguyên tắc, vững vàng về lập trường, linh hoạt và khéo léo về sách lược, biện pháp để vạch mặt, cô lập kẻ thù, nêu cao chính nghĩa sáng ngời của ta, tập hợp lực lượng ủng hộ cuộc đấu tranh của ta, vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình.

Đó là *chiến lược kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công* thực hiện tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ, làm chủ để tiêu diệt địch, không ngừng mở rộng thế tiến công, mở rộng và củng cố quyền làm chủ ngày càng vững chắc, đánh bại cuộc chiến tranh thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Địch đã dùng đội quân đông đảo, tổ chức được bộ máy kìm kẹp chặt chẽ từ trung ương đến cơ sở thôn xã, thực hiện chính sách bình định vô cùng quyết liệt dai dẳng, tàn khốc, một cuộc « chiến tranh giành dân », « chiến tranh giành đất » với hệ thống đồn bốt dày đặc.

Muốn nổi dậy giành quyền làm chủ phải có những đòn tiến công quân sự mạnh mẽ đập vỡ hệ thống bố trí đồn bốt đó, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy lật nhào bộ máy kìm kẹp của địch, phối hợp với đòn tiến công quân sự làm tan rã lực lượng vũ trang của địch hơn nữa.

Trên cơ sở thế làm chủ được mở rộng, tạo nên thế trận tiến công mới, sức mạnh tiến công mới để đánh những trận nối tiếp, trận sau to hơn trận trước, thắng lớn hơn trận trước, càng đánh càng thắng, thế làm chủ ngày càng vững chắc.

Cuối cùng khi ta mở cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa xuân 1975 thì nhân dân ta ở miền Nam đã đồng khởi nổi dậy rộng khắp, thực hiện xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh với quyết tâm cao.

★

Đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta trong cuộc chiến tranh giải phóng chống Mỹ đã thành công rực rỡ.

Quán triệt đường lối của Đảng là công tác hàng đầu trong chỉ đạo chiến tranh của các cấp nhằm biến đường lối đó thành sức mạnh cụ thể trong hành động chiến đấu của đông đảo quần chúng được vận dụng một cách sáng tạo, thông minh để thắng địch trong cuộc chiến tranh giải phóng vừa qua và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Trước hết, cần xây dựng tính *kiên định, lòng tin vững chắc đối với đường lối cách mạng, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo, bách chiến bách thắng của Đảng trong bất cứ tình huống nào*, chống mọi biểu hiện hữu khuynh dao động, máy móc.

Cách mạng và chiến tranh cách mạng là cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt. Nhất là khi chống lại kẻ địch có tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn; có chiến lược toàn cầu đầy tham vọng và xảo quyệt, thì cuộc đấu tranh đó lại càng hết sức quyết liệt.

Digitized by Google

Cho nên cần giáo dục, huấn luyện cho cán bộ, đảng viên, nắm vững lý luận cách mạng, đường lối của Đảng, hiểu rõ thực tiễn, vững vàng trước những bước phát triển khó khăn của cách mạng, luôn luôn vững tin, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, sẵn sàng xả thân để thực hiện cho bằng được đường lối của Đảng.

Hai là, cuộc đấu tranh cách mạng phát triển không phải tuần tự, và lúc nào cũng thuận chiều. Đây là một cuộc đấu tranh giai cấp mà kẻ địch có tiềm lực lớn đã phản ứng rất quyết liệt, dai dẳng. Có những lúc rất khó khăn và cũng có những lúc thắng lợi vô cùng to lớn tạo nên *những bước ngoặt kỳ diệu làm thay đổi cục diện*, đưa cách mạng tiến những bước nhảy vọt.

Trước tình hình trên, *càng phải chỉ đạo chặt chẽ, vận dụng đúng đắn, linh hoạt, vững vàng, kiên định đường lối của Đảng*. Những lúc này sự nhạy bén, tỉnh táo cách mạng, sự chỉ đạo cụ thể sắc bén, kịp thời là một yêu cầu rất cao, vì đó là những thời điểm quyết liệt nhất, phức tạp nhất, gay go nhất, khẩn trương nhất và có tính quyết định nhất.

Phải đề phòng vì say mê trước thắng lợi mà chủ quan, đánh giá địch thấp, đánh giá ta quá cao, thiếu sâu sát, chỉ đạo giản đơn, do đó mà phạm sai lầm, có khi phạm sai lầm nghiêm trọng.

Đối với kẻ thù hiện nay, sau hai lần đánh thắng quân xâm lược bành trướng Trung-quốc, ta đã biết chúng rõ hơn, nhưng còn phải nhiều công phu tìm hiểu nắm chắc chúng hơn nữa, phải giáo dục cho cán bộ, nhân dân, các lực lượng vũ trang nhận rõ bản chất phản động, âm mưu và khả năng của chúng để không mơ hồ mất cảnh giác và vững lòng tin tưởng đường lối của Đảng.

Ba là: giáo dục quán triệt đường lối của Đảng phải gắn liền với công tác tổ chức thực hiện, chuẩn bị thật chu đáo, cụ thể mọi mặt, sẵn sàng chủ động trước mọi tình huống của chiến tranh.

Đường lối đúng đắn của Đảng có trở thành sức mạnh hiện thực đánh bại địch trên chiến trường hay không còn do năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ chỉ đạo, chỉ huy các cấp, trên các mặt tổ chức và xây dựng lực lượng, công tác kế hoạch, đề ra những biện pháp và phương thức hoạt động đúng đắn, v.v.

Khi chấp hành phải rất kiên quyết, triệt để với lòng tin vững chắc và sự nhất trí cao, với sự vận dụng thật linh hoạt sáng tạo vào thực tiễn, để biến đường lối và quyết tâm của Đảng thành kế hoạch hành động thiết thực, thành sức mạnh hiện thực vô cùng to lớn của đông đảo quần chúng cách mạng.

Đồng thời, phải không ngừng tìm tòi nghiên cứu những phương thức hoạt động có hiệu quả nhất, đánh địch tốt nhất, phá được các biện pháp, thủ đoạn chiến lược, chiến thuật của địch nhanh nhất, để đánh thắng địch ở miền Nam và giáng trả chúng địch đáng ở miền Bắc.

Bốn là: thường xuyên và kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm vừa để ngày càng quán triệt sâu hơn, vận dụng được tốt hơn, đồng thời từng bước góp phần hoàn chỉnh đường lối của Đảng.

Từng giai đoạn cách mạng, từng thời kỳ, qua từng sự kiện lịch sử của cuộc kháng chiến, chúng ta cũng đã tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả hoạt động, kiểm điểm lại những văp váp để bổ sung cho hoạt động tiếp, khắc phục những khuyết điểm để chỉ đạo tốt hơn. Nhưng cũng có những lúc vì say mê thắng lợi, vì vin vào trăm công nghìn việc mà chậm rút kinh nghiệm, chậm tổng kết để phát triển lý luận chỉ đạo, gây nên tình trạng bảo thủ, trì trệ, thiếu sát

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

35 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA

NGUYỄN - LỰC

ĐẤT nước ta trải qua 35 năm liên tục bị chiến tranh phá hoại hết sức nặng nề. Song nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn. Mặc dù phải xây dựng trong điều kiện chiến tranh ác liệt, song trên mặt trận kinh tế, văn hóa, nhân dân ta cũng đạt được những thành tựu rất quan trọng.

XÓA BỎ CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHONG KIẾN, CẢI TẠO NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN THEO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trước Cách mạng Tháng Tám, nhân khẩu nông nghiệp nước ta chiếm 81,6% số dân, tổng sản lượng nông nghiệp chiếm trên 50% giá trị tổng sản phẩm xã hội, khoảng 70% ruộng đất canh tác và đất trồng cây lâu năm của cả nước thuộc về bọn thực dân phong kiến. Các hộ nông dân lao động chiếm 95% tổng số hộ trong nước nhưng chỉ có chưa đầy 30% ruộng đất canh tác, lại còn bị bóc lột tô tức nặng nề, quanh năm đói khổ, sản xuất nông nghiệp bị kìm hãm lâu đời cho nên rất lạc hậu.

Ngay trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng ta đã từng bước thực hiện những cải cách dân chủ, triệt để giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất. Sau khi công cuộc cải cách ruộng đất hoàn thành, ở miền Bắc, bình quân mỗi hộ nông dân lao động được chia 3848 m^2, gần 94% diện tích canh tác ở miền Bắc đã về tay nông dân lao động, lực lượng sản xuất ở nông thôn miền Bắc được giải phóng. Đến năm 1975 sản xuất lương thực ở miền Bắc đạt 5,5 triệu tấn, so với năm 1939, tăng gần 3 triệu tấn.

Ở miền Nam, nông dân cũng được tạm chia ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ phản động.

Sau thắng lợi về cải cách ruộng đất, là thắng lợi của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và việc căn bản hoàn thành cải tạo các thành phần kinh tế khác theo chủ nghĩa xã hội. Đến cuối năm 1960, có 85,8% hộ nông dân lao động vào hợp tác xã với 68,1% diện tích canh tác; 81% thợ thủ công và 79,6% lao động nghề cá vào hợp tác xã và tổ sản xuất; 100% hộ tư sản công nghiệp được cải tạo; 91,1% hộ tư sản thương nghiệp vào các tổ chức công tư hợp doanh... Mặt khác, các cơ sở kinh tế quốc doanh cũng đồng thời được xây dựng và phát triển nhanh chóng.

Đến đây, nền kinh tế miền Bắc đã biến đổi về chất: từ chỗ kinh tế cá thể chiếm phần lớn, đến nay thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế, giữ vai trò chủ đạo và làm động lực phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Digitized by Google

Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân (%)

	Miền Bắc		Cả nước 1979
	1957	1975	
Tổng sản phẩm xã hội	18,1	91,7	69,8
Thu nhập quốc dân	15,7	90,1	63,7
Giá trị tổng sản lượng công nghiệp	25,2	96,2	72,3
Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp	0,3	97,2	42,0
Khối lượng hàng hóa luân chuyển	52,5	100,0	97,3
Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội	18,2	75,0	49,9

Nhờ sự biến đổi sâu sắc trong nền kinh tế quốc dân mà chế độ xã hội chủ nghĩa không ngừng được củng cố, mở rộng và vượt qua nhiều thử thách cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh. Tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên nhân rất quan trọng khiến cho quân và dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, tiến lên giải phóng miền Nam.

Sau khi giải phóng miền Nam, chúng ta đã nhanh chóng xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, quốc hữu hóa trên 400 xí nghiệp của Mỹ ngụy. Công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đã căn bản hoàn thành, các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp được tổ chức lại. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp của các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh đến nay chiếm 70% giá trị tổng sản lượng công nghiệp của miền Nam. Kinh doanh của giai cấp tư sản đã bị xóa bỏ trong thương nghiệp. Việc hợp tác hóa nông nghiệp đang được tiến hành từng bước, đến hết năm 1979 có 21,2% số hộ nông dân vào hợp tác xã và 22,1% số hộ vào các tập đoàn sản xuất, ở những địa phương đó đã có 86,5% ruộng đất và 76% trâu bò đưa vào làm ăn tập thể.

XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Việc đó được thể hiện bằng khối lượng *vốn đầu tư* trong các giai đoạn phát triển kinh tế.

Vốn đầu tư tính trên đầu người (đồng)

	1955	1965	1975	1980
Tổng mức	5,68	27,40	42,00	70,3
Công nghiệp	0,28	10,37	16,19	22,94
Nông nghiệp	1,01	4,89	6,79	19,35

So với năm 1955, tốc độ xây dựng cơ bản do vốn đầu tư Nhà nước bỏ ra tính theo đầu người tăng 12 lần, trong đó tổng mức đầu tư xây dựng công nghiệp chiếm 33%, nông nghiệp chiếm 28%; tốc độ đầu tư xây dựng

Digitized by Google

công nghiệp tăng 82 lần, nông nghiệp tăng 17 lần, tài sản mới tăng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân chiếm 9,5 lần. Kết quả, là tiềm lực kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng mạnh.

Nếu năm 1955, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tính theo đầu người là 16 đồng, thì năm 1980 là 176 đồng, tăng gấp 11 lần; sản lượng điện tính theo đầu người năm 1955 là 10,20 kWh, đến năm 1980 là 72 kWh, tăng gấp7 lần; sản lượng than năm 1955 là 30kg, đến năm 1980 là 120kg, tăng gấp 4 lần.

Tổng sản lượng nông nghiệp tăng 2,07 lần trong đó trồng trọt tăng 1,9 lần, chăn nuôi tăng 2,57 lần. Diện tích đất trồng lúa tăng 1,3 lần, năng suất tăng 1,4 lần.

Đến năm 1964, năm thứ tư của kế hoạch 5 năm thứ nhất, về cơ bản miền Bắc đã tự bảo đảm được lương thực (bình quân đạt 308 kg đầu người), tự giải quyết được 90% nhu cầu về hàng tiêu dùng. Đồng thời, bắt đầu tạo ra được nguồn tích lũy từ trong nước (năm 1964, tỷ lệ tích lũy là 22,6%, tích lũy tài sản cố định chiếm 61% quỹ tích lũy).

Nhưng khi chúng ta chưa thực hiện xong kế hoạch 5 năm thứ nhất thì đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc làm thiệt hại về tài sản của Nhà nước và nhân dân ta đến hàng chục tỷ đồng, trong khi đó mỗi năm thu nhập quốc dân ở miền Bắc đạt khoảng 5 — 6 tỷ đồng.

Tuy bị chiến tranh phá hoại hết sức nặng nề, *ngành công nghiệp* đã nhanh chóng được khôi phục và phát triển, ngày càng chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

Trong những năm 1939 — 1943, miền Bắc nước ta chỉ có khoảng 100 nhà máy lớn nhỏ với 8,5 vạn công nhân, viên chức. Đến năm 1975 tuy chúng ta mới khôi phục được và trở lại mức sản xuất như trước chiến tranh phá hoại (năm 1964), số xí nghiệp công nghiệp đã tăng gấp 13,3 lần, đội ngũ lao động tăng 10,7 lần. Nhiều khu công nghiệp tập trung được xây dựng ở Hà-nội, Hải-phòng, Hà-nam-ninh, Thái-nguyên, Việt-trì, Hà-bắc, Thanh-hóa. Trong cơ cấu công nghiệp đã có những cơ sở đầu tiên của ngành công nghiệp nặng quan trọng như: điện, than, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu xây dựng. So với năm 1955, năm 1975 giá trị sản lượng của toàn ngành công nghiệp tăng 16,2 lần, ngành cơ khí tăng 59,8 lần và ngành hóa chất tăng 79,1 lần. Nhờ có sự phát triển của công nghiệp nặng, chúng ta đã tự cung cấp được một phần tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế quốc dân, nhất là cho nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và giao thông vận tải (tỷ trọng về tư liệu sản xuất thường chiếm trên 40%).

Đến nay, tuy ngành *công nghiệp nặng* của ta chưa hoàn toàn giữ vai trò quyết định trong việc trang bị cho nền kinh tế quốc dân một cách toàn diện, nhưng đã tạo được tiền đề quan trọng cho việc phát triển kinh tế. Ngành điện lực đã xây dựng hơn 50 xí nghiệp, nếu có đủ nhiên liệu thì khối lượng điện phát ra hằng năm sẽ đạt trên 5 tỷ kWh, nhưng hiện nay mới phát được 3,8 tỷ kWh; ngành cơ khí chế tạo và sửa chữa đã có gần 400 xí nghiệp có thể cắt gọt và rèn ép trên 35 vạn tấn/năm, hiện nay mới đạt 22 vạn tấn/năm, đã chế tạo được các loại thiết bị quan trọng như máy công cụ, máy phát lực trên 1000kW; máy móc phục vụ nông nghiệp như bơm nước, máy kéo Bông sen, máy nghiền thức ăn gia súc, máy xay xát,v.v.; ngành hóa chất có trên 70 xí nghiệp sản xuất phân bón và thuốc trừ sâu các loại; ngành vật liệu xây dựng có trên 500 xí nghiệp, hằng năm đã sản xuất trên 1 triệu tấn xi măng, và trên 1 triệu m^3 gỗ, v.v.

Song song với việc phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, ngành *công nghiệp nhẹ* cũng được hình thành

Digitized by Google

bao gồm các ngành công nghiệp dệt, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng khác, cung cấp được nhiều sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu đời sống của nhân dân. So với năm 1955, ngày nay sản lượng công nghiệp nhẹ tăng 13 lần.

Ngành lương thực, thực phẩm có trên 300 xí nghiệp, hằng năm có thể sản xuất trên 22 vạn tấn đường, 1 tỷ bao thuốc lá, 120 triệu hộp sữa, 263 triệu lít bia và nước ngọt, 5000 tấn bột ngọt, v.v. Ngành dệt có trên 100 xí nghiệp, hằng năm làm ra 450 triệu mét vải, lụa. Ngoài ra, các ngành công nghiệp dân dụng khác cũng phát triển với chất lượng cao như các xí nghiệp thủy tinh, lắp ráp đồng hồ, sản xuất kính các loại, lắp ráp máy thu thanh, máy thu hình, sản xuất quạt, bóng đèn, phích nước, xà phòng, giấy, gỗ, v.v.

Một nền công nghiệp nhẹ như vậy không những có thể phục vụ đời sống nhân dân ta, mà còn có khả năng xuất khẩu các mặt hàng có giá trị trên thị trường quốc tế.

Trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho ngành nông nghiệp, Nhà nước ta coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu và là bước đi đồng thời với hợp tác hóa, cho nên đã tập trung đầu tư vào *thủy lợi*.

Vốn Nhà nước đầu tư vào nông nghiệp và cho nông dân vay. (Bình quân hằng năm của từng thời kỳ so với bình quân hằng năm của thời kỳ 1955—1957=100)

	1955 — 1957	1958 — 1960	1961 — 1965	1966 — 1971	1972 — 1975
Vốn Nhà nước đầu tư	100,0	196,4	517,0	168,5	901,0
Riêng: đầu tư vào thủy lợi	100,0	101,6	318,5	403,9	605,5
Vốn Nhà nước cho nông dân vay dài hạn	100,0	95,1	291,0	1611	1078

Công tác thủy lợi đã góp phần quan trọng mở rộng diện tích gieo trồng, nâng hệ số sử dụng ruộng đất đến năm 1975 lên 1,62 lần, và là một trong những biện pháp quyết định đối với việc thâm canh tăng năng suất cây trồng. Nhờ có công tác thủy lợi, vụ lúa chiêm xuân ở miền Bắc từ chỗ năng suất thấp và bấp bênh, nay đã có năng suất cao và ổn định, có sản lượng xấp xỉ vụ mùa.

Nhà nước đã tích cực *trang bị cơ khí* và cung cấp nhiều *tư liệu sản xuất* như phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ, trâu bò cày, hạt giống, v.v. cho các hợp tác xã, giúp đỡ các hợp tác xã áp dụng ngày càng rộng rãi những thành tựu và tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật nông nghiệp.

So với năm 1960 = 1

	1965	*1975*
Sản lượng điện phân phối	8,4	35,3
Diện tích gieo trồng được cày bừa bằng máy	14,5	65,2
Tổng giá trị tư liệu sản xuất	2,5	3,5
Riêng: — phân đạm	2,9	5,0
— phân lân	11,4	44,6
Tỷ lệ hợp tác xã được trang bị cơ khí (%)	10,9	52,4

Digitized by Google

Vì vậy, nền nông nghiệp nước ta đã từng bước phá được thế độc canh và tính chất tự cung tự cấp, tiến dần lên một nền sản xuất nông nghiệp toàn diện, thâm canh, luân canh và chuyên canh, phát triển theo hướng vừa tăng nhanh tổng sản lượng, vừa tăng nhanh năng suất lao động nhằm bảo đảm nhu cầu tiêu dùng của xã hội, trước hết là lương thực và thực phẩm, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu, làm cơ sở cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và nâng cao đời sống vật chất của nhân dân.

Cơ cấu nông nghiệp (%)

	Miền Bắc			Cả nước
	1955	1965	1975	1979
Giá trị tổng sản lượng	100,0	100,0	100,0	100,0
– Trồng trọt	81,7	77,1	77,0	80,8
– Chăn nuôi	15,3	22,9	23,0	19,2
Diện tích gieo trồng	100,0	100,0	100,0	100,0
– Cây lương thực	94,8	90,3	89,9	86,1
– Cây công nghiệp	2,9	5,3	5,2	9,5
– Rau và đậu	2,3	3,9	4,4	3,3
– Các loại cây khác	–	0,5	0,5	1,1
Sản lượng lương thực	100,0	100,0	100,0	100,0
– Lúa	87,9	81,7	87,0	81,3
– Màu	12,1	18,3	13,0	18,7

Qua 35 năm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước hoàn thiện *cơ cấu công – nông nghiệp* và vượt qua được những khó khăn tưởng chừng không thể vượt nổi. Mặc dù đất nước bị chiến tranh tàn phá và thiên tai liên tiếp, đời sống của nhân dân ta vẫn được bảo đảm và tương đối ổn định, liên minh công nông ngày càng được củng cố, nghĩa vụ quốc tế được hoàn thành tốt đẹp. Tuy trước mắt chúng ta tạm thời còn có nhiều khó khăn, nhưng đạt được những thành quả xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật như hiện nay là rất đáng quý.

NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN TA.

Đảng và Nhà nước ta đã giải quyết từng việc, từng bước trong từng giai đoạn, để bảo đảm nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân ta.

So với thu nhập của công nhân viên chức và nhân dân năm 1960 = 100

	1965	*1968*	*1975*	*1979*
Thu nhập bình quân đầu người của gia đình công nhân viên chức	101,4	107,0	129,0	141,6
Thu nhập thuần túy bình quân đầu người của gia đình nông dân	122,4	139,5	174,3	231,4

Digitized by Google

Ở nông thôn miền Bắc tính đến năm 1975 đã có 35% số hộ có nhà ngói. Ở thành thị, nạn thất nghiệp từng bước bị xóa bỏ. So với năm 1955, năm 1975 số lượng công nhân viên chức tăng gấp trên 10 lần, riêng khu vực sản xuất vật chất gấp 15 lần. Tiền lương bình quân hằng năm của công nhân viên chức từ 1955 đến 1975 đều tăng, tiền lương và phụ cấp lương là nguồn thu nhập chính chiếm 81% tổng số thu nhập. Tỷ lệ hàng hóa Nhà nước cung cấp trong tổng số hàng hóa tiêu dùng từ 1960 đến 1975 là 60%. Ngoài ra, còn có các mặt bồi dưỡng khác như trang bị các đồ dùng bảo hộ lao động, chế độ bồi dưỡng trong sản xuất, chế độ nghỉ mát, an dưỡng, trợ cấp khó khăn, trợ cấp sinh đẻ, phụ cấp nhà trẻ, bếp ăn tập thể... Ngay trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Nhà nước vẫn bảo đảm các mặt: ăn, mặc, học tập và bảo vệ sức khỏe; về phân phối, lưu thông, giá cả thị trường và đời sống nhân dân nói chung không có xáo trộn lớn. Công nhân viên chức và nông dân còn mua sắm được các tư liệu sinh hoạt.

Theo số liệu thống kê năm 1976 tính bình quân cho 100 hộ.

	Số hộ công nhân viên mua sắm	Số hộ nông dân mua sắm
Tủ các loại	61	24
Bàn ghế	67	80
Đồng hồ các loại	85	47
Xe đạp	100	42
Quạt điện các loại	100	—
Xe máy	3	1
Máy thu thanh	30	30
Máy khâu	3	2

Về giáo dục, nếu như năm 1939 trong cả nước có 1 trường trung học và cả Đông-dương chỉ có 3 trường đại học thì năm học 1979 – 1980 cả nước có 280 trường trung học, 83 trường đại học. Nếu năm 1939, bình quân 1 vạn người dân có 284 người đi học (0,9 người là học sinh trung học và đại học), thì năm học 1979 – 1980 có 2700 người đi học, trong đó 63 học sinh đại học và học sinh trung học. Từ chỗ 90% số dân bị mù chữ, ngày nay nhân dân ta chẳng những đã xóa nạn mù chữ mà còn tiến lên nấc thang cao hơn của nền văn hóa và khoa học hiện đại. Từ năm 1977 Nhà nước ta đã miễn học phí, cấp học bổng cho tất cả học sinh các trường đại học và trung học chuyên nghiệp.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế có trình độ trên đại học, đại học và trung học chuyên nghiệp trong tất cả các ngành đã tăng 93 lần so với năm 1955, số công nhân kỹ thuật cũng đã bằng 5,9 lần so với năm 1960. Cứ trên một vạn người dân, đã có 486 lao động kỹ thuật, trong đó 52 người là lao động có trình độ đại học và trên đại học, 125 người có trình độ trung học và 309 người là công nhân kỹ thuật.

Mạng lưới y tế được mở rộng đến tận xã và hợp tác xã. Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em được Nhà nước hết sức quan tâm. Việc vận động sinh đẻ có kế hoạch ngày càng có kết quả. So với năm 1939, số bác sĩ, y sĩ năm 1979 đã bằng 70,8 lần, số giường bệnh bằng 16,5 lần. Nếu năm 1939 cứ một vạn người dân mới có 0,1 bác sĩ, y sĩ, thì

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

MỘT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA NỀN ĐẠI HỌC VIỆT-NAM

LÊ-VĂN-GIẠNG

I. BA MƯƠI NĂM HÌNH THÀNH NỀN ĐẠI HỌC VIỆT-NAM

Những bước đầu xây dựng nền đại học : 1947 – 1958.

Vào khoảng 1947 – 1952, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhà nước ta thành lập một số trường cao đẳng và đại học ngắn hạn (1). Đó là những trường đại học đầu tiên của nước ta được dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt ; chúng ta có thể coi nền đại học dân tộc, tiến bộ và hiện đại của nước ta bắt đầu từ đó (2).

Sau chiến thắng Điện-biên-phủ đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, đầu năm 1956 Bộ chính trị Trung ương Đảng đã thông qua chủ trương và Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định cho thành lập ở Hà-nội các trường đại học Tổng hợp, Sư phạm, Bách khoa, Nông nghiệp, Y – Dược và Cao đẳng mỹ thuật. Các trường đại học này, cùng với Trường đại học kinh tế kế hoạch Hà-nội được thành lập năm 1958 là những trường đại học lớn đầu tiên, và là nòng cốt trong việc xây dựng nền đại học hiện đại của nước ta.

Cơ sở của nền đại học xã hội chủ nghĩa được hình thành : 1959 – 1975.

Từ năm 1958, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, ngành giáo dục, đặc biệt là các trường đại học, sôi nổi đi vào cuộc vận động xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa, gắn nhà trường với xã hội, kết hợp giáo dục với lao động sản xuất.

Dưới ánh sáng của đường lối đúng đắn của Đảng, nên đại học Việt-nam đã tiếp tục phát triển vững chắc, ngay cả trong điều kiện cực kỳ khó khăn của thời kỳ giặc Mỹ đánh phá ác liệt miền Bắc mà đỉnh cao là đợt bắn phá năm 1972. Đây là những năm tháng đã để lại những dấu ấn đặc biệt, không thể quên được trong lịch

(1) Đó là : Trường cao đẳng giao thông, tiền thân của Trường đại học giao thông hiện nay ; Trường đại học y, tiền thân của Trường đại học y Hà-nội hiện nay ; Trường cao đẳng sư phạm văn và Dự bị đại học đặt ở khu 4 cũ cùng với Trường cao đẳng sư phạm khoa học và Trường khoa học cơ bản ở khu học xá trung ương, tiền thân của Trường đại học tổng hợp và Trường đại học sư phạm Hà-nội hiện nay.

(2) Năm 1076, Nhà nước phong kiến Việt-nam thành lập Trường quốc tử giám ở Thăng long, trường đại học phong kiến đầu tiên của nước ta ; nền đại học phong kiến Việt-nam tồn tại đến 1918 và trong thời gian dài đó đã phong học vị tiến sĩ cho hơn 2 ngàn người, trong đó có 30 trạng nguyên ; nội dung giáo dục chủ yếu là nho giáo, chữ dùng là chữ Hán—Việt.

Từ 1904 và chủ yếu từ 1918 đến 1945, thực dân Pháp đã đặt ra ở Hà-nội một số trường cao đẳng và đại học chung cho cả Đông-dương, quy mô lúc nhiều nhất chỉ xấp xỉ 1000 học sinh cả thảy, hoàn toàn dạy bằng tiếng Pháp, giáo sư hoàn toàn là người Pháp, chỉ một số trợ giáo và trợ lý là người Việt nam.

Sau Cách mạng Tháng 8-1945, Nhà nước ta quản lý các trường này nhưng chưa kịp thực hiện được sự sửa đổi gì (việc giảng dạy phần lớn vẫn còn tạm thời dùng tiếng Pháp) thì cuộc kháng chiến bùng nổ (19-12-1946), đại bộ phận cán bộ giảng dạy và học sinh đều rời bỏ Hà-nội đi tham gia kháng chiến.

Digitized by Google

sử xây dựng nền đại học anh dũng của chúng ta, những dấu ấn ít có, nếu không nói chưa từng có trong lịch sử của các nền đại học khác. Nền đại học Việt-nam đã sinh ra trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Pháp, ở vùng nông thôn, ở rừng núi, lại lớn lên trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Các trường đại học của chúng ta không phải chỉ sinh ra và lớn lên trong kháng chiến mà còn tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến, bằng thể lực và bằng trí óc. Nền đại học của chúng ta không những là sản phẩm của cách mạng Việt-nam mà ngay từ đầu đã là một lực lượng của cuộc cách mạng đó.

Nền đại học thống nhất của cả nước được xây dựng : 1975 — 1979.

Nhờ có nền đại học Việt-nam xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng ở miền Bắc, cho nên sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam (5-1975), chúng ta đã tiếp quản tương đối thuận lợi các trường đại học được xây dựng ở miền Nam dưới thời Mỹ — ngụy (3). Cùng với các cán bộ giảng dạy tại chỗ, chúng ta đã thực hiện tốt việc biến đổi các trường đại học này thành một bộ phận hữu cơ của một nền đại học thống nhất cho cả nước và hoạt động theo phương hướng của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, thay đổi mục tiêu đào tạo, điều chỉnh ngành nghề, mở rộng quy mô trường cũ, xây dựng một số trường mới ở miền Nam như Đại học bách khoa Đà-nẵng, Đại học hải sản ở Nha-trang, Đại học Tây-nguyên.

Những nhiệm vụ của một giai đoạn lớn đã hoàn thành.

Sau hơn 30 năm xây dựng, bắt đầu hầu như từ chỗ chưa có gì, hiện nay một mạng lưới gồm 70 trường đại học và cao đẳng đã hình thành trên đất nước ta, và được phân bố trên nhiều vùng khác nhau, từ Bắc đến Nam, từ đồng bằng đến miền núi. Bên cạnh hình thức đào tạo tập trung, hình thức học tập tại chức cũng phát triển với số học sinh gần bằng 20% tổng số học sinh đại học. Một số trường đã tổ chức việc bồi dưỡng sau đại học và hệ đào tạo trên đại học.

Các trường đại học của chúng ta, cũng như tất cả các trường đại học hiện đại (4) trên thế giới, đều có hai chức năng quan hệ mật thiết với nhau là *chức năng đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và chức năng nghiên cứu khoa học.*

Trên cả hai chức năng đó, các trường đại học chúng ta đã đạt được những thành tích to lớn đánh dấu một giai đoạn trưởng thành rõ rệt.

Trong hơn 30 năm hoạt động, các trường đại học và cao đẳng Việt-nam đã đào tạo và cung cấp cho đất nước hơn 13 vạn cán bộ có trình độ đại

---

(3) Các trường đại học này do thực dân Pháp xây dựng ở Sài-gòn từ 1947, là những cơ sở phụ của trường đại học ở Hà-nội. Năm 1954, Pháp chuyển trường đại học ở Hà-nội vào Sài-gòn, sau đó chuyển giao cho chính quyền ngụy. Mỹ vào miền Nam thay thế Pháp và tìm cách xâm nhập vào các trường đại học. Năm 1975, trước khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, hệ thống các trường đại học này bao gồm cả trường công và trường tư, tổ chức tại Sài-gòn, Huế, Đà-lạt, Cần-thơ : tổng số cán bộ giảng dạy là hơn 1000 người.

(4) Mô hình đầu tiên của nền đại học hiện đại trên thế giới là các trường đại học châu Âu thế kỷ XIX. Tuy các trường đại học này có nguồn gốc lịch sử từ những trường đại học xuất hiện khoảng thế kỷ XII ở nước Ý và nước Pháp thời Trung cổ, nhưng qua một thời gian dài biến đổi các trường đó chỉ bắt đầu có những đặc điểm của nền đại học hiện đại sau khi khoa học và kỹ thuật phát triển từ thế kỷ XVII trở đi và sau khi các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu hoàn thành vào cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX. Với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra và những biến động to lớn về xã hội — chính trị của thế giới ngày nay, nền đại học hiện đại lại đang đi vào một thời kỳ thay đổi sâu sắc mới.

Digitized by Google

học (5) thuộc hơn 200 ngành nghề chuyên môn. Năm 1955, cả miền Bắc chỉ mới có hơn 500 cán bộ có trình độ đại học, phần lớn thuộc hai ngành giáo dục và y tế. Hiện nay, trên toàn quốc, đã có 17 vạn cán bộ có trình độ đại học (6), mỗi tỉnh hay thành phố đã có hàng nghìn cán bộ có trình độ đại học(nhiều tỉnh, thành có hơn 4000), các tỉnh ít nhất như các tỉnh miền núi, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, đã có từ 500 cán bộ có trình độ đại học trở lên.

Nhiều ngành kinh tế kỹ thuật trung ương đã trực tiếp quản lý mỗi ngành một đội ngũ hơn mấy nghìn cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học và trên đại học.

Đây là một trong những sự thay đổi rất lớn của lịch sử đất nước ta về mặt cách mạng văn hóa và về xây dựng tiềm lực cần thiết cho việc triển khai cách mạng khoa học kỹ thuật.

Có đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học kỹ thuật đó, mới có thể hình thành trên đất nước ta trong vòng 20 năm qua một cơ cấu tổ chức về khoa học kỹ thuật và quản lý của các ngành kinh tế, văn hóa, quốc phòng, từ trung ương đến địa phương, với mức độ tương đối hiện đại và bảo đảm cho cơ cấu đó hoạt động được. Đội ngũ đó đã góp phần quan trọng vào nhiều thành tích to lớn của nước ta trên lĩnh vực văn hóa và khoa học: lực lượng vũ trang của ta đã nhanh chóng sử dụng được và có trường hợp sử dụng rất sáng tạo nhiều phương tiện kỹ thuật quân sự hiện đại; các ngành giáo dục và y tế đã phát triển với tốc độ cao và đạt được những thành tích rất đáng tự hào trong những điều kiện hết sức khó khăn của mấy chục năm qua: các ngành công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng cơ bản cũng đã có nhiều tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất.

Chức năng nghiên cứu khoa học trong các trường đại học của ta tuy chưa được phát triển như chức năng đào tạo, nhưng cũng đã có những tiến bộ và thành tích rõ rệt. Cho đến năm 1960, do nền đại học của ta đang còn ở bước đầu của việc xây dựng, nên chức năng nghiên cứu khoa học tuy có nêu ra trên chủ trương nhưng trong thực tế chưa thực hiện được (trừ việc nghiên cứu riêng lẻ của một vài cán bộ giảng dạy). Từ năm 1960, một số trường có điều kiện mới bắt đầu nêu chức năng này trong chương trình công tác của trường mình (như các trường Đại học tổng hợp, Đại học y...). Và từng bước, cho tới nay, hầu hết các trường đại học đều có nhận trách nhiệm chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu những đề tài lớn của Nhà nước hoặc của ngành, đồng thời ký hợp đồng nghiên cứu các vấn đề khoa học kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất và thực hiện những đề tài phục vụ trực tiếp việc giảng dạy. Khối lượng nghiên cứu khoa học của các trường đại học trong toàn bộ công tác nghiên cứu khoa học của cả nước (bao gồm các viện, các phòng, các ban; từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng và triển khai) hiện nay chiếm tỷ trọng 20% (tính theo kinh phí trực tiếp của việc nghiên cứu khoa học; không tính kinh phí về tiền lương và kinh phí xây dựng nhà cửa và các loại thiết bị gián tiếp vì sử dụng chung với kinh phí đào tạo).

Những việc làm được trên đây trong hơn 30 năm xây dựng nền đại học chứng tỏ chúng ta đã đi được một chặng đường dài, với tốc độ tương đối cao và bước tiến vững chắc. Nền đại học của ta, trên cả hai chức năng cơ bản, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình đối với đất nước, qua đó đã hình thành được một cơ sở.

---

(5), (6) Tính đến đầu năm 1978, cả nước ta có gần 17 vạn cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học, trong đó có khoảng 80% là do các trường đại học của chế độ ta đào tạo ra và khoảng gần 10% là do các trường đại học ở các nước xã hội chủ nghĩa đào tạo giúp ta.

Digitized by Google

một tiềm lực rất quý, đó là: quan điểm và đường lối giáo dục đại học xã hội chủ nghĩa; những kinh nghiệm rất phong phú của toàn ngành và của môi trường trong việc thực hiện đường lối đó; đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy, tận tụy và có nhiều công lao: mạng lưới trường tương đối lớn được phân bố tương đối rộng khắp trong cả nước với những cơ sở vật chất cần thiết bước đầu.

Có được những thành tựu nói trên chính là vì nền đại học của ta sản sinh ra từ cuộc cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Chính cuộc cách mạng đó đã vũ trang cho nền đại học của ta một đường lối giáo dục chính xác, đã động viên nhiệt tình và tinh thần tận tụy của đông đảo cán bộ trong ngành đại học, đã tranh thủ được sự giúp đỡ rất quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt là của Liên-xô, và đã luôn nhắc nhở chúng ta phải học tập những kinh nghiệm hay của thế giới. Đó là những nhân tố quyết định sự thành công trong việc xây dựng nền đại học của ta 30 năm qua và đó vẫn là những nhân tố quyết định những thắng lợi tiếp theo trong giai đoạn sắp tới.

II. NHIỆM VỤ CẤP BÁCH VÀ TO LỚN CỦA GIAI ĐOẠN MỚI

Hiện nay nền đại học của ta đang đứng trước một giai đoạn phát triển mới. Nền đại học của ta phải thực hiện một việc rất mới và rất quan trọng, tức là phải làm một cuộc cải cách giáo dục, phải có nhiều sửa đổi lớn và nhỏ trong các chủ trương, biện pháp, từ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo đến các vấn đề như xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy, tổ chức nhà trường, v.v. nhằm đáp ứng được các yêu cầu to lớn mới của cách mạng và để qua đó tiếp tục phát triển lên một trình độ cao hơn. Nhiệm vụ và phương hướng, biện pháp của giai đoạn mới là giải quyết bốn vấn đề lớn sau đây:

Vấn đề lớn thứ nhất là: Làm cho mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo ở ngành đại học đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta đã học tập kinh nghiệm tiên tiến của các trường đại học trên thế giới, chủ yếu là của các nước xã hội chủ nghĩa. Việc học tập đó là cần thiết không những trong giai đoạn vừa qua mà cả trong giai đoạn sắp tới. Chúng ta cũng đã có nhiều cố gắng và đạt được khá nhiều kết quả trong việc kết hợp các kinh nghiệm tiên tiến của thế giới với thực tế của nước ta: chúng ta đã kiên trì thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng, chúng ta đã đưa nhiều tư liệu thực tế của ta vào các giáo trình chung và xây dựng tốt một số giáo trình mà đối tượng chủ yếu là mặt này hay mặt kia trong thực tế tự nhiên hoặc xã hội của nước ta. Chúng ta vẫn còn phải tiếp tục phương hướng đúng đắn này. Nhưng vấn đề đáng chú ý ở đây là mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo ở đại học của ta chưa phù hợp với một đặc điểm rất cơ bản của thực tế nước ta: việc xây dựng kinh tế và văn hóa tiến hành trong điều kiện một nước nghèo, lạc hậu, lại hầu như liên tục bị chiến tranh xâm lược của kẻ thù tàn phá hoặc uy hiếp, nước ta phải chuyển trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm cơ bản đó là nguồn gốc của rất nhiều sự mất cân đối, của nhiều mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa khả năng và yêu cầu mà chúng ta phải đương đầu và không

Digitized by Google

thể tùy theo chủ quan của mình mà gạt ra hay tránh né. Đó là nguồn gốc của rất nhiều khó khăn mà mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị, mỗi cán bộ — trong đó có cán bộ khoa học kỹ thuật — phải vượt qua, phải khắc phục trong công tác của mình.

Do đặc điểm trên, những điều kiện để vượt qua khó khăn trong những năm qua cũng như trong vòng 20 — 30 năm tới phải được tạo ra trong quá trình *vừa làm vừa xây dựng dần*. Và chính người cán bộ khoa học phải tham gia tích cực vào việc tạo ra các điều kiện đó trong quá trình công tác của mình, chứ chúng không có sẵn.

Vì vậy, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục ở đại học phải có những sửa đổi cơ bản nhằm thực hiện được yêu cầu làm cho người học sinh sau khi tốt nghiệp ra công tác phải hiểu được thực tế nước ta để góp phần cải tạo có hiệu quả thực tế đó. Muốn cải tạo thực tế đó, còn phải không giao động, không mất phương hướng trước thực tế phức tạp và khó khăn đó, thích nghi được hoạt động của mình với thực tế đó; phải kiên trì lòng yêu ngành, yêu nghề, yêu khoa học kỹ thuật, giữ vững lý tưởng muốn cải tạo thực tế, ham mê học tập và học tập có phương pháp nhằm làm việc ngày càng có hiệu suất cao và nâng cao không ngừng bản lĩnh của mình, bản lĩnh của một người chiến sĩ cách mạng trên mặt trận dùng khoa học kỹ thuật làm vũ khí cải tạo và xây dựng đất nước, *dám tiến công và biết cách tiến công* vào nghèo nàn, lạc hậu, vào các hiện tượng tiêu cực, trì trệ...

Vấn đề lớn thứ hai là: Làm tốt ba khâu về đào tạo và bồi dưỡng ở ngành đại học: đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý cho các ngành kinh tế, văn hóa quốc dân, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học có trình độ cao, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thực hành giỏi.

Trong thời gian qua, vì chưa làm tốt ba khâu này, cho nên tác dụng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật khá đông đảo mà chúng ta đã đào tạo ra, còn rất hạn chế. Lẽ tất nhiên sự hạn chế đó còn có nhiều nguyên nhân quan trọng khác. Một nguyên nhân cần nhấn mạnh là việc sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật có nhiều thiếu sót và nhược điểm như: giao việc không rõ ràng, không cụ thể, không ổn định, không đúng với mục tiêu đào tạo; thiếu sự hướng dẫn trong công tác, thiếu sự đánh giá chính xác và kịp thời kết quả công việc; chưa chú ý đến những điều kiện tinh thần và vật chất cần thiết cho lao động khoa học kỹ thuật, v.v. Nhưng xét cho cùng, nếu để ra một bên những nguyên nhân khách quan do nền kinh tế nước ta đang từ sản xuất nhỏ, lạc hậu, biến động, chuyển sang sản xuất lớn, có tổ chức, có nền nếp, thì phải thấy rằng nguồn gốc chủ quan sâu xa của những thiếu sót trong khâu sử dụng là do công tác đào tạo chưa góp phần được bao nhiêu vào việc hình thành một đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, một đội ngũ cán bộ khoa học đầu đàn, một cơ cấu đồng bộ về chất lượng giữa cán bộ kinh tế và cán bộ kỹ thuật, giữa cán bộ nghiên cứu, thiết kế và cán bộ tổ chức sản xuất, chỉ đạo thi công (cán bộ thực hành).

Để khắc phục các thiếu sót này, cần phải có sự cải cách về cơ cấu hệ thống đào tạo, mục tiêu đào tạo và hình thức đào tạo. Việc phân hóa mục tiêu, việc xây dựng các trường cao đẳng thực hành, việc phối hợp hệ thống trường ngắn hạn và dài hạn, trường tập trung và tại chức, cao đẳng, đại học, sau đại học, trên đại học là những hướng nghiên cứu của cải cách giáo dục ở đại học để đáp ứng các đòi hỏi nói trên.

Digitized by Google

Vấn đề lớn thứ ba là: Làm tốt việc thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất và việc kết hợp hai chức năng cơ bản của trường đại học là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hiện nay các việc này chưa thành nền nếp, chưa ổn định, chưa toàn diện cho nên hiệu suất chưa cao và có khi lại hạn chế lẫn nhau.

Đây là một vấn đề cơ bản trong việc xây dựng nhà trường đại học của chúng ta. Nắm vững và làm tốt các yêu cầu kết hợp trên đây là điều kiện để chúng ta xây dựng được một nền đại học Việt-nam xã hội chủ nghĩa và hiện đại. Đó cũng là một trong những vấn đề khó nhất của việc xây dựng nhà trường đại học xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đó khó vì vừa phải quán triệt ý nghĩa cách mạng và khoa học của việc kết hợp này lại vừa phải khắc phục những nhận thức thô sơ về lao động sản xuất (như đồng nhất lao động sản xuất với lao động chân tay đơn giản...), hoặc những quan niệm phiến diện về mục đích và yêu cầu của việc kết hợp giáo dục với lao động sản xuất (như coi kết hợp là để thực hành, thực tập), hoặc những quan niệm sai lầm (như coi sự kết hợp với lao động sản xuất bất cứ theo hình thức nào đều đương nhiên có tác dụng giáo dục, v.v.). Vấn đề đó còn khó hơn nữa vì phải có những biện pháp, những quy trình đào tạo mới và những điều kiện vật chất, những chế độ, thể lệ làm cho nhà trường và các cơ sở sản xuất hợp tác được với nhau thì mới thực hiện được tốt nguyên lý giáo dục ấy.

Vấn đề kết hợp hai chức năng cơ bản của nhà trường đại học, chức năng giáo dục, đào tạo và chức năng nghiên cứu khoa học, là một đặc trưng, một điều kiện phát triển của nhà trường đại học hiện đại. Qua việc góp phần giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật do thực tiễn Việt-nam đề ra, công tác nghiên cứu khoa học ở trường đại học có tác dụng vừa phát huy tiềm lực khoa học kỹ thuật của trường để phục vụ xã hội, vừa thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng (gắn học với hành, gắn giáo dục với lao động sản xuất, gắn nhà trường với xã hội), vừa làm cho việc giảng dạy và học tập ở đại học không phải chỉ là truyền thụ và tiếp nhận kiến thức đã có mà chủ yếu còn là dạy và học phương pháp tìm ra và vận dụng kiến thức. Do đó, việc nghiên cứu khoa học của các trường đại học không những là cần thiết để sử dụng hết tiềm lực của nhà trường (về mặt này trường đại học có chỗ yếu so với các viện vì vừa phải nghiên cứu vừa phải giảng dạy, nhưng cũng có những chỗ mạnh hơn các viện như trong trường có nhiều bộ môn khoa học có thể giúp đỡ lẫn nhau, có lực lượng đông đảo học sinh có thể giúp làm những việc nhỏ, v.v.) mà còn là một điều kiện không thể thiếu để thực hiện tốt chức năng đào tạo, giảng dạy, học tập, một chức năng chủ đạo của nhà trường.

Vấn đề lớn thứ tư là: Giữ sự cân đối giữa quy mô phát triển về số lượng và khả năng bảo đảm chất lượng đào tạo ở đại học. Hiện nay tình hình mất cân đối đang còn khá gay gắt.

Trong 30 năm qua, tốc độ phát triển của ngành đại học ta tương đối nhanh (xem bảng thống kê trang 42).

Tốc độ phát triển như vậy về cơ bản là phù hợp với yêu cầu của đất nước trong giai đoạn vừa qua. Trong 10 — 15 năm sắp tới nền đại học của chúng ta vẫn phải tiếp tục phát triển mạnh về quy mô. Tuy nhiên do nước ta đang đi lên từ một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, nghèo nàn, lại bị chiến tranh tàn phá lâu dài và uy hiếp liên tục cho nên những điều kiện để bảo đảm chất lượng đại học không tăng theo với tốc độ tương xứng.

Digitized by Google

	1955–1956 (miền Bắc)	1964–1965 (miền Bắc)	1974–1975 (miền Bắc)	1977–1978 (cả nước)
Số trường đại học	2	16	35	46 (7)
Số học sinh đại học	1700	29300	55700	150000
Số giáo viên đại học	40	2750	8650	14000

Về diện tích nhà cửa cần thiết cho lớp học, phòng thí nghiệm, ký túc xá, năm 1977 mới đạt bình quân toàn ngành là 4,5m²/học sinh (định mức tối thiểu ở ta là 8m²/học sinh; ở các nước xã hội chủ nghĩa khác là 12m²/học sinh). Trong các cơ sở đã có, gần 1/5 còn là nhà tranh tre, hơn 1/3 là nhà nửa kiên cố, mới được gần 1/2 là nhà tiêu chuẩn. Thiết bị cần thiết cho thí nghiệm và thực tập mới đạt hơn 50% định mức tiêu chuẩn (bình quân toàn ngành).

Chất lượng quản lý (từ bộ đến trường, khoa, bộ môn) tuy có tăng nhiều về trình độ và kinh nghiệm nhưng vẫn không theo kịp sự phát triển của ngành; rất nhiều vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển chậm được giải quyết (thiếu nhiều chính sách, chế độ, quy chế, thể lệ cụ thể và sát với tình hình; việc kiểm tra, đôn đốc thiếu; sự chỉ đạo thường vừa dừng lại ở chủ trương chung, lại vừa rơi vào sự vụ).

Đội ngũ giáo viên tuy đã trưởng thành nhiều cả về số lượng và chất lượng nhưng số cán bộ có trình độ cao chưa nhiều; hơn 50% còn ở trình độ tập sự hoặc trình độ trợ lý.

Giải quyết như thế nào các khó khăn trên đây trong điều kiện nước ta còn nghèo mà vẫn phải tiếp tục phát triển mạnh về lâu dài nền đại học của ta? Giải quyết bài toán quan trọng và khá gay gắt đó không phải chỉ bằng biện pháp đơn giản là tăng nhiều vốn đầu tư của Nhà nước cho công tác đại học. Việc tăng vốn đầu tư là cần thiết nhưng cũng bị hạn chế bởi nhu cầu kinh tế và quốc phòng của nước ta hiện nay. Cũng không thể dùng biện pháp đơn giản khác là thu hẹp nhiều quy mô đào tạo. Rõ ràng trong thời gian vài ba năm trước mắt, chúng ta chưa có thể mở rộng nhanh quy mô đào tạo, và ở một số ngành nghề nào đó, chúng ta có thể tính tới việc điều chỉnh quy mô cho hợp lý hơn, nhưng về lâu dài chúng ta vẫn phải phát triển quy mô đào tạo ở đại học để đáp ứng yêu cầu xây dựng kinh tế, văn hóa và yêu cầu quốc phòng. Giảm quy mô hiện nay sẽ gây khó khăn cho việc phát triển sau này vì công tác đào tạo đại học là một công tác dài hạn; hơn nữa việc giảm quy mô nhiều và đột ngột tuy có làm bớt khó khăn trước mắt về cơ sở vật chất nhưng lại gây ra nhiều khó khăn về các mặt khác cho ngành đại học.

Phương hướng cơ bản để giải quyết những vấn đề nói trên là song song với việc tăng đầu tư và tính toán quy mô đào tạo cho hợp lý, phải có những biện pháp về tổ chức và quản lý công tác đào tạo như sắp xếp mạng lưới các trường, v.v. để sử dụng với hiệu suất cao nhất khả năng hiện có và sẽ có của ngành đại học; đồng thời sửa đổi lại cơ cấu hệ thống đào tạo, mục tiêu và nội dung đào tạo, thay đổi các kiểu, các hình thức đào tạo để đạt được một chất lượng đào tạo tối ưu với những khả năng có hạn về cơ sở vật chất, về đội ngũ thầy giáo. Những biện pháp như vậy sẽ dẫn đến những cải cách lớn trong tổ chức và trong hệ thống đại học.

(7) Chưa kể các trường Cao đẳng sư phạm và một số trường đại học thuộc hệ thống đặc biệt như quốc phòng, v.v.

Digitized by Google

Bốn vấn đề lớn trên đây của ngành đại học trong giai đoạn mới cũng là bốn lý do và bốn mục đích cụ thể của việc cải cách giáo dục ở đại học theo những quan điểm, phương hướng và mục tiêu tổng quát mà nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ chính trị đã nêu ra. Bốn vấn đề lớn đó không phải là bốn vấn đề riêng biệt mà có liên quan mật thiết với nhau, làm điều kiện cho nhau.

Để giải quyết được bốn vấn đề lớn đó, cần phải có những sửa đổi trên hàng loạt mặt : từ tuyển sinh đến phân phối học sinh tốt nghiệp, từ mục tiêu đào tạo đến nội dung, phương pháp đào tạo, từ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đến công tác dạy và học về chuyên môn, rèn luyện sức khỏe, luyện tập quân sự, từ giảng dạy, học tập đến lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, từ học lý thuyết đến thực hành, thực tập, từ nội khóa đến ngoại khóa, đến việc tổ chức đời sống trong trường, từ tổ chức lại bộ máy quản lý công tác đào tạo của chính quyền đến việc phối hợp với các hoạt động của Công đoàn, của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ việc xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy, công nhân, viên chức phục vụ giảng dạy, đội ngũ cán bộ quản lý đến việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của công tác đào tạo.

★

Nhiệm vụ cải cách giáo dục trong nền đại học nước ta nặng nề và cấp bách. Đó là đòi hỏi trước mắt và lâu dài của bản thân nền đại học nước ta sau 30 năm phát triển ; đó cũng là đòi hỏi trước mắt và lâu dài của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta với những mục tiêu xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng nền sản xuất lớn, xây dựng nền văn hóa mới và xây dựng con người mới mà toàn Đảng, toàn dân ta phải phấn đấu biến thành hiện thực trên Tổ quốc ta trong một thời gian tương đối ngắn.

Một số kinh nghiệm lớn...

(Tiếp theo trang 29)

đúng, thiếu sáng tạo, thậm chí có lúc phạm sai lầm kéo dài.

Mặt khác, có tổng kết, ta mới rút ra được từ thực tiễn vô cùng sinh động, sáng tạo của quần chúng những điều bổ ích.

★

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tiếp tục giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, toàn thể nhân dân cũng như lực lượng vũ trang ta nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống mọi âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch, ra sức xây dựng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, khéo kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Nắm vững quan điểm cách mạng bạo lực, quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công của Đảng, cần ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ta có số lượng đủ, chất lượng cao, trang bị mạnh, trở thành một quân đội cách mạng chính quy, hiện đại, và tổ chức toàn dân làm quốc phòng, sẵn sàng khi giặc đến nhà, mỗi người dân là một người lính.

Trước cuộc thử thách mới, phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng mới thật vô cùng gian khổ khó khăn, nhưng cũng vô cùng vẻ vang, vô cùng vĩ đại đối với dân tộc ta và cả loài người tiến bộ. Lực lượng vũ trang ta cần ra sức học tập những tri thức khoa học mới để nâng cao trình độ tổ chức và chiến đấu, đồng thời khẩn trương tổng kết những kinh nghiệm đánh Mỹ, để tiếp tục phát huy, vận dụng trong hoàn cảnh mới.

Digitized by Google

NGUYỄN - TRÃI
nhà chiến lược của chiến tranh giải phóng dân tộc thế kỷ XV

PHẠM-NGỌC-PHỤNG

NGUYỄN-TRÃI, vị anh hùng dân tộc Việt-nam thế kỷ XV đã có những cống hiến quý báu về mọi mặt: chính trị, tư tưởng, quân sự, ngoại giao, văn học nghệ thuật. Riêng trong lĩnh vực quân sự, Nguyễn-Trãi, ở bên cạnh vị thủ lĩnh tối cao là Lê-Lợi, đã nổi lên như một nhà chiến lược thiên tài. *Đại sách bình Ngô* của ông dâng cho Lê-Lợi ở Lỗi-giang chẳng những đã vạch ra một chiến lược chính trị và những phương thức chỉ đạo chiến tranh đúng đắn, mà còn đưa ra những giải pháp thích hợp cho những vấn đề quân sự đặt ra trong chiến tranh giải phóng. Như ngọn hải đăng rực sáng, những tư tưởng bình Ngô của ông đã chiếu rọi con đường dẫn tới thắng lợi cuối cùng của cuộc chiến tranh yêu nước. Hàng loạt bài văn viết trong thời chiến vừa nêu bật những quan niệm sâu sắc về chiến lược, chiến thuật quân sự của Nguyễn-Trãi, vừa phản ánh năng lực tổ chức thực hiện xuất sắc của ông, liên quan đến hầu hết các hội chiến lớn của nghĩa quân. Sau chiến thắng hoàn toàn, trong nhiều tập văn, thơ, phú, ông đã khái quát kinh nghiệm, ghi lại những tư tưởng chỉ đạo, những hình thức và phương pháp tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vĩ đại ấy ở thế kỷ XV. Đó thật là một di sản quân sự đồ sộ, quý báu.

★

Ở đầu thế kỷ XV, Trung-quốc dưới triều nhà Minh đang thời cực thịnh đã thôn tính nước ta để mở đầu việc thực hiện kế hoạch xâm lược quy mô lớn đối với toàn bộ các nước ở « Nam-dương » và « Tây-dương » (tức Đông Nam Á và Nam Á) cho đến vịnh Ba-tư và bờ biển Đông Phi. Bấy giờ, Trung-quốc là một nước lớn, có quân đội đông, có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh hơn Đại-Việt nhiều lần. Xưa nay, lấy nhỏ chống lớn, lấy ít thắng đông vẫn là một yêu cầu chiến lược nghiêm khắc đối với dân tộc ta. Cuộc chiến tranh cứu nước lần này lại có tình hình riêng biệt của nó, bởi lẽ bọn giặc cướp nước đã tỏa rộng chiếm đóng nước ta, dùng mọi thủ đoạn vơ vét tài nguyên, sức người sức của, dồn nghĩa quân Lam-sơn vào tình trạng phải chiến đấu gian khổ và có nguy cơ tan rã vì thiếu một hậu phương vững mạnh. Bài toán chiến

Digitized by Google

lược đặt ra bởi sự mất cân đối giữa mục đích chính trị của chiến tranh cứu nước với khả năng quân sự rất có hạn của ta hồi bấy giờ, bởi sự chênh lệch to lớn về thế và lực giữa ta và địch đòi hỏi cấp bách phải có lời giải đáp đúng đắn.

Sống trong thời kỳ biến động, có dịp gần gũi nhân dân lao động, đối chiếu những tri thức trong sách vở với cảnh nước mất nhà tan, với những cuộc bùng nổ xã hội, với cuộc kháng chiến của Hồ-Quý-Ly thất bại mà ông có tham gia, xét suy mọi lẽ hưng vong, Nguyễn-Trãi rút ra một quy luật lịch sử đồng thời là một nguyên tắc cơ bản chỉ đạo chiến tranh yêu nước mà sau này ông ghi vào *Đại cáo bình Ngô*:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân;
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

Nguyễn-Trãi đã nêu rõ tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng, tính chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược, vạch rõ rằng mâu thuẫn chính trị giữa dân tộc ta, nhân dân ta với tập đoàn vua chúa nhà Minh, theo chủ nghĩa bành trướng Đại Hán là rất cơ bản, là không thể dung hòa được, rằng mục đích chính trị của hai bên là đối chọi quyết liệt, và do đó, tính chất của đấu tranh vũ trang là hết sức ác liệt.

Nguyễn-Trãi cho rằng muốn cứu nước phải «cứu đỡ muôn dân», phải «vì dân cứu nạn»; cứu dân là thực chất của sự nghiệp cứu nước; cứu nước và cứu dân gắn chặt với nhau: giải phóng nông nô, nô tỳ là con đường đi tới giải phóng dân tộc.

Cứu nước mà thực chất là cứu dân, đó là «tâm», là tư tưởng chủ đạo của Nguyễn-Trãi: «*Đề tâm dân chúng, mình trước lo điều thiên hạ phải lo*». Đó cũng chính là tư tưởng trung tâm trong ba «đại sách bình Ngô» mà ông trao cho Lê-Lợi tại Lỗi-giang và được Lê-Lợi hoàn toàn tán thành. Tư tưởng «cứu nước, cứu dân» của Nguyễn-Trãi chẳng những là ngọn cờ rực sáng chính nghĩa tập hợp mọi lực lượng lành mạnh trong xã hội, miền xuôi và miền ngược, thực hiện khối đoàn kết dân tộc vững mạnh, mà còn là một vũ khí hết sức sắc bén tiến công hệ tư tưởng bá quyền Đại Hán của quân cướp nước, tiến công hệ tư tưởng phong kiến phản động của bọn đầu hàng bán nước.

Nguyễn-Trãi, cũng như các thủ lĩnh khác của nghĩa quân Lam-sơn, hoàn toàn hiểu rõ vai trò của lực lượng vũ trang, của quân đội trong chiến tranh giải phóng. Theo ông, nó phải ra đời và lớn mạnh qua ngọn lửa đấu tranh của dân chúng nhằm tiêu diệt địch, giành lại chủ quyền dân tộc và bảo vệ chủ quyền ấy, bảo vệ nhân dân. Trong điều kiện kẻ thù đã thiết lập hệ thống chính quyền của chúng từ Đông-quan đến thôn xã, tập trung những đạo quân lớn ở Đông-quan và Tây-đô tiếp tục chiến tranh bình định, mà nghĩa quân Lam-sơn còn yếu kém, ít ỏi, đất dụng võ chỉ là một địa phương nhỏ hẹp, ông cho rằng phải tìm trong dân chúng cội nguồn tạo nên thế lực mạnh, phải phá vỡ hệ thống chính quyền địch, phân tán lực lượng quân sự địch, xây dựng chính quyền và quân đội ta, từ đó tiến lên tiêu diệt toàn bộ quân địch, đập tan toàn bộ ách thống trị của nhà Minh trên đất nước ta.

Chặt đứt hệ thống chính quyền địch phải bắt đầu từ khâu nào? Tuân theo phép tắc tránh thực, đánh hư, Nguyễn-Trãi chỉ ra rằng phải phá vỡ ở khâu chúng yếu nhất, tức là ở thôn ấp, cơ sở.

«*Mến người có nhân là dân, mà chở thuyền và lật thuyền cũng là dân*» (*Chiếu về việc làm bài «Hậu tự huấn» để răn bảo thái tử*). «*Lật thuyền, mới tin dân mạnh như nước*» (*Đóng cửa biển*). Nguyễn-Trãi tin rằng hiệu triệu, tổ chức nông dân, nô tỳ và những người yêu nước khác tiến hành khởi nghĩa vũ trang, tiêu diệt

Digitized by Google

quan quân ngụy ở cơ sở, xây dựng một hình thức chính quyền, một hình thức dân binh — đội tuần đinh, đội nghĩa dũng — là những điều kiện quan trọng ban đầu để thực hiện chủ quyền dân tộc. Chính quyền ấy sẽ đảm đương việc tách công điền khỏi điền trang, đem chia lại cho nông dân nghèo và nô tỳ đã được giải phóng, tịch thu tài sản kể cả ruộng đất và công cụ sản xuất của bọn cướp nước và bọn bán nước đem làm của công, lập làng chiến đấu, cung cấp cho nghĩa quân sức người, sức của cần thiết để từng bước phát triển thành một quân đội tập trung ngày càng lớn mạnh.

Nguyễn-Trãi quan niệm chiến tranh giải phóng không thể chỉ là đấu tranh vũ trang, không thể chỉ là một cuộc chiến tranh thuần túy quân sự, do nghĩa quân Lam-sơn tiến hành. Nó phải là sự kết hợp của khởi nghĩa và chiến tranh, của đấu tranh vũ trang và các hình thức đấu tranh khác, của nông dân vũ trang và quân đội dân tộc, đi từ từng phần đến toàn bộ, từ nhỏ đến lớn. Chiến tranh ấy là một quá trình xây dựng chính quyền ta, đập tan chính quyền địch, xây dựng lực lượng vũ trang ta, tiêu diệt quân đội địch để đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là sự kế thừa và vận dụng một cách tổng hợp và sáng tạo kinh nghiệm khởi nghĩa vũ trang toàn dân của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý-Bí, Khúc-Thừa-Dụ, kinh nghiệm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Lê-Hoàn, Lý - Thường - Kiệt, Trần - Quốc - Tuấn, v.v. vào điều kiện chiến tranh yêu nước cách mạng thế kỷ XV.

Xác định con đường chiến tranh giải phóng như vậy, Nguyễn-Trãi đồng thời đã có giải pháp đúng đắn cho một vấn đề cực kỳ quan trọng mà những thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa trước ông chưa giải quyết được là vấn đề hậu phương của chiến tranh giải phóng. Nông nghiệp và thủ công nghiệp ở nông thôn, nông dân, các làng chiến đấu là cơ sở kinh tế, cơ sở xã hội, cơ sở quân sự cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí, quân nhu, chiến binh cho nghĩa quân Lam-sơn, là nguồn cổ vũ tinh thần chiến đấu, nguồn động viên tinh kiên nghị và quyết tâm của nghĩa quân Lam-sơn, là chỗ dựa rộng lớn và vững chắc để nghĩa quân Lam-sơn đứng trên cái thế không thể bị đánh ngã mà chủ động tiêu diệt địch. Chính khởi nghĩa của nông dân, nô tỳ — mạnh lệ — thắng lợi ở cơ sở trên những vùng rộng lớn đã tạo nên một hậu phương vững chắc cho nghĩa quân Lam-sơn và chiến tranh giải phóng. Thắng lợi ấy đồng thời cũng thu hẹp « hậu phương tại chỗ » của quân Minh, trong khi « hậu phương dân tộc » của chúng tức là đất Trung-quốc có thể bị cô lập với chiến trường, khiến cho quyền « tự do hành động » của chúng ngày càng bị hạn chế.

Sau gần 6 năm gây dựng lực lượng ở trong tình thế « đất chỉ có một thành, quân chỉ có một lữ », nghĩa quân Lam-sơn kiên quyết từ rừng núi phía tây của đất nước tiến về đồng bằng, làm nòng cốt cho khởi nghĩa nhân dân trên những vùng nông thôn rộng lớn.

Từ đó, chỉ trong vòng 2 năm, dưới sự lãnh đạo của Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi, kết hợp chặt chẽ dân chúng với nghĩa quân, nổi dậy và tác chiến, đánh vào binh lực và đánh vào lòng người, hậu phương và tiền tuyến, đồng bằng và rừng núi, nghĩa quân Lam-sơn đã giành lại và giữ vững quyền làm chủ của mình trên hầu khắp đất nước, trừ các thành lũy quân sự lớn do quân Minh cố thủ chờ viện. Trên đà phát triển ấy, nghĩa quân Lam-sơn đã lớn lên thành một quân đội dân tộc, một quân đội chính quy vô địch. Những chiến thắng quân sự oanh liệt, ngày càng lớn, càng có tính chất quyết định như Khả-lưu, Bồ-đằng, Tốt-động, Chúc-động, Lãnh-câu, Dan-xá, Chi-lăng, Xương-

Digitized by Google

giang đều bắt nguồn từ sự vững chắc và lớn mạnh của hậu phương mà nông thôn đồng bằng là cốt yếu.

Con đường xây dựng lực lượng vũ trang, mà Nguyễn-Trãi vạch ra là rất đúng đắn. « Mạnh lệ nêu gậy làm cờ », « binh sĩ một dạ cha con », Nguyễn-Trãi thấy ở tính chất nhân dân của quân đội dân tộc, ở tình keo sơn gắn bó quân đội với nhân dân, ở quan hệ đúng đắn giữa tướng lĩnh và chiến binh, một nguồn lớn tạo nên sức mạnh của bản thân quân đội. Coi trọng số lượng nhưng ông rất chú ý đến chất lượng của quân đội. Điều được ông đặc biệt quan tâm là giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính, tư tưởng đại nghĩa chí nhân, nhân sinh quan tiến bộ cho quân đội : « Sống nhục thà chết vinh », « tận trung với nước, cùng lòng hợp sức, mưu rửa quốc sỉ, đã đánh là lấy được, đến đâu là lập công », « quân đội nhân nghĩa phục vụ sự an cư lạc nghiệp của nhân dân ».

Tư tưởng chỉ đạo của Nguyễn-Trãi về quân sự là toàn dân đánh giặc. Lấy tư tưởng đó làm cơ sở, nghệ thuật quân sự Đại-Việt trong cuộc chiến tranh cứu nước này thật phong phú muôn vẻ : kết hợp đòn tiến công của nghĩa quân với đòn nổi dậy của mạnh lệ : kết hợp tác chiến tại chỗ của quân nghĩa dũng với tác chiến cơ động của quân thiết đột ; kết hợp cách đánh lớn với cách đánh nhỏ, cách đánh của quân đội chính quy với cách đánh của những đội hương binh, không chính quy...

« *Được thời, có thế* », « *lấy ít thắng đông* » là một nguyên tắc của nghệ thuật quân sự đó. Nguyễn-Trãi sớm phát hiện rằng thời và thế là lực lượng. Một quân đội ít hơn địch, nhưng giành được thời gian, tạo được thế vững, thì mạnh. Nghệ thuật của nghĩa quân Lam-sơn, theo tư tưởng chỉ đạo đúng đắn đó, chính là nghệ thuật « được thời, có thế », dồn địch vào trạng thái « mất thời, không thế » và đánh tiêu diệt chúng trong những trận theo cường độ « sấm ran », theo tốc độ « chớp giật ». Nguyễn-Trãi là một trong những nhà quân sự sớm vạch ra rằng tính cơ động cao, nhịp độ nhanh trong không gian có lợi của một quân đội, là một trong những yếu tố sức mạnh của quân đội ấy. Nghệ thuật cơ động ấy đòi hỏi ở tướng lĩnh và chiến binh một tinh thần anh dũng vô song, thường xuyên ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, một tinh thần tích cực chủ động cao, một tri thức quân sự, kỹ thuật sâu rộng, một thể lực tốt.

Theo Nguyễn-Trãi, « được thời, có thế » là một chỉnh thể, một nghệ thuật nhằm đẩy mạnh, đẩy nhanh sự biến đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, không lợi cho địch. Về thực chất, « *được thời, có thế* » là nghệ thuật tiến công, tiến công một cách đầy dũng cảm và rất thông minh. Cuộc tiến quân vào Nghệ-an của nghĩa quân vào cuối năm 1424 là một trong những kiểu mẫu của nghệ thuật xuất sắc đó. Lúc ấy cả hai bên địch, ta đều chủ trương chấm dứt thời kỳ tạm hòa hoãn, khẩn trương chuẩn bị chuyển sang hành động quân sự. Đúng vào lúc các khối lớn quân địch đang bận rộn tập trung tại Đông-quan và Tây-đô nhưng chưa kịp triển khai thành thế tiến công, nghĩa quân đã đi trước địch, đột nhiên mở cuộc cơ động thần tốc vào Nghệ-an. Địch ở Nghệ-an vốn không đông lại không có chuẩn bị, đành co vào thành nằm im, chờ viện binh từ Bắc vào. Thời gian đã tuột khỏi tay địch mà thuộc về ta. Nghĩa quân bao vây địch trong thành Trà-long, làm chỗ dựa cho nhân dân nổi dậy làm chủ một vùng rộng lớn miền núi phía tây Nghệ-an. Hai thành giành được đã biến thành thế lực mạnh cho nghĩa quân và nhân dân. Quân cơ động địch — khoảng 5 vạn người — bị điều từ phía bắc vào Nghệ-an, rồi

Digitized by Google

lên vùng rừng núi, nhằm tiến công nghĩa quân tại Trà-long. Chúng đã tách rất xa những căn cứ chủ yếu của chúng để lọt vào thế trận dân sẵn của nghĩa quân và nhân dân ta. Chính trong điều kiện địch đã « mất thời, không thế » mà ta thì « được thời, có thế » đó, đã diễn ra các hội chiến lớn Khả-lưu, Bồ-đằng. Ngay sau đó, đi trước địch, trong tình hình so sánh lực lượng đột ngột biến đổi có lợi cho ta, không lợi cho địch, nghĩa quân tiến về đồng bằng Nghệ-an, rồi tiếp tục phát triển vào Tân-bình — Thuận-hóa, ra Diễn-châu — Thanh-hóa. Một cục diện mới của chiến tranh giải phóng được tạo ra, chỉ trong vòng không đầy một năm...

« *Được thời, có thế* », theo Nguyễn-Trãi, còn là giải xác định trình tự các cuộc tiến công kiên quyết trong thời gian và không gian, mở những trận đánh nối tiếp nhau hay đồng thời diễn ra, tăng nhanh nhịp độ và gia tăng cường độ của các cuộc tiến công, càng đánh càng mạnh. « *Được thời, có thế* » đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật trong cuộc đại hội chiến cuối cùng mà chiến thắng lẫy lừng Chi-lăng — Xương-giang là tiêu biểu. Trong không đầy một tháng, bằng một loạt các cuộc tiến công diễn ra trên hai phương hướng khác nhau, nghĩa quân đã xóa sạch những nỗ lực chiến tranh cao nhất mà bọn phong kiến Trung-quốc có thể tung ra, sau 9 tháng chuẩn bị chật vật.

Cái cốt lõi trong tư tưởng chỉ đạo « *được thời, có thế* » của Nguyễn-Trãi là tiến công kiên quyết để đè bẹp địch. Ông cho rằng một điều kiện hàng đầu bảo đảm thắng lợi của tiến công là phát triển đến mức tối đa thắng lợi mở màn, đưa nó đến chiến thắng hoàn toàn, là phải tiến hành tiến công một cách rất tích cực: giành được thắng lợi đầu tiên rồi, không ngừng lại, mà lợi dụng sự rối loạn của địch, giành chủ động chiến lược và giữ vững nó; không ngừng tăng cường sức mạnh của các đòn giáng, đòn sau mạnh hơn đòn trước. Do đó, chiến lược của Nguyễn-Trãi — mà ông tự hào diễn đạt bằng một câu thơ, vừa là một câu hỏi, vừa là một lời khẳng định: « Nhất nhung đại định hà thần tốc » (1) — nổi lên ở tính táo bạo và ở khuynh hướng đạt tới các mục tiêu trong những thời gian tương đối ngắn.

Như vậy, « *được thời, có thế* », « *lấy ít thắng đông* » là nghệ thuật tiến công địch bằng sức mạnh tổng hợp, là nghệ thuật tạo thành một năng lực công kích tối đa ở thời gian và địa điểm xảy ra biến cố quân sự quyết định, là nghệ thuật tích cực, chủ động đẩy nhanh tốc độ biến đổi so sánh thế và lực có lợi cho ta, không lợi cho địch, thông qua việc đạt được các mục tiêu trung gian mà giành lấy mục tiêu chiến lược cuối cùng. Ít mà tiến công, về chiến lược và về chiến thuật, và tiến công bằng sức mạnh tổng hợp là hai nội dung cốt yếu trong tư tưởng quân sự Nguyễn-Trãi, làm cho nghệ thuật quân sự Đại-Việt trở thành « không thông thường » đối với nước ngoài. Giống như Trần-Quốc-Tuấn đã từng khẳng định lấy đoản thắng trường là binh pháp thông thường của nước Đại-Việt, Nguyễn-Trãi cũng kết luận lấy ít thắng đông là binh pháp thông thường của dân tộc ta.

Phát huy sức mạnh của đại nghĩa dân tộc để tiến công vào chỗ yếu trí mạng của địch nằm trong tính chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược của chúng, Nguyễn-Trãi không chỉ dùng « mưu phạt » trong binh pháp lấy ít thắng đông thông thường của dân tộc ta, mà còn rất chú trọng đến « *tâm công* ». « Đánh bằng mưu trí » thì đủ cách và biến hóa khôn lường: đánh bất ngờ khi địch không phòng bị, đặt quân mai phục chẹn nơi hiểm yếu, bẻ gãy quân tiên phong của địch, cắt đường lương thực của chúng, vây

(1) Một gươm cả dẹp, bao thần tốc.

Digitized by Google

thành diệt viện, v.v. Còn « đánh vào lòng người » là đánh vào ý chí của địch, khoét sâu vào nhược điểm và mâu thuẫn trong bọn tướng lĩnh đối phương, đặt quân địch vào trạng thái bị tê liệt, rối loạn. Chỉ trong 3 năm cuối cùng của chiến tranh, song song với những thắng lợi của dân chúng nổi dậy và những chiến thắng quân sự to lớn, mũi « *tâm công* » cũng đã khiến cho hàng loạt cuộc khởi nghĩa, binh biến nổ ra trong hàng ngũ quan quân ngụy, hàng loạt tướng lĩnh nhà Minh dâng thành, nộp vũ khí, đầu hàng.

Cũng cần nói thêm rằng trên mặt trận đấu tranh chính trị — tư tưởng của chiến tranh giải phóng, Nguyễn-Trãi còn có sáng kiến đưa ra một hình thức đặc biệt, nổi rõ ở thời kỳ cuối của chiến tranh : đấu tranh ngoại giao. Đấu tranh ngoại giao của Nguyễn-Trãi mang tính chất tiến công, tính chất chiến lược, phối hợp với cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, tiến hành trên cơ sở những thắng lợi chính trị và quân sự của dân tộc ta. Song song với những hành động đối địch trên các trận địa, ông triển khai những cuộc đối thoại với nhà Minh. Trong khi quân đội và nhân dân ta phát triển thế tiến công, dồn quân xâm lược vào trạng thái « bám hở khu nhỏ mọn, nghỉ tạm thành chơ vơ », « như thịt trên thớt, cá trong nồi », tinh thần chiến đấu của chúng đang tan rã, ý chí xâm lược của chúng đang dao động, thì các sứ bộ đàm phán đi lại giữa hai Bộ thống soái và giữa hai triều đình hình thành trạng thái « vừa đánh vừa đàm ». Nhưng đối với Nguyễn-Trãi, « đàm » cũng là một cách đánh, một cách đánh riêng biệt bằng vũ khí hệ tư tưởng, vũ khí lý luận của chiến tranh chính nghĩa. Trong cách đánh ấy, ông tập trung vào hai mục tiêu : đòi quân Minh rút toàn bộ khỏi nước ta không điều kiện ; đòi triều đình nhà Minh chấm dứt chiến tranh xâm lược đối với nước ta, thừa nhận độc lập, chủ quyền dân tộc ta trên toàn bộ lãnh thổ nước ta. Đi xa hơn, Nguyễn-Trãi còn đấu tranh để đặt những cơ sở mới cho mối quan hệ chính trị giữa nước ta và nhà Minh, nhằm bảo đảm trong hòa bình, sau khi chiến tranh kết thúc, những điều kiện có lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ta.

Khi hội chiến Chi-lăng — Xương-giang chấm dứt, trên nước ta còn lại khoảng 10 vạn quân Minh, phần lớn tập trung tại thành Đông-quan bị vây. Trong hội nghị quân sự ở Bồ-đề tất cả các tướng lĩnh cấp cao Lam-sơn đều chủ trương dùng toàn lực tiến công Đông-quan, tiêu diệt quân phòng ngự. Nguyễn-Trãi, trái lại, đề xướng triển khai cuộc tiến công quyết định trên lĩnh vực ngoại giao để đòi quân Minh đầu hàng và triều đình nhà Minh chấm dứt chiến tranh xâm lược. Một sứ bộ lên đường đi Yên-kinh. Nguyễn-Trãi đích thân vào thẳng thành Đông-quan, 5 lần nói chuyện với tổng binh Vương Thông. Cuối cùng,

« Chúng đã sợ chết tham sống mà thực muốn cầu hòa,
Ta lấy toàn quân làm cốt, mà dân được nghỉ,
Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,
Tưởng cũng xưa nay chưa từng được thấy ».

Chiến tranh kết thúc sớm hơn nhiều tháng, đỡ tốn bao nhiêu xương máu. Mười vạn quân Minh được phép rút về nước đời đời nhớ ơn dân tộc ta, một dân tộc « trừ độc trừ tham trừ bạo ngược, có nhân có trí có anh hùng ».

★

Khái quát kinh nghiệm chiến tranh giải phóng dân tộc thế kỷ XV, Nguyễn-Trãi viết : « Trong cuộc chiến tranh 10 năm ấy, quân đội Lam-sơn đã chiến thắng trên hai mươi trận, do biết « *tránh sắc, đánh cùn, đặt mai phục, đánh bất ngờ, lấy ít thắng đông, lấy yếu trị mạnh* ».

Digitized by Google

Những tư tưởng chủ yếu chỉ đạo cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại ấy đã được ông tóm tắt lại ngắn gọn trong *Đại cáo bình Ngô* như sau:

Nêu hiệu, gậy làm cờ, tập hợp bốn phương mạnh lệ; thết quân, rượu hòa nước, trên dưới một bụng cha con;

Lấy yếu chống mạnh, phải tiến công kẻ địch không chuẩn bị.

Lấy ít thắng đông, thường đặt phục, đánh bất ngờ.

Rút cuộc, lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn,

Lấy chí nhân mà thay cường bạo».

Từ «Đại sách bình Ngô» vạch đường chỉ lối đến «Đại cáo bình Ngô» tổng kết thắng lợi, Nguyễn-Trãi đã nêu lên đậm nét những chân lý lớn của lịch sử, kết tinh những truyền thống quý báu hàng nghìn năm của dân tộc ta trong đấu tranh chống bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc nhằm giành lại và giữ vững độc lập dân tộc; Nguyễn-Trãi đã đánh dấu một thời đại mới, thời đại mà những cuộc chiến tranh dân tộc yêu nước — cách mạng đều do nhân dân tiến hành, thời đại mà đấu tranh vì độc lập dân tộc gắn liền với đấu tranh vì dân chủ.

Di sản quân sự của Nguyễn-Trãi, do vậy càng trở nên quý báu, góp phần vẻ vang vào kho tàng tư tưởng quân sự của loài người.

Tiến lên giành những...

(Tiếp theo trang 22)

kết quả tốt đẹp về mọi mặt mà chúng ta không lường hết được.

Các đồng chí có trách nhiệm ở các ngành và các cấp hãy có ý thức đầy đủ nhằm thực hiện luận điểm có tầm quan trọng to lớn mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã làm nổi bật về sự lãnh đạo của Đảng, về quyền làm chủ của nhân dân lao động và về chức năng quản lý của Nhà nước. Bản Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam mà Quốc hội sẽ thảo luận và thông qua, sẽ thể hiện một cách sáng tỏ luận điểm này.

Năm nay, nhân dân ta cùng nhân dân nhiều nước trên thế giới, kỷ niệm 600 năm Ngày sinh của Nguyễn-Trãi. Nói đến Nguyễn-Trãi, trước hết phải nói đến «Bình Ngô đại cáo», lời hịch vĩ đại nhất trong lịch sử chống phong kiến Trung-quốc của dân tộc Việt-Nam ta, lời hịch đầy khí phách anh hùng, thể hiện lòng tin sắt đá vào thắng lợi tất yếu của chính nghĩa, đồng thời cũng thể hiện lòng khoan dung cao thượng của một dân tộc văn minh đối với quân thù vô cùng tàn bạo! Vua Hùng, hai bà Trưng, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hưng-Đạo, Nguyễn-Trãi, Quang-Trung, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, lịch sử nước ta là một lịch sử đầy sóng gió, song sóng gió càng lớn thì chiếc thuyền của dân tộc cũng càng lớn, người cầm lái càng vững vàng, luôn luôn hướng về những mục tiêu cao đẹp và thiết tha của Tổ quốc, dân tộc và nhân dân, và từ khi có Đảng, hướng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, những mục tiêu chói lọi của thời đại.

Lịch sử của dân tộc Việt-nam, bởi truyền thống yêu nước của dân tộc và ý thức «dân chủ» của nhân dân nhất định phải đưa đến thời đại Hồ-Chí-Minh rực rỡ.

Mọi người chúng ta hãy cố gắng hết sức mình để xứng đáng với quá khứ, góp phần đắc lực nhất vào những công việc to lớn hiện nay, chuẩn bị cho những ngày mai tươi đẹp hơn bao giờ hết.

Toàn thể nhân dân Việt-nam ta, đoàn kết chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn kính mến, quyết kiên trì cuộc đấu tranh cách mạng, phát huy những thắng lợi đã giành được, phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, tiến lên giành những thắng lợi mới, ngày càng to lớn, xứng đáng với sự nghiệp biết bao cao quý của chúng ta.

Digitized by Google

PHÁT HUY BẢN CHẤT TỐT ĐẸP, NÂNG CAO SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

NGUYỄN-NAM-KHÁNH

QUA hơn một năm thực hiện cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu », các lực lượng vũ trang nhân dân đã có nhiều tiến bộ mới. Sự chuyển biến tuy chưa toàn diện và kết quả đạt được ở các đơn vị tuy có khác nhau về mức độ, nhưng những mặt đạt được đều thuộc về những vấn đề cơ bản trong công cuộc xây dựng một quân đội cách mạng chính quy, hiện đại, tinh nhuệ, thiện chiến và xây dựng một nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Có thể nói chưa bao giờ nhân dân ta, quân đội ta, dân tộc ta có lực lượng quốc phòng hùng mạnh như ngày nay.

Điểm nổi bật trong năm 1979 là toàn quân đã được giáo dục, ngày càng hiểu sâu sắc, nhất trí hoàn toàn về đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, toàn quân nhất trí hoàn toàn với Đảng về sự đánh giá bản chất, âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù xâm lược. Cán bộ và chiến sĩ đoàn kết thành một khối vững chắc chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, kiên quyết đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, cùng với toàn dân xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Ý chí quyết chiến quyết thắng và tinh thần cảnh giác, sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc của cán bộ, chiến sĩ được nâng cao. Cán bộ và chiến sĩ làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu đều xác định trận địa, điểm tựa, hạm tàu, máy bay, v.v. là nhà, biên giới, hải đảo, biển cả và vùng trời rộng lớn của Tổ quốc là quê hương của mình.

Đi đôi với việc quán triệt đường lối của Đảng và nâng cao ý chí chiến đấu trong toàn quân, công tác xây dựng, củng cố và kiện toàn các tổ chức lãnh đạo, tổ chức chỉ huy và tổ chức quần chúng trong các lực lượng vũ trang đã được tiến hành khẩn trương theo yêu cầu của nhiệm vụ mới và theo phương án tác chiến đã xác định.

Công tác phát triển Đảng và bồi dưỡng đảng viên được đẩy mạnh; hàng vạn cán bộ, chiến sĩ và đoàn viên ưu tú đã được kết nạp vào Đảng.

Cán bộ các cấp đều được tập huấn, bộ đội được huấn luyện tốt về kỹ thuật, chiến thuật và nghiệp vụ chuyên môn, nhờ vậy mà năng lực tổ chức chỉ huy và quản lý bộ đội của cán bộ, bản lĩnh chiến đấu của chiến sĩ được nâng lên, tạo ra sức mạnh mới, góp phần quan trọng tăng cường chất lượng chiến đấu của toàn quân.

Các mặt công tác hậu cần, kỹ thuật cũng như bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần, văn hóa của bộ đội được tăng cường và đạt kết quả tốt hơn trước.

Phát huy truyền thống *quân với dân một ý chí*, nêu gương tốt của người quân nhân cách mạng và của toàn

Digitized by Google

thể các lực lượng vũ trang nhân dân trên các mặt hoạt động của đời sống xã hội, hầu hết các đơn vị đóng quân ở các địa phương đều giữ mối quan hệ tốt với đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương. Nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực đã được tiến hành như: kết nghĩa giữa đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân với nhà máy, nông trường, hợp tác xã sản xuất, giữa các trường của quân đội với các trường phổ thông, các trường đại học hoặc trung học kỹ thuật. Nhiều tỉnh đã tổ chức sinh hoạt đoàn kết quân dân cùng nhau bàn việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, xây dựng làng xã, đường phố chiến đấu, xây dựng pháo đài quân sự huyện nhằm đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu ở địa phương.

Đất nước ta tuy đang còn nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, nhưng để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, nhân dân ta lại tiếp tục đưa những con em ưu tú của mình vào bộ đội, bỏ ra hàng triệu ngày công cùng bộ đội và dân quân tự vệ xây dựng trận địa, công sự, các điểm tựa, đào hàng nghìn ki-lô-mét hào giao thông, giúp các lực lượng vũ trang làm mới hàng trăm ki-lô-mét đường để vận chuyển tên lửa, pháo cao xạ, xe tăng, v.v. vào vị trí chiến đấu, cho bộ đội hàng triệu cây tre để làm nhà ở... Trong hai cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược và bè lũ tay sai ở biên giới tây—nam và biên giới phía bắc của Tổ quốc, nhân dân ta đã sát cánh cùng các lực lượng vũ trang chiến đấu anh dũng và chiến thắng vẻ vang. Nhân dân đã tận tình chăm sóc thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ... Đúng như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Nhân dân ta, mặc dù bị phong kiến, đế quốc áp bức, bóc lột, và gặp nhiều khó khăn về đời sống do sự tàn phá nặng nề của chiến tranh, vẫn luôn luôn hết lòng thương yêu, đùm bọc các lực lượng vũ trang cách mạng, chịu đựng thiếu thốn để bộ đội ăn no đánh thắng, sẵn sàng cống hiến sức người, sức của và những gì thân thiết nhất của mình cho sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội. Nhân dân Việt-nam thật sự là người mẹ hiền, người mẹ dũng cảm của quân đội ta, là nguồn sức mạnh vô tận của các lực lượng vũ trang nhân dân ta» (*).

Qua hơn một năm thực hiện cuộc vận động, sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã được nâng lên một bước mới, tổ chức phòng thủ đất nước của nhân dân ta đã vững chắc hơn trước nhiều. Chúng ta hoàn toàn có khả năng đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù nếu chúng liều lĩnh gây ra.

★

Khẩn trương nâng cao chất lượng và sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang, nòng cốt để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, là một vấn đề có tính chất chiến lược.

Đây là một vấn đề có quan hệ đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt-nam ta, của cả thế hệ hiện nay và nhiều thế hệ tiếp theo. Vì vậy, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh với phương châm «lấy chất lượng cao thắng số lượng địch đông» là một nhiệm vụ to lớn và bức thiết của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Chất lượng và sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và của các lực lượng vũ trang nhân dân không tách rời sức mạnh của toàn dân tộc, của nền kinh tế và văn hóa phát

(*) *Diễn văn của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, trong lễ kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt-nam (22-12-1979).*

Digitized by Google

triển của đất nước và của thời đại. Đối với các lực lượng vũ trang nhân dân, chất lượng và sức mạnh tổng hợp được tạo nên bởi nhiều yếu tố hợp thành, cả bản chất cách mạng và bản lĩnh quân sự, cả tư tưởng và tổ chức, cả con người có giác ngộ cách mạng cao và cơ sở vật chất, trang bị, vũ khí, kỹ thuật ngày càng hiện đại, cả phẩm chất đạo đức cách mạng và trình độ, năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của các thứ quân, của các quân chủng, binh chủng và các địa phương, v.v. Tất cả các yếu tố hợp thành đó luôn luôn phát triển cùng với sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ cách mạng. Chất lượng và sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc chỉ có thể được tạo nên, phát triển vững chắc bằng sự phối hợp thật chặt chẽ giữa các cấp, các ngành dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, với lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

Bước phát triển mới về chất lượng và sức mạnh của chiến tranh nhân dân nói chung, của các lực lượng vũ trang nhân dân nói riêng của các tỉnh biên giới phía bắc là chứng minh cụ thể. Quảng-hà một huyện miền núi của tỉnh Quảng-ninh có sự chuyển biến mạnh mẽ về xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, là vì ở đó các đồng chí lãnh đạo và toàn đảng bộ đã quán triệt những quan điểm của Đảng về chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của chiến tranh nhân dân do Trung ương Đảng đề ra, và đã huy động được toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản trong địa phương tham gia cuộc vận động. Rút kinh nghiệm của tỉnh Quảng-ninh và huyện Quảng-hà, Tỉnh ủy Hà-nam-ninh, các huyện Hải-hậu, Xuân-thủy, một số tỉnh Quân khu 4, Quân khu 5, Quân khu 9, v.v. đã tăng cường chỉ đạo cuộc vận động lớn này và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Từ chỗ quán triệt đường lối, nhiệm vụ chính trị, đường lối và nhiệm vụ quân sự, phải đi đến *xác định rõ nhiệm vụ chính trị cụ thể, xây dựng mục tiêu phấn đấu cụ thể của địa phương, đơn vị, đồng thời phải có nhiều biện pháp cụ thể, có hiệu lực* để tổ chức thực hiện, biến những mục tiêu phấn đấu thành thắng lợi hiện thực. Kinh nghiệm của hơn một năm tiến hành cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân » cho thấy cấp nào, ngành nào, địa phương nào, đơn vị nào không xác định rõ được mục tiêu phấn đấu cụ thể, không có biện pháp cụ thể và có hiệu lực để tổ chức thực hiện cuộc vận động trong phạm vi mình phụ trách, mà chỉ đề ra những mục tiêu chung chung, biện pháp sơ sài, thì đều đạt kết quả thấp, tiến bộ chậm, chất lượng và sức mạnh chiến đấu của địa phương, đơn vị không cao.

Từ quán triệt đường lối nhiệm vụ cách mạng và đường lối nhiệm vụ quân sự của Đảng đến cụ thể hóa nhiệm vụ chính trị bằng những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể và khoa học của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị, cho đến từng người, là một quá trình làm việc rất công phu, tỉ mỉ, sao cho phù hợp với yêu cầu khách quan, sát với tình hình thực tế của địa phương, để huy động được đến mức cao nhất sự nỗ lực của lãnh đạo và của quần chúng, của cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang nhân dân.

Một trong những việc làm có tính chất quyết định thắng lợi của cuộc vận động là *xây dựng các đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện.*

Đơn vị cơ sở đã được xác định là trung đoàn và huyện. Trung đoàn và

Digitized by Google

huyện là nơi trực tiếp biến đường lối chủ trương của Đảng thành hiện thực, là tổ chức cơ sở phấn đấu nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân trong các binh đoàn chủ lực và trong mỗi địa phương tỉnh, thành. Cuộc vận động muốn có chiều sâu, có hiệu lực thực tế nhất thiết phải được tiến hành tốt ở cơ sở, phải biến thành hành động cách mạng thật sự của lãnh đạo và quần chúng ở cơ sở.

Năm qua, nhiều trung đoàn và huyện có tiến bộ từng mặt hoặc một số mặt, nhưng chưa có nhiều trung đoàn và huyện vững mạnh toàn diện. Có tình hình như vậy không phải là do trình độ quần chúng ở trung đoàn và huyện thấp, cũng không phải do tổ chức ở một số nơi chưa ổn định hoặc do những khó khăn về điều kiện trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật còn thiếu, mà chủ yếu là do mỗi cấp chưa thấy hết trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện của cấp mình đối với cấp dưới, của cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, sư đoàn đối với cấp trung đoàn, của cấp tỉnh, thành đối với cấp huyện. Do đó, các cấp trên của trung đoàn và huyện cần tăng cường chỉ đạo, quan tâm đúng mức đến công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, giúp đỡ trung đoàn và huyện xây dựng cho được chương trình hành động cách mạng cụ thể, cơ quan cấp trên của trung đoàn và huyện cần tập trung cán bộ, dành thời gian thích đáng chỉ đạo xây dựng những trung đoàn và huyện pháo đài quân sự điển hình, trên cơ sở đó có kế hoạch nhân điển hình, làm cho tất cả các trung đoàn và huyện đều chuyển biến mạnh mẽ. Bản thân cấp trung đoàn và cấp huyện cũng cần nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng của cấp mình trong việc tổ chức thực hiện cuộc vận động, không ỷ lại, chờ cấp trên, mà phải tự mình suy nghĩ, đi sâu đi sát các đơn vị tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội, các thôn, xã (bản, làng, ấp) để xây dựng cho mỗi nơi đều mạnh, và như vậy nhất định trung đoàn và huyện pháo đài sẽ là những đơn vị bất khả xâm phạm.

Ngoài Quảng-hà (Quảng-ninh) là huyện kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, nâng cao được sức mạnh chiến đấu, các huyện Xuân-thủy, Hải-hậu (Hà-nam-ninh) là những cơ sở mạnh, huyện Bình-sơn (Nghĩa-bình) trở thành đơn vị điển hình tiên tiến. Nhiều huyện khác như Phước-long (Sông-bé), Gò-công-đông (Tiền-giang) và nhiều trung đoàn như trung đoàn 2 (binh đoàn Cửu-long), trung đoàn 732 (quân khu 7), trung đoàn 16 (mặt trận tây nam), trung đoàn 2 (quân khu 9), v.v. là những đơn vị cơ sở có chuyển biến tốt.

Trong năm 1979, hầu hết các địa phương, các đơn vị có chuyển biến tốt trong cuộc vận động không phải là do có thêm những điều kiện vật chất mới, mà do *cán bộ quyết tâm* khắc phục khó khăn, có biện pháp *tổ chức thực hiện* giỏi, động viên và tổ chức được mọi người không ngừng vươn lên thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã định. Những địa phương và đơn vị ấy đã có nhiều kinh nghiệm quý. Một trong những kinh nghiệm quý đó là cán bộ từng bước quán triệt ý nghĩa, mục đích cuộc vận động, thật sự *coi trọng công tác tổ chức thực hiện*, luôn luôn suy nghĩ tìm cách khắc phục khó khăn, biết phát huy nỗ lực chủ quan để tìm ra những biện pháp tích cực và có hiệu lực nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của địa phương mình, đơn vị mình.

Trái lại, có những địa phương và đơn vị vừa qua chuyển biến chậm chạp vì ở đó cán bộ thường dừng lại ở bước truyền đạt ý nghĩa, mục đích cuộc vận động, không đi sâu vào việc tổ chức thực hiện, thiếu hình thức động viên phong phú và biện pháp

Digitized by Google

thiết thực, không tập trung giải quyết dứt điểm những khâu có ý nghĩa quyết định, những vấn đề then chốt, chưa biết bồi dưỡng những nhân tố mới để mở rộng phong trào.

Thực tế của hơn một năm tiến hành cuộc vận động cho thấy rõ, địa phương nào, đơn vị nào có chuyển biến mạnh mẽ hay không, điều quyết định là đội ngũ cán bộ, trước hết là những cán bộ chủ trì có gương mẫu học tập rèn luyện nâng cao trình độ của bản thân đặng đáp ứng yêu cầu của tình hình mới hay không.

Đây là một kinh nghiệm quý cần được phổ biến rộng rãi để góp phần đưa cuộc vận động tiến lên hơn nữa. Chúng ta đều rõ «cách mạng càng tiến lên thì càng đòi hỏi người cán bộ phải nâng cao không ngừng trình độ lý luận Mác — Lê-nin, sự hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, kiến thức chuyên môn và năng lực tổ chức thực tiễn» (1). «Đối với mỗi cán bộ, ngày nay việc học tập chính trị, lý luận, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ đã trở thành một nghĩa vụ cấp bách. Thỏa mãn với những kinh nghiệm và kiến thức cũ, không cố gắng vươn lên nắm lấy những tri thức mới thì khó tránh khỏi sai lầm trong công tác và chắc chắn không thể làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới» (2).

Để thực hiện thắng lợi cuộc vận động lớn này vào cuối năm 1980, chúng ta phải phấn đấu đạt cho được mấy mục tiêu cụ thể sau đây:

Tiếp tục nâng cao ý chí chiến đấu và tăng cường kỷ luật, thực hiện tốt «quân với dân một ý chí», «toàn quân là một ý chí», tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng xả thân vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và vì chủ nghĩa quốc tế vô sản, phát huy mạnh mẽ nhân tố tích cực, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng, chấm dứt các vụ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng trái với bản chất giai cấp công nhân và truyền thống tốt đẹp của các lực lượng vũ trang nhân dân.

2 — Nâng cao ý thức và năng lực làm chủ trang bị, vũ khí, kỹ thuật, bảo quản tốt, sử dụng có hiệu quả cao nhất những trang bị ấy vào chiến đấu và lao động sản xuất.

3 — Nghiêm túc tiến hành công tác huấn luyện và rèn luyện về chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ tiếp tục nâng cao được bản lĩnh và năng lực chỉ đạo, chỉ huy, quản lý các thứ quân đều tốt; chỉ đạo và thực hành huấn luyện cho các phân đội, huấn luyện sát với yêu cầu chiến đấu, coi trọng huấn luyện toàn diện cho chiến sĩ mới, làm cho từng chiến sĩ tinh thông kỹ thuật, chiến thuật. Mỗi trung tâm huấn luyện chiến sĩ mới phải là một lớp học đầu tiên của trường học lớn bồi dưỡng, rèn luyện thanh niên nước ta thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, những chiến sĩ kiên cường bảo vệ Tổ quốc, những người lao động xã hội chủ nghĩa giỏi.

4 — Nâng cao sức mạnh của các tổ chức, bao gồm kiện toàn tổ chức lãnh đạo và chỉ huy của các lực lượng vũ trang, tổ chức chiến đấu, tổ chức quần chúng, phát triển Đảng, giáo dục đảng viên, xây dựng chi bộ và đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện. Các địa phương, các đơn vị có kế hoạch xây dựng Đảng thật tốt, bảo đảm luôn luôn có số lượng đảng viên thích hợp, có chất lượng cao, phấn đấu để hầu hết các chi bộ Đảng trong toàn

(1) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 197.
(2) *Sách đã dẫn*, tr. 198.

Digitized by Google

quân không có đảng viên trung bình, đồng thời thông qua rèn luyện, thử thách mà bồi dưỡng, giáo dục, đưa mọi thanh niên trong các lực lượng vũ trang vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, làm cho mỗi đơn vị có từ 60 đến 70% quân chúng ưu tú, phấn đấu theo tiêu chuẩn của người đảng viên cộng sản.

5 — Đẩy mạnh tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa của các lực lượng vũ trang. Phải trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm mà tổ chức cải thiện đời sống vật chất của bộ đội, bảo đảm cho bộ đội ăn no đánh thắng, đồng thời bằng nhiều biện pháp thiết thực cải thiện đời sống tinh thần và văn hóa của các lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm cho bộ đội có sinh hoạt tinh thần văn hóa vui tươi, lành mạnh, lạc quan trong mọi hoàn cảnh.

Kết quả của hơn một năm tiến hành cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân » là to lớn; nhưng chúng ta không thỏa mãn với kết quả đó. Với những kinh nghiệm đã có, chúng ta quyết tâm vươn lên giành những thắng lợi lớn hơn nữa.

---

35 năm xây dựng và phát triển...

(Tiếp theo trang 35)

năm 1979 có trên 8 bác sĩ, y sĩ. Người bệnh đến nằm điều trị tại bệnh viện không phải trả tiền thuốc. Tất cả những hoạt động nhằm bảo vệ con người đã giảm tỷ lệ người chết hàng năm từ 1,12% năm 1957 xuống còn 0,7% năm 1975, tuổi thọ trung bình của người dân trước kia là 40 tuổi, nay đã tăng lên 50 tuổi.

Các hoạt động *văn hóa, nghệ thuật* cũng phát triển trên nhiều mặt, với nội dung phong phú, cổ vũ quần chúng đấu tranh và sản xuất nhằm bảo vệ độc lập tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những thành tựu đã đạt được là to lớn, nhưng nền kinh tế của nước ta hiện nay đang có nhiều khó khăn. Sản xuất tăng chậm, có mặt bị giảm sút; sản xuất không đủ tiêu dùng; vật tư, nguyên liệu, lương thực và thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng đều rất thiếu; hiệu quả của sản xuất và xây dựng quá thấp, năng suất lao động xã hội không tăng; các mặt mất cân đối lớn của nền kinh tế càng nghiêm trọng hơn, tạm thời ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người lao động, nhất là cán bộ công nhân viên chức Nhà nước. Tình hình đó cũng khó tránh khỏi đối với bất kỳ một nước nào sau khi chiến tranh kết thúc. Hơn nữa, nước ta ở trong tình trạng liên tục có chiến tranh thì càng khó tránh khỏi những sự mất cân đối trong nền kinh tế. Tuy vậy nhìn lại chặng đường 35 năm qua, chúng ta tự hào về những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đã phải phấn đấu vô cùng gian khổ và hy sinh cả xương máu mới đạt được. Những thành tựu đó cho phép chúng ta khẳng định tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội — con đường tất yếu mà nhân dân ta phải đấu tranh để thực hiện bằng được. Những thành tựu đó khẳng định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã đề ra là đúng đắn.

Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, với bản chất kiên cường, cần cù và thông minh, nhân dân ta sẽ nhanh chóng vượt qua những khó khăn trên bước đường đi lên, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta giàu mạnh, nhân dân ta được ấm no, hạnh phúc.

Digitized by Google

Nghiên cứu

Về tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện

LÊ-VĂN

Tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành một cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một chủ trương quan trọng hiện nay của Đảng và Nhà nước ta. Các huyện nông — công nghiệp (hoặc nông — lâm — công nghiệp hay nông — ngư — công nghiệp) mà chúng ta xây dựng không chỉ làm chức năng quản lý sản xuất mà còn làm cả chức năng quản lý phân phối, lưu thông và tổ chức tốt đời sống nhân dân trong huyện.

Huyện phải có quy hoạch và kế hoạch kinh tế và xã hội toàn diện, trước mắt và lâu dài, để từng bước xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Với khả năng và điều kiện hiện có của ta, cơ cấu nông — công nghiệp được xây dựng mới chỉ ở trình độ thấp, trong đó các đơn vị sản xuất — kinh doanh ở cơ sở và trên địa bàn huyện sẽ gắn liền với nhau thành một mạng lưới kinh tế thống nhất trong toàn huyện.

Trước mắt, việc tổ chức lại sản xuất phải nhằm khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, phân tán, tự cấp tự túc, kết hợp chặt chẽ lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động theo hướng tập trung quy mô lớn, chuyên canh và thâm canh ngày càng cao. Trên cơ sở quy hoạch chung của toàn huyện, điều đặc biệt quan trọng là phải củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, giúp cho các hợp tác xã phát triển mạnh trồng trọt, chăn nuôi và các ngành nghề khác trong nông nghiệp. Và để giúp cho các hợp tác xã phát triển phù hợp với yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện, cần phải từng bước xây dựng các cơ sở kinh tế của huyện.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin nêu một số ý kiến trao đổi về phần tổ chức lại sản xuất *trên địa bàn huyện*.

I — PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1 — Quy hoạch các vùng chuyên canh quy mô lớn.

Quy hoạch nông nghiệp là một biện pháp quan trọng để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh, từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trước hết, phải xác định đúng

Digitized by Google

đắn phương hướng xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp, phải bảo đảm cho các hợp tác xã trong huyện gắn bó với nhau theo vùng chuyên canh do cấp tỉnh đã định cho huyện, và gắn bó với các cơ sở công nghiệp và cơ sở kinh tế khác trên địa bàn huyện thành một cơ cấu kinh tế do cấp huyện quản lý, bảo đảm làm tăng thêm năng suất và sản phẩm chung của cả huyện. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất của toàn bộ phương án quy hoạch cũng như đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của huyện.

Quy hoạch của huyện phải gắn với quy hoạch của tỉnh và của cả nước. Về cơ bản, có thể phân ra những vùng sau đây:

a) Vùng chuyên canh lương thực. Khi xác định quy mô của vùng này, cần tính toán các yếu tố như mức tiêu dùng lương thực của toàn bộ dân cư trong huyện (tính theo đầu người), phần làm nghĩa vụ và bán cho Nhà nước, phần để giống, dự trữ... Mặt khác, xác định khả năng tăng năng suất, mở rộng diện tích, khả năng sản lượng đạt được.

b) Vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho các xí nghiệp của tỉnh, của trung ương, phục vụ xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho các ngành nghề của địa phương.

Nói chung, đối với những vùng đã quy hoạch là thích hợp để trồng cây công nghiệp, cây xuất khẩu thì phải dành cho những cây ấy. Đối với một số diện tích mà theo quy hoạch thì nhiều năm sau mới phát huy tác dụng về trồng cây công nghiệp, có thể kết hợp trồng cây lương thực trong vài năm trước mắt.

c) Vùng chuyên canh cây thức ăn gia súc cho nhu cầu chăn nuôi toàn huyện.

Theo quy định hiện nay, mỗi hợp tác xã được dành 10 — 15% diện tích đất canh tác để trồng cây thức ăn cho chăn nuôi tập thể. Mỗi huyện cần căn cứ vào diện tích canh tác của mình để tính số diện tích dành trồng cây thức ăn gia súc.

Điều cần nhấn mạnh là tổng số diện tích trồng cây thức ăn gia súc dành ra nhiều hay ít là căn cứ vào quy mô của đàn gia súc toàn huyện, đàn gia súc nuôi đến đâu thì dành đất đến đấy, không nên nhất loạt dành 15% đất trong khi đàn gia súc còn ít.

d) Vùng chuyên canh cây thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong huyện và nhu cầu của Nhà nước.

d) Vùng trồng cây gây rừng đối với những huyện có đất lâm nghiệp. Quy hoạch của huyện phải vạch rõ những vùng đất cụ thể để kinh doanh lâm nghiệp, những vùng cần trồng lại. Trong những vùng mà lâm nghiệp là chủ yếu, phải cố gắng sản xuất lương thực, thực phẩm đến mức tối đa trên những đất đai có thể trồng được, không nên ỷ lại vào sự cung cấp của trên, nhất là trong tình hình phải sẵn sàng chiến đấu hiện nay.

e) Vùng ven biển: quy hoạch tổ chức sản xuất trên đất làm muối, trồng rừng, sản xuất nông nghiệp, tạo bãi đạp để kinh doanh nghề biển (đánh cá, nuôi cá, tôm, nuôi trồng các loại đặc sản...). Ở những vùng này, có thể xây dựng quy hoạch tiến tới hình thành các hợp tác xã chuyên về ngư nghiệp là chính.

2 — Xây dựng những cơ sở kinh tế, kỹ thuật của huyện để chỉ đạo trồng trọt, chăn nuôi trong toàn huyện.

Trong thời kỳ đầu, trên địa bàn huyện, xuất phát từ những yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống, có thể từng bước xây dựng một số cơ sở kinh tế kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi sau đây:

a) Xây dựng xí nghiệp sản xuất *giống* đầu dòng cung cấp cho các vùng trồng trọt chuyên canh.

Digitized by Google

Xí nghiệp này có nhiệm vụ tuyển chọn, nhân các *loại giống* đầu dòng của các vùng chuyên canh, bảo đảm cung cấp giống tốt và đủ số lượng cho các hợp tác xã trong các vùng chuyên canh. Tất nhiên đối với các loại cây trồng xen, ghép vụ hoặc trồng để tận dụng mọi khả năng ruộng đất của vùng chuyên canh, thì giống sẽ do từng hợp tác xã tự giải quyết.

Xí nghiệp này sẽ chọn một hoặc hai hợp tác xã giỏi dành ruộng đất để sản xuất giống cấp II cung cấp cho các hợp tác xã vùng chuyên canh sản xuất giống đại trà. Các trạm cây giống, các trạm bảo vệ thực vật có thể tập trung vào hợp tác xã này, và xây dựng thành liên doanh sản xuất giống.

b) Xây dựng xí nghiệp sản xuất *giống gia súc*. Về giống lợn, xí nghiệp sản xuất giống của huyện chủ yếu sản xuất đực giống tốt, sản xuất và cung cấp tinh (nhất là giống lợn ngoại), hướng dẫn các hợp tác xã chăn nuôi và thụ tinh nhân tạo cho lợn.

c) Xây dựng xí nghiệp *chế biến thức ăn gia súc* cung cấp cho các hợp tác xã phát triển chăn nuôi tập thể. Ở những nơi có vùng trồng cây thức ăn gia súc liền nhau gồm hai ba xã, thì chỉ nên xây dựng một cơ sở chế biến chung với hình thức liên doanh. Ở những nơi mà vùng trồng cây thức ăn gia súc hình thành cách xa nhau, thì có thể mỗi nơi xây dựng một cơ sở chế biến. Ở những nơi này, có thể dùng hình thức liên hợp kinh doanh thống nhất giữa hợp tác xã trồng cây thức ăn gia súc và cơ sở chế biến.

3 — Xây dựng những xí nghiệp công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp và đời sống.

Trong bước đầu của quá trình tổ chức lại sản xuất, công nghiệp do huyện quản lý chủ yếu là tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Trên địa bàn huyện, xuất phát từ yêu cầu và khả năng của địa phương có thể từng bước xây dựng các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp như sau:

a) Sản xuất *công cụ cầm tay và sửa chữa cơ khí*. Nên xây dựng thành xí nghiệp thống nhất, tập trung trên địa bàn huyện. Xí nghiệp này phải bảo đảm sản xuất những loại công cụ cầm tay thông thường và cải tiến, đáp ứng nhu cầu nông cụ của các vùng sản xuất chuyên canh, đồng thời bảo đảm sửa chữa các loại máy đơn giản dùng trong nông nghiệp, tiến lên có thể sửa chữa nhỏ và vừa các loại công cụ cơ giới dùng trên địa bàn huyện. Xí nghiệp cần có tổ sửa chữa lưu động đến các cơ sở sản xuất; từng hợp tác xã cần có cơ sở sửa chữa nông cụ thông thường.

b) Sản xuất *vật liệu xây dựng*. Đi đôi với sản xuất vật liệu xây dựng của các hợp tác xã, trên địa bàn huyện nên xây dựng những xí nghiệp tập trung (gạch, ngói, vôi, xi măng) để có điều kiện tiến lên cơ giới hóa sản xuất. Quy mô của xí nghiệp phải tính cả yêu cầu trước mắt và lâu dài, bảo đảm nhu cầu sản xuất và nhu cầu đời sống trong toàn huyện.

c) Chế biến nông sản, lâm sản, hải sản.

— Đối với các sản phẩm chính về nông, lâm, hải sản cung cấp cho tỉnh và trung ương để dùng trong nước hoặc xuất khẩu, Nhà nước giao nhiệm vụ và cung cấp thiết bị chế biến.

Trên địa bàn huyện, nên xây dựng các cơ sở chế biến các loại nông sản ngoài chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, tạo thành nguyên liệu để sản xuất các loại hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu toàn huyện và trao đổi hàng hóa với các địa phương khác. Xí nghiệp này có thể chế biến dong riềng, khoai, sắn lấy bột làm miến, làm bánh kẹo; chế biến lạc, đậu tương lấy dầu, làm tương, xì dầu, ép mía lấy mật, làm rượu, v.v.

d) Sản xuất các loại hàng cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Digitized by Google

Khai thác các nguồn tài nguyên của địa phương, tận dụng các nguồn phế phẩm từ trong sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp... để sản xuất các loại hàng tiêu dùng cho nhân dân và xuất khẩu. Trên địa bàn huyện có thể tổ chức sản xuất các loại đồ gỗ (giường, bàn, ghế), các mặt hàng mây, tre, các loại đồ gốm, các loại đồ chơi trẻ em, các loại đồ dùng học tập của các trường học, các loại hàng xuất khẩu...

Tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu là vấn đề rất quyết định tạo điều kiện từng bước phân công lại lao động trên địa bàn huyện, rút được ngày càng nhiều lao động từ nông nghiệp để chuyển sang làm công nghiệp, tạo thêm nhiều hàng hóa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Do đó, trong thời kỳ đầu trên địa bàn huyện cần xây dựng những cơ sở khai thác, sản xuất nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến.

4 — Xây dựng mạng lưới giao thông vận tải đủ sức phục vụ sản xuất, chiến đấu, xây dựng, đời sống nhân dân trong huyện.

Sản xuất, chiến đấu, xây dựng, đời sống nhân dân đều đòi hỏi một mạng lưới giao thông vận tải hoàn chỉnh và có chất lượng. Mạng lưới giao thông vận tải của huyện phải đáp ứng nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ cho nhu cầu sản xuất, nhu cầu đi lại của nhân dân, nhu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tại chỗ.

Mạng lưới vận tải, tuyến đường và cầu cống, kho, bến bãi, phương tiện, v.v. cần được xây dựng hợp lý, trên cơ sở tính toán đến yêu cầu trước mắt và lâu dài. Về phương tiện thì trước mắt chủ yếu là phương tiện thô sơ và cải tiến.

Về tổ chức lực lượng vận tải trên địa bàn huyện, cần xây dựng xí nghiệp vận tải liên doanh đủ khả năng bảo đảm những nhu cầu vận chuyển vật tư hàng hóa chủ yếu của địa bàn huyện. Ở các hợp tác xã, cần xây dựng và củng cố các đội vận tải đủ khả năng đáp ứng nhu cầu vận chuyển của từng hợp tác xã.

5 — Xây dựng lại tổ chức lưu thông phân phối trên địa bàn huyện.

Trên địa bàn huyện nên tổ chức một *công ty thương nghiệp tổng hợp* kinh doanh các loại hàng, từ hàng tiêu dùng đến vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất, đồng thời tổ chức thu mua các loại hàng nông sản, các sản phẩm của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các loại hàng xuất khẩu, các loại sản phẩm có thể trao đổi với các địa bàn khác.

II — NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ HÌNH THÀNH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG — CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1 — Thực hiện phân cấp quản lý hợp lý cho huyện.

Phân cấp quản lý cho huyện là xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ phân công giữa chính quyền tỉnh và huyện trong quản lý sản xuất, kinh doanh của những đơn vị cơ sở trên địa bàn huyện, nhằm phục vụ tốt việc phát triển kinh tế, văn hóa, và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Tiêu chuẩn cơ bản để xem xét, quyết định việc phân cấp phải là đạt *hiệu quả kinh tế cao*, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế. Sau khi đã phân cấp cho huyện quản lý, các ngành ở tỉnh vẫn phải quan tâm giúp đỡ trong phạm vi trách nhiệm của mình, để mọi hoạt động được thuận lợi và có nhiều kết quả hơn.

Trong tình hình hiện nay, việc phân

Digitized by Google

cấp quản lý kinh tế cho cấp huyện nên căn cứ vào một số nguyên tắc chủ yếu sau đây:

Bảo đảm cho sự lãnh đạo thống nhất của cấp tỉnh về phương hướng quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chế độ, quy trình, quy phạm... đồng thời bảo đảm cho huyện có đủ quyền hạn, trách nhiệm và phương tiện của người trực tiếp quản lý các đơn vị cơ sở được giao cho, đồng thời tham gia quản lý những cơ sở sản xuất và kinh doanh do tỉnh hoặc trung ương quản lý đặt trên địa bàn huyện.

Ngoài những cơ sở sản xuất kinh doanh, phục vụ thuộc khu vực kinh tế tập thể do huyện trực tiếp quản lý toàn diện ra, những cơ sở kinh tế quốc doanh có chức năng phục vụ chủ yếu cho huyện mà xét ra huyện quản lý có lợi hơn về mặt xây dựng và phát triển, hơn nữa những cơ sở ấy chưa đòi hỏi sự đầu tư trang bị lớn và quản lý kỹ thuật phức tạp, chuyên môn hóa cao theo ngành và hiện nay đã đi vào sản xuất kinh doanh ổn định, thì nên phân cấp cho huyện.

Đi đôi với giao quyền hạn, trách nhiệm quản lý cơ sở, phải bảo đảm những điều kiện vật chất cho huyện, cụ thể như nhà, xưởng, thiết bị, trạm, trại, kho tàng, phương tiện làm việc và bộ máy quản lý.

Trong bước đầu, *nên phân cấp quản lý cho huyện những cơ sở sau đây và để cho huyện giải quyết những vấn đề chủ yếu như sau:*

Về nông, lâm, ngư nghiệp, nên để huyện quản lý một số nông trường, lâm trường, trạm hải sản mà quy mô và kỹ thuật chưa đạt tới trình độ tập trung hóa cao, các trạm, trại giống cây, giống con cấp II, cấp III, trạm thú y, trạm bảo vệ thực vật, trạm bơm điện, bơm dầu, hồ, đập tưới, tiêu trong huyện.

Về công nghiệp, nên giao cho huyện quản lý các xí nghiệp cơ khí sản xuất và sửa chữa nông cụ, chế biến nông, lâm, hải sản mà nguyên liệu và lao động chủ yếu là của huyện, các xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc phục vụ trong phạm vi huyện, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng trong nước và hàng xuất khẩu mà nguyên liệu chủ yếu là ở trong huyện.

Về phân phối, lưu thông, có một số mặt cần giao quyền cho huyện như sau:

Nên giao cho huyện trách nhiệm *cân đối lương thực* trên địa bàn huyện, (tính toán bảo đảm nhu cầu ăn của huyện, kể cả các nhu cầu cho vùng cây công nghiệp tập trung, cho những người không sản xuất nông nghiệp...), chỉ giao cho cấp huyện trực tiếp quản lý thu mua và giao nộp cho cấp trên phần lương thực theo kế hoạch điều đi khỏi huyện.

Về vật tư kỹ thuật, nên giao cho huyện quyền quản lý toàn bộ vật tư kỹ thuật theo chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh giao cho huyện (kể cả vật tư kỹ thuật và vật liệu xây dựng) để phân phối cho các đơn vị cơ sở quốc doanh và tập thể do huyện quản lý (kể cả phần bán lẻ cho nhân dân). Trong trường hợp do nhu cầu đột xuất, như chống thiên tai, địch họa, hoặc do cấp trên cung ứng không đủ số lượng, không đúng chất lượng và thời gian, thì trên cơ sở bảo đảm thực hiện toàn bộ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh tỉnh đã giao cho huyện, huyện cần được quyền tạm thời phân phối ưu-tiên vật tư, tiền vốn thuộc kế hoạch và ngân sách huyện cho một số ngành và đơn vị do huyện quản lý để kịp thời hoàn thành kế hoạch với hiệu quả cao nhất và tạo điều kiện hoàn thành toàn bộ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh cấp trên giao.

Huyện được *trao đổi sản phẩm với các huyện khác* trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh, đối với những sản phẩm sau khi đã làm xong nghĩa vụ đối với Nhà nước và các sản phẩm không thuộc quyền chi phối của trung ương và

Digitized by Google

tỉnh là những sản phẩm *Nhà nước không có kế hoạch thu mua* ở vùng sản xuất lẻ tẻ.

Ngoài những mặt hàng nông sản, thực phẩm nói trên, đối với những sản phẩm công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp do địa phương sản xuất để tiêu thụ ở địa phương, không có kế hoạch giao nộp cho trung ương, nếu dùng ở huyện không hết, thì huyện trao đổi với các địa phương khác.

2 — *Mở rộng quyền của huyện trong công tác kế hoạch hóa.*

Khi giao chỉ tiêu kế hoạch, tỉnh chỉ *tập trung* vào những *chỉ tiêu chủ yếu* có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế quốc dân, cụ thể như:

Về nông nghiệp, nếu là những huyện được quy hoạch chuyên môn hóa sản xuất lương thực và thực phẩm, chỉ giao chỉ tiêu về thu mua lương thực và thực phẩm, còn đối với các nông sản khác, chỉ giao chỉ tiêu thu mua ở những vùng tập trung chuyên canh mà Nhà nước có đầu tư trực tiếp (về giống, lương thực, phân bón...). Bên cạnh đó là chỉ tiêu về các loại vật tư kỹ thuật cấp trên cung cấp cho huyện. Đối với mức nghĩa vụ về các chỉ tiêu thu mua các sản phẩm khác (nông, lâm nghiệp cũng như các ngành khác) cũng theo quy hoạch chuyên môn hóa đã định, hoặc theo chỉ tiêu chọn lọc quản lý, kế hoạch hóa thống nhất toàn ngành mà xác định đối với từng huyện.

Về công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, chỉ giao chỉ tiêu về số sản phẩm Nhà nước thu mua tương ứng với số vật tư mà Nhà nước cung ứng, còn đối với sản phẩm huyện sản xuất bằng nguyên liệu địa phương ngoài kế hoạch, hoặc tận dụng phế liệu, phế phẩm thì để lưu thông tự do trên thị trường. Điều cần chú ý là chỉ tiêu vật tư do Nhà nước cung ứng phải khớp với nhiệm vụ Nhà nước giao, không ghi chỉ tiêu sản xuất khi chưa có nguồn vật tư bảo đảm.

Về hàng xuất khẩu, huyện cần cố gắng tăng đến mức cao nhất các mặt hàng hải sản, lâm sản, một số nông sản ngắn ngày, các sản phẩm chăn nuôi... Cấp trên cần dành ưu tiên vật tư, thiết bị, lương thực... cho những vùng chuyên xuất khẩu. Chỉ tiêu kế hoạch cần làm rõ những điều này và cân đối chặt chẽ với nhiệm vụ xuất khẩu. Đặc biệt là các chỉ tiêu xuất khẩu cần được ghi trong hợp đồng kinh tế ký giữa huyện và hợp tác xã với cơ quan ngoại thương; trong trường hợp do một nguyên nhân nào đó mà cơ quan ngoại thương không nhận hàng xuất khẩu theo đúng hợp đồng thì cơ quan ngoại thương phải bồi thường thiệt hại cho huyện và hợp tác xã đã ký hợp đồng.

Trong thời kỳ đầu tổ chức lại sản xuất, việc cân đối kế hoạch của huyện chủ yếu là dựa vào lực lượng của bản thân huyện, dựa vào tinh thần tự lực tự cường của nhân dân trong huyện. Chúng ta cũng đã có nhiều điển hình huyện phát triển sản xuất và xây dựng theo hướng « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Song, việc tổ chức lại sản xuất cũng đòi hỏi tỉnh và trung ương giúp đỡ huyện giải quyết những cân đối chủ yếu mà huyện chưa tự lực giải quyết được như:

Về cân đối lương thực, ở những huyện có vùng cây công nghiệp và cây xuất khẩu lớn, trung ương và tỉnh phải có chủ trương giải quyết tốt vấn đề lương thực cho các vùng này, nếu huyện đã cố gắng cân đối lương thực mà vẫn chưa tự giải quyết được.

Về cân đối vốn đầu tư xây dựng cơ bản để bảo đảm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ yêu cầu thâm canh, chuyên canh, huyện ra sức động viên sức người, sức của của nhân dân trong huyện, trong trường hợp cần thiết, có thể và cần tổ chức tốt việc điều hành lao động tập trung trên địa

Digitized by Google

bàn huyện, giải quyết dứt điểm những việc mà bản thân một hợp tác xã không làm nổi. Cần nghiên cứu ban hành càng sớm càng tốt thể lệ cho vay thích hợp với yêu cầu mới của sản xuất trên địa bàn huyện.

Về cân đối thiết bị máy móc và nguyên liệu, vật liệu do Nhà nước thống nhất quản lý, tỉnh và trung ương cần có kế hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng của các xí nghiệp trên địa bàn huyện. Trong từng huyện, việc phân phối máy móc, thiết bị và vật tư nên tập trung trước nhất cho vùng trọng điểm để sớm làm ra sản phẩm. Hiện nay, sức ta có hạn, nếu rải ra mỗi nơi một ít thì không thể hình thành những vùng chuyên canh lớn, không phát huy hết tác dụng, gặp nhiều trở ngại trong tổ chức, quản lý, đặc biệt là đối với vùng chuyên canh xuất khẩu thì càng phải chú ý để tạo ra nguồn xuất khẩu chủ lực, có quy mô lớn.

Về cân đối cán bộ (cán bộ kinh tế và cán bộ kỹ thuật) và công nhân kỹ thuật, tỉnh và trung ương cần chú ý việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân có đủ khả năng quản lý, sử dụng tốt các cơ sở vật chất kỹ thuật hình thành trong quá trình tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

3 — Có chính sách khuyến khích sản xuất.

Nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh hoặc ban hành những chính sách mới nhằm khuyến khích sản xuất. Đây là một điều kiện cực kỳ quan trọng để thúc đẩy việc tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp huyện. Trong thời kỳ đầu, cần hoàn chỉnh và thực hiện tốt các chính sách về các mặt dưới đây:

— Chính sách giá thu mua nông sản ngoài nghĩa vụ thuế và thu mua theo hợp đồng hai chiều; người sản xuất được tự do bán và Nhà nước mua theo giá thỏa thuận.

— Chính sách đầu tư đối với những vùng tập trung chuyên canh.

— Chính sách xuất nhập khẩu, theo hướng khuyến khích đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và gia công hàng xuất khẩu.

— Chính sách cung ứng vật tư kỹ thuật theo hướng giúp đỡ cho huyện từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của sản xuất lớn.

— Chính sách khuyến khích trao đổi sản phẩm giữa các huyện sau khi đã làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc đối với những sản phẩm lẻ tẻ, phân tán (không có kế hoạch thu mua của Nhà nước).

— Quy chế cụ thể về phân cấp quản lý giữa tỉnh và huyện trong các lĩnh vực như: sản xuất, xây dựng cơ bản, quản lý xí nghiệp, thị trường, ngân sách, giá cả...

— Chính sách tín dụng đối với huyện và hợp tác xã, v.v.

Điều rất cần thiết là soát lại sớm các chính sách, chế độ quản lý kinh tế hiện hành, bỏ những cái gì không còn phù hợp với tình hình mới và yêu cầu xây dựng huyện, bỏ những thủ tục, thể lệ không hợp lý, phiền hà, gò bó, đang gây trở ngại cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của huyện.

★

Cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện là bộ phận của cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp tỉnh. Việc xây dựng cơ cấu kinh tế huyện phải gắn bó với việc xây dựng toàn bộ nền kinh tế quốc dân về các mặt sản xuất — kỹ thuật, phân phối, lưu thông, tiêu dùng.

Phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế huyện trên đây đòi hỏi cấp tỉnh và các ngành trung ương phải chỉ đạo việc xây dựng cơ cấu kinh tế huyện sao cho phù hợp với sự phát triển và hình thành của cơ cấu

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

NGUYỄN-VĂN-TÂN

TRONG thời gian qua, một vấn đề đáng chú ý trong xây dựng cơ bản là hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư đạt quá thấp. Điều đó thể hiện tập trung ở khối lượng tài sản cố định được huy động và mức thu nhập quốc dân đạt được không tương xứng với khối lượng vốn đầu tư đã bỏ ra. *Việc đầu tư xây dựng thiếu chuẩn bị đầy đủ, bố trí vốn đầu tư cho quá nhiều công trình trong năm kế hoạch, xây dựng không đồng bộ và dứt điểm từng công trình...* đã kéo dài chu kỳ đầu tư, làm cho bộ phận nguồn vốn tích lũy, kể cả vốn vay của nước ngoài, vốn đã có hạn trở thành vốn «chết» dài ngày gây ra hậu quả nghiêm trọng, làm cho hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản quá thấp và sản xuất phát triển chậm. Tình hình đó khiến nền kinh tế sau chiến tranh đã mất cân đối lại càng mất cân đối hơn.

Từ trước đến nay, chúng ta đã nhập một khối lượng lớn thiết bị toàn bộ trị giá nhiều tỷ rúp và đô-la. Trong số đó, có một số công trình đã phát huy tác dụng tốt. Trái lại, một số công trình vì nhập không qua tính toán chặt chẽ trước và không có dự án đầu tư, cho nên đến nay vẫn không đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng được. Hoặc có một số công trình vì luyến tiếc mà miễn cưỡng đưa vào xây dựng, đã đòi hỏi phải bỏ thêm phần vốn trong nước, nhưng phát huy hiệu quả rất thấp, thậm chí có những công trình bị lỗ, nhất là các công trình thiết bị toàn bộ nhập khẩu để phục vụ cho xuất khẩu.

Thiếu sót của công tác kế hoạch hóa đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản đã tạo ra những sơ hở trong sử dụng vốn, vật tư, thiết bị và lao động. Khuyết điểm ấy đã tác hại dai dẳng và phổ biến ở tất cả các ngành, các cấp, ở các lĩnh vực sản xuất và phi sản xuất. Nó biểu hiện trong giai đoạn chuẩn bị và quyết định chủ trương đầu tư cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng; nó bộc lộ rõ nét trong giai đoạn xây lắp và chuẩn bị vận hành.

Quá trình đầu tư và xây dựng là một quá trình nối tiếp sử dụng tiền, vật tư, thiết bị và lao động qua các bước, các khâu công tác của các giai đoạn trên đây. Những sai sót của bước trước, của giai đoạn trước thường gây khó khăn và gây lãng phí cho bước sau, giai đoạn sau, và cuối cùng không thực hiện đúng mục đích của đầu tư xây dựng cơ bản là thực hiện tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng tài sản cố định cho nền kinh tế quốc dân với hiệu quả tốt nhất. Chức năng của kế hoạch hóa đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản là bảo đảm quá trình chuyển các yếu tố vật chất thành sản phẩm xây dựng theo đúng mục tiêu đầu tư và các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật với thời gian ngắn nhất. Nhưng trong nhiều năm qua, kế hoạch hóa đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản chưa bảo đảm được mục đích ấy.

Digitized by Google

Chúng ta chưa thực hiện đầy đủ và toàn diện kế hoạch hóa trong lĩnh vực đầu tư, đặc biệt giai đoạn chuẩn bị đầu tư chưa được đưa vào kế hoạch Nhà nước. Nhiều công việc phải thực hiện trong giai đoạn này thường bị bỏ qua hoặc làm qua loa, thường thiếu các thông số cần thiết để làm căn cứ cho một dự án đầu tư bảo đảm hiệu quả kinh tế. Nhiều công trình quan trọng được quyết định đầu tư thiếu cơ sở xác đáng. Việc quy định thủ tục và trình tự xây dựng cơ bản vừa máy móc, vừa không chặt chẽ, không phù hợp với trình độ cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực quản lý. Các ngành, các cấp, các cơ quan chủ quản công trình, các chủ đầu tư cũng như các bên nhận thầu khảo sát, thiết kế, xây lắp, cung ứng vật tư kỹ thuật, v.v. chưa nhận thức và chấp hành đúng thủ tục và trình tự trong xây dựng cơ bản như là một yêu cầu khách quan.

Toàn bộ cơ chế của hệ thống kế hoạch hóa và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản chưa bảo đảm cho quá trình từ nghiên cứu, so sánh và xét chọn các dự án đầu tư, đồ án thiết kế kỹ thuật đến đề ra giải pháp tổ chức xây lắp theo một phương án tối ưu và có hiệu lực. Quan hệ kế hoạch và tổ chức, quan hệ kinh tế giữa các tổ chức và những người tham gia chuẩn bị, quyết định đầu tư và thực hiện xây dựng, và tổng thể các phương pháp quản lý hành chính, kinh tế, pháp lý và tâm lý xã hội chưa được xây dựng trên cơ sở kết hợp một cách đúng đắn lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể với lợi ích của từng người lao động. Các đòn bẩy kinh tế, những nguyên tắc quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chế độ hạch toán kinh tế và các chế độ trách nhiệm chưa có tác dụng rõ rệt đối với hiệu quả kinh tế trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Sử dụng có hiệu quả nhất các loại vốn đầu tư xây dựng cơ bản dưới mọi hình thức vật chất của nó, nhằm khai thác và sử dụng tốt nhất tài nguyên của đất nước, sức lao động dồi dào của xã hội và mọi năng lực sản xuất hiện có để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội theo một cơ cấu kinh tế hợp lý trong cả nước là một nhiệm vụ nặng nề và cực kỳ phức tạp. Hiệu quả cuối cùng của đầu tư xây dựng cơ bản sẽ tạo ra những tiền đề vật chất kỹ thuật bảo đảm sự phát triển cân đối của nền kinh tế, bảo đảm nâng cao mức sống của nhân dân và tăng cường khả năng bảo vệ đất nước. Đặc biệt, trong khi thu nhập quốc dân và nguồn tích lũy trong nước còn có hạn, công tác xây dựng cơ bản chỉ có thể giải quyết được nhiệm vụ trên đây bằng cách quán triệt đường lối xây dựng kinh tế của Đảng và các nguyên tắc về kế hoạch hóa và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, luật lệ và trình tự xây dựng cơ bản.

Trước hết, *thực hiện kế hoạch hóa đầu tư xây dựng cơ bản toàn diện* từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng đến xây lắp; thực hiện đầu tư và xây dựng tập trung, đồng bộ, hoàn chỉnh các ngành kinh tế then chốt, trên các địa bàn quan trọng và các công trình có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Mỗi công trình đầu tư xây dựng phải đạt trình độ khoa học kỹ thuật đến mức có thể đem lại lợi ích cụ thể, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và đóng góp cao nhất cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa trong từng thời gian kế hoạch.

Hai là, *bảo đảm hiệu quả kinh tế trong đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế*, phát huy vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của những người lao động trong quản lý; sử dụng các đòn bẩy kinh tế, xây dựng các mối quan hệ hợp tác trên cơ sở các hợp đồng kinh tế, nhằm kết hợp chặt chẽ lợi ích của

Digitized by Google

Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động trong việc sớm đưa công trình vào sản xuất, sử dụng với chất lượng tốt, giá thành hạ.

Ba là, *thực hiện đầy đủ chế độ trách nhiệm trong quản lý xây dựng cơ bản* trên cơ sở đề cao chế độ tự chịu trách nhiệm về vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất kinh doanh, các tổ chức xây lắp và của các cơ quan quản lý khác của Nhà nước. Thực hiện sự phân công, phân cấp, bảo đảm cho công tác xây dựng cơ bản tiến hành thông suốt theo đúng trình tự đã quy định đối với từng loại hình xây dựng và đối tượng công trình.

Bốn là, *thực hiện sự quản lý thống nhất của Nhà nước về kinh tế và kỹ thuật* đối với toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, bảo đảm quá trình tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng không ngừng tài sản cố định của nền kinh tế quốc dân được cân đối, thực hiện nguyên tắc kết hợp lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, lợi ích cục bộ phục tùng lợi ích toàn cục.

Sự vận dụng đồng thời và tổng hợp các nguyên tắc trên đây sẽ tạo dần những tiền đề kinh tế và pháp lý, tạo ra trình độ và thói quen để tiến tới thực hiện đầy đủ việc quản lý xây dựng cơ bản bằng chế độ hạch toán kinh tế phù hợp với trình độ các mặt của nền kinh tế và khả năng quản lý của cán bộ. Việc phát huy vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của những người lao động, tiến hành hạch toán kinh tế, sử dụng có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế, đồng thời giải quyết đúng đắn các mối quan hệ trong phân công, phân cấp và hợp tác theo nội dung công việc, theo quyền hạn và trách nhiệm, theo trình tự được thể chế hóa và gắn bó lợi ích với nhau, sẽ trở thành động lực thúc đẩy thực hiện mục tiêu của đầu tư xây dựng cơ bản.

Phải đề cao việc tự chịu trách nhiệm về vốn đầu tư xây dựng cơ bản của cơ quan chủ quản công trình (các thủ trưởng các bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) và của chủ đầu tư (các tổng giám đốc các liên hiệp xí nghiệp, giám đốc xí nghiệp liên hợp, các công ty, xí nghiệp...). Các cơ quan khảo sát, thiết kế, các tổ chức xây lắp và cung ứng vật tư, vận tải, các cơ sở chế tạo và cung cấp thiết bị công nghệ... với quyền hạn được giao có trách nhiệm liên đới về sử dụng vốn và hiệu quả vốn đầu tư công trình. Trách nhiệm đó thể hiện ở việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mỗi tổ chức được quy định trong hợp đồng kinh tế đã ký. Việc xây dựng đúng đắn và thực hiện nghiêm ngặt các loại hợp đồng kinh tế, tăng cường sự quản lý thống nhất của Nhà nước bằng các luật lệ được thể hiện trong các hợp đồng là điều có ý nghĩa quyết định. Cần đấu tranh để loại trừ hẳn lề thói làm ăn tùy tiện, không tôn trọng pháp luật, chỉ nhìn lợi ích cục bộ và trách nhiệm riêng của mình mà không thấy lợi ích toàn cục và quyền hạn các bên.

Sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu và trước hết là bằng hệ thống các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các định mức đơn giá tổng hợp, các quy phạm quốc gia ; bằng các điều lệ tổng quát và quy chế từng phần công việc nhưng có liên quan đến nhiều ngành nhiều cấp. Điều đó sẽ bảo đảm cho toàn bộ quá trình đầu tư và xây dựng được tiến hành đúng nội dung, đúng trình tự, đúng đường lối phát triển kinh tế và chính sách tiến bộ kỹ thuật thống nhất của Đảng và Nhà nước.

Công tác *kế hoạch hóa xây dựng bao gồm kế hoạch bố trí vốn đầu tư hàng năm, công tác khảo sát và thiết kế, phát triển năng lực xây dựng, kế hoạch danh mục công trình* cũng như kế hoạch đưa vốn cố định và năng lực sản xuất vào sử dụng. Trong quá khứ vì chưa

Digitized by Google

làm tốt các bước kế hoạch này cho nên không ít trường hợp quyết định đầu tư không đúng, và hiện tại chúng ta bắt buộc phải chịu phân tán vốn, vật tư và lao động cho hàng loạt công trình dở dang ngoài định mức, ngoài mục tiêu kế hoạch. Tình trạng phân tán vốn đầu tư và hậu quả của nó đang đặt chúng ta ở cái thế việc đã rồi. Nếu không quán triệt phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế theo các nghị quyết của Đảng, nếu không dám « hy sinh » những lợi ích cục bộ, « hy sinh » những công trình mà thiết bị toàn bộ đã nhập nhưng xét ra nếu đưa chúng vào xây dựng thì sẽ gây khó khăn cho nền kinh tế, không thể có kế hoạch hóa và cân đối đúng đắn thì khó mà quyđịnh một cách chính xác những công trình cần được dành ưu tiên về vốn.

Việc dành ưu tiên vốn đầu tư không thể căn cứ vào yêu cầu phát triển của một ngành nào đó, một địa phương nào đó, mà phải căn cứ vào những mục tiêu dài hạn và trước mắt của nền kinh tế quốc dân trong cả một thời kỳ dựa trên quan điểm liên ngành và toàn cục. Chúng ta đã có kinh nghiệm không hay về sử dụng hệ thống ưu tiên vốn đầu tư cho công trình trọng điểm. Việc đề ra một lúc quá nhiều công trình trọng điểm cấp Nhà nước, cấp ngành, cấp địa phương, rồi lại chính những công trình trọng điểm ấy phải «cạnh tranh» với nhau về các yếu tố vật chất có hạn, gây nên sự rối loạn và mất ổn định trong công tác cung ứng vật tư và vận tải, trong quan hệ tài chính và thị trường. Để khắc phục tình trạng đưa vào danh mục công trình trọng điểm trong kế hoạch hằng năm quá nhiều công trình, và sự chỉ đạo quản lý thực hiện đầu tư xây lắp không đáp ứng được yêu cầu tiến độ đã đề ra, *cần sớm có quy chế về công trình trọng điểm* do Nhà nước ban hành. Quy chế này sẽ quy định công trình nào được đưa vào danh mục công trình trọng điểm trong kế hoạch, quy định những điều kiện ưu tiên tập trung vốn, vật tư, thiết bị, lao động và tổ chức chỉ đạo tương ứng.

Việc phân tán vốn đầu tư dẫn đến tăng giá trị dự toán công trình xây dựng. *Giá trị dự toán công trình tăng so với khái toán hoặc dự toán được duyệt* là một hiện tượng khá phổ biến ở nhiều nước. Sự biến động về điều kiện sản xuất, vận tải và cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng, về giá nhiên liệu, thiết bị và nhân công... có ảnh hưởng lớn đến chi phí xây dựng công trình. Song, tình hình vượt dự toán công trình xây dựng của ta là quá đáng. Đó là do đầu tư phân tán, do người chủ quản công trình hay chủ đầu tư khi lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và trình nhiệm vụ thiết kế thường thuyết minh rằng phần chi phí thì ít nhất, còn hiệu quả thì cao nhất, hoặc tùy tiện chia nhỏ mức vốn để trốn tránh sự xét duyệt của Nhà nước; những điều đó đã làm tăng dự toán một cách giả tạo, kích thích thêm sự mất cân đối và gây đảo lộn trong biểu đồ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.

Hiện nay, chúng ta có hàng trăm công trình với nhiệm vụ thiết kế đã duyệt nhưng không được tính toán kỹ lưỡng. Nếu đem xét duyệt lại, chắc rằng có nhiều sai sót về thể hiện không đầy đủ hoặc không đúng các tham số kinh tế kỹ thuật, cần phải điều chỉnh lại hay hủy bỏ đi. *Công tác định mức đơn giá* trong quản lý xây dựng cơ bản vẫn lặp lại những nhược điểm cũ. Đến nay, chúng ta chưa hình thành được hệ thống định mức, dự toán hoàn chỉnh làm cơ sở cho công tác lập khái toán và lập dự toán công trình để có căn cứ vững chắc xây dựng kế hoạch đầu tư. Nhà nước chưa ban hành các định mức tổng hợp và đơn giá chuẩn, chưa có điều lệ khái toán và dự toán thống nhất. Chúng ta đã gặp không ít trường hợp phá đi làm lại, ghi kế

Digitized by Google

hoạch khởi công xây dựng công trình mà chưa đủ hồ sơ thiết kế, dự toán toàn bộ hoặc từng phần. Có nhiều trường hợp do thiết kế, dự toán làm vội vàng, khi đưa vào hiện trường mới phát hiện những thiếu sót, cho nên phải ngừng xây dựng để làm lại. Những hiện tượng thiếu sót ấy không những chỉ làm tăng thêm chi phí về vật tư, vật liệu, tăng giá thành mà còn thường đem lại kết quả là chất lượng công trình không tốt. Chúng ta chưa có quy định cần thiết nhằm đề cao trách nhiệm vật chất của người khảo sát và thiết kế đối với việc tính toán các điều kiện kinh tế và thiết bị kỹ thuật để cho phép xây dựng theo thiết kế được duyệt. Chúng ta cũng chưa đề ra các chỉ tiêu để xác định tính kinh tế của các giải pháp thiết kế về xây dựng và về vận hành để chọn phương án tối ưu cho các giải pháp thiết kế sau khi đã so sánh chi phí bỏ ra và hiệu quả thu về.

Việc nâng cao hiệu quả kinh tế vốn đầu tư đòi hỏi công tác kế hoạch hóa và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản *phải biết tạo ra các nhân tố và bảo đảm sự tác động của chúng trong suốt quá trình đầu tư và xây dựng*. Kế hoạch đầu tư phải dành ưu tiên cho những ngành chủ yếu và đem lại hiệu quả nhanh, cho những công trình trọng điểm và ngành sản xuất bảo đảm tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Kế hoạch đầu tư phải bảo đảm cân đối và đồng bộ trong xây dựng, chú trọng đến tiến bộ kỹ thuật trong công tác thiết kế và khảo sát, khuyến khích sử dụng thiết kế mẫu, khuyến khích giảm mạnh phần vỏ bao che và tính toán khả năng sản xuất công nghiệp phụ trợ. Việc nâng cao hiệu quả vốn đầu tư còn đòi hỏi kế hoạch đầu tư phải chú ý đến những điều kiện ảnh hưởng đến thời hạn đạt được công suất quy định của công trình, phải tính toán chặt chẽ hiệu quả của đất cấp cho xây dựng, thực hiện việc tiết kiệm đất xây dựng bằng biện pháp nâng cao mật độ xây dựng, tăng mức độ sử dụng mặt bằng tổng thể.

Lập đầy đủ bảng cân đối liên ngành, sơ đồ vận tải cho xây dựng cơ bản, lược đồ phát triển lực lượng sản xuất trên các vùng, phương hướng quy hoạch các khu dân cư và mạng lưới đô thị, các dự báo về nguồn lao động, tài nguyên và năng lượng trong từng vùng lãnh thổ, có những kết luận khoa học của các công trình nghiên cứu... là những tiền đề để xác định kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản có căn cứ, đem lại hiệu quả cao. Trong điều kiện của ta hiện nay, những tiền đề kinh tế kỹ thuật trên đây chưa có đủ. Điều đó càng đòi hỏi công tác kế hoạch hóa và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phải chú trọng tính đồng bộ và toàn diện ngay từ giai đoạn chuẩn bị để quyết định chủ trương đầu tư. Phải coi công tác chuẩn bị quyết định chủ trương đầu tư và chọn địa điểm xây dựng là khâu ảnh hưởng nhiều nhất đến hiệu quả đầu tư của công trình.

Lấy kế hoạch làm trung tâm, chúng ta cần *đề cao trách nhiệm và quyền chủ động sáng tạo của các đơn vị sản xuất kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế* từng bước, từng giai đoạn của đầu tư xây dựng cơ bản. Trong phạm vi và nội dung công việc được quy định của mỗi bước, mỗi giai đoạn, mối quan hệ giữa các tổ chức kinh tế được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế. Nhược điểm cơ bản trong cơ chế quản lý xây dựng cơ bản hiện nay là chưa làm rõ trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi cấp đối với hiệu quả của đồng vốn bỏ ra xây dựng. Chúng ta chưa có quy chế đầu tư và quy chế thực hiện đầu tư (bao gồm công tác điều tra khảo sát, lựa chọn địa điểm, lập và xét duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập và xét duyệt thiết kế và dự toán, công tác giao nhận thầu... đến nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sản xuất sử

Digitized by Google

dụng). Những quy định đã có chưa thể hiện đầy đủ và gắn bó các loại công việc trên đây, chưa thể hiện đầy đủ nguyên tắc quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong xây dựng cơ bản, không bảo đảm cho công tác chuẩn bị và quyết định chủ trương đầu tư được chính xác và không thúc đẩy xây dựng tập trung dứt điểm để sớm đưa công trình vào vận hành với chất lượng tốt và hiệu quả cao.

Xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế và dựa theo đường lối chính sách kinh tế của Đảng, *phải cải tiến chế độ kế hoạch hóa và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đồng thời xây dựng các quy chế đầu tư và thực hiện đầu tư*. Cần sớm hình thành cơ chế kế hoạch hóa và quản lý xây dựng cơ bản bảo đảm xác định hiệu quả kinh tế ngay từ khi quyết định chủ trương đầu tư và chọn địa điểm xây dựng bằng dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt. Quy chế đầu tư và chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải bảo đảm sự kết hợp đúng đắn giữa đầu tư xây dựng công trình mới và thực hiện « thâm canh » đối với năng lực sản xuất hiện có.

Để khuyến khích sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, *cần mở rộng tín dụng đầu tư, đồng thời sử dụng những biện pháp giá cả, chế độ cho vay và thanh toán* cùng các đòn bẩy kinh tế khác để thúc đẩy hạch toán kinh tế. Việc mở rộng cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách hiện nay. Ngoài vốn đầu tư xây dựng do ngân sách Nhà nước cấp phát, cần mở rộng nguồn vốn tự có của các tổ chức sản xuất kinh doanh và bổ sung bằng vốn tín dụng. Việc phân chia cơ cấu nguồn vốn và xác định tỷ lệ của mỗi loại vốn áp dụng cho mỗi loại đối tượng công trình khác nhau là sự vận dụng các hình thức cấp vốn thích hợp tùy thuộc trình độ phát triển kinh tế, mức thu nhập quốc dân và khả năng của quản lý. Bất kỳ nguồn vốn nào dành cho đầu tư xây dựng cơ bản cũng từ thu nhập quốc dân mà ra. Bởi vậy, trong khi khuyến khích mở rộng các nguồn vốn, cần có những biện pháp tăng cường sự kiểm tra của Nhà nước từ khi bỏ chi phí đầu tiên cho công tác chuẩn bị đến khi thẩm tra và quyết toán công trình. Tuy nhiên, sự kiểm tra sử dụng vốn tiết kiệm không được xâm phạm đến quyền tự chủ về tài chính của người sử dụng vốn. Cần sớm loại bỏ tình trạng các cơ quan tài chính, ngân hàng dùng quyền cấp vốn hoặc cho vay mà phủ định cả chủ trương đầu tư xây dựng của cấp có thẩm quyền.

Trong điều kiện của ta hiện nay, việc dành cho các ngành kinh tế, các đơn vị kinh tế cơ sở có vốn từ trích lợi nhuận và khấu hao cơ bản để đầu tư vào việc cải tạo tài sản cố định, đổi mới kỹ thuật sản xuất v.v. là rất cần thiết. Đây là một biện pháp kinh tế quan trọng tạo điều kiện cho các ngành kinh tế và các tổ chức sản xuất kinh doanh được chủ động trong việc khai thác tiềm năng tại chỗ, góp phần thúc đẩy sản xuất mà không đòi hỏi ngân sách Nhà nước. Bên cạnh nguồn vốn tự có, cần từng bước mở rộng các biện pháp tín dụng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản như cho vay để chuẩn bị đầu tư, mua thiết bị và chi phí cho kiến thiết cơ bản khác. Trên cơ sở tổng kết việc làm thử, *tiến hành mở rộng chế độ cho vay vốn lưu động đối với các tổ chức xây lắp, thực hiện chế độ thanh toán theo giá trị sử dụng*, dưới hình thức khối lượng hoàn thành là công trình hoặc hạng mục công trình đã bàn giao đưa vào sản xuất, sử dụng.

Tín dụng đầu tư là hình thức bổ sung cho hình thức cấp phát vốn. Nó có khả năng động viên được lực lượng tiềm tàng và nâng cao trách nhiệm vật chất của người vay. Chế độ tín dụng chỉ thật sự là đòn bẩy khi nó bảo đảm cho người vay có toàn

Digitized by Google

quyền chủ động và có đầy đủ trách nhiệm trong việc sử dụng vốn vay. Chính vì vậy trong khi mở rộng chế độ tín dụng, cần chú ý đến một tiền đề kinh tế là khả năng hoàn vốn nhanh để người vay có điều kiện trả nợ và khấu hao cơ bản. Điều kiện này hiếm có đối với những công trình sản xuất có quy mô lớn và những công trình có thời gian xây dựng nhiều năm.

Để bảo đảm những yêu cầu tối thiểu về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kịp thời hạn chế và loại bỏ việc quản lý vốn lỏng lẻo theo lối hành chính bao cấp để chuẩn bị cho bước chuyển biến tiến tới thực hiện cải tiến công tác quản lý xây dựng cơ bản một cách toàn diện, cần sớm có các biện pháp kinh tế tài chính đã nêu trên đây đi đôi với việc xác định trách nhiệm của các cơ quan cấp vốn, cho vay và thanh toán.

Về tổ chức lại sản xuất...

(Tiếp theo trang 63)

kinh tế công — nông nghiệp tỉnh, phù hợp với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Trong thời kỳ đầu của quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế huyện, cấp tỉnh và các ngành trung ương cần tập trung chỉ đạo những vấn đề cơ bản sau đây:

— Xây dựng cấp huyện trở thành cấp *làm chủ thật sự* trên địa bàn huyện, nhất là trong sản xuất, phân phối, lưu thông, đời sống và làm chủ trong chiến đấu. Trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, lưu thông, và đời sống, cấp huyện vừa có nghĩa vụ đối với Nhà nước vừa có trách nhiệm đối với nhân dân trong huyện. Vì vậy, muốn cho huyện thật sự chủ động được trong các lĩnh vực trên, phải xác định nội dung nghĩa vụ của huyện đối với Nhà nước, xác định mục tiêu và mức độ từng loại nghĩa vụ trên cơ sở khả năng và điều kiện thực tế để huyện có thể thực hiện được. Đi đôi với việc xác định nghĩa vụ, cần xác định khả năng cung cấp vật tư, tiền vốn, cán bộ và công nhân kỹ thuật cho huyện, quy định quyền hạn của cấp huyện trong các lĩnh vực sản xuất, phân phối, lưu thông, đời sống. Tạo điều kiện cho huyện chủ động phát huy cao nhất tiềm năng của huyện, phát huy cao nhất tính tự lực tự cường của huyện.

— Xác định những đơn vị sản xuất kinh doanh sẽ được xây dựng trong thời kỳ đầu trên địa bàn huyện, đồng thời tạo những điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các đơn vị đó.

Khi xác định những đơn vị sản xuất kinh doanh đó, cần làm rõ nội dung sản xuất theo hướng phân công chuyên môn hóa và hiệp tác hóa giữa các đơn vị ấy trên địa bàn huyện, trên địa bàn tỉnh và trong hệ thống các ngành kinh tế. Trên cơ sở đó, sẽ quyết định quy mô của đơn vị kinh tế khi xây dựng.

Về hình thức sở hữu, cũng phải xác định những đơn vị sản xuất và kinh doanh trên địa bàn huyện cần dùng hình thức sở hữu nào (quốc doanh, tập thể, kinh tế gia đình, cá thể, các hình thức liên doanh) để sản xuất phát triển được thuận lợi nhất.

Các ngành kinh tế và các cơ quan quản lý kinh tế ở trung ương và cấp tỉnh cần kịp thời xây dựng các chế độ, chính sách cụ thể... cho thích hợp nhằm góp phần đắc lực vào việc hình thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Digitized by Google

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ N° 9 — 1980

ПЕРЕДОВАЯ — 35 лет упорной борьбы и славных побед. ФАМ ВАН ДОНГ: Вперед, к новым победам, все более крупным и достойным нашего столь любимого дела. ХОАНГ ВАН ТХАЙ: Многообразный опыт войны Сопротивления против агрессии США. НГУЕН ЛЫК: 35 лет строительства и развития экономики и культуры. ЛЕ ВАН ЖАНГ: Новый этап развития системы высшего образования во Вьетнаме. ФАМ НГОК ФУНГ: Нгуен Чай — стратег национально-освободительной войны в XV веке. НГУЕН НАМ КХАНЬ: — Повышать боеспособность и другие замечательные качества народных вооруженных сил.

. . .

REVIEW OF COMMUNISM N° 9 – 1980

Editorial – Thirty-five years of persevering struggle and glorious victory. *PHẠM-VĂN-ĐỒNG* – Forward to new, ever greater successes worthy of our beloved cause *HOÀNG-VĂN-THÁI* – Some great experiences of the resistance against U.S. aggression. *NGUYỄN-LỰC* – Thirty-five years of economic and cultural construction and development. *LÊ-VĂN-GIẠNG* – A new stage in the development of Vietnamese higher education. *PHẠM-NGỌC-PHỤNG* – Nguyễn-Trãi, the strategist of national liberation war in the 15th century. *NGUYỄN-NAM-KHÁNH* – Develop to the full the fine nature of the people's armed forces and raise their fighting strength.

. . .

REVUE DU COMMUNISME N° 9 – 1980

Editorial – Trente cinq années de ferme lutte et de glorieuse victoire. *PHẠM-VĂN-ĐỒNG* – En avant pour la conquête de nouveaux succès, toujours plus grands, dignes de notre cause tant aimée. *HOÀNG-VĂN-THÁI* – Quelques grandes expériences de la résistance anti-américaine. *NGUYỄN-LỰC* – Trente cinq années d'édification et de développement économiques et culturels. *LÊ-VĂN-GIẠNG* – Un nouveau stade de développement des études supérieures vietnamiennes. *PHẠM-NGỌC-PHỤNG* – Nguyễn-Trãi, stratège de la guerre de libération nationale du XVe siécle. *NGUYỄN-NAM-KHÁNH* – Faire valoir la belle nature et élever la force combative des forces armées populaires.

. .

REVISTA DEL COMUNISMO N° 9 – 1980

Editorial – 35 años de indomable lucha y gloriosas victorias. *PHẠM-VĂN-ĐỒNG* – ¡ Adelante ! A lograr nuevos éxitos más grandes, a la altura de nuestra queridísima obra. *HOÀNG-VĂN-THÁI* – Algunas importantes experiencias de nuestra resistencia contra la agresión norteamericana. *NGUYỄN-LỰC* – 35 años de edificación y desarrollo de nuestra economía y cultura. *LÊ-VĂN-GIẠNG* – Una nueva etapa de desarrollo de la enseñanza universitaria de Viet Nam. *PHẠM-NGỌC-PHỤNG* – Nguyễn-Trãi, uno de los estrategas de la guerra de liberación nacional del siglo XV. *NGUYỄN-NAM-KHÁNH* – Poner en alto juego la hermosa naturaleza de las fuerzas armadas populares y elevar su fuerza combativa.

. . .

FE DE ERRATAS. En la Revista del Comunismo No. 8 – 1980, p. 71, línea 39, léase: El presidente Hồ-Chí-Minh – pensador y teórico.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 9

1980

NĂM THỨ XXVI (297)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận – Ba mươi lăm năm chiến đấu kiên cường và chiến thắng vẻ vang 1

PHẠM-VĂN-ĐỒNG – Tiến lên giành những thắng lợi mới, ngày càng to lớn, xứng đáng với sự nghiệp biết bao yêu quý của chúng ta 8

HOÀNG-VĂN-THÁI – Một số kinh nghiệm lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ 23

NGUYỄN-LỰC – 35 năm xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa 30

LÊ-VĂN-GIẠNG – Một giai đoạn phát triển mới của nền đại học Việt-nam 36

PHẠM-NGỌC PHỤNG – Nguyễn-Trãi, nhà chiến lược của chiến tranh giải phóng dân tộc thế kỷ XV 44

NGUYỄN-NAM-KHÁNH – Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân 51

Nghiên cứu ★ *LÊ-VĂN* – Về tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện 57

NGUYỄN-VĂN-TÂN – Hiệu quả kinh tế trong đầu tư xây dựng cơ bản 64

Digitized by Google

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 35 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 – 1980)

Tìm đọc:

HỒ-CHÍ-MINH TUYỂN TẬP – Tập I và tập II

LÊ-DUẨN

– Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam
Tác phẩm chọn lọc – Tập I và tập II

– Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng

TRƯỜNG-CHINH

– Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam
Tác phẩm chọn lọc – Tập I và tập II

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

– Một số vấn đề về Nhà nước

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

– 50 năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt-nam

– Cách mạng Tháng Tám (1945)

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12631 Giá: 0đ40

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

10
10 . 1980

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

NĂM năm vừa qua, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, cách mạng nước ta phát triển mạnh mẽ và giành được những thắng lợi mới to lớn: thiết lập và củng cố một bước nền chuyên chính vô sản, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong cả nước; nhanh chóng đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn phản động Trung-quốc gây ra, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần giải phóng Cam-pu-chia, xây dựng khối đoàn kết chiến đấu vững mạnh giữa ba nước Đông-dương; hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước; tăng cường và củng cố sự liên minh toàn diện giữa nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sự liên minh toàn diện với Liên-xô.

Những thắng lợi to lớn của cách mạng nước ta trong 5 năm qua do nhiều nhân tố đem lại, trong đó nhân tố hàng đầu là Đảng ta đã giải quyết đúng đắn các vấn đề về đường lối cách mạng, đường lối đối nội và đối ngoại, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc, chống bọn phản động Bắc-kinh.

Những thắng lợi trên đây một lần nữa chứng tỏ Đảng ta có một đội ngũ cán bộ, đảng viên trưởng thành qua thử thách trong chiến đấu. Cũng như trong cuộc đấu tranh lâu dài trước đây, trong cuộc đấu tranh cách mạng 5 năm vừa qua, số đông cán bộ, đảng viên của Đảng ta, những chiến sĩ vào sinh ra tử trong hai cuộc chiến tranh giải phóng, trước những thử thách mới, đều tỏ rõ phẩm chất cách mạng và năng lực sáng tạo của mình. Họ không bị tiền tài, của cải cám dỗ, giữ vững phẩm giá của người cộng sản, anh dũng tiến vào cuộc chiến đấu mới, gian khổ lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, chăm lo đời sống của nhân dân. Sau nhiều năm chiến đấu liên tục, họ lại cầm súng đánh thắng bọn xâm lược mới và làm tròn nghĩa vụ quốc tế, và hiện nay vẫn tiếp tục cầm súng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên, bằng

Digitized by Google

hành động thực tế, luôn luôn tỏ rõ sự trung thành đối với đường lối cách mạng của Đảng, chăm lo củng cố sự đoàn kết nhất trí của Đảng. Sự nhất trí của đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối bảo vệ Tổ quốc, đường lối quốc tế đoàn kết với Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa là vững chắc. Trước những nhiệm vụ mới khó khăn, phức tạp, nhiều đồng chí đã cố gắng học tập, nâng cao trình độ, làm tròn nhiệm vụ của mình.

Đó là mặt cơ bản trong đội ngũ tiên phong của chúng ta.

Nhưng đứng trước bước ngoặt mới và tình hình phát triển phức tạp của cách mạng, trong đội ngũ của chúng ta cũng bộc lộ nhiều nhược điểm và khuyết điểm. Hiện nay, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên tỏ ra vững vàng, có một số người bối rối, thậm chí có người hoang mang dao động, nhìn tình hình chỉ thấy khó khăn, không thấy thuận lợi, ý chí chiến đấu giảm sút. Trong việc nhận thức và chấp hành đường lối, chính sách của Đảng có nhiều biểu hiện « tả » khuynh và hữu khuynh. Chưa sử dụng tốt sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, kết hợp không đồng bộ và đúng mức các loại biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục để tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường bị buông lỏng, nhất là về mặt kinh tế. Chưa tập trung sức xây dựng và củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và tận dụng tốt mặt tích cực của các thành phần kinh tế khác, chưa làm tốt việc cải tạo thành phần kinh tế tư nhân, chống các mặt tiêu cực của sản xuất nhỏ còn phổ biến trong xã hội. Thiếu cảnh giác, thiếu kiên quyết và liên tục đấu tranh chống các thế lực phản động quốc tế câu kết với bọn phản động còn sót lại trong nước, bọn tư sản không chịu cải tạo đang lợi dụng những sơ hở và khó khăn của ta để chống phá ta trên mặt trận kinh tế. Về mặt phẩm chất, bên cạnh số đông đảng viên vẫn giữ được bản chất tốt đẹp, có một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất. Họ lợi dụng chức vụ được giao để ức hiếp quần chúng, ăn hối lộ, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, thông đồng với những phần tử bất lương làm ăn phi pháp. Có người xoay xở vật tư của Nhà nước, lấn chiếm ruộng đất, kinh doanh buôn bán kiếm lời. Những hiện tượng nói trên là nguy hiểm đối với sự nghiệp cách mạng, đặc biệt là trong khi các loại kẻ thù phối hợp với nhau tiến công Đảng ta từ nhiều phía, cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng và lối sống, để giải quyết vấn đề « ai thắng ai ».

Tình hình tư tưởng trên đây có quan hệ đến nhiều mặt hoạt động của Đảng và Nhà nước ta, trong đó có công tác tư tưởng. Trong 5 năm qua, để đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng, công tác tư tưởng

Digitized by Google

của Đảng đã triển khai rộng rãi, bằng nhiều biện pháp, đã góp phần làm cho đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu được tình hình nước nhà, tự hào về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam, quan tâm đến những vấn đề chung của đất nước, có tinh thần khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ. Sự hiểu biết về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối bảo vệ Tổ quốc, chống chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc, đường lối đối ngoại, so với trước có bước phát triển mới. Đó là cơ sở của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, cơ sở của sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong xã hội ta. Công tác tư tưởng đã kiên quyết đánh trả các chiến dịch tuyên truyền chống Việt-nam của bọn bành trướng Trung-quốc và các thế lực đế quốc. Việc phê phán chủ nghĩa Mao và bọn theo Mao được triển khai trên sách báo, trong các lớp học, các hội nghị khoa học, đã giúp cho cán bộ, đảng viên thấy rõ hơn bản chất phản động của chủ nghĩa Mao. Công tác tư tưởng đã cố gắng đi sát các nhiệm vụ kinh tế, phát hiện, biểu dương, cổ vũ những điển hình tốt, phê phán những cách làm sai, phổ biến kinh nghiệm, hướng dẫn việc thực hiện các chính sách kinh tế của Đảng. Công tác huấn luyện đã nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên, góp phần bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng.

Công tác tư tưởng cũng có nhiều khuyết điểm. Năm năm qua, cách mạng nước ta giành được những thắng lợi rất to lớn, cục diện chung của cách mạng là tốt đẹp. Đó là điều kiện rất thuận lợi cho các hoạt động tuyên truyền giáo dục. Nhưng công tác tư tưởng chưa phát huy tác dụng sâu rộng của những thắng lợi đó, chưa gây được khí thế cách mạng sôi nổi. Sau khi thắng Mỹ, đất nước ta có nhiều thuận lợi và tiềm năng để xây dựng chủ nghĩa xã hội; việc tuyên truyền những thắng lợi, những tiềm năng đó là cần thiết, nhưng **thiếu sót là không nói đúng** *mức* **những khó khăn**, *không chỉ rõ cần phải có điều kiện vật chất và thời gian để biến khả năng thành hiện thực. Cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là sự chuyển biến cách mạng rất căn bản, nhưng bước vào giai đoạn mới, sự chuẩn bị tư tưởng và giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, giáo dục quan điểm của Đảng về cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là ở miền Nam, còn sơ sài. Bước vào giai đoạn mới, chúng ta phải đấu tranh chống kẻ thù mới đang chống phá ta rất điên cuồng, bằng những thủ đoạn rất xảo quyệt, nhưng công tác tư tưởng chưa đi sâu phân tích hoạt động cụ thể của địch, chưa kịp thời đập tan những hoạt động chiến tranh tâm lý của chúng. Công tác tư tưởng cũng chưa làm rõ được đúng sai về một số vấn đề cụ thể trong việc chấp hành đường lối kinh tế của Đảng. Có thể nói công tác*

Digitized by Google

tư tưởng chưa chuyển kịp với sự chuyển biến của tình hình cách mạng, chưa sát với cuộc sống, có những lúc, về từng vấn đề, buông lơi trận địa của mình. Chưa thực hiện được khẩu hiệu; công tác tư tưởng phải giành được thắng lợi từng giờ, từng phút.

Nước ta đang ở trong tình hình vừa có hòa bình, vừa có thể lại xảy ra chiến tranh. Nhân dân ta đang ra sức phấn đấu để đồng thời thực hiện những nhiệm vụ sau đây: **Một là,** *xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, lấy công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ, trước mắt là vừa hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân.* **Hai là,** *tăng cường củng cố quốc phòng, kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, chống mọi âm mưu và hành động của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc và bọn đế quốc.* **Ba là,** *làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, tăng cường đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.*

Để bảo đảm thắng lợi cho các nhiệm vụ chiến lược nói trên, chúng ta phải **tăng cường sức chiến đấu của Đảng và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, xây dựng tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý,** *dầy mạnh phong trào quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách trước mắt: phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội.*

Để góp phần thực hiện những nhiệm vụ chính trị hiện nay và những năm tới, công tác tư tưởng phải làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân **hiểu rõ tình hình, nhận rõ mục tiêu và phương hướng phát triển của cách mạng, quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối cách mạng, nâng cao ý thức trách nhiệm và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên,** *quyết tâm khắc phục khó khăn, hoàn thành những nhiệm vụ trước mắt, tạo ra một chuyển biến tốt trong nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.* **Giữ vững và phát huy thế chủ động trên mặt trận tư tưởng, làm chủ tình hình, chiếm lĩnh trận địa,** *tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong trạng thái tư tưởng và tâm lý xã hội, làm cho tư*

Digitized by Google

tưởng tích cực thắng thế áp đảo tư tưởng tiêu cực, đẩy lùi và quét sạch ảnh hưởng chiến tranh tâm lý của địch.

Công tác tư tưởng phải **thường xuyên giáo dục đường lối bảo vệ Tổ quốc, đường lối đấu tranh chống âm mưu làm suy yếu và xâm lược nước ta của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc.** *Kịp thời chỉ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ thủ đoạn xảo quyệt của chúng về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, hết sức cảnh giác với chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp và mọi hoạt động phá hoại của chúng. Tiếp tục nâng cao tư tưởng « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ». Phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và của ta, làm rõ đường lối và nghệ thuật chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của Đảng ta, làm cho mọi người thấy nhân dân ta có đủ khả năng đánh thắng bất kỳ hành động xâm lược nào của địch. Tiếp tục phê phán chủ nghĩa Mao, vạch trần tính chất phản động của chủ nghĩa Mao và bọn cầm quyền Trung-quốc theo Mao.*

Tiếp tục giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối phát triển kinh tế trong giai đoạn mới; phát huy tinh thần làm chủ tập thể, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Phải thông qua việc thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, cải tiến công tác phân phối, lưu thông, mà giáo dục đường lối, quan điểm của Đảng về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, về quan điểm làm chủ tập thể. Làm cho mọi người nhận thức rõ thời kỳ đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một thời kỳ hết sức khó khăn; mỗi người phải có ý thức đầy đủ về nhiệm vụ của mình, cố gắng vượt qua những thiếu thốn tạm thời về đời sống, lao động cần cù, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, từng bước cải thiện đời sống.*

Tăng cường giáo dục về chủ nghĩa quốc tế vô sản và chính sách đối ngoại của Đảng: *giáo dục về tình đoàn kết hữu nghị, sự hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chỗ dựa vững chắc của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đập tan những luận điệu xuyên tạc, chia rẽ của địch. Tuyên truyền về sự lớn mạnh của phong trào cộng sản quốc tế, phê phán chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa cơ hội các loại. Giáo dục về tình đoàn kết đặc biệt giữa nhân dân ta với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, về nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước anh em đó. Thường xuyên làm cho mọi người thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng nước ta với cách mạng thế giới, sự ủng hộ quốc tế chí tình của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh của nhân dân*

Digitized by Google

ta và những cống hiến to lớn của nhân dân ta vào sự nghiệp cách mạng và hòa bình thế giới.

Công tác tư tưởng **phải góp phần tích cực vào việc nâng cao sức chiến đấu của Đảng.** *Trước mắt, phải tập trung vào phương hướng nâng cao hiểu biết về đường lối, chính sách, nâng cao năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, lĩnh vực mà chúng ta đang có nhiều nhược điểm và khuyết điểm. Đồng thời, phải rất coi trọng việc giáo dục truyền thống, thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Kiên quyết đấu tranh chống tệ tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng; chống thái độ bàng quan, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, phát ngôn tùy tiện, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh. Cổ vũ, phát huy những nhân tố tích cực, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, làm cho tổ chức Đảng trong sạch và lành mạnh. Thúc đẩy việc cải tiến sinh hoạt của các tổ chức Đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng và tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, để qua đó, không ngừng cải tiến công tác, nâng cao chất lượng của các tổ chức Đảng và từng đảng viên, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, xây dựng quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, thực hiện việc giáo dục nhằm những mục đích cụ thể, gắn liền lý luận với thực tiễn, học tập và hành động.*

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng, phải **hướng mũi nhọn đấu tranh vào những tư tưởng thù địch của bọn phản động Trung-quốc, của chủ nghĩa đế quốc, những ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến.** *Kết hợp các biện pháp tư tưởng, tổ chức, hành chính để quét những luận điệu phản động, những phương tiện và các lực lượng tiến hành chiến tranh tâm lý của kẻ thù.*

Việc **phê phán, khắc phục tư tưởng tiểu tư sản, tư tưởng của người sản xuất nhỏ** *trong xã hội và ảnh hưởng của nó trong Đảng phải tiến hành* **thường xuyên, tích cực** *và* **kiên trì.**

Để thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu nói trên, phải nhanh chóng cải tiến công tác tư tưởng cả về nội dung và hình thức, về phương pháp và về tổ chức, **không ngừng nâng cao tính Đảng, tính khoa học trong công tác tư tưởng, làm cho công tác tư tưởng thật sự gắn liền với cuộc sống** *và tác động trực tiếp đến tư tưởng và hành động hằng ngày của quần chúng.* **Tính Đảng,** *nguyên tắc chủ yếu trong công tác tư tưởng, đòi hỏi những người cộng sản phải đấu tranh không mệt mỏi cho thắng lợi của tư tưởng Mác – Lê-nin, cho đường lối, quan điểm của Đảng, hằng ngày hằng giờ mở rộng trận địa tư*

Digitized by Google

tưởng xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi và thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của các tư tưởng phi vô sản. Tính Đảng mà biểu hiện chủ yếu của nó là tính chiến đấu, tính không khoan nhượng, không thể dung túng cho thái độ ươn hèn trong đấu tranh tư tưởng, bàng quan trước những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Nâng cao **tính khoa học** *là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng. Tính khoa học đòi hỏi chúng ta phải có những câu trả lời cụ thể, đúng đắn, sâu sắc, đầy tính thuyết phục đối với các vấn đề được đặt ra trong hoạt động thực tiễn của quần chúng. Tính khoa học trong công tác tư tưởng của Đảng đối lập với sự dối trá vốn là bản chất của tuyên truyền tư sản. Đảng yêu cầu toàn bộ hoạt động tuyên truyền của chúng ta phải chân thật. Phải nói cho nhân dân hiểu rõ sự thật : nói rõ thuận lợi, đồng thời nói hết khó khăn ; khẳng định thành tích, đồng thời nói đúng mức khuyết điểm ; không tô hồng, nhưng cũng không bôi đen. Rất tiếc là trong công tác tuyên truyền giáo dục, không phải lúc nào chúng ta cũng thực hiện được điều đó. Hơn bao giờ hết* **công tác tư tưởng phải gắn bó với cuộc sống.** *Những người làm công tác tư tưởng phải sống trong phong trào cách mạng, đi sâu vào các lĩnh vực, trước hết là lĩnh vực kinh tế, đến những mũi nhọn của mặt trận sản xuất và chiến đấu, nơi phong trào khá cũng như nơi phong trào kém, phát hiện và trả lời những vấn đề do cuộc sống đặt ra. Bệnh sách vở, nói lý luận trừu tượng, nói quan điểm chung chung, không trả lời những vấn đề cụ thể, là biểu hiện của sự xa rời cuộc sống trong công tác tư tưởng, cần được khắc phục.*

Tư tưởng chỉ đạo hành động, nhưng tư tưởng chỉ phát huy hiệu lực khi nó thấm sâu vào quần chúng và biến thành hành động cách mạng. Bước nhảy vọt ấy chỉ được thực hiện thông qua các biện pháp tổ chức. Khuyết điểm lớn của chúng ta hiện nay là công tác tư tưởng không kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức, chưa phát huy được sức mạnh của tổ chức trong công tác tư tưởng. Để khắc phục khuyết điểm trên, chúng ta phải nghiêm chỉnh chấp hành phương châm do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra là : «... phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức, thông qua các biện pháp tổ chức mà biến tư tưởng thành hành động, bảo đảm cho tư tưởng Mác — Lê-nin ăn sâu vào cuộc sống, trở thành nếp sống của xã hội ».

Muốn phát huy hiệu lực của công tác tư tưởng, chúng ta còn phải cải tiến bản thân hệ thống tổ chức làm công tác tư tưởng, bao gồm việc kiện toàn các cơ quan tư tưởng, huy động, bố trí lực lượng làm công tác tư tưởng ; cải tiến phong cách lãnh đạo công tác tư tưởng, xây dựng nền nếp quản lý tư tưởng, v.v. vì đây là chỗ yếu trong công tác tư tưởng. Vấn đề đặt ra hiện nay là phải tổ chức tốt

Digitized by Google

lực lượng chiến đấu trên mặt trận tư tưởng. Điều quan trọng trước hết là **tổ chức cho toàn Đảng làm công tác tư tưởng.** *Thực hiện điều trên đây, trước hết các tổ chức cơ sở của Đảng, người trực tiếp làm công tác tư tưởng, phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trên lĩnh vực này cũng như các lĩnh vực khác, các cấp ủy Đảng phải thật sự là người lãnh đạo công tác tư tưởng, coi đó là một bộ phận công tác lãnh đạo hằng ngày của mình.* **Tổ chức để quần chúng tự giáo dục** *là cách làm công tác tư tưởng hay nhất; chúng ta có nhiều kinh nghiệm về mặt này, vấn đề là tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm ấy.* **Kết hợp chặt chẽ lực lượng chuyên trách công tác tư tưởng với lực lượng không chuyên trách** *là phương thức tổ chức tốt, giảm bớt được số người trong biên chế, động viên được những lực lượng có nhiều tài năng của các ngành, các cấp tham gia công tác tư tưởng.* **Kết hợp chặt chẽ các cơ quan làm công tác tư tưởng của Đảng với các cơ quan của Nhà nước,** *bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đối với các cơ quan thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản.*

Nội dung quyết định hình thức, nhưng hình thức có vị trí rất quan trọng. Có nội dung tốt, nhưng hình thức nghèo nàn, không được quần chúng ưa thích, thì nội dung dù hay đến mấy cũng vẫn đọng lại trên giấy. Vì vậy chúng ta phải đặc biệt coi trọng việc cải tiến phương pháp, hình thức công tác tư tưởng. Khôi phục và phát huy những hình thức, phương pháp công tác tư tưởng của Đảng trước đây đã được thực tiễn chứng minh là tốt và được quần chúng ưa thích, cải tiến những phương pháp và hình thức hiện có, tìm những hình thức và phương pháp mới mẻ, nhẹ nhàng mà thấm thía, sinh động mà sâu sắc, có tính tư tưởng cao và có sức hấp dẫn lớn, vừa có tác dụng giáo dục vừa có tác dụng giải trí. Bệnh hành chính, quan liêu, cách làm đơn điệu, công thức, với hình thức nghèo nàn, thiếu hoạt bát trong công tác tư tưởng phải sớm được khắc phục.

Digitized by Google

Mấy vấn đề trước mắt của công tác tư tưởng

THU-HƯƠNG

I

MỘT trong những mặt trận đấu tranh gay gắt của chúng ta hiện nay để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là cuộc đấu tranh chống âm mưu của bọn phản động trong giới cầm quyền ở Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc làm suy yếu và chuẩn bị xâm lược nước ta. Suốt từ năm 1975 đến nay, bọn phản động Trung-quốc đã không ngừng tìm đủ mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Chúng ra sức chống phá ta vì đã từ lâu chúng coi cách mạng Việt-nam và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam là trở ngại chủ yếu trên con đường bành trướng của chúng xuống khu vực Đông—Nam Á. Chính sách thù địch của Trung-quốc đối với Việt-nam có những mặt phù hợp với ý đồ của Mỹ ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Việt-nam cho nên được sự phối hợp ngày càng tích cực của Mỹ và các thế lực đế quốc khác.

Bọn cầm quyền phản động Trung-quốc đã thi hành những biện pháp trả thù xấu xa: cắt viện trợ, rút chuyên gia, chấm dứt quan hệ kinh tế, kích động người Hoa bỏ về nước, và tiến hành những chiến dịch ngoại giao vận động các nước và các tổ chức quốc tế nằm trong ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc phối hợp hành động hoãn lại hoặc hủy bỏ mọi viện trợ đã cam kết với ta. Chúng đã điên cuồng gây chiến tranh trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta hồi tháng 2 năm 1979. Tiến công bằng quân sự, chúng mưu toan đẩy lùi và tiêu diệt cách mạng Việt-nam một cách nhanh chóng. Mất công chuẩn bị nhiều năm để đánh ta, nhưng trong hiệp đầu thử sức đã bị thất bại thảm hại, chúng càng tức tối. Chúng đang ra sức lôi kéo, liên kết mọi thế lực phản động có thể liên kết được, sử dụng mọi thủ đoạn, biện pháp có thể sử dụng được để chống phá ta. Hành động của chúng ngày càng điên cuồng, gay gắt trên mọi mặt kinh tế, chính trị, hệ ý thức, văn hóa, lối sống, v.v.

Sau khi thiết lập được chuyên chính vô sản trong cả nước, do sự phản bội của Trung-quốc, chúng ta chưa thể tập trung toàn bộ sức mạnh của mình để giải quyết những vấn đề của chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến tranh chống xâm lược ở biên giới tây—nam rồi ở biên giới phía bắc đã thu hút không ít sức người, sức của. Tình trạng vừa có hòa bình, vừa phải lo chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược mới do phía Trung-quốc có thể gây ra cũng có ảnh hưởng đến công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cố nhiên, với khoảng thời gian 5 năm, chúng ta chưa thể có chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội phát triển ở Việt-nam. Nhưng nếu không có sự chống phá của bọn phản động Trung-quốc, câu kết với chủ nghĩa đế quốc, đối với nước ta thì dù có thiên tai, dù công tác quản lý kinh tế của chúng ta còn non yếu, dứt khoát chúng ta vẫn đạt được những thành tựu to lớn hơn nhiều so với hiện nay. Chính sự chống phá của bọn phản động Bắc-kinh và chủ nghĩa đế quốc là nguyên nhân lớn nhất trực tiếp gây nên những khó khăn và những hiện tượng tiêu cực mà chúng ta đã gặp phải. Cần làm cho mọi người hiểu rõ điều đó. Triệu người như một, chúng ta siết chặt đội ngũ, tập trung sức mạnh, kiên quyết chặn đứng mọi âm mưu và hành động của kẻ thù. Chỉ có toàn thắng trong cuộc đấu tranh đó mới bảo vệ được độc lập dân tộc, bảo vệ được sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Do sự đấu đá nhau liên miên giữa các thế lực phản động, tình hình Trung-quốc sẽ còn diễn biến phức tạp. Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh tuy có sửa đổi một số chính sách trước đây của Mao nhưng vẫn giữ nguyên những luận điểm của ông ta về chủ nghĩa dân tộc nước lớn, chủ nghĩa bành trướng, đang tích cực thực hiện chủ nghĩa Mao bằng những thủ đoạn xảo quyệt và thực dụng hơn. Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, mặc dù có sự chia rẽ, đang đấu đá nhau để tranh giành quyền lực, chúng vẫn có điểm nhất trí với nhau là chống phá cách mạng. Trong nước, mặc dù đang gặp phải sự chống đối ngày càng phát triển của các lực lượng tiến bộ, chúng vẫn còn có lực lượng và điều kiện để thực hiện chính sách phản cách mạng. Công tác tư tưởng của chúng ta phải làm cho mọi người thấy rõ tình hình đó để xác định cho mình ý chí kiên trì cuộc đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc, loại trừ mọi biểu hiện mất cảnh giác về chính trị.

Trong lúc chưa thể tiến công được về quân sự, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh dùng các phương thức phá hoại vốn quen thuộc của bọn cướp nước: bao vây kinh tế, tiến công chính trị, đầu độc văn hóa và lối sống, gây rối loạn trong nội bộ xã hội ta, v.v. Đó cũng là sự chuẩn bị điều kiện cho tiến công quân sự. Một biểu hiện cụ thể là chúng đang ráo riết đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý, tung tin đồn nhảm, vu khống, xuyên tạc, lợi dụng những khó khăn và khuyết điểm của ta, đả kích đường lối, chính sách, sự lãnh đạo của Đảng và cơ quan lãnh đạo các cấp của ta, gieo rắc bất mãn, hoài nghi, kích động chống đối. Chúng tìm cách làm sống lại văn hóa thực dân mới và lối sống cũ, khêu gợi những ham muốn thấp kém, đua đòi lố lăng. Bằng tất cả những thủ đoạn ngấm ngầm, tinh vi đó — mà kẻ thực hiện là những tay chân của chúng và những thế lực phản động còn sót lại trên đất nước ta — chúng không muốn gì hơn là làm lạc hướng đấu tranh, lung lay ý chí của nhân dân ta.

Trong các quá trình trước đây của cách mạng nước ta, sự phản kích của kẻ thù diễn ra chủ yếu bằng bạo lực quân sự. Chúng không có điều kiện thực hiện âm mưu gây rối và lật đổ, vì vậy, nhiều đồng chí ta chưa có đủ kinh nghiệm đấu tranh về mặt này. Ngày nay, trong điều kiện so sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho địch, kẻ thù rất chú trọng thủ đoạn gây rối và lật đổ để thực hiện âm mưu bành trướng. Trong đội ngũ chúng ta không phải không có những người chưa nhận rõ âm mưu của địch, chưa thấy thật rõ bộ mặt nguy hiểm của kẻ thù, còn có hiện tượng chủ quan, coi thường, thậm chí bỏ qua những luận điệu chiến tranh tâm lý. Một số ít đồng chí do thiếu cảnh giác, đã làm cái loa cho chiến tranh tâm lý, truyền bá một cách không có ý thức những tin đồn nhảm, những luận điệu thù

Digitized by Google

địch. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng trên thế giới, đã có không ít bài học về mất cảnh giác. Một khi mà lực lượng cách mạng không đánh trả đích đáng và kịp thời sự tiến công bằng chiến tranh tâm lý của kẻ thù, thì nhất định chúng sẽ bám lấy sự sơ hở ấy để lấn tới ngày càng sâu rộng hơn, và hậu quả sẽ không nhỏ. Bọn phản động Trung-quốc lại rất quen với những thủ đoạn gây rối và lật đổ bởi vì chúng thường phải dùng những thủ đoạn ấy để chống lẫn nhau. Những thế lực ở trong nước trước đây đối địch với chúng ta không phải tất cả đã chịu tiếp thu đúng mức sự cải tạo, có kẻ còn tiếp tay cho giặc ngoài.

Làm thất bại chiến tranh tâm lý của địch : đó là một trong những vấn đề cấp bách của công tác tư tưởng vì đó là vấn đề an toàn của cách mạng. Các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng và mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta hãy mài sắc hơn nữa ý thức cảnh giác và nâng cao tinh thần trách nhiệm, chống thái độ bàng quan, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh. Trước những băn khoăn, thắc mắc của quần chúng, cán bộ, đảng viên cần kịp thời giải thích, thuyết phục bằng lời nói và việc làm, không để cho địch len vào xuyên tạc, kích động. Khi thấy xuất hiện những luận điệu thù địch, cần kịp thời phản công, vạch trần âm mưu và thủ đoạn của chúng. Một biện pháp cơ bản là phải thường xuyên giáo dục về tình hình và nhiệm vụ, làm cho quần chúng ngày càng thấy rõ hơn, sâu hơn bản chất phản động của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, từ đó, có sự nhạy cảm chính trị cần thiết, sẵn sàng tự minh vạch trần và chặn đứng mọi thủ đoạn chống phá của chúng.

II

Mặt trận đấu tranh thứ hai của chúng ta là cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, một cuộc đấu tranh cách mạng vừa cấp bách vừa lâu dài. Mấy năm qua, cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chúng ta đã đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Đến nay, vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên lĩnh vực quan hệ sản xuất đã căn bản được giải quyết. Chúng ta đã xóa bỏ về căn bản nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản ở miền Nam. Giai cấp tư sản miền Nam mà bộ phận chủ yếu là tư sản mại bản gốc Hoa, là một lực lượng có tổ chức, có kinh nghiệm, có nhiều mối liên hệ ở trong và ngoài nước, vốn là một bộ phận của chủ nghĩa tư bản thế giới, trực tiếp là chủ nghĩa tư bản Hoa kiều ở Đông — Nam Á. Nếu không đánh đổ nó, không xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì không thể củng cố được nền chuyên chính vô sản, không thể tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và thủ công nghiệp, không thể tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo phương hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, việc tập thể hóa nông nghiệp cũng đang được tiến hành, nông dân lao động đã bước đầu đi vào làm ăn tập thể dưới nhiều hình thức.

Tuy vậy, cuộc đấu tranh giữa hai con đường còn diễn ra phức tạp, không phải chỉ riêng ở miền Nam mà ở trong cả nước, những thắng lợi của con đường xã hội chủ nghĩa, tuy to lớn, là mặt cơ bản, song còn bị những hạn chế nhất định, do tác động của các thế lực tư bản chủ nghĩa còn sót lại và của lối sản xuất nhỏ tự phát, và do những nhược điểm, khuyết điểm của chúng ta trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Điều cần nhấn mạnh là có nơi, có lúc chúng ta đã buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng công tác quản lý

Digitized by Google

kinh tế, tạo điều kiện cho những thế lực phi xã hội chủ nghĩa trỗi dậy. Thí dụ về việc thực hiện Nghị quyết 6 của Trung ương Đảng. Đó là một nghị quyết hoàn toàn đúng đắn nhằm củng cố và không ngừng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời khuyến khích phát triển mặt tích cực của những thành phần kinh tế khác, làm lực lượng bổ sung của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng, ở một số nơi, trong việc giải thích và thực hiện nghị quyết 6 lại có những biểu hiện lệch lạc, buông lỏng cho kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân phát triển không có nguyên tắc, trong khi đó lại không quan tâm chăm lo kịp thời và đúng mức kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, để cho nó bị các thành phần kinh tế kia gặm nhấm. Trên vấn đề thị trường, cũng có những biểu hiện hữu khuynh. Như chúng ta đã biết, nắm thị trường, nắm sản phẩm hàng hóa là một nội dung hết sức quan trọng của cuộc đấu tranh « ai thắng ai ». Nếu Nhà nước vô sản nắm sản xuất mà không nắm thị trường, tức là không nắm sản phẩm hàng hóa, trước hết là những sản phẩm hàng hóa chủ yếu nhất, thì làm sao có đủ sức mạnh để chiến thắng hoàn toàn giai cấp tư sản. Ấy thế mà, một số địa phương đã để cho thị trường « tự do » mở rộng tranh chấp gay gắt với thị trường xã hội chủ nghĩa, để cho tư nhân tranh giành hàng hóa với Nhà nước, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa và tác động nghiêm trọng đến đời sống công nhân, viên chức.

Thắng lợi của con đường xã hội chủ nghĩa còn bị những hạn chế do chỗ những năm gần đây, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội có chiều hướng phát triển. Đặc biệt là tệ ăn cắp đã gây nhiều thiệt hại về tài sản xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất, khoét sâu những khó khăn về kinh tế, tài chính của Nhà nước, gây khó khăn cho đời sống nhân dân. Có người cho rằng tệ ăn cắp phát triển là do những khó khăn, thiếu thốn trong đời sống. Không đúng! Đạo lý của cuộc sống hoàn toàn không phải như vậy. Người ta có thể sống trong sạch trong hoàn cảnh thiếu thốn, có thể chung sức cùng đồng bào, đồng chí chịu đựng vất vả, thiếu thốn với tấm lòng trong sáng. Chính lối sống gấp, chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, sự sa đọa về phẩm chất, v.v. mới là những nguyên nhân thật sự của tệ nạn đó. Ăn cắp là tội ác, luật pháp Nhà nước đã quy định như vậy. Phải chặn đứng hiện tượng này, nếu không thì không thể nào làm tốt việc phát triển sản xuất, không thể nào làm tốt việc cải thiện đời sống của nhân dân. Ở từng cơ quan, từng xí nghiệp, ở đâu có của cải, có người là ở đấy phải tiến hành cuộc đấu tranh này trên cả hai lĩnh vực tư tưởng và tổ chức. Dĩ nhiên chúng ta không cho rằng tất cả bọn ăn cắp, tất cả các vụ ăn cắp đều có bàn tay địch. Nhưng về tác dụng khách quan, thì những hành động ăn cắp phù hợp với âm mưu của địch phá hoại nền kinh tế của ta, làm cho ta suy yếu để dễ dàng đánh phá và thôn tính. Mặt khác, phải hết sức cảnh giác vì đã có những vụ ăn cắp có tính chất chính trị rõ rệt. Bất kỳ một vụ mất tài sản nào của Nhà nước và của tập thể đều phải được kiểm tra đến nơi đến chốn và có kết luận rõ ràng.

Cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » còn diễn ra gay gắt trên lĩnh vực văn hóa và lối sống. Trước đây để phục vụ âm mưu nô dịch của chúng, đế quốc Mỹ đã gieo rắc ở miền Nam nước ta một thứ văn hóa khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, cổ vũ lối sống ích kỷ, tha hóa con người bằng triết lý sống gấp, kích động con người sống hôm nay không cần biết đến ngày mai và không từ một thủ đoạn thấp hèn nào để kiếm sống. Sau khi Mỹ, ngụy bị đánh

Digitized by Google

sập, nền văn hóa thực dân mới không phải đã bị đào sâu chôn chặt. Do những khó khăn và những sơ hở của ta gần đây, nó đang tìm cách trỗi dậy ở miền Nam và đang len chân ra miền Bắc. Thêm vào đó, các thế lực thù địch trong và ngoài nước cũng đang cố thọc tay vào mặt trận văn hóa, lấy đó làm một công cụ chống chúng ta. Một âm mưu thâm độc của chúng trên mặt trận văn hóa là chĩa mũi nhọn phá hoại vào tầng lớp thanh niên, vì đối với chúng, làm hư hỏng một thế hệ thanh niên là phá hoại được một cuộc cách mạng. Chúng thường lợi dụng một khuynh hướng tự nhiên, lành mạnh, chính đáng của thanh niên là thích cái mới, cái đẹp, để kích động thanh niên chạy theo những « mốt » này « mốt » khác, tạo nên những thị hiếu không lành mạnh, một lối sống không lành mạnh, để lôi dần ra khỏi những nhiệm vụ chính trị.

Tình hình nói trên đòi hỏi công tác tư tưởng phải nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tích cực góp phần tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, đẩy lùi và thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của tư tưởng phi vô sản. Bằng mọi cách, chúng ta cần làm cho tiếng nói của chính nghĩa, của đạo lý, của lẽ sống xã hội chủ nghĩa được cất cao, tỏa rộng, trở thành tiếng gọi của lương tâm con người, thúc đẩy, hướng dẫn mọi người suy nghĩ và hành động đúng vì lợi ích của Tổ quốc, của chủ nghĩa xã hội và của chính mình. Mọi sự nhân nhượng, mọi biểu hiện hữu khuynh trong đấu tranh tư tưởng lúc này đều có hại, vì trong cuộc đấu tranh gay gắt để giải quyết vấn đề ai thắng ai, nếu chúng ta chùn bước thì những tư tưởng thù địch của chủ nghĩa xã hội sẽ lấn tới.

Công tác tư tưởng phải góp phần đắc lực vào cuộc tiến công vào những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực phản động quốc tế câu kết với bọn phản động còn sót lại trong nước, những phần tử bóc lột cũ không chịu cải tạo, bọn lưu manh, trộm cướp đang lợi dụng những khó khăn và sơ hở của ta để phá hoại trên mặt trận kinh tế và văn hóa. Đồng thời, phải gây một dư luận xã hội rộng rãi lên án những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, làm cho mọi người thật sự căm ghét và quyết tâm xóa bỏ những hiện tượng không lành mạnh đó. Cuộc đấu tranh này cần được kết hợp chặt chẽ với việc biểu dương kịp thời những người tốt, việc tốt, những gương quên mình vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội đang xuất hiện ngày càng nhiều trên khắp mọi miền của đất nước và các lĩnh vực hoạt động.

Cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi mọi người không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị và tinh thần làm chủ tập thể. Công tác tư tưởng phải thông qua việc động viên quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, cải tiến phân phối, lưu thông, xây dựng nền văn hóa mới, nếp sống mới và con người mới, v.v. làm cho mọi người hiểu rõ hơn đường lối, quan điểm của Đảng về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường.

Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, trước mắt chúng ta đang phải tập trung sức lực khắc phục những khó khăn về kinh tế và đời sống. Muốn vượt qua những khó khăn gay gắt, tạo ra một chuyển biến tốt đẹp, phải có sự cố gắng hết sức mình của tất cả mọi người. Chỉ có thái độ cách mạng và hành động cách mạng của toàn Đảng và toàn dân mới có thể thay đổi được tình hình. Thái độ bi quan, hoài nghi là rất có hại đối với sự nghiệp cách mạng. Cần phải nhìn thẳng khó khăn, nói rõ khó khăn và thực hành những biện pháp có hiệu quả để khắc phục. Phải làm cho mọi người đánh

Digitized by Google

giá đúng tình hình. Thấy hết khó khăn là cần thiết nhưng lại cần thấy hết thành tựu và tiến bộ. Đế quốc Mỹ đã từng nói rõ rằng nền kinh tế miền Nam Việt-nam trước đây mà hằng năm chúng đã phải đổ vào hàng tỷ đô la để duy trì, sẽ bị sụp đổ ngay, không phương cứu chữa khi chúng rút khỏi đất nước này và chấm dứt viện trợ. Bọn phản động Trung-quốc cũng cho rằng, bằng cách rút chuyên gia về nước, cắt viện trợ, bao vây kinh tế, v.v. chúng sẽ làm cho nền kinh tế nước ta suy sụp. Vượt qua những thử thách đó và những hậu quả của thiên tai dồn dập, nhân dân ta đã khôi phục và bước đầu phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp. Toàn Đảng, toàn dân ta đang làm việc hết sức mình để đưa đất nước tiến lên. Có những mặt có thể khắc phục được nhanh, nhưng cũng có những mặt phải có thời gian vì nó gắn liền với quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Lại có những khó khăn mới có thể xuất hiện. Với bản chất cách mạng tốt đẹp của mình và dày dạn kinh nghiệm chiến đấu, Đảng ta và nhân dân ta nhất định sẽ giải quyết kỳ được những vấn đề mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi cương lĩnh mới của cách mạng. Mặt trận kinh tế không giống mặt trận quân sự, quy luật kinh tế khác quy luật chiến tranh, song bất cứ ở mặt trận nào, sự lãnh đạo của Đảng mác-xít — lê-nin-nít, lòng tin tưởng, quyết tâm vươn lên của đội ngũ đảng viên và quần chúng luôn luôn là những nhân tố bảo đảm thắng lợi. Tiến theo con đường do Đảng vạch ra, chúng ta nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

III

Cuộc đấu tranh cách mạng gay go quyết liệt trên hai mặt trận nói trên có những tác động nhất định đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên chúng ta, và đối với các tổ chức Đảng. Trong cuộc đấu tranh này, số đông cán bộ, đảng viên chúng ta phát huy vai trò tiên phong của mình, đã vượt qua mọi thử thách, tiếp tục giữ vững và phát huy phẩm chất của người cộng sản, luôn luôn tỏ rõ sự trung thành với lý tưởng và đường lối cách mạng của Đảng.

Bên cạnh đó, trước bước ngoặt mới và tình hình phát triển phức tạp của cách mạng, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên cũng bộc lộ những nhược điểm và những hiện tượng không lành mạnh. Trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, một số người bối rối, thậm chí có người tỏ ra hoang mang, dao động, giảm sút lòng tin, giảm sút ý chí chiến đấu. Trong việc nhận thức và chấp hành đường lối, chính sách, có nhiều lệch lạc. Trước những âm mưu phá hoại của bọn phản động Bắc-kinh và chủ nghĩa đế quốc, một số đông chí chưa đủ cảnh giác. Một số người thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức vụ để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, ăn hối lộ, ức hiếp quần chúng, thông đồng với những phần tử bất lương làm ăn phi pháp, v.v. Những hiện tượng nói trên rất có hại đối với sự nghiệp cách mạng, nhất là trong khi các loại kẻ thù phối hợp với nhau tiến công Đảng ta từ nhiều phía, cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt trên tất cả các mặt.

Vì vậy, một trong những vấn đề cấp bách của công tác tư tưởng là góp phần tích cực hơn nữa vào việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng. Công tác này đang được triển khai nhưng phải làm một cách sâu rộng hơn, có hiệu quả hơn. Mỗi tổ chức đảng, mỗi cấp ủy đảng, trong phương thức công tác của mình, cần kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với các mặt công tác khác, nhằm không ngừng nâng cao

Digitized by Google

chất lượng cán bộ, đảng viên, tăng cường đoàn kết nhất trí, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và mỗi đảng viên. Một trong những nhược điểm của đội ngũ chúng ta là năng lực lãnh đạo, trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn có nhiều mặt còn non yếu. Công tác tư tưởng cần góp phần khắc phục có hiệu quả những nhược điểm đó, song không vì thế mà coi nhẹ việc giáo dục phẩm chất, đạo đức. Đối với một đảng lãnh đạo chính quyền, coi nhẹ việc giáo dục phẩm chất, đạo đức là tạo điều kiện cho bệnh quan liêu và các hiện tượng tiêu cực khác phát sinh và phát triển, làm giảm sút ảnh hưởng của Đảng trước nhân dân. Công tác giáo dục phẩm chất, đạo đức phải kết hợp chặt chẽ hai mặt *xây dựng* và *phê phán*: cùng với việc giáo dục nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, cổ vũ, phát huy những nhân tố tích cực, cần kiên quyết đấu tranh chống tệ tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng, chống thái độ bàng quan, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, nói năng tùy tiện đối với những vấn đề quan hệ đến lợi ích của cách mạng.

Việc phát thẻ đảng viên đang được mở rộng. Công tác tư tưởng cần kết hợp chặt chẽ với công tác này, góp phần làm trong sạch đội ngũ chiến đấu của Đảng, nâng cao hiệu lực lãnh đạo và uy tín của các tổ chức đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Muốn cho cuộc chiến đấu vì chủ nghĩa xã hội thắng lợi, cán bộ, đảng viên chúng ta cần nêu cao ý thức tổ chức, kỷ luật, siết chặt hàng ngũ chung quanh Đảng, bảo vệ sự nhất trí của Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt chúng ta. Khi tổng kết tình hình ba năm sau Cách mạng tháng Mười, Lê-nin đã khẳng định nguyên nhân đầu tiên của thắng lợi là tính kỷ luật của cán bộ, đảng viên. Lê-nin nhấn mạnh rằng, nếu không có kỷ luật, thì không nói ba năm mà ba ngày chính quyền vô sản cũng không đứng vững được. Khi nói về ý nghĩa quan trọng của tính tổ chức và kỷ luật, Xta-lin đã lấy hình ảnh một con thuyền khi gặp sóng gió làm thế nào vượt qua được một cách an toàn. Con đường sống của những người trên thuyền lúc đó là phải tuân thủ kỷ luật, nghe theo mệnh lệnh của thuyền trưởng, không được nhớn nhác. Những lời nói đó càng có ý nghĩa đối với chúng ta lúc này. Trước những khó khăn, thử thách mới, mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta càng cần có ý thức đối với lời nói và việc làm của mình nhằm bảo vệ đường lối, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện thắng lợi. Công tác tư tưởng cần đáp ứng cho được đòi hỏi đó, bởi vì đây là vấn đề sống còn trước kẻ thù và cũng là vấn đề quan trọng nhất để vượt qua khó khăn mà tiến tới.

★

Mấy vấn đề cấp bách nói trên của công tác tư tưởng có liên quan chặt chẽ với nhau, vì vậy cần được giải quyết một cách đồng bộ. Giải quyết tốt các vấn đề đó, chúng ta nhất định sẽ làm cho tư tưởng tích cực áp đảo tư tưởng tiêu cực, tạo ra chuyển biến tốt trong nhận thức và tâm lý của mọi người, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Đảng đề ra.

Digitized by Google

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT-NAM VÀ VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ

NGUYỄN-THỊ-ĐỊNH

NĂM mươi năm đã qua kể từ khi tổ chức đầu tiên của phụ nữ Việt-nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt-nam, phụ nữ ta đã vượt qua mọi khó khăn, hăng hái tham gia mọi công tác cách mạng, đóng góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp chung của dân tộc.

GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, GIẢI PHÓNG GIAI CẤP CŨNG CHÍNH LÀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ

Đất nước ta, nhân dân ta trải qua hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến bóc lột hà khắc, hàng trăm năm bị thực dân đế quốc đô hộ, sống vô cùng cực khổ. Phụ nữ là người bị đau khổ và bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất. Ở đây không còn là nỗi đau khổ của một con người, một gia đình, mà là nỗi đau khổ của cả một dân tộc, của cả giai cấp bị trị. Chỉ có làm cách mạng, đánh đổ chủ nghĩa thực dân, phong kiến, giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mới mang lại cuộc sống độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho người lao động mà hơn một nửa là phụ nữ, thì phụ nữ mới thật sự được giải phóng.

Trong lịch sử đấu tranh của mình, phụ nữ Việt-nam vô cùng tự hào được Đảng lãnh đạo. Đảng đề ra đường lối đúng đắn để giải phóng phụ nữ một cách triệt để. Đảng đã đặt lợi ích của phụ nữ trong lợi ích chung của dân tộc và của giai cấp vô sản, gắn liền việc giải phóng phụ nữ với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Tại Đại hội thứ 7 Quốc tế cộng sản họp tại Mát-xcơ-va tháng 7 năm 1935, đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai, đại diện Đảng ta, cũng đã nêu rõ quan điểm của Đảng: vấn đề giải phóng phụ nữ ở các nước thuộc địa phải gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng ách nô dịch dân tộc và ách áp bức giai cấp, xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa.

Từ quan điểm trên, suốt 50 năm qua Đảng ta đã đặt công tác vận động quần chúng phụ nữ tham gia mọi phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo là « một vấn đề lớn có *tính chất chiến lược trong toàn bộ công tác vận động quần chúng của Đảng, một vấn đề có tính chất quốc sách* mà mọi cấp bộ của Đảng phải đặc biệt quan tâm » (1). « Lực lượng cách mạng của phụ nữ là một lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được » (2). Vì vậy,

(1) *Nghị quyết của Ban bí thư về công tác cán bộ nữ*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1967, tr. 5.

(2) « Án nghị quyết Trung ương toàn thể hội nghị năm 1930 », *Văn kiện Đảng về công tác vận động phụ nữ*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 10.

Digitized by Google

sau khi thành lập (3-2-1930), Đảng đã tổ chức Hội phụ nữ giải phóng (10-1930), sau đó là Hội phụ nữ phản đế (1936), Đoàn phụ nữ cứu quốc (1941), Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam (1946)... nhằm giác ngộ, tổ chức các tầng lớp phụ nữ, đấu tranh thực hiện mục tiêu giải phóng phụ nữ mà Đảng đã đề ra.

Qua bao nhiêu gian khổ, hy sinh, hoạt động lúc công khai, lúc bí mật, phụ nữ Việt-nam đã cùng toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lập ra nước Việt-nam dân chủ cộng hòa — Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông — Nam châu Á. Cùng với toàn dân, phụ nữ tham gia làm chủ chính quyền và ngược lại chính quyền mới đã mang lại biết bao biến đổi cho cuộc đời mỗi người phụ nữ. Do đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phụ nữ Việt-nam, qua tổ chức Hội của mình, đóng góp nhiều công sức, kể cả hy sinh tính mạng để xây dựng và bảo vệ chính quyền còn non trẻ, chống thù trong giặc ngoài. Sự hoạt động sôi nổi, sâu sát của cán bộ Hội lúc này đã làm đa số chị em hiểu rằng cùng toàn dân đấu tranh bảo vệ chính quyền cũng chính là đấu tranh để bảo vệ quyền lợi thiết thân của phụ nữ, mở ra con đường giải phóng cho chị em ngày một rộng lớn, vững chắc hơn.

Từ nhận thức sâu sắc về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước, phụ nữ Việt-nam đã có thêm động lực mạnh mẽ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp gay go gian khổ, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên « chiến thắng Điện-biên chấn động địa cầu »

Từ năm 1954, cách mạng nước ta bước vào giai đoạn mới với hai nhiệm vụ chiến lược, tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ, giải phóng miền Nam, đồng thời xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc làm hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam. Lúc này hoạt động của phụ nữ càng rộng lớn. Ở miền Bắc, trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam đã phát động phong trào « ba đảm đang », một phong trào quần chúng có ý nghĩa cách mạng to lớn, có tính chất toàn diện. Nó « là một bộ phận khăng khít rất cơ bản, rất to lớn của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta » (3).

Năm 1965, khi đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân xâm lược vào miền Nam và mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc nước ta, các mẹ, các chị lại hăng hái tiễn chồng, con và động viên hàng triệu thanh niên ra tiền tuyến ; hàng vạn nữ thanh niên xung phong đi làm đường, tải thương, tải đạn... Việc sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, hầu hết do phụ nữ đảm nhiệm. Hạt gạo thấm bao mồ hôi và cả máu của phụ nữ và những người dân khác ở hậu phương lớn đã được chắt chiu dành dụm sẻ đôi, sẻ ba gửi tới chiến trường : hàng triệu mét vải, hàng nghìn tấn thuốc của miền Bắc xã hội chủ nghĩa hầu hết do bàn tay đảm đang của phụ nữ làm ra vẫn đều đặn gửi ra mặt trận, tạo thêm sức mạnh cho quân và dân ta đánh thắng quân thù. Cũng trong thời kỳ đó, một đội ngũ đông đảo cán bộ nữ trưởng thành nhanh chóng. Chỉ tính trong 4 năm (1965 — 1968) chống Mỹ, cứu nước, chúng ta đã có 3733 nữ chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã và 45000 nữ đội trưởng, đội phó các đội sản xuất. Trên mặt trận phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại dã man của giặc Mỹ đã xuất hiện biết bao gương phụ nữ anh hùng. 10 cô gái ở ngã ba Đồng-lộc (Nghệ-tĩnh) — trọng điểm bắn phá ác liệt của máy bay Mỹ — đã anh dũng hy sinh để nối liền mạch máu giao thông. Mẹ Suốt, tuy già, vẫn băng qua bom đạn giặc chở thuyền cho bộ đội qua sông Nhật-

(3) Phạm-Văn-Đồng : « Phong trào « Ba đảm đang » là một phong trào khăng khít của phong trào cách mạng, *Về công tác vận động phụ nữ* Nxb Phụ nữ, Hà-nội, 1977 tr. 19.

Digitized by Google

lệ. Đơn vị nữ pháo binh xã Ngư-thủy (Quảng-bình) nhiều lần bắn cháy tàu chiến Mỹ. Trung đội nữ dân quân xã Hòa-lộc (Thanh-hóa) là đơn vị nữ đầu tiên ở miền Bắc bắn rơi máy bay phản lực Mỹ, v.v. Thành tích của phụ nữ Việt-nam đã xứng đáng với lời khen tặng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh: « Phụ nữ Việt-nam dũng cảm, đảm đang, chống Mỹ, cứu nước ».

Ở miền Nam, qua hơn 20 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, giặc Mỹ đã phải đương đầu với cuộc chiến tranh cứu nước thần thánh của nhân dân ta trong đó lực lượng phụ nữ đóng một vai trò quan trọng. Phong trào đấu tranh của nhân dân ta trên các mặt chính trị, binh vận, vũ trang đã tạo nên hình thái ba mũi giáp công, tiến công kẻ thù từ nhiều phía, mà ở phía nào cũng có phụ nữ tham gia, làm cho kẻ thù phải khiếp sợ và khâm phục. Đó là hoạt động mưu trí, linh hoạt của « đội quân tóc dài », những hoạt động mang tính chất độc đáo của cuộc chiến tranh nhân dân ở miền Nam. Phụ nữ miền Nam đã xứng đáng với lời khen của Bác Hồ: « Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang ».

Chưa bao giờ sức vươn lên mạnh mẽ của phụ nữ lại được thể hiện một cách đậm nét như trong những thử thách quyết liệt của cuộc chiến tranh tàn khốc mà kẻ thù tàn bạo đã gây ra trên đất nước chúng ta. 11 đơn vị lực lượng vũ trang bao gồm toàn nữ đã được Quốc hội tuyên dương anh hùng quân đội; trong số 120 nữ anh hùng thì 45 là nữ anh hùng các lực lượng vũ trang.

Đóng góp xuất sắc của phụ nữ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc đã làm cho phụ nữ có địa vị xứng đáng trong xã hội. Nhưng chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới triệt để giải phóng được phụ nữ, vì qua cách mạng xã hội chủ nghĩa, các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển, mọi công dân nam cũng như nữ đều có đầy đủ điều kiện để từng bước tiến lên làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ bản thân.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự hướng dẫn của Hội, đông đảo hội viên phụ nữ tích cực tham gia lao động sản xuất, không ngừng phấn đấu vươn lên. Nhiều chị em cố gắng học tập nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, khoa học để có thể tham gia nhiều lĩnh vực công tác mới. Nhiều chị đã được bầu làm đại biểu Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước ta. Riêng khóa VI này, 132 chị trúng cử đại biểu, chiếm 26,9% trong tổng số đại biểu Quốc hội khóa này. Nhiều chị đã giữ chức vụ quan trọng trong các cơ quan của Chính phủ, 19 chị là bộ trưởng, thứ trưởng và có chức vụ tương đương, 191 chị là chánh, phó giám đốc xí nghiệp. Trong tổng số cán bộ có trình độ đại học, phụ nữ chiếm 24,9%. Một số chị em vừa được Chính phủ phong giáo sư và phó giáo sư...

Trong nhiều lĩnh vực sản xuất, lao động nữ chiếm tỷ lệ khá cao: gần 70% trong nông nghiệp, 60% trong công nghiệp, 70% trong thương nghiệp, 56% trong ngành lương thực, thực phẩm, gần 60% trong y tế, giáo dục...

Đất nước ta đang còn nhiều khó khăn, song Nhà nước vẫn luôn luôn quan tâm tạo điều kiện như tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà ăn tập thể, vận động sinh đẻ có kế hoạch, v.v. để phụ nữ có thể dễ dàng tham gia sản xuất trên quy mô xã hội rộng lớn và bớt dần công việc nặng nhọc trong gia đình. Nhiều nghị quyết của Đảng về công tác vận động phụ nữ được ban hành. Ở nhiều địa phương, cấp ủy Đảng đã nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tích cực chỉ đạo công tác của Hội phụ nữ. Song cũng còn một số nơi, cấp ủy Đảng chưa thường xuyên chỉ đạo công tác vận động phụ nữ, chưa

Digitized by Google

chú ý sử dụng tổ chức, thật sự bảo đảm những nguyên tắc dân cử của đoàn thể quần chúng cách mạng, để từ đó phát huy sức mạnh của tổ chức, động viên đông đảo phụ nữ tham gia lao động, sản xuất, công tác, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng.

Nhưng nguyên nhân quan trọng làm cho công tác vận động quần chúng phụ nữ thiếu sôi nổi, hạn chế sự đóng góp của chị em trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa những năm gần đây, trước hết do bản thân các cấp Hội phụ nữ từ trung ương đến cơ sở chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi công tác của mình, chưa chủ động đi sâu nghiên cứu đề xuất với Đảng những vấn đề về phạm vi công tác, phương thức hoạt động của tổ chức phụ nữ, chưa đề ra được nội dung thiết thực, hình thức tổ chức vận động và sinh hoạt phù hợp với các đối tượng phụ nữ, để có điều kiện tập hợp quần chúng rộng rãi, động viên phụ nữ đóng góp nhiều cho sự nghiệp cách mạng chung, trên cơ sở đó, từng bước thực hiện quyền lợi của phụ nữ.

Các cấp Hội chưa chủ động thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể của cấp ủy Đảng ở địa phương, chưa tổ chức tốt sự phối hợp công tác với các ngành, các đoàn thể khác có liên quan.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ nữ chưa được chú trọng đúng mức để đáp ứng yêu cầu của công tác vận động quần chúng trong thời kỳ mới của cách mạng.

Mặt khác, bộ máy tổ chức hiện nay còn cồng kềnh, chưa thiết thực, tạo ra cách làm việc quan liêu, xa rời quần chúng, xa rời thực tế, cán bộ Hội chưa đi sâu, đi sát cơ sở để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của chị em, do đó việc đề ra nội dung sinh hoạt của nhiều cấp Hội còn chung chung, chưa gắn với quyền lợi thiết thực của người phụ nữ, cho nên ở nhiều nơi, chị em chưa gắn bó mật thiết với tổ chức của giới mình.

Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên vẫn là nhiệm vụ, phương thức hoạt động của Hội phụ nữ còn chưa rõ. Tình hình cách mạng biến động rất nhiều, yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng ngày một cao mà nội dung hoạt động của Hội phụ nữ thì chưa chuyển biến kịp, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đó.

PHẢI BÁM CHẮC VÀO CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG MÀ HOẠT ĐỘNG!

Kinh nghiệm thực tế cho thấy, các cấp Hội phụ nữ, trong những giai đoạn cách mạng đầy khó khăn, gian khổ, vẫn làm tốt công tác vận động quần chúng đấu tranh góp phần thực hiện mục tiêu mà Đảng đã đề ra là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng phụ nữ, vì các cấp Hội từ trung ương đến cơ sở biết bám chắc vào các nhiệm vụ chính trị của Đảng. Từ đó mọi người thấy rõ vai trò tích cực của tổ chức Hội đối với phong trào cách mạng chung.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước thống nhất, nhân dân cả nước tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam đã phát động phong trào «Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc». Phong trào này đã lôi cuốn đông đảo phụ nữ tham gia.

Trên mặt trận nông nghiệp, phụ nữ nông dân sôi nổi tham gia phong trào cấy hết diện tích, làm thủy lợi, làm phân, trồng rau màu và đẩy mạnh chăn nuôi gia đình... Riêng ở miền Nam, đi đôi với việc động viên phụ nữ ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, các cấp Hội còn phải động viên chị em nông dân đi vào con

Digitized by Google

đường làm ăn tập thể, xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Đối với nữ công nhân, viên chức, phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » biểu hiện rõ nét ở sự phấn đấu khắc phục khó khăn về thiếu điện, thiếu nguyên liệu, vật liệu, tích cực sản xuất với năng suất cao, hoàn thành kế hoạch, góp phần tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Ngoài việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của người công dân đối với xã hội, người phụ nữ còn làm chức năng người vợ, người mẹ trong gia đình. Việc « nuôi con khỏe, dạy con ngoan » trong mỗi gia đình có quan hệ không nhỏ đến thế hệ tương lai của đất nước. Đấy tất nhiên phải là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Song vai trò của Hội phụ nữ cũng rất quan trọng, bởi đây cũng là một nhiệm vụ chính trị, xã hội liên quan trực tiếp đến hạnh phúc từng chị em. Đúng như Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã nói : « ... Công việc của phụ nữ không ai lo lắng thiết tha, sâu sắc được như phụ nữ, phụ nữ phải tự lo rồi thúc giục các cơ quan, các ngành ủng hộ mình, giúp đỡ mình ».

Vì thế, các cấp Hội phụ nữ cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới, tuyên truyền và giáo dục cho chị em hiểu rõ những quan điểm cơ bản của Đảng về giáo dục trẻ em theo 5 điều Bác Hồ dạy, làm cho chị em hiểu rõ vị trí của gia đình, vai trò của người mẹ trong việc giáo dục trẻ em bằng cách tổ chức tập huấn cho cán bộ phụ nữ về kiến thức giáo dục con em trong gia đình và có kế hoạch triển khai rộng rãi ra quần chúng.

Dưới sự lãnh đạo của đảng ủy địa phương, Hội phụ nữ ở cơ sở cần phối hợp với các cơ quan, đoàn thể, hội cha mẹ học sinh và nhà trường, thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục con em. Hội phải kịp thời biểu dương các bà mẹ tích cực nuôi dạy con tốt, lôi cuốn các chị em khác noi theo.

Muốn làm tốt được những nhiệm vụ nặng nề trên, Hội phụ nữ phải thật sự trở thành một tổ chức mạnh có sức tập hợp đông đảo quần chúng hội viên của mình ; Hội phải là mặt trận đoàn kết đông đảo các tầng lớp phụ nữ yêu nước, trước hết là phụ nữ công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu trên đặt ra một số vấn đề cấp bách phải giải quyết là :

— Các cấp Hội phụ nữ từ trung ương đến cơ sở phải kiên quyết khắc phục cách làm việc hành chính quan liêu, thiếu đi sâu, đi sát mặt trận sản xuất và đời sống của quần chúng. Với lối làm việc hành chính, xa rời quần chúng, Hội không thể làm tốt công tác vận động quần chúng được.

— Bản thân chị em phụ nữ phải quyết tâm phát huy tinh thần tự lực tự cường, không tự ty, ỷ lại. Phải xây dựng cho được một thế hệ phụ nữ Việt-nam mới, có tinh thần thật sự làm chủ tập thể, làm chủ trong công việc, trong gia đình và ngoài xã hội.

Mỗi cán bộ, hội viên phụ nữ cần rèn luyện cho mình một cách nhìn mới, phù hợp với thời đại, tránh tư tưởng hẹp hòi, đồng thời phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí để tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa phong trào phụ nữ tiến lên.

Trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng cấp bách hiện nay, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang tập trung sức thi đua lao động sản xuất, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, khắc phục những khó khăn trong quản lý kinh tế, trong đời sống, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là lúc rất cần sự

Digitized by Google

hoạt động mạnh mẽ của các đoàn thể, vì vậy các cấp Hội từ trung ương đến cơ sở cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình mà đặt ra công tác vận động phong trào phụ nữ có trọng tâm, trọng điểm, mang lại hiệu quả thiết thực không những về chính trị mà cả về kinh tế nữa.

Hội phụ nữ các cấp cần thường xuyên tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho chị em hội viên, giúp chị em nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, để chị em nhìn đúng những khó khăn hiện tại, tích cực lao động sản xuất, cùng toàn dân chung lo đẩy lùi mọi khó khăn, góp phần ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, tạo thành dư luận xã hội mạnh mẽ lên án các hành động xấu xa đó. Đẩy mạnh phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc », hình thành đội ngũ phụ nữ có trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức và kiến thức tốt.

Người phụ nữ Việt-nam vốn có truyền thống yêu nước, dũng cảm kiên cường, thông minh sáng tạo, có lòng nhân ái bao la, đồng thời cũng là người lao động cần cù, chịu thương chịu khó, đảm việc nước, giỏi việc nhà. Nhưng hiện nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, những truyền thống tốt đẹp đó phải được nâng lên ở mức cao hơn. Người phụ nữ lao động bây giờ không phải chỉ dừng ở chỗ lao động cần cù, lam lũ, giản đơn để đổi lấy một kết quả lao động thấp, mà phải được phát triển toàn diện trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Chỉ trên cơ sở đó quyền bình đẳng của người phụ nữ mới được khẳng định một cách vững chắc. Do đó, chúng ta phải đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động nữ có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật cao, có năng lực quản lý và tay nghề giỏi, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của cách mạng văn hóa, khoa học, kỹ thuật.

Muốn thực hiện được vấn đề này, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam phải đi sâu, đi sát nắm chắc tình hình lao động nữ, chủ động nêu ý kiến với các cơ quan Nhà nước có liên quan, góp phần giải quyết tốt việc đào tạo, phân bố lao động cân đối giữa nam và nữ, sử dụng lao động nữ trong từng ngành nghề cho phù hợp với đặc điểm sinh lý của chị em. Bên cạnh việc lao động, sản xuất, Hội cần chú ý phát huy vai trò cao quý của phụ nữ trong việc xây dựng gia đình mới, con người mới, nền văn hóa mới. Hội phải quan tâm chăm sóc hơn nữa đời sống của phụ nữ, trẻ em; góp phần chỉ đạo tích cực và đồng bộ việc sinh đẻ có kế hoạch; nghiên cứu giải quyết tốt về cơ cấu tổ chức quản lý nhà trẻ, lớp mẫu giáo, bảo đảm chất lượng nuôi dạy các cháu... Mặt khác, các cấp Hội cần thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách của Nhà nước đã ban hành, bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em trong mọi lĩnh vực.

Những nhiệm vụ trên đòi hỏi Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam phải từng bước đào tạo cho mình một đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất cách mạng cao, đồng thời có kiến thức khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, có trình độ quản lý kinh tế, để có khả năng làm công tác vận động quần chúng một cách toàn diện, sâu sắc.

Để giúp chị em phụ nữ hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng giao đồng thời làm tròn chức năng người vợ, người mẹ trong gia đình, với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp Đảng, chính quyền, công tác vận động phụ nữ cần đạt được mấy yêu cầu cụ thể sau đây:

Tổ chức tốt nhà trẻ, lớp mẫu giáo để chị em có nơi gửi con, yên tâm sản xuất, nhất là trong lúc đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế. Đặc

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

Truyền thống cao quý và nền văn hóa vững chắc của dân tộc

Giáo sư NGUYỄN-KHÁNH-TOÀN

Có những nước phát triển sớm, đã để lại cho thế giới những di tích kỳ diệu về các kiểu công trình kiến trúc quy mô lớn — thành quách, lâu đài, cung điện, miếu mạo, lăng tẩm, kênh đào, tháp, bia, tượng, v.v. và những kho sách đồ sộ quý giá — các học thuyết về vũ trụ, kinh đạo, kinh thánh, anh hùng ca, sử ca, tình sử, các cuộc hành quân, viễn chinh, những trận lục chiến, thủy chiến lừng danh được ghi chép lại tỉ mỉ bằng các thứ văn tự cổ Ai-cập, Hy-lạp, La-tinh, Do-thái, Pa-li, Xăng-xkơ-ri...

Nhờ những vết tích ấy, qua sự nghiên cứu công phu của những nhà chuyên môn bác học, ngày nay một loạt những nền văn minh rực rỡ cổ xưa sống lại. Hình dáng của những nền văn minh ấy rất hấp dẫn, với những đường nét tinh vi sắc sảo, được người ta coi như mẫu mực, kinh điển của cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ.

Những phát hiện ấy vén lên bức màn thời gian che kín cả một quá khứ huy hoàng, làm cho người ta ngạc nhiên và kính phục trước những trang hùng vĩ mở đầu lịch sử văn minh thế giới.

Không phải vì những công trình nói trên được xây dựng trong chế độ chiếm hữu nô lệ mà có thể phủ nhận giá trị của chúng, không coi chúng là những cái mốc đánh dấu bước tiến kỳ diệu của con người trong đấu tranh với thiên nhiên, nói lên nghị lực sáng tạo vô tận của lao động con người.

Nhưng mặt khác, cũng không vì thế mà khẳng định đó là mẫu mực duy nhất và vĩnh cửu cho cuộc sống văn hóa và tinh thần của con người.

Những nền văn minh cổ đại ấy chinh phục được khối óc và trái tim của người đời sau là vì ba yếu tố sau đây: một là, quy mô đồ sộ, vóc dáng nguy nga, lộng lẫy của nhiều công trình hình như thách thức cả ngày tháng, nắng mưa; hai là, việc một số dân tộc sớm có văn tự làm cho người ta có thể nghĩ rằng, chỉ có những dân tộc này mới sáng tạo ra được những công trình vĩ đại vì văn tự là sự biểu đạt của một trình độ văn minh cao; ba là, một nền văn minh cao như vậy, bao giờ cũng gắn liền với một nghệ thuật quân sự tài giỏi, với những chiến công lẫy lừng trong việc « bình thiên hạ », chinh phục các dân tộc láng giềng. Mà như thế thì vô hình trung, muốn hay không muốn, người ta đi tới chỗ đánh giá thấp những cống hiến của các dân tộc khác đối với nền văn minh thế giới, vì trong công cuộc xây dựng văn hóa của các dân tộc này, không có tác động của ba yếu tố nói trên: tính đồ sộ, văn tự cổ và sự chinh Nam phạt Bắc. Chính vì thế mà những giá trị

Digitized by Google

của nhiều dân tộc không có một quá khứ « kinh điển » rực rỡ kiểu ấy lâu nay đã không được đếm xỉa. Thậm chí có những di vật quý, bằng chứng của một nền văn hóa độc đáo, cũng không được công nhận là bản địa, bởi vì nó là của một nước nhỏ, một dân tộc « lạc hậu ». Thật không đúng!

Vì vậy, trong khi coi những công trình nguy nga cổ Hy-lạp—La-mã, Ai-cập, Lưỡng-hà, v.v. là sản phẩm kỳ diệu của bàn tay và khối óc con người, là những cống hiến vô giá đối với nền văn minh nhân loại, chúng ta cũng cần nhận thức rằng đó không phải là biểu hiện duy nhất của tính vĩ đại của con người thời cổ đại, và những nơi nói trên không phải là những nơi quy tụ duy nhất và sớm nhất nghị lực sáng tạo của lao động con người.

Vì điều kiện tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa mà ở mỗi một khu vực, trong mỗi một cộng đồng dân tộc, con người xây dựng, phát triển, duy trì và bảo vệ cuộc sống vật chất, văn hóa, tinh thần của họ theo một mô thức riêng, với một sắc thái riêng, và tạo nên những truyền thống khắc sâu dấu ấn của cuộc sống ấy.

Rất sớm, cách đây khoảng 4000 năm, trên dải đất vùng nhiệt đới này, người Việt đã dựng nên một nền *văn minh nông nghiệp chuyên trồng lúa nước*. Đó là một thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh lâu dài, nguy hiểm, gian truân chống thiên nhiên, trong đó họ tự nung đúc cho mình một bản lĩnh với những đức tính cao quý như cần cù, nhẫn nại, anh dũng, thông minh, mưu trí và đoàn kết, thương yêu, đùm bọc nhau.

Họ là những người nông dân lao động tự do cùng sống trong một cơ cấu xã hội mà làng xã là tế bào. Khi bắt đầu xây dựng nước cũng là khi họ đã phải giữ gìn, bảo vệ đất nước. Thế lực thường xuyên, liên tục đe dọa sự sống còn của họ, là đế chế khổng lồ phương Bắc, hàng nghìn năm xưng hùng xưng bá trên đại lục châu Á, không bao giờ chịu từ bỏ âm mưu thôn tính mảnh đất Việt-nam nhỏ bé nhưng có vị trí chiến lược quan trọng. Nhưng đế chế khổng lồ đó đã liên tục thất bại, bởi vì dân Việt-nam có quyết tâm giữ vững với bất cứ giá nào quyền làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống do lao động của mình tạo nên.

Chính qua cuộc đấu tranh oanh liệt ấy, nhân dân ta rất sớm có *ý thức dân tộc* và *ý thức quốc gia*. Và trên cơ sở đó, tinh thần độc lập dân tộc càng mạnh. Lịch sử 4000 năm của dân tộc Việt-nam, một dân tộc « xưng nền văn hiến từ lâu » (Nguyễn-Trãi) là một bản anh hùng ca bất diệt.

Đó là bằng chứng hùng hồn khẳng định cuộc sống của nhân dân ta trong quá khứ là rất phong phú, đã tạo nên những truyền thống cao quý, một nền văn hóa dân tộc vững chắc.

Những truyền thống của dân tộc ta rất giàu và rất đẹp. Gốc rễ của chúng là ở tinh thần *không có gì quý hơn độc lập, tự do*; ở ý thức về quyền làm chủ đất nước và đời sống của mình; ở lòng ưu ái, tình nhân nghĩa thủy chung đối với đồng bào, nòi giống; ở sự cần thiết chung lòng chung sức chiến thắng thiên nhiên, diệt trừ địch họa; nói tóm lại là ở sức sống mãnh liệt phi thường của cộng đồng người Việt.

Sản xuất và chiến đấu, chiến đấu và sản xuất, dựng nước và giữ nước, giữ nước và dựng nước, là hai bánh xe lịch sử, trong mấy nghìn năm không hề đi chệch ra ngoài quỹ đạo của độc lập, tự chủ, bảo đảm cho *cuộc sống trường tồn của dân tộc*.

Sức sống ấy giống như một « cây cổ thụ muôn thuở xanh tươi », bởi vì nó tượng trưng cho khả năng tồn tại không bao giờ dứt đoạn của nhân dân.

Sản xuất và chiến đấu vẫn là hai nhân tố không tách rời nhau của sự tồn tại và phát triển của bất cứ một

Digitized by Google

hình thái xã hội loài người nào, khi trên thế giới con người chưa thoát khỏi cõi tất yếu để đi vào cõi tự do. Và bất kỳ ở nơi nào, trong thời đại lịch sử nào, nhân dân lao động chính là người làm ra lịch sử.

Đó là những nhân tố cơ bản đã tác động một cách quyết định đến phương hướng phát triển của lịch sử Việt-nam, ngay khi cộng đồng người Việt mới xuất hiện trên vũ đài lịch sử.

Lịch trình tiến hóa ấy đã diễn ra trong những điều kiện địa lý, lịch sử, xã hội sau đây:

— Sức ép của thiên nhiên cũng như của những thế lực thù địch, đặc biệt là sự đe dọa thường xuyên của quân xâm lược từ hướng Bắc đến, đã sớm đặt cho cộng đồng người Việt nhỏ bé yêu cầu phải đoàn tụ lại, chung lưng đấu cật để xây đắp và bảo vệ non sông và giống nòi.

— Về địa lý, đất nước Việt-nam là đa dạng: có rừng núi, có trung du, có đồng bằng, có ven biển, có hải đảo, nhưng đều gắn liền với nhau trong một cấu trúc tổng hợp với hai yếu tố: *đất, nước*.

— Dân cư Việt-nam gồm nhiều thành phần: Kinh, Mường, Tày-Nùng, Thái, Dao, Mèo, Ê-đê, Gia-rai, Mơ-nông, Khơ-me, Chàm.... nhưng đều là trăm cành của một cội, từ một bọc trăm trứng mà ra, không có phân biệt chủng tộc, kỳ thị, thành kiến dân tộc.

— Trên đất nước Việt-nam có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, nhưng từ xưa vẫn sống bên cạnh nhau, hòa hợp với nhau, đều hướng về người mẹ chung — Tổ quốc Việt-nam, không gây tổn thương đến tình đoàn kết dân tộc.

— Tiếng Việt là tiếng cổ xưa của dân tộc. Ngày nay, nó là tiếng nói thống nhất, giàu đẹp, thông dụng cho cả nước, bởi vì, với dân tộc và tình đoàn kết dân tộc mà nó là sợi dây thần kinh, nó đã vượt qua được nhiều bước thăng trầm của lịch sử.

Xem đó đủ thấy, người Việt, trong bao nhiêu năm dưới thời cổ và trung đại, trước khi văn tự từ ngoài du nhập vào, đã có một cuộc sống phong phú như thế nào, theo những tiêu chuẩn của các thời đại ấy và tự tay mình tạo nên.

Qua cuộc sống ấy, người Việt đã vun đắp nên những giá trị vật chất, văn hóa và tinh thần cao đẹp, làm cơ sở cho bước tiến không ngừng của dân tộc, bất chấp những vật chướng ngại mà các thế lực thống trị và áp bức bạo tàn dựng lên trên các chặng đường lịch sử.

Cái gốc và là linh hồn của văn hóa dân tộc là văn hóa dân gian, do nhân dân trực tiếp sáng tạo ra. Cho nên, nó có sức sống bền bỉ. Cả sau khi văn tự nước ngoài — chữ Hán, đã du nhập, văn học dân gian không những không bị hạ thấp hoặc bị loại trừ, mà ngược lại, còn lợi dụng văn tự nước ngoài để xây dựng một nền văn học bác học mang nội dung và sắc thái hoàn toàn dân tộc, chứ không phải lai căng. Đó không phải là nhờ công lao «khai hóa» của bọn xâm lược bá quyền đại Hán, mà chính là tinh thần quật khởi và lòng tự hào chính đáng của người Việt đối với nền văn hóa dân tộc đã tạo nên những giá trị, những truyền thống cao đẹp, biểu hiện tinh thần tự lập, tự cường bất hủ của dân tộc, khiến cho nền văn hóa dân tộc giữ vững được bản sắc tươi trẻ. Điều quan trọng trước hết là ở chỗ ông cha ta rất kiên cường và mưu trí, đã phá vỡ âm mưu đồng hóa của bọn bá quyền đại Hán, bảo vệ, sáng tạo và phát huy văn hóa dân tộc.

Như vậy, có thể nói dân tộc Việt-nam là một trong những dân tộc có nền văn hóa dân gian rất giàu đẹp mà giá trị của nó đã vượt qua thử thách của thời gian, bởi vì bản chất của nó là nhân nghĩa, thủy chung, vì nước vì dân, vì con người, vì độc

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG QUÁN XUYẾN TUYỂN TẬP HỒ-CHÍ-MINH: «KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO»

PHẠM-THÀNH

VÀO dịp kỷ niệm ba ngày lễ lớn: kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng, lần thứ 90 ngày sinh Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, lần thứ 35 ngày thành lập nước, Nhà xuất bản Sự thật đã xuất bản *Tuyển tập Hồ-Chí-Minh* gồm hai tập, với những tác phẩm, bài nói và bài viết quan trọng của Hồ Chủ tịch từ năm 1920 đến khi Người qua đời.

Bộ sách quý này thể hiện một cách đầy đủ tư tưởng vĩ đại quán xuyến cuộc đời đấu tranh cách mạng vô cùng sôi nổi và phong phú của Người: tư tưởng « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

★

« Không có gì quý hơn độc lập, tự do », đó là ý chí mãnh liệt mà Hồ Chủ tịch nung nấu suốt đời, đồng thời cũng là tư tưởng nhất quán mà Người không ngừng giáo dục cho nhân dân ta qua các giai đoạn cách mạng.

Khi cách mạng chưa thành công, Người kêu gọi đồng bào kiên quyết và bền bỉ đấu tranh cho độc lập, tự do: « Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt-nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng cac bạn, và đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề » (tập I tr 322) (*)

Khi nhân dân ta đã giành được chính quyền, Hồ Chủ tịch khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc ta và nói lên quyết tâm bảo vệ nền độc lập ấy: « Nước Việt-nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy » (tập I, tr. 354).

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến bảo vệ nền độc lập, tự do vừa giành được. Người nêu cao ý chí đánh giặc giữ nước của nhân dân ta: « Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ », và kêu gọi « bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt-nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước » (tập I, tr. 403)

(*) Những câu trích dẫn trong bài này trích từ: *Hồ-Chí-Minh tuyển tập*, tập I và tập II, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980.

Digitized by Google

Vào những giờ phút gay go quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam nước ta, dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta và trắng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc nước ta, kể cả Hà-nội, Hải-phòng, hòng ép chúng ta đàm phán theo ý muốn của chúng, Hồ Chủ tịch đã phát đi Lời kêu gọi quyết chiến, quyết thắng: «Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà-nội, Hải-phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt-nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn» (tập II, tr. 430).

Cho đến lúc Người sắp đi xa, Người vẫn căn dặn lại: «Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!»

(tập II, tr. 512).

Những lời kêu gọi cứu nước của Hồ Chủ tịch vang lên trong suốt quá trình đấu tranh 50 năm qua của dân tộc ta như những lời hịch của núi sông, vang vọng mãi cho đến mai sau. Quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do của Người là quyết tâm của một dân tộc có 4000 năm lịch sử đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chân lý bao giờ cũng giản dị và sâu sắc. Tư tưởng «Không có gì quý hơn độc lập, tự do» được Hồ Chủ tịch diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau là một chân lý như vậy. Nó có sức thuyết phục và sức truyền cảm hết sức mạnh mẽ. Nó được nhân dân ta tiếp thu bằng tất cả tình cảm yêu nước nồng nàn của mình và biến thành hành động cách mạng.

Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Bởi vì mất độc lập tự do là mất tất cả. Đó là điều mà toàn thể dân tộc ta cũng như mỗi người Việt-nam chúng ta đã thể nghiệm trong những ngày sống lầm than, tủi nhục dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Đau nỗi đau mất nước của dân tộc, Hồ Chủ tịch đã phản ánh một cách rõ nét nỗi thống khổ của nhân dân ta lúc đó trong một loạt bài báo nổi tiếng, đặc biệt là trong tác phẩm «*Bản án chế độ thực dân Pháp*». Đó là cảnh những người nông dân thân cô thế cô bị bọn người «đi khai hóa», bọn người «bảo hộ» mình, từ tên quan cai trị đến tên thực dân đội lốt thầy tu, tước hết ruộng đất và biến thành những người sống không có nhà ở, chết không có nơi chôn. Đó là cảnh những công nhân sống lầm than, bị chủ tư bản bòn rút, bắt lao động đến kiệt sức, bị đánh đập, hành hạ như động vật hạ đẳng. Đó là cảnh nhân dân ta buộc phải đi làm bia đỡ đạn để bảo vệ két bạc cho bọn tư bản «cá mập» trong hai cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai; bị cưỡng bức mua rượu cồn để tự đầu độc mình và làm giàu cho bọn độc quyền rượu ở «mẫu quốc»; buộc phải đóng mọi thứ thuế vô lý từ thuế ruộng, thuế nhà, thuế chợ, thuế đò, cho đến thuế thân và cả «thuế máu» nữa. Đó là cảnh «từng đoàn ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính», là cảnh những người vô tội bị một tên lính thực dân vô danh nào đó hành hạ, hoặc đánh chết mà không bị trừng phạt, là cảnh cả làng bị tàn sát và triệt hạ vì nhân dân đã không chịu sống tủi nhục dưới luật lệ của các «quan bảo hộ». Mất hết «mọi quyền làm người», đó là số phận của mỗi

Digitized by Google

người dân Việt-nam khi nhân dân ta mất độc lập, tự do. Hồ Chủ tịch nói: «Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế» (tập I, tr. 196).

Hồ Chủ tịch cũng đã nêu rõ lòng yêu quý độc lập, tự do là một đức tính truyền thống của dân tộc ta trải suốt 4000 năm lịch sử. Trong nhiều bài viết, Hồ Chủ tịch đã lấy gương những anh hùng liệt sĩ ngày trước để động viên, cổ vũ nhân dân ta nêu cao quyết tâm đấu tranh cho độc lập, tự do. Người nói: «Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang-Trung, v.v. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng» (tập I, tr. 485).

Người kêu gọi nhân dân ta hãy noi gương tổ tiên xưa đứng dậy đấu tranh giành cho kỳ được độc lập, tự do.

«Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau
Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu
Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn
Người giúp sức, kẻ giúp tiền
Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta» (tập I, tr. 334)

Đối với Hồ Chủ tịch, «Không có gì quý hơn độc lập, tự do» không chỉ là chân lý của dân tộc ta mà còn là chân lý phổ biến đối với các dân tộc thuộc địa.

Với lòng yêu nước thương dân nồng nàn, Hồ Chủ tịch đã đi khắp năm châu, bốn biển để tìm đường cứu nước, cứu dân. Chính trên cuộc hành trình muôn dặm ấy, Người đã thấy rõ rằng bất cứ ở đâu dân thuộc địa cũng đau khổ, tủi nhục như nhau; độc lập, tự do không chỉ là yêu cầu bức thiết của dân tộc Việt-nam mà còn là yêu cầu bức thiết của tất cả các dân tộc thuộc địa với hàng tỷ người chiếm 3/4 số dân trên trái đất. Người lên án chủ nghĩa thực dân đế quốc nói chung (không kể đó là thực dân Pháp, thực dân Anh, thực dân Mỹ hay thực dân Ý, v.v.). Bởi vì chủ nghĩa thực dân đã tước đi của các dân tộc thuộc địa nói chung (không kể đó là dân tộc ở châu Á, châu Phi hay châu Mỹ) những quyền dân tộc cơ bản và những quyền làm người là những quyền thiêng liêng nhất, quý báu nhất của các dân tộc ấy. Người coi nỗi đau khổ của người Ma-da-ga-xca, của người Đa-hô-mây, của người An-giê-ri, của người Xy-ri, hay của người Ha-i-ti, v.v. cũng là nỗi đau khổ của chính mình.

Người kêu gọi các dân tộc thuộc địa vùng dậy làm cách mạng để tự giải phóng, để thoát khỏi cái cảnh «thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em», cái cảnh «phải chịu nạn sưu dịch nặng nề», «phải đóng thuế muối», bị dầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuộc phiện như ở Đông-dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở An-giê-ri, cái cảnh «lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em» (tập I, tr. 216).

Người chỉ cho nhân dân ta và nhân dân các nước thuộc địa con đường giành lại độc lập, tự do đã mất. Đó là con đường làm cách mạng. Người nói: «Có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết» (tập I, tr. 306). Và Người lại nói muốn làm cách mạng thì phải đoàn kết lại, đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa, đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa với công nhân và nhân dân lao động bị áp bức ở chính quốc.

Digitized by Google

Gắn độc lập, tự do của dân tộc Việt-nam với độc lập, tự do của các dân tộc khác, Hồ Chủ tịch đã luôn luôn chỉ cho nhân dân ta hiểu rõ ý nghĩa rộng lớn của cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Người nói: « Nhân dân ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập riêng của mình, mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hòa bình thế giới » (tập II, tr. 367).

Được chủ nghĩa Mác — Lê-nin soi sáng, tư tưởng « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » của Hồ Chủ tịch có một nội dung hết sức sâu sắc và rộng lớn.

Trong quá khứ, dân tộc ta đã từng có những thời gian dài sống trong một nước Việt-nam độc lập. Nhưng nền độc lập ấy thường xuyên bị đe dọa và từng thời gian lại bị xâm phạm. Ngay cả khi dân tộc ta được sống trong độc lập, tuyệt đại đa số nhân dân ta vẫn không được hưởng tự do thật sự. Chế độ phong kiến chỉ bảo đảm cho một tầng lớp rất ít người có đặc quyền đặc lợi, được tự do áp bức bóc lột đông đảo nhân dân lao động là những kẻ bị tước mất mọi quyền tự do.

Hồ Chủ tịch đã ngày đêm suy nghĩ làm thế nào để thực hiện được độc lập, tự do hoàn toàn, thật sự và vĩnh viễn. Con đường duy tân theo kiểu Nhật-bản, con đường kiểu cách mạng Tân hợi Trung-quốc, con đường kiểu cách mạng dân chủ tư sản châu Âu không đem lại được độc lập, tự do cho dân tộc. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người gặp được chủ nghĩa Lê-nin và đã tìm thấy ở đó câu trả lời duy nhất đúng: Muốn có độc lập, tự do hoàn toàn, thật sự và vĩnh viễn thì phải gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Người nói: « Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác — Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ » (tập II, tr. 176).

Hồ Chủ tịch tìm thấy câu trả lời không chỉ trong lý luận mà cả trong thực tế. Chủ nghĩa xã hội lúc đó đã trở thành hiện thực ở Liên-xô càng chỉ cho Người thấy cách giải quyết triệt để vấn đề dân tộc thuộc địa. Người nói: « Lê-nin đã đặt cơ sở cho một kỷ nguyên cách mạng mới và triệt để trong các nước thuộc địa » (tập I, tr. 76) và « Việc Lê-nin giải quyết vấn đề dân tộc phức tạp nhất ở nước Nga xô-viết là một thứ vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ cho các nước thuộc địa » (tập I, tr. 77).

Hồ Chủ tịch đã cụ thể hóa những luận điểm của chủ nghĩa Lê-nin về vấn đề thuộc địa bằng hình ảnh về con đỉa hai vòi mô tả chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở « chính quốc » và của các dân tộc thuộc địa. Người kêu gọi giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở « chính quốc » và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại theo khẩu hiệu của Lê-nin: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại », bởi vì « Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất » (tập I, tr. 217). Nếu các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, phải đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở chính quốc, thì giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở « chính quốc » cũng phải đoàn kết với các dân tộc thuộc địa mới đánh đổ được giai cấp tư sản để giành giải phóng xã hội.

Digitized by Google

mở đầu cho kỷ nguyên của tự do trên đất nước mình.

Chân lý của thời đại: độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội đã được Hồ Chủ tịch nêu lên trong một công thức hết sức cô đọng và sáng tỏ: « chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới » (tập I, tr. 223).

Tìm ra con đường giành độc lập, tự do thật sự và nâng chân lý « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » lên ngang tầm của thời đại, Hồ Chủ tịch đã đề ra được đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt-nam. Đó là đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và kết hợp một cách đúng đắn và nhuần nhuyễn hai ngọn cờ ấy trong suốt quá trình cách mạng ở nước ta, một quá trình chia làm hai giai đoạn có quan hệ hữu cơ với nhau: giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chủ tịch chỉ rõ điều kiện đầu tiên quyết định đường lối ấy được thực hiện thắng lợi là sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân, một chính đảng lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm cơ sở tư tưởng. Người đặt ra câu hỏi: « *Cách mệnh trước hết phải có cái gì?* » và Người trả lời: « Trước hết phải có đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi « (tập I, tr. 240). Đảng lấy chủ nghĩa Lê-nin làm cốt. Bởi vì « Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin » (tập I, tr. 210).

Sau khi Đảng ta được thành lập, Hồ Chủ tịch đã cùng Đảng ta lãnh đạo một cách nhất quán cuộc cách mạng của nước ta theo đường lối đã được vạch ra với những phương châm chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng thích hợp với yêu cầu, mục tiêu của từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng.

Tư tưởng « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » đã chỉ đạo toàn bộ đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch. Tư tưởng đó vừa thể hiện tính nguyên tắc, tính triệt để trong đường lối, chiến lược, vừa bảo đảm cho đường lối ấy được vận dụng một cách linh hoạt với những sách lược thích hợp. Vì « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », cho nên về nguyên tắc phải làm cách mạng cho « thành công, đến nơi », cho triệt để như cách mạng Nga, với tinh thần « dù phải đốt cháy cả dãy Trường-sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập », phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phải lấy « công nông » làm gốc, nghĩa là phải xây dựng cho được khối liên minh công nông vững chắc, phải sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, tóm lại « phải theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin ». Đồng thời cũng vì « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » cho nên trong mỗi lúc, căn cứ vào mục tiêu cụ thể của cách mạng, căn cứ so sánh lực lượng cụ thể mà có sách lược mềm dẻo để giành thắng lợi từng bước cho cách mạng, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Khi đất nước còn chìm đắm dưới ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân thì quyền độc lập dân tộc là cao hơn hết. Nắm vững mục tiêu đó của cách mạng, Hồ Chủ tịch đã cùng Đảng ta động viên được lòng yêu nước của toàn dân ta, tập hợp được mọi lực lượng cách mạng trong cả nước lập thành Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi trên cơ sở liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, và bằng cách đó đã biến khẩu hiệu « Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công » thành hiện thực.

Digitized by Google

Với tư tưởng «Không có gì quý hơn độc lập, tự do», Hồ Chủ tịch đã cùng Đảng ta động viên được mọi lực lượng cách mạng của thời đại, kể cả những lực lượng có thiện cảm với ta ở ngay trong lòng các nước đế quốc đi xâm lược nước ta, lập thành một mặt trận cách mạng thế giới rộng lớn và hùng hậu ủng hộ cách mạng nước ta, đồng thời đã có chính sách phân hóa để cô lập cao độ kẻ thù ở trong nước và trên thế giới, làm cho chúng mất hết vây cánh và bị suy yếu.

Tư tưởng «Không có gì quý hơn độc lập, tự do» đã thật sự là cơ sở để Hồ Chủ tịch và Đảng ta xây dựng lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng nước ta, khiến cách mạng nước ta, có được sức mạnh tổng hợp của dân tộc cộng với sức mạnh của thời đại, kết hợp được đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao để chiến thắng những kẻ thù lớn hơn mình gấp bội.

★

Chân lý «Không có gì quý hơn độc lập, tự do» xuyên suốt *Tuyển tập Hồ-Chí-Minh* có ý nghĩa phổ biến cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Ngày nay nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, đã giành được độc lập và tự do thật sự. Nhưng kẻ thù đủ loại của chúng ta — bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ đã bị chúng ta đánh bại, cùng bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh mà chúng ta đang phải đương đầu hiện nay — đang câu kết với nhau để hòng một lần nữa cướp đoạt của chúng ta tài sản vô giá ấy.

Thấm nhuần tư tưởng «Không có gì quý hơn độc lập, tự do» của Hồ Chủ tịch, chúng ta quyết làm cho nền độc lập, tự do — thành quả vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được — trở nên vĩnh viễn trên đất nước ta. Quyết tâm đó thể hiện trong những cố gắng to lớn của nhân dân ta nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng hiện nay: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu của chúng ta.

Hội Liên hiệp phụ nữ...

(Tiếp theo trang 21)

biệt quan tâm đến vấn đề nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà ăn tập thể ở các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, công trường, nông trường, lâm trường để góp phần cải thiện đời sống của nữ cán bộ, công nhân, viên chức, tạo điều kiện cho chị em phát huy năng lực, lao động sản xuất tốt.

Tạo mọi điều kiện để phụ nữ, nhất là số chị em trẻ, được học tập về chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nâng cao hiểu biết về mọi mặt để nâng cao năng lực công tác một cách toàn diện.

Hết sức thông cảm với những khó khăn riêng của phụ nữ, mà chú ý chăm lo quyền lợi, đời sống phụ nữ và trẻ em, đồng thời quan tâm đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ có phẩm chất chính trị và năng lực toàn diện. Xóa bỏ tư tưởng phong kiến hẹp hòi coi thường phụ nữ, giúp chị em phấn đấu vươn lên thật sự bình đẳng trong gia đình và ngoài xã hội.

Digitized by Google

Nghiên cứu

Tư tưởng chống bành trướng bá quyền Trung-quốc của Nguyễn-Trãi

NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH

NGUYỄN-TRÃI là một anh hùng cứu nước vĩ đại, một nhà quân sự thiên tài, một nhà thơ, nhà văn lớn và nhà tư tưởng kiệt xuất của dân tộc ta ở thế kỷ XV. Tư tưởng, tình cảm, hoạt động của ông trên mọi lĩnh vực, đều mang tính chiến đấu cao. Văn thơ của ông cũng phục vụ cuộc chiến đấu chống xâm lược. Tư tưởng chính trị, quân sự vĩ đại và tài năng văn học lỗi lạc của ông đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp đánh thắng giặc xâm lược trên tất cả các lĩnh vực : kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao.

Tư tưởng chống bành trướng bá quyền Trung-quốc, một tư tưởng chính trị vĩ đại của Nguyễn-Trãi là bó đuốc soi đường cho mọi hoạt động yêu nước của ông, đồng thời cũng là đòn quật mạnh vào mặt bọn xâm lược hiếu chiến đương thời. Ở Nguyễn-Trãi, tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong văn chương cũng như trong hành động.

Trong suốt thời gian chiến tranh chống giặc, tư tưởng chống bành trướng bá quyền Trung-quốc của Nguyễn-Trãi là điểm xuất phát của các đường lối, phương hướng, phương châm đánh giặc để giành thắng lợi hoàn toàn. Tư tưởng đó có sức mạnh như một đạo quân đánh thẳng vào kẻ thù.

Từ khi có chiến tranh tới khi chiến tranh kết thúc, Nguyễn-Trãi luôn luôn phê phán nghiêm khắc chính sách bành trướng hiếu chiến của Trung-quốc mà ông gọi là tệ « *hiếu đại hý công* » hoặc « *hiếu đại tham công* ». « *Hiếu đại* » là thích lớn, thích mở rộng lãnh thổ, tức là bành trướng. « Hý công » hay « tham công » là hám vũ công, tức là thích đánh nhau, hiếu chiến. Tệ « hiếu đại hý công » của Trung-quốc mà Nguyễn-Trãi luôn luôn phê phán, chính là tệ « bành trướng hiếu chiến ».

Nguyễn-Trãi không chỉ phê phán tệ « hiếu đại hý công » của Trung-quốc ở thời Minh lúc bấy giờ mà phê phán tệ đó từ các thời Tần, Hán, Tống, Nguyên và ông coi đó là một tệ truyền đời của Trung-quốc, và đã phê phán nghiêm khắc.

Ông vạch rõ tệ « hiếu đại hý công » của Trung-quốc tuy là tệ truyền đời, nhưng đời nào cũng thất bại. Hung hăng, hiếu chiến, đánh đông cướp tây liên miên như thời Tần, thời Hán, thời Đường, nhưng cuối cùng vẫn thất bại. Đối với Việt-nam cũng vậy, sự thất bại của giặc xâm lược là không thể tránh được. Ông bảo với giặc

Digitized by Google

Minh: « *Nước Nam xưa bị Trung-quốc xâm chiếm là từ Tần, Hán trở đi. Phương chi trời đã phân cách Nam Bắc, có núi cao, sông lớn, bờ cõi rành rành, dầu mạnh như Tần, giàu như Tùy, nào có thể sinh thế lực được đâu* » (1).

Sự thất bại đó của giặc là ở tất cả các thời đại, như Nguyễn-Trãi đã chỉ rõ:

Lưu Cung tham công mà thất bại
Triệu Tiết (2) hám lớn (hiếu đại) phải tiêu vong
Cửa Hàm-tử đã bắt Toa-Đô
Biền Bạch-đằng lại giết Ô-Mã
Việc xưa xem xét, chứng vớ còn rành

(Bình Ngô đại cáo)

Nguyễn-Trãi luôn luôn khẳng định trong chiến tranh chống Trung-quốc xâm lược, ở thời nào cũng thế, ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Ông cũng chỉ ra rằng: Trung-quốc là nước lớn nhưng không mạnh, dù hung hăng hiếu chiến, đánh đông cướp tây, nhưng vẫn có nhiều cái yếu không tự khắc phục nổi, nên không thể tránh được thất bại trong mưu đồ xâm lược các nước khác. Các thời trước đã thất bại, thời Minh cũng nhất định thất bại và còn thất bại nặng nề hơn nữa. Nguyễn-Trãi bảo thẳng vào mặt giặc: « *Xưa kia Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế bốn biển, đức chính không sửa, thân mất nước tan. Nay Ngô (tức Minh) mạnh không bằng Tần, mà hà khắc lại quá, không đầy một năm tất nối nhau mà chết, ấy là mệnh trời, không phải sức người vậy. Hiện nay phương Bắc có kẻ địch Thiên Nguyên, trong nước có mối lo các xứ Tâm-châu, một khu Giang-tả không tự giữ xong, huống còn mưu toan cướp nước khác ư!* » (3).

Ông vạch cho chúng thấy:

« *Ta xem ở nước các ngươi, hiện nay bên trong có họa tiêu tường, bên ngoài có giặc Bắc biên; mà đại thần lấn vị, người dưới chuyên quyền; hạn hán hoàng trùng, luôn năm tai họa; bốn phương đạo tặc nổi dậy như ong. Cái cơ tán loạn, hà không biết trước rồi sao? Người trí giả thấy việc từ lúc việc chưa phát, sao các người lại thấy sự cơ muộn thế, mà muốn tự khổ như thế?* » (4).

Ông luôn luôn chỉ ra nguy cơ thất bại của giặc:

« *Ở nước ngươi, quốc chúa liền năm tử táng, cốt nhục tàn hại lẫn nhau. Bắc Khấu xâm lăng, đại thần lấn át: gia đĩ mùa màng mất luôn, thổ mộc làm mãi, chính lệnh hà khắc, giặc cướp như ong. Từ niên hiệu Hồng Vũ đến nay, cùng binh độc vũ trong nước tổn hao, nhân dân mệt nhọc. Trời làm táng vọng chính ở lúc này* » (5).

Nguyễn-Trãi rất chú trọng khoét sâu chỗ yếu của giặc đồng thời nhấn mạnh những cái mạnh của ta. Cái mạnh cơ bản của ta là ta có chính nghĩa. Nhân dân ta đánh giặc Trung-quốc xâm lược là làm một việc đại nghĩa, vì lẽ sống còn của dân tộc. Và đại nghĩa nhất định thắng hung tàn. Nguyễn-Trãi từng bảo giặc:

« *Con ong còn có nọc độc, huống chi người cả nước ta lại không có ai là người mưu trí dũng lược hay sao. Các ông chớ thấy ta ít người mà coi thường* » (6).

Nguyễn-Trãi nhấn mạnh:

« *Nước Nam ta tuy ở xa ngoài Ngũ Lĩnh, mà có tiếng là một nước thi thư.*

---

(1) Nguyễn-Trãi: « Quân trung từ mệnh tập », *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1976, tr. 122.

(2) Ở đây phải là tên vua Tống Thần Tôn Triệu-Hức, do tam sao thất bản thành tên Triệu-Tiết, một phó tướng trong đạo quân Tống xâm lược nước ta thời Lý-Thường-Kiệt.

(3), (4), (5), « Quân trung từ mệnh tập », sách đã dẫn, tr. 133, 127 — 128, 139.

(6) Nguyễn-Trãi: *Quốc triều dữ Minh nhân cáng phục thư tập*, dẫn trong *Nguyễn-Trãi đánh giặc cứu nước* của Nguyễn-Lương-Bích, Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1975, tr. 415.

Digitized by Google

những bậc tài trí mưu, thức đời nào cũng có » (7).

Nguyễn-Trãi phân tích cho giặc thấy rõ những cái mạnh của ta và cũng là những lẽ tất thắng của nhân dân ta trong chiến tranh chống xâm lược.

Một là « *Nước Nam ta binh lượng thì nhiều, tâm lực đều nhau, chiến khí càng tinh, sĩ khí càng mạnh, những kẻ trí mưu, những tướng võ dũng, chẳng khác cây rừng xúm xít, răng lược khít nhau vậy* » (8).

Hai là : « *Trên dưới cùng lòng, anh hùng hết sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng vừa đánh giặc* » (9).

Ba là : « *Hun đúc bằng những điều nhân nghĩa, khiến ai cũng hết lòng thành, thân với kẻ trên, chết cho người trưởng. Đem quân ấy ra đối phó với địch, thì kẻ nào theo ý hướng ta sẽ sống, kẻ nào trái ý hướng ta sẽ chết* » (10).

Và ông quả quyết, với đạo quân ấy « *đạo quân nhân nghĩa, thuận theo thì sống, chống lại thì chết* » (11).

Nhìn thấu tim gan kẻ thù, Nguyễn-Trãi càng thêm tin tưởng tuyệt đối ở sức mạnh chiến thắng của dân tộc ta, dù chúng là nước lớn, dù chúng hung hăng hiếu chiến như thế nào, dù chúng là Tần, là Hán, là Đường, là Tống thời xưa, hay là nhà Minh thời đó cũng nhất định phải thất bại.

Tư tưởng kiên quyết chống bành trướng hiếu chiến và những lời lẽ phân tích cặn kẽ của Nguyễn-Trãi về cái mạnh của ta, cái yếu của giặc, đã góp phần nâng cao sĩ khí và tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta đồng thời làm lung lay ý chí xâm lược và tinh thần chiến đấu của giặc.

Về quan hệ giữa Việt-nam và Trung-quốc, Nguyễn-Trãi lúc nào cũng khẳng định Việt-nam là một nước độc lập, là nước có chủ quyền, không bao giờ là lãnh thổ của Trung-quốc và ông thường bảo vào mặt bọn xâm lược rằng :

« *Từ đời xưa, đế vương trị thiên hạ, chẳng qua chỉ có chín châu. Giao-chỉ là ở ngoài chín châu. Như thế, rõ ràng từ xưa, Giao-chỉ không phải là đất Trung-quốc* » (12).

Ông bác bỏ cái thủ đoạn bá quyền xảo quyệt của Trung-quốc, coi « bốn biển là một nhà », với ý nghĩa : cả thế giới là một nước Trung-quốc, ông khẳng định :

« *Đất cõi Giao-nam (tức là nước Việt-nam) thật là nơi ở ngoài (bốn) biển* » (13).

Nguyễn-Trãi không chỉ khẳng định nền độc lập lâu đời của Tổ quốc mà còn khẳng định tính cách độc lập hoàn toàn của nền văn hóa, phong hóa của dân tộc Việt-nam. Ông nói thẳng với bọn vua chúa Trung-quốc thời Minh :

« *Nước thần ở lánh lại miền xa vắng, xa cách phong hóa Trung-hoa* » (14).

Ông không thừa nhận bất cứ một sự lệ thuộc nào vào nước ngoài ; con người không lệ thuộc ; đất đai, sông núi không lệ thuộc ; văn hóa, phong tục cũng không lệ thuộc. Sự không lệ thuộc đó không hề làm cho nước nhà thua kém nước người. Trái lại, sự phát triển độc lập của nước nhà, nền văn hóa cao đẹp của Tổ quốc và truyền thống anh hùng của dân tộc đã là niềm tự hào rất lớn của Nguyễn-Trãi và của dân tộc ta ở tất cả các thời đại. Trong những thư từ gửi cho kẻ thù xâm lược, ông luôn luôn nhấn mạnh những yếu tố cơ bản đó là : *truyền thống độc lập, truyền thống văn hiến và truyền thống anh hùng*. Đó là ba yếu tố đã tạo nên sức mạnh

---

(7), (8), (9), (10), (11) dẫn trong *Nguyễn-Trãi đánh giặc cứu nước*, tr. 483, 338, 374, 347, 380.

(12) *Hoàng Lê hoàng các di văn*, dẫn trong *Nguyễn-Trãi đánh giặc cứu nước*, tr. 456.

(13) « Quân trung từ mệnh tập », sách đã dẫn, tr. 187.

(14) « Quân trung từ mệnh tập », sách đã dẫn, tr 146.

Digitized by Google

trường tồn của dân tộc ta, một sức mạnh vô địch để dựng nước và giữ nước. Sau khi đánh thắng giặc Minh, Nguyễn-Trãi càng tin tưởng ở sức mạnh to lớn của dân tộc và ông đã nhấn mạnh những yếu tố tạo nên sức mạnh đó ngay ở câu mở đầu bài *Bình Ngô đại cáo :*

Xem như nước nhà Đại Việt.
Thật là một nước văn hiến.
Núi sông bờ cõi đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, ta mở mang dựng nước,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, ta làm chủ một phương.

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Nhưng hào kiệt đời nào cũng có.

Từ lập trường độc lập của dân tộc, Nguyễn-Trãi cực lực bác bỏ chính sách bá quyền nước lớn của Trung-quốc. Ông chỉ ra rằng: quan hệ giữa các nước là bình đẳng, quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ cũng là quan hệ bình đẳng và hòa hảo. Ông coi đó là nguyên tắc ngoại giao. Ông bảo giặc :

« *Cái nghĩa giao thiệp với nước láng giềng là cùng đạo vui trời, nề trời* » (15).

Và ông phân tích cụ thể hơn cái lẽ « vui trời, nề trời » : « *Nước lớn đi lại tốt với nước nhỏ là biết theo đạo vui trời, thì nước nhỏ hòa hảo với nước lớn là biết nề mệnh trời* ».

Nếu cứ cậy nước lớn hống hách, bức hiếp xâm lược, đánh phá các nước khác thì chiến tranh sẽ liên miên, nhân dân cả hai bên đều phải cực khổ, hao người tốn của vì chiến tranh. Không phải chỉ nước nhỏ bị tàn hại mà nhiều khi nước lớn cũng bị nước nhỏ đánh cho thất điên bát đảo, phải nhục nhã đầu hàng. Những thất bại thảm hại này, Trung-quốc đã từng nếm trải, Nguyễn-Trãi dẫn chứng cụ thể : « *Thái Vương nhà Chu thờ nước Huân Dục, Văn đế nhà Hán hòa với Hung Nô* », tức là thiên tử nhà Chu của Trung-quốc phải xưng thần nộp cống nước Huân Dục là một quốc gia nhỏ của một bộ phận Hung Nô, vua Văn đế nhà Hán phải xin hàng Hung Nô, một dân tộc nhỏ mà Trung-quốc khinh là « man di », « mọi rợ » ở phía Bắc. Đây là Nguyễn-Trãi chỉ dẫn ra vài sự việc xưa nhất của Trung-quốc, để bọn tướng giặc không bẽ mặt nhiều khi đọc thư ông. Sự thật thì những trường hợp Trung-quốc bành trướng hiếu chiến phải đầu hàng nước nhỏ có rất nhiều. Hán Nguyên đế phải đem một trong những người vợ đẹp nhất là Chiêu quân Vương Tường dâng vua Hung Nô để cầu hòa. Các thiên tử nhà Đường phải hai lần đem công chúa, con mình, dâng nộp vua Thổ Phồn : lần thứ nhất dâng nộp công chúa Văn-Thành, mấy chục năm sau dâng nộp công chúa Kim-Thành. Thời Tống, Trung-quốc vẫn hung hăng nhưng rất bạc nhược, bị các nước nhỏ ở phía Bắc là Liêu và Hạ luôn luôn uy hiếp đánh phá bắt dâng đất, nộp dân, nộp cống.

Những sự thật lịch sử đó cho chúng ta thấy rõ Trung-quốc là nước lớn nhưng không mạnh, và tham vọng bành trướng bá quyền của họ thì thật là điên cuồng ! Không thời kỳ nào, giai cấp thống trị Trung-quốc không đi xâm lược, mạnh cũng đi xâm lược, yếu cũng đi xâm lược, trong nước đại loạn, chém giết nhau như điên, như dại, cũng vẫn đi xâm lược, như các thời Tam Quốc, Ngũ Hồ thập lục quốc, Ngũ đại thập quốc, v.v. Có khi bị xâm lược, không đối phó nổi, họ sẵn sàng đầu hàng, dâng đất cho người, nhưng vẫn đi xâm lược nước khác, dân tộc khác. Thời Tống, họ dâng đất cho nước Liêu ở phía Bắc và đi xâm lược nước ta ở phía Nam. Nhưng quân Tống xâm lược đã bị danh tướng Lý-Thường-Kiệt cùng quân dân ta thời Lý đánh cho đại bại. Khoảng năm mươi năm

(*Xem tiếp trang 70*)

(15) *Hoàng Lê hoàng các di văn*, sách chữ Hán của Viện thông tin khoa học xã hội.

Digitized by Google

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA HUYỆN VĨNH-LẠC TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT

HOÀNG - HÀM
(Bí thư Huyện ủy Vĩnh-lạc, tỉnh Vĩnh-phú)

TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT, KHAI THÁC TIỀM NĂNG RUỘNG ĐẤT VÀ LAO ĐỘNG

Những năm trước đây, Vĩnh-lạc tuy có bước chuyển biến về tổ chức lại sản xuất, song kết quả còn bị hạn chế, chưa thật sự từ khai thác tốt đất đai và lao động mà đi lên. Diện tích bỏ hoang hóa vẫn còn, năng suất cây trồng giảm sút, tập quán xen canh gối vụ, trồng màu bị mai một. Chăn nuôi phát triển chậm, nghề thủ công truyền thống và nhiều tay nghề giỏi chưa được khai thác, phát huy; vì vậy kết quả sản xuất thấp, đời sống nhân dân trong huyện khó khăn. Ngay sau khi hợp nhất huyện, Vĩnh-lạc đã dồn sức vào việc kiểm tra đất đai, phân tích rõ số lượng, chất lượng, đặc tính riêng của từng loại đất và của từng nơi, bước đầu xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế trên địa bàn huyện và bố trí cơ cấu giống cây trồng và con gia súc hợp lý cho từng vùng.

Sau khi quy hoạch, Vĩnh-lạc có ba vùng kinh tế. Mỗi vùng có thế mạnh riêng, ba vùng hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo ra thế mạnh chung của cả huyện.

Trên cơ sở quy hoạch và phân vùng của huyện, từng hợp tác xã tiến hành kiểm tra, nắm lại đất đai, lên quy hoạch chung, bố trí cơ cấu giống và công thức gieo trồng cụ thể thích hợp cho từng vụ trên từng loại đất, rà lại phương án kinh tế, có kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, xác định các biện pháp thâm canh cho từng loại cây trồng và từng loại đất khác nhau.

Phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm là nhiệm vụ chủ yếu của huyện Vĩnh-lạc. Nhiệm vụ này được thực hiện bằng việc thâm canh lúa, phát triển cây màu, đặc biệt là cây màu vụ đông và phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi lợn. Đồng thời Vĩnh-lạc coi trọng phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và các ngành nghề trong nông nghiệp, đẩy mạnh việc trồng cây công nghiệp, tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho các ngành nghề, từng bước hình thành cơ cấu nông — công nghiệp, gắn công nghiệp với nông nghiệp ngay từ cơ sở.

Để thực hiện những nhiệm vụ nói trên, việc đầu tiên phải tập trung sức làm bằng được là công tác thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng. Trong hai năm 1978 — 1979 hàng triệu ngày công và hàng triệu đồng vốn tự có đã được đầu tư vào việc sửa chữa hệ thống kênh máng tưới tiêu và kiến thiết đồng ruộng, xây mới ba trạm bơm điện và trang bị thêm một số bơm dầu. Nhờ đó chúng tôi đã nâng diện tích gieo trồng được tưới nước lên

Digitized by Google

80%, tạo điều kiện từng bước đi vào thâm canh cây trồng, khắc phục dần nạn hạn, úng. Cùng với việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất, chúng tôi thực hiện các biện pháp thâm canh, tập trung giải quyết các vấn đề phân bón, làm đất, giống, thời vụ, mật độ cây. Để khai thác tiềm năng đất đai, việc bố trí cơ cấu cây trồng thích hợp là yếu tố hàng đầu, do đó chúng tôi đã quan tâm nhiều tới vấn đề giống, kiên quyết thay hết giống cũ đã thoái hóa, giống xấu, giống lẫn bằng bộ giống mới thích hợp cho từng nơi. Trong quản lý kỹ thuật, chúng tôi coi chỉ đạo thời vụ là công việc hàng đầu, phải sử dụng tổng hợp nhiều biện pháp, bảo đảm mọi cây trồng đều được gieo cấy đúng lịch thời vụ đã quy định.

Những việc làm đó góp phần tạo ra sự chuyển biến mới về năng suất cây trồng. So với năm 1977, năng suất lúa năm 1979 tăng 12,7%, khoai lang tăng 33%, khoai tây tăng 40%. Năng suất lúa chiêm xuân 1979 — 1980 này đạt 28,25 tạ/ha, tăng 25% so với vụ chiêm xuân 1978 — 1979.

Trong việc khai thác tiềm năng của đất, Vĩnh-lạc đã khôi phục lại phong trào trồng xen, ghép; đất đai được tận dụng, hệ số quay vòng sử dụng đất tăng từ 1,7 năm 1977 lên 1,92 năm 1979. Đặc biệt vụ đông đã trở thành vụ chính, diện tích làm vụ đông từ 2560 ha năm 1977 — 1978 lên 3080 ha năm 1978 — 1979 và 4813 ha năm 1979 — 1980, bằng 40% diện tích lúa mùa, bình quân mỗi hộ làm được 3 sào, sản lượng màu quy thóc riêng vụ đông này đạt 10800 tấn.

Những kết quả trong việc khai thác tiềm năng của đất đai gắn liền với việc tăng năng suất lao động. Năm 1977, bình quân một lao động trồng trọt mới làm 0,47 ha gieo trồng, đến năm 1979 đã làm được 0,645 ha gieo trồng. Lao động trong nông nghiệp được phân bố lại, số lao động chăn nuôi và làm các ngành nghề tăng lên. Lao động được tổ chức lại theo hướng chuyên môn hóa và hiệp tác hóa. Ngoài việc củng cố các đội sản xuất cơ bản, các đội chuyên khâu, chuyên ngành dần dần được hình thành.

Công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển nhanh, giá trị sản lượng từ 5,7 triệu đồng năm 1977 lên 8 triệu đồng năm 1978 và 10,5 triệu đồng năm 1979, tăng 84% so với năm 1977. Những nghề truyền thống của địa phương dần dần được khôi phục, một số cơ sở sản xuất mới như thêu ren, dệt thảm, chưng cất tinh dầu bạc hà, nuôi rắn, v.v. đang hình thành. Điều quan trọng là tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển đã sử dụng tốt hơn nguồn phụ phẩm, phế liệu và nguồn lao động thừa trong nông nghiệp, góp phần tăng thêm thu nhập cho hợp tác xã, tăng thêm giá trị ngày công. Tính đến năm 1979 toàn huyện có 20 hợp tác xã nông nghiệp đạt giá trị sản lượng từ 1 triệu đến 1,8 triệu đồng, có 8 hợp tác xã bình quân mỗi lao động một năm làm ra từ 800 đến 1000 đồng.

CẢI TIẾN TỔ CHỨC LAO ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ KHOÁN TRONG HỢP TÁC XÃ

Trước đây, việc tổ chức các đội chuyên khâu trực thuộc hợp tác xã và việc chuyển từ ba khoán cho đội sản xuất cơ bản sang thưởng phạt theo từng khâu đã dẫn đến hậu quả là đội chuyên không gắn với đội sản xuất cơ bản, làm cho đội cơ bản yếu đi, sản phẩm cuối cùng không có ai chịu

Digitized by Google

trách nhiệm. Việc phân phối sản phẩm mang tính chất bình quân chủ nghĩa không động viên khuyến khích được mọi người lao động.

Từ cuối năm 1977 đầu năm 1978 chúng tôi đã củng cố đội sản xuất cơ bản và thay đổi cách khoán cho phù hợp với trình độ quản lý của cơ sở và đặc điểm từng loại cây trồng khác nhau. Đến vụ đông 1978 và vụ đông xuân 1978 — 1979 cách khoán này được triển khai ra toàn huyện. Riêng về cây lúa, tỉnh ủy đồng ý cho Vĩnh-lạc làm thử ở ba nơi việc khoán sản lượng cho đội sản xuất và thưởng phạt bằng sản phẩm cho đội sản xuất. Đến vụ đông xuân 1978 — 1979 và vụ mùa 1979 cách khoán này đối với cây lúa được triển khai ra toàn huyện.

Trong chỉ đạo thực hiện các hình thức khoán, phải bảo đảm các nguyên tắc :

— Không phá vỡ kế hoạch sản xuất của hợp tác xã, không phá vỡ quy trình sản xuất ở từng vùng và từng cây trồng trên đồng ruộng.

— Tư liệu sản xuất như ruộng đất, công cụ, sức kéo phải được quản lý thống nhất.

— Tập thể hợp tác xã phải nắm được sản phẩm và thống nhất phân phối sản phẩm làm ra.

Cách khoán vận dụng cụ thể là :

1 — Đối với cây lúa, cây ngô, tiến hành khoán sản lượng, khoán chi phí định mức kinh tế, kỹ thuật và thưởng phạt theo sản phẩm cho đội sản xuất (thưởng 80% số vượt, phạt 80% số hụt so với mức khoán).

2 — Đối với cây màu có củ như khoai lang, khoai tây, cây lạc, cây đậu, thực hiện khoán sản lượng, chi phí định mức, thưởng phạt sản phẩm cho đội sản xuất (thưởng phạt 100%). Đội sản xuất có thể làm tập trung, cũng có thể khoán cho xã viên và gia đình chăm bón và thu hoạch ; nhưng tập thể phải đảm nhiệm khâu làm đất, chi phí về giống, phân bón, tưới nước, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ, không được khoán trắng cho gia đình xã viên.

3 — Về chăn nuôi lợn, tùy theo quy mô đàn lợn tập thể và kết quả sản xuất từng vụ, các hợp tác xã được dành từ 7 đến 12% lương thực cho chăn nuôi. Trừ đi phần chăn nuôi tập thể, phần còn lại hợp tác xã khoán cho xã viên nuôi gia công với hai hình thức, hình thức gia công từ đầu, hoặc là gia công nối tiếp, coi hình thức gia công nối tiếp là chủ yếu (gia công 1kg lợn hơi : 4 kg lương thực). Làm cách này vừa tạo điều kiện để gia đình xã viên nào cũng có thể chăn nuôi được, bảo đảm tăng đầu lợn và tăng trọng lượng lợn xuất chuồng, sản phẩm thịt tăng và có nhiều phân bón thâm canh tăng năng suất cây trồng.

4 — Về nuôi cá, hợp tác xã chỉ kinh doanh nuôi thả cá ở những mặt nước lớn, còn những ao nhỏ trong thôn xóm hợp tác xã giao khoán cho từng đội sản xuất, khoán sản lượng, khoán chi phí theo định mức và cũng thưởng phạt theo mức sản phẩm đạt được. Làm như vậy các đội sản xuất đề cao quyền làm chủ tập thể của đơn vị mình, tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích hồ ao hiện có tạo ra nguồn sản phẩm mới cho hợp tác xã, khắc phục được tình trạng ao hồ bỏ hoang hóa.

Cách khoán như trên phù hợp với thực tiễn sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế tốt và có tác dụng thiết thực trên nhiều mặt :

— Trước hết, cách khoán này có tác dụng kích thích người lao động hăng hái sản xuất, tập hợp và thu hút được mọi nguồn lao động vào sản xuất. Số lượng và chất lượng lao động tăng lên rõ rệt, người lao động phát huy tính cần cù, siêng năng, đầu tư thêm công sức vào việc chăm bón, thâm canh cây trồng.

Digitized by Google

— Cách khoán này có tác dụng thúc đẩy việc khai thác, tận dụng tiềm năng đất đai, phát triển luân canh, xen canh, gối vụ. Đất đai, hồ ao hoang hóa được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Diện tích gieo trồng ngày càng tăng. Vụ đông xuân vừa qua có không ít khó khăn nhưng tổng diện tích gieo trồng vẫn tăng 6,3% so với vụ trước.

— Với cách khoán này, các tư liệu sản xuất chủ yếu như ruộng đất, công cụ, sức kéo và các tư liệu khác được quản lý chặt chẽ hơn, công việc của đội sản xuất, của từng người lao động và của từng gia đình xã viên gắn bó hơn với kết quả sản xuất, với sản phẩm làm ra, tình trạng hôi mót, trộm cắp vặt các loại sản phẩm giảm đi nhiều. Cách khoán này không những không phá vỡ kế hoạch, quy hoạch, quy trình, quy phạm sản xuất mà thực tế đã có tác dụng củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp hiện nay, làm cho sản xuất thật sự phát triển, sản phẩm xã hội tăng, đời sống nhân dân được cải thiện, phần nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước cũng tăng.

CỦNG CỐ CÁC HỢP TÁC XÃ YẾU KÉM

Huyện Vĩnh-lạc sau khi hợp nhất có 47 hợp tác xã nông nghiệp trong đó 15 hợp tác xã thuộc loại yếu kém, một số yếu kém triền miên.

Những hợp tác xã yếu kém thường là những nơi có nhiều tiềm năng chưa được khai thác: tổng diện tích canh tác ở những nơi này chiếm 37% diện tích canh tác của toàn huyện, số dân chiếm 31%, lao động chiếm 35%, nhưng tổng sản lượng lương thực hằng năm chỉ chiếm từ 24 đến 26%. Năng suất lúa cả năm ở 15 hợp tác xã này kém năng suất bình quân của huyện trên dưới 1 tấn/ha. Đời sống của nhân dân không được bảo đảm, đóng góp cho Nhà nước không được bao nhiêu, tích lũy cho hợp tác xã không đáng kể hoặc không có.

Ở những hợp tác xã yếu kém, điều kiện sản xuất có nhiều khó khăn, đồng đất mấp mô, đất đai bạc màu, hạn úng kéo dài nhiều năm chưa được giải quyết, cơ sở vật chất quá ít, vốn liếng nghèo nàn hợp tác xã không đủ sức vươn lên xây dựng các công trình phục vụ sản xuất. Loại này chiếm 7 trên 15 hợp tác xã yếu kém.

Ở những nơi phong trào yếu kém thiếu một đội ngũ cán bộ vững vàng, dám làm và biết làm, đội ngũ cốt cán không ổn định, bị xáo trộn luôn, đội ngũ đảng viên yếu, nội bộ bè phái, mất đoàn kết kéo dài. Vì thế sức chiến đấu của đảng bộ rất hạn chế, hoạt động của các đoàn thể yếu, chính quyền hữu khuynh, nhiều biểu hiện tiêu cực phát sinh, v.v.

Về phần huyện cũng có khuyết điểm. Sự chỉ đạo của huyện có tính chất dàn đều, chưa giải quyết đúng chỗ yếu của từng cơ sở, cho nên tình hình chuyển biến chậm chạp hoặc không chuyển.

Từ thực tế trên, Huyện ủy chúng tôi xác định việc củng cố cơ sở yếu kém là trách nhiệm của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện, trước hết là thường vụ Huyện ủy và người có trách nhiệm cao hơn cả là bí thư và phó bí thư huyện ủy. Chúng tôi nhận định rằng ở đây có nhiều vấn đề lớn phải giải quyết, nếu chỉ cử một vài cán bộ xuống chỉ đạo thì không đủ quyền hạn để giải quyết, không đủ quyền hạn để huy động các ngành quanh huyện giúp vào việc củng cố. Mặt khác phải huy động các ngành của huyện tập trung giúp vào việc củng cố theo chức năng của từng ngành, tránh tình trạng dễ làm khó bỏ như trước đây. Đồng thời phải

Digitized by Google

động viên các xã trong huyện, nhất là các xã khá đỡ đầu các nơi yếu kém trên một số mặt như giống, vốn, nhân lực, sức kéo, vật tư để bảo đảm thời vụ và giúp đỡ về kinh nghiệm quản lý sản xuất, v.v.

— Việc đầu tiên là phải giúp các hợp tác xã yếu kém xác định lại phương hướng sản xuất, tìm ra hướng đi, bước đi, cách làm thích hợp với điều kiện, khả năng từng nơi. Huyện đã tăng cường chỉ đạo, đưa cán bộ xuống giúp các nơi yếu kém xây dựng kế hoạch sản xuất hằng năm, hằng vụ, dần dần bố trí lại cơ cấu giống, cơ cấu cây trồng phù hợp, tạo ra công thức gieo trồng hợp lý, tận dụng đất đai, tăng diện tích gieo trồng kể cả lúa, màu, cây công nghiệp.

— Tập trung giúp các nơi yếu kém từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trước hết xây dựng các cơ sở cần thiết trước mắt để khôi phục lại sản xuất như thủy lợi, phân bón, giống, sức kéo, công cụ, v.v. Kết quả là trong hai năm đã xây dựng 3 trạm bơm điện (2 tưới, 1 tiêu). Ngoài số vốn Nhà nước cấp để xây dựng các trạm bơm, trong hai năm huyện đã ưu tiên và tạo điều kiện cho những nơi này vay vốn để đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất như xây dựng sân kho, cơ sở giống, cơ sở chế biến phân bón, mua máy công nông, mua trâu bò cày kéo, mua công cụ, v.v. Số vốn cho những nơi này vay năm 1978 chiếm 58%, năm 1979 chiếm 51% tổng số vốn cho vay trong toàn huyện. Việc cày bừa bằng máy cũng được ưu tiên hơn, năm 1979 diện tích cày bừa máy ở các nơi này chiếm 50,3% so với diện tích cày bừa máy trong toàn huyện. Việc cấp vật tư cũng được ưu tiên hơn, như phân vô cơ: cấp từ 30 đến 31%, trâu cày 45%, phụ tùng cơ khí 44%, máy kéo nhỏ 32%, v.v. so với tổng số cấp cho các xã trong huyện.

— Tập trung củng cố tổ chức Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trước hết, tập trung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao nhiệt tình cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, nâng cao tính Đảng vì ở những nơi này hiện tượng uể oải, thiếu nhiệt tình, thiếu trách nhiệm, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, thiếu tinh thần xung phong gương mẫu là khá phổ biến. Tập trung giải quyết tư tưởng cục bộ, tình trạng mất đoàn kết trong cấp ủy, giữa cấp ủy với đảng viên và hiện tượng hoài nghi giữa thôn họ với đội kia. Hai năm qua, huyện đã phát động đảng viên đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong nội bộ Đảng, xử lý một cách kiên quyết đối với số đảng viên không đủ tư cách, thoái hóa biến chất, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, v.v. Riêng ở 15 đơn vị yếu kém đã thi hành kỷ luật 340 đảng viên. Có nơi phải thi hành kỷ luật đối với 50 — 60% tổng số đảng viên. Mặt khác chúng tôi tập trung bồi dưỡng cán bộ tương đối đồng bộ cho các nơi này, đã chọn cử 42 đồng chí là bí thư đảng ủy xã, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán trưởng và cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã đi học từ 1 đến 4 tháng tại trường quản lý của tỉnh. Tiếp theo việc bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt, huyện chúng tôi đã tập trung bồi dưỡng cho hầu hết các đội trưởng, kế toán viên, cán bộ các bộ môn kế hoạch, định mức, giúp cho các nơi này bước đầu có đội ngũ cán bộ tương đối đồng bộ từ trên xuống dưới. Vì vậy các mặt lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, quản lý, kỹ thuật ở các hợp tác xã này từng bước được nâng lên.

— Trên cơ sở xác định lại phương hướng sản xuất và bồi dưỡng cán bộ đồng bộ, huyện đã cho soát xét lại bộ máy quản lý ở cơ sở, giảm bớt lao động gián tiếp trên xã, bỏ đội chuyên làm phân, đội chuyên làm đất, tổ chức lại các đội sản xuất cơ sở phù hợp với năng lực điều hành của cán bộ

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

Điều tra

KHOÁN TRỒNG ĐAY Ở HẢI-HƯNG

HỮU-HẠNH

Mấy năm gần đây, một số hợp tác xã trong vùng trồng đay tập trung ở Hải-hưng đã tiến hành *giao khoán một số khâu công việc cho xã viên gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng.*

Điển hình của cách khoán trồng đay theo kiểu này là hợp tác xã Phùng-hưng (huyện Châu-giang). Hằng năm, hợp tác xã này trồng trên dưới 200 héc-ta đay.

Hợp tác xã đảm nhiệm toàn bộ khâu cày bừa bằng máy, tưới nước, trừ sâu, cung cấp phân, giống. Đội sản xuất đảm nhiệm việc lên luống, rạch hàng (bằng trâu bò).

Trên cơ sở phân khoảnh, định hạng, hợp tác xã khoán sản lượng: 100kg đay bẹ một sào ruộng loại I, 90kg ruộng loại II và 80 kg ruộng loại III. Đội khoán cho xã viên, từng nhóm gia đình (1) gắp thăm nhận luống và chia cho từng gia đình nhận làm các khâu công việc gieo hạt, tỉa, giặm, làm cỏ, bón phân, chặt cây, tước bẹ, ngâm rửa, chế biến đay bẹ thành đay tơ, phơi khô và đóng gói, đem giao nộp cho trạm thu mua của Nhà nước. Các khâu công việc giao khoán cho xã viên và gia đình làm theo lệnh điều hành của hợp tác xã. Ví dụ, khi có lệnh về thời vụ gieo đay (từ 25 tháng 3 đến 5 tháng 4), hợp tác xã xuất hạt giống cho đội, đội chia cho từng xã viên nhận khoán đem gieo. Thu hoạch cũng vậy, người nhận khoán phải tiến hành theo vùng quy định trước sau của hợp tác xã...

Đội sản xuất căn cứ vào hóa đơn nhận hàng của trạm thu mua đay, chiếu theo số lượng và chất lượng sản phẩm đã giao nộp để nghiệm thu cho từng gia đình xã viên; trên cơ sở đó, hợp tác xã tiến hành phân phối và thưởng phạt đối với từng người lao động.

Trường hợp hụt sản lượng khoán hoặc không bảo đảm phẩm chất sản phẩm quy định, hợp tác xã xét: nếu do thời tiết và định mức chi phí vật tư có thay đổi làm ảnh hưởng đến sản lượng và phẩm chất sản phẩm, hợp tác xã sẽ miễn giảm; nếu do lao động và kỹ thuật của người nhận khoán gây ra, người đó phải nộp phạt 100% sản lượng hụt bằng sản phẩm (tính đổi ra thóc của Nhà nước bán cho mỗi kg đay bẹ 1 kg thóc). Ở hợp tác xã Phùng-hưng chỉ có khoảng 5% số người nhận khoán bị hụt sản lượng khoán (phần lớn là có lý do chính đáng), 20% đạt mức sản lượng khoán của hợp tác xã, 75% vượt khoán (vượt trên dưới 20% mức sản lượng khoán). Hợp tác xã thưởng 80% sản lượng vượt bằng sản phẩm, tính đổi ra thóc, 100kg đay tơ vượt mức khoán, sản phẩm loại I, được thưởng

(1) Mỗi nhóm có 3 — 4 gia đình ở gần nhau còn có tác dụng giúp nhau thăm đồng, trông coi mùa màng và giúp nhau khi thu hoạch.

Digitized by Google

112 kg thóc, loại II được 102 kg thóc và loại III được 96 kg thóc; ngoài ra còn bán thưởng thêm một số gạo tấm.

Các trường hợp vượt mức sản lượng khoán của hợp tác xã là do các yếu tố sau đây tạo nên: *Một là*, gia đình bỏ thêm nhiều công lao động (tận dụng thời gian lao động ngoài giờ và mọi lực lượng lao động trong gia đình), bón thêm phân (tro bếp, nước giải, phân bùn, phân xanh), do đó tạo ra năng suất đay cao hơn mức khoán; *Hai là*, tỉa, giặm và chọn cây đồng đều, trồng cây theo hàng nanh sấu để tăng mật độ cây trên luống, làm cỏ và xới xáo nhiều lần (4—5 lượt), do đó tạo ra sản lượng thu hoạch cao hơn; *Ba là*, chặt đay sát mặt đất và phát ngọn tận cùng (2), do đó tăng thêm số lượng đay bẹ thu hoạch được; ngâm đay đúng độ chín và rửa kịp thời (3), do đó tăng thêm trên dưới 30% sản lượng đay bẹ và nâng cao phẩm chất đay tơ; *Bốn là*, chải bóng đẹp, đóng gói cẩn thận, bảo quản chu đáo, đem sản phẩm giao nộp trạm thu mua vượt mức khoán về số lượng và chất lượng.

Năm 1979, mức khoán sản phẩm của hợp tác xã Phùng-hưng là 348 tấn đay tơ. Những trường hợp hụt sản lượng khoán cộng lại chỉ trên 4 tấn, trong khi sản lượng vượt mức khoán lại đạt đến 51 tấn. Do đó, tổng sản lượng đay tơ của cả hợp tác xã đạt 395 tấn (vượt 47 tấn so với mức khoán ban đầu). Nhà nước thu mua toàn bộ số đay tơ đó, phần lớn là đay loại I. Trong ba năm thực hiện khoán trồng đay theo cách này, với diện tích trồng đay bằng 1/20 của toàn huyện Châu-giang, hằng năm hợp tác xã Phùng-hưng đã bán cho Nhà nước được 1/11 sản lượng đay của toàn huyện (619 tấn/6800 tấn quy ra đay bẹ, năm 1979) với chất lượng đay loại I chiếm từ 91% đến 97% (các năm trước chỉ trên dưới 60%).

Cách khoán trên đây là hình thức tổ chức lao động tập thể, kết hợp lao động chung của hợp tác xã và đội sản xuất với lao động của cá nhân xã viên và gia đình họ. Cách khoán như vậy trong quá trình sản xuất đay ở Phùng-hưng không hề làm suy yếu kinh tế tập thể; ngược lại, nó có tác dụng phát huy sức lao động tập thể đi đôi với khai thác tốt nguồn vốn và sức lao động của xã viên, tiềm năng của ruộng đất, làm ra nhiều sản phẩm (do hợp tác xã nắm) để tăng thu nhập cho tập thể và xã viên, có nhiều sản phẩm bán cho Nhà nước. Như vậy, *việc giao khoán cho người lao động một số khâu công việc gắn liền với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho hợp tác xã* trong việc trồng đay ở hợp tác xã Phùng-hưng là có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên, trong việc khoán trồng đay ở đây, hợp tác xã không quản sản phẩm phụ của đay là thân cây đay mà để xã viên sử dụng cả. Vì vậy, hợp tác xã Phùng-hưng cũng như nhiều hợp tác xã trồng đay khác ở Châu-giang đều không huy động đủ sản lượng thân cây đay cung cấp cho nhà máy giấy theo kế hoạch của Nhà nước. Hợp tác xã Phùng-hưng cũng như các hợp tác xã trồng đay khác ở Châu-giang cần tính toán lại khoản này để giải quyết thật thỏa đáng, bảo đảm tốt cả ba lợi ích của Nhà nước, hợp tác xã và xã viên.

---

(2) Hồi còn làm tập trung, khi thu hoạch xã viên chặt đay cách mặt đất 20cm để bùn đất khỏi té vào người. Phát ngọn quá dài để đem về làm phân xanh. Do đó, mỗi cây đay bỏ phí mất một đoạn dài 30—40cm đay bẹ.

(3) Hồi còn làm tập trung, xã viên ngâm đay cho thật chín rửa để dễ rửa sạch, nhưng lại làm cho đay tơ đứt rụng mất nhiều, phẩm chất xấu.

Digitized by Google

ĐỊA LÝ QUÂN SỰ TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN

MAI-SƠN

CHIẾN tranh nhân dân xuất hiện rất sớm trong lịch sử nước ta. Dân tộc ta có truyền thống vận dụng sáng tạo những điều kiện địa lý của đất nước trong đấu tranh vũ trang để bảo vệ đất nước. Nhiều cách đánh phù hợp với điều kiện địa lý đã được áp dụng trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc và các cuộc chiến tranh giữ nước chống sự xâm lược của chúng. Triệu-Quang-Phục lui về đầm Dạ-trạch lập căn cứ đánh địch lâu dài và cuối cùng đánh đuổi được quân giặc. Dân tộc ta đã sử dụng thủy triều như một thứ vũ khí lợi hại để tiêu diệt địch trên sông Bạch-đằng. Nhân dân ta đã từng lợi dụng địa hình hiểm yếu ở Chi-lăng để chiến thắng quân xâm lược phương Bắc... Những căn cứ chống Pháp hồi thế kỷ XIX như: Gò-công, Đồng-tháp-mười, Ba-đình, Bãi-sậy, Ngàn-trươi, Yên-thế..., những khu du kích trong kháng chiến chống Pháp như: chợ Cháy (Hà-đông), làng Nguyễn (Thái-bình)..., những khu du kích trong kháng chiến chống Mỹ như: Củ-chi, (Sài-gòn), Bác-ái (Thuận-hải)... đều là những điển hình về sử dụng điều kiện địa lý để tiến công địch trong chiến tranh nhân dân. Nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc kết hợp truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, tinh thần dũng cảm, khôn khéo của nhân dân với những hiểu biết về điều kiện địa lý, hoàn cảnh kinh tế của từng địa phương để tạo thành sức mạnh tổng hợp diệt địch, là một nét đặc sắc trong nghệ thuật quân sự của ta.

Nghiên cứu môi trường địa lý (1) để phục vụ cho mục đích quân sự là một yêu cầu khách quan, mà các bên tham chiến phải thực hiện bằng mọi cách. Đánh giá ý nghĩa của nhân tố địa lý trong đấu tranh vũ trang, Ăng-ghen đã phân tích sâu sắc tình hình địa lý quân sự các nước Đức, Ý, Pháp trong bài « Sông Pô và sông Ranh » (2). Những sách vở về địa lý của ta có từ thời Lê-Quý-Đôn, Nguyễn-Trãi, Tây-sơn, Tự-Đức..., trong đó quyển « *Đại Nam nhất thống chí* » là bộ sách địa lý Việt-nam đầy đủ nhất thời phong kiến, đã nói lên sự quan tâm của những người đương thời về tác động của môi trường địa lý đối với các hoạt động kinh tế và quân sự. Hãy xem một đoạn nói về hình thế của tỉnh Ninh-bình trong quyển sách « *Đại nam nhất thống chí* »: « Phía đông nam đến biển, phía tây bắc dựa núi,

(1) Môi trường tự nhiên (trên lục địa, trên biển, trên không) bao gồm: núi non, sông ngòi, biển, rừng, khí hậu, v.v. cùng với ruộng vườn, đường sá, cầu cống, kênh, mương, các công trình kiến trúc, các khu dân cư.. do con người tạo nên gọi là môi trường địa lý (hay còn gọi là những điều kiện tự nhiên — M.S).

(2) Ăng-ghen: *Tuyển tập luận văn quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, 1961, quyển III, tr. 53.

Digitized by Google

địa hình một nửa hiểm trở và một nửa bằng phẳng... Phía nam đi vào Thanh-hóa thì có núi Tam-điệp, con đường đi lại phải qua, chật là cổ họng giữa Nam Bắc. Phủ Nho-quan ở về thượng du, giáp giới bốn tỉnh Thanh-hóa, Hà-nội, Sơn-tây và Hưng-hóa, rừng núi um tùm, đường sá hiểm trở, chiếm một vị trí rất xung yếu. Sông Thanh-quyết... qua Gián-khẩu lên ven núi, chuyển xuống các sườn ven sông, đi thẳng vào địa phận hai huyện Yên-khánh và Nho-quan, núi hang liên tiếp; sang phía tây, tiếp giáp địa phận Sơn-tây và Hà-nội; khi nhà Lê đánh nhà Mạc tất phải hành quân qua đường này» (3).

Đảng ta cũng đánh giá đúng tác động của môi trường địa lý trong hoạt động đấu tranh vũ trang. Trong nhiều nghị quyết quân sự, Đảng đã chỉ ra những điều cần làm và những thiếu sót về mặt địa lý. «Trong những vùng đủ điều kiện về địa hình..., chúng ta phải gây dựng những căn cứ địa kháng Nhật. Thí dụ như núi rừng bán nguyệt chung quanh Trung châu Bắc-kỳ, dãy núi Trường-sơn và vùng đầm ao Nam-kỳ» (4). Nói về kinh nghiệm quân sự, nghị quyết cũng có đoạn nêu «không có một chiến lược bao quát (thiếu sự hiểu biết địa lý) để đề phòng bố trí trước kế hoạch tấn công của địch» (5). Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ta đều phải tính toán đến nhân tố địa lý đối với từng trận đánh, từng chiến dịch như tìm hiểu đường đi lối lại, tình hình địa hình, thời tiết, thủy văn nhằm xác định ảnh hưởng của các yếu tố đó đối với việc bảo đảm cơ động cho các lực lượng và phương tiện, bảo đảm các công trình chiến đấu, v.v. đặc biệt là việc triển khai công tác ghi chép mô tả tình hình tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương có quan hệ đến quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nói lên sự quan tâm nghiên cứu địa lý quân sự của chúng ta. Trải qua những năm tháng kháng chiến, Đảng ta đã phát huy cao độ truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn tinh thần đoàn kết gắn bó của già, trẻ, gái, trai bằng tình làng nghĩa xóm, với nhà cửa, chuôm ao, hang động, khe suối, tùy địa thế mà tổ chức chiến đấu tạo nên những làng xã chiến đấu có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh trong thế trận chung của cả nước.

Nhân tố địa lý tuy có ảnh hưởng lớn đến hoạt động đấu tranh vũ trang nhưng không bao giờ giữ vai trò quyết định trong chiến tranh mà vai trò quyết định là nhân tố chính trị và kinh tế. Quân xâm lược phương Bắc đã nhiều lần thất bại trên đất nước ta, mặc dù nước ta ở gần Trung-quốc (các triền núi phía bắc nước ta tiếp giáp với các triền núi phía nam Trung-quốc, nhiều sông suối ở phía bắc nước ta cũng bắt nguồn từ Trung-quốc...), vì điều kiện địa lý ấy không thể cứu vãn được số phận của bọn xâm lược: chúng không thể nào lường được sức mạnh to lớn của dân tộc ta, không thể hiểu được thế hiểm hóc của địa hình, không hiểu được núi rừng, sông suối, bầu trời, vùng biển của ta. Đối với ta, những điều kiện địa lý này cũng chỉ có thể trở thành sức mạnh diệt địch khi ta hiểu chúng một cách đầy đủ và biết sử dụng một cách sáng tạo. Do nắm được những điều kiện địa lý và biết vận dụng trong từng hoàn cảnh cụ thể mà dân tộc ta đã làm cho quân xâm lược phương Bắc ba lần tới sông Bạch-đằng là ba lần đại bại, ba lần qua Chi-lăng là ba lần bị tiêu diệt. Nhiều khu du kích trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ mặc dù ở sát vùng địch chiếm, vẫn tồn tại và liên tục

(3) *Đại nam nhất thống chí*. Nxb Khoa học xã hội, 1971, Quyển XIV, tập III, tr. 230.

(4), (5) *Nghị quyết quân sự của Đảng 1930 — 1960*, Nxb Quân đội nhân dân, 1959, tr. 49 và 67.

Digitized by Google

tiến công địch vì nắm vững điều kiện địa lý và cải tạo thành thế có lợi cho ta. Còn quân đội Mỹ, trong chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta, đã không thể sử dụng được xe tăng một cách rộng rãi trên địa hình rừng núi (3/4 là rừng núi) hiểm trở có nhiều đồng lầy và vùng ngập nước.

Như vậy điều kiện địa lý thuận lợi cũng chỉ ưu đãi cho những ai hiểu biết và sử dụng nó đúng; ví như không nắm vững quy luật thủy triều ở một địa phương nào đó thì khi gặp bãi ngập nước, thủy triều sẽ ngăn cản tất cả những ai muốn vượt qua nó: đổ bộ qua bãi lầy vào lúc nước triều rút là một hành động tự dìm lực lượng và phương tiện của mình xuống bùn; đặt vật cản dưới nước ở bờ biển trong thời gian con nước sinh thì dễ bị địch phát hiện và phá hủy; sương mù sẵn sàng che giấu hành động của bên nào biết sử dụng nó đúng lúc; mưa sẽ là người bạn đồng minh chiến đấu của bên tiến công nếu biết rõ tính chất của nó; hoạt động với quy mô lớn giữa mùa mưa lũ trong khi khả năng khắc phục ảnh hưởng của thời tiết còn hạn chế sẽ dẫn đến những hậu quả không thể lường trước được. Không phải ngẫu nhiên mà phần lớn các trận đánh lớn, các chiến dịch có tính chất quyết định của ta đều tiến hành vào mùa khô; đó là do đặc điểm khí hậu, thời tiết chi phối. Việc tổ chức vận chuyển cả hai mùa trên hai tuyến đường quân sự Đông và Tây Trường-sơn là một ví dụ về nắm vững điều kiện khí hậu, thời tiết để tạo cho mình một ưu thế trong chiến đấu.

Quan điểm đúng đắn về nhân tố địa lý đối với quân sự là trong mọi hoàn cảnh không nên đánh giá quá cao, tức là tuyệt đối hóa những điều kiện địa lý, hoặc đánh giá quá thấp đi tới coi thường nhân tố địa lý. Cả hai khuynh hướng này đều có thể dẫn tới những hậu quả tai hại trong lĩnh vực xây dựng lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang, nhất là trong chiến tranh hiện đại.

Môi trường địa lý thường xuyên có ảnh hưởng tới quân sự. Ảnh hưởng đó ít hay nhiều đều có liên quan tới trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật. Thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, quân đội ta mới chỉ có bộ binh là chính, người lính có thể vượt qua mọi địa hình phức tạp và trong mọi thời tiết (trừ khi có dông bão, lũ lụt lớn), tác động của môi trường địa lý đối với hoạt động quân sự còn ở mức độ thấp; nhưng khi có thêm những phương tiện hiện đại, có thêm các quân chủng, binh chủng thì tác động của môi trường địa lý cao hơn nhiều. Nhân tố địa lý, như mọi người đều biết, là một trong những nhân tố (nhân tố chính trị, kinh tế, tư tưởng, số dân, địa lý...) phải tính toán đến khi đề ra các phương thức tiến hành đấu tranh vũ trang, vạch kế hoạch chiến đấu chống quân xâm lược, chuẩn bị chiến trường trong chiến tranh tương lai; mặt khác khả năng mở rộng quy mô không gian của chiến tranh đòi hỏi phải nắm được tình hình địa lý quân sự ở những khu vực riêng biệt và ở các chiến trường khác nhau, cho nên việc nghiên cứu địa lý quân sự trong giai đoạn hiện nay càng trở nên cấp bách. Nghiên cứu địa lý quân sự là nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường địa lý đối với việc chuẩn bị và tiến hành đấu tranh vũ trang, đối với việc sử dụng các quân chủng, binh chủng; là nghiên cứu vị trí địa lý, vị trí chiến lược của đất nước, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, chế độ xã hội và chế độ Nhà nước, cơ cấu và trình độ phát triển sản xuất, thành phần và sự phân bố dân cư, sức mạnh quân sự của đất nước, những nhược điểm và mức độ chuẩn bị hoạt động của nền kinh tế để phục vụ cho chiến tranh; là nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường địa lý ở các chiến trường

Digitized by Google

đối với việc tiến hành các chiến dịch, đến hành động chiến đấu của quân đội, v.v.

Kết quả nghiên cứu về địa lý quân sự thể hiện trên các tài liệu mô tả, các tài liệu phân tích, tổng hợp, đánh giá ảnh hưởng của môi trường địa lý đối với quân sự, các bản tra cứu, các bản đồ địa lý quân sự... sẽ có tác dụng lớn đối với việc thực hiện những nhiệm vụ và đáp ứng những yêu cầu mới của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Công tác nghiên cứu địa lý quân sự trước hết phục vụ một cách đắc lực lực lượng vũ trang chiến đấu tại chỗ và các binh đoàn chủ lực cơ động đến tác chiến tại địa phương vì đối với bất cứ hình thức tác chiến nào cũng không thể thoát ra khỏi ảnh hưởng nhất định của môi trường địa lý.

Đối với việc bảo vệ địa phương bao gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển (nếu có); bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ cơ sở kinh tế, thì những tài liệu về địa lý quân sự, về địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn, sinh vật, trình độ phát triển kinh tế, hoàn cảnh chính trị xã hội... là một trong những căn cứ để xây dựng kế hoạch bảo vệ.

Đối với việc thực hiện kế hoạch xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên từng địa phương thì những hiểu biết về môi trường địa lý sẽ là một trong những cơ sở để phát huy sức mạnh của tự nhiên và cải tạo chúng thành thế trận có lợi. Muốn xây dựng thế trận ở từng địa phương thì trước hết phải làm chủ được mọi mặt ở địa phương, trong đó làm chủ môi trường địa lý là một nội dung. Ví dụ: muốn lợi dụng được địa hình, cải tạo nó theo hướng có lợi cho ta thì phải nghiên cứu nắm chắc đặc điểm của từng loại địa hình (rừng núi, trung du, đồng bằng, ven biển...); muốn sử dụng mọi tài nguyên của đất nước để đánh địch một cách chủ động thì phải nắm vững những tài nguyên đó. Nắm vững môi trường địa lý không những nhằm lợi dụng địa hình hiểm trở tạo nên thế trận có lợi để tiêu diệt địch, mà còn nhằm cải tạo những địa hình không hiểm trở theo hướng có lợi bảo đảm cho ta thực hiện nguyên tắc luôn luôn tạo nên thế trận đánh giặc có lợi nhất. Nguyễn-Trãi là người am hiểu địa lý và biết sử dụng một cách thích hợp điều kiện địa lý ở từng địa phương để giành thắng lợi về quân sự. « Kẻ người dùng binh giỏi thì không có đâu là hiểm, đâu là không hiểm, không có đâu là dễ, đâu là không dễ. Thắng hay phụ là ở tướng, chứ không ở đất hiểm hay dễ. Vào chỗ hiểm mà đánh nhau không khác gì hai con hổ đánh nhau ở trong thung lũng, giỏi thì được, vụng thì thua... » (6). Lời lẽ này ở trong một bức thư của Nguyễn-Trãi gửi cho Phương-Chính, tuy là khích bác xỉ vả tên giặc phương Bắc nhưng lại thể hiện ông là người hiểu được tác động của môi trường địa lý và vận dụng một cách khéo léo trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Để xây dựng hậu phương vững mạnh bảo đảm yêu cầu chiến đấu và sản xuất, góp phần củng cố quốc phòng ở địa phương, chuẩn bị cơ sở cho chiến tranh nhân dân địa phương, phải bảo vệ hậu phương tốt. Trong kế hoạch bảo vệ hậu phương chống tập kích đường không, chống đổ bộ đường biển, chống pháo binh, xe tăng, chống vũ khí nguyên tử, hóa học, vi trùng... cũng cần dựa vào những tài liệu địa lý quân sự về đặc điểm khí hậu, thời tiết, thủy văn; hình thái bờ biển, bãi đổ bộ; khả năng cơ động của các loại phương tiện ở trên trục đường và ngoài trục đường; trạng thái bề mặt địa hình; thành phần cơ giới và hóa học của đất, v.v.

---

(6) Nguyễn-Trãi: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1969, tr. 93.

Digitized by Google

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới ở địa phương, đặc biệt trong khâu phát triển hệ thống đường giao thông thủy bộ, hệ thống thông tin, mạng lưới y tế cũng cần sử dụng những tài liệu về địa lý quân sự vì công tác nghiên cứu địa lý quân sự nắm vững những hệ thống này để một mặt xem xét khả năng bảo đảm cơ động các lực lượng và phương tiện, khả năng bảo đảm chỉ huy tác chiến, khả năng bảo đảm cứu chữa trong chiến tranh, mặt khác xem xét khả năng bảo đảm việc điều khiển hoạt động của nền kinh tế quốc dân ở địa phương trong điều kiện có chiến tranh trên các lĩnh vực giao thông, thông tin, y tế.

Ngoài ra, trong một chừng mực nhất định, công tác nghiên cứu địa lý quân sự còn có tác dụng đối với những vấn đề xây dựng khác của địa phương như : phân bố lực lượng lao động, xác định những điểm dân cư, xây dựng cụm chiến đấu, xây dựng pháo đài quân sự huyện, xây dựng những cơ sở sản xuất, v.v. Vì công tác này không chỉ nghiên cứu những sự vận động hiện nay của môi trường địa lý đã tác động đến các hoạt động quân sự như thế nào, mà còn phải dự kiến những tác động của chúng trong tương lai qua những biến đổi không ngừng của bản thân giới tự nhiên cùng những hoạt động của xã hội. Vì như bãi biển của ta có đoạn đất liền đang được bồi thêm (Kim-sơn, Phát-diệm, Cà-mau), cộng vào đó nhân dân còn tìm cách lấn biển, cho nên đất đai của Tổ quốc rộng thêm ra ; có đoạn biển lại lấn vào đất liền (Văn-lý...) nhân dân phải đắp đê ngăn nước biển để giữ đất ; những sự vận động đó làm cho bờ biển nước ta đã đa dạng lại càng thêm phức tạp, tác động nhiều mặt đến kinh tế và quân sự ở địa phương.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu địa lý quân sự trong thời gian qua cũng mới chỉ nhằm đáp ứng những yêu cầu trước mắt được đề ra đối với từng trận đánh, từng chiến dịch và cũng mới quan tâm chủ yếu đến tác động của thời tiết và địa hình, đến quân sự, mà chưa nghiên cứu đầy đủ các yếu tố của môi trường địa lý. Vì trong chiến tranh giải phóng, ta phải đánh quân địch đã có sẵn trên đất nước ta để giành lại toàn vẹn lãnh thổ với lực lượng của ta phát triển từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, cho nên chưa có điều kiện nghiên cứu đầy đủ về địa lý quân sự. Còn ngày nay trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, ta phải đánh kẻ địch từ ngoài vào trong hoàn cảnh ta đã làm chủ toàn bộ đất nước, có sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, có thời gian chuẩn bị lực lượng xây dựng thế trận làm chủ, cho nên có điều kiện nghiên cứu địa lý quân sự một cách toàn diện từ trước. Hiện nay việc nghiên cứu địa lý quân sự càng hết sức cần thiết, vì :

Điều kiện tổ chức trang bị của ta đã có nhiều thay đổi, thành phần kỹ thuật đang tăng lên một cách nhảy vọt cả về số lượng và chất lượng, cho nên tác động của môi trường địa lý đối với hoạt động vũ trang ở từng địa phương cũng như trên cả nước sẽ lớn và phức tạp hơn nhiều.

Bọn phản động bành trướng Trung-quốc là kẻ thù trực tiếp hết sức nguy hiểm, chúng ở liền đất liền biển với ta, lại có âm mưu phá hoại và xâm lược ta từ lâu ; trước đây ở chừng mực nào đó chúng lại có điều kiện nắm được một phần tình hình địa lý quân sự của ta, cho nên việc nghiên cứu địa lý quân sự còn nhằm tìm cách hạn chế, không cho quân thù sử dụng được những hiểu biết đó để gây tác hại cho ta.

Digitized by Google

Nâng cao trình độ thẩm mỹ về âm nhạc cho quần chúng

NGUYỄN-VĂN-QUỲ

TRONG cuộc sống, con người không chỉ cần có « bánh mì » mà còn cần cả « hoa hồng ». Cũng như các ngành nghệ thuật khác, qua các tác phẩm có nội dung tốt và giá trị nghệ thuật cao, âm nhạc làm cho cuộc sống của con người thêm phong phú, có khả năng thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, xây dựng tâm hồn, tình cảm cao đẹp và hình thành nhân sinh quan, thế giới quan đúng đắn cho con người.

Việc nâng cao trình độ thẩm mỹ cho quần chúng rất cần thiết. Ở một số nơi, còn nhiều thanh niên thích nghe băng ghi âm các loại nhạc rên rỉ, hoặc nhạc kích động. Nhiều người còn lẫn lộn, chưa phân biệt được thế nào là nhạc nhẹ với « nhạc vàng », nhạc xấu... Việc xóa bỏ nền âm nhạc đồi trụy, lai căng hình thành dưới chế độ Mỹ — ngụy ở miền Nam nước ta cùng với sự giao lưu văn hóa ngày càng mở rộng giữa nước ta và các nước có chế độ, phong tục, tập quán khác với ta đặt ra nhiều vấn đề phải nghiên cứu và giải quyết đúng đắn để kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong việc sáng tác, biểu diễn và thưởng thức âm nhạc.

Để nâng cao trình độ thẩm mỹ về âm nhạc cho quần chúng, trước hết chúng ta cần khẳng định : **âm nhạc đúng đắn là âm nhạc phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân lao động, nâng cao được tâm hồn và nhận thức cho con người, khiến con người thêm yêu dân tộc, yêu đất nước, yêu cuộc sống và phấn khởi lao động, xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp hơn.** Cho nên, chúng ta dùng từ « nhạc vàng » để chỉ những bài hát, bản nhạc có *nội dung phản động hoặc đồi trụy, kích động, gây cho người nghe sự sa đọa về tình cảm, tư tưởng, phá vỡ sự hài hòa trong tâm hồn con người, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống tập thể lao động, sản xuất*, những bài hát tâm lý chiến, chống cộng, những bài tình ca rên rỉ gây cho người nghe tâm trạng chán chường, tuyệt vọng, mất tin tưởng vào cuộc sống. Để phân biệt với loại « nhạc vàng », một số người dùng những từ « nhạc đỏ » để chỉ nhạc cách mạng và « nhạc xanh » để chỉ nhạc êm dịu không mang nội dung cách mạng. Đây là một cách phân loại quá đơn giản. Nhạc cách mạng không phải chỉ là những hành khúc chiến đấu mà còn bao gồm cả những bài hát, bản nhạc trữ tình, tha thiết hoặc trang nghiêm...có nội dung cách mạng.

Cũng cần hiểu rằng chẳng có thứ âm nhạc nào là « vô thưởng, vô phạt », là không có tác dụng hoặc tốt, hoặc xấu đối với chúng ta. Muốn hiểu được thế nào là âm nhạc lành mạnh, tốt, chúng ta *cần đi sâu một chút vào các thể loại âm nhạc*. Đừng thấy nhạc du dương, « nhạc buồn » mà đã gọi là « xanh » hoặc « vàng ».

Trước hết phải nói rằng *du dương* là đặc tính của âm nhạc để gây xúc

Digitized by Google

động và đi vào tâm hồn con người. Một bản nhạc, một bài hát tả cảnh trăng sáng, liễu rủ bên hồ... có thể giúp cho người lao động, sau một ngày làm việc, cảm thấy tâm hồn thư thái, sảng khoái, thêm yêu cuộc sống và sẵn sàng bước vào sản xuất lại, với tư thế một người đã được hồi sức. Bên cạnh nhạc vui, nhạc hùng tráng, còn có nhạc buồn. Nhạc buồn cũng có vị trí nhất định trong nghệ thuật âm nhạc. Trong rất nhiều tác phẩm âm nhạc có giá trị lớn của thế giới, đã có những chương nhạc, đoạn nhạc, câu nhạc diễn tả nỗi buồn thương, đau khổ. Có những bản nhạc buồn mang đến cho con người đang đau buồn niềm an ủi, biến được nỗi đau thương thành sức mạnh hoặc mang đến cho con người đang trong tình trạng căng thẳng những cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái... Do đấy, những bản nhạc buồn này được nhiều người ở các nước tìm nghe: đoạn nhạc nổi tiếng được gọi là *Nỗi buồn* (Tristesse) trích từ bài tập số 3 opus 10 của nhạc sĩ Ba-lan Sô-panh (F. Chopin) là một điển hình của điều nói trên. Trong dân ca và trong chèo của chúng ta, cũng có rất nhiều bài hát buồn được nhân dân yêu thích như các bài: *Xe chỉ luồn kim, Bèo dạt mây trôi, Lý lu là, Lý chim chuyền, Lần thầm, Hát văn*... Trong chế độ chúng ta, khi thể hiện mọi khía cạnh của tâm hồn con người, nhạc sĩ sáng tác không thể bỏ qua những nỗi buồn thương chính đáng. Vấn đề chủ yếu ở đây là người sáng tác phải có chỗ đứng cho đúng đắn, cho vững vàng để có được cái nhìn toàn diện, chính xác..., phải tránh thể hiện nỗi đau buồn theo hướng bế tắc, tuyệt vọng. Nhạc buồn của chúng ta phải có khả năng bồi đắp cho con người tình yêu thương, lòng nhân hậu và cả lòng căm giận những nguyên nhân gây ra sự thống khổ cho con người.

Âm nhạc thường được định nghĩa là nghệ thuật dùng âm thanh để diễn tả và được chia làm hai loại: nhạc không lời và nhạc có lời.

Nhạc không lời còn gọi là khí nhạc được biểu diễn bằng các nhạc cụ, bao gồm các thể loại mang *tính học viện* như: xô-na-tơ, tam tấu, tứ tấu..., hòa tấu, giao hưởng... và các thể loại mang *tính dân gian* như: nhạc nhẹ, nhạc dân vũ... Hiện có ý kiến cho rằng nhạc không lời rất khó hiểu và như vậy khó mà phân biệt được nhạc tốt với nhạc xấu trong lĩnh vực khí nhạc. Có cả một số ít thính giả làm mất trật tự hoặc bỏ nhà hát ra về trong khi dàn nhạc đang biểu diễn một tác phẩm giao hưởng. Cũng có người đã nói là: « Xem tranh, dù là tranh lập thể, cũng còn dễ hiểu hơn nghe giao hưởng ». Quả là có nhiều ý kiến về vấn đề thưởng thức nhạc không lời, nhưng việc giúp quần chúng thưởng thức loại nhạc này cũng không phải là quá khó khăn.

Trước hết, phải nói rằng âm nhạc là một môn nghệ thuật đi vào tư duy trừu tượng và tác động thẳng vào tâm hồn chúng ta. Khi nghe một nhạc điệu mà chúng ta chưa hiểu rõ nội dung, chúng ta vẫn có thể bị xúc động — khác với đọc thơ, văn, chúng ta chỉ xúc động khi nào đã hiểu rõ nội dung bài văn. Cho nên, nếu thính giả được nghe nhạc nhiều, quen với ngôn ngữ âm nhạc, với nghệ thuật hòa âm, phối khí... thì về sau dễ thấy xúc động và cảm thụ được nhạc không lời. Phải tập nghe từ tiểu phẩm đến những tác phẩm lớn, từ đơn giản đến phức tạp, từ ít nhạc cụ đến nhiều nhạc cụ... Quá trình hướng dẫn thưởng thức này cũng chính là quá trình hình thành thị hiếu thẩm mỹ của quần chúng; vì vậy, cần lựa chọn nhạc tốt để giới thiệu ngay từ đầu. *Tạo được thị hiếu đúng đắn và vững vàng cho quần chúng tức là đã trang bị cho quần chúng chất « miễn dịch » để chống sự xâm nhập và tác động của những loại nhạc xấu.*

Digitized by Google

Khi nghe bản nhạc không lời xô-na-tơ « Ap-pa-xi-ô-na-ta » của Bê-tô-ven (Beethoven), Lê-nin đã từng phát biểu: « Thật là kỳ diệu! ». Ngày nay, những người yêu nhạc và có hiểu biết về âm nhạc cũng không thể nghĩ khác Lê-nin, về tác phẩm này.

Nhạc có lời còn gọi là thanh nhạc bao gồm các bài hát: đơn ca, đồng ca, hợp xướng, nhạc kịch (Opéra), dân ca, chèo, tuồng..., nhạc nhẹ và nhạc khiêu vũ có lời để hát.

Có thể nói rằng nhạc có lời là thơ văn đã được âm nhạc hóa nghĩa là được hát lên bằng những âm điệu, tiết tấu đặc biệt khác hẳn với cách ngâm thơ, đọc văn thông thường. Như vậy, có người cho rằng trong một bài hát thì lời là nội dung, nhạc điệu là hình thức. Điều này không đúng. Cần hiểu rằng âm điệu cũng như tiết tấu đều mang ý nghĩa nhất định. Âm điệu được tạo thành bởi sự nối tiếp các âm có độ cao, thấp khác nhau; tiết tấu là kết quả của sự nối tiếp các âm ấy xét về độ dài. Hai nhân tố này kết hợp chặt chẽ với nhau thành *nhạc điệu* để cùng diễn tả một nội dung như: *cuộc sống và nhịp đập của cuộc sống, một sự việc và diễn biến của sự việc, một tình cảm và mức độ sôi nổi hoặc trầm lắng của tình cảm...*

Nhạc có lời là phương tiện gây xúc động và giáo dục quần chúng về từng vấn đề cụ thể rất có hiệu lực. Nhưng để đạt yêu cầu này, *nhạc điệu* và *lời thơ* phải thật phù hợp với nhau: nội dung và giá trị nghệ thuật của nhạc điệu phải thống nhất, phải tương đương với nội dung và giá trị nghệ thuật của lời thơ; nhất thiết không thể để lời thơ hào hùng lồng vào nhạc điệu nhí nhảnh, hoặc lời thơ tha thiết lồng vào nhạc điệu hùng tráng được. Sự trái ngược về nội dung, về ý nghĩa giữa lời và nhạc điệu sẽ tạo ra hiệu quả xấu khiến người nghe không thấy xúc động và rất có thể còn gây phản tác dụng nữa.

Bên cạnh mặt mạnh như vừa trình bày ở trên, nhạc có lời cũng có mặt yếu của nó: nghe nhiều lần một bài hát mà ta đã hiểu rõ nội dung, mà ta đã thuộc, thì đến một lúc nào đó ta sẽ thấy xúc động ít đi hoặc thấy khó xúc động. Có ý kiến phàn nàn một số cơ quan truyền thanh có thời gian đã sử dụng một số bài hát quá nhiều lần và liên tục đến nỗi cảm xúc của người nghe bị « xói mòn ». Tất nhiên là tâm trạng này không xảy ra đối với những bài hát có giá trị nghệ thuật cao, đã qua thử thách của thời gian.

Hiện nay, người ta nói nhiều đến nhạc nhẹ Âu, Mỹ và tìm mua đĩa hoặc băng ghi âm nhạc nhẹ để thưởng thức. Nhạc nhẹ (tiếng nước ngoài: musique légère, light music) bao gồm nhiều thể loại khác nhau, thường là những sáng tác nhỏ có lời hoặc không có lời gồm hai hoặc ba đoạn do ban nhạc ít người biểu diễn. Nội dung của những bản nhạc nhẹ không đề cập tới những vấn đề lớn, không đòi hỏi sự diễn tả và phát triển phức tạp.

Nghe nhạc nhẹ không đòi hỏi sự tập trung chú ý, và rất nhiều bản nhạc nhẹ – đúng như tên gọi của nó – không để lại ấn tượng sâu sắc, cũng không nâng cao được trình độ thẩm mỹ, tâm hồn và mở rộng tầm hiểu biết của người nghe một cách đáng kể. Nhưng với đặc điểm này, nhạc nhẹ có thể là phương tiện giải trí nhẹ nhàng hoặc mang lại sự thích thú cho người nghe, ngay cả trong khi đang làm những công việc không bắt buộc phải tập trung tư tưởng. Vì thế, ở một số công trường và ở một vài loại nhà máy tại nhiều nước, tiếng nhạc nhẹ vẫn được phát ra xen lẫn với tiếng máy chạy ầm ĩ.

Nếu ngày nay, nhạc nhẹ đã trở thành một đòi hỏi của quần chúng, cần được đáp ứng, thì chúng ta phải có nhạc nhẹ của chúng ta với nội dung tiến bộ và với tính dân tộc rõ rệt, không thể để kéo dài tình trạng chỉ biết có nhạc nhẹ Âu, Mỹ.

Digitized by Google

Nhạc nhảy, còn gọi là nhạc khiêu vũ bao gồm rất nhiều thể loại. Đặc điểm của nhạc khiêu vũ là trong khi biểu diễn, đi kèm với các nhạc cụ khác có *bộ nhạc cụ gõ* gồm: trống, mõ, thanh la, quả lắc... gõ nhấn thành các tiếng mạnh, yếu theo chu kỳ đều đặn để bước chân của người nhảy đưa theo. Có nhiều người coi nhạc khiêu vũ là nhạc nhẹ. Ở đây, cần thấy rằng những *bản nhạc khiêu vũ không mang tính kích động cũng có thể được xếp vào nhạc nhẹ*, nhưng nhạc nhẹ nói chung không phải là nhạc dùng để nhảy.

Đối với nhân dân Âu, Mỹ, khiêu vũ là một sinh hoạt bình thường và nhạc khiêu vũ được sử dụng hằng ngày tại các tiệm ăn, tiệm rượu, có sàn để khiêu vũ. Đối với chúng ta, nên dùng nhạc khiêu vũ như thế nào? Chúng ta có thể chọn để thưởng thức một số bản nhạc khiêu vũ Âu, Mỹ mang phong cách dân gian hoặc có giá trị nghệ thuật với nhạc điệu rõ ràng, nghe sôi nổi hoặc du dương và không mang tính kích động. Những bản van-xơ như: *Câu chuyện thần thoại về khu rừng Viên, Sông Đa-nuýp xanh* của Xtrao (Johann Strauss, *Sóng sông Đa-nuýp* của I-va-nô-vi-xi (J. Ivanovici), *Trên sóng* của Rô-xát (I. Rosas)... và các bản tăng-gô, rum-ba của nước Cu-ba như *La Pa-lô-ma* (La Paloma), *Xi-bô-nây* (Siboney)... đã được nhiều nước công nhận là có giá trị. Nhưng cần phải tránh sử dụng tràn lan nhạc khiêu vũ **ở bất cứ đâu** và vào **bất cứ lúc nào.** *Cần hạn chế việc phát nhạc khiêu vũ dậm giật bằng những máy mở quá to.* Vì những tiếng kèn gay gắt, tiếng gõ chát chúa gây căng thẳng, ảnh hưởng đến thần kinh, đến sức khỏe và công việc lao động của mọi người chung quanh. Việc sử dụng nhạc như vậy là *biểu hiện của một thứ thị hiếu lố lăng, kệch cỡm.*

Về mặt biểu diễn thanh nhạc, hoặc khí nhạc, cần tránh biến mọi thể nhạc thành nhạc khiêu vũ với các cách uốn éo, nhấn, giật theo các công thức của loại nhạc này. Đây là một sự «bóp méo» tác phẩm không thể chấp nhận được. Lẽ tẻ cũng đã có một vài ca sĩ và nhạc công «bóp méo» các tác phẩm cách mạng theo kiểu nói trên, hiện tượng này cần được chấm dứt. Về mặt sáng tác cũng nên tránh lạm dụng các thể loại nhạc khiêu vũ có tiết tấu kích động để thể hiện các đề tài nghiêm túc của dân tộc ta, như khi ca ngợi các lãnh tụ, nếu dùng nhạc dậm giật thì khó mà biểu hiện được lòng kính yêu lãnh tụ.

Trong dân ca, dân vũ của chúng ta, có nhiều tiết tấu độc đáo được thế giới công nhận, đó là kho tàng quý báu của ông cha ta để lại, cần được khai thác và phát triển. Với sự lao động nghệ thuật cần cù, không dễ dãi, chúng ta sẽ có thể làm cho nền âm nhạc của chúng ta thêm phong phú, đồng thời đóng góp vào nền âm nhạc thế giới những cái mới do chúng ta sáng tạo ra.

★

Âm nhạc là một môn nghệ thuật có khả năng và có trách nhiệm góp phần hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, chúng ta cần đặt âm nhạc vào đúng vị trí của nó, cần nâng cao trình độ thẩm mỹ về âm nhạc cho quần chúng. Cần có những biện pháp cụ thể đưa âm nhạc vào nhà trường ngay từ những năm học đầu tiên, lấy âm nhạc cách mạng, âm nhạc dân tộc làm nội dung và phương tiện giáo dục. Cần tạo điều kiện làm việc cho đội ngũ những người sáng tác để có nhiều tác phẩm tốt đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của quần chúng. Những đơn vị biểu diễn, truyền bá âm nhạc như các đoàn, các đội văn nghệ, đài phát thanh, nhà xuất bản cần có kế hoạch bồi dưỡng thẩm mỹ về âm nhạc cho quần chúng, thúc đẩy phong trào sáng tác và biểu diễn âm nhạc ngày một phát triển mạnh mẽ hơn.

Digitized by Google

NỊNH

CÔ con gái cưng Ê-lê-ô-nô-ra của Mác hỏi cha: « Ba ơi, thói xấu đáng ghét nhất của con người là gì ?». Mác trả lời ngay không một chút do dự: « thói nịnh hót ». Không riêng gì Mác, mọi người chân chính từ xưa tới nay đều có ý kiến tương tự như vậy. Vua Pi-e đệ nhất của Nga thường nói: « Thà tôi có một kẻ thù trắng trợn còn hơn có một nịnh thần bịp bợm ». Nhà dân chủ Ô-gút Bê-ben thì gọi những kẻ nịnh là « bọn chỉ quen vẫy đuôi mừng trước chủ »...

Tại sao thói nịnh hót bị người ta ghét như thế ?

Biểu hiện của thói nịnh hót rất nhiều. Loại nịnh phổ biến nhất, thường gặp nhất là *dùng lời nói để tâng bốc người khác một cách quá đáng, có khi hèn hạ nhằm mục đích cầu lợi*. Trong các xã hội cũ, đối tượng để kẻ nịnh tâng bốc nói chung là những người giàu có, những người có quyền thế trong xã hội. Còn trong xã hội ta, đối tượng để kẻ nịnh tâng bốc chủ yếu là người có chức, có quyền. Anh là thủ trưởng của kẻ nịnh ư? Thế thì anh lập tức trở thành con người « toàn thiện toàn mỹ ». Mọi lời nói, cử chỉ, hành động của anh đều trở thành mẫu mực. Nếu anh nói dài, lượng thông tin trong bài nói của anh quá nghèo nàn thì kẻ nịnh sẽ bảo rằng anh phát biểu sâu sắc, phong phú; rằng những ý kiến anh nêu ra mang tính khoa học và có giá trị chỉ đạo, làm cho mọi người « sáng ra ». Nếu anh nói cụt lủn, ấp a, ấp úng, chẳng ai hiểu anh muốn nói gì, thì kẻ nịnh sẽ bảo rằng anh phát biểu ngắn gọn, súc tích và dễ tiếp thu. Nếu anh thô bạo, kẻ nịnh sẽ nói rằng anh có thái độ nghiêm khắc cần thiết của người lãnh đạo; anh mềm yếu rụt rè, kẻ nịnh sẽ bảo anh tế nhị, độ lượng. Nếu anh ăn mặc cầu kỳ, xa hoa, kẻ nịnh sẽ bảo rằng anh lịch sự; anh ăn mặc cẩu thả, lôi thôi lếch thếch, kẻ nịnh sẽ bảo rằng anh giản dị, tiết kiệm... Thôi thì đủ thứ. Những ưu điểm, sở trường của anh, kẻ nịnh sẽ « bốc » lên theo cấp số nhân; những khuyết điểm, nhược điểm của anh, kẻ nịnh sẽ « hóa phép » biến tất cả thành những điều hay, lẽ phải.

Một loại nịnh khác là, cùng với việc dùng lời nói, người nịnh còn *có những cử chỉ và hành động thích hợp*. Thông thường thì kẻ nịnh hay khúm núm, xun xoe trước đối tượng mà hắn thấy cần thiết phải nịnh. Anh là thủ trưởng của hắn? Thế thì khi gặp hắn, anh chỉ việc hững hờ chìa bàn tay trái của mình ra, kẻ nịnh sẽ dùng cả hai bàn tay của hắn ôm lấy bàn tay trái của anh, mắt hắn long lanh sung sướng, đầu hắn hơi cúi xuống, lưng hắn hơi khom lại, hai đầu gối hơi chùng, kèm theo là lời chào hỏi, tâng bốc ngọt ngào. Những cử chỉ và hành động của kẻ nịnh khi thì biểu lộ một cách công khai, trắng trợn; khi thì biểu lộ một cách kín đáo, tinh vi, phải chú ý quan sát, phân tích mới thấy hết được ý nghĩa của những cử chỉ và hành động đó.

Như thế vẫn chưa đủ, còn có một loại nịnh cao hơn. Đó là những kẻ không chỉ dùng lời nói, cử chỉ và hành động mà còn *dùng cả vật chất*

Digitized by Google

để lấy lòng đối tượng mà hắn thấy cần phải nịnh. Nếu anh là đối tượng chú ý của kẻ nịnh thì thế nào anh cũng nhận được những « món quà biếu đặc biệt » của hắn : khi thì mấy cân nếp mới hoặc vài cân gạo tám ; khi thì cân nhãn lồng Hưng-yên hoặc chục xoài Nam-bộ... Đúng là mùa nào thức ấy. Nếu kẻ nịnh dưới quyền anh cũng là kẻ có chức có quyền một chút — là chánh văn phòng, là trưởng phòng này, trưởng ban nọ chẳng hạn — thì hoạt động của hắn còn đa dạng hơn nhiều. Hắn sẽ móc tiền, móc của của Nhà nước, của tập thể để nịnh anh. Hắn đoán rất đúng những ý muốn và sở thích của anh. Hắn biết rất rõ những gì là tiêu chuẩn anh được hưởng và những gì là anh muốn có thêm. Hắn sẽ đáp ứng đến mức tối đa những thứ mà anh ao ước. Anh muốn quét vôi lại cái nhà hay xây thêm cái bếp ? Anh muốn đứa con lớn sau khi tốt nghiệp đại học được công tác ở Hà-nội hay muốn đứa con nhỏ được học trường gần nhà ? Anh muốn gì cứ nói. Kẻ nịnh sẽ cố gắng đáp ứng yêu cầu của anh, mặc dù hắn biết làm như thế là sai nguyên tắc. Họ nịnh anh để làm gì ? Để được lòng anh. Để anh « chiếu cố » đến họ. Để anh cho họ chóng lên chức lên lướng hoặc những « ân huệ » khác. Nịnh hót chẳng qua là vì lợi ích cá nhân bất chính.

Những kẻ nịnh thường là những kẻ hay *xúc xiểm và nói xấu người khác*. Bởi thế ngôn ngữ dân gian mới có từ : « kẻ xiểm nịnh ». Họ đã nịnh anh thì thế nào họ cũng tìm được những đối tượng mà anh không ưa thích để nói xấu. Phải dùng « nghệ thuật phủ diêu », phải dùng sự so sánh như thế thì lời nịnh của họ mới có giá trị. Họ khen anh thông minh, lịch sự, độ lượng... thì thế nào họ cũng chê người mà anh không thích là ngu đần, thiếu văn hóa và hẹp hòi.

Nếu cho rằng những kẻ nịnh chỉ nịnh cấp trên thôi thì chưa đủ. Nhiều khi họ *nịnh cả đồng cấp và cấp dưới* nữa đấy. Sắp đến kỳ xét lương, sắp bầu cấp ủy mới, cơ quan sắp lấy ý kiến của quần chúng về việc đề bạt cán bộ... Toàn những việc hệ trọng cả. Những kẻ nịnh đánh hơi các khoản ấy tinh lắm. Họ thừa hiểu rằng muốn vào được cấp ủy thì phải có sự tín nhiệm của đa số đảng viên, muốn được đề bạt, muốn được nâng lương sớm thì cũng phải có sự ủng hộ của quần chúng. Chỉ được lòng cấp trên không thôi thì chưa đủ. Thế là họ « mở chiến dịch » lấy lòng tất cả mọi người, tìm mọi cách tranh thủ sự ủng hộ của đông đảo quần chúng.

Cần *phân biệt nịnh với quý mến và kính trọng*. Chúng ta không phủ nhận sự quý mến và kính trọng thật sự thường thấy trong quan hệ giao tiếp giữa người và người. Không phải cứ khen nhau, tôn trọng nhau, tặng nhau, giúp nhau thứ này thứ khác đều là những hiện tượng xu nịnh cả. Chúng ta không « vơ đũa cả nắm », không hồ đồ và thiển cận như vậy. Trong cuộc sống, sự quý mến và tôn trọng nhau một cách chân thành ; sự thương yêu đùm bọc lẫn nhau ; quan tâm lẫn nhau, tặng nhau, giúp nhau khi cái này, khi cái khác là những chuyện thường tình, là những điều cần thiết. Đó là biểu hiện của sự quý mến và kính trọng thật sự ; là những nét rất đẹp trong truyền thống đạo đức của dân tộc ta. Chúng ta chỉ phê phán thói nịnh hót được nấp dưới chiêu bài quý mến và kính trọng. Bởi vì đó là sự giả dối. Trong thực tế, những kẻ nịnh thường nấp dưới chiêu bài quý mến và kính trọng khi nịnh người khác, cho nên dễ làm cho nhiều người ngộ nhận. Không phải họ nịnh anh tức là họ quý mến hay kính trọng anh đâu. Khi nào anh hết vai trò quan trọng đối với họ, hoặc anh « thất thế » thì họ sẽ hững hờ, lạnh nhạt với anh ngay ; thậm chí họ có thể quay ngoắt 180 độ đối với anh cho mà xem.

Thói nịnh hót *gây ra tác hại không*

Digitized by Google

nhỏ, thậm chí nó dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Trước hết, nó làm cho chính kẻ nịnh mất hết bản lĩnh, mất hết nhân cách, trở thành thoái hóa, biến chất, bị mọi người khinh bỉ. Nó làm cho người được nịnh không đánh giá đúng mình, sinh ra chủ quan, tự mãn, dễ mắc khuyết điểm, sai lầm. Nó uốn lệch nhận thức của người được nịnh. Nếu người được nịnh đó là những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý thì có thể sẽ làm tổn hại đến công việc chung như: đánh giá sai lệch đội ngũ cán bộ dưới quyền mình, người tốt không được sử dụng, kẻ xấu lộng hành, chính sách cán bộ không được bảo đảm... Thói nịnh hót còn là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, tạo ra sự chia rẽ, bè phái, làm suy yếu tổ chức.

Nịnh và ưa nịnh là hai mặt của một vấn đề. Kẻ nịnh hót và kẻ ưa nịnh hót là tiền đề tồn tại của nhau. Có kẻ nịnh bởi vì có người ưa nịnh. Có người ưa nịnh bởi chưng có kẻ «nịnh thần». Sự tồn tại của cả hai hiện tượng nịnh và ưa nịnh chứng tỏ một điều là do chúng ta tu dưỡng kém, do việc tự phê bình và phê bình không được đẩy mạnh trong các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, trong các tổ chức kinh tế cũng như trong các tổ chức quần chúng khác. Thường có tình trạng là, mọi người có thể tự nhận mình có khuyết điểm này khuyết điểm khác; nhưng ít ai dám dũng cảm nhận mình có thói nịnh hót hoặc ưa nịnh. Khi phê bình người khác cũng vậy, dường như chúng ta đều cảm thấy có gì khó nói khi phê bình đồng chí mình, bạn mình là có thói nịnh hót hoặc thích được nịnh hót.

Muốn hạn chế thói nịnh hót, chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa việc đấu tranh tự phê bình và phê bình; phải tạo nên dư luận xã hội rộng rãi lên án thói nịnh hót và thói ưa nịnh. Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế cũng như các tổ chức quần chúng khác phải có những hình thức kỷ luật thích đáng đối với những kẻ nịnh hót và ưa nịnh.

NGUYỄN-TRUNG-THỰC

Truyền thống cao quý...

(Tiếp theo trang 24).

lập, tự do, hạnh phúc và hòa bình, nền tảng của nó là nhân dân. Nó là một *cống hiến xứng đáng vào nền văn hóa chung của loài người.*

Vì hoàn cảnh lịch sử, trước hết là ảnh hưởng của ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và âm mưu đồng hóa của bọn bành trướng bá quyền phương Bắc, trong một số tầng lớp người Việt, trong một khoảng thời gian không ngắn, ý thức về giá trị của văn hóa dân gian Việt-nam bị lu mờ.

Nhưng nhờ Cách mạng tháng Tám, nhờ ánh sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt-nam, đẳng của trí tuệ, giá trị và tầm quan trọng của văn hóa dân gian đã được hiểu thấu và phát huy.

Bản Đề cương văn hóa do Đảng đề ra năm 1943 với ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng càng làm sáng tỏ giá trị đó.

Khi đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã khẳng định rằng một trong những nhân tố của thắng lợi là Đảng đã «kết hợp nhuần nhuyễn và thành công khoa học cách mạng của giai cấp công nhân là chủ nghĩa Mác—Lê-nin với nghị lực chiến đấu phi thường và sức sáng tạo vô tận của nhân dân ta, với những tinh hoa trong truyền thống bốn nghìn năm của dân tộc Việt-nam ta» (1).

Vì vậy, chúng ta phải coi trọng việc sưu tầm, nghiên cứu sâu sắc, với tinh thần khoa học cao, những di sản văn hóa quý báu của ông cha ta để lại, như là một trách nhiệm lớn trên mặt trận tư tưởng và văn hóa.

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 8.

Digitized by Google

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THẾ GIỚI «SAU VIỆT-NAM»

VĂN-QUANG

TRONG cuộc đọ sức quyết liệt giữa nhân dân Việt-nam với đế quốc Mỹ, thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta đã làm suy yếu thêm vị trí của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở trong nước và trên thế giới và làm trầm trọng thêm cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện thuận lợi cho các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Cùng với sự lớn mạnh nhanh chóng và toàn diện của Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào độc lập dân tộc và phong trào công nhân thế giới, thắng lợi của Việt-nam làm thay đổi lực lượng so sánh, mở ra *một giai đoạn mới trong cục diện quốc tế*» (1). Dư luận quốc tế gọi giai đoạn mới này là «thời kỳ Sau Việt-nam» và cho rằng thời kỳ này vẫn còn tiếp diễn chứ không phải đã chấm dứt như đế quốc Mỹ rêu rao. Từ giữa những năm 70 đến nay, nhiều biến đổi sâu sắc đã diễn ra liên tiếp và nhanh chóng chưa từng thấy trên thế giới, chứng tỏ thế giới đã bước vào «thời kỳ Sau Việt-nam» với những đặc điểm khác so với thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

★

Ba dòng thác cách mạng trên thế giới trong những năm gần đây phát triển đều và mạnh nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới lớn mạnh nhanh chóng về mọi mặt. Địa bàn của nó được củng cố và mở rộng trên bốn đại châu: Âu, Á, Phi, Mỹ la-tinh. Cùng với sự xuất hiện thêm nhiều nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa, công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô được đẩy mạnh, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội phát triển ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác đạt được nhiều thành tựu.

Tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường là bảo đảm vững chắc cho sự phát triển về mọi mặt của từng nước và của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, các nước xã hội chủ nghĩa phát triển kinh tế một cách ổn định và với nhịp độ cao hơn các nước đế quốc chủ nghĩa, tạo ra khả năng vượt qua những khó khăn và giải quyết các vấn đề to lớn trên con đường phát triển. Tính hơn hẳn của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa càng sáng ngời trước bối cảnh khủng hoảng kinh tế nghiêm

(1) Diễn văn của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng trong buổi lễ kỷ niệm trọng thể lần thứ 50 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt-nam (3-2-1980).

Digitized by Google

trọng của thế giới tư bản chủ nghĩa (2). Về mặt quốc phòng, các nước xã hội chủ nghĩa tăng cường ưu thế về lực lượng thông thường và đã giành được cân bằng về lực lượng chiến lược so với các nước đế quốc chủ nghĩa. Ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội được mở rộng với việc cộng đồng xã hội chủ nghĩa thi hành chính sách đúng đắn ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Với sức mạnh tổng hợp trội hơn các thế lực đế quốc chủ nghĩa, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang phát huy mạnh mẽ tác dụng quyết định đối với sự phát triển của xã hội loài người. Liên-xô đã mạnh hẳn lên và phá ưu thế của Mỹ trên nhiều mặt, càng nổi lên là trụ cột của cách mạng và hòa bình thế giới. Chính sách đối ngoại lê-nin-nít của Liên-xô ngày càng phát huy thế chiến lược tiến công, vì lợi ích của cách mạng và hòa bình thế giới. Trong 5 năm qua, những thắng lợi của cách mạng ở nhiều nước, nhất là ở những nước đấu tranh chống sự can thiệp tàn bạo nhất của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế (như ba nước ở Đông-dương, Áp-ga-ni-xtan...), đều gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của Liên-xô. Đồng thời trong kết quả giữ vững hòa bình và hòa dịu quốc tế có sự đóng góp quan trọng của Liên-xô.

Phong trào giành độc lập dân tộc và giải phóng dân tộc được thắng lợi của nhân dân Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cổ vũ đã tiến vào giai đoạn phát triển mới. Nó liên tiếp giành được nhiều thắng lợi to lớn, ngay cả ở những nước thuộc vùng chiến lược «sống còn» và «sân sau» của đế quốc Mỹ (như I-ran, Ni-ca-ra-goa...). Với thắng lợi của nhân dân các nước thuộc địa của Bồ-đào-nha ở nam phần châu Phi, chủ nghĩa thực dân cũ đã sụp đổ về căn bản. Chủ nghĩa thực dân mới — hình thức thống trị cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc đối với các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh — từ cuối những năm 50 bắt đầu khủng hoảng và đến nay đã phá sản một bước nghiêm trọng.

Thắng lợi của nhân dân các nước Xây-sen và Grê-na-đa chứng tỏ trong thời đại ngày nay các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc nô dịch, dù ít người và ở những hòn đảo nhỏ, hoàn toàn có khả năng giành và bảo vệ quyền sống độc lập, tự do của mình.

Sự bóc lột nặng nề của chủ nghĩa đế quốc, việc các nước đế quốc chủ nghĩa trút hậu quả của khủng hoảng kinh tế lên đầu các nước đang phát triển và thất bại của các cuộc thương lượng giữa các nước này với các nước đế quốc chủ nghĩa đang thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới để bảo vệ và củng cố độc lập về chính trị, giành độc lập về kinh tế, thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ hòa bình thế giới. Theo phương hướng đấu tranh đó, phong trào các nước không liên kết từ Hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô năm 1976 đến Hội nghị cấp cao La Ha-va-na năm 1979 ngày càng vững bước tiến lên, mặc dù còn có nhiều khó khăn, phức tạp.

Mặt khác, trong tình hình chủ nghĩa xã hội lớn mạnh, nhiều nước độc lập dân tộc đã chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, độc lập dân tộc gắn liền với chủ

---

(2) Trong thời gian 1976 — 1979, nhịp độ phát triển công nghiệp trung bình hằng năm của các nước xã hội chủ nghĩa thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế là gần 6%, gấp đôi so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Tỷ trọng của các nước xã hội chủ nghĩa thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế trong sản lượng công nghiệp toàn thế giới năm 1950 là 18%, hiện nay đã lên tới 34%.

Digitized by Google

nghĩa xã hội, đó là xu thế phát triển tất yếu của lịch sử.

Thời kỳ «Sau Việt-nam», *Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa* phát triển ngày càng mạnh mẽ, sôi nổi chưa từng có. Cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng hiện nay của hệ thống tư bản chủ nghĩa đã chấm dứt giai đoạn mà bọn tư bản độc quyền lợi dụng sự phát triển kinh tế với nhịp độ cao để xoa dịu cuộc đấu tranh giai cấp ở trong nước. Những người lao động chân tay và trí óc đang tập hợp lực lượng ngày càng rộng rãi, đấu tranh dưới những hình thức phong phú và với quy mô to lớn, chống chính sách của các giới cầm quyền trút gánh nặng khủng hoảng kinh tế, lạm phát và thất nghiệp lên đầu nhân dân lao động và đẩy mạnh chạy đua vũ trang, đe dọa hòa bình, độc lập của các dân tộc. Phong trào đấu tranh này đã dẫn đến sự sụp đổ của chế độ phát-xít lâu đời ở một số nước (như Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha), và sự khủng hoảng của chính quyền tư sản ở nhiều nước. Trước những thắng lợi to lớn của cách mạng thế giới, trước những mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt ở các nước tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội dân chủ và các khuynh hướng cải lương khác phá sản thêm một bước, nhiều đảng cộng sản tăng cường vị trí chính trị của mình, tỏ rõ là người lãnh đạo và đi tiên phong trong cuộc đấu tranh cách mạng ngay tại sào huyệt của chủ nghĩa tư bản quốc tế.

★

Chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ, lún sâu vào cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc và chưa có lối thoát. Trong những năm 50 và 60, nền kinh tế các nước đế quốc chủ nghĩa đã có một giai đoạn phát triển cao nhất: sản xuất công nghiệp tăng gấp bốn lần so với trước. Đó là nhờ các nhân tố: cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, việc chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước và sự vơ vét với giá rẻ mạt một khối lượng nguyên liệu và nhiên liệu gấp bốn lần trước đó của các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh.

Từ những năm 70, chủ nghĩa đế quốc không còn có sự phồn vinh tạm thời đó nữa. Đế quốc Mỹ và các nước đế quốc chủ nghĩa khác lâm vào tình trạng suy yếu về mọi mặt ở cả trong và ngoài nước. Sự suy yếu và khủng hoảng của Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, là một nét nổi bật của «thời kỳ Sau Việt-nam». Trong thế giới tư bản chủ nghĩa, cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973—1974 đã nhanh chóng dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế 1974—1975, một cuộc khủng hoảng lớn nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Cuộc khủng hoảng kinh tế này mang tính chất nghiêm trọng, đánh dấu một cuộc khủng hoảng cơ cấu mới của chủ nghĩa đế quốc với những bệnh hoạn không phương cứu chữa. Nền sản xuất của các nước đế quốc chủ nghĩa phát triển với quy mô lớn trong những năm 50 và 60 đã trở nên mâu thuẫn rất sâu sắc với sức tiêu thụ ngày càng có hạn của nhân dân lao động trong nước. Đồng thời xuất hiện mâu thuẫn mới gay gắt giữa nền sản xuất quá lớn với nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu ngày càng giảm sút và khó khăn. Biểu hiện của những mâu thuẫn này là khủng hoảng sản xuất «thừa» đi đôi với lạm phát và thất nghiệp trầm trọng, khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu cùng xảy ra với khủng hoảng thị trường và tiền tệ. Những cuộc khủng hoảng này lại làm trầm trọng thêm những cuộc khủng hoảng về chính trị, xã hội, tư tưởng ở các nước đế quốc chủ nghĩa.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, hoạt động can thiệp, điều chỉnh về kinh tế của Nhà nước tư bản độc quyền không còn có hiệu lực như

Digitized by Google

trước và không thể cứu chủ nghĩa đế quốc ra khỏi tình trạng bế tắc hiện nay. Cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển sản xuất và xuất khẩu dầu mỏ, phong trào chống đế quốc Mỹ lên mạnh ở I-ran, vịnh Ba-tư và Trung Đông làm gay gắt thêm cuộc khủng hoảng năng lượng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Hiện nay, năm đầu của những năm 80, nền kinh tế Mỹ lại bước vào một cuộc «suy thoái» và các nhà kinh tế phương Tây đã dự đoán một cuộc khủng hoảng kinh tế mới của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, trầm trọng hơn cuộc khủng hoảng 1974—1975.

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa trở nên sâu sắc hơn so với giai đoạn đế quốc Mỹ mạnh hơn tất cả các nước đế quốc chủ nghĩa khác cộng lại cả về kinh tế, tài chính, quân sự và giữ vị trí là trung tâm duy nhất trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới. Việc Mỹ bị sa lầy và thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt-nam đã tạo cho các nước Tây Âu, Nhật-bản cơ hội ngoi lên thành những lực lượng cạnh tranh mạnh mẽ với Mỹ. Hiện nay, đế quốc Mỹ tuy vẫn mạnh hơn về quân sự nhưng đã yếu hơn về kinh tế, tài chính so với tất cả các nước đế quốc chủ nghĩa khác cộng lại. Từ những năm 70 đã hình thành ba trung tâm đế quốc chủ nghĩa về kinh tế, tài chính: Mỹ, Tây Âu, Nhật-bản, cạnh tranh nhau ngày càng gay gắt. Các nước đế quốc chủ nghĩa tìm cách dàn xếp mâu thuẫn với nhau để cùng đối phó với những khó khăn chồng chất về mọi mặt của chúng và phản kích lại phong trào cách mạng thế giới. Nhưng giữa chúng vẫn diễn ra những cuộc «chiến tranh» thương mại, tiền tệ và đầu tư, những cuộc tranh chấp về nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu.

★

Chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, và tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc câu kết với nhau chống phong trào cách mạng và hòa bình thế giới, nhưng chúng ngày càng lâm vào thế yếu và bị động. Sau thất bại ở Việt-nam, đứng trước những khó khăn chồng chất ở trong nước, trước sự phát triển mạnh mẽ và thế tiến công dồn dập của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, đế quốc Mỹ ra sức tập hợp các lực lượng đế quốc và phản động, tiến hành những cuộc phản kích, hòng duy trì những vị trí còn lại của chúng.

Chúng tìm cách củng cố liên minh Mỹ — Tây Âu — Nhật-bản, đặc biệt là tăng cường câu kết về mọi mặt, kể cả về quân sự với tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc. Chúng đẩy mạnh chạy đua vũ trang, thi hành chính sách chia rẽ, lừa bịp đi đôi với lật đổ, đe dọa và gây chiến. Chúng lôi kéo các nước Tây Âu và Nhật-bản tăng cường chi phí quân sự, gây sức ép với các nước thuộc khối Bắc Đại-tây-dương (NATO) thông qua quyết định triển khai tên lửa tầm trung bình mang đầu đạn hạt nhân ở Tây Âu. Chúng lợi dụng vấn đề Áp-ga-ni-xtan để gây lại «chiến tranh lạnh» với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tăng thêm lực lượng quân sự ở Ấn-độ-dương và vịnh Ba-tư, chống lại phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ ở Nam Á, Tây Á và Trung Đông. Chúng ra sức xây dựng liên minh Mỹ — Nhật — Trung; lôi kéo các nước thuộc Tổ chức các nước Đông Nam Á (ASEAN) chống lại cách mạng ba nước Đông-dương. Chúng tăng cường chống Cu-ba, chống phong trào cách mạng ở vùng Trung Mỹ — Ca-ri-bê.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh từ lâu đã theo đuổi tham vọng bành trướng xuống Đông Nam châu Á, tiến lên làm bá chủ thế giới. Tham vọng bá quyền của họ rất lớn nhưng khả năng của họ có hạn và họ lại vấp phải sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng

Digitized by Google

thế giới. Họ câu kết với các nước đế quốc chủ nghĩa chống phong trào cách mạng và hòa bình thế giới, hy vọng qua đó được chúng giúp thực hiện « bốn hiện đại hóa », hòng nhanh chóng trở thành cường quốc hạng nhất, thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn

Sự tập hợp lực lượng giữa tập đoàn phản động Bắc-kinh và chủ nghĩa đế quốc đang trở thành nguy cơ to lớn đối với nhân dân thế giới. Nó đã và còn có thể gây ra những khó khăn, phức tạp cho các lực lượng cách mạng và tiến bộ ở nơi này, nơi khác Tuy vậy, đó là sự tập hợp của các lực lượng đang ở thế yếu và bị động. Đế quốc Mỹ đã không thể dùng lực lượng quân sự để cứu tên bạo chúa Pa-lê-vi ở I-ran, bọn độc tài Xô-mô-xa ở Ni-ca-ra-goa ; cuộc phiêu lưu quân sự của chúng để cứu « con tin » ở I-ran đã thất bại nhục nhã. Tập đoàn phản động Bắc-kinh đã không cứu được bọn Pôn Pốt ở Cam-pu-chia, đã thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Oa-sinh-tơn và Bắc-kinh không ngăn cản được sự phát triển của cách mạng Áp-ga-ni-xtan. Giải pháp riêng rẽ Ai-cập — I-xra-en không chia rẽ và làm suy yếu nổi phong trào đấu tranh của nhân dân A-rập Pa-le-xtin và Trung Đông chống đế quốc Mỹ. Từ sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973 — 1974, kinh tế không còn là vũ khí độc quyền nằm trong tay các nước đế quốc chủ nghĩa, và chúng không thể dùng vũ khí kinh tế có hiệu quả như trước để chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống I-ran, v.v.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh đã lộ mặt phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc cũng như của nhân dân các nước. Do đó, ở trong nước chúng đứng trước những khó khăn to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội Chúng không thể xoa dịu được mâu thuẫn giữa quần chúng nhân dân với chúng, và nội bộ chúng vẫn lục đục vì tranh giành quyền lực. Trên thế giới, chúng không thể giả danh cách mạng để lừa bịp, chia rẽ các phong trào cách mang như những năm 50 và 60.

Sự câu kết giữa chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc là sự câu kết của các lực lượng có nhiều tham vọng riêng đối lập nhau. Cả hai đều muốn ngoi lên làm bá chủ thế giới, lợi ích chiến lược của chúng tuy có chỗ gặp nhau, nhưng ngày càng mâu thuẫn với nhau. Chúng thống nhất với nhau chống Liên-xô và chống cách mạng thế giới, nhưng mỗi bên đều muốn đẩy bên kia chống Liên-xô để hòng đứng ngoài có lợi cho mình. Chúng còn có thể tăng cường câu kết với nhau, nhưng sự câu kết giữa chúng là có giới hạn và không thể ngăn chặn được sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Đế quốc Mỹ và tập đoàn phản động Bắc-kinh câu kết với nhau nhằm phá hoại quá trình hòa dịu quốc tế, chống lại hòa bình và an ninh của các dân tộc. Nhưng trong tình hình đối sánh lực lượng trên thế giới ngày nay có lợi cho ba dòng thác cách mạng thế giới, không lợi cho bọn đế quốc và phản động, các lực lượng cách mạng và hòa bình ngày càng có khả năng hạn chế và làm thất bại chính sách gây chiến của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh thế giới mới. Đế quốc Mỹ không thể gây lại « chiến tranh lạnh » như những năm 50, khi Mỹ còn là tên đế quốc mạnh nhất và có ưu thế về lực lượng hạt nhân so với Liên-xô. Trong những năm đó, Mỹ chạy đua vũ trang và tiến hành « chiến tranh lạnh » nhằm làm suy yếu Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới mới được hình thành, chống phong trào giải phóng dân tộc đang dâng lên mạnh mẽ ở Á, Phi, Mỹ la-tinh, tranh thuộc địa của Anh, Pháp, và xác lập sự khống chế đối với Tây Âu

Digitized by Google

và Nhật-bản, nhưng Mỹ đã không ngăn chặn được sự lớn mạnh của Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Hiện nay, do ở thế yếu so với Liên-xô, Mỹ gây «chiến tranh lạnh» chống Liên-xô nhưng vẫn phải duy trì quan hệ hòa hoãn với Liên-xô ở mức độ nhất định, đồng thời chính sách của đế quốc Mỹ chống phong trào độc lập dân tộc lại làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa các nước độc lập dân tộc ở Á, Phi, Mỹ la-tinh với chúng. Chính sách của Mỹ gây tình hình căng thẳng trên thế giới và nhằm lập lại sự khống chế của Mỹ đối với Tây Âu và Nhật-bản lại làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa Tây Âu, Nhật-bản với Mỹ (3).

★

Trong 5 năm qua, sức mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng và các lực lượng đấu tranh cho hòa bình tăng lên nhanh chóng. Xu thế đi lên chủ nghĩa xã hội được tăng cường, thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ, lún sâu vào cuộc khủng hoảng toàn diện, triền miên và sâu sắc. Chủ nghĩa đế quốc và tập đoàn phản động Bắc-kinh câu kết với nhau làm cho cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa các lực lượng hòa bình và thế lực gây chiến diễn ra rất quyết liệt. Nhưng xu thế phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng và hòa bình thế giới trong «thời kỳ Sau Việt-nam» là không thể đảo ngược được. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội còn có nhiều khó khăn phức tạp, nhưng chắc chắn sẽ thu được những thắng lợi to lớn hơn nữa. Không thể nào cưỡng lại được quy luật thép của thời đại, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc đã vấp phải những thất bại nặng nề và sẽ không tránh khỏi thất bại hoàn toàn.

(3) Vừa qua nhiều nước phương Tây chỉ hưởng ứng có mức độ những biện pháp «trừng phạt» đối với Liên-xô, I-ran; Pháp và Tây Đức đã nối lại quan hệ đối thoại với Liên-xô.

Bước phát triển mới...

(Tiếp theo trang 39)

đội, đồng thời giúp các nơi này vận dụng những phương thức khoán, quản các cây trồng thích hợp với điều kiện đất đai, trình độ quản lý của cán bộ theo phương hướng chung của huyện.

Kết quả là sau hai năm củng cố, 15 hợp tác xã yếu kém đã thoát ra khỏi tình trạng trì trệ và có bước phát triển, có nơi đã vươn lên rõ rệt: sản xuất phát triển, đóng góp tăng, tích lũy cho hợp tác xã tăng, đời sống quần chúng ổn định dần. Lấy năm 1979 so với 1977, kết quả cụ thể trong 15 hợp tác xã này như sau: sản lượng lương thực từ 12000 tấn lên 14000 tấn, tăng 16%, giá trị sản lượng từ 7 triệu đồng lên 13 triệu đồng, tăng 85%; phần làm nghĩa vụ đối với Nhà nước từ 647000 đồng lên 1200000 đồng, tăng 85%, phần tập thể hợp tác xã từ 440000 đồng lên 1 triệu đồng, tăng 127%, phần phân phối cho xã viên từ 2500000 đồng lên 6500000 đồng, tăng 160%. Riêng về nghĩa vụ lương thực và thực phẩm: thóc từ 1898 tấn lên 3518 tấn, tăng 85%, chiếm 33,5% mức đóng góp của toàn huyện; thịt lợn từ 296 tấn lên 341 tấn, bằng 29% mức đóng góp của toàn huyện.

Việc thực hiện các nhiệm vụ và nghĩa vụ khác ở những nơi này có nhiều tiến bộ, một số nơi đã được khen thưởng toàn diện, hoặc từng mặt. Qua xếp loại năm 1979, trong số 15 hợp tác xã yếu kém, đến nay chỉ còn 1 hợp tác xã kém, 3 lên tiên tiến, 8 khá, 3 trung bình. Về Đảng: 8 đảng bộ khá, 6 yếu và 1 kém.

Kết quả bước đầu trong việc củng cố các hợp tác xã yếu kém đã góp phần tạo ra sự phát triển mới trong phong trào của toàn huyện.

Digitized by Google

SỰ CÂU KẾT MỸ – TRUNG-QUỐC, MỘT NGUY CƠ ĐỐI VỚI HÒA BÌNH VÀ AN NINH TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

MINH-QUANG

CHỦ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế đang tìm mọi cách phản kích, gây căng thẳng chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc, chống cách mạng, chống hòa bình, hòa hoãn trên toàn thế giới, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á, Nam Á, Trung Cận Đông. Do cuộc phản kích đầy nguy hiểm này, thế giới đang đứng trước sự đe dọa của chiến tranh lạnh và chiến tranh nóng, mà trung tâm phát động là bè lũ hiếu chiến ở Oa-sinh-tơn và tập đoàn phản động Trung-quốc.

Tên đế quốc đầu sỏ Mỹ và tên phản động sô-vanh đại hán đang cùng nhau phối hợp hành động chống Liên-xô, Việt-nam, các nước xã hội chủ nghĩa khác và phong trào cách mạng thế giới.

Sự câu kết Mỹ – Trung-quốc – Tây Âu – Nhật-bản, mà trung tâm là câu kết Trung – Mỹ, đang đe dọa hòa bình và an ninh trên toàn thế giới. Sự câu kết đó nhằm làm suy yếu ba dòng thác cách mạng và khôi phục lại vị trí, thế cân bằng đã mất của đế quốc sau thất bại của Mỹ ở Việt-nam, Đông-dương và sau thắng lợi liên tiếp của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, Ăng-gô-la, Ni-ca-ra-goa, Áp-ga-ni-xtan, Đông-dương.

CÂU KẾT ĐỂ CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG THẾ GIỚI VỀ MỌI MẶT

Câu kết về chính trị:

Với thông cáo chung Mỹ – Trung-quốc ở Thượng-hải (1972) Trung-quốc đã thỏa thuận với Mỹ giải pháp về vấn đề Việt-nam: Trung-quốc thừa nhận duy trì sự có mặt của Mỹ ở Việt-nam để đánh đổi việc Mỹ rút lực lượng quân sự của Mỹ ra khỏi Đài-loan; công nhận liên minh quân sự Nhật – Mỹ, v.v. Điều đó có nghĩa là chấp nhận sự có mặt về quân sự của Mỹ ở châu Á.

Từ đó đến nay, các lực lượng đế quốc và tư bản thế giới xem Trung-quốc không những là một khách hàng để buôn bán mà còn là một bè cánh chính trị nữa. Bọn chúng ngày càng xích lại gần nhau trên những vấn đề quốc tế có tầm quan trọng hàng đầu. Chúng phối hợp nhịp nhàng với nhau tại Liên hợp quốc, nhất trí với nhau trong các hoạt động chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trung-quốc đã công nhận giải pháp rộng lớn hơn giữa các nước Ai-cập và I-xra-en, Trung-quốc và Mỹ đã nhất trí trong việc phá hoại tình đoàn kết hữu nghị của ba nước Đông-dương, phá hoại cuộc cách mạng Áp-ga-ni-xtan, v.v.

Trong cuộc đi thăm Trung-quốc (8-1979) phó tổng thống Mỹ Mơn-đen

Digitized by Google

tuyên bố: « Bất kỳ nước nào muốn làm suy yếu hoặc cô lập Trung-quốc đều trái với các lợi ích của Mỹ », Oa-sinh-tơn kiên quyết đoàn kết với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa để phát triển nhiều quyền lợi chiến lược song song của hai bên ».

Trong cuộc đi thăm Mỹ gần đây nhất của Chương-Văn-Tấn, thứ trưởng Bộ ngoại giao Trung-quốc, quan điểm của Mỹ và Trung-quốc hoàn toàn thống nhất chung quanh các vấn đề quốc tế nóng hổi như Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, Đông-dương, Đại hội O-lim-pích Mát-xcơ-va 1980, v.v. Không khí đàm phán giữa Mỹ và Trung-quốc trong cuộc viếng thăm đó là « hữu nghị, hợp tác thẳng thắn, thoải mái, không câu nệ nhất trong các cuộc tiếp xúc giữa các nhà lãnh đạo Trung-quốc và Mỹ trong thập kỷ vừa qua », hai bên cho sự thống nhất quan điểm đó là « *rất có ý nghĩa và rất đáng hài lòng* ».

Quan hệ về kinh tế:

Từ đầu năm 1972 đến nay, các nhà lãnh đạo Trung-quốc đã đi thăm hơn 50 nước trên thế giới, đã gặp gỡ những người lãnh đạo của gần 40 nước. Quan hệ kinh tế, thương mại giữa Trung-quốc với các nước đế quốc tư bản tăng lên đáng kể. Theo số liệu chính thức thì kim ngạch ngoại thương của Trung-quốc năm 1978 tăng 30%, đạt 35,5 tỷ nhân dân tệ và sáu tháng đầu năm 1979 tăng 3,2% so với cùng thời gian này năm ngoái. Trung-quốc đã ký hiệp định hoặc đang tiến hành đàm phán với các nước về việc cho Trung-quốc vay gần 30 tỷ đô-la để mua thiết bị và quy trình công nghệ. Bọn độc quyền Mỹ và các nước phương Tây đang ráo riết thâm nhập vào nền kinh tế Trung-quốc, kể cả việc xây dựng các xí nghiệp hỗn hợp với sự tham gia của tư bản nước ngoài. Trung-quốc đã câu kết với các nhà kinh doanh Mỹ, đã thông qua các đạo luật nhằm kích thích sự đầu tư của tư bản nước ngoài và bảo đảm cho các nhà tư bản nước ngoài thu được lợi nhuận đáng kể.

Mỹ đã có những nhượng bộ quan trọng trong lĩnh vực kinh tế thương mại khiến cho Trung-quốc có điều kiện tiếp nhận các thiết bị công nghiệp của Mỹ, và dành cho Trung-quốc điều kiện ưu đãi trong quan hệ kinh tế. Mỹ đã ký kết các văn kiện với Trung-quốc, đưa Trung-quốc vào khuôn khổ đạo luật của Mỹ về sự giúp đỡ đối với nước ngoài và xếp Trung-quốc vào loại các nước bầu bạn, cho phép xuất sang Trung-quốc quy trình kỹ thuật và thiết bị mang tính chất nửa quân sự. Tháng 8-1979, phó thủ tướng Trung-quốc Đu-Thụ-Lý đã tuyên bố với đại diện của Nhật-bản tại Bắc-kinh rằng Trung-quốc hoan nghênh 100% đầu tư tư bản nước ngoài vào các xí nghiệp công nghiệp.

Sự hợp tác kinh tế giữa Trung-quốc với các nước Tây Âu cũng đang phát triển. Trung-quốc sẽ ký hợp đồng với 18 ngân hàng của Pháp để vay tiền dưới dạng mua hàng của Pháp trị giá 7 tỷ đô-la. Ý cũng sẵn sàng cho Trung-quốc vay 1 tỷ đô-la, Anh 1,2 tỷ đô-la.

Rõ ràng, tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh ráo riết mở rộng hợp tác về kinh tế thương mại với các nước đế quốc tư bản, hy vọng với sự viện trợ kỹ thuật, tài chính của những nước này có thể củng cố tiềm lực quân sự, kinh tế của Trung-quốc nhằm biến nước Trung-hoa lạc hậu về mọi mặt thành nước có kinh tế và quốc phòng phát triển, đặng đạt tới giấc mơ bá quyền của chúng.

Về quân sự:

Sự câu kết về chính trị, kinh tế của Trung-quốc với các nước đế quốc tư bản *tất yếu dẫn đến sự câu kết về quân sự* giữa bọn chúng với nhau.

Sự câu kết về quân sự này tuy chưa có những hiệp ước, những văn bản

Digitized by Google

chính thức nhưng đã tồn tại trong thực tế. Có thể chia sự câu kết quân sự này thành hai giai đoạn.

1 — Giai đoạn trước năm 1980 :

Trung-quốc ráo riết đi tìm đồng minh, kêu gọi thành lập khối liên minh chống Liên-xô, chống hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong các cuộc đi thăm Mỹ, Nhật và các nước Tây Âu, các nhà lãnh đạo chóp bu của Bắc-kinh như Hoa-Quốc-Phong, Đặng-Tiểu-Bình kêu gào thành lập trục Oa-sinh-tơn — Tô-ki-ô — Bắc-kinh — Tây Âu để chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa, làm rùm beng về cái gọi là sự đe dọa của Liên-xô, gây nên sự căng thẳng giữa hai khối NATO và Vác-sa-va, Hoa-Quốc-Phong ra sức thuyết phục các nước phương Tây rằng chiến tranh giữa Đông và Tây là không thể tránh khỏi mà chỉ có thể trì hoãn được nếu có sự phối hợp đấu tranh chính trị, kinh tế và tư tưởng chống Liên-xô, phải có biện pháp rộng rãi đề phòng trong lĩnh vực quân sự, v.v.

Mỹ và Trung-quốc phối hợp hành động về quân sự ở khu vực Đông Nam Á. Trung-quốc ráo riết đưa trang bị vũ khí tiếp tế cho bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry chống phá cách mạng Cam-pu-chia, trong khi đó người Mỹ tiếp tục kéo đến Thái-lan. Số người này bao gồm các sĩ quan, binh sĩ trong lục quân, không quân và hải quân Hoa-kỳ mặc thường phục và một số lớn chuyên gia CIA như Rơ-xen-bớt, đại tá Ai-lăng, Uy-liêm-sơn. Các căn cứ U-ta-pao và Xát-ta-sip ở miền Nam Thái-lan đã tiếp nhận các nhân viên hậu cần và yểm trợ của không quân Mỹ để chuẩn bị tiếp nhận phi đội B. 52.

Trung-quốc phối hợp với Mỹ dựng đứng lên cái gọi là « Thái-lan bị Việt-nam đe dọa tiến công » để tuồn vũ khí ồ ạt vào Thái-lan, chuẩn bị can thiệp quân sự vào Cam-pu-chia. Các nước tư bản và đế quốc lấy danh nghĩa viện trợ nhân đạo để tiếp tế cho bọn tàn quân Pôn Pốt — Iêng Xa-ry và bọn Khơ-me phản động khác ở biên giới Thái-lan — Cam-pu-chia.

Cuộc xâm lược của Trung-quốc vào các tỉnh biên giới phía bắc Việt-nam chỉ được tiến hành sau khi Mỹ bật đèn xanh. Trong quá trình xâm lược, Trung-quốc được Mỹ trực tiếp cung cấp tin tức tình báo qua vệ tinh do thám của Mỹ trên bầu trời Việt-nam.

Ở khu vực Nam Á, Mỹ và Trung-quốc đều nhất trí với nhau trong việc chống Liên-xô, trong vấn đề Áp-ga-ni-xtan, cùng tuồn vũ khí vào Pa-ki-xtan, huấn luyện bọn phiến loạn trên lãnh thổ Pa-ki-xtan để can thiệp, phá hoại cách mạng Áp-ga-ni-xtan.

Ở các khu vực khác, Mỹ và Trung-quốc cũng phối hợp viện trợ quân sự cho bọn UNITA chống cách mạng Ăng-gô-la, giúp Xô-ma-li chống cách mạng E-ti-ô-pi-a.

Ngoài ra, những tên phản động khét tiếng như Pi-nô-chê (Chi-lê) và Mô-bu-tu, v.v. được Mỹ giúp đỡ đều đặt quan hệ ngoại giao, thương mại với Trung-quốc.

Dựa vào các nước đế quốc để hiện đại hóa trang bị quân đội Trung-quốc.

Trong hai năm 1978 — 1979, Trung-quốc mời rất nhiều sĩ quan cao cấp Nhật, Tây Đức sang thăm, Trung-quốc cũng đã cử nhiều đoàn quân sự sang các nước Tây Âu, Nhật để đặt hàng và mua vũ khí.

Với sự khuyến khích của Mỹ, các nước phương Tây đã bán cho Trung-quốc mẫu sản xuất động cơ máy bay Spey (Anh), máy bay tuần tra cấp cứu trên biển US — 1 (Nhật), máy bay lên thẳng Super Frelon và cho phép sản xuất máy bay Mirage (Pháp), đã ký hợp đồng sản xuất máy bay lên thẳng B. 105 (Tây Đức).

Năm 1978, Trung-quốc đã mua 5 tỷ đô-la và dự tính tới năm 1985 khối lượng hàng mua của nước ngoài sẽ

Digitized by Google

lên tới 20 tỷ. Trong chuyến đi thăm châu Âu cuối năm 1978, Hoa-Quốc-Phong đã yêu cầu các tổ chức quân sự công nghiệp của Tây Âu tham gia thật sự vào việc hiện đại hóa lực lượng vũ trang Trung-quốc.

Mỹ đã đồng ý hợp tác với Trung-quốc về kỹ thuật vũ trụ, thông tin liên lạc quốc gia và trong việc xây dựng các nhà máy lắp ráp thiết bị máy móc quân sự của nước ngoài và phát triển các ngành công nghiệp quân sự trong nước. Chương trình tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng cho Trung-quốc được vạch ra với giai đoạn đầu từ 1978 đến 1985. Từ chuyến đi của phó tổng thống Mỹ Mơn-đen (8-1979) Trung-quốc đã mua các thiết bị nửa quân sự của Mỹ.

2 — Giai đoạn từ sau tháng 1-1980 :

Từ sau chuyến đi thăm Trung-quốc của Brao, bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ (1-1980), Mỹ đột ngột chuyển từ chính sách thận trọng trong quan hệ với Trung-quốc sang *câu kết thật sự với Trung-quốc*.

Brao tránh không nói đến sự liên minh với Trung-quốc, chỉ nói « lợi ích chung », « hành động song song ». Nhưng rõ ràng trên thực tế Mỹ — Trung-quốc đã câu kết trên nhiều mặt, không chỉ về chính trị, kinh tế, mà đã câu kết thật sự cả về quân sự để chống Liên-xô, chống cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong chuyến thăm Trung-quốc, Brao đã gặp gỡ tất cả cán bộ cao cấp Trung-quốc, dự tập quân sự, thăm các căn cứ không quân, hải quân Trung-quốc.

Chuyến đi thăm Trung-quốc của Brao đã mở rộng cửa cho quan hệ kỹ thuật Mỹ — Trung-quốc. Brao đã khẳng định lại việc Mỹ sẵn sàng cung cấp cho Trung-quốc kỹ thuật tinh xảo cần thiết cho cố gắng hiện đại hóa kinh tế của Trung-quốc, Mỹ cho Trung-quốc vay 2 tỷ đô-la, cho Trung-quốc sử dụng vệ tinh Landasat - 1 (phục vụ việc vẽ bản đồ thủy học — nông nghiệp và quản lý đất đai nhưng cũng có quan hệ mật thiết đến kỹ thuật quốc phòng Trung-quốc)

Mỹ đã nhận cung cấp cho Trung-quốc máy bay vận tải quân sự C. 130, máy bay lên thẳng vũ trang, xe vận tải quân sự, ra-đa, phương tiện thông tin quân sự, v.v. Việc này bộc lộ rõ ý đồ của Mỹ, như Ven-xơ, nguyên bộ trưởng Bộ ngoại giao Mỹ, trong bản tường trình trước quốc hội Mỹ về chính sách đối ngoại của chính quyền Ca-tơ trong tháng 4-1980, đã nói: « Mục đích của chúng ta trong việc cung cấp vũ khí là giữ gìn an ninh, chứ không phải là kiếm lời » Tất nhiên cả vì cái gọi là « an ninh », cả vì kiếm lời.

Hiện nay mỗi tháng có hơn 60 phái đoàn Trung-quốc sang Mỹ. Phó thủ tướng Cảnh-Tiêu, người phụ trách việc giám sát các lực lượng vũ trang Trung-quốc và ngành sản xuất vũ khí của Trung-quốc, đi thăm Mỹ vào tháng 6-1980, đã có nhiều thỏa thuận mới với Mỹ. Và gần đây nhất, Ca-tơ và Hoa-Quốc-Phong đã gặp nhau ở Nhật để đi đến thỏa thuận ngầm là Mỹ sẽ tăng cường vũ trang cho Trung-quốc với lời thông cáo sau đây: « Có sự thỏa thuận cơ bản giữa Mỹ và Cộng hòa nhân dân Trung-hoa về các triển vọng chiến lược ».

Tóm lại, xét về bản chất, sự câu kết giữa Trung-quốc và Mỹ đang càng ngày càng mở rộng và trên thực tế đã hình thành một liên minh chống Liên-xô, Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác, các chế độ tiến bộ ở các nước đang phát triển, và chống hòa bình, hòa dịu quốc tế.

Sự câu kết về quân sự giữa Trung-quốc và Mỹ thật ra không phải bây giờ mới có mà như Hôn Brúc, trợ lý ngoại trưởng Mỹ đã thừa nhận:

« Trước hết bao giờ cũng có một khía cạnh an ninh trong quan hệ của

Digitized by Google

chúng ta với Trung-quốc. Kể từ chuyến đi đầu tiên của Kit-xin-giơ sang Bắc-kinh tháng 7-1971, các vấn đề an ninh luôn luôn là một nội dung trong cuộc đối thoại giữa chúng ta với Trung-quốc... »

Từ khi Mỹ bình thường hóa quan hệ với Trung-quốc, song song với sự phát triển về quan hệ chính trị và hợp tác kinh tế, các hành động câu kết quân sự cũng phát triển theo về quy mô và chất lượng, từ dè dặt, thận trọng đi đến một sự hợp tác quân sự thật sự với đầy đủ ý nghĩa của nó, không phải chỉ trong phạm vi trao đổi kỹ thuật, viện trợ phương tiện nửa quân sự và quân sự mà cả trên các mặt quốc phòng của hai nước như Brao đã thừa nhận: « *Bây giờ chúng ta đã mở rộng việc bình thường hóa sang lĩnh vực quan hệ giữa các cơ quan quốc phòng của hai nước* ».

Ngày 11-4-1980 Đặng-Tiểu-Bình trả lời phỏng vấn của hãng AP như sau: « Việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ là một quyết định quan trọng có tính chất chiến lược chứ không phải là hành động chiến thuật, càng không phải là vấn đề thủ đoạn để kiếm lời và không có tính chất ngắn hạn ».

TÍNH CHẤT VÀ KHUYNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA SỰ CÂU KẾT MỸ – TRUNG-QUỐC

Đường lối của tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh thể hiện rõ ý đồ thâm hiểm của chúng là dựa vào chính sách chống Liên-xô để xích lại gần Mỹ và các nước đế quốc, với hy vọng tranh thủ sự viện trợ nhằm biến Trung-quốc thành một cường quốc và thực hiện tham vọng bá quyền của chúng. Mỹ quyết định chơi con bài Trung-quốc nhằm duy trì ảnh hưởng và quyền lợi của chúng ở châu Á mà chúng gọi là « khu vực kinh tế có nhiều sức sống nhất thế giới », và hòng làm yếu Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và phong trào cách mạng trên thế giới.

Các lực lượng đế quốc và tư bản rảo riết chơi con bài Trung-quốc, hòng lôi kéo Trung-quốc với số dân gần 1 tỷ vào quỹ đạo kinh tế tư bản chủ nghĩa để tạo nên một so sánh lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho chúng.

Đúng như Xô-nô-da, bộ trưởng Bộ ngoại giao Nhật đã tuyên bố tháng 7-1979: « Các nước phương Tây cần giúp đỡ cụ thể cho Trung-quốc trong việc thực hiện chương trình hiện đại hóa để lôi kéo Trung-quốc vào quỹ đạo kinh tế tư bản chủ nghĩa và loại trừ bất kỳ khả năng nào của sự xích lại Xô – Trung ». Rõ ràng là không phải chỉ nhằm kiếm lời mà các nước tư bản đã cho Trung-quốc vay 30 tỷ đô-la! Ở đây, câu nói của Lê-nin về hậu quả của chủ nghĩa xã hội sô-vanh càng có ý nghĩa quan trọng: « Chủ nghĩa sô-vanh xã hội, đó là chủ nghĩa cơ hội hoàn thiện. Nó đã chín muồi để liên minh một cách công khai và tùy tiện với giai cấp tư sản và hệ thống tham mưu của chúng » (1).

Câu kết với nhau, Trung-quốc và Mỹ đều nhất trí nhằm mục tiêu hạn chế ảnh hưởng của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới. Chúng muốn lập trục Mỹ – Tây Âu – Nhật – Trung-quốc nhằm phản công các lực lượng cách mạng và hòa bình trên toàn thế giới.

Sự câu kết Mỹ – Trung-quốc, một liên minh trên thực tế, đã hình thành từng bước, bắt đầu từ hội nghị Thượng-hải năm 1972, còn có thể phát triển hơn trong thập kỷ 80, « là mối đe dọa nguy hiểm đối với thế giới kể cả đối với nhân dân Mỹ và nhân dân Trung-quốc » (2).

Trước hết, chúng có thể rút kinh nghiệm về các sự kiện Cam-pu-chia và Áp-ga-ni-xtan để đối phó với phong trào cách mạng ở các nơi khác, thậm chí có thể có các hành động liên

(1) V. I. Lê-nin *Chống chủ nghĩa xét lại*, bản tiếng Nga, Nxb chính trị, Mát-xcơ-va, 1958, trang 247.

(2) Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô ngày 23-6-1980.

Digitized by Google

minh phản kích ở những mục tiêu, khu vực có lợi cho chúng.

Mỹ và các nước đế quốc khác có thể bán thêm vũ khí kỹ thuật, trang bị cho Trung-quốc, giúp chuyên gia, cố vấn huấn luyện. Về tình báo, có thể từ cung cấp tin tức đến trao đổi tình báo và phối hợp tình báo với nhau. Chúng có thể phối hợp tập trận và cũng có khả năng tiến lên ký kết một số hiệp định quân sự công khai hoặc bí mật.

Đế quốc Mỹ sẽ tính toán, cân nhắc đẩy mạnh sự câu kết với Trung-quốc nhằm phục vụ lợi ích của chúng. Nhưng tốc độ và hiệu quả của việc làm này còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố: sự đấu tranh của nhân dân Trung-quốc, vị trí của bọn cầm quyền Bắc-kinh, sự chống đối của các lực lượng cách mạng và hòa bình thế giới.

Xét về bản chất, sự câu kết đó không thể bền vững vì một bên là xâm lược, một bên là bành trướng. Cả hai bên đều nhất trí chống Liên-xô, chống hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhưng đều lợi dụng lẫn nhau để theo đuổi mưu đồ riêng của mình. Mỹ muốn biến Trung-quốc thành một cường quốc khu vực, một kẻ dồng lõa để bảo vệ quyền lợi của Mỹ, thành tên lính xung kích khổng lồ không hoàn thiện, yếu về kinh tế nhưng có đội quân đông người. Còn Bắc-kinh thì muốn đẩy Mỹ đối địch với Liên-xô, để mình hưởng lợi, còn gánh nặng vật chất chủ yếu để chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác thì Bắc-kinh muốn quàng vào cổ Mỹ và các nước tư bản khác. Trung-quốc còn rất lạc hậu, thấp kém cả về kinh tế lẫn quân sự, buộc phải ở thế không bình đẳng — thế đàn em, tay sai của bọn đế quốc —, phải nhượng bộ chúng đủ điều, làm tổn thương đến lòng tự trọng của nhân dân Trung-quốc, do đó tạo thêm những khó khăn về mặt đối nội cho tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh.

Mặc dù câu kết với Trung-quốc, Mỹ không muốn Trung-quốc trở thành đối thủ nguy hiểm của mình. Mỹ không thể không cân nhắc khi đổ tiền đổ của vào một nước lớn như Trung-quốc mà tình hình chính trị rất không ổn định: Kít-xin-giơ đã nhận xét rằng sẽ có một ngày, khi Trung-quốc đứng được vững trên hai chân của mình thì sẽ quay ra phản bội Mỹ như chơi.

Đây là sự câu kết của những tên bá quyền tranh giành quyền lợi và lợi dụng lẫn nhau, vừa hợp tác vừa giữ miếng, vừa câu kết vừa đề phòng và chống đối nhau; là sự liên minh có tính giai đoạn như kiểu Quốc Cộng liên minh chống Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai, một kiểu liên minh thực dụng truyền thống của Trung-hoa cổ đại, liên minh với kẻ thù xa để đánh kẻ thù gần.

★

Sự câu kết Trung — Mỹ và sự liên minh giữa Trung-quốc với các bọn đế quốc phản động khác rất nguy hiểm, đó là một nguy cơ nghiêm trọng đối với các dân tộc trên thế giới. Khối liên minh ma quỷ này có thể dẫn đến chiến tranh, các cuộc xung đột, đến sự can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các nước. Câu kết, liên minh với nhau trên mọi mặt (chính trị, kinh tế, quân sự), nhưng chúng lại ra sức lừa bịp che giấu dưới khẩu hiệu «chống bá quyền», dưới những danh từ «cộng tác», «hợp tác». Hành động song song khi quyền lợi phù hợp, chúng tìm cách phá hoại sự đoàn kết trong các nước xã hội chủ nghĩa, phá hoại phong trào giải phóng dân tộc, phá hoại sự thống nhất các nước không liên kết, chống lại sự hòa dịu giữa phương Tây và phương Đông, đe dọa hòa bình thế giới. Vì vậy, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới *kiên quyết đấu tranh chống sự liên minh ma quỷ này, vạch trần bản chất phản động hiếu chiến và đầy tham vọng của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và đế quốc Mỹ*, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của chúng.

Digitized by Google

Đế quốc Mỹ trong bước sa sút mới về chiến lược

THÀNH-TÍN

CHỦ nghĩa đế quốc bước vào thập niên kỷ mới với những khó khăn chồng chất, những bế tắc và những thất bại nặng nề.

Bước sa sút mới về chiến lược của đế quốc Mỹ, dinh lũy của tất cả các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế, là đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới hiện nay.

QUÁ NHIỀU TÍN HIỆU CẤP TỐC!

Năm mở đầu thập niên kỷ mới, cũng là năm bầu cử tổng thống Mỹ, chính quyền Ca-tơ chìm ngập trong những cuộc khủng hoảng. Dưới đầu đề: «Sự xuống dốc của tên khổng lồ», phản ánh ý kiến của các báo hằng ngày quan trọng của Mỹ xuất bản tháng 7-1980, tạp chí *Tấm gương* của Cộng hòa liên bang Đức số 33, đã nói lên tình trạng suy sụp của nền kinh tế Mỹ. «Trong khi cả quốc gia nhốn nháo về vụ Bi-li-ghết-tơ (Billy-gate), về những sự bất lực của tổng thống Ca-tơ, thì những ngành công nghiệp then chốt của Mỹ suy sụp, toàn bộ nền kinh tế của Mỹ rơi vào một sự xuống dốc khó kiểm soát được... Nghiêm trọng nhất là sự suy sụp của ngành công nghiệp xe hơi đã làm cho 300 000 công nhân bị mất việc và gần 30 nhà máy phải đóng cửa...

Đối với người Mỹ, một xã hội có mức phát triển cao và sự phồn vinh trong mấy chục năm qua đã trở thành một dĩ vãng mờ nhạt. Bây giờ, năm này qua năm khác, họ phải chấp nhận những khoản giảm mức thu nhập thực tế. Tháng này qua tháng khác, họ lại giật mình khi nghe tin mới về nạn lạm phát (hiện nay là 14,3%) hoặc nạn thất nghiệp (8,2 triệu)... Nạn lạm phát đã đẩy nhiều người được cứu trợ nhân đạo ra đường phố: họ xin ăn để nuôi lấy thân và nuôi gia đình... He-ry Rơ-sô-xki, giáo sư kinh tế Trường đại học tổng hợp Ha-vớt nói: «Mỹ, cách đây 10, 20 năm còn phù hợp với mọi sự so sánh cao nhất, đầu thập niên kỷ này trở thành đất nước của những mâu thuẫn không thể dung hòa».

Nhà trắng cũng thất bại và bất lực trên lĩnh vực đối ngoại. Những biện pháp «trừng phạt» rùm beng của tổng thống Mỹ Ca-tơ trong vấn đề Áp-ga-ni-xtan đã quay lại trừng phạt chính những kẻ đề xướng ra nó, trong khi cách mạng Áp-ga-ni-xtan càng tiến bước thêm vững chắc. Ca-tơ thất bại cay đắng trong mưu đồ quân sự giải thoát những người Mỹ bị giữ ở Tê-hê-ran, gây thêm cao trào chống Mỹ của cả nước I-ran và toàn bộ thế giới đạo Hồi. Bất chấp những thủ đoạn hai mặt tranh thủ và đe dọa của Mỹ, phong trào cách mạng ở Trung Mỹ và Nam Mỹ phát triển

Digitized by Google

rất mạnh mẽ; Ni-ca-ra-goa bảo vệ vững chắc thắng lợi lịch sử giành được trong một năm qua, quyết tiến lên theo xu thế của thời đại gắn bó với các nước xã hội chủ nghĩa chân chính. Phong trào yêu nước ở Xan-va-đo chống bọn cầm quyền phản động được Mỹ che chở đang lên rất mạnh và đang ở vào thời kỳ cách mạng trực tiếp đầy triển vọng. Các lực lượng cách mạng và tiến bộ ở Bô-li-vi-a đã tập hợp thành lập chính phủ đối lập tại một địa điểm ở Bô-li-vi-a ngay sau cuộc đảo chính của bọn phản cách mạng. Các lực lượng cách mạng ở Pê-ru, Goa-tê-ma-la, Bra-xin... đang phấn chấn trước khí thế cách mạng sôi sục ở lục địa này. Nhiều nước ở vùng biển Ca-ri-bê đã giành được độc lập dân tộc dưới sự tác động mạnh mẽ của cách mạng Cu-ba. Ở châu Phi, Mỹ không phá hoại được xu thế tiến lên vững chắc của các nước theo hướng xã hội chủ nghĩa, Mỹ thất bại nặng nề trong mưu đồ dùng những kẻ cầm quyền phản bội ở Cai-rô mời chài các nước Ả-rập, hòng mở ra cuộc hòa giải — thực tế là cuộc đầu hàng — với bọn phản động bành trướng I-xra-en. Những làn sóng cách mạng lan xuống phía nam đang chấn động cả lục địa châu Phi, làm cho bọn phản động phân biệt chủng tộc ở Nam Phi lâm vào tình trạng chống đỡ tuyệt vọng. Cái dinh lũy quân sự, chính trị và kinh tế này vốn được coi là vững chãi của Mỹ ở châu Phi đang nghiêng ngửa trước bão táp cách mạng, trong sự bất lực của Nhà trắng và Lầu năm góc.

Ở Tây Á, nước Cộng hòa Ấn-độ với uy tín chính trị ngày càng được nâng cao trên thế giới, đặc biệt là trong hàng ngũ các nước không liên kết, thi hành một chính sách đối ngoại thật sự độc lập, ủng hộ các phong trào đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, chống lại chính sách xâm lược bành trướng của Mỹ và bọn cầm quyền phản động và phản bội ở Bắc-kinh. Ở Đông Nam Á, chính sách mù quáng của Mỹ vẫn là tiếp sức một cách tuyệt vọng cho những thế lực ma quỷ đã bị nhân dân ba nước Đông-dương đánh đổ hoàn toàn.

Mâu thuẫn giữa Mỹ và các đế quốc khác ngày càng phát triển sâu sắc. Vai trò đế quốc đầu sỏ của Mỹ ngày càng giảm sút. Như tạp chí *Tấm gương* của Cộng hòa liên bang Đức phản ánh, dư luận các giới kinh doanh Mỹ rất lo sợ về « sự tan rã của sức mạnh kinh tế quốc tế của Mỹ », « những khoản thâm hụt về buôn bán và chỉ số lạm phát tăng lên, cho thấy là quốc gia công nghiệp giàu nhất phương Tây có thể tụt xuống thành quốc gia kinh tế đứng hàng thứ hai ». « Trong số 150 chuyên gia, không ai nghi ngờ về việc nền kinh tế Mỹ đang tụt dần không thể kìm hãm được trong cạnh tranh quốc tế, và các nước khác bị Mỹ đánh bại cách đây 35 năm ngày càng mạnh lên. (Tỷ trọng của Mỹ trong thương nghiệp thế giới giảm từ 18,2% năm 1960 xuống còn 12,3% năm 1979. Tỷ trọng của nước Đức tăng từ 10,1% lên 12%, của Nhật-bản thậm chí từ 3,6% lên 7% trong cùng thời gian). Nước lãnh đạo phương Tây đang lâm vào một giai đoạn chuyển tiếp đầy khó khăn... » Và không phải ngẫu nhiên mà các báo hằng ngày quan trọng ở Mỹ đã phải kêu gọi khẩn cấp vào cuối tháng 7 vừa qua : « vị trí của Mỹ trong nền chính trị thế giới đang bị đe dọa ! ».

Quá nhiều khu vực khủng hoảng ! Quá nhiều vị trí của Mỹ và bọn tay sai phát tín hiệu kêu cấp cứu ! Ở tất cả các khu vực chiến lược, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đều kéo còi báo động. Bức tranh toàn cảnh của thế giới gần đây là cách mạng đang ở thế tiến công trên gần như tất cả các địa bàn chiến lược. Đế quốc Mỹ và bọn phản động đang đối phó một cách bị động và tuyệt vọng

Digitized by Google

KHÍ THẾ ĐÃ MẤT THÌ LỰC CŨNG GIẢM

Những tháng gần đây, trong chính giới Mỹ nổi lên những tiếng kêu gào điên loạn của một dàn diễu hâu cực kỳ hiếu chiến. Chúng tụ bầy, nhe nanh dũa vuốt, đòi dùng sức mạnh quân sự trong quan hệ quốc tế, đòi trừng phạt nơi nay nơi khác bằng quân sự, chính trị và kinh tế, đòi tăng vọt ngân sách quân sự, chuẩn bị chiến tranh thế giới. Nhà trắng công khai quay về với chiến tranh lạnh, điên cuồng gào thét chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống Cu-ba, chống tất cả những lực lượng cách mạng chân chính và tiến bộ. Gần đây, chính quyền Mỹ đưa ra *chiến lược hạt nhân mới* với nội dung tăng cường và sử dụng mạnh mẽ các vũ khí hạt nhân giữa lúc dư luận phương Tây coi đây là một chủ trương điên rồ mang tính chất tự sát khi Mỹ đã mất đứt ưu thế về vũ khí chiến lược.

Điều khác hẳn so với chủ trương chiến tranh lạnh của đế quốc Mỹ thời Ai-xen-hao — Đa-lét là hiện nay cái thế của chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã sa sút đi trông thấy. Sức mạnh quân sự của đế quốc Mỹ tuy có tăng thêm đáng kể cả về vũ khí chiến lược và vũ khí thông thường, nhưng ưu thế quân sự của Mỹ đối với Liên-xô đã vĩnh viễn thuộc về dĩ vãng. Chính trong thời gian hơn 10 năm Mỹ sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, sức mạnh quân sự của Liên-xô vươn lên và vượt Mỹ trên nhiều mặt.

Lực lượng quân sự cực lớn, vũ khí thông thường đủ loại của Mỹ đã chôn vùi hiệu quả chiến đấu và uy tín trong bãi lầy Việt-nam. Tác dụng răn đe về chiến lược của cái thần tượng không lực Hoa-kỳ, kỹ thuật quân sự Hoa-kỳ, lực lượng đặc biệt mũ nồi xanh Mỹ, lính thủy đánh bộ cổ đa Mỹ... đã bị giảm đi nhiều.

Chính do bối cảnh lịch sử mới của thời kỳ « Sau Việt-nam » của đế quốc Mỹ mà cuộc chiến tranh lạnh hiện nay của Ca-sinh-tơn trở nên lỗi thời và lố bịch biết chừng nào!

Mỹ dọa trừng phạt I-ran bằng phong tỏa vịnh Ba-tư và eo biển Hoóc-mớt, bằng tàu chiến và thủy lôi, nhưng đến nay họ vẫn chỉ ngừng lại ở lời đe dọa và ở sự diễu võ giương oai vô duyên của hơn bốn chục tàu chiến Mỹ. Mỹ định đưa quân nhảy vào cứu bọn cầm quyền Xan-va-do nhưng vẫn run chân và chưa dám hành động. Ở Áp-ga-ni-xtan, trước sức mạnh của chính nghĩa và tình đoàn kết chiến đấu anh em Áp-ga-ni-xtan — Liên-xô, Mỹ tuy nỏ mồm hét to nhưng chỉ chạy vòng quanh với những biện pháp xuyên tạc vu khống, cắt buôn bán lương thực, tuồn vũ khí cho vài nhóm tàn quân phiến loạn đang lao đao và tuyệt vọng.

Hành động được coi là quyết đoán, mạnh mẽ nhất của tổng thống Mỹ Ca-tơ, tiêu biểu cho cái « học thuyết Ca-tơ » được công bố đầu năm nay là trực tiếp tổ chức và chỉ huy cuộc hành quân biệt kích hòng giành lại những người Mỹ bị giữ ở Tê-hê-ran, thì hành động ấy đã thất bại ê chề. Lâu năm góc đang cố hạ thấp tầm thất bại của cuộc hành quân do đích thân bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ Brao và viên tướng 4 sao chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ Đe-vét Gion tổ chức, đích thân tổng thống Mỹ Ca-tơ kiểm soát và bấm nút. Nhưng sự thật chứng tỏ hành động ấy mang theo biết bao hậu quả tai hại về chiến lược, về chính trị và quân sự cho đế quốc Mỹ.

Toàn bộ chiến lược quân sự Mỹ là dựa trên sức mạnh và sự răn đe. Thế nhưng cái thế chiến lược của Mỹ đã sa sút rõ rệt, sức mạnh của Mỹ tuy còn khá lớn nhưng, trước thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trong thời đại hiện nay, bị nhiều ràng buộc và hạn chế về chính trị.

Digitized by Google

Cuộc chiến tranh lạnh của Mỹ mà học thuyết Ca-tơ ra sức đề xướng và thực hiện, chỉ là sự quay về với quá khứ lỗi thời, khi mà đối sánh lực lượng đã và đang thay đổi; những lời đe dọa ngạo mạn, những tiếng xủng xoẻng của vũ khí chẳng còn làm cho nhiều người giật mình lo sợ như trước nữa. Vì cả loài người đã thức tỉnh và thấy rõ nước Mỹ đang chìm ngập trong khủng hoảng, đã suy yếu đi rất nhiều rồi, đang phải bị động đối phó một cách vụng về và không có hiệu quả với mọi thách thức ở khắp nơi.

VỀ MỐI LIÊN MINH MA QUỶ

Dư luận thế giới đang bàn rất nhiều đến mối tình đang kết chặt Oa-sinh-tơn với Bắc-kinh, nhất là sau các chuyến đi thăm Trung-quốc của bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ Brao, cuộc đi thăm Mỹ của phó thủ tướng Trung-hoa Cảnh-Tiêu, cuộc gặp gỡ cấp cao Ca-tơ — Hoa-Quốc-Phong ở Tô-ki-ô.

Quả thật không thể coi thường và không thể không cảnh giác với cuộc tình duyên tội ác giữa tên đế quốc đầu sỏ và tên phản bội lớn nhất trong tất cả các thời đại. Thế nhưng lão già Sam vờ được mụ Tú-Bà Bắc-kinh khi bản thân đã già nua và ốm yếu; còn bọn phản động Bắc-kinh tuy thống trị đất nước 1 tỷ dân, nhưng do chính sách sai lầm liên tiếp hàng mấy chục năm nay cho nên không dễ gì vực Trung-quốc ra khỏi tình trạng yếu kém về kinh tế, lạc hậu lớn về khoa học kỹ thuật, rối loạn liên miên về chính trị và xã hội. Hơn nữa, chính sách ấy bị phản đối kịch liệt ở trong nước và trên thế giới. Vì vậy, bọn phản động Bắc-kinh không thể tạo được một sức mạnh tổng hợp đủ sức thực hiện giấc mộng bành trướng và bá quyền.

Mặt khác, sự câu kết Mỹ — Trung cũng chỉ là sự lợi dụng lẫn nhau. Mỹ vừa câu kết với Bắc-kinh, vừa tìm cách khống chế và ngăn chặn sự bành trướng của chúng; vừa tuồn cho bọn phản động và phản bội này ít trang bị kỹ thuật và vũ khí nhưng lại khống chế tốc độ và quy mô phát triển của Trung-quốc về cả kinh tế và quân sự. Cái « giấc mộng vàng » dựa vào Mỹ và bọn đế quốc phương Tây để thực hiện « bốn hiện đại hóa » với tốc độ cao không dễ gì trở thành sự thật. Dựa vào sức bản thân thì con đường trường chinh « bốn hiện đại hóa » của Trung-quốc lại càng mờ mịt, vì Trung-quốc thiếu hẳn hàng trăm tỷ đô-la vốn ban đầu, thiếu nguồn cung cấp thiết bị toàn bộ trên quy mô lớn, thiếu nghiêm trọng cán bộ và công nhân kỹ thuật cả về số lượng và chất lượng; và tình hình chính trị rối loạn triền miên, các phe cánh chỉ gầm ghè lật đổ và sát hại lẫn nhau để bám lấy chức quyền, vẫn là cái lỗ hổng lớn nhất không sao bịt nổi. Bế tắc của Trung-quốc trong tham vọng « bốn hiện đại hóa » là sự bế tắc tất yếu, bế tắc của những kẻ phản bội nhục nhã, rắp tâm chống ba dòng thác cách mạng hùng vĩ của thời đại.

Oa-sinh-tơn — Bắc-kinh chỉ là hai kẻ thất thế về chiến lược móc ngoặc với nhau, lợi dụng lẫn nhau để thực hiện những mưu đồ tội ác riêng rẽ của mình, trước sự cảnh giác và chống lại có hiệu quả của nhân dân tiến bộ toàn thế giới, gắn liền với quá trình thức tỉnh không tránh khỏi của nhân dân Mỹ và nhân dân Trung-quốc.

★

Chủ nghĩa đế quốc đang lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng không có cách gì thoát nổi. Bước đi của các sự kiện trên thế giới đang tăng mạnh tốc

Digitized by Google

đó. Đấu tranh quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng đang diễn ra trên tất cả các địa bàn chiến lược của thế giới, và trên địa bàn nào cách mạng cũng ghi điểm thắng. Đúng vào năm bầu cử tổng thống Mỹ tình hình chính trị nội bộ của nước Mỹ phơi bày tất cả sự thối nát, rối loạn và suy yếu. Đảng dân chủ xâu xé nhau. Đảng cộng hòa không đưa ra được cương lĩnh có thể ổn định tình hình, giải quyết những vấn đề cấp bách ở trong nước và cải thiện bộ mặt của nước Mỹ trên thế giới. Đế quốc Mỹ phơi bày tất cả sự bất lực trên cả hai lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Trong thế yếu, chúng quay về với chiến tranh lạnh hòng phản kích điên cuồng. Loài người phải hết sức cảnh giác. Nhưng tình hình chung trên thế giới là đang có thời cơ chiến lược để cả ba dòng thác cách mạng của thời đại cùng nhau đoàn kết và phối hợp chặt chẽ, đẩy mạnh thế tiến công bằng các hình thức và biện pháp thích hợp, ghi thêm những bàn thắng mới, đẩy nhanh thêm quá trình diệt vong tất yếu của bọn đế quốc, bọn phản động và phản bội, thực hiện quá trình giải phóng trọn vẹn các dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột, khỏi chiến tranh xâm lược, vì quyền sống chân chính của cả loài người trên hành tinh chúng ta.

Tư tưởng chống bành trướng...

(Tiếp theo trang 34)

sau, Tống bị một dân tộc nhỏ là người Nữ-chân đánh phá, chiếm giữ nửa nước Trung-quốc ở phía Bắc lập nên nước Kim, Trung-quốc thời Tống lúc này chỉ còn nửa nước ở phía Nam. Tới thế kỷ XIII, một dân tộc nhỏ khác là người Thát (Mông-cổ), quật khởi, đánh chiếm toàn bộ Trung-quốc, lập nên triều đại nhà Nguyên, thống trị Trung-quốc hơn một thế kỷ. Quân Nguyên cũng đánh Việt-nam và bị quân dân đời Trần ba lần đánh đuổi về nước. Triều Minh thay triều Nguyên vừa nổi lên cầm quyền đã hung hăng mưu đồ bành trướng xâm lược các nước khác. Ngay sau khi lên ngôi, vua nhà Minh là Chu-Nguyên-Chương đã tự nhận là *« Thiên triều thượng quốc »* và ngạo nghễ tuyên bố *« Từ xưa, đế vương đã cai quản thiên hạ : Trung-quốc ở trong thống trị các di địch, các di địch ở ngoài thờ kính Trung-quốc »*. Và, như chúng ta đã biết, năm 1406, nhà Minh đem tám mươi vạn quân tiến đánh Việt-nam. Nhưng quân xâm lược nhà Minh đã sa lầy trong chiến tranh xâm lược ở Việt-nam. Hơn mười năm liền, chúng bị nhân dân Việt-nam nổi dậy đánh chúng ở khắp mọi nơi. Chúng không sao đặt được nền đô hộ của chúng. Cuối cùng, nghĩa quân Lam-sơn dưới sự lãnh đạo của Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi đã đánh tan quân xâm lược. Quân giặc đã *« thảm thiết kêu xin, vẫy đuôi van lạy » (Bình Ngô đại cáo)* xin đầu hàng và xin tha cho tội chết để trở về quê quán.

Tư tưởng chống bành trướng, bá quyền Trung-quốc của Nguyễn-Trãi là tiêu biểu cho quyết tâm của dân tộc ta chống bành trướng xâm lược ở tất cả các thời đại trước đó. Tư tưởng đó thể hiện ở chỗ đánh giá địch rất đúng, địch đông nhưng không mạnh, quân đi xâm lược là quân bạo ngược, phi nghĩa. Tư tưởng đó thể hiện ở hành động của quân dân ta thật mạnh mẽ, quyết liệt, đánh giặc đến cùng, đánh thật mạnh, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc.

Tư tưởng chống bành trướng bá quyền Trung-quốc của Nguyễn-Trãi và kinh nghiệm đánh giặc bành trướng tuyệt vời của ông cha ta thời Nguyễn-Trãi và các thời trước là những bài học rất quy cho chúng ta. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, những bài học đó đã và đang trở thành vũ khí sắc bén đập tan mọi mưu đồ bành trướng, xâm lược của bất cứ kẻ thù nào khi chúng bén mảng đến Tổ quốc yêu quý của chúng ta.

Digitized by Google

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ N° 10 — 1980

ПЕРЕДОВАЯ — Повысить качество и эффективность партийной идеологической работы. ТХУ ХЫОНГ — Текущие проблемы идеологической рабты. НГУЕН ТХИ ДИНЬ — Федерация вьетнамских женщин и вопрос их освобождения. НГУЕН КХАНЬ ТОАН — Драгоценные традиции и устойчивая культура нации. ФАМ ТХАНЬ — Сквозьная идея избранных произведений Хо Ши Мина «Нет ничего дороже свободы и независимости». НГУЕН ЛЫОНГ БИК — Исследования. Идея борьбы против китайского экспансионизма в творениях Нгуен Чая. ВАН КУАНГ — Особенности международного положения в «послевьетнамский» период. МИНЬ КУАНГ — Американо-китайский сговор — угроза миру и международной бозоласности.

...

REVIEW OF COMMUNISM N°10 – 1980

Editorial – Raise the quality and effectiveness of the Party's ideological work. *THU-HƯƠNG* – Some immediate problems of ideological work. *NGUYỄN-THỊ-ĐỊNH* – The Vietnam Women' s Union and the emancipation of women. *NGUYỄN-KHÁNH-TOÀN* – The nation' s noble tradition and solid cultural foundation. *PHẠM-THÀNH* – The pervading thought in the Selected Works of Ho Chi Minh: «Nothing is more precious than independence and freedom.». **Studies** ★ *NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH* – Nguyễn-Trãi' s opposition to Chineseexpansionism and hegemonism. *VĂN-QUANG* – Characteristics of the «post–Vietnam» world. *MINH-QUANG* – American – Chinese collusion, a threat to peace and security throughout the world.

...

REVUE DU COMMUNISME N° 10 – 1980

Editorial – Elever la qualité et l' efficacité du travail idéologique du Parti. *THU-HƯƠNG* – Quelques problèmes immédiats du travail idéologique. *NGUYỄN-THỊ-ĐỊNH* – L' Union des Femmes du Vietnam et le problème de l'émancipation des femmes. *NGUYỄN-KHÁNH-TOÀN* – Les nobles traditions et la solide culture de la nation. *PHẠM-THÀNH* – La pensée prédominante dans les *OEuvres choisies de Hồ-Chí-Minh*: «Rien n'est plus précieux que l'indépendance et la liberté». **Etudes** ★ *NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH* – La pensée anti–expansionniste hégémonique chinois chez Nguyễn-Trãi. *VĂN-QUANG* – Les caractéristiques de la situation du monde dans «l'après Vietnam». *MINH-QUANG* – La collusion américano–chinoise, un danger pour la paix et la sécurité du monde entier.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 10 – 1980

Editorial – Aumentar la calidad y eficacia del trabajo ideológico del Partido. *THU-HƯƠNG* – Algunos problemas inmediatos del trabajo ideológico. *NGUYỄN-THỊ-ĐỊNH* – La Unión de Mujeres de Viet Nam y la liberación de la mujer. *NGUYỄN-KHÁNH-TOÀN* – La noble tradición y la sólida cultura de nuestra nación. *PHẠM-THÀNH* – El pensamiento predominante en las *Obras Escogidas de Hồ-Chí-Minh*: «Nada es más precioso que la independencia y la libertad». **Estudios** ★ *NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH* – Nguyễn-Trãi y su pensamiento contra el expansionismo y hegémonismo de China. *VĂN-QUANG* – Las características de la coyuntura mundial en la etapa de «Después de Vietnam». *MINH-QUANG* – La connivencia de Estados Unidos – China: un peligro por la paz y la seguridad mundiales.

...

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 10

1980

NĂM THỨ XXVI (298)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng 1

THU-HƯƠNG — Mấy vấn đề trước mắt của công tác tư tưởng 9

NGUYỄN-THỊ-ĐỊNH — Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam và vấn đề giải phóng phụ nữ 16

NGUYỄN-KHÁNH-TOÀN — Truyền thống cao quý và nền văn hóa vững chắc của dân tộc 22

PHẠM-THÀNH — Tư tưởng quán xuyến Tuyển tập Hồ-Chí-Minh : « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » 25

Nghiên cứu ★ *NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH* — Tư tưởng chống bành trướng bá quyền Trung-quốc của Nguyễn-Trãi 31

HOÀNG-HÀM — Bước phát triển mới của huyện Vĩnh-lạc trong quá trình tổ chức lại sản xuất 35

Điều tra ★ *HỮU-HẠNH* — Khoán trồng đay ở Hải-hưng 40

MAI-SƠN — Địa lý quân sự trong chiến tranh nhân dân 42

NGUYỄN-VĂN-QUỲ — Nâng cao trình độ thẩm mỹ về âm nhạc cho quần chúng 47

Sinh hoạt tư tưởng ★ *NGUYỄN-TRUNG-THỰC* — Nịnh 51

VĂN-QUANG — Đặc điểm tình hình thế giới « Sau Việt-nam » 54

MINH-QUANG — Sự câu kết Mỹ — Trung-quốc, một nguy cơ đối với hòa bình và an ninh trên toàn thế giới 60

THÀNH-TÍN — Đế quốc Mỹ trong bước sa sút mới về chiến lược 66

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc:

C. MÁC — PH. ĂNG-GHEN
V. I. LÊ-NIN — I. V. XTA-LIN

- Về những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội
- Về phân công lao động xã hội
- Về tích lũy và tiêu dùng
- Bàn về sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị
- Bàn về phân phối

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ40

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

HX
9
.H68B

11

11. 1980

Digitized by Google

Digitized by Google

Xây dựng thành phố xứng đáng với vinh dự được mang tên Bác Hồ vĩ đại*

LÊ-DUẨN

Thưa các đồng chí đại biểu,

THAY mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, tôi thân ái gửi đến Đại hội lần thứ II của đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh, và qua các đồng chí đại biểu, gửi đến toàn thể đảng viên và các tầng lớp đồng bào thành phố lời thăm hỏi ân cần và thân thiết nhất của Trung ương Đảng.

Đại hội chúng ta họp năm năm sau ngày thành phố Sài-gòn và cả miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Ngày 30 tháng 4 năm 1975 mãi mãi được ghi vào lịch sử nước nhà như một mốc son chói lọi đánh dấu sự chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và sự ra đời của một kỷ nguyên mới trên Tổ quốc ta, kỷ nguyên một nước Việt-nam hoàn toàn độc lập, thống nhất và tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Từ cái mốc vĩ đại ấy nhìn lại chặng đường đã đi qua, chúng ta xiết bao tự hào về những cống hiến lớn lao của thành phố Sài-gòn — Gia-định vào cuộc đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh và vô cùng anh dũng của dân tộc

Hơn một trăm năm nay, Sài-gòn — Gia-định luôn luôn đứng ở tuyến đầu của sự nghiệp giải phóng đất nước Hết những cuộc dấy binh của nghĩa quân Trương-Định, Nguyễn-Trung-Trực, cuộc khởi nghĩa 18 thôn Vườn Trầu vào cuối thế kỷ trước, lại đến những phong trào dân tộc dân chủ đầu thế kỷ này.

Từ ngày có Đảng, Sài-gòn — Gia-định có vinh dự là nơi đóng trụ sở đầu tiên của Ban chấp hành trung ương; và dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngọn lửa cách mạng được thổi bùng lên, ngày càng bốc cao và lan rộng Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, Đông-dương đại hội họp tại Sài-gòn đã nhanh chóng lan ra cả nước.

Mùa thu năm 1945, ngày 25 tháng 8, cuộc khởi nghĩa ở Sài-gòn nổ ra với khí thế long trời lở đất, kịp thời phối hợp với các cuộc khởi nghĩa của Hà-nội, Huế và các địa phương khác, giành trọn chính quyền về tay nhân dân.

Khi thực dân Pháp trở lại gây hấn, Sài-gòn giữ vững lời thề độc lập đã nhất tề đứng lên nổ phát súng đầu tiên mở đầu cuộc kháng chiến của đồng bào Nam-bộ. Ngày 19-3-1950, khi đế quốc Mỹ bắt đầu can thiệp vào Việt-nam, đồng bào Sài-gòn đã giáng cho chúng một đòn phủ đầu đích đáng.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Sài-gòn — Gia-định đã chiến đấu ngoan cường, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng xuân Mậu Thân và cùng đồng bào cả nước đánh thắng trận cuối cùng, trong chiến

* Bài nói tại Đại hội lần thứ II đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh (15-10-1980), đã được đồng chí Lê-Duẩn sửa chữa và bổ sung.

Digitized by Google

dịch Hồ Chí-Minh lịch sử, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến oanh liệt nhất của dân tộc ta.

Trong vườn hoa rực rỡ chiến công của nhân dân Việt-nam anh hùng, mãi mãi ngát thơm những bông hoa đỏ thắm của Sài-gòn — Gia-định: Ba-son, Dĩ-an, Khánh-hội, Nhà-bè, Hóc-môn, Bà-điểm, Chợ-đệm, Vườn-thơm, Rừng-sát, An-phú-đông, Củ-chi đất thép, v.v. Cả nước tự hào về những người con tiêu biểu của Sài-gòn — Gia-định trong hai cuộc kháng chiến như Lê-Văn-Tám, Trần-Văn-Ơn, Thái-Văn-Lung, Nguyễn-Văn-Trỗi, Trần-Văn-Đang, Lê-Thị-Riêng, Trần-Văn-Kiều, Trần-Quang-Cơ, Thích-Quảng-Đức, Quách-Thị-Trang, Phạm-Văn-Hai, Phạm-Văn-Cội và bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ khác đã làm rạng rỡ truyền thống vẻ vang của thành đồng Tổ quốc.

Ban chấp hành trung ương Đảng đánh giá cao cuộc chiến đấu anh hùng và những cống hiến xuất sắc của đảng bộ và đồng bào Sài-gòn — Gia-định trong cách mạng dân tộc dân chủ. Sài-gòn — Gia-định được đồng bào cả nước tin yêu, bởi Sài-gòn — Gia-định đứng ở đầu sóng ngọn gió, giữa sào huyệt của bè lũ thực dân, vẫn luôn luôn một dạ kiên trung, bất khuất; bởi trong mỗi chiến công của Sài-gòn — Gia-định có máu xương, công sức và trí tuệ của chiến sĩ và đồng bào khắp mọi miền đất nước.

Sau ngày giải phóng, cùng với miền Nam đi vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng cuộc sống mới, Sài-gòn — Gia-định — từ nay là thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu — đã có một bước chuyển mình quan trọng theo nhịp tiến chung của dân tộc ta trong giai đoạn mới.

Từ một nơi trước đây tập trung bộ máy chiến tranh và cai trị của chủ nghĩa thực dân từ cũ đến mới và chế độ bù nhìn tay sai, sau chiến tranh sản xuất và đời sống nhiều tầng lớp dân cư bị đảo lộn nghiêm trọng, trong năm năm qua, đảng bộ và đồng bào thành phố Hồ-Chí-Minh đã tạo ra những đổi thay quan trọng.

Thành phố đã thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa trên diện rộng, xóa bỏ giai cấp tư sản thương nghiệp, cải tạo về cơ bản tư sản công nghiệp; đưa phần lớn lao động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp vào các hình thức sản xuất hợp tác, bước đầu cải tạo tiểu thương, xây dựng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã tiêu thụ và mua bán, hình thành nền kinh tế năm thành phần, trong đó kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, một số xí nghiệp tiên tiến đã phát huy khá rõ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Ở ngoại thành, công cuộc cải tạo nông nghiệp mới thu được kết quả bước đầu trong việc đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Trên mặt trận sản xuất, một số ngành công nghiệp, giao thông vận tải đã được khôi phục và tổ chức lại, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được đẩy mạnh, công nghiệp làm hàng xuất khẩu được chú ý; ở nông thôn, việc tăng vụ, phục hóa, khai hoang được đẩy mạnh, sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi bước đầu phát triển. Nhờ đó, thành phố đã giải quyết được công ăn việc làm cho một số khá đông người thất nghiệp.

Các ngành giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ, nuôi dạy trẻ em, v.v. phát triển tương đối rộng khắp, góp phần thỏa mãn những nhu cầu văn hóa và ổn định đời sống nhân dân. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa bước đầu chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của quần chúng nhân dân lao động, góp phần đáng kể vào việc bồi dưỡng những tư tưởng, tình cảm và đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa, vào cuộc đấu tranh xóa bỏ tàn dư của văn hóa thực dân, phản động. Những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu cho con người mới và nếp sống

Digitized by Google

mới xã hội chủ nghĩa xuất hiện ngày càng nhiều trong các tầng lớp nhân dân.

Sau ngày giải phóng, nhiều phong trào cách mạng của quần chúng được phát động, đã phát huy tác dụng thúc đẩy hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của thành phố; chính quyền cách mạng ở cơ sở được xây dựng, củng cố, gần đây đã có một bước trưởng thành rõ rệt. Nhờ vậy, trong hoàn cảnh khó khăn chồng chất, kể cả những lúc tình hình khẩn trương, phức tạp, thành phố nói chung vẫn giữ vững được an ninh chính trị và trật tự xã hội, đồng thời đã góp phần tích cực củng cố quốc phòng, cùng với các tỉnh miền Nam bảo đảm tốt vai trò hậu phương lớn của cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Những thành tựu bước đầu đó là kết quả của những cố gắng bền bỉ và liên tục của đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh trong việc vận dụng đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, nhất là trong việc biến đường lối chủ trương của cấp trên thành mục tiêu phấn đấu của cơ sở, thành hành động cách mạng của đông đảo quần chúng. Nhiều điển hình tiên tiến trong công nghiệp, nông nghiệp, ở xí nghiệp, phường, xã đã xuất hiện như xí nghiệp CARIC, XILICO, SINCO, nhà máy dệt 13, các nhà máy dệt Phong Phú, Bình Minh, Thành Công; như phường 5 quận Bình-thạnh, phường 20 quận 1, phường 10 quận 3, phường 1 quận Tân-bình, phường 3 quận 5, như các xã Tân-thới-hiệp huyện Hóc-môn, — Tam-bình huyện Thủ-đức, An-lạc huyện Bình-chánh, Tân-thông-hội huyện Củ-chi, Bình-khánh huyện Duyên-hải, v.v. Thành tựu của những đơn vị điển hình nói trên chỉ rõ, trong điều kiện khó khăn nhiều mặt hiện nay, nếu biết phát huy năng lực sáng tạo của cơ sở và quyền làm chủ tập thể của quần chúng thì hoàn toàn có thể tìm ra được phương hướng đúng đắn để tổ chức lao động phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất, tăng sản lượng và tăng thu nhập cho người sản xuất, để tổ chức tốt việc phân phối, cải thiện từng bước đời sống của người lao động, đồng thời làm tốt các mặt bảo đảm an toàn sản xuất, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và củng cố quốc phòng.

Thay mặt Ban chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt khen ngợi Đảng bộ thành phố về những thành tích đã đạt được. Tôi đặc biệt biểu dương những cố gắng to lớn và thành tích xuất sắc của các điển hình tiên tiến với lòng mong mỏi rằng những hạt giống tốt đó sẽ được nhân lên trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, nhằm mở rộng và nâng cao phong trào cách mạng của thành phố, khắc phục có hiệu quả những mặt yếu và khuyết điểm, để góp phần đắc lực hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Thưa các đồng chí!

Sau 30 năm chiến tranh, nhân dân ta chỉ có một điều mong muốn duy nhất là tập trung toàn lực hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa theo chủ nghĩa xã hội, nhằm xây dựng cuộc sống mới và bảo vệ đất nước, đồng thời mở rộng quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Nhưng tập đoàn phản động Bắc-kinh, thực hiện chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn, đã trắng trợn thi hành chính sách thù địch chống Việt-nam, dùng bọn tay sai Pôn Pốt — Iêng Xa-ry tiến công ta từ phía tây nam, sau đó ngang nhiên đưa 60 vạn quân sang xâm lược nước ta trên toàn tuyến biên giới phía bắc.

Mặc dù bị nhân dân ta đánh cho thất bại nặng nề, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc vẫn chưa từ

Digitized by Google

bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng đang xúc tiến liên minh với chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ, Nhật, lôi kéo các thế lực phản động xấu xa nhất, hùa nhau chống phá cách mạng Việt-nam và cách mạng hai nước anh em trên bán đảo Đông-dương, ráo riết tiến hành phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta bằng mọi thủ đoạn chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, hòng làm suy yếu, tiến lên thôn tính nước ta và toàn cõi Đông-dương, làm bàn đạp để xâm chiếm cả Đông Nam châu Á.

Do vậy, đất nước ta đang ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh. Chúng ta luôn luôn cảnh giác đối với âm mưu xấu xa và bản chất tàn bạo của tập đoàn cầm quyền ở Trung-nam-hải. Song, chúng ta tin tưởng hơn bao giờ hết rằng với lực lượng hùng hậu của quân và dân ta, có sự liên minh chiến đấu Việt-nam — Lào, Cam-pu-chia, được sự giúp đỡ, hợp tác toàn diện của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, được sự ủng hộ của tất cả các dân tộc yêu chuộng hòa bình, công lý, nhân dân ta có đầy đủ sức mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ chính trị của cách mạng nước ta hiện nay là phải tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; đồng thời thực hiện sứ mệnh lịch sử kiên quyết đấu tranh đánh bại mọi âm mưu xâm lược, phá hoại của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, giữ vững thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã tốn bao xương máu mới giành được.

Trong thời gian trước mắt, đi đôi với tăng cường quốc phòng và đặt một phần đất nước trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu, chúng ta phải tập trung cao độ những năng lực và cố gắng của cả nước, của tất cả các ngành, các cấp để ổn định và phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân, đồng thời chuẩn bị cho những bước tiến lên mạnh mẽ sau này, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện thắng lợi quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, một sự nghiệp rất khó khăn và mới mẻ trong lịch sử, chúng ta phải nắm vững đặc điểm cơ bản của tình hình nước ta, giải quyết đúng đắn hàng loạt vấn đề có ý nghĩa chiến lược như đã nêu trong đường lối chung và đường lối kinh tế được thông qua tại Đại hội lần thứ IV của Đảng. Theo phương hướng đó, cả nước ta trong tương lai, về đại thể sẽ có ba thành phố công nghiệp lớn và một số khu công nghiệp tập trung đang và sẽ hình thành, có các tỉnh sẽ được xây dựng thành những tỉnh công — nông nghiệp, với khoảng 400 huyện sẽ được xây dựng thành những đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Thành phố Hồ-Chí-Minh là một trong ba thành phố lớn. Chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới đã để lại cho thành phố những hậu quả nghiêm trọng: một nền kinh tế dựa vào «viện trợ» Mỹ; một nền công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp chế biến, dựa vào nguyên liệu, vật liệu của nước ngoài; một bộ phận khá đông cư dân sống dựa vào chiến tranh và «viện trợ», với một mức sống vượt quá khả năng của nền sản xuất trong nước; một nền «văn hóa» sản sinh ra biết bao tệ nạn xã hội và để lại những di sản độc hại lâu dài.

Song hoàn cảnh lịch sử cũng tạo ra cho thành phố những thế mạnh quan trọng. Đây là nơi tập trung hầu hết những cơ sở sản xuất công nghiệp dưới chế độ của Mỹ và tay sai. Tài sản cố định của thành phố bằng 1/5 của cả nước; giá trị sản lượng công nghiệp của thành phố chiếm khoảng 1/4 sản

Digitized by Google

lương công nghiệp của cả nước. Khả năng sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ở đây lớn hơn các địa phương khác trong nước. Một số cơ sở công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, được trang bị kỹ thuật tương đối hiện đại; đội ngũ công nhân, thợ thủ công có tay nghề khá, làm được nhiều mặt hàng phong phú, đa dạng; nhân viên kỹ thuật, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn tương đối khá.

Thành phố có 120 000 héc ta đất nông nghiệp, có sông, có biển, có rừng và nằm giữa một vùng nông thôn trù phú là đồng bằng sông Cửu-long, miền Đông Nam-bộ và cao nguyên miền Trung.

Thành phố là một đầu mối giao thông quan trọng tỏa ra các vùng trong nước, đồng thời nối liền nước ta với nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước ở Đông Nam châu Á.

Với thế mạnh đó, thành phố Hồ-Chí-Minh phải trở thành và có đủ điều kiện để xây dựng thành một trung tâm công nghiệp lớn với số ngành công nghiệp mũi nhọn như đóng tàu, cơ khí phục vụ nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, chế biến nông sản, hải sản, v.v. thành một trung tâm văn hóa, khoa học kỹ thuật, một trung tâm giao dịch quốc tế của nước ta.

Nhiệm vụ của thành phố về kinh tế trong vòng năm năm tới là:

Ra sức ổn định tình hình kinh tế và đời sống nhân dân. Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, trên cơ sở kiểm kê nắm vững năng lực sản xuất, phát huy hết công suất thiết bị và lực lượng lao động hiện có; chú ý đầu tư chiều sâu, từng bước trang bị thêm và mở rộng những cơ sở sản xuất cần thiết, nhằm không ngừng tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phấn đấu đạt năng suất cao tiêu biểu cho các tỉnh miền Nam, tạo được vành đai thực phẩm và rau xanh ổn định cho thành phố. Tận dụng năng lực của công nghiệp để mở rộng đánh bắt và chế biến hải sản. Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới; phấn đấu hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại một bước hợp lý các ngành kinh tế, gắn liền với cải tiến quản lý kinh tế làm cho sản xuất phát triển, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế đều tăng.

Tiếp tục cải tiến phân phối, lưu thông, phấn đấu nắm đại bộ phận hàng do công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thành phố sản xuất, tăng cường nắm nông sản làm nguyên liệu cho công nghiệp; làm tốt việc đăng ký kinh doanh công thương nghiệp; đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường; tăng cường thu thuế công thương, tăng thu, giảm chi, thực hành tiết kiệm; tiếp tục sắp xếp việc làm cho những người thiếu việc, bảo đảm cung cấp ổn định những mặt hàng thiết yếu cho cán bộ, công nhân, viên chức trong khu vực Nhà nước.

Phát huy ưu thế về công nghiệp để phục vụ nông nghiệp ngoại thành, nông nghiệp các tỉnh đồng bằng sông Cửu-long và các tỉnh miền Nam, thúc đẩy sản xuất lương thực, thực phẩm, mở ra những vùng cây công nghiệp, cung ứng nguyên liệu ổn định cho công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Tóm lại, gắn liền công nghiệp thành phố với nông nghiệp các tỉnh miền Nam, dùng công nghiệp thúc đẩy nông nghiệp phát triển, và ngược lại, lấy nông nghiệp làm cơ sở phát triển công nghiệp, nhất là những ngành dựa vào nguyên liệu nông sản trong nước.

Thành phố Hồ-Chí-Minh có thể và phải trở thành một trong hai thành phố xuất khẩu lớn nhất của cả nước. Tận dụng mọi lực lượng và điều kiện thuận lợi của thành phố, phát huy mọi sáng kiến và kinh nghiệm của

Digitized by Google

thợ lành nghề, nghệ nhân và một số nhà kinh doanh có lòng yêu nước, để mở nhiều ngành nghề làm hàng xuất khẩu. Đi sâu hơn nữa về tổ chức sản xuất, phương thức kinh doanh để tạo được những mặt hàng chủ lực có giá trị về chất lượng, cũng như về số lượng giành được tín nhiệm của khách hàng, chống làm dối, làm giả. Cố gắng thông qua xuất nhập khẩu để tự giải quyết một phần quan trọng nhu cầu về vật tư kỹ thuật, về nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng cho công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của thành phố.

Việc xác định vị trí của thành phố Hồ-Chí-Minh, việc vạch ra nhiệm vụ trước mắt cũng như phương hướng phát triển kinh tế lâu dài cho thành phố không chỉ là công việc của đảng bộ và chính quyền thành phố và không chỉ liên quan tới vai trò và trách nhiệm của Ban chấp hành đảng bộ và Ủy ban nhân dân thành phố. Đó là một bộ phận quan trọng của quy hoạch phát triển kinh tế và phân bố lao động trong phạm vi cả nước, đồng thời gắn liền với chủ trương về phân công và hợp tác quốc tế. Vì vậy, công việc đó cũng là trách nhiệm của Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ. Các ngành ở trung ương phải đứng trên lợi ích chung mà nhìn nhận một cách sáng tỏ vị trí khách quan của thành phố Hồ-Chí-Minh, để cùng với Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố đặt kế hoạch khai thác tối đa năng lực kinh tế của thành phố nhằm phục vụ nền kinh tế chung và sự nghiệp công nghiệp hóa của đất nước. Ngược lại, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố cũng phải đứng trên quan điểm toàn cục để kết hợp việc phát triển kinh tế của thành phố với quy hoạch và kế hoạch phát triển nền kinh tế cả nước.

Trong việc tổ chức lại và phát triển sản xuất công nghiệp, cải tiến quản lý kinh tế, phải đứng trên quan điểm toàn cục và vì lợi ích chung mà giải quyết đúng đắn quan hệ giữa thành phố với các ngành sản xuất và quản lý ở trung ương, cũng như quan hệ giữa thành phố và các tỉnh miền Nam, nhất là trong vấn đề phân cấp quản lý, phân công và hiệp tác sản xuất.

Thưa các đồng chí,

Đi đôi với nhiệm vụ trung tâm cải tạo và phát triển kinh tế nhằm xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tiến hành một cuộc đấu tranh rộng lớn nhằm xây dựng chế độ mới, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, giữ gìn an ninh chính trị và củng cố quốc phòng.

Chế độ mới của chúng ta là chế độ xã hội chủ nghĩa, chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, một chế độ phát triển đến giai đoạn cao sẽ bảo đảm cho con người làm chủ được xã hội, làm chủ được thiên nhiên và làm chủ bản thân, tức là bảo đảm cho con người chuyển từ « vương quốc của tất yếu đến vương quốc của tự do »; và như vậy giành lại được giá trị chân chính của con người về cho con người. Những lời hoa mỹ về tự do, về nhân quyền mà bọn tư bản, đế quốc thường rêu rao chỉ là những lời trống rỗng, bởi vì xã hội tư bản chủ nghĩa không bao giờ và không thể nào bảo đảm cho người lao động thực hiện được làm chủ về cả ba phương diện nói trên.

Thiết lập quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là mục đích cuối cùng của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Song làm chủ không chỉ là mục đích, mà còn là phương tiện, là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong buổi đầu của thời kỳ quá độ. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ và chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện ngay quyền làm chủ về chính trị của nhân dân lao động ở tất cả các cấp đặc biệt ở

Digitized by Google

cơ sở, dựa vào quyền làm chủ đó để tiến hành những cải biến cách mạng trong lĩnh vực kinh tế, tổ chức lại sản xuất, tổ chức đời sống của nhân dân.

Để thực hiện được quyền làm chủ ấy, trước hết phải có quan điểm đúng trong việc đánh giá quần chúng nhân dân trong vùng địch kiểm soát trước đây. Chúng ta đều biết để chống phá cách mạng, đế quốc Mỹ và tay sai đã « bôi đen » hầu hết mọi người sống trong vòng kìm kẹp của địch bằng mọi thủ đoạn lừa mị, cưỡng ép và bằng mọi thứ công cụ, kể cả lợi dụng giáo lý và thần quyền. Sau khi đập tan bộ máy cai trị của địch, ta phải giải phóng quần chúng nhân dân khỏi mọi sự trói buộc về tư tưởng, tinh thần, kéo họ về phía ánh sáng của cách mạng, đưa họ từ địa vị người nô lệ, người bị áp bức lên địa vị người làm chủ, người tự do. Chúng ta luôn luôn cảnh giác với các thế lực phản động âm mưu chống phá cách mạng. Nhưng, chỉ có trên cơ sở bảo đảm quyền làm chủ thật sự của quần chúng thì chúng ta mới có thể phát hiện và đập tan được âm mưu và hoạt động của những phần tử phản cách mạng.

Trong lúc này, nhân dân ta đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề và đất nước còn nhiều khó khăn thì chúng ta càng cần phải làm tốt công tác phát động quần chúng nhằm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trong xí nghiệp công nghiệp, công nhân phải làm chủ nhà máy. Là giai cấp tiên phong cách mạng, là đội quân chủ lực của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, công nhân phải đứng ở mũi nhọn của cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, của cuộc đấu tranh xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, cuộc đấu tranh chống bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, và phải tỏ rõ bản chất và bản lĩnh cách mạng trong lúc đất nước phải đương đầu với những thử thách hiểm nghèo. Tiếng nói và vai trò của giai cấp công nhân và của Công đoàn phải được các tổ chức Đảng và chính quyền thật sự tôn trọng, phải được phản ánh trong các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và phúc lợi của từng xí nghiệp, cũng như trong các kế hoạch cải tạo và xây dựng của thành phố.

Ở nông thôn, phải làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục và tổ chức nông dân vào các tổ chức làm ăn tập thể. Phải bảo đảm quyền làm chủ của nông dân đối với các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, tích cực tạo điều kiện cho bà con phát huy truyền thống yêu nước, lòng tin Đảng và sự gắn bó với Đảng, đặng góp phần xứng đáng vào công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp, vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc.

Ở cơ sở, đảng viên phải cùng với tất cả những người lao động làm chủ từng xí nghiệp, từng phường, từng xã, nhằm tìm ra những biện pháp tốt nhất để phát triển sản xuất, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, bảo đảm cho người có sức lao động có việc làm, những người già cả, cô đơn, tật nguyền và trẻ mồ côi được chăm sóc, giúp đỡ, không để một ai bị đói rét, thiếu thốn; đồng thời luôn luôn vững vàng đấu tranh chống lại những thủ đoạn phá hoại của địch về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

Thanh niên là rường cột để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, bảo vệ thành phố. Đảng bộ phải đặc biệt quan tâm lãnh đạo Đoàn thanh niên, nhà trường, xã hội và gia đình phối hợp chặt chẽ với nhau làm tốt công tác quản lý, giáo dục và động viên tuổi trẻ thành phố biết sống, đấu tranh và rèn luyện theo gương Lý-Tự-Trọng, Trần-Văn-Ơn, Nguyễn-Văn-Trỗi, nêu cao truyền thống vẻ vang của thanh niên Việt-nam trong mọi

Digitized by Google

hoạt động, mọi công tác theo lời kêu gọi của Tổ quốc và của Đảng.

Trí thức là vốn quý của đất nước. Phải hết sức quý trọng sự hiểu biết và tài năng của anh chị em, giúp đỡ thích đáng trong hoạt động nghề nghiệp cũng như về đời sống, sử dụng, động viên, khuyến khích anh chị em tham gia nghiên cứu các chương trình kinh tế, các đề tài khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện cho anh chị em cống hiến tốt hơn cho sự nghiệp cách mạng khoa học kỹ thuật, cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, phụ nữ Việt-nam là một lực lượng cách mạng rất hùng hậu. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phụ nữ đóng vai trò rất to lớn. Phải giáo dục, động viên, tổ chức cho chị em tham gia ba cuộc cách mạng, thực hiện quyền làm chủ tập thể, thực hiện bình đẳng nam nữ, thực hiện giải phóng xã hội và giải phóng phụ nữ.

Đối với tín đồ các tôn giáo, chính sách trước sau như một của chúng ta là tôn trọng tự do tín ngưỡng, thực hiện đoàn kết lương giáo để cùng nhau tiến hành cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển sản xuất, tổ chức cuộc sống mới và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Mục đích của chúng ta, chiến đấu vì độc lập của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân, hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng sâu xa của đông đảo tín đồ tôn giáo. Cho nên chúng ta tin rằng các tín đồ luôn luôn cùng đi với chúng ta một con đường để đạt tới mục đích cao quý đó.

Phải hoàn thiện cơ chế làm chủ tập thể ở các cấp nhất là ở cơ sở: củng cố và nâng cao chất lượng lãnh đạo của đảng bộ và của chi bộ; không ngừng củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp nhất là chính quyền phường, xã; tăng cường tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, cải tiến hình thức và nội dung sinh hoạt, hội họp sao cho thiết thực, thuận tiện để quần chúng có thể đóng góp ý kiến về tất cả mọi vấn đề có quan hệ đến lợi ích và quyền làm chủ của họ.

Hơn 100 năm thống trị nước ta, bọn đế quốc đã thi hành một chính sách văn hóa cực kỳ thâm độc nhằm chia rẽ và miệt thị dân tộc, xóa bỏ lòng yêu nước thương nòi, chà đạp những giá trị tinh thần cao quý của người Việt-nam, nhồi sọ tư tưởng phục đế quốc, sợ đế quốc, sinh những kiểu cách lai căng, mất gốc, cổ súy lối sống ăn bám, coi khinh lao động, lối sống đồi trụy, chạy theo những tâm lý và thị hiếu thấp hèn nhất để thỏa mãn chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ đến tột độ. Trong cuộc đấu tranh lâu dài để giải phóng dân tộc, đồng bào thành phố đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng; song không tránh khỏi có một bộ phận cư dân bị tiêm nhiễm những nọc độc của chính sách văn hóa phản động của địch.

Năm năm qua, thành phố Hồ-Chí-Minh đã thu được những kết quả đáng mừng trong cuộc đấu tranh giành lại những con người đau khổ, nạn nhân của chế độ cũ, trong cuộc phấn đấu kiên nhẫn để xây dựng con người mới trong các tầng lớp nhân dân, tạo nên những cơ sở ban đầu của cuộc sống mới về tinh thần, về văn hóa. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng ở thành phố này vẫn còn khá phức tạp. Bên cạnh những cái hay, cái đẹp, những người tốt, việc tốt xuất hiện ngày càng nhiều, thì những cái hư, cái xấu vẫn còn, những rác rưởi của xã hội cũ vẫn có chỗ để bám và tiếp tục xâm nhập vào một bộ phận nhất định trong nhân dân.

Vì vậy, đảng ủy và chính quyền các cấp phải luôn luôn nắm chắc mặt trận văn hóa, tư tưởng. Phải phối hợp tất cả các lực lượng, các phương tiện để tiến hành một cuộc đấu tranh có kế hoạch, thích hợp với từng đối tượng, sát với tâm tư, tình cảm,

Digitized by Google

nguyện vọng của mỗi giới, mỗi lứa tuổi, mỗi tầng lớp xã hội, không chỉ bằng tuyên truyền giáo dục mà bằng nhiều hình thức phong phú của công tác văn hóa quần chúng và thông qua phong trào cách mạng của đông đảo quần chúng, nhằm một mặt xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, mặt khác, tiếp tục đấu tranh quét sạch những di sản của nền văn hóa cũ.

Thành phố Hồ-Chí-Minh cần phát huy thế mạnh về cơ sở vật chất, về phương tiện và đội ngũ công tác văn hóa để đáp ứng ngày càng tốt hơn những nhu cầu về thưởng thức văn học, nghệ thuật, đưa văn hóa, văn nghệ đến tận các xóm lao động, các xã, ấp vùng nông thôn hẻo lánh. Phải làm cho khắp nông thôn và thành phố, đâu đâu cũng có phong trào thể dục thể thao, phong trào vệ sinh, phòng bệnh, có hoạt động văn hóa, văn nghệ, có tổ chức chiếu phim, đọc sách báo, v.v. Phải tăng cường chỉ đạo, không ngừng nâng cao chất lượng phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, làm cho nó có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, để đấu tranh xóa bỏ tàn dư văn hóa lai căng, phản động của chủ nghĩa thực dân mới. Phải làm cho thành phố mang tên Bác Hồ, cùng với thủ-đô Hà-nội, xứng đáng là trung tâm tiêu biểu cho nền văn hóa mới của nước Việt-nam độc lập, xã hội chủ nghĩa.

Thông qua việc thực hiện ba cuộc cách mạng, đặc biệt là cách mạng văn hóa tư tưởng, bằng công tác chính trị tư tưởng trong Đảng, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên và nhà trường xã hội chủ nghĩa, chúng ta giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo những con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới trước hết phải là con người Việt-nam hiểu rõ lịch sử anh hùng và cội nguồn dân tộc, có lòng yêu nước thương nòi, có niềm tự hào sâu sắc được làm con cháu các Vua Hùng, con cháu Bà Trưng, Bà Triệu, con cháu Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi, Quang-Trung, được làm người chiến sĩ cách mạng trong thời đại Hồ-Chí-Minh. Phải làm cho mọi người dân thành phố hiểu rõ lịch sử nước nhà, có niềm tự hào chính đáng về nhân dân Việt-nam, về đất nước Việt-nam, nhận thức một cách thấm thía mối quan hệ máu thịt giữa sự tồn tại của cá nhân mình, gia đình mình với sự sống còn của Tổ quốc Việt-nam, của cộng đồng dân tộc Việt-nam. Đồng thời kết hợp lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, biết yêu mến, quý trọng sự nghiệp cách mạng của các nước anh em, của giai cấp công nhân quốc tế, của các dân tộc bị áp bức, hoàn toàn đoàn kết với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì những mục tiêu cao cả của thời đại chúng ta: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Xã hội là sự thống nhất của ba tồn tại: một người, một gia đình và toàn xã hội. Không có sự tồn tại của một người thì không có xã hội. Không có gia đình, không có tái sản xuất ra con người thì không có xã hội. Không có toàn xã hội thì một người, một gia đình không thể sống được. Ba tồn tại đó là một thể thống nhất. Kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa phải nhằm phục vụ cho ba tồn tại đó.

Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người sống đẹp, con người làm chủ tập thể, thiết tha và gắn bó với chế độ mới, biết kết hợp đúng đắn lợi ích của bản thân với lợi ích của tập thể và lợi ích toàn xã hội; là con người yêu lao động, coi lao động là lẽ sống, là phẩm giá của con người, là phương tiện để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân; là con người giàu tình thương và biết tôn trọng chân lý.

Giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa phải bắt đầu từ lứa tuổi thơ. Phải phát huy thành tích bước đầu của thành phố về mặt chăm sóc và giáo dục thiếu nhi,

Digitized by Google

tổ chức tốt hơn nữa công tác nuôi dạy các cháu ở nhà trẻ, lớp mẫu giáo, làm cho tất cả các đoàn thể, các ngành, các cấp và toàn xã hội đều hưởng ứng và có sự đóng góp thiết thực vào sự nghiệp « bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau » Ta còn nghèo, nhưng cái gì có thể làm được để các cháu được nuôi dạy, chăm sóc và bảo vệ tốt hơn thì phải hết sức cố gắng làm.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội chống âm mưu xâm lược và hành động phá hoại của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh. Trong việc thi hành chính sách thù địch chống nhân dân ta, trong việc phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta, bọn phản động Trung-quốc cũng như đế quốc Mỹ và các loại đế quốc, phản động khác coi thành phố Hồ-Chí-Minh là một địa bàn trọng điểm. Chúng phối hợp các mặt hoạt động để chống phá chúng ta : vừa chia rẽ, kích động về chính trị, vừa phá hoại kinh tế, phá rối thị trường, đi đôi với chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp. Hoạt động của bọn phản động trong thành phố có liên hệ với các cơ quan chỉ huy tình báo, gián điệp ở bên ngoài. Đảng bộ và đồng bào thành phố phải nhận rõ âm mưu nham hiểm của kẻ thù, luôn luôn mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng, tiến hành đấu tranh trên nhiều mặt, phối hợp lực lượng an ninh, lực lượng vũ trang, với lực lượng quần chúng để đập tan mọi hành động phá hoại về chính trị cũng như về kinh tế, mọi luận điệu chiến tranh tâm lý và hoạt động gián điệp của chúng ; đồng thời đấu tranh đẩy lùi và xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, nghiêm khắc trừng trị và quét sạch những phần tử lưu manh, những tàn dư phản động, bọn gian thương, những phần tử hư hỏng và cặn bã khác. Cùng với các tỉnh miền Nam, thành phố Hồ-Chí-Minh phải tiếp tục làm tốt nghĩa vụ vẻ vang là hậu phương lớn của đất nước, chống bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ trọng đại của đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh và vị trí quan trọng của thành phố trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải có chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, củng cố đảng bộ, đặc biệt là trong việc nâng cao năng lực tổ chức và sức chiến đấu của đảng bộ từ Thành ủy đến các tổ chức Đảng ở cơ sở, từ cán bộ lãnh đạo đến toàn thể đảng viên.

Củng cố, xây dựng Đảng phải gắn liền với *nhiệm vụ chính trị* của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Toàn Đảng bộ, từng tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải mạnh để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, và qua cuộc đấu tranh đó mà nâng mình lên về cả hai phương diện : trình độ hiểu biết, năng lực tổ chức, và phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng. Phải khẩn trương nâng cao năng lực và trình độ mọi mặt của đảng bộ, đặc biệt là năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội và tổ chức đời sống nhân dân. Mỗi đảng viên, cán bộ dù ở cương vị nào đều phải chịu khó học tập, coi học tập là một tiêu chuẩn về tính Đảng, phải kiên quyết dành thì giờ cần thiết để đi sát cơ sở, đi vào sản xuất, học tập mua bán, học tập kinh doanh, học tập cung cách làm ăn trong một nền sản xuất đại công nghiệp. Phải học tập để nắm vững và chấp hành đúng đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Phải làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận rõ vị trí chiến đấu của người đảng viên cộng sản trong việc chuyển từ cách mạng dân tộc dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong cuộc đấu tranh không phải để đánh đổ kẻ thù đế quốc

Digitized by Google

bên ngoài mà là để cải biến xã hội cũ thành xã hội mới, và tự cải tạo mình theo hình ảnh của xã hội mới. Cuộc đấu tranh đó đòi hỏi người đảng viên phải đứng trên quan điểm của Đảng, trên lợi ích chủ nghĩa xã hội mà gương mẫu chấp hành các chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, chính sách ruộng đất, nghĩa vụ nộp thuế và bán nông sản cho Nhà nước, v.v. đồng thời phải thấy rõ tính chất gay go phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp ở thành phố này để luôn luôn vững vàng trước mọi thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo của giai cấp tư sản và bọn phản động thù địch. Nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn này còn đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải nhận rõ chân tướng của kẻ thù mới của cách mạng Việt-nam—chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn Trung-quốc—luôn luôn cảnh giác với chúng, tin tưởng vào khả năng của nhân dân ta đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh.

Năm năm qua, trong đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh, số đông đảng viên đã đứng vững trên trận địa cách mạng mới, xứng đáng với danh hiệu người chiến sĩ cộng sản, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, gương mẫu chấp hành đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa, chấp hành đúng đắn các chính sách liên quan đến công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, một lòng tận tụy vì nước, vì dân, được dân mến, dân tin. Song đáng tiếc là có một số đảng viên sa sút ý chí chiến đấu, dừng lại, nghỉ ngơi, chỉ lo cho cuộc sống riêng tư, không nghĩ đến đời sống của quần chúng, không thiết gì sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Một số ít thoái hóa, biến chất, sa ngã trước sự tấn công của kẻ thù, phạm những khuyết điểm nghiêm trọng: ăn cắp của công, ăn của hối lộ, ức hiếp quần chúng, sa đọa, bê tha, v.v. làm cho thanh danh của Đảng bị tổn thương.

Công tác chính trị tư tưởng trong đảng bộ hiện nay phải nhằm phân rõ phải trái, đúng sai về những vấn đề có tính nguyên tắc của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, giúp cho những cán bộ, đảng viên nói trên khắc phục khuyết điểm, sai lầm, tiếp sức cho anh chị em kiên định con đường đấu tranh vì thắng lợi của độc lập dân tộc, của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tất cả cán bộ, đảng viên, bất cứ ở cương vị nào, đều phải chăm lo trau dồi phẩm chất, đạo đức, luôn luôn tỉnh táo, nghiêm khắc răn mình, đừng để bị thoái hóa, sa ngã. Phải chấp hành nghiêm ngặt những quy định gần đây của Trung ương Đảng về chế độ định kỳ tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên. Đối với những phần tử hư hỏng, không chịu sửa chữa thì phải xử lý kịp thời, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng.

Giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa đảng bộ với quần chúng nhân dân lao động là một yêu cầu thường xuyên của công tác xây dựng, củng cố đảng bộ. Phải đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, chống thái độ cửa quyền, gây phiền hà cho dân, xâm phạm lợi ích của dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Tại thành phố này, trong dịp gặp các đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành miền Nam năm 1977, tôi có nói: là đảng viên cộng sản mà ngày nào, giờ nào không nghĩ đến thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì ngày ấy, giờ ấy chính mình đã phản bội lý tưởng của mình, phản bội sự nghiệp của mình và không xứng đáng là đảng viên cộng sản nữa.

Cần làm cho đồng bào thành phố hiểu rõ mối quan tâm ấy của Đảng để đồng bào góp ý kiến xây dựng Đảng, giúp Đảng kiểm tra tư cách của cán bộ, đảng viên. Toàn thể cán bộ,

Digitized by Google

đảng viên phải nghiêm khắc đòi hỏi mình vươn lên theo kịp yêu cầu của cách mạng, làm tốt hơn nữa nhiệm vụ phục vụ nhân dân, không được vin vào khó khăn để gây phiền phức cho đồng bào. Chúng ta nhất định phấn đấu thực hiện đúng lời dạy của Hồ Chủ tịch: « Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Đảng là bộ tham mưu quyết định thành bại của cách mạng. Sức mạnh của bộ tham mưu đó là ở sự nhất trí về đường lối, sự thống nhất về tổ chức, thống nhất ý chí và hành động. Các tổ chức Đảng, các cấp lãnh đạo và cán bộ, đảng viên thuộc đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh phải luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong đảng bộ, đoàn kết giữa cán bộ cũ và cán bộ mới, giữa cán bộ thuộc nhiều địa phương và nhiều nguồn đào tạo khác nhau. Sự đoàn kết nhất trí của đảng bộ là hạt nhân để đoàn kết hơn ba triệu đồng bào thành phố, lương và giáo, Việt và Hoa, cùng chia sẻ niềm vui thắng lợi, cùng chung lo trước những khó khăn của bước trưởng thành, quyết vượt qua mọi gian lao, thử thách, cùng đồng bào cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam yêu quý

Ban chấp hành trung ương Đảng tin tưởng rằng đảng bộ thành phố có truyền thống đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm, truyền thống gắn bó mật thiết với quần chúng, nhất định sẽ phát huy được tối đa những khả năng tiềm tàng của địa phương, sớm khắc phục những khó khăn trước mắt, xây dựng thành phố chúng ta xứng đáng với tên tuổi người chiến sĩ cộng sản Việt-nam vĩ đại: đồng chí Hồ-Chí-Minh mà thành phố được vinh dự mang tên!

Chúc Đại hội lần thứ II của đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh thành công tốt đẹp. Chúc đảng bộ và đồng bào thành phố bước vào năm thứ 6 của kỷ nguyên mới của dân tộc với niềm tin và quyết tâm giành nhiều thắng lợi mới!

Digitized by Google

Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào vững bước đi lên

NGÀY 2 tháng 12 năm 1975, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ra đời. Đó là thành quả to lớn của 30 năm đấu tranh cách mạng gian khổ, kiên cường của nhân dân các dân tộc Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào.

Phân tích một cách khách quan, toàn diện thực tiễn xã hội Lào và xu thế chung của thời đại, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng nhân dân cách mạng Lào đầu năm 1972 khẳng định lại một lần nữa việc tiến lên chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của cách mạng Lào. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Lào là: « ...Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ».

Dựa vào nhiệm vụ cơ bản đó, sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, cuối năm 1975 Đảng nhân dân cách mạng Lào đã đề ra đường lối « Xây dựng một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và xã hội chủ nghĩa ». Đường lối đó đã được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Lào hoàn toàn nhất trí vì nó phù hợp với nguyện vọng sâu xa, tha thiết của nhân dân các dân tộc Lào.

Năm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các dân tộc Lào đã vượt qua những khó khăn, thử thách to lớn, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa và đứng vững trên vị trí tiền tiêu của mình, giành được những thành tích rực rỡ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Cùng với Việt-nam và Cam-pu-chia, Lào nằm trong hệ thống tiền đồn của cộng đồng xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam châu Á. Sau khi Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ra đời, bọn đế quốc đứng đầu là Mỹ, bọn bành trướng Bắc-kinh, các thế lực phản động trong và ngoài nước Lào đã câu kết với nhau, dùng mọi thủ đoạn để tiến công phá hoại hòng làm suy yếu Lào, gây bạo loạn lật đổ chế độ mới, xâm lược, thôn tính Lào.

Nhận thức được trách nhiệm và vinh dự của một nước đang đứng ở vị trí tiền tiêu, vừa vì lợi ích thiết thân của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vừa vì nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng của mình đối với cách mạng thế giới, trực tiếp là đối với lợi ích hòa bình và ổn định của khu vực Đông Nam châu Á, nhân dân các dân tộc Lào luôn luôn tỉnh táo nhìn thấu mọi âm mưu nham hiểm của các loại kẻ thù cũ và mới, không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường đoàn kết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu bao vây, tiến công của đế quốc và tay sai, mọi thủ đoạn thâm nhập, chia rẽ, phá hoại rất thâm độc kể cả âm mưu gây bạo loạn, lật đổ của bọn bành trướng Bắc-kinh, giữ vững độc lập chủ quyền và an ninh của đất nước. Qua thử thách trong cuộc chiến đấu mới, các lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh nhân dân Lào không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, luôn luôn phát huy chủ nghĩa anh hùng cách

Digitized by Google

mạng, bản chất tốt đẹp của lực lượng vũ trang nhân dân, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh để làm tròn sứ mệnh một lực lượng nòng cốt của hệ thống chuyên chính vô sản trên mặt trận bảo vệ an ninh, quốc phòng

Lào là một nước có tài nguyên phong phú, nhưng đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp tự túc, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề suốt 30 năm qua, mấy năm gần đây lại bị thiên tai liên tiếp. Do đó nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã vấp phải những trở ngại hết sức to lớn trong công cuộc khôi phục, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa. Tuy vậy, với đường lối đúng đắn động viên được phong trào quần chúng hăng hái tham gia lao động sản xuất, cộng với sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè trên thế giới, năm năm qua Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã từng bước khắc phục khó khăn, giành được nhiều thắng lợi quan trọng trên mặt trận kinh tế, bảo đảm ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc.

Về nông nghiệp, so với trước ngày giải phóng, hiện nay diện tích gieo cấy đã tăng gần 20%, (phần lớn do phục hóa và khai hoang), so với năm 1976 diện tích trồng lúa tăng 30%, diện tích trồng cây công nghiệp và màu tăng ba lần, tổng sản lượng lương thực tăng trên 30%. Công tác thủy lợi được Nhà nước rất quan tâm và trở thành phong trào quần chúng trong cả nước. Nhiều công trình thủy lợi lớn và vừa đã được xây dựng. Diện tích được tưới nước tăng gấp ba lần so với trước ngày giải phóng. Đàn gia súc bị giảm sút nghiêm trọng trong chiến tranh đã nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Riêng trâu, bò tăng trên 30%, lợn tăng 70% so với năm 1976. Diện tích và sản lượng các loại cây công nghiệp, nhất là cà phê, thuốc lá tăng từ 25% đến 30%. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp bắt đầu từ giữa năm 1978 đã đạt được những thành tích quan trọng: cả nước đến đầu năm 1980 có hơn 2500 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thu hút 50% tổng số hộ làm ruộng; chưa kể hàng vạn tổ đoàn kết sản xuất đang hoạt động có kết quả, tạo điều kiện cho nông dân tập dượt để đi vào nền nếp làm ăn tập thể. Hàng chục nông trường quốc doanh, trạm, trại thí nghiệm nông nghiệp đã và đang được xây dựng.

Lâm nghiệp là một trong hai thế mạnh của nền kinh tế Lào. Trong năm năm qua đã có hơn một triệu héc ta rừng ở các vùng trọng điểm được điều tra, khảo sát. Sản lượng gỗ khai thác trong năm 1980 tăng gần 70% so với năm 1977. Gỗ đứng đầu trong danh mục các loại hàng xuất khẩu chính của Lào hiện nay.

Công nghiệp của Lào trước ngày giải phóng còn nhỏ bé, quẹ quặt, mang nặng tính chất gia công, thường bị đình đốn do thiếu nguyên liệu và vật liệu, đến nay đã được khôi phục phần lớn. Sản phẩm công nghiệp quốc doanh chiếm trên 75% khối lượng sản phẩm công nghiệp cả nước. Nhiều cơ sở được mở rộng hoặc xây dựng mới như nhà máy thủy điện Nậm-ngừm có công suất tăng gần bốn lần so với trước ngày giải phóng, các nhà máy chế biến thức ăn cho gia súc, sản xuất thuốc thú y, các xí nghiệp sửa chữa cơ khí, sản xuất nông cụ, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm... Các nghề sản xuất thủ công hầu như bị mai một dưới chế độ cũ đã từng bước được khôi phục và khuyến khích phát triển. Sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp nói chung còn nhiều hạn chế, nhưng đều đã phát huy tác dụng phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, phục vụ đời sống và xuất khẩu.

Ngành giao thông vận tải cũng thu được những thành tích quan trọng. Chiều dài của hệ thống đường bộ

Digitized by Google

tăng hơn 30% so với trước ngày giải phóng, gần 500 cầu cống được sửa chữa và làm mới Năng lực vận tải của Nhà nước ngày càng tăng. Hệ thống đường hàng không trong nước và với nước ngoài đã được khôi phục. Việc mở các đường ra biển qua phía đông đang được xúc tiến.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa không ngừng phát triển. Số lượng và quy mô các cửa hàng mậu dịch quốc doanh tăng gấp đôi so với năm 1975. Hợp tác xã mua bán được thành lập, mở rộng mạng lưới kinh doanh xuống đến 36% số xã. Công tác cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa được xúc tiến đã góp phần quan trọng vào việc quản lý, ổn định thị trường. Ngành ngoại thương có nhiều cố gắng. Hàng Nhà nước bán ra cho nhân dân năm 1980 tăng 2,8 lần so với năm 1977, kim ngạch xuất khẩu năm 1979 tăng gần ba lần so với năm 1976.

Việc xây dựng nền tài chính và tiền tệ độc lập được xúc tiến bằng nhiều biện pháp tích cực. Các chính sách thuế khóa bất công của chế độ cũ được thay thế bằng các chính sách thuế mới công bằng, hợp lý nhằm khuyến khích sản xuất và bảo đảm tăng thu nhập cho ngân sách. Việc thống nhất tiền tệ trong cả nước và việc phát hành đồng kip ngân hàng là thắng lợi có ý nghĩa vừa kinh tế, vừa chính trị quan trọng, góp phần làm thất bại các âm mưu lũng đoạn kinh tế, phá hoại về chính trị của địch, nhất là của bọn phản động Bắc-kinh đối với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Thực hiện đường lối đưa cách mạng văn hóa và tư tưởng đi trước một bước, theo phương hướng xây dựng một nền văn hóa dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã tận dụng mọi khả năng đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, qua đó thể hiện rõ tính hơn hẳn của chế độ mới. Giáo dục phổ thông phát triển với nhịp độ nhanh Trong năm 1980, 26,5% số dân đi học (kể cả bổ túc văn hóa và bình dân học vụ); năm học 1979 — 1980 số học sinh phổ thông tăng 157% so với năm học 1975 — 1976 và nếu so với năm học 1973 — 1974 thì tăng gần hai lần; cũng so với năm học ấy học sinh cấp II tăng gần 6 lần, học sinh cấp III tăng 11 lần và học sinh công nghiệp tăng 12,9 lần; số học sinh đại học năm học 1979 — 1980 tăng 73% so với năm học 1977 — 1978. Hàng nghìn học sinh, cán bộ, công nhân kỹ thuật được gửi ra nước ngoài học tập. Công tác xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa được đặc biệt chú ý và có nhiều thành tích xuất sắc. Đến tháng 1-1980, toàn quốc đã xóa xong nạn mù chữ cho 80% số đối tượng cần biết chữ, đã có 86% số bản, 94% số xã xóa xong nạn mù chữ, và đến cuối năm hay số tỉnh được công nhận xóa xong nạn mù chữ có thể lên tới 10 (trong 13 tỉnh của cả nước). Hàng chục vạn người đang theo học các lớp bổ túc văn hóa.

Ngành y tế có nhiều cố gắng. Mạng lưới y tế không ngừng được mở rộng. Công tác vệ sinh phòng bệnh được chú ý. Việc nghiên cứu kết hợp đông y với tây y và tận dụng thuốc dân tộc thu nhiều kết quả khả quan. Số bệnh viện, bệnh xá tăng gấp rưỡi, số giường bệnh tăng gần gấp đôi so với năm 1975; số y sĩ, bác sĩ, dược sĩ tăng gần hai lần rưỡi, số trạm y tế tăng gấp bốn lần so với trước ngày giải phóng.

Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào rất quan tâm đến việc xóa bỏ các tệ nạn xã hội và văn hóa đồi trụy, phản động do chế độ cũ để lại, xây dựng và phát triển một nền văn hóa mới với nội dung xã hội chủ nghĩa, nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, công tác phát động phong trào văn nghệ quần chúng, công tác phục

Digitized by Google

hồi nhân phẩm cho các nạn nhân của xã hội cũ, khôi phục các thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn minh, v.v. đã được quần chúng ở cả thành thị và nông thôn nhiệt liệt hưởng ứng, và đã thu hút được sự chú ý, khâm phục của khách nước ngoài khi đến Lào. Hệ thống truyền thanh trong ba năm qua tăng lên ba lần. Rạp chiếu bóng tăng 30%, đội chiếu bóng lưu động tăng 20% so với năm 1977, nhiều đội văn công chuyên nghiệp đã được thành lập.

Trên lĩnh vực đối ngoại, với đường lối độc lập, tự chủ và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước Lào luôn luôn coi trọng việc tăng cường mối quan hệ đặc biệt với Việt-nam và Cam-pu-chia, ngày càng thắt chặt quan hệ với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; chú trọng mở rộng quan hệ với các nước dân tộc chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế, không ngừng phát huy vai trò của mình trong phong trào các nước không liên kết. Uy tín của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không ngừng được nâng cao trên thế giới. Nhờ đó, năm năm qua Lào đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ rộng rãi, to lớn của nhiều nước và tổ chức trên thế giới, nhất là của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước Lào trong giai đoạn cách mạng mới.

Những thành tựu trên đây đã làm cho thế và lực của cách mạng Lào ngày nay được tăng cường, củng cố hơn bao giờ hết. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào mặc dù còn non trẻ đã vượt qua những thử thách và vững bước đi lên.

Thắng lợi to lớn, cơ bản, toàn diện của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong năm năm qua bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, một đảng mác xít — lê nin nít chân chính, giàu kinh nghiệm.

Ngay sau khi giành được chính quyền trong cả nước, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã xác định rõ rằng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu trực tiếp của cách mạng Lào. Đảng cho rằng tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng; chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm nước Lào thật sự độc lập, nhân dân Lào thật sự tự do, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Về khẩu hiệu chiến lược, Đảng chủ trương kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, vì Lào đi lên chủ nghĩa xã hội từ vị trí tiền tiêu của hệ thống xã hội chủ nghĩa, vừa có hòa bình lại vừa có nguy cơ bị tập đoàn bành trướng Bắc-kinh câu kết với các thế lực đế quốc, bọn phản động trong và ngoài nước Lào phá hoại, xâm lược và thôn tính.

Nội dung đường lối chung mà Đảng nhân dân cách mạng Lào đề ra là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, với cách mạng quan hệ sản xuất mở đầu, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, cách mạng văn hóa tư tưởng đi trước một bước; Tổ chức lại nền sản xuất, lấy nông nghiệp, lâm nghiệp làm cơ sở phát triển công nghiệp, từng bước xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiến tới thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện đường lối đó, Đảng chủ trương gắn chặt ba mặt an ninh, quốc phòng, xây dựng, củng cố cơ sở chính trị và xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa; ra sức phát triển, tổ chức lại sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển giao lưu, kết hợp xây dựng, kinh tế trung ương với kinh tế địa phương; coi sản xuất là cơ bản, thương nghiệp là mắt xích chính, giao thông là mũi nhọn, nhằm phá vỡ nền kinh tế tự nhiên. Đường lối, chủ

Digitized by Google

trương trên rất phù hợp với đặc điểm của Lào, một nước tuy có tài nguyên phong phú, nhưng số dân không đông, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc; cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhỏ bé, lao động hầu hết là thủ công, năng suất thấp; sự giao lưu giữa các vùng, các địa phương còn rất hạn chế; trình độ văn hóa của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ chưa cao, các tàn dư về tư tưởng, văn hóa của xã hội cũ còn khá nặng nề

Thắng lợi to lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm năm qua nói lên chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đấu tranh bất khuất và lao động cần cù của nhân dân các dân tộc Lào đã và đang được phát huy mạnh mẽ trong Mặt trận dân tộc thống nhất mà nòng cốt là khối liên minh công nông vững chắc được tôi luyện, thử thách qua 30 năm đấu tranh cách mạng gian khổ và kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào.

Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào cũng xác định rằng thắng lợi của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không thể tách rời sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước anh em và bầu bạn trên thế giới, trước hết là của các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào còn phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách. Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng nhân dân cách mạng Lào, một đảng mác xít — lê nin nít từng trải, nhân dân các dân tộc Lào anh em nhất định sẽ hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng vẻ vang của mình, xây dựng thành công một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, nhân dân Lào đang ra sức thực hiện những nhiệm vụ trước mắt mà Đảng và Chính phủ Lào đã đề ra là:

— Tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng phòng và chống xâm lược, phòng và chống bạo loạn, lật đổ, phòng và chống mọi thủ đoạn diễn biến hòa bình và chiến tranh tâm lý của bọn đế quốc và phản động quốc tế.

— Ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân các dân tộc, trên cơ sở đó ổn định chính trị, tạo điều kiện cho công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội được thuận lợi.

— Ra sức làm mọi việc cần thiết và có thể làm để chuẩn bị cho kế hoạch năm năm thứ nhất (1981—1985).

Là những người bạn láng giềng, hơn nữa là những người đồng chí, anh em chí thiết của nhân dân các dân tộc Lào, chúng ta hết sức phấn khởi, tự hào về những thành tựu rực rỡ mà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã giành được trong năm năm qua. Chúng ta coi những thắng lợi đó như của chính mình, vì thắng lợi của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng như thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia và thắng lợi của nhân dân Việt-nam là những đóng góp to lớn và quan trọng vào việc tăng cường sức mạnh của khối đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông-dương chống kẻ thù chung là các thế lực bành trướng và đế quốc, vì những mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Những thắng lợi đó là nhân tố bảo đảm hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam châu Á và là một đóng góp vào sự nghiệp hòa bình và cách mạng trên thế giới.

Năm năm qua, cùng với thắng lợi và sự trưởng thành của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, mối quan hệ đặc biệt trong sáng, thủy chung, hiếm có giữa Lào với Việt-nam càng

Digitized by Google

được củng cố và phát triển một cách toàn diện. Biểu hiện tập trung nhất của sự tăng cường thêm một bước mới mối quan hệ đó là việc ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác và Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt-nam và Lào, và các văn kiện quan trọng khác tại Viên-chăn ngày 18-7-1977. Việc thực hiện nghiêm túc các hiệp ước nói trên của cả hai bên trong mấy năm qua đã đạt được nhiều kết quả cụ thể, góp phần làm cho sự liên minh giữa hai nước càng thêm chặt chẽ, giúp cho mỗi nước có thêm sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước mình. Thực tế này càng khẳng định tính tất yếu của mối quan hệ đặc biệt Việt—Lào; trong lịch sử của hai dân tộc Việt-nam và Lào quan hệ đó là một truyền thống quý báu, một sức mạnh vô địch, một quy luật phát triển của cách mạng Việt-nam và cách mạng Lào.

Trước âm mưu chia rẽ, điên cuồng chống phá của bọn bành trướng Bắc-kinh câu kết với bọn đế quốc cùng các thế lực phản động trong và ngoài nước Lào, hòng làm suy yếu khối liên minh chiến đấu Việt—Lào, Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước Việt-nam và Lào quyết tâm bảo vệ và tăng cường hơn nữa mối quan hệ đặc biệt, thủy chung mà hai dân tộc anh em đã tốn bao nhiêu mồ hôi, xương máu để xây đắp nên. Quyết tâm đó đã được các đồng chí lãnh đạo cấp cao của hai Đảng khẳng định. Đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, đã nêu rõ: « Lúc này hơn bao giờ hết hai Đảng và nhân dân hai nước Lào—Việt chúng ta cần phải đoàn kết chặt chẽ, bảo vệ lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau mật thiết, toàn diện và lâu dài. Đó là một nhân tố hết sức quan trọng quyết định thắng lợi cho sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền và xây dựng đất nước của mỗi dân tộc chúng ta trong giai đoạn cách mạng mới » (1). Đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam cũng đã xác định: « Nhân dân Việt-nam quyết cùng nhân dân Lào anh em ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và lòng tin cậy lẫn nhau, hợp tác lâu dài và giúp đỡ nhau về mọi mặt, làm cho hai nước vốn đã gắn bó với nhau trong sự nghiệp giải phóng dân tộc sẽ mãi mãi gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, vì sự phồn vinh và hạnh phúc của nhân dân mỗi nước » (2).

---

(1) Trích diễn văn của đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản trong cuộc mít tinh lớn ngày 16-7-1977 tại Viên-chăn chào mừng Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Chính phủ Việt-nam do đồng chí Lê-Duẩn và đồng chí Phạm-Văn-Đồng dẫn đầu sang thăm hữu nghị Lào.

(2) Trích phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn trong buổi chiêu đãi trọng thể của Đảng và Chính phủ Lào ngày 15-7-1977 tại Viên-chăn.

Digitized by Google

Văn nghệ, vũ khí của cách mạng

TRẦN-ĐỘ

Văn học nghệ thuật không phản ánh cuộc sống một cách thụ động. Trong xã hội có giai cấp, văn học nghệ thuật có tính giai cấp rõ rệt. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và các đồng chí lãnh đạo Đảng ta đã nói đầy đủ về tính đảng của văn nghệ và của văn nghệ sĩ.

« Văn hóa nghệ thuật cũng là một *mặt trận*

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy » (1)

Mấy chục năm qua, văn học nghệ thuật ta mang tính đảng và tính nhân dân ngày càng sâu sắc. Nó là một vũ khí của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Mấy chục năm qua, đội ngũ văn nghệ sĩ ta đã đứng trên lập trường tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân mà sáng tác và biểu diễn, rèn luyện trong chiến đấu và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối chính sách của Đảng, từng bước xây dựng nên nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Nhờ vậy mà « với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay » (2). Nguyên tắc tính đảng trong văn học nghệ thuật ta từ lâu đã là một chân lý sáng ngời, từ lâu đã là một vấn đề không còn phải bàn cãi gì nữa.

Thế thì tại sao lúc này lại phải nhắc lại « văn nghệ, vũ khí của cách mạng » ?

Tổ quốc ta đã bước vào một giai đoạn mới. Trong điều kiện mới, có những thuận lợi lớn và những khó khăn lớn mà chúng ta chưa kịp hiểu biết đúng đắn và sâu sắc. Văn học nghệ thuật gặp một hiện thực mới, một công chúng mới, những thị hiếu mới, những điều kiện sáng tác và biểu diễn mới, những đòi hỏi mới cao hơn rất nhiều về chất lượng, về tầm cỡ, v.v., tóm lại là đứng trước một yêu cầu phát triển to lớn vượt bậc. Phải đánh giá lại những gì mình đã làm được và chưa làm được để biết mình sẽ tiếp tục tiến lên từ chỗ nào và như thế nào. Phải tìm những nội dung mới, những cách thức mới nhằm đáp ứng những nhu cầu mới. Không ít anh chị em văn nghệ sĩ băn khoăn suy nghĩ, hăng say tìm tòi nhằm góp phần vào việc phát triển nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa của ta trong tình hình mới. Đó là những cố gắng đầy thiện chí rất đáng hoan nghênh. Nhưng trong quá trình suy nghĩ, tìm tòi đó, có một số

(1) Hồ-Chí-Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr .19.

(2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1977 tr.121.

Digitized by Google

trường hợp do hạn chế về mặt này hay mặt khác, đã đề nảy sinh những ý kiến lệch lạc đụng chạm đến những nguyên tắc cơ bản trong đường lối văn nghệ của Đảng, đến nguyên tắc tính đảng trong văn nghệ.

Những ý kiến lệch lạc ấy đã nảy sinh như thế nào?

Thoạt đầu là một sự đánh giá không đúng, thiếu trân trọng của một số anh chị em đối với những thành tựu văn nghệ, trước hết là văn học của chúng ta trong giai đoạn vừa qua. Hoặc cho rằng những thành tựu đã đạt chưa thấm tháp vào đâu, hiện thực vĩ đại và vô cùng phong phú nhưng văn nghệ chưa nói lên được bao nhiêu. Hoặc chỉ thấy mặt còn hạn chế của những tác phẩm ghi dấu một thời. Hoặc chỉ xoáy vào những chỗ non yếu, đơn giản và sơ lược, coi đó như là cái chi phối, cái bản chất trong văn nghệ ta. Thế rồi « quá mù ra mưa », hình thành một nhận định cho rằng văn học ta không chân thật, văn học ta là văn học tô hồng, văn học giả.

Ngay cả đối với « những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc », nhờ đó mà « văn học nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay », cũng có người hoài nghi. Hoặc cho rằng những tác phẩm ấy nghiêng về miêu tả « những người may mắn trong chiến tranh », miêu tả có một nửa sự thật mà « một nửa sự thật đã là sự giả dối ». Hoặc nói đó là những tác phẩm « mang dáng dấp gần với thể loại anh hùng ca », mô tả « không phải là cái hiện thực đang tồn tại, mà là cái hiện thực mọi người đang hy vọng, đang mơ ước », rồi nêu lên câu hỏi: « Bao giờ chúng ta mới thật sự có những cuốn tiểu thuyết về đề tài chiến tranh? ».

Và có người còn khái quát lên rằng: « Nhìn chung trong sáng tác hiện nay, sự miêu tả cái phải tồn tại lấn át cái đang tồn tại ». « Sự lấn át này, đương nhiên là một trở ngại trên con đường đi đến chủ nghĩa hiện thực ». Rằng: văn học nghệ thuật ta trong giai đoạn vừa qua có « đặc tính phổ quát » là xu hướng cao cả, đó là một thứ « chủ nghĩa hiện thực phải đạo », « quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn sự chân thật », v.v.

Những nhận định lệch lạc và những khái quát sai lầm ấy dẫn đến khuynh hướng phủ định những thành tựu của nhân dân ta trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, đặt lại vấn đề *tính chân thật và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học nghệ thuật ta*. Điều làm chúng ta phải suy nghĩ là ở đây, trong những nhận định lệch lạc và khái quát sai lầm ấy, phải chăng có một sự chế biến một số luận điểm của An-be Ca-muýt gọi chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ độc tài và đả kích nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa một cách thâm độc. Trong bài *Diễn văn ở Thụy-điển 1957*, được các giới tư sản nhiệt liệt đề cao, An-be Ca-muýt nói: « Trên lĩnh vực văn hóa cũng như các lĩnh vực khác, chế độ độc tài rất võ đoán: hiện thực chủ nghĩa trước hết là một sự cần thiết, sau đó có thể thành tựu được, miễn là nó có khuynh hướng xã hội...

« Trên thực tế, chế độ độc tài công nhận thẳng thắn rằng người ta không phục hồi được thực tại mà không có một sự gạn lọc, nó phủ nhận lý thuyết tả chân như đã được đề xướng vào cuối thế kỷ XIX, nó chỉ cần ra nguyên tắc chọn lọc là nơi mà, chung quanh đó, cuộc sống sẽ tự kiến tạo. Và nó *khám phá ra nguyên tắc ấy không phải trong thực tại chúng ta hiện đang thấy mà trong thực tại sẽ xảy ra, tức là trong tương lai*. Muốn

Digitized by Google

ghi lại cho đúng cái gì hiện có, phải miêu tả được cái gì sẽ đến. *Nói một cách khác thì đối tượng thật sự của hiện thực xã hội chủ nghĩa là một cái gì hiện chưa có thực thể...*

« Rốt cuộc, thứ nghệ thuật đó chỉ có tính chất *xã hội chủ nghĩa trong trường hợp rõ rệt nó không thực tế...*

« Nghệ thuật bị rút xuống con số không. Nó phục vụ, và là kẻ phục vụ, nó bị lệ thuộc, bị khống chế (il sert, et servant, il est asservi)...

« Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa phải là anh em sinh đôi *với chủ nghĩa hiện thực chính trị...* ».*

« Chủ nghĩa hiện thực phải đạo » là cái gì ? Phải chăng nó là tên gọi khác đi của cái thứ « *chủ nghĩa hiện thực chính trị* » của Ca-muýt ? « Hiện thực đang có » và « hiện thực phải có » phải chăng cũng là cái « *thực tại đang có* » và « *thực tại sẽ xảy ra* » của Ca-muýt ? Nếu thế thì đây là một sự tìm tòi không đúng hướng và tìm vào cái chỗ không đáng tìm.

Thế nào là chân thật ? Chân thật là phản ánh đúng hiện thực. Hiện thực bao gồm giới tự nhiên, đời sống xã hội và con người với những tình cảm, những khát vọng, những vấn đề của nó. Phản ánh đúng hiện thực là không bịa đặt tùy tiện, bóp bẹp hiện thực cho khớp với ý muốn chủ quan của mình. Cũng không sao chép hiện thực một cách tự nhiên chủ nghĩa như Vũ-Trọng-Phụng đã làm. Khi nói đến chủ nghĩa hiện thực, Ăng-ghen đã chỉ rõ rằng : « Ngoài sự chính xác của các chi tiết ra, còn phải nói đến sự thể hiện chính xác những tính cách điển hình trong những hoàn cảnh điển hình » (3).

Viết về hai cuộc kháng chiến của ta chẳng hạn, đâu phải cứ miêu tả tỉ mỉ từng trận đánh là phản ánh đúng hiện thực nếu không từ những con người và sự kiện được miêu tả phát hiện ra những mối liên hệ sâu sắc trong thực tế, làm nổi bật lên tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết keo sơn, ý chí quyết chiến quyết thắng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta. Có phản ánh được những tính cách điển hình trong những hoàn cảnh điển hình thì mới phản ánh cuộc sống với nội dung xã hội chân chính của nó, trong xu thế phát triển của nó. Điều này rõ ràng liên quan đến trình độ nhận thức hiện thực và trình độ khái quát nghệ thuật của nghệ sĩ.

Phải nói rằng hơn ba mươi năm qua, chúng ta đã nhận thức được hiện thực và tác động tích cực trở lại hiện thực theo chiều hướng đi lên của lịch sử. Đội ngũ văn nghệ sĩ ta nói chung, dưới ánh sáng soi đường của Đảng, đã biết nhìn đúng sự thật, đã nắm bắt được bản chất và xu thế phát triển của xã hội ta và đã miêu tả nó một cách thông minh, với một sự xúc động chân thành, bằng một ngôn ngữ nghệ thuật khá phong phú. Những quyển truyện, những bài thơ, những vở kịch, những bức tranh, những bản nhạc ca ngợi và cổ vũ sự nghiệp chiến đấu và xây dựng hào hùng, tràn đầy khí thế cách mạng của nhân dân ta, đã nâng cao tâm hồn, trí tuệ của nhân dân ta, góp phần thúc đẩy cách mạng nước ta tiến lên đến thắng lợi ngày nay, đó chẳng phải là những tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa đã cố gắng « miêu tả hiện thực một cách chân thật, cụ thể — lịch sử, trong quá trình phát triển cách mạng của nó » hay sao ? Sao lại khinh bạc và không công bằng gọi đó là « chủ nghĩa hiện thực phải đạo », là không chân thật, là « cái phải tồn tại chứ không phải cái đang tồn tại », là « 1 phần 2 hiện thực tức là sự giả dối » ?

(*) Những đoạn trích của An-be Ca-muýt là từ bản dịch của Trần-Phương-Giao xuất bản ở Sài-gòn, in lần thứ hai, tháng 7-1974, Nxb An-Tiêm.

(3) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Về văn học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1958, tr. 331.

Digitized by Google

Văn học ta viết về hai cuộc kháng chiến của nhân dân ta, miêu tả tinh thần chiến đấu anh dũng và sự hy sinh của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến đó là phản ánh đúng hiện thực khách quan, chứ không phải chỉ là «một nửa hiện thực», cần phải cân bằng lại bằng «một nửa hiện thực» nữa là những mất mát, thua thiệt, với âm hưởng bi đát của số phận cá nhân...! Chiến tranh đương nhiên là phải đổ máu, là phải hy sinh mới giành được thắng lợi. Cả loài người tiến bộ ca ngợi Việt-nam chiến đấu và chiến thắng như thế nào và vì sao. Kẻ thù còn đó, còn luôn luôn đe dọa xâm lược nước ta. Nếu cần, nhân dân ta lại sẽ chiến đấu và chiến thắng như thế nữa hoặc hơn thế nữa. Đó là hiện thực Việt-nam, hoàn cảnh Việt-nam, những con người Việt-nam, đạo đức Việt-nam. Cho nên, nếu bàn đến việc nâng cao hơn nữa tính hiện thực của văn học ta viết về chiến tranh thì không phải là cần thêm cái mảng những mất mát, thua thiệt, theo lối tính toán của chủ nghĩa cá nhân mà là phản ánh «cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn» toàn bộ cuộc chiến đấu vĩ đại ấy trong đó âm hưởng chủ đạo vẫn là âm hưởng anh hùng.

Hiện thực phải được nhận thức, lý giải và phản ánh trong chỉnh thể của nó, đúng với bản chất của nó và trong xu thế phát triển của nó. Ở đây lý tưởng và hiện thực, cái phải tồn tại và cái đang tồn tại gắn bó với nhau, cái sau là cơ sở cho cái trước và cái trước là xu thế tất yếu của cái sau. Hiện thực luôn luôn là cái đang vận động. Phản ánh hiện thực phải phản ánh được cái vận động đó.

Chúng ta không thỏa mãn với những thành tựu đã đạt được. Nâng cao tính chân thật, nâng cao chất lượng của các tác phẩm văn học nghệ thuật luôn luôn là một yêu cầu của Đảng ta, của nhân dân ta, của mỗi nghệ sĩ. Bên cạnh những tác phẩm thành công, trong văn nghệ ta còn có những tác phẩm không thành công, đơn giản và sơ lược. Ngay cả trong một số tác phẩm thành công vẫn có chỗ chưa hay, chưa đủ chân thật và hùng hồn. Nhưng không phải vì thế mà có thể kết luận rằng văn nghệ ta không chân thật.

Đối với những chỗ non yếu và thiếu sót của văn nghệ ta trong giai đoạn vừa qua, cũng phải thấy đầy đủ mọi nguyên nhân. Có những nguyên nhân khách quan. Có những khuyết điểm và nhược điểm trong công việc của chúng ta.

Ngay trong một số trường hợp người sáng tác cảm thấy bị gò bó hoặc buộc phải sửa chữa tác phẩm theo yêu cầu của ban phụ trách một tờ báo, một nhà hát, một nhà xuất bản chẳng hạn, cũng cần có sự phân tích thấu đáo để khỏi có sự ấm ức trong lòng: dường như tranh bị loại mới là tranh đẹp, văn học trong bản thảo mới là của tác giả, mới là hiện thực, còn văn học in ra thì không hiện thực và không còn là của tác giả nữa! Ở đây có thể có sự can thiệp không cần thiết hoặc thô bạo của cán bộ phụ trách nào đó không hiểu hoặc hiểu không đầy đủ đặc trưng của văn nghệ, sự tinh tế và tác dụng lâu dài, nhiều mặt của văn nghệ, cứ muốn tác phẩm nào cũng phải có tác dụng tức thời cụ thể ngay để phục vụ một nhiệm vụ chính trị trước mắt. Thẳng hoặc cũng có cán bộ biên tập nào đó xuất phát từ những yêu cầu chính đáng của một cơ quan xuất bản mà đề ra những yêu cầu quá đáng đối với tác giả. Nhưng cũng có thể có sự hiểu biết và tu dưỡng của tác giả chưa thật toàn diện và sâu sắc, trách nhiệm của tác giả chưa đủ cao. Tác giả có nhiệt tình và động cơ tốt muốn đóng góp nhiều tác phẩm hay nhưng chỉ có nhiệt tình và động cơ tốt chưa đủ.

Digitized by Google

Phải nhận thức được yêu cầu của cách mạng trong từng giai đoạn, nhiệm vụ của văn nghệ và của văn nghệ sĩ — chiến sĩ, luôn luôn nâng cao tính đảng trong tư tưởng, trong tình cảm, trong sáng tác của mình. Phải « viết từ trái tim mình, nhưng trái tim ấy thuộc về Đảng » (Sô-lô-khốp). Phải cân nhắc xem mỗi điều mình viết ra có lợi hay có hại cho cách mạng. Lại phải thấy rằng các cơ quan lãnh đạo văn nghệ của Đảng cũng chỉ muốn và làm tất cả để có nhiều tác phẩm hay đáp ứng được yêu cầu của cách mạng; mỗi nhà xuất bản có tôn chỉ, mục đích của nó, tất phải có những yêu cầu nhất định đối với các tác giả để văn nghệ thật sự là vũ khí của cách mạng, v.v. Theo hướng đó, sẽ dễ dàng tìm thấy sự nhất trí giữa người sáng tác và người quản lý công tác văn nghệ. Mâu thuẫn vẫn còn có thể xảy ra, nhưng khi những nguyên nhân tạo nên mâu thuẫn đã được phân tích thấu đáo và trên tinh thần đồng chí thì cũng dễ giải quyết thỏa đáng.

Tóm lại, cần có một sự đánh giá đúng đắn nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta trong giai đoạn vừa qua: ưu điểm và khuyết điểm, nhược điểm của nó. Chúng ta tự hào đã có được những tác phẩm ghi dấu một chặng đường phát triển của văn nghệ ta, xứng đáng với dân tộc ta, nhân dân ta. Hãy biết quý trọng những giá trị do mình và anh chị em mình tạo ra với biết bao mồ hôi và cả máu nữa. Hãy công bằng với mình và công bằng với mọi người. Bởi vì, từ một sự đánh giá không công bằng, hạ thấp hay phủ định những thành tựu đã đạt được qua bao nhiêu năm phấn đấu gian khổ và đầy hy sinh, dễ gây nên sự chán nản, nghi ngờ, dẫn đến đặt lại cả những vấn đề cơ bản nhất, những vấn đề thuộc về nguyên tắc.

★

Một vấn đề cơ bản khác cũng chớm được đặt lại trong bối cảnh ý kiến phân vân, tâm trạng bối rối của một số người là vấn đề *chức năng của văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa của chúng ta.*

Có người cho rằng văn nghệ ta là văn nghệ giáo huấn viết theo ý muốn của lãnh đạo. Họ nói rằng trong văn nghệ ta « cấp nhận thức lý tính lấn át cấp nhận thức cảm tính, lý trí lấn át cảm xúc, bản chất lấn át hiện tượng, nội dung lấn át hình thức » Ý họ muốn nói văn nghệ ta chỉ chú ý đến tư tưởng mà không chú ý đến nghệ thuật. Họ cho rằng văn nghệ ta là sơ lược, giản đơn, mà nguyên nhân là do một « quan niệm thô thiển về chức năng của văn học », v.v. Họ cho rằng văn nghệ ta lâu nay chỉ chú trọng có một chức năng giáo dục tư tưởng. Tư tưởng ở đây lại được hiểu là những công thức, khuôn sáo định sẵn mà nghệ sĩ đành phải tuân theo cho « phải đạo ».

Có người nói: tư tưởng tác phẩm chỉ là tư tưởng của Đảng, còn tư tưởng của tác giả trong đó thì hầu như bằng không. Câu nói này thoạt đầu có thể là chỉ nhằm chê trách những tác phẩm nhạt nhẽo, thiếu cá tính sáng tạo, tức là thiếu sự độc đáo của tác giả trong cách nhìn, cách khái quát những hiện tượng của cuộc sống, v.v. Nhưng từ đó, trong bối cảnh nói trên lại hình thành những luận điệu kỳ quặc chia cắt con người nhà văn ra làm hai: nhà văn với tư cách là người tuân theo tư tưởng của Đảng và nhà văn với tư cách là người mang tư tưởng của bản thân nhà văn; chia văn học ra làm hai thứ: văn học với tư cách là vũ khí tư tưởng của Đảng và văn học với tư cách là tấm gương phản ánh hiện thực bằng sáng tạo nghệ thuật.

Chia cắt như thế rõ ràng là phi lý. Không có hai con người nhà văn tách rời nhau như vậy trong một nhà văn xã hội chủ nghĩa. Không có hai thứ

Digitized by Google

văn học như vậy trong một nền văn học xã hội chủ nghĩa. Nhà văn là người tuyên truyền tư tưởng của Đảng bằng tiếng nói của riêng mình. Khi là tấm gương phản ánh hiện thực bằng sáng tạo nghệ thuật, văn học vẫn phải là vũ khí tư tưởng của Đảng, *văn học chỉ làm được vai trò là một vũ khí tư tưởng sắc bén và nhuần nhị của Đảng khi nó là tấm gương phản ánh trung thực hiện thực bằng sáng tạo nghệ thuật.*

Chúng ta coi văn nghệ là vũ khí của cách mạng. Nhưng muốn đóng được vai trò là vũ khí của cách mạng, văn nghệ phải thực hiện đồng thời và đầy đủ mọi chức năng của nó.

Khi ta gọi một tác phẩm nào đó là tác phẩm nghệ thuật là xét trên cái thể thống nhất của nó. Chỉ có trong tư duy lý luận, chúng ta mới có thể phân tích nội dung, hình thức, tính tư tưởng, tính nghệ thuật, quan hệ biện chứng, tác động qua lại giữa chúng với nhau... Tác phẩm nghệ thuật tác động đến chúng ta cũng là tác động bằng cái thể thống nhất đó của nó và tác động vào toàn bộ các năng khiếu con người chúng ta. Chỉ có trong lý thuyết chúng ta mới có thể phân tích ra các phương thức và hình thái khác nhau của sự tác động đó.

Một buổi diễn kịch làm cho chúng ta hài lòng thì khoái cảm thẩm mỹ đó là do toàn bộ cuộc biểu diễn ấy, do những hình tượng nghệ thuật sân khấu đẹp đẽ được tạo nên bằng toàn bộ cuộc biểu diễn ấy kể từ lúc màn mở. Những hình tượng nghệ thuật ấy làm chúng ta rung động, đem lại cho chúng ta những nhận thức mới về cuộc sống, nâng cao chúng ta lên về tư tưởng, tình cảm, đạo đức, gợi lên trong ý thức, trong trí tưởng tượng của chúng ta những liên tưởng nhiều mặt làm cho những hình tượng nghệ thuật ấy dường như thêm dày dặn, phong phú, hoàn chỉnh, khiến chúng ta phải khóc, phải cười, phải tin vào những điều mà buổi biểu diễn muốn truyền cảm đến chúng ta. Làm sao có thể cắt rời nội dung cuộc sống được phản ánh với hình thức nghệ thuật của tác phẩm sân khấu đó, với những tư tưởng và quan điểm chứa đựng trong nó và do nó gợi lên? Làm sao có thể máy móc nói được rằng những bức tranh trung thực về cuộc sống của con người được phản ánh trên sân khấu thì làm chức năng nhận thức; những ý niệm, quan niệm, lý tưởng, v.v. thì làm chức năng giáo dục tư tưởng; còn phong cách, thủ pháp nghệ thuật, sự sáng tạo của đạo diễn, của diễn viên thì làm chức năng thẩm mỹ...?

Không! Tác phẩm nghệ thuật làm toàn bộ các chức năng của nó bằng cái thể thống nhất của nó. Khi phân tích nội dung, hình thức, tính tư tưởng và tính nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật, khi bàn đến chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, v.v. của văn nghệ nhằm thúc đẩy sự phát triển của văn nghệ ta, chúng ta thấy những cái đó có thể có chỗ chưa thật hài hòa với nhau, cần bổ sung mặt này, nâng cao mặt khác, song chúng ta biết những cái đó liên quan chặt chẽ với nhau, nương tựa vào nhau. Cho nên chúng ta không được phép cắt rời, cô lập những cái đó ra, càng không thể đối lập chúng với nhau. *Văn nghệ ta phải làm đồng thời và đầy đủ các chức năng chủ yếu của nó là nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ thì nó mới là vũ khí sắc bén của cách mạng được, và trong bất kỳ chức năng nào, nó cũng phải là vũ khí của cách mạng.* Không phải chỉ làm chức năng giáo dục, nó mới là vũ khí tư tưởng của Đảng, hoặc vì là vũ khí tư tưởng của Đảng cho nên nó chỉ cần làm một chức năng giáo dục là đủ, không cần làm các chức năng nhận thức, thẩm mỹ. Càng không phải là khi làm chức năng thẩm mỹ, nó không cần phải là vũ khí tư tưởng của Đảng. Nếu có người nói đến chức năng giải

Digitized by Google

trí thì ngay cả khi làm chức năng giải trí, văn nghệ ta cũng vẫn phải là vũ khí của cách mạng, vẫn phải đem lại khoái cảm thẩm mỹ trong sáng lành mạnh, bởi vì chúng ta không cần đến một sự giải trí trống rỗng hoặc buông thả, có hại.

Coi văn nghệ cũng chỉ là một công cụ giáo dục tư tưởng như mọi công cụ giáo dục tư tưởng khác, không chú ý đến đặc trưng, đến tính chất nghệ thuật, đến sức mạnh riêng của nó là không đúng. Đó là sự ấu trĩ. Đó là một quan niệm đơn giản và sơ lược — gọi là thô thiển cũng được — về chức năng của văn nghệ. Trong một phạm vi nào đó, ở một số đồng chí nào đó, kể cả trong sáng tác chứ không riêng gì trong lý luận phê bình và chỉ đạo văn nghệ, ở một số địa phương nào đó và trong một thời gian nào đó, quan niệm này đã ít nhiều có hại đối với sự phát triển của văn học nghệ thuật. Bệnh ấu trĩ đó cần phải được khắc phục, các cán bộ chính trị lãnh đạo văn nghệ cần nâng cao hiểu biết của mình về văn nghệ để vũ khí sắc bén này trong tay Đảng càng phát huy hiệu quả nhiều hơn. Nhưng rõ ràng là không đúng nếu cho rằng quan niệm thô thiển ấy dường như quán xuyến, kéo dài, chi phối văn học ta trong cả giai đoạn vừa qua, đến mức làm xói mòn năng lực thẩm mỹ của công chúng, làm khô cằn khả năng sáng tạo nghệ thuật và ý thức trách nhiệm xã hội đúng đắn của nhà văn, tạo nên một sự cản trở vừa ở ngoài họ, quanh họ, vừa ở trong chính họ, nghĩa là coi nó như là nguyên nhân duy nhất hoặc chủ yếu của cái gọi là «sự trì trệ trong văn học».

Nếu từ đấy lại cho rằng lâu nay đã quá nặng về chức năng giáo dục rồi, bây giờ không cần nói đến nó nữa mà phải nhấn mạnh chức năng thẩm mỹ, thậm chí chức năng giải trí của văn nghệ, thì lại càng sai lầm hơn.

Đáng tiếc là trong thực tiễn, đã chớm xuất hiện xu hướng ấy: ít bàn đến chức năng giáo dục, ít bàn đến tính tư tưởng của tác phẩm mà quan tâm nhiều đến hình thức hấp dẫn trong văn nghệ, thiên về mặt hình thức biểu hiện, phong cách nghệ thuật, thủ pháp nghệ thuật, câu, chữ, lời văn, v.v., «còn về nội dung, miễn không sai là được rồi» (sự thật là đã có những cái sai về nội dung tư tưởng).

Đảng ta chưa bao giờ tha thứ bệnh công thức sơ lược và tự nhiên chủ nghĩa trong văn học nghệ thuật. Đảng ta luôn yêu cầu các tác phẩm phải có tính nghệ thuật cao. Một tác phẩm hay phải có tính tư tưởng cao và tính nghệ thuật cao, phải tạo ra được những cảm xúc sâu sắc và mạnh mẽ, tạo ra những khoái cảm thẩm mỹ đậm đà, đem lại cho tâm hồn và tình cảm con người một chiều cao mới. Tất nhiên ta không thể đòi hỏi một tác phẩm nghệ thuật có ngay một tác động tư tưởng cụ thể để giải quyết một vấn đề cụ thể *ngay lập tức trong cuộc sống*. Nghệ thuật tác động vào con người một cách toàn diện và lâu dài. Nhưng ta cũng không thể chấp nhận một tác phẩm nghệ thuật không ăn nhập chút gì với những vấn đề nóng hổi của cuộc sống, của nhiệm vụ cách mạng.

Tác phẩm nghệ thuật phải hấp dẫn, phải mang lại cho người thưởng thức một khoái cảm, một sự thú vị. Vì vậy, cần phải hết sức quan tâm phân biệt những thị hiếu, nhu cầu chính đáng, cao cả và những thị hiếu, nhu cầu tầm thường, lạc hậu, thậm chí phản động nữa trong những người thưởng thức. Không phải lúc nào một tác phẩm «ăn khách» cũng là một tác phẩm hay và tốt. Văn nghệ với tư cách là một chủ thể sáng tạo còn có nhiệm vụ tạo ra cho mình một đối tượng chân chính của chủ thể. Và khi có một đối tượng chân chính ấy thì chính đối tượng ấy lại

Digitized by Google

trở thành chủ thể sáng tạo cùng với văn nghệ sĩ tạo nên một nền văn nghệ chân chính và cao cả.

Chúng ta cần những tác phẩm văn nghệ không chỉ đúng, mà còn hay, đa dạng, hấp dẫn, xúc động lòng người, chưa xem thì náo nức muốn xem, xem rồi lại muốn xem nữa, chứ không cần những tác phẩm văn nghệ khô khan, nhạt nhẽo. Nhưng sự hấp dẫn nghệ thuật trước hết là do nội dung kết cấu của tác phẩm, do những vấn đề đặt ra trong đó có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc cuốn hút lòng người, do những ý tưởng đẹp đẽ cao sâu từ những tình tiết của câu chuyện cứ bừng lên như những ánh chớp và lan tới tâm tư tình cảm mọi người... chứ không phải chỉ đơn thuần là do hình thức biểu hiện. Đi săn tìm những yếu tố hấp dẫn về mặt hình thức, chiều theo những thị hiếu thấp hèn, hấp dẫn chỉ để mà hấp dẫn, mới lạ chỉ để cho mới lạ, tạo nên những tính cách « dữ dội », phi lý, tất cả những biện pháp ấy không tạo nên được sự hấp dẫn nghệ thuật chân chính. Rõ ràng, chỉ chú trọng đến hình thức biểu hiện, phong cách và thủ pháp nghệ thuật mà coi nhẹ nội dung tư tưởng của tác phẩm *thì không đủ để nâng cao tính nghệ thuật của tác phẩm, để văn nghệ làm tốt chức năng thẩm mỹ của nó.*

Tất cả những điểm vừa trình bày trên đây chứng tỏ: văn nghệ với đặc trưng vốn có của nó tác động nhiều mặt vào con người theo cách thức riêng của nó, cùng một lúc nó làm tất cả các chức năng chủ yếu của nó là nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, và *chính vì vậy nó mới là vũ khí sắc bén của cách mạng.*

★

Cuộc sống luôn luôn đặt ra những vấn đề mới Văn nghệ cũng luôn luôn đặt ra những vấn đề mới. Phải suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo nếu chúng ta muốn tiếp tục tiến lên nữa Nhưng suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo không chỉ đòi hỏi có nhiệt tình, còn phải có nhận thức đúng, phương pháp đúng.

Một số ý kiến lẻ tẻ cho chúng ta một nhận xét là đã chớm nở một xu hướng đặt lại những vấn đề cơ bản thuộc về nguyên tắc của văn nghệ ta. Hiện tượng ấy có bối cảnh lịch sử của nó, trước hết là do một nhận thức còn hạn chế và hời hợt về tình hình đất nước, do một phương pháp tư tưởng siêu hình, thiếu khoa học. Những anh chị em tự giác hay không tự giác theo xu hướng này đều xuất phát từ chỗ muốn cho văn nghệ làm tốt được vai trò vũ khí của cách mạng. Không ai nghi ngờ thiện chí đó của anh chị em, nhưng có lẽ vì anh chị em quá tự tin vào thiện chí của mình cho nên không cần đắn đo cân nhắc, do đó không tự biết mình rơi vào sai lầm.

Chúng ta khuyến khích sự suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo vì Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội, vì sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của nền văn nghệ cách mạng của chúng ta. Không thể đòi hỏi sự suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo đó tuyệt đối không được có một chút lệch lạc, sai lầm nào. Nhưng có một ranh giới không thể vượt qua, và phải nhìn vào đó để luôn luôn tự kiểm tra mình, để nhận biết mình: *đó là tính đảng trong văn nghệ, là những vấn đề thuộc về nguyên tắc trong đường lối văn nghệ của Đảng ta.* Những ý kiến lạc hướng nói trên, tuy xét về số lượng chỉ là rất ít và mới chớm nở lẻ tẻ, nhưng *xét về tính chất* thì là sai lầm nghiêm trọng vì thật sự nó đã đụng đến những vấn đề về nguyên tắc, phải được uốn nắn kịp thời.

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG THANH NIÊN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN - MAI

ĐƯỢC Đảng lãnh đạo và dìu dắt, được tôi luyện trong lò lửa đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và của dân tộc, được thử thách qua các phong trào thi đua rộng lớn của quần chúng, thế hệ trẻ Việt-nam đã nhanh chóng trưởng thành về nhiều mặt: phân rõ được bạn, thù; có tinh thần chiến đấu quên mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, có lòng yêu nước, yêu dân nồng nàn; có tình cảm quốc tế trong sáng; có ý thức chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn; có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý kinh tế và trình độ hiểu biết về quân sự ngày càng cao; có nguyện vọng được cống hiến và có ý chí tự rèn luyện.

Vai trò, vị trí quan trọng của lứa tuổi trẻ thể hiện rõ trong quá trình phát triển của cách mạng nước ta. Hiện nay, thanh niên chiếm tỷ lệ rất cao so với số người hoạt động trong các ngành kinh tế, kỹ thuật, quốc phòng: 65% trong các ngành công nghiệp nói chung (riêng đối với các ngành công nghiệp hiện đại, tỷ lệ này lên đến 80%), 52% trong nông nghiệp, 60% trong đội ngũ cán bộ kỹ thuật trung cấp, 40% trong đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật cao cấp, hơn 80% trong các lực lượng quốc phòng.

Từ thực tế đó, Đảng ta khẳng định: thế hệ trẻ nước ta có phẩm chất cách mạng tốt đẹp, có tiềm năng to lớn, có tinh thần phấn đấu vươn lên mạnh mẽ, xứng đáng là đội xung kích cách mạng hùng hậu của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu to lớn của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, trong thế hệ trẻ đã bộc lộ những nhược điểm và khuyết điểm đáng quan tâm. Đó là:

Tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa còn thấp, tính thụ động khá nặng, ý thức trách nhiệm đối với xã hội còn yếu. Tâm lý và thói quen của người sản xuất nhỏ đang là hiện tượng phổ biến. Ý thức tổ chức, kỷ luật, đặc biệt là kỷ luật trong lao động kém.

Năng lực làm chủ tập thể còn nhiều mặt hạn chế. Trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về đường lối chính sách của Đảng, về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới... nhìn chung còn thấp; trình độ nghề nghiệp, năng lực vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực nghiệm còn yếu. Ngoài ra, còn một số thanh niên chậm tiến, thoái thác nghĩa vụ, chạy theo lối sống không lành mạnh, thậm chí sa đọa, phạm pháp.

Nguyên nhân của những nhược điểm và khuyết điểm trên đây là do

Digitized by Google

hậu quả của chiến tranh kéo dài, do ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới, ảnh hưởng của nền kinh tế sản xuất nhỏ. Mặt khác, bọn phản động Trung-quốc câu kết với bọn đế quốc và các thế lực phản động khác đang ráo riết tìm mọi cách chống phá cách mạng nước ta và mưu toan làm hư hỏng thanh niên ta. Đó là những nguyên nhân khách quan. Song, mặt chủ quan là do công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội của ta còn lỏng lẻo, và do các cấp Đảng, chính quyền, đoàn thể (trong đó Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh có vai trò rất quan trọng) chưa làm tốt việc giáo dục, vận động thanh niên.

★

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp cách mạng to lớn và lâu dài của toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó, thế hệ trẻ giữ vai trò và vị trí trọng yếu. Vì vậy, Đảng ta coi công tác vận động thanh niên trong giai đoạn cách mạng hiện nay là *một công tác có ý nghĩa chiến lược và có tầm quan trọng đặc biệt.*

Thành công to lớn trong công tác vận động thanh niên là trong suốt nửa thế kỷ qua, Đảng ta đã giáo dục, tổ chức, động viên được các thế hệ trẻ nối tiếp nhau một lòng theo Đảng, ngoan cường chiến đấu, dũng cảm hy sinh, góp phần xứng đáng cùng với dân tộc làm nên những chiến thắng vang dội, giành lại độc lập, tự do, thống nhất cho đất nước và đem nhiệt tình, tài năng sáng tạo của tuổi trẻ cống hiến cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một lớp người mới hùng hậu, có giác ngộ chính trị, có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, dồi dào sinh lực đang phát huy vai trò xung kích trên các mặt trận xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là thành quả trực tiếp của đường lối vận động thanh niên đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

Tuy nhiên, Đảng ta với ý thức trách nhiệm đầy đủ vẫn chưa tự bằng lòng về những kết quả và thành tích đó. Đảng ta đã từng nhận định rằng sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động thanh niên trong thời gian qua và hiện nay vẫn còn một số thiếu sót đáng kể. Nhiều nơi, cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể chưa quán triệt ý nghĩa và vị trí chiến lược của công tác vận động thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới, chúng ta chưa kịp thời nghiên cứu tình hình, phân tích quy luật để đề ra phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp công tác vận động thanh niên cho thích hợp. Một số cấp ủy Đảng chưa lãnh đạo chính quyền, đoàn thể xây dựng cơ chế, thể chế làm công tác vận động thanh niên nhằm bảo đảm sự phân công và phối hợp giữa các ngành, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và toàn xã hội trong công tác này. Các tổ chức Đảng chưa thường xuyên nắm chắc công tác vận động thanh niên, cho nên thiếu sâu sát, chưa hiểu kỹ những biến đổi, những yêu cầu mới của việc huy động, sử dụng cũng như đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều cơ quan Nhà nước chưa coi công tác vận động thanh niên là một công tác quan trọng của ngành mình, cơ quan mình. Nhà nước chưa có tổ chức chuyên lo công tác vận động thanh niên và nghiên cứu các vấn đề của thế hệ trẻ. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, tổ chức trực tiếp tiến hành công tác vận động thanh niên cũng mới chỉ động viên thanh niên thực hiện những nhiệm vụ trước mắt mà chưa có kế hoạch, biện pháp chuẩn bị cho thế hệ trẻ đi vào tương lai nhằm mục tiêu xây dựng, hình thành từng bước con người mới làm chủ tập thể. Đoàn chưa làm tốt chức năng trường học cộng sản chủ nghĩa, chức

Digitized by Google

năng đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể của tuổi trẻ, chưa thấy rõ yêu cầu to lớn trong việc tổ chức lại toàn bộ thế hệ trẻ để có chủ trương, biện pháp tích cực lôi cuốn, tập hợp tất cả thanh niên vào những hình thức tổ chức thích hợp. Công tác giáo dục số thanh niên chậm tiến cũng chưa có chuyển biến đáng kể.

Tình hình đo đòi hỏi công tác vận động thanh niên trong giai đoạn cách mạng hiện nay nhất thiết phải được coi là công tác có tính chất chiến lược, vấn đề thanh niên phải được sự quan tâm đầy đủ của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và của toàn xã hội. Đặc biệt, các tổ chức Đảng cần trực tiếp nắm chắc công tác vận động thanh niên, bởi vì nắm thanh niên tức là nắm « ngòi pháo », cách mạng mới có sức tiến công; nắm được thanh niên, cách mạng mới nắm chắc được tương lai. Ngược lại, nếu cách mạng không nắm chắc thanh niên, thì kẻ thù sẽ tìm cách lợi dụng lực lượng trẻ đó, biến nó thành lực lượng xung kích chống cách mạng.

Vận động thanh niên còn *phải được coi là vấn đề của toàn xã hội*. Lâu nay thường có quan niệm rằng vận động thanh niên là công tác riêng của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, chỉ thông qua Đoàn thanh niên là mọi vấn đề về thanh niên sẽ được giải quyết. Quan niệm như vậy không đúng, không phù hợp với quan điểm của Đảng và cũng không phù hợp với thực tiễn. Sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ là sự nghiệp to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội, nếu chỉ riêng Đoàn thanh niên tiến hành một cách đơn độc thì không thể nào đạt được kết quả mong muốn. Thực tiễn cho thấy, có sự phân công và phối hợp trên quy mô toàn xã hội thì mới có thể giải quyết tốt các vấn đề của thanh niên. Đoàn thanh niên hoàn toàn không thể thay thế được cho Nhà nước, cho các đoàn thể khác, cho gia đình, cho trường học, cho xã hội. Các tổ chức đó phải cùng với Đoàn tác động vào thế hệ trẻ một cách đồng bộ thì mới mang lại hiệu quả cao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản — trong đó Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng, và toàn xã hội có trách nhiệm trực tiếp đối với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cũng như huy động, sử dụng thế hệ trẻ. Như vậy mới có sức mạnh của tổ chức và mới có thể đưa tư tưởng của giai cấp công nhân vào việc giáo dục thanh niên và tiến hành công tác vận động thanh niên được tốt. Đây là một quan điểm hết sức quan trọng đối với công tác vận động thanh niên trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền và Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chức năng quản lý mọi mặt hoạt động của xã hội.

Vận động thanh niên là *một công tác khoa học*. Thanh niên là lớp người có những đặc điểm riêng, những yêu cầu riêng về lứa tuổi. Nghiên cứu những đặc điểm của thanh niên là việc không đơn giản; nghiên cứu những yêu cầu của lứa tuổi lại càng phức tạp hơn nữa.

Mác và Ăng-ghen đã chứng minh sự cần thiết phải hiểu biết và tính toán chính xác những đặc điểm của lứa tuổi, đặc điểm sinh lý và đặc điểm xã hội của thanh niên. Trong khi đánh giá cao năng lực, khát vọng, nhiệt tình của thanh niên, Mác và Ăng-ghen đã chỉ ra rằng những phẩm chất tuyệt vời đó tự nó không thể dẫn đến việc tạo ra sự định hướng đúng đắn và niềm tin vững chắc. Hơn nữa, sự thiếu chín chắn, thiếu từng trải và những sai lầm có thể biến những phẩm chất tốt đẹp của tuổi trẻ thành những điều có hại, đối lập với chính những phẩm chất đó.

Ở tuổi trẻ, sự trưởng thành về mặt sinh lý thường sớm hơn sự trưởng thành về mặt xã hội và chính trị, con người bản năng phát triển sớm hơn con người xã hội. Vì vậy, trong quá

Digitized by Google

trình tổ chức, giáo dục thế hệ trẻ, nhất thiết phải chú ý đến sự cách biệt thực tế giữa hai mặt trưởng thành này. Đến tuổi trưởng thành, thanh niên có những nhu cầu mang tính bản năng. Con người hành động theo bản năng thì thường dễ phạm tội ác. Theo sự tính toán của các nhà giáo dục học và tâm lý học thì 75% tội ác xảy ra trong các nước tư bản là ở tuổi từ 14 đến 18. Chủ nghĩa tư bản đã nghiên cứu rất kỹ nhược điểm này của tuổi trẻ. Nó dùng mọi hình thức, mọi biện pháp kích thích nhu cầu thấp hèn theo bản năng để làm tê liệt khả năng cách mạng của thanh niên. Lâu nay chúng ta chưa làm tốt việc nghiên cứu đặc điểm về lứa tuổi của thanh niên. Phải đầu tư nghiên cứu nhiều hơn nữa, phải nắm vững đặc điểm sinh lý, tâm lý và nhu cầu của tuổi trẻ để có chủ trương, phương hướng, biện pháp giáo dục, vận động thanh niên đạt kết quả cao nhất.

Một đặc điểm nữa, đồng thời cũng là một nhược điểm nữa của tuổi trẻ là sự thiếu từng trải, thiếu kinh nghiệm trong cuộc sống. Trước những sự vật, những hiện tượng nào đó, thanh niên thường chỉ chú ý đến biểu hiện bên ngoài, mà ít đi sâu vào bản chất. Nếu không được hướng dẫn kịp thời, chu đáo thì những nhận xét, những suy nghĩ của họ rất có thể phiến diện, sai lầm, thậm chí có thể có những người lấy điều phi lý làm chân lý.

Những nhu cầu của thanh niên như nhu cầu về thẩm mỹ, về tình bạn, về giải trí, v.v. cũng mang một màu sắc riêng. Cần nghiên cứu thật tỉ mỉ, thật khoa học những nhu cầu đó của thanh niên để hướng chúng phát triển theo chiều hướng lành mạnh. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra nhanh chóng, mạnh mẽ trên thế giới đã tác động không nhỏ đến thị hiếu, sở thích và lối sống của con người, đặc biệt là của thanh niên. Lớp người trẻ tuổi ở bất cứ đâu cũng vốn dễ nhạy cảm với cái mới, muốn mau chóng đưa cái mới vào cuộc sống. Nếu không chú ý tới những nhu cầu lành mạnh của tuổi trẻ, cái gì cũng cấm, bắt thanh niên phải sống như người già thì thanh niên không thể chấp nhận.

Thanh niên không phải là một giai cấp và không có hệ ý thức riêng. Cũng không thể coi thanh niên như một tầng lớp hoàn toàn độc lập trong xã hội vì họ là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời được của các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Vì vậy, việc điều tra, nghiên cứu những vấn đề của thanh niên đòi hỏi phải lưu ý tới các vấn đề xã hội trên một phạm vi rộng, cả trong nước và ngoài nước, đồng thời phải phân tích tình hình và vai trò của thanh niên trong từng giai đoạn cách mạng nhất định. Cần hiểu rằng trong những điều kiện sống khác nhau, tùy theo giai cấp, xã hội, tùy theo môi trường cư trú và cả tùy theo giới tính nữa, thanh niên có những đặc tính khác nhau rõ rệt.

★

Muốn làm tốt công tác vận động thanh niên phải xác định cho được mục tiêu cần đạt tới và những nhiệm vụ cụ thể phải làm. Đảng ta đã chỉ rõ mục tiêu của công tác vận động thanh niên trong giai đoạn mới của cách mạng là: *phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, bảo đảm cho thế hệ trẻ giữ vững vai trò là đội xung kích cách mạng nhằm hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử vẻ vang; đồng thời giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới phát triển toàn diện, tiếp nối truyền thống anh hùng của dân tộc, kế tục trung thành, xuất sắc sự nghiệp vẻ vang của Đảng.*

Điều quan trọng trong công tác vận động thanh niên là thực hiện và phát huy quyền làm chủ của thanh niên, bảo đảm cho thanh niên giữ

Digitized by Google

vững được vai trò đội xung kích cách mạng. Hiện nay, ở nhiều nơi quyền làm chủ của thanh niên chưa được tôn trọng, thậm chí có nơi còn bị vi phạm nặng nề. Thanh niên còn bị những thành kiến cũ kỹ của xã hội trói buộc; ở các vùng mới giải phóng còn bị thành kiến về thành phần xuất thân, liên quan chính trị. Trong lao động, vai trò, vị trí của thanh niên chưa được xác định đúng mức, nhất là trong công tác quản lý, mặc dù thanh niên là lực lượng to lớn đang hoạt động tích cực ở những khâu quan trọng. Việc bố trí, sắp xếp việc làm cho thanh niên chưa được chú ý đầy đủ, một số người đến tuổi lao động còn chưa có việc làm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng thanh niên còn bị coi nhẹ, thường chỉ nặng về sử dụng mà thiếu sự chăm sóc, giúp đỡ cho thanh niên tiến bộ. Việc bảo đảm sự công bằng trong học tập và phát triển năng khiếu đối với thanh niên chưa được thực hiện tốt. Trong cuộc sống, các mặt hoạt động tinh thần như văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí để vừa đáp ứng yêu cầu của tuổi trẻ, vừa phục vụ nội dung giáo dục toàn diện, nhằm xây dựng từng bước con người mới xã hội chủ nghĩa, chưa được chăm lo và hướng dẫn kịp thời.

Nội dung bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của thế hệ trẻ còn bao gồm cả việc tăng cường giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng thế hệ trẻ, làm cho thế hệ trẻ trở thành lớp người lao động làm chủ, có tinh thần yêu nước, tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng, có tư tưởng đúng, tình cảm đẹp, có ước mơ, hoài bão lớn, dám chiến đấu hy sinh vì lý tưởng, có tri thức và năng lực hoạt động thực tiễn, có thể chất tốt, biết sống theo lẽ phải và tình thương, có khả năng cống hiến tốt nhất cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được những mục tiêu trên đây, trước hết phải *tăng cường công tác giáo dục cộng sản chủ nghĩa*, rèn luyện thế hệ trẻ trở thành lớp người mới làm chủ tập thể và phát triển toàn diện. Tại Đại hội thứ III Đoàn thanh niên cộng sản toàn Nga, Lê-nin đã nói rõ một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của Đảng là tiến hành công tác giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ. Đối với chúng ta hiện nay, nội dung của nhiệm vụ này là bồi dưỡng cho thế hệ trẻ thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin nhằm giúp cho tuổi trẻ nắm được quy luật phát triển của xã hội để hành động theo quy luật, chủ động đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động thù địch với chủ nghĩa xã hội. Vũ trang cho tuổi trẻ nhận thức đúng đắn về đường lối cách mạng, về quan điểm của Đảng trên tất cả các vấn đề mà cuộc sống đặt ra. Hình thành cho tuổi trẻ khả năng tự định hướng một cách đúng đắn và xử lý mọi vấn đề trong cuộc sống theo quan điểm của Đảng. Giúp cho tuổi trẻ có những hiểu biết cần thiết, trước hết là những hiểu biết về lịch sử của dân tộc ta, của giai cấp công nhân, của Đảng, của Đoàn, của quân đội ta để thông qua lịch sử mà tuổi trẻ tự khẳng định mình và tự chứng minh quy luật đi lên của xã hội.

Cùng với việc tiến hành công tác giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, phải *nhanh chóng tổ chức toàn bộ thế hệ trẻ thành lực lượng làm chủ tập thể vững mạnh*. Nửa thế kỷ qua, thế hệ trẻ nước ta đã được tổ chức phù hợp với nhiệm vụ đấu tranh cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử. Hiện nay số đông thanh niên nước ta còn đứng ngoài tổ chức. Tỷ lệ đoàn viên ở miền Bắc khá cao so với miền Nam nhưng cũng chỉ đạt trên 30% tổng số thanh niên, như vậy là vẫn còn hơn 60% thanh niên đứng ngoài tổ chức. Một bộ phận thanh niên còn

Digitized by Google

chưa tham gia các phong trào của thanh niên. Phong trào «3 xung kích làm chủ tập thể» lúc phát triển cao nhất cũng chỉ lôi cuốn được khoảng ba phần năm thanh niên tham gia. Nhanh chóng tổ chức lại toàn bộ thế hệ trẻ, đó là một đòi hỏi cấp bách của cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Để phát huy triệt để tiềm năng to lớn của thế hệ trẻ, đồng thời không ngừng tạo nên sức mạnh mới, không thể không nhanh chóng tổ chức lại toàn bộ thế hệ trẻ. Bởi vì, trên con đường thực hiện lý tưởng cách mạng, lớp người trẻ tuổi không chỉ dựa vào sức mạnh của đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, mà còn dựa vào sức mạnh của tổ chức trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nắm vững đường lối cách mạng của Đảng và bằng năng lực hoạt động thực tiễn có tổ chức của mình, thế hệ trẻ mới có được sức mạnh to lớn. Có được tổ chức lại, thanh niên và thiếu niên, nhi đồng ta mới có điều kiện để tiếp thu sự giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Có được tổ chức chặt chẽ và rộng khắp, thế hệ trẻ mới có thể ra quân theo đội hình lớn, hoạt động theo hệ thống lớn, xuất hiện trước xã hội với sức mạnh triệu người như một. Tổ chức toàn bộ thế hệ trẻ một cách nhanh chóng, rộng khắp và vững chắc là biểu hiện sự tôn trọng và phát huy cao nhất quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng trẻ tuổi; là tạo điều kiện cho mọi thành viên của thế hệ trẻ cống hiến và trưởng thành theo yêu cầu của Đảng; là thu hẹp dần, đi đến loại trừ những mặt tiêu cực và những yếu tố phi xã hội chủ nghĩa có thể tác động vào thế hệ trẻ, chi phối thế hệ trẻ. Trong điều kiện hiện nay, nhanh chóng tổ chức toàn bộ thế hệ trẻ lại, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Đảng là tích cực tạo điều kiện cho thế hệ trẻ hình thành lực lượng cách mạng hùng mạnh của mình để tham gia vào quá trình xây dựng lực lượng giai cấp công nhân Việt-nam hiện đại và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Nhanh chóng tổ chức toàn bộ thế hệ trẻ còn có tác dụng thiết thực tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng các đoàn thể quần chúng ở các cấp, góp phần đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế và trong đời sống xã hội.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng này, chúng ta phải nhanh chóng tổ chức toàn bộ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng trong cả nước vào hệ thống tổ chức chính trị của thế hệ trẻ bao gồm Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp thanh niên Việt-nam, Hội học sinh đại học, Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh, Đội nhi đồng Hồ-Chí-Minh, và các hình thức tập hợp khác. Thu hút thanh niên vào hệ thống kinh tế quốc dân, vào hệ thống giáo dục, văn hóa, khoa học, kỹ thuật; đồng thời bảo đảm cho thanh niên thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Một nhiệm vụ quan trọng nữa là *dấy lên cao trào thi đua xã hội chủ nghĩa và phong trào hành động cách mạng* trong thế hệ trẻ. Đảng ta yêu cầu ở đâu có thanh niên ở đó phải có cao trào thi đua xã hội chủ nghĩa và có phong trào hành động cách mạng. Sự nghiệp giáo dục và tổ chức thế hệ trẻ chỉ được thử thách và phát huy hiệu quả trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, trong phong trào thi đua rộng lớn của quần chúng. Đảng và Nhà nước có trách nhiệm lãnh đạo; giúp đỡ lớp trẻ dấy lên phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp nhằm lôi cuốn một lực lượng xã hội to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, quốc phòng... tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy toàn xã hội tiến lên. Cao trào thi đua xã hội chủ nghĩa và phong trào hành động cách mạng phải hướng vào việc động

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

HOÀNG-NGỌC-DI

TRONG 35 năm qua, chưa có nước nào ở vào một hoàn cảnh đấu tranh khốc liệt như nước ta, phải liên tục tiến hành chiến tranh giải phóng và bảo vệ đất nước, phải vật lộn với thiên tai và nền sản xuất nhỏ. Nhưng sự nghiệp giáo dục phổ thông đã thay đổi về chất, từ chỗ là công cụ của chủ nghĩa thực dân trở thành công cụ của chuyên chính vô sản; nước ta từ chỗ có tới 95% số dân mù chữ, nay đã có một nền giáo dục phát triển.

Riêng ở miền Bắc, từ năm 1955 đến năm 1975, những tiến bộ này biểu hiện rõ rệt hơn. Những tiến bộ đó chỉ có thể có trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1958, nhân dân ở vùng đồng bằng và trung du đã thanh toán nạn mù chữ, hiện nay nhiều xã đã phổ cập văn hóa cấp I. Ở miền núi, công tác thanh toán nạn mù chữ được tiến hành bằng hai thứ chữ: chữ phổ thông và chữ dân tộc. Năm 1955, mới có 20% tổng số trẻ em được đi học, đến năm 1975, tỷ lệ đó là trên 90%. Hằng năm, có đến hàng chục vạn học sinh tốt nghiệp cấp II, cấp III bổ sung cho lực lượng lao động và quân đội. Chương trình học được cải cách theo những tiến bộ khoa học và luôn luôn được bổ sung. Phương pháp giáo dục ngày càng được cải tiến theo hướng gắn học với hành, gắn giáo dục với lao động sản xuất.

Các trường học ở miền Bắc đã phổ cập văn hóa phổ thông cấp I cho nhân dân lao động, phổ cập văn hóa phổ thông cấp II cho thanh niên, cán bộ và bộ đội, đó là một trình độ văn hóa cần thiết cho quần chúng phải lao động và chiến đấu trong hoàn cảnh một nền sản xuất thủ công, đang từng bước đi lên nền sản xuất cơ khí. Các trường học đã giáo dục cho học sinh lòng yêu nước nồng nàn và chí căm thù sâu sắc quân xâm lược, giáo dục lòng yêu quý chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, quan điểm lao động mới và ý thức tôn trọng nhân dân lao động. Các trường học đã cung cấp những lực lượng văn hóa cho nhu cầu đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật. Nhìn chung, bộ mặt văn hóa của miền Bắc đã hoàn toàn đổi mới, phần lớn nhờ việc phổ cập giáo dục.

Từ khi cả nước được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa thống nhất và tiếp tục đà phát triển mạnh mẽ của nền giáo dục đó trên quy mô cả nước. Đương nhiên, ngoài xã hội cũng như trong nhà trường, chúng ta còn phải vật lộn gay go với ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, những ảnh hưởng này có khả năng gây nên một sự suy thoái về tư tưởng và đạo đức trong một bộ phận thanh niên học sinh nếu không kịp thời ngăn chặn. Song chúng ta đã nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa, gạt bỏ chế độ giáo dục Mỹ—ngụy, gạt bỏ sự can thiệp của tôn giáo, sớm đưa ngay vào trường học chương trình học mới, xây dựng đội ngũ cốt

Digitized by Google

cán và các tổ chức quần chúng cách mạng.

★

Một vấn đề thường được đặt ra trước sự nghiệp giáo dục phổ thông là: *có tiếp tục phát triển giáo dục trên quy mô lớn, với tốc độ cao như thế này, để làm giảm chất lượng giáo dục không?* Đây là vấn đề mà một số người gọi là « mâu thuẫn số — chất » trong giáo dục. Vấn đề này cần được xem xét nghiêm túc hơn là vội đi đến kết luận phải hãm đà phát triển giáo dục lại để bảo đảm chất lượng.

Đúng là, giáo dục phổ thông ở nước ta đã phát triển với một tốc độ cao hiếm có trong lịch sử phát triển giáo dục của bất cứ nước nào trên thế giới. Miền Bắc nước ta chỉ mất 3 năm đã hoàn thành công cuộc thanh toán nạn mù chữ, trong khi đó nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển vẫn còn có hàng chục triệu người mù chữ. Miền Bắc nước ta chỉ mất 10 năm, từ 1955 đến 1965, để đưa tỷ số trẻ em đến trường phổ thông từ 20% lên trên 80%. Làm được việc đó, các nước tư bản phát triển phải mất trên 1 thế kỷ; nhanh nhất như Nhật-bản cũng mất 70 năm. Còn ở các nước đang phát triển, mặc dù gần đây có cố gắng nhiều và đầu tư vào giáo dục lớn hơn nước ta hàng chục lần, song cho đến năm 1970, tỷ số trẻ em đi học vẫn còn tương đối thấp. Theo tài liệu của hội nghị La-gốt, năm 1970, ở cả châu Phi, tỷ số trẻ em từ 6 đến 11 tuổi được đi học là 41,1%, tỷ số trẻ từ 12 đến 17 tuổi được đi học là 23,9% (lấy một nước quen thuộc có nền kinh tế khá phát triển là An-giê-ri, tỷ số tương ứng là 58,1% và 29,9%).

Đồng thời, như Nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ chính trị Trung ương Đảng nhận định, đúng là « sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa của ta phát triển nhanh về số lượng, nhưng còn yếu về chất lượng toàn diện ». Vậy, làm sao vẫn bảo đảm một tốc độ cao đi đôi với một chất lượng giáo dục vững chắc? Yêu cầu đẩy nhanh nhịp độ phổ cập giáo dục cho thiếu niên và nhi đồng, chuẩn bị người có văn hóa cần thiết cho việc đào tạo cán bộ, xóa nạn mù chữ và phổ biến những điều thường thức về khoa học, v.v. là chính đáng, là khách quan. Nếu trong buổi đầu của cách mạng, xã hội ta không đáp ứng được những yêu cầu rộng lớn và cấp bách đó thì sẽ phát sinh những hậu quả nặng nề biết chừng nào?

Hiện nay phương hướng giải quyết vấn đề là: phát huy những kinh nghiệm thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển nhanh, tìm cách khắc phục những yếu tố tiêu cực đã làm cho chất lượng giáo dục giảm sút.

Chúng ta đã phát triển giáo dục một cách mạnh mẽ trong hoàn cảnh kinh tế còn thấp kém và có chiến tranh là nhờ chúng ta đã biết *biến công tác phát triển giáo dục thành sự nghiệp của nhân dân*. Nhân dân đã mở trường, đã nuôi cả thầy giáo. Cũng chính nhân dân đã chuyển hàng chục vạn lớp học xuống hầm trong mùa hè năm 1965 để đối phó với chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Nhu cầu đi học của con em nhân dân đã buộc ngành giáo dục phải đào tạo nhiều giáo viên, phải tìm nhiều hình thức học, phải tính đến hoàn cảnh của số đông con em nhân dân lao động mà định chế độ học tập thích hợp.

Song có hai vấn đề lớn mà chúng ta giải quyết không khéo, khiến cho chất lượng giáo dục giảm sút, nhất là về kiến thức khoa học:

— *Một là kế hoạch đào tạo giáo viên và xây dựng đội ngũ giáo viên không được chủ động*, không đón trước được yêu cầu phát triển trường lớp. Tùy theo khả năng ngân sách và lương thực hằng năm, có lúc hệ thống sư phạm mở ra quá rộng, có lúc lại co lại, thậm chí có nơi giải thể trường lớp. Đội ngũ lại biến động luôn:

Digitized by Google

người giỏi ở cấp dưới được đề bạt lên dạy ở cấp trên; nhiều địa phương không có giáo viên quê quán tại chỗ; cũng có năm nhiều giáo viên nhập ngũ.

— *Hai là chất lượng giáo dục chưa thật phù hợp với từng giai đoạn phát triển của xã hội.* Chúng ta đang ở bước đầu công nghiệp hóa, nhưng chương trình học lại phỏng theo các nước đã có công nghiệp phát triển. Nước ta có nhiều vùng kinh tế và xã hội phát triển rất khác nhau, rất chênh lệch, nhưng chúng ta lại cho áp dụng một chương trình học duy nhất. Nhu cầu phân công lao động đòi hỏi chuẩn bị lực lượng lao động dự trữ theo nhiều bậc thang phát triển khác nhau, nhưng chúng ta chỉ có một mục tiêu đào tạo. Lẽ ra, chúng ta phải kết hợp khéo việc phổ cập và nâng cao trong nội dung giáo dục, phải phân biệt phần lớn học sinh được đào tạo ra thành người lao động bình thường với một số ít có năng khiếu đào tạo cho các ngành khoa học và nghiệp vụ phức tạp; phải tính đến điều kiện học tập của trẻ em từng vùng mà xác định chất lượng giáo dục thích hợp. Nói chung, vì trình độ phát triển kinh tế thấp, lại cần phổ cập giáo dục nhanh, đối với số đông học sinh, nên cho học ít hơn, nhưng chắc hơn, học đến đâu biến thành nhân cách mới đến đó. Rõ ràng làm như thế sẽ tốt hơn là học quá nặng đề rồi không nắm chắc được kiến thức nào cả.

Ngoài ra, trong ngành giáo dục cũng như trong xã hội, bệnh hình thức, trọng hư danh hơn trọng thực chất rất nghiêm trọng. Cũng vì bệnh đó mà sinh ra nhồi nhét kiến thức, thi cử khó khăn, thiếu trung thực trong việc đánh giá và thi đua tạo ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong trường học.

★

Một vấn đề nữa thường được đặt ra cho công tác giáo dục phổ thông là: *làm sao nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu đào tạo đã đề ra?* Ở đây, chúng ta sẽ không bàn đến các biện pháp cụ thể, mà chỉ bàn đến phương pháp giáo dục con người mới trong hoàn cảnh thực tế của đất nước đang chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vấn đề này thường được đặt ra dưới dạng: tìm một phương thức giáo dục mới, hay vận dụng nguyên lý giáo dục vào công tác giáo dục của trường học. Phương pháp ở đây được hiểu như là: « ý thức về hình thức của sự vận động nội tại của bản thân nội dung » (Hê-ghen) (1), chứ không phải là những biện pháp cụ thể.

Trong khi đi tìm phương pháp giáo dục mới, một mặt chúng ta đã tiến hành thảo luận về khái niệm, về lý luận, mặt khác chúng ta đã coi trọng tổng kết kinh nghiệm tiên tiến. Song hai đầu này chưa nối lại được với nhau; hay nói một cách khác, chúng ta chưa có được một kiến giải lý thuyết về sự hình thành con người mới, xã hội chủ nghĩa, trong những điều kiện của một nền sản xuất nhỏ, thủ công.

Về lý luận, chúng ta đã cố gắng xác định những nhân tố chính của quá trình giáo dục con người, những nhân tố đó có liên quan với nhau, bổ sung cho nhau đồng thời cũng có khả năng lấn át nhau; vấn đề là phải tìm ra một sự kết hợp đúng đắn. Đó là sự kết hợp giữa học với hành, giữa giáo dục với lao động sản xuất, giữa chính trị và khoa học, giữa nhà trường và xã hội... Đây là một cách nghĩ đúng đắn, nó cho phép chúng ta tránh được lệch lạc, thiên về mặt này hay nặng về mặt khác. Nhưng trong thực tế, tại sao có lúc chúng ta thiên về lao động sản xuất, có lúc lại thiên về học tập kiến thức sách vở. Hai thiên hướng này có lúc chọi nhau như hai

(1) Xem *Bút ký triết học* của V.I. Lê-nin, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 103.

Digitized by Google

xu hướng đối lập. Nguyên nhân có thể là :

— *Có một sự lầm lẫn giữa nguyên lý giáo dục*, với tính cách là quy luật chi phối công tác giáo dục, quy luật chi phối sự kết hợp giữa những nhân tố giáo dục (nhân tố hiểu như một phạm trù) *với quan hệ giữa các hoạt động giáo dục.*

Vì thế có người giải thích nguyên lý giáo dục như là sự kết hợp giữa ba hoạt động giáo dục cơ bản, mà không biết rằng chính trong mỗi hoạt động giáo dục đều có vai trò của nguyên lý giáo dục. Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã đem lại một lời giải thích đúng đắn về quá trình giáo dục, như là một quá trình thống nhất lĩnh hội và vận dụng những giá trị văn hóa của loài người và của dân tộc.

— *Có một sự đánh giá quá cao vai trò của hoạt động « thể hiện ra ngoài »* như lao động sản xuất và hoạt động xã hội trong sự hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh. Quan niệm này coi nhẹ vai trò của sự lĩnh hội những giá trị văn hóa đã tích lũy được. Ở đây có sự lầm lẫn giữa hoạt động thực tiễn của người lớn, một hoạt động sáng tạo ra những giá trị mới, với hoạt động thực tiễn của học sinh vốn là một biện pháp giáo dục, nhằm khắc sâu và quán triệt những điều đã học. Quan niệm này đẻ ra khuynh hướng thực dụng trong giáo dục mà Nghị quyết về cải cách giáo dục đã phê phán.

Chúng ta không đi sâu tìm ra kiến giải trong thực tiễn công tác giáo dục, nhất là giải quyết mâu thuẫn giữa nội dung học tập hiện đại với hoàn cảnh sống và điều kiện thực hành còn lạc hậu và thủ công. Để giải quyết mâu thuẫn này, có lúc (năm 1966—1967) chúng ta đề ra khẩu hiệu : «kết hợp khoa học tiên tiến với kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng và kiến thức cổ truyền của dân tộc». Vì không tìm ra kiến giải thích đáng cho nên có khuynh hướng thủ tiêu thực hành, với lý do thực hành không có lợi gì cho việc tiếp thu kiến thức khoa học hiện đại. Cũng phải xem lại nội dung chương trình, có thể còn thiếu những kiến thức khoa học cần cho thực tiễn sản xuất của nước ta, ví dụ những kiến thức về sinh học, hóa học cần cho nông nghiệp.

Về thực tiễn, chúng ta đã tổng kết được nhiều kinh nghiệm quý. Tiếc rằng, nhiều kinh nghiệm không được kịp thời thể chế hóa thành những quy định bắt buộc các trường học phải thực hiện. Hơn nữa, có một số cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục đã coi thường những kinh nghiệm này, và chỉ tin rằng phải áp dụng những phương pháp hiện đại của thế giới mới tốt.

Về việc thực hiện mục tiêu đào tạo của trường phổ thông, nhất là về mặt chuẩn bị ý thức và năng lực ra tham gia lao động sản xuất hay học nghề, nếu chỉ riêng trường phổ thông làm thì không đủ. Hệ thống giáo dục là một hệ thống mở, giữa các loại trường học, và giữa nhà trường với xã hội có quan hệ với nhau. Chúng ta sẽ cố gắng tiến hành giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp trong trường phổ thông ; song đồng thời xã hội phải sẵn sàng sử dụng, các trường lớp dạy nghề phải sẵn sàng thu nhận những thanh niên tốt nghiệp trường phổ thông. Hiện nay, cơ chế này chưa được bảo đảm, hằng năm có đến 60 vạn thanh niên học hết cấp II, cấp III không được học lên trường chính quy, mà cũng không vào được lớp dạy nghề. Một số, ít nhiều mang tâm lý thất vọng, đã phải tham gia lao động tạm thời.

Trong thời gian qua, chúng ta chăm lo đến chất lượng giáo dục, cũng nhằm vào hai mục đích chính : một là chuẩn bị cho thế hệ trẻ tích cực tham gia chiến tranh giải phóng đất nước, hai là chuẩn bị cho họ tiếp thu được

Digitized by Google

những kiến thức khoa học. Chúng ta làm chưa tốt việc chuẩn bị cho họ đi vào *nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* và vào *cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa*, như Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nhận định. Ngày nay chúng ta đã thấy rõ cả hai nhược điểm này tác động không tốt đến sự phát triển nhân cách của thanh niên ta như thế nào. Nhược điểm thứ nhất có thể sớm được khắc phục một khi có được cơ chế đào tạo – sử dụng tốt, nhưng nhược điểm thứ hai thì không phải như vậy. Người thanh niên không được trang bị tốt về thế giới quan, về chính trị, về đạo đức, về thẩm mỹ, về nếp sống mới thì họ còn là nạn nhân của ảnh hưởng văn hóa tư sản. Ảnh hưởng đó không phải chấm dứt cùng với sự rút lui của tên thực dân xâm lược cuối cùng, nó còn có khả năng phát triển cùng với sự giao lưu văn hóa giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau qua các phương tiện thông tin quần chúng.

Việc chuẩn bị cho học sinh về mặt *nhân văn* còn yếu. Những chương trình và bài giảng về khoa học xã hội, những hoạt động ngoại khóa về văn học, nghệ thuật, những mối quan hệ trong trường học và cả chế độ thi cử chưa đủ thúc đẩy học sinh đi sâu vào những quan hệ tư tưởng và tình cảm giữa người với người, xác định cho mình niềm tin và tình yêu đối với con người, từ đó có những rung động nhân văn và triết học.

★

Sự nghiệp giáo dục phổ thông ở nước ta đã đi một chặng đường đầy chông gai, và trong chông gai đã nở ra như « một bông hoa tươi đẹp nhất của chế độ xã hội mới ». Một thuận lợi rất lớn cho sự phát triển của sự nghiệp giáo dục phổ thông là nó đã có một ngọn đuốc soi đường, đó là *Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về cải cách giáo dục*, một bước chi tiết hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa về mặt giáo dục do Đại hội thứ IV của Đảng đã đề ra. Đó là bản tổng kết bước đường đã đi cùng với sự suy nghĩ về tương lai. Chúng ta cần học tập kinh nghiệm của thế giới, nhất là của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, về mặt giáo dục những lớp người mới. Song chúng ta phải nghiêm túc suy nghĩ, tìm tòi trên mảnh đất của ta, mảnh đất đã sinh ra một cách tự giác những thế hệ anh hùng, chắc chắn cũng sẽ sinh ra một cách tự giác những lớp người mới cao đẹp.

Digitized by Google

NGUYÊN LIỆU CHO CÔNG NGHIỆP

TRƯỜNG-SƠN

NGUYÊN liệu là một yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho quá trình sản xuất công nghiệp được liên tục. Đặc biệt đối với công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, nguyên liệu lại có ý nghĩa quyết định, vì trong cơ cấu giá thành sản phẩm, nguyên liệu thường chiếm 70–80%.

Để tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, thời gian qua, chúng ta đã phát triển cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, khai thác lâm sản, hải sản, khoáng sản, bước đầu phát triển nguyên liệu công nghiệp, đồng thời nhập khẩu những nguyên liệu cần thiết, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Diện tích cây công nghiệp phát triển chậm, năng suất kém và tỷ suất hàng hóa thấp. Đàn gia súc, gia cầm còn nhỏ bé và số lượng da mua được còn quá ít (khoảng 30% da trâu bò và 3% da lợn); nguyên liệu lâm sản như gỗ, tre, nứa chỉ cung cấp được 40–50% yêu cầu; nguyên liệu hải sản chủ yếu là cá, tôm, sản lượng khai thác hằng năm giảm dần. Nguyên liệu nhập khẩu ngày càng bị hạn chế. Phế liệu, phế phẩm chưa được tận thu và tận dụng.

Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng đã nêu rõ, nguyên liệu là vấn đề sống còn của công nghiệp nhưng chưa được giải quyết tốt là nguyên nhân chủ yếu làm cho công nghiệp phát triển chậm, và nhấn mạnh phải tích cực đẩy mạnh sản xuất nguyên liệu trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu để lấy ngoại tệ nhập khẩu các loại nguyên liệu cần thiết mà ta chưa sản xuất được, sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn nguyên liệu, tận thu, tận dụng các loại phế liệu và phế phẩm.

Một năm thực hiện nghị quyết, đã đem lại một số kết quả bước đầu. Chính phủ đã ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nguyên liệu nông sản. Ngành lương thực, thực phẩm đã cùng hai tỉnh Hà-sơn-bình và Vĩnh-phú quy hoạch lại các vùng mía cho hai nhà máy đường Vạn-điểm và Việt-trì, tiến hành xây dựng bốn nông trường mía ở các tỉnh miền Nam; nhận các nông trường chè của ngành nông nghiệp và tổ chức các xí nghiệp liên hợp công – nông nghiệp chè. Ngành xây dựng và công nghiệp nhẹ đã tập trung sức đẩy mạnh tốc độ xây dựng các nhà máy kéo sợi. Diện tích cây công nghiệp năm nay tăng 12% so với năm trước. Sản lượng cà phê tăng 70%, mủ cao su khô tăng 4%. Nhiều địa phương đã tận dụng đất đai, dành tỷ lệ diện tích thích đáng để tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ. Hà-nội có quy hoạch mở rộng các vùng nguyên liệu nông sản; các huyện ngoại thành đã đẩy mạnh khai thác than bùn, cao-lanh. Thành phố Hồ-Chí-Minh có quy hoạch mở rộng vùng cói, vùng dừa, xây dựng nông trường trồng dứa, đẩy mạnh trồng dâu nuôi tằm. Vĩnh-phú xúc tiến trồng mới mía, chè, sơn,... Hà-nam-ninh, Thanh-hóa mở thêm hàng nghìn héc ta cói. Quảng-ninh trồng

Digitized by Google

thêm cói, sú vẹt. Tiền-giang xây dựng các vùng chuyên canh dứa, mía, bàng, tràm, Sơn-la tu bổ và phát triển các loại cánh kiến đỏ, chè...

Việc hợp tác khai thác, trao đổi nguyên liệu đã được một số địa phương và cơ sở thực hiện. Thành phố Hồ-Chí-Minh hợp tác khai thác sậy với Đồng-tháp, gỗ, cao su với Đồng-nai, nhựa thông với Lâm-đồng, lá buông với Thuận-hải. Hà-nội đã hợp tác với nhiều tỉnh để khai thác nguyên liệu như gỗ cành ngọn (Nghệ-tĩnh) sơn (Vĩnh-phú), mây, tre, nứa (Hoàng-liên-sơn)... Các hợp tác xã ở Hà-nam-ninh đưa lao động đi hợp tác đổi công với nông trường Sông-hiếu để khai thác gỗ. Công ty tạp phẩm Bộ công nghiệp nhẹ hợp tác với Thanh-hóa, Quảng-ninh sản xuất tananh.

Nhiều xí nghiệp đã nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để dùng nguyên liệu tại chỗ và nguyên liệu thay thế. Xưởng dệt số 13 thuộc Xí nghiệp liên hợp đay thảm len thành phố Hồ-Chí-Minh đã nhiều lần cải tiến thiết bị máy móc dùng được 9 loại nguyên liệu địa phương, trong đó có loại mới là đay rừng cho nên đã hoàn thành kế hoạch 6 tháng đầu năm trước thời hạn. Xí nghiệp đã dùng phương thức đổi 1 bao tải mới lấy 2kg xơ đay, hằng năm có thể thu được 700—800 tấn nguyên liệu và được nhân dân hoan nghênh. Các xí nghiệp ở Quảng-nam—Đà-nẵng đã dùng cát Xuân-thiều thay bột đá Non-nước để sản xuất gạch hoa, dùng bọc nhộng tằm làm nguyên liệu sản xuất nước chấm, dùng dó biền làm nguyên liệu sản xuất giấy, dùng gỗ cây thị làm thoi dệt.

Một số công ty, xí nghiệp đã vận dụng các phương thức thu mua gia công, cung ứng linh hoạt tạo thêm nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Nhà máy sắt tráng men Hải-phòng đã gia công cho các cơ quan, xí nghiệp được 250 tấn nguyên liệu. Nhà máy da Thụy-khê nhờ tổ chức nhiều trạm thu mua da ở các tỉnh cho nên năm nay số da thu mua được đã tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Các xí nghiệp đường nhờ gia công và mua theo giá thỏa thuận đã có thêm hàng trăm nghìn tấn mía. Nhà máy xà phòng nhờ mua thêm dầu dứa theo giá thỏa thuận cho nên đã có thêm nguyên liệu để sản xuất xà phòng bánh, kem đánh răng. Các tỉnh Cao-bằng, Lạng-sơn, Phú-khánh đã đẩy mạnh thu mua thuốc lá, riêng Phú-khánh đến tháng 9 đã thu mua vượt kế hoạch năm và tăng gấp 20 lần so với năm 1979. Công ty vật tư kỹ thuật Hà-bắc, với tinh thần lo vật tư cho sản xuất như chính người sản xuất lo vật tư, đã tăng cường hoạt động, cung cấp thẳng vật tư cho 40% xí nghiệp, cải tiến thủ tục, giảm thời gian giao nhận từ 7 ngày xuống 2—3 ngày; thường xuyên kiểm tra tồn kho, điều động vật tư từ nơi thừa sang nơi thiếu, giúp nhiều xí nghiệp trong tỉnh hoàn thành kế hoạch. Có nơi đã bắt đầu áp dụng phương thức tạo nguồn nguyên liệu qua xuất khẩu và nhập khẩu như xí nghiệp sắt tráng men Hải-phòng vay ngoại tệ nhập nguyên liệu của thị trường tư bản về làm ra sản phẩm xuất sang Cu-ba và nhập đường thô Cu-ba về tinh luyện, rồi lại xuất sang thị trường tư bản để lấy ngoại tệ tiếp tục nhập khẩu thêm nguyên liệu

Việc khai thác, sử dụng vật tư chậm luân chuyển, thu hồi, tận dụng phế liệu, phế phẩm để tổ chức sản xuất phụ đã được tiến hành rộng khắp ở nhiều ngành, nhiều địa phương và cơ sở. Hà-nội đã mở trung tâm giao dịch, mua bán vật tư, hàng hóa ngoài kế hoạch đạt kết quả tốt, tiêu thụ hàng triệu đồng vật tư ứ đọng và ký được nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa.

Trong năm 1979, các xí nghiệp quốc doanh ở Hà-nội đã sản xuất được 3 triệu đồng hàng hóa từ phế liệu và năm 1980 có thể đạt 5 triệu đồng. Khu vực tiểu công nghiệp cũng đã sản xuất

Digitized by Google

được hàng chục triệu đồng sản phẩm ngoài kế hoạch. Liên xã ngành giấy Bưởi, ngoài việc cử người đi thu mua giấy lề, sách báo cũ, đã dùng phương thức đổi giấy thành phẩm lấy giấy phế liệu làm nguyên liệu cho sản xuất. Các hợp tác xã và xí nghiệp quốc doanh ở Hải-phòng những năm 1979 và 1980 đã tận dụng hàng vạn tấn kim loại, cao su, nhựa, gỗ, bông sợi... làm ra nhiều mặt hàng trị giá 20—30 triệu đồng. Thành phố Hồ-Chí-Minh dùng phế liệu làm ra được hàng trăm mặt hàng mới. Ở Hà-nam-ninh, trạm vật tư của ngành tiểu công nghiệp đã khai thác và cung ứng 1300 tấn sắt thép cũ, 2000m³ gỗ, 50 tấn bông sợi và hàng trăm tấn vật tư nguyên liệu khác, góp phần khắc phục khó khăn cho các cơ sở sản xuất. Các ngành cơ khí luyện kim, điện, than, hóa chất, công nghiệp nhẹ, xây dựng,v.v. cũng đã tận dụng phế liệu sản xuất được mấy chục triệu đồng sản phẩm phụ. Riêng ngành cơ khí đã sản xuất được hơn 200 mặt hàng từ phế liệu với giá trị hơn 20 triệu đồng. Các tỉnh Hoàng-liên-sơn, Hà-sơn-bình, Thanh-hóa, Hà-bắc... đưa lao động đi khai thác được 30000 tấn than địa phương để nung gạch ngói, sành sứ và chế biến nông sản.

Bên cạnh những mặt tích cực nói trên, có một số hiện tượng tiêu cực cần phê phán như nhiều địa phương giữ nguyên liệu (thuốc lá, mía, dầu dừa...) lại để sản xuất tại địa phương, không giao nộp cho các xí nghiệp trung ương theo kế hoạch. Ở một số xí nghiệp, có tình trạng nhập nhằng giữa nguyên liệu chính và phế liệu, giữa hàng hóa trong kế hoạch và ngoài kế hoạch, dùng nguyên liệu chính sản xuất « sản phẩm phụ ngoài kế hoạch » để trao đổi trực tiếp không qua thương nghiệp quốc doanh...

★

Tuy đã có một số kết quả bước đầu, nhưng hiện nay vấn đề nguyên liệu cho công nghiệp vẫn chưa được giải quyết một cách căn bản. Vì vậy, để tiếp tục thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng, tạo ra nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất công nghiệp, sắp tới nên thực hiện những chính sách và biện pháp sau đây:

1 — Ra sức phát triển nguyên liệu nông sản theo hướng mở thêm diện tích, nhưng phải rất coi trọng thâm canh. Trong tình hình lương thực còn khó khăn, để phát triển nguyên liệu nông sản cho các nhà máy, có thể có hai cách làm. Cách làm thông thường là hằng năm trung ương « ấn » cho tỉnh, tỉnh « ấn » cho huyện và huyện « ấn » cho hợp tác xã một kế hoạch phát triển cây công nghiệp với diện tích, năng suất, sản lượng năm sau cao hơn năm trước theo một tỷ lệ nào đó; đồng thời trung ương cũng giao cho địa phương các chỉ tiêu về cung cấp lương thực cho vùng cây công nghiệp và thu mua nguyên liệu cho các xí nghiệp trung ương. Với cách làm hình thức, « quảng canh » này, thực tế không đạt được kết quả mong muốn.

Nên chọn cách làm khác, cụ thể là trong 4—5 năm tới, nên tăng diện tích một số cây công nghiệp cần thiết và có điều kiện như cao su, cà phê, chè, dứa, thuốc lá, đỗ tương... Cần đi vào quy vùng tập trung (tăng thêm nơi tập trung, giảm bớt nơi phân tán) và thâm canh để tăng năng suất và sản lượng, thí dụ đối với mía ở các vùng chuyên canh sẽ phấn đấu sao cho 1 héc ta mía làm ra được 4 — 5 tấn đường như trước đây. Hoặc đối với thuốc lá, hiện nay năng suất bình quân là 5 — 6 tạ/héc ta và tỷ suất hàng hóa là 50%, cố gắng phấn đấu đưa năng suất lên 1 tấn/héc ta và thu mua 90% sản lượng. Cách làm này có lợi là vừa tăng thêm được nguyên liệu để sử dụng hết công suất các nhà máy, vừa không lấn thêm diện tích cây lương thực.

Digitized by Google

Về lương thực, với khả năng có hạn, không nên cung cấp tràn lan mỗi nơi một ít như lâu nay, mà tập trung cung cấp cho một số nơi nhất định để mua cho được nguyên liệu. Thí dụ, đối với đỗ tương, Nhà nước cần cung cấp lương thực cho nhân dân sản xuất trên 1 – 2 vạn héc ta đỗ tương ở Đồng-nai để thu mua cho được 1 – 2 vạn tấn. Còn các nơi khác, địa phương trồng được bao nhiêu thì trồng, Nhà nước mua được bao nhiêu thì mua, coi như sản phẩm bổ sung ngoài kế hoạch.

Cần sử dụng mọi hình thức để huy động được nhiều nguyên liệu nông sản cho công nghiệp như thu thuế nông sản, mua theo hợp đồng kinh tế hai chiều, mua theo giá thỏa thuận, làm gia công..

2 – Phế liệu, phế phẩm hiện nay tuy chưa nhiều, nhưng theo đà phát triển của sản xuất và đời sống, đây là nguồn bổ sung thường xuyên và quan trọng nguyên liệu cho công nghiệp. Do đó, cần tìm mọi cách tận thu, tận dụng phế liệu, nhất là phế liệu trong nhân dân. Đề nghị giao cho giám đốc xí nghiệp trách nhiệm và quyền hạn xử lý với hiệu quả kinh tế cao nhất đối với các loại phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất, nhưng phải có quy định rõ ràng và kiểm tra chặt chẽ để tránh tình trạng biến nguyên liệu chính thành « phế liệu » và sản phẩm chính thành « sản phẩm phụ ». (Không kể trường hợp phải có một số nguyên liệu chính nhất định mới sử dụng phế liệu, phế phẩm được). Giao trách nhiệm và quyền hạn cho Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố tổ chức thu hồi và sử dụng tốt mọi nguồn phế liệu phát sinh trong quá trình tiêu dùng hiện còn rải rác trong các gia đình, cơ quan, trường học. Vận dụng nhiều hình thức linh hoạt, phong phú để làm việc này như cho các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cần loại phế liệu nào thì được tổ chức mạng lưới thu mua loại phế liệu đó; tổ chức nhiều cửa hàng mua bán phế liệu hoặc đổi phế liệu lấy sản phẩm ở các khu phố; tổ chức ngày lao động thứ 7 thu nhặt phế liệu, v.v.

3 – Ngoài việc phát triển và thu mua nguyên liệu nông sản là chủ yếu, cần có quy hoạch, kế hoạch và chính sách, biện pháp từng bước phát triển các nguồn nguyên liệu khác cho công nghiệp như:

Phát triển mạnh nghề rừng và khai thác hợp lý tài nguyên rừng để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp xen luy lô, công nghiệp chế biến đồ gỗ, công nghiệp dược phẩm, và công nghiệp chế biến đặc sản xuất khẩu. Vấn đề cấp bách trước mắt là phải bảo vệ và quản lý chặt chẽ toàn bộ rừng hiện có, đồng thời phấn đấu phủ xanh các đồi trọc trong khoảng 15 – 20 năm. Mở mang thêm đường lâm nghiệp để có thể khai thác các khu rừng già ở các nơi xa và cao, hạn chế việc khai thác rừng cao, rừng kiệt. Chú ý kết hợp khai thác với bảo vệ và tái sinh rừng, kết hợp khai thác rừng với vận chuyển lâm sản nhằm giữ gìn tài nguyên. Tiến tới tổ chức một số lâm trường chuyên doanh để phục vụ cho những nhà máy nhất định như lâm trường nứa phục vụ nhà máy giấy, lâm trường gỗ phục vụ nhà máy sợi nhân tạo...

Khôi phục và làm tốt nghề biển bao gồm các mặt nuôi trồng, bảo vệ và khai thác các loại hải sản để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến cá, mắm, chế biến a-ga, chế biến bột cá gia súc, chế biến hải sản xuất khẩu... Hướng cơ bản và lâu dài là sẽ tổ chức các xí nghiệp liên hợp hải sản bao gồm các khâu khai thác, chế biến và hậu cần cân đối, có quy mô thích hợp, kỹ thuật hiện đại để hằng năm có thể khai thác hàng triệu tấn cá ở đại dương. Trước mắt, cần phát huy năng lực tiềm tàng của các hợp tác xã ở miền Bắc, tiến hành cải tạo xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa với các hình thức thích hợp đối với nghề cá ở miền Nam và tận dụng lực lượng quốc doanh sẵn có để khai thác. Cần tiến hành sớm việc điều tra nguồn lợi và ban hành luật bảo vệ nguồn lợi hải sản để làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp khai thác cá biển.

Tăng cường công tác điều tra cơ bản, thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng. Trước mắt, tiếp tục thăm dò tìm kiếm các loại nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp sản xuất phân hóa học, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu, công nghiệp sản xuất sành, sứ, thủy tinh. Đẩy mạnh công tác thăm dò tìm kiếm dầu khí và chuẩn bị phát triển công nghiệp hóa dầu để cung cấp nhiều loại nguyên liệu cho công nghiệp như chất dẻo, sợi hóa học, cao su, chất tẩy rửa tổng hợp, thuốc nhuộm, sơn, v.v.

Hiện nay, nguyên liệu cho công nghiệp của ta, nhất là cho công nghiệp nhẹ, phần lớn còn dựa vào nhập khẩu. Sắp tới, khi ta đã ra sức tạo nguồn nguyên liệu từ trong nước cũng không thể nào bảo đảm đầy đủ được, thì mở rộng ngoại thương là biện pháp quan trọng nhất để bổ sung nguyên liệu cho công nghiệp. Cần có nhiều chính sách khuyến khích xuất khẩu để có ngoại tệ nhập nguyên liệu như chính sách nghĩa vụ xuất khẩu quy định mỗi công nhân, mỗi nông dân hằng năm phải làm ra bao nhiêu giá trị xuất khẩu; chính sách tiết kiệm để xuất khẩu, cái gì có thể dành cho xuất khẩu được thì kiên quyết hạn chế tiêu dùng trong nước để xuất khẩu; chính sách ưu đãi xuất khẩu, bảo đảm cho các đơn vị làm hàng xuất khẩu có lợi hơn so với sản xuất hàng nội địa; chính sách vay ngoại tệ để nhập nguyên liệu làm hàng xuất khẩu; và từng bước thực hiện chính sách lấy xuất bù nhập, đơn vị nào cần nhập thì phải lo xuất để mà nhập, xuất nhiều nhập nhiều, xuất ít nhập ít (trừ các trường hợp đặc biệt cần nhập nhưng không xuất được thì Nhà nước phải lo).

Về công tác...

(Tiếp theo trang 32)

viên thế hệ trẻ nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám sáng tạo, để có thể cống hiến nhiều nhất vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để có phong trào thi đua rộng khắp trong thanh niên, các tổ chức Đảng và Nhà nước cần chỉ cho thanh niên những nhiệm vụ cụ thể trong từng thời gian, tin cậy và mạnh dạn giao nhiệm vụ cho thanh niên, đồng thời bảo đảm những điều kiện cần thiết cho thanh niên hoạt động, quan tâm đến những quyền lợi chính đáng của thanh niên...

Cùng với việc chăm lo cho thanh niên, phải *ra sức chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng*. Thiếu niên, nhi đồng là vốn quý của dân tộc, là lớp người nối tiếp thanh niên nắm giữ vận mệnh, tương lai của đất nước. Đảng ta đặt công tác thiếu niên, nhi đồng trong phạm trù công tác vận động thanh niên chính là với ý nghĩa đó.

Digitized by Google

NHÌN LẠI TIỂU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH TRONG THỜI GIAN QUA

LÊ-CHÍ-TIẾT

THÀNH phố Hồ-Chí-Minh có 182 hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp với 30 046 xã viên, 2 234 tổ sản xuất với 72 054 tổ viên, 398 xí nghiệp nhỏ tư nhân với 7500 lao động và 8 556 hộ cá thể với 35 934 lao động. Tổng số lao động tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp thuộc ngành Liên hiệp xã quản lý hiện nay có 145 524 người, trong đó lao động hợp tác hóa chiếm 70,1%, lao động của xí nghiệp tư nhân và những người làm riêng lẻ chiếm 29,9%. Tổng giá trị sản lượng làm ra năm 1979 là 932 triệu đồng, trong đó hợp tác xã chiếm 20%, tổ sản xuất tập thể 36%, xí nghiệp tư nhân trên 20%, còn cá thể trên 23%. Như vậy, trong khu vực các xí nghiệp tư nhân và những người làm riêng lẻ số người lao động chiếm dưới 30%, nhưng đã tạo ra giá trị tổng sản lượng chiếm 43,1%.

Vừa qua sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp bung ra, làm thêm hàng hóa cung cấp cho thị trường, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nhưng phần sản xuất bung ra chủ yếu là từ các cơ sở sản xuất tư nhân và những người làm riêng lẻ. Có một số ngành nghề không được quy hoạch, tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ cho nên tự phát «bung ra» khá mạnh, nhất là các ngành nghề sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước hoặc phế liệu tại chỗ như nhựa, nhôm, xà phòng, thuốc lá, rượu... Nhiều cơ sở sản xuất tư nhân và những người làm riêng lẻ cạnh tranh với kinh tế quốc doanh và tập thể để chiếm nguồn nguyên liệu. Liên hiệp xã và các ngành quản lý kinh tế tài chính nặng về quản lý các cơ sở tập thể sản xuất ổn định, có kế hoạch, có hợp đồng; còn buông lỏng quản lý các cơ sở sản xuất tư nhân và những người làm riêng lẻ tự sản tự tiêu. Do đó hàng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có tăng thêm nhưng số hàng bán cho Nhà nước lại giảm sút nhiều. Trong khi đó, các ngành nghề buôn bán và dịch vụ của tiểu thương tự phát «bung ra» mà không hạn chế được, làm cho thị trường «tự do» phát triển bừa bãi, nạn đầu cơ buôn lậu, phá rối thị trường tăng thêm, đẩy giá cả lên cao, ảnh hưởng xấu đến đời sống của những người làm công ăn lương và các tầng lớp lao động khác.

Trong khi các cơ sở sản xuất tư nhân và những người làm riêng lẻ «bung ra» một cách tự phát thì các hợp tác xã mà phần lớn là sản xuất gia công cho Nhà nước lại gặp khó khăn. Do thiếu nguyên liệu, kế hoạch gia công bị giảm sút, cho nên trong 6 tháng đầu năm 1980, nhiều hợp tác xã (nông cụ, thủy tinh, vải, may mặc, đồ da, chế biến mi...) phải thu hẹp sản xuất, làm hụt mất 21 triệu đồng. Trong tình hình đó phần sản xuất của các xí nghiệp tư nhân và những người làm riêng lẻ «bung ra» chỉ bù lại phần sản xuất của các hợp tác xã giảm sút. So với 6 tháng đầu năm

Digitized by Google

trước, giá trị sản lượng khu vực hợp tác xã và tổ sản xuất giảm 20%, nhưng sản xuất của các cơ sở sản xuất tư nhân và những người làm riêng lẻ lại tăng 67,5%, nâng tỷ trọng từ 43% lên 54% trong tổng giá trị sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Đương nhiên, có tình trạng tự phát, bớt xén nguyên liệu gia công của Nhà nước hoặc tự sản tự tiêu trong các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhưng rõ ràng là tình trạng quản lý hành chính cung cấp, quan liêu thể hiện trong các chính sách, chế độ hiện hành đang gò bó sản xuất tập thể, (như trong công tác kế hoạch, quản lý tiền mặt, quản lý giá...). Sản xuất bung ra mà chính sách không được bổ sung, sửa đổi kịp thời, một mặt quản lý vẫn gò bó, mặt khác lại tiếp tục buông lỏng quản lý, cho nên sản xuất tập thể vẫn chưa bung ra được, khu vực tư nhân lại « bung ra » cùng với sự phát triển của « thị trường tự do » gây thêm nhiều mặt tiêu cực.

★

Tình hình thực tế trên đây cho thấy rằng:

Để cho sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp thật sự bung ra và bung ra đúng hướng, cần nhận thức rõ vai trò, vị trí của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải vừa coi trọng xây dựng và quản lý các cơ sở công nghiệp quốc doanh, vừa coi trọng xây dựng và quản lý tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Cần phải thiết lập mối quan hệ hợp lý giữa công nghiệp quốc doanh trung ương, công nghiệp quốc doanh địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển rộng rãi và đúng hướng, tận dụng mọi khả năng của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Trong điều kiện của sản xuất nhỏ tình trạng phân tán hiện nay trong sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là có tính chất khách quan. Chúng ta hoàn toàn không thể xếp đặt lại một cách tùy tiện theo ý muốn chủ quan mà phải biết cách tổ chức lại sản xuất cho phù hợp với quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải làm cho tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp lớn mạnh bằng nhiều hình thức phát triển từ hai hướng: vừa làm vệ tinh gia công, hợp tác sản xuất với các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương theo một quy hoạch và kế hoạch thích hợp, vừa tạo cho nó một thế tự chủ, lớn lên bên cạnh công nghiệp quốc doanh, có sự giúp đỡ đắc lực của công nghiệp quốc doanh. Đó là một phương hướng tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất đúng đắn.

Tuy nhiên, kinh tế tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở nước ta hiện nay là kinh tế tập thể và cá thể. Vì vậy nếu thiếu một hệ thống quản lý thống nhất và phù hợp với đặc điểm đó, thì không tránh khỏi rơi vào khuynh hướng để cho các đơn vị cơ sở đi theo con đường tự phát.

Cần phải quan niệm rõ: các hợp tác xã là những đơn vị kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, thuộc thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa cùng tồn tại với kinh tế quốc doanh trong chủ nghĩa xã hội.

Đối với kinh tế cá thể, chúng ta không xóa bỏ vội vàng, tùy tiện, không phủ nhận tác dụng của nó. Kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể có tính chất ưu việt của nó, nhưng kinh tế cá thể hiện nay vẫn có ích lợi cho nền kinh tế quốc dân. Vấn đề là phải làm sao quản lý tốt kinh tế cá thể.

Kinh tế tư nhân, cá thể có tính chất hai mặt: tích cực và tiêu cực. Song nếu được tổ chức lại, các cơ sở này với sức lao động của bản thân mình

Digitized by Google

và dùng công cụ sản xuất của mình để chuyên làm vệ tinh gia công cho Nhà nước, chỉ lấy tiền gia công chính đáng, hàng hóa thuộc về Nhà nước thì cơ sở cá thể đó đã đi vào quỹ đạo tổ chức sản xuất và kế hoạch hóa sản xuất của Nhà nước.

Tuy nhiên, từ trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước, muốn tiền công cao và thuế ít, mua giá thấp, bán giá cao, bớt xén vật tư, nguyên liệu của Nhà nước, đến đầu cơ, tích trữ, phá giá thị trường, lậu thuế, trốn thuế, làm gian dối, ăn cắp vật tư, nguyên liệu của Nhà nước, v.v. đó đều là những hiện tượng tiêu cực cần phải bài trừ và xử lý nghiêm khắc. Vì vậy, sử dụng mặt tích cực phải đi đôi với hạn chế mặt tiêu cực của họ.

Chúng ta gạt bỏ những định kiến thiên lệch, ra sức giáo dục các thành viên của xí nghiệp tư nhân, những người làm ăn riêng lẻ, có phương pháp quản lý tốt hơn, thích hợp hơn với cung cách làm ăn của họ, thì nhất định sẽ phát huy được mặt tích cực của họ.

Để cho sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp bung ra đúng hướng, trước mắt cần làm tốt các mặt công tác sau đây:

— Tiếp tục tiến hành cải tạo, tổ chức lại sản xuất, quy hoạch tốt hơn các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, làm cho nó gắn bó với công nghiệp quốc doanh một cách hợp lý. Đẩy mạnh sản xuất từ nguồn vật tư, nguyên liệu của Nhà nước, đồng thời tích cực tự huy động mọi năng lực, kể cả nhập khẩu, mở rộng hợp đồng hai chiều giữa các địa phương, mở rộng quy mô tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ, tiết kiệm vật tư nguyên liệu để sản xuất hàng hóa có chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Kết hợp chặt chẽ đẩy mạnh sản xuất với tăng cường quản lý phân phối lưu thông, làm cho sản xuất bung ra tốt, thị trường phát triển tốt.

— Vận dụng sáng tạo và mạnh dạn sửa đổi các chính sách, chế độ cho phù hợp với từng thành phần kinh tế khác nhau. Kết hợp nhuần nhuyễn hơn kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường, đòn bẩy kinh tế. Áp dụng phương pháp kế hoạch hóa một cách linh hoạt, có kế hoạch pháp lệnh và kế hoạch hướng dẫn làm cho sản xuất bung ra, không gò bó, không có hiện tượng tiêu cực, chú ý đầy đủ đến yêu cầu, đặc điểm của nền kinh tế từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn, còn tồn tại các thành phần kinh tế khác nhau.

— Mạnh dạn tăng cường cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp các cấp. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo nhạy bén của chính quyền các cấp, coi trọng việc quản lý của cấp phường, xã đối với kinh tế cá thể. Xúc tiến việc đào tạo cán bộ, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, tài chính, kỹ thuật cho cán bộ, tăng cường cán bộ có năng lực quản lý cho Liên hiệp xã các cấp và các ngành có liên quan.

Digitized by Google

Nghiên cứu

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG NỀN KINH TẾ HIỆN NAY

TRẦN-HỖ

NÓI về quy luật giá trị, ai cũng thừa nhận rằng sự tồn tại của nó trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, nhưng tác dụng hoạt động của nó đến đâu và vận dụng nó như thế nào là những điểm cần trao đổi ý kiến để làm sáng tỏ. Dưới đây là một số ý kiến nhằm góp phần làm rõ vấn đề đó.

I

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa. Quy luật giá trị đòi hỏi việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Sự tồn tại của quy luật giá trị của bất cứ nền sản xuất hàng hóa nào bao giờ cũng gắn liền với một phương thức sản xuất nhất định. Do đó, chúng ta cần đặt quy luật giá trị trong hoàn cảnh và điều kiện kinh tế của nước ta để nghiên cứu.

Trước hết, nước ta đang ở trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *quy luật giá trị hiện nay đang hoạt động trong một nền kinh tế gồm nhiều thành phần*. Điều cần chú ý là trong các giai đoạn phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa, tác động của quy luật giá trị khác nhau về mức độ. Ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, khi mà quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đang hình thành, tuy đã bị những hạn chế nhất định, phạm vi tác động của quy luật giá trị còn rộng. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng được củng cố và phát triển thì quy luật giá trị càng bị hạn chế nhiều hơn. Chúng ta đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, vừa có thành phần kinh tế quốc doanh, vừa có thành phần kinh tế tập thể, đồng thời vẫn còn thành phần kinh tế cá thể. Ở miền Nam, ngoài ba thành phần kinh tế trên, còn có kinh tế công tư hợp doanh và kinh tế tư bản tư nhân. Chính do sự ra đời của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và vị trí chủ đạo trong nền kinh tế thuộc về kinh tế quốc doanh và do các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa đã phát huy tác dụng, nhất là quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch mà sự hoạt động của quy luật giá trị đã bị hạn chế.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, quy luật giá trị thống trị con người, tác động như một lực lượng tự phát. Ngược lại, trong chủ nghĩa xã hội, chúng ta nhận thức và vận dụng được nó trong quản lý nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch. Một tác dụng khách quan của quy luật giá trị dưới chế độ xã hội chủ nghĩa

Digitized by Google

mà chúng ta phải chú ý khai thác một cách đầy đủ là nó *kích thích tăng năng suất lao động và thúc đẩy* sản xuất phát triển, nếu chúng ta biết sử dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa—tiền tệ trong quản lý kinh tế. Tuy nhiên, tác động của quy luật giá trị ở từng lĩnh vực có mức độ khác nhau. Quy luật giá trị hoạt động trong lưu thông mạnh mẽ hơn trong lĩnh vực sản xuất, trong khu vực sản xuất hàng tiêu dùng mạnh mẽ hơn trong khu vực sản xuất tư liệu sản xuất; trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp mạnh mẽ hơn trong công nghiệp hiện đại; ở miền Nam rộng rãi và mạnh mẽ hơn ở miền Bắc hiện nay.

Ở khu vực kinh tế quốc doanh, quy luật giá trị không điều tiết sản xuất nhưng nó cũng có tác động quan trọng. Giữa các ngành kinh tế quốc doanh có sự trao đổi sản phẩm, sự trao đổi sản phẩm đó dựa trên sự tính toán về hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong một ngành kinh tế quốc doanh cũng phải tính toán sự hao phí lao động sống và lao động vật hóa, để tăng năng suất, hạ giá thành, để xí nghiệp sản xuất có lãi. Vì vậy, trong khu vực kinh tế quốc doanh, ngoài việc vận dụng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển có kế hoạch, cần phải biết vận dụng quy luật giá trị vào sản xuất và phân phối, lưu thông. Một số xí nghiệp vì không biết vận dụng quy luật giá trị, sản xuất với bất cứ giá nào, bị lỗ, gây thiệt hại cho Nhà nước. Riêng đối với những sản phẩm được sản xuất và lưu thông ngoài kế hoạch của các xí nghiệp quốc doanh thì quy luật giá trị điều tiết sản xuất với mức độ nhất định. Trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh, nếu các xí nghiệp quốc doanh không tính đến quy luật giá trị thì sẽ gây trở ngại đến việc thực hiện các biện pháp phát triển sản xuất và ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tái sản xuất của xí nghiệp. Nếu chúng ta chỉ biết động viên mặt tinh thần và ý chí của những người lao động mà không tính đến giá thành, giá trị, giá cả của hàng hóa làm ra và lỗ lãi của xí nghiệp như thế nào thì rốt cuộc xí nghiệp cũng gặp khó khăn trong sản xuất và cải thiện đời sống của công nhân. Hiện nay, còn không ít những cơ sở sản xuất và kinh doanh mà Nhà nước còn phải bù lỗ, chúng ta cần cải tiến quản lý và dần dần chấm dứt tình trạng đó.

Ở khu vực kinh tế tập thể, bao gồm hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã thủ công nghiệp, quy luật giá trị còn tác dụng điều tiết sản xuất trong một mức độ nhất định. Mặc dù có sự hướng dẫn của kế hoạch Nhà nước về chỉ tiêu sản xuất đối với các sản phẩm, nhưng mức giá cả và tiền lãi còn rất «hấp dẫn» đối với sự hoạt động của các hợp tác xã. Thời gian qua, việc thu mua nông sản chưa đạt được mức của kế hoạch dự kiến lúc ban đầu là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là giá cả chưa được định ra một cách thỏa đáng. Nông dân thường tính toán rất cụ thể lãi của họ được bao nhiêu khi bán nông sản cho Nhà nước.

Đối với thành phần kinh tế tư nhân, quy luật giá trị mặc dù đã bị hạn chế một phần nào nhưng vẫn còn điều tiết sản xuất và lưu thông một cách nhanh, nhạy và mạnh mẽ. Ở khu vực này, giá cả lên xuống không bình thường và phụ thuộc vào quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường.

Hai là, *quy luật giá trị đang hoạt động trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, năng suất lao động rất thấp, giá trị hàng hóa còn cao.* Nền sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay còn dựa trên lực lượng sản xuất kém phát triển, trình độ phân công lao động xã hội còn thấp.

Digitized by Google

Năng suất lao động thấp làm cho lượng thời gian lao động xã hội cần thiết cao đã quyết định lượng giá trị của hàng hóa cũng cao vì « quy luật chung của sản xuất hàng hóa là năng suất lao động tỷ lệ nghịch với giá trị mà nó sáng tạo ra » (1). Do năng suất thấp cho nên sản phẩm thặng dư còn ít, số lượng hàng hóa còn ít, nhất là trong nông nghiệp tỷ suất hàng hóa còn thấp. Tình hình ấy dẫn đến mâu thuẫn rất gay gắt giữa sản xuất và tiêu dùng ; nền kinh tế quốc dân mất cân đối nghiêm trọng.

II

Nhận thức và vận dụng đúng quy luật giá trị là một vấn đề rất quan trọng để sử dụng tốt *các đòn bẩy kinh tế* nhằm phục vụ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta vừa coi trọng việc thực hiện nguyên tắc khuyến khích bằng lợi ích vật chất, vừa chú ý công tác giáo dục tư tưởng, không như những người theo chủ nghĩa duy tâm chỉ biết động viên tư tưởng của những người lao động mà phủ định quy luật khách quan đang tồn tại ngay trong bản thân nền kinh tế. Một số người làm công tác kinh tế rất đau đầu trước tính « ương ngạnh » của quy luật giá trị, vì nó đã « gây ra » nhiều vấn đề rất phức tạp và hắc búa đòi hỏi phải suy nghĩ và giải quyết.

Chúng ta cần vận dụng quy luật giá trị một cách tự giác ; chúng ta phải học tập Lê-nin, « biết sử dụng tất cả những hình thức kinh tế quá độ hiện có thể có.... để phục hưng ngay nền kinh tế quốc dân trong một nước bị tàn phá và suy nhược » (2). Bên cạnh việc giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa cho những người lao động để họ ra sức xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải biết sử dụng những đòn bẩy sẵn có của nền sản xuất hàng hóa, sử dụng những mắt xích trung gian để thúc đẩy sự ra đời của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta. Một điều rất đáng chú ý là khi ta vận dụng đúng thì quy luật giá trị vận động trong nền kinh tế một cách êm đềm lặng lẽ như nước mùa thu, tưởng chừng như không ai hay biết, nhưng nếu cơ quan kinh tế làm sai, vi phạm quy luật giá trị thì sẽ bị nó quật lại ; lúc đó, nó nổi lên như sóng dậy ầm ầm, bộc lộ rõ ràng làm cho mọi người đều thấy nó, như Mác nói « cũng ý như khi nhà đổ đè lên đầu rồi thì bất cứ ai cũng thấy được quy luật trọng lực » (3).

Nói đến giá trị và quy luật giá trị, chúng ta cần nhận rõ rằng nội dung cơ bản về lượng của giá trị hàng hóa là *thời gian lao động xã hội cần thiết và* chính thời gian lao động xã hội cần thiết là cơ sở hoạt động của quy luật giá trị. Nếu không nhận rõ được điều này thì trong thực tiễn chúng ta không thể quy định được giá trị và giá cả hàng hóa, vì *thời gian lao động xã hội cần thiết là cái cốt lõi của giá trị*, và hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị là giá cả. Trong thực tiễn hiện nay, chúng ta chỉ mới nghiên cứu và xác định được giá thành, bộ phận chủ yếu của giá trị hàng hóa, chứ thật ra chưa tính toán được toàn bộ giá trị hàng hóa. Chúng ta cũng chưa tính được giá trị của sản phẩm thặng dư để từ đó mà xác định mức lãi hợp lý cho các cơ sở sản xuất. Năng suất lao động của những người làm ra một hàng hóa quyết định sự hình thành thời gian lao động xã hội cần thiết để làm ra hàng hóa ấy ; thời gian lao động xã hội cần thiết đó thay đổi tùy theo sự thay

---

(1) C.Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1961, quyển II, tập I, tr. 195.

(2) V.I. Lê-nin : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, tập II, tr. 565.

(3) C. Mác : *Tư bản* Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển I, Tập 1, trang 1-9.

Digitized by Google

đổi của năng suất lao động. Thời gian lao động xã hội cần thiết để làm ra hàng hóa thay đổi tức là giá trị của hàng hóa thay đổi, thì giá cả của hàng hóa cũng thay đổi theo. Sự thay đổi của giá trị đòi hỏi giá cả phải thay đổi theo, vì giá cả « xoay quanh giá trị ». Nếu giá cả không thay đổi trong lúc giá trị đã thay đổi nhiều thì đó là hiện tượng không bình thường và trái với quy luật. Một chính sách giá cả như thế thì gây trở ngại cho sản xuất và phân phối, lưu thông.

Quy luật giá trị không trực tiếp phô bày mặt mũi của mình trên thị trường mà nó biểu hiện trên thị trường bằng hình thức giá cả. Thật ra, nếu không có hình thức giá cả thì quy luật giá trị cũng không thể biểu hiện ra được.

Chúng ta không được coi thường mối quan hệ giữa cung và cầu, tuy nó không quyết định sự hình thành giá cả trong chủ nghĩa xã hội, nhưng nó có tác động rất quan trọng đến giá cả. Chính thông qua mối quan hệ giữa cung và cầu mà giá cả lên xuống xoay quanh giá trị; chỉ với sự lên xuống đó của giá cả, quy luật giá trị mới được thực hiện và chúng ta mới có thể vận dụng giá cả lên xuống trên hoặc dưới giá trị để phục vụ sự phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. « Như vậy có thể có một độ cách, một sự chênh lệch về số lượng giữa giá cả và giá trị của một hàng hóa, và khả năng đó lại nằm ngay trong bản thân hình thái giá cả. Điều mơ hồ đó, đáng lý ra là một khuyết điểm, trái lại lại là một trong những vẻ đẹp của hình thái này » (4).

Khi vận dụng quy luật giá trị, chúng ta *phải đặt nó trong mối quan hệ chặt chẽ với các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội*. Các quy luật này có mối liên hệ hữu cơ với nhau và quyện vào với quy luật giá trị thành một tổng thể các quy luật khách quan, trong đó và trước hết có quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển có kế hoạch là những quy luật giữ địa vị chủ đạo, còn quy luật giá trị giữ vai trò phụ thuộc đối với hệ thống các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa. Do đó, chúng ta không thể nghiên cứu và vận dụng quy luật giá trị một cách cô lập, siêu hình, mà phải đặt nó trong mối liên hệ chặt chẽ với các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Chính nhờ có sự ra đời của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cùng với các quy luật của nó, chúng ta mới có thể vận dụng được quy luật giá trị vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng được củng cố và hoàn thiện thì chúng ta càng có khả năng vận dụng tốt quy luật giá trị vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Do đó, chúng ta cần phải rất quan tâm đến việc xây dựng, củng cố và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, đồng thời tạo điều kiện để vận dụng tốt quy luật giá trị.

Muốn vận dụng tốt quy luật giá trị, chúng ta phải có phương pháp luận đúng, cần nhận rõ sự tồn tại tất yếu của quy luật này trong nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, sự nhận thức và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan là cả một quá trình. Có người luôn luôn nói thừa nhận sự tồn tại của quy luật giá trị nhưng trong thực tiễn thì không đếm xỉa gì đến nó, do đó đã mắc những khuyết điểm không nhỏ trong công tác quản lý kinh tế. Họ thiên về sử dụng quá nhiều biện pháp hành chính để thay thế cho việc xử lý đúng đắn các quan hệ kinh tế; họ tưởng làm như vậy là tiện lợi và dễ dàng nhất, nhưng không ngờ rằng sự vận động của quy luật khách quan này đã gây tác dụng ngược lại, bắt buộc họ phải đi qua nhiều đường

(4) C. Mác: *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, quyển II tập II tr. 146.

Digitized by Google

vòng, do đó đã làm lãng phí nhiều của cải của xã hội.

Xác định đúng đắn vị trí của quy luật giá trị, nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Trong công tác quản lý kinh tế, phải coi trọng giá trị sử dụng, đồng thời coi trọng quy luật giá trị; phải thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, sử dụng tốt thị trường và những đòn bẩy kinh tế: giá cả, tín dụng, tiền lương, lợi nhuận, v.v. » (5). Chúng ta cần khắc phục quan điểm duy tâm, lấy ý muốn chủ quan của mình thay thế cho sự nghiên cứu và vận dụng các quy luật kinh tế khách quan. Mặt khác, cũng cần chống khuynh hướng cường điệu vai trò của quy luật giá trị, đi đến chỗ sùng bái nó, không nhận rõ mặt tiêu cực của nó.

Quy luật giá trị không những được vận dụng để khuyến khích những người sản xuất nhỏ làm ăn theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước mà còn được vận dụng trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta vận dụng quy luật giá trị về nhiều mặt trong công tác quản lý kinh tế và dưới đây là một số mặt chủ yếu:

Một là, trong *kế hoạch hóa*, ngoài việc xác định các chỉ tiêu bằng hiện vật, chúng ta dùng giá trị để làm công cụ tính toán xây dựng các chỉ tiêu, các quan hệ tỷ lệ giữa các sản phẩm trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời dùng giá trị để kiểm tra và kích thích việc thực hiện kế hoạch của các ngành kinh tế, các địa phương và các cơ sở sản xuất. Sau khi phân tích vị trí và tác dụng cơ bản của *giá trị sử dụng* của hàng hóa trong chế độ ta, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: «... Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và trong cả giai đoạn xã hội chủ nghĩa, *giá trị và quy luật giá trị* là một tồn tại khách quan, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và quản lý kinh tế. Đó là thước đo tính toán, công cụ kiểm tra và đòn bẩy kích thích có hiệu lực » (6).

Chúng ta cần thực hiện việc kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường, đó cũng là kết hợp vận dụng quy luật phát triển có kế hoạch với vận dụng quy luật giá trị, lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu và thị trường làm cái bổ sung. Đây là một hoạt động quản lý kinh tế vừa bảo đảm cân đối, vừa rất linh hoạt và phong phú trong điều kiện nền kinh tế ở nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, nước ta đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, cơ sở vật chất còn thấp và phân tán, Nhà nước chưa có thể nắm hết được mọi khả năng và nhu cầu của sản xuất và đời sống, thì sự kết hợp vận dụng quy luật phát triển có kế hoạch với quy luật giá trị lại càng có ý nghĩa rất quan trọng để kích thích sản xuất phát triển.

Vận dụng giá trị và quy luật giá trị trong công tác kế hoạch hóa kết hợp với sử dụng quan hệ thị trường thì sẽ làm cho sản xuất « bung ra » theo đường lối của Đảng, và phương hướng của kế hoạch Nhà nước, trước hết và chủ yếu là « bung ra » trong kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã, làm cho mọi cơ sở, mọi người lao động phát huy tinh thần chủ động sáng tạo để góp phần thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước.

Trong mối quan hệ giữa kế hoạch hóa và sử dụng quan hệ thị trường, ở một số nơi hiện nay, cần chống xu hướng xem nhẹ kế hoạch hóa, muốn phát triển mặt hàng ngoài kế hoạch nhiều hơn là mặt hàng trong kế hoạch, thậm chí lấy bớt vật tư do Nhà nước cung cấp để phát triển mặt hàng ngoài kế hoạch. Kế hoạch của ta còn có

---

(5) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội 1977, tr. 62.

(6) Lê-Duẩn: « Mấy vấn đề về kinh tế địa phương », *Tạp chí Cộng sản*, số 10-1979, tr. 19.

Digitized by Google

khuyết điểm là quan liêu, gò bó, cần phải sửa chữa cả về nội dung và phương pháp của kế hoạch hóa. Nhưng không vì thế mà ta lại thu hẹp kế hoạch hóa và đặt quan hệ thị trường lên trên kế hoạch hóa.

Hai là, vận dụng quy luật giá trị trong *công tác hạch toán kinh tế* bằng cách dùng giá trị làm thước đo mọi chi phí sản xuất để từ đó xác định giá thành, giá bán buôn xí nghiệp nhằm bảo đảm được doanh lợi trong các xí nghiệp. Hiện nay, việc thực hiện hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp chưa tốt, một phần quan trọng là do chưa xác định được đúng giá thành và giá bán buôn xí nghiệp bằng cách vận dụng quy luật giá trị. Giá bán buôn xí nghiệp chưa dựa trên hệ thống tiêu chuẩn và định mức hợp lý cho nên ít có tác dụng trong việc tăng cường quản lý xí nghiệp.

Chính việc bao cấp tràn lan và dai dẳng trong quản lý kinh tế đã làm cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sinh ra ỷ lại hoàn toàn vào Nhà nước, chưa chú ý đến việc vận dụng quy luật giá trị để sản xuất và kinh doanh có lãi, mà chỉ trông chờ vào sự bù lỗ của Nhà nước cho xí nghiệp.

Ba là, trong *công tác giá cả*, chúng ta xác định giá trị của hàng hóa dựa vào hao phí lao động xã hội cần thiết đã sản xuất hàng hóa đó cùng với sự vận dụng các chính sách của Đảng và Nhà nước và các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đồng thời có tính đến quan hệ giữa cung và cầu để hình thành có kế hoạch các hệ thống giá cả nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển và góp phần cải thiện đời sống nhân dân như: hệ thống giá thu mua nông sản, hệ thống giá bán lẻ hàng tiêu dùng, hệ thống giá bán buôn của sản phẩm công nghiệp, v.v. Những hệ thống giá cả này có mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại với nhau trong một thể thống nhất.

Trong những năm qua, chúng ta đã bước đầu xây dựng một số hệ thống giá cả, tuy nhiên hiện nay các hệ thống giá cả đó không còn phù hợp và không đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân. Các hệ thống giá đó đã được điều chỉnh một cách chắp vá càng làm cho tỷ giá giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp càng thêm không hợp lý: do đó, giá cả chưa làm tốt các chức năng vốn có của nó và chưa có tác dụng làm công cụ đấu tranh có hiệu lực với giá cả trên thị trường « tự do » và bọn đầu cơ.

Bốn là, trong *thực hiện phân phối theo lao động*, vận dụng quy luật giá trị để cải tiến chế độ tiền lương. Chúng ta cần cải tiến các thang lương một cách hợp lý nhằm thực hiện đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động và góp phần phân bố lao động trong các ngành kinh tế theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước. Cần áp dụng rộng rãi ở các ngành, các địa phương chế độ trả lương theo sản phẩm và chế độ trả lương khoán... Ngoài ra, cần thực hiện đúng chế độ về tiền thưởng đối với việc tăng năng suất lao động và sản xuất vượt kế hoạch để khuyến khích công nhân và xí nghiệp đẩy mạnh sản xuất.

Digitized by Google

Phim truyện Việt-nam thứ 100 và 100 bộ phim truyện Việt-nam

VŨ-NGỌC

Xí nghiệp phim truyện Việt-nam vừa hoàn thành bộ phim *Ngày ấy, bên sông Lam* nói về cao trào xô viết Nghệ-tĩnh năm 1930. Bộ phim ra mắt nhân dân ta vào dịp kỷ niệm lần thứ 35 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 và kỷ niệm 50 năm cao trào xô viết Nghệ-tĩnh (12-9). Đây là bộ phim truyện thứ 100, lại là một bộ phim màu đầu tiên về đề tài lịch sử cách mạng của Xí nghiệp phim truyện Việt-nam. Bộ phim như cái mốc đánh dấu một chặng đường hình thành và phát triển của ngành phim truyện xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Ngày ấy, bên sông Lam (tác giả kịch bản: Đào-Xuân-Tùng, Trần-Hữu-Thung; đạo diễn: Nguyễn-Ngọc-Trung; quay phim: Nguyễn-Đăng-Bầy) phản ánh chân thật cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Nghệ-tĩnh năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bộ phim làm sống lại trang sử hào hùng của công nông đất Nghệ noi gương thợ thuyền Nga trong Cách mạng Tháng Mười, đứng lên giành quyền sống, lập nên những xô viết công nông đầu tiên ở vùng địa đầu Đông Nam châu Á.

Vào những năm 30, bọn đế quốc, phong kiến bóc lột, đàn áp nhân dân ta vô cùng dã man. Nhân dân ta ở khắp nơi sẵn sàng đứng lên đấu tranh giành quyền sống, giành độc lập tự do cho đất nước. Đảng ta vừa ra đời đã đứng ra lãnh đạo, đưa phong trào đấu tranh của quần chúng từ tự phát lên tự giác. Hình tượng Lương trong phim, một đảng viên trẻ đang « vô sản hóa » ở nhà máy xe lửa Trường-thi, được phân công về gây dựng cơ sở ở làng Yên (một làng nhỏ gần thành phố Vinh), là một biểu hiện cụ thể của sự lãnh đạo của Đảng. Với danh nghĩa hương sư, bằng hình thức mở lớp dạy chữ quốc ngữ, người đảng viên trẻ đó đã từng bước tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin, giác ngộ, tổ chức quần chúng, mà nòng cốt là một nhóm nam nữ thanh niên nghèo: thợ rèn, bần nông, cố nông, trung nông, cháu nuôi nhà lý trưởng. Bắt đầu từ những thanh niên này, chủ nghĩa yêu nước và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa ngày càng tập hợp được đông đảo quần chúng, dẫn đến việc thành lập chi bộ Đảng làng Yên. Địch truy lùng, khủng bố, Lương bị bắt, nhưng phong trào cách mạng ở làng Yên vẫn không ngừng lớn mạnh. Trong khí thế chung của cách mạng, nhân dân làng Yên đã vùng lên đánh đổ chính quyền địa phương, lập xô viết công nông, chia ruộng đất, xây dựng cuộc sống mới. Nhân ngày 1-5, nhân dân làng Yên cùng các vùng khác nổi dậy giành chính quyền huyện, phá nhà tù, giải thoát cho Lương và nhiều người khác, rồi kéo về Vinh phối hợp với thợ thuyền nhà máy Trường-thi, Bến-thủy đấu tranh. Địch đàn áp vô cùng dã man khiến cho hàng trăm người chết. Lương đã ngã xuống trong tư thế hiên ngang và

Digitized by Google

sự khâm phục, thương tiếc của mọi người.

Ngày ấy, bên sông Lam đã thành công trong việc làm sống lại trước mắt chúng ta sự kiện lịch sử cách mạng cách đây 50 năm, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân ta: *thể hiện cuộc diễn tập cách mạng đầu tiên khi Đảng ta mới ra đời*. Bằng hình tượng trung tâm, người đảng viên cộng sản, chi phối toàn bộ tình tiết của phim, các tác giả đã thể hiện được quá trình Đảng ta đến với phong trào quần chúng và quần chúng đến với Đảng. Bộ phim khẳng định: một khi có lý tưởng cộng sản, có ánh sáng của Đảng soi đường, chỉ lối thì phong trào quần chúng sẽ có sức mạnh to lớn vượt qua mọi khó khăn gian khổ, tiến lên giành thắng lợi. Người xem được sống lại trong không khí xô viết Nghệ-tĩnh năm xưa. Hàng nghìn người dưới lá cờ đỏ búa liềm, tay cầm giáo mác, gậy gộc, đứng dậy đấu tranh lật đổ nền thống trị của bọn đế quốc phong kiến, lập nên chính quyền xô viết. Đường thôn, ngõ xóm rầm rập những bước chân, làng quê tràn đầy khí thế cách mạng. Tiếng trống tưng bừng thúc giục mọi người tham gia ngày hội của cách mạng.

Ngày ấy, bên sông Lam là bản anh hùng ca về cao trào cách mạng Việt-nam ngày đầu có Đảng. Bên cạnh những hình ảnh hào hùng mang tầm vóc sử thi, người xem cũng rất cảm động trước những cảnh đậm đà tình giai cấp, nghĩa đồng bào, tình đồng chí, tình yêu, tình người. Làm nền cho bộ phim là cảnh làng quê Nghệ-tĩnh, với dòng sông Lam trong xanh, với câu hò xứ Nghệ mượt mà. Sự kết hợp giữa anh hùng ca với trữ tình cũng như màu sắc, âm thanh của phim đã làm cho *Ngày ấy, bên sông Lam* thêm hấp dẫn.

Ngoài cố gắng của các tác giả, các nghệ sĩ cùng toàn thể cán bộ, công nhân Xí nghiệp phim truyện, thành công của bộ phim còn là kết quả đóng góp của nhân dân các địa phương, của các ngành có liên quan. Đó là tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng và sự hợp tác xã hội chủ nghĩa. Tỉnh ủy Nghệ-tĩnh đã cho tu sửa một ngôi đình lớn và tổ chức một «cuộc biểu tình» trên một vạn người để đưa lên phim. Ngành đường sắt đã cố gắng sửa chữa để chiếc đầu tàu sản xuất từ năm 1902 đã hỏng có thể chạy được để quay phim. Cán bộ, công nhân nhà máy xe lửa Dĩ-an (thành phố Hồ-Chí-Minh) đã góp công, góp sức làm cho nhà máy của mình có thể tạm thay nhà máy Trường-thi trong phim. Tỉnh Bình-trị-thiên với thành phố Huế và thị xã Đồng-hới, cũng góp phần tích cực vào việc xây dựng bộ phim. Đặc biệt các đồng chí công nhân Cu-ba trong đội xây dựng mang tên Nguyễn-Viết-Xuân, từ đội trưởng đến nhân viên, đã cố gắng làm tròn trách nhiệm «người nghệ sĩ» trong các vai phản diện.

Với *Ngày ấy, bên sông Lam*, ngành phim truyện Việt-nam đã hoàn thành 100 bộ phim vào tuổi 20 của mình. Ra đời và trưởng thành trong đấu tranh cách mạng, ngành điện ảnh nói chung và Xí nghiệp phim truyện nói riêng đã xác định đúng vị trí của mình trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa của Đảng và «xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay». Phim truyện Việt-nam đã góp phần phản ánh công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Chính trong sự nghiệp thiêng liêng ấy của dân tộc, phim truyện đã tìm thấy sức sống của mình.

Đề tài về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc là đề tài nổi bật và có nhiều thành công nhất qua 100 phim truyện đã được xây dựng. Hiện thực cách mạng của đất nước trong 50 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã từng

Digitized by Google

bước được phản ánh trong phim truyện. Không phải ngẫu nhiên mà « đứa con đầu lòng » của ngành phim truyện lại nói về đề tài thống nhất đất nước (phim *Chung một dòng sông*). Bộ phim ra đời trong thời gian đó (7-1959) đã đáp ứng nhu cầu của đất nước, của sự nghiệp cách mạng. Bộ phim là tiếng nói của lòng khát khao độc lập tự do, thống nhất đất nước của cả dân tộc ta. Vừa theo sát hiện thực nóng bỏng, vừa tái hiện truyền thống cách mạng, phim truyện đã cố gắng phản ánh những sự kiện lịch sử, những con người Việt-nam trong quá trình phát triển của cách mạng. Ngành phim truyện đã xây dựng được một loạt phim về đề tài đấu tranh chống thực dân Pháp: *Kim-Đồng, Người cộng sản trẻ tuổi, Người chiến sĩ trẻ, Chị Tư-Hậu, Vợ chồng A-Phủ, Biển lửa, Lá cờ chuẩn, Sao tháng Tám, Chom và Sa...*

Hiện thực hào hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là đề tài rất rộng lớn cho điện ảnh. Chính vì thế mà ngành phim truyện đã xây dựng được nhiều phim với những hình tượng thành công, gây ấn tượng tốt đẹp về lòng tự hào dân tộc, về sự hy sinh vì độc lập tự do, về sức mạnh của thời đại. Phim *Vĩ tuyến 17, ngày và đêm* tiếp tục đề tài đấu tranh để thống nhất đất nước, chống bọn đế quốc và tay sai chia cắt Tổ quốc ta. Hàng loạt phim về cuộc chiến đấu quyết liệt của nhân dân ta trên nhiều trận tuyến, nhiều địa bàn với mọi lứa tuổi ở cả hai miền đất nước đã ra đời: *Nổi gió, Câu chuyện làng Dừa, Nguyễn-Văn-Trỗi, Chị Nhung, Khói, Ngọn lửa, Đường về quê mẹ, Bài ca ra trận, Vùng trời, Mẹ vắng nhà...* Chỉ hơn một năm sau khi quân và dân ta chiến thắng bọn phản động Trung-quốc xâm lược, ngành phim truyện đã kịp thời hoàn thành bốn bộ phim về đề tài này: *Người bạn ấy, Tuổi thơ, Cha và Con, Đất mẹ*. Những bộ phim này, ở những mức độ thành công khác nhau, đã gây căm thù sâu sắc đối với bọn bành trướng Trung-quốc xâm lược và kịp thời cổ vũ, động viên tinh thần cảnh giác, quyết tâm của nhân dân ta đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Nhiều phim truyện đã gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người xem bằng những hình tượng sống động mà tiêu biểu là hình tượng những đảng viên cộng sản, những người đứng ở mũi nhọn của mọi cuộc đấu tranh. Đó là Lý-Tự-Trọng (phim *Người cộng sản trẻ tuổi*), chị Ba-Hơn (phim *Câu chuyện làng Dừa*), bác Cả-Thuận, chị Dịu (phim *Vĩ tuyến 17, ngày và đêm*), Lực (phim *Vợ chồng anh Lực*)... Hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ được chú ý xây dựng và có nhiều thành công. Những hình tượng được xây dựng từ những con người thật ngoài cuộc đời, có sức thuyết phục, tạo nên những cảm xúc mạnh mẽ, tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta, nhất là thế hệ trẻ trong nhiệm vụ chiến đấu giành độc lập tự do, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những Kim-Đồng, Lý-Tự-Trọng, Cù-Chính-Lan, chị Tư-Hậu, Nguyễn-Văn-Trỗi, Lê-Mã-Lương... trong những bộ phim nói trên đã góp phần tạo nên hàng trăm, hàng nghìn những anh hùng ở khắp nơi trên Tổ quốc.

Hai mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng là hai mươi năm phim truyện phát triển với những bộ phim về đề tài này: *Làng nổi, Vợ chồng anh Lực, Người về đồng cói, Hoa thiên lý, Quê nhà, Độ dốc, Bức tường không xây, v.v.* Phim truyện đã phần nào phản ánh được những mâu thuẫn nảy sinh hằng ngày, hằng giờ đòi hỏi được giải quyết trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội của một đất nước nghèo nàn, lạc hậu. Đứng ở mũi nhọn của cuộc đấu tranh gian khổ này là những con người mới, đại diện cho lực lượng sản xuất mới đang từng bước vươn lên « làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân ».

Digitized by Google

Cuộc sống lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta trong thời gian qua cũng là cuộc đấu tranh giữa cái mới, cái tiến bộ, cách mạng với cái cũ, cái lạc hậu, phản cách mạng. Ca ngợi, khẳng định cái mới, cái tiến bộ, phê phán cái cũ, cái lạc hậu — đó là nhiệm vụ mà ngành phim truyện luôn luôn đặt ra. Vì vậy, hầu như trong tất cả các phim về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội ít nhiều đều có sự kết hợp giữa ca ngợi, khẳng định cái mới với phê phán, phủ định cái cũ. Một loạt phim đã đặt ra và giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của lối sống cũ, những biểu hiện xa lạ với cuộc sống mới: *Cách sống của tôi, Chuyến xe bão táp, Những người đã gặp, Những con đường, Kén rể*... Chúng ta phê phán cái cũ là để khẳng định cái mới. Những phim truyện như *Mối tình đầu, Tội lỗi cuối cùng*... đã khẳng định sự thay đổi của những con người cũ, những con người bị chế độ thực dân mới của Mỹ vùi dập, nhuộm đen, và nay đang trở về với cuộc sống làm người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hai mươi năm xây dựng, trưởng thành, với 100 bộ phim truyện, trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, cơ sở vật chất thiếu thốn, đó là một cố gắng lớn của ngành phim truyện nước ta. Kết quả đó được Đảng ta, nhân dân ta ghi nhận. Nhưng điều quan trọng nữa là qua đó ngành phim truyện đã xây dựng được một đội ngũ nghệ sĩ, cán bộ điện ảnh; nhiều người được thử thách trong đấu tranh cách mạng. Đó là những đạo diễn, những nhà văn của ngành điện ảnh, những nhà biên kịch, quay phim, những nghệ sĩ và hàng loạt chuyên viên hóa trang, kỹ thuật, ánh sáng, thu thanh, in tráng, dựng phim... Chúng ta còn đào tạo được một loạt diễn viên. Họ đã chiếm được cảm tình của đông đảo người xem.

Bằng phong cách nghệ thuật của mình, phim truyện Việt-nam đã xây dựng được những nhân vật mang tâm hồn, sắc thái, tính cách Việt-nam, phản ánh nét đặc thù của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam. Con người Việt-nam được phản ánh qua các phim đã gây được ấn tượng tốt đẹp trong lòng người xem nước ngoài. Nhiều phim truyện của chúng ta đã được sự chú ý trong các cuộc Liên hoan điện ảnh quốc tế ở Mát-xcơ-va, Các-lô-vi Va-ri, Lép-dich, Ta-sken, Băng-đung, Bom-bay... Nhiều phim truyện Việt-nam được giải thưởng quốc tế: *Chung một dòng sông, Chim vành khuyên, Kim-Đồng, Chị Tư-Hậu, Đường về quê mẹ, Đến hẹn lại lên, Mẹ vắng nhà, v.v.* Chính vì thế mà đến nay phim Việt-nam đã được trao đổi và bán ra 60 nước trên thế giới.

Qua 100 bộ phim truyện, ngành phim truyện Việt-nam ngày càng khẳng định được hướng đi đúng đắn của mình: đứng trên lập trường của Đảng, quan điểm nghệ thuật của Đảng mà phản ánh trung thực, sâu sắc và sinh động hiện thực cách mạng trên đất nước ta. Thành công hay thất bại, ưu điểm hay khuyết điểm, nhược điểm của từng bộ phim trước hết tùy thuộc vào sự nhận thức đúng đắn hay sai lệch hướng đi đó.

Qua 100 bộ phim truyện, ngành phim truyện Việt-nam có thể rút ra được nhiều kinh nghiệm về tổ chức, quản lý để tiến lên đạt hiệu quả lao động và kinh tế cao nhất trong điều kiện vật chất còn bị hạn chế, xây dựng được nhiều phim có *chất lượng cao* thu hút được đông đảo người xem cả trong và ngoài nước. Hiện thực cách mạng phong phú của đất nước ta cũng cần phải được phản ánh một cách toàn diện, đầy đủ hơn trong phim bằng nhiều *đề tài* và *thể loại* khác nhau.

Chúng ta tin rằng, trong giai đoạn mới của cách mạng, với hướng đi đúng đắn mà Đảng đã vạch ra, ngành điện ảnh sẽ phát huy hết khả năng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Digitized by Google

NỀN KINH TẾ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI LẠI ĐANG ĐỨNG TRƯỚC NHIỀU VẤN ĐỀ GAY GẮT

NGUYỄN-VĂN-THỌ

CÁC nước tư bản chủ nghĩa chưa kịp khắc phục được những hậu quả nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 1973 — 1975 thì bước vào đầu năm nay lại phải đương đầu với nhiều vấn đề gay gắt mới.

Mỹ là nước có tiềm lực kinh tế lớn nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa, từ tháng 4-1980 lại đứng trước cuộc khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa. Đặc biệt là cuộc khủng hoảng lần này phát triển rất nhanh và sâu sắc. Theo công bố của Bộ thương mại Mỹ ngày 19-8-1980, tổng sản phẩm xã hội quý II — 1980 giảm 9%. Đây là mức giảm hằng quý chưa từng có. Chỉ số sản xuất tháng 7-1980 so với cùng thời gian này năm trước giảm 9,3%. Các ngành sản xuất quan trọng đều bị cuốn vào khủng hoảng. Ngành công nghiệp chế tạo ô tô chỉ sử dụng 50% công suất, và đến tháng 6-1980 sản lượng giảm 23%, mức thấp nhất trong 20 năm gần đây. Tháng 5-1980, số nhà ở mới được xây dựng chỉ có 920 nghìn đơn vị, vừa vặn bằng một nửa hồi tháng 5-1979. Ngành công nghiệp luyện kim cũng đang bị khủng hoảng nặng nề, chỉ sử dụng 56% công suất. Cả nước Mỹ có 16 nhà máy luyện thép cỡ lớn với 106 lò cao thì 13 lò đã ngừng hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm 1980, sản lượng thép so với 6 tháng đầu năm ngoái giảm 15,8%, chỉ còn 59 triệu tấn.

Hoạt động kinh doanh đình đốn. Lợi nhuận của các công ty Mỹ giảm mạnh, chỉ riêng quý II — 1980 giảm 18,2% sau khi đóng thuế. Ba công ty sản xuất ô tô lớn nhất ở Mỹ trong thời gian trên đã bị lỗ 1,5 tỷ đô-la. Nhiều nhà máy đã phải đóng cửa, công nhân bị sa thải hàng loạt. Chỉ riêng trong hai tháng 4 và 5-1980 ở Mỹ đã có 1,7 triệu người mất việc làm; tổng số công nhân thất nghiệp hoàn toàn do đó lên đến trên 8 triệu người, chiếm 7,8% số người có sức lao động.

Khủng hoảng nổ ra mạnh mẽ như vậy tất yếu dẫn tới nhu cầu tiêu thụ trên thị trường Mỹ bị thu hẹp nhanh chóng. Tiền lương thực tế của công nhân giảm xuống liên tục trong 12 tháng và tới tháng 5-1980 bị giảm 9%. Kết quả thăm dò ý kiến của hãng vô tuyến truyền hình Mỹ CBS gần đây cho thấy rằng: « Sự hỗn loạn kinh tế hiện nay đang làm cho nhân dân Mỹ lo lắng hơn bao giờ hết ».

Ở Tây Âu, khủng hoảng kinh tế đến với nước Anh sớm hơn cả. Trong 6 tháng đầu năm nay, sản xuất công nghiệp ở Anh so với cùng thời gian này năm trước giảm 3,5%. Khu công nghiệp Biếc-min-tơn, miền trung nước Anh, suy sụp trầm trọng, chỉ trong vòng ba tháng gần đây đã bị giảm 25% sản lượng; trong tổng số các công ty kinh doanh ở khu vực này chỉ có 9% là còn có thể hoạt động bình thường. Theo dự tính của các tổ chức nghiên

Digitized by Google

cứu kinh tế ở Anh thì tổng sản phẩm xã hội trong năm nay giảm 2,5%, ngang với mức giảm thời kỳ khủng hoảng 1973 — 1975.

Sản xuất công nghiệp của Pháp tháng 4-1980 bắt đầu bị đình trệ và tháng 5-1980 giảm 2,2%. Trong 6 tháng đầu năm nay, sản xuất ô tô giảm 6% và xuất khẩu ô tô giảm 2%, sản xuất thép giảm 16,7%. Sức mua ở trong nước giảm sút mạnh, hàng tồn kho tăng vọt. Tháng 5-1980 nước Pháp có 6 800 công ty bị phá sản, so với tháng 5-1979 tăng 7,5%.

Ngay Tây Đức là nước kinh tế phát triển khá hơn cả ở Tây Âu trong năm 1979, bước sang năm nay cũng đã gặp phải nhiều khó khăn: nhịp độ phát triển kinh tế bị chậm lại rõ rệt, và có ngành sản xuất đã bị đình trệ tuyệt đối. Trong 8 tháng đầu năm nay Tây Đức chỉ sản xuất được 30,3 triệu tấn thép, so với cùng thời gian này năm trước giảm 1,2%. Tốc độ tăng tổng sản phẩm xã hội năm nay chỉ bằng một nửa, thậm chí chỉ còn bằng một phần ba mức tăng của năm trước.

Ở Nhật-bản, năm tài chính 1979 — 1980 kết thúc với 16535 vụ phá sản, tăng 7,3% so với năm tài chính 1978 — 1979. Tổng số nợ phải trả khoảng 2358 tỷ yên (chừng 9432 triệu đô la) tăng 15,2% so với năm tài chính 1978 — 1979. Theo ước tính của các ngân hàng Nhật bản, trong năm tài chính 1980 — 1981, nhịp độ tăng vốn đầu tư vào công nghiệp sẽ bị chững lại. Chẳng hạn, vốn đầu tư vào máy móc và thiết bị năm 1980 — 1981 tăng 14,1% so với 16,5% năm 1979 — 1980. vốn đầu tư tư nhân vào các ngành công nghiệp chế biến năm 1980 — 1981 chỉ tăng 8,7% so với 21% của năm 1979 — 1980. Đầu tháng 8 vừa qua, Viện kinh tế Mít-su-bi-si nhận xét rằng, nền kinh tế Nhật đang có dấu hiệu đi vào suy thoái. Tốc độ tăng tổng sản phẩm xã hội có thể bị giảm từ 6,1% năm tài chính 1979 — 1980 xuống 4,5% năm tài chính 1980 — 1981. Nhu cầu tiêu thụ trên thị trường nội địa đang có xu hướng giảm sút.

Tóm lại hoạt động kinh tế đang bị chững lại rõ rệt trong toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa và khủng hoảng đã nổ ra mạnh ở Mỹ và Anh. Theo báo cáo của tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế châu Âu (OECD) thì năm 1980 tốc độ phát triển kinh tế của 24 nước tư bản chủ nghĩa thuộc tổ chức này là vào khoảng 1% (năm 1979 3%), lạm phát là 13,3% (năm 1979 10,1%); thất nghiệp trên 20 triệu người (năm 1979 16,5 triệu người).

★

Cuộc khủng hoảng kinh tế lần này tuy mới bùng lên nhưng đã bộc lộ nhiều vấn đề gay gắt mà các nước tư bản chủ nghĩa đang phải lo đối phó.

- Một là, *nó nổ ra trong lúc các nước tư bản chủ nghĩa chưa khắc phục được những hậu quả nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 1973 — 1975.* Chưa bao giờ thế giới tư bản chủ nghĩa phải trải qua một giai đoạn phục hồi bấp bênh và kéo dài như sau cuộc khủng hoảng những năm 1973 — 1975. Giai đoạn này ở Mỹ là 14 tháng, Tây Đức — 15 tháng, Pháp — 30 tháng, Nhật — 35 tháng và Anh — 37 tháng. Năm 1978 — 1979, các nước tư bản chủ nghĩa chuyển lên giai đoạn phồn vinh rất ngắn ngủi và yếu ớt. Trong giai đoạn này sản xuất công nghiệp của các nước ấy chỉ tăng với mức 4% hằng năm, chưa bằng một nửa của năm 1973. Hơn nữa, cho đến nay sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như đóng tàu, vận tải biển, sản xuất sợi tổng hợp, dệt, may mặc, đóng giày, v.v. vẫn tiếp tục nằm trong tình trạng khủng hoảng hoặc đình trệ.

Nguyên nhân trực tiếp gây nên tình trạng bi đát này là do những khó khăn nghiêm trọng về nhiều mặt trong nền kinh tế thế giới tư bản

Digitized by Google

chủ nghĩa làm cho các yếu tố thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế không thể phát huy tác dụng mạnh mẽ như trong các chu kỳ kinh tế trước đây. Sau cuộc khủng hoảng những năm 1973 – 1975, ở các nước tư bản chủ nghĩa đã không xuất hiện cao trào đầu tư vào tư bản cố định – một cơ sở vật chất chủ yếu để phục hồi và phát triển kinh tế. Mãi cho tới năm 1978, các nước tư bản chủ nghĩa, trừ Mỹ và Pháp, đều chưa trở lại được mức đầu tư năm 1973 là năm cao nhất. Trở ngại chính của việc này là triển vọng kinh tế không sáng sủa, nhu cầu tiêu thụ trên thị trường trong và ngoài nước không tăng, công suất nhà máy còn thừa nghiêm trọng. Tình hình đó dẫn tới hậu quả không thể tránh khỏi là năng suất lao động giảm xuống một cách phổ biến. Trong thời gian từ 1975 đến 1979 năng suất lao động ở Mỹ bình quân mỗi năm chỉ tăng 0,1% so với 1,9% trong thời gian mười năm trước đó (1963 – 1973). Cũng trong thời gian trên, năng suất lao động ở Nhật-bản tăng 3,4% so với 8,7%, Tây Đức tăng 3,2% so với 4,6%, Pháp tăng 2,7% so với 4,6%, Anh tăng 0,3% so với 3% và Ý tăng 1,6% so với 5,4%.v.v

Tình hình khôi phục và phát triển kinh tế còn phụ thuộc ở mức độ lớn vào chi phí tiêu thụ cá nhân vì chi phí này chiếm tới 60% thu nhập quốc dân ở các nước tư bản chủ nghĩa. Lạm phát trầm trọng, mức tăng lương không đuổi kịp mức tăng giá, số công nhân thất nghiệp tăng lên không ngừng, tất cả những cái đó đã làm cho tốc độ tăng chi phí tiêu thụ cá nhân bình quân hằng năm trong thời gian từ năm 1973 trở lại đây bị giảm xuống, chỉ còn chưa đầy một nửa mức tăng 4,8% trong thời gian 1963 – 1973. Đó là chưa kể gánh nặng thuế khóa và nợ tín dụng tiêu thụ ngày càng chồng chất.

Thị trường tiêu thụ nội địa khó khăn như vậy tất nhiên ảnh hưởng đến nhu cầu trên thị trường thế giới nói chung. Đã vậy, những năm gần đây mậu dịch quốc tế lại gặp nhiều trở ngại mới. Các biện pháp bảo hộ được áp dụng ngày càng nhiều và phổ biến. Các cuộc chiến tranh mậu dịch liên tiếp nổ ra giữa Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật-bản như chiến tranh ô tô, chiến tranh sắt thép, chiến tranh tơ sợi tổng hợp, chiến tranh phân bón,v.v. Thị trường thế giới lại còn bị căng thẳng thêm bởi những hành động cấm vận, trả đũa kinh tế của đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng đối với Liên-xô, Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng như đối với các nước đang phát triển mà ở đấy phong trào chống đế quốc đang lên mạnh như I-ran, v.v. làm cho nhu cầu tiêu thụ trên thị trường thế giới bị thu hẹp lại tương đối.

Tình hình nói trên phản ánh rất rõ nét mâu thuẫn giữa sản xuất và thị trường ngày càng sâu sắc và giải thích tại sao các nước tư bản chủ nghĩa chưa khắc phục được hậu quả nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng những năm 1973 – 1975 đã lại rơi vào cuộc khủng hoảng hiện nay.

Hai là, *một chứng bệnh mới trong giai đoạn phục hồi và phồn vinh hiện nay là nạn lạm phát và thất nghiệp không những không giảm xuống mà còn tăng lên mạnh ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa.* Giá hàng tiêu dùng năm 1978 tăng 8,5% và năm 1979 tăng 10,5% so với 5,9% năm 1972 và 9,5% năm 1973. Trong năm 1980, khủng hoảng kinh tế đã nổ ra ở Mỹ và Anh; lạm phát ở cả hai nước này cũng bùng lên mạnh (ở Mỹ 13,2% và ở Anh 18,5%). Điều đáng lo ngại đối với các nước tư bản chủ nghĩa là lạm phát và thất nghiệp cùng tăng lên; chứng bệnh này từ cấp tính đã biến thành kinh niên và là một hiểm họa chưa từng có trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Nguồn gốc sâu xa của nạn lạm

Digitized by Google

phát hiện nay là chính sách điều chỉnh kinh tế của Nhà nước tư bản độc quyền bằng ngân sách. Số hụt ngân sách có xu hướng tăng lên mạnh. Ở Mỹ số hụt ngân sách bình quân hằng năm đã tăng từ 13,8 tỷ đô la những năm 1970 – 1974 lên 18,6 tỷ đô la những năm 1975 – 1979. Tây Đức tăng từ 8,6 tỷ mác lên 44,7 tỷ mác, Anh tăng từ 1,3 tỷ bảng Anh lên 7,58 tỷ bảng Anh. Những năm 1975 – 1979 ngân sách Nhật-bản bình quân mỗi năm hụt 17,16 tỷ đô la và Pháp hụt 8,9 tỷ đô la.

Xu hướng này quan hệ khăng khít với việc tăng các khoản chi phí cho các mục đích phi sản xuất, đặc biệt là tăng chi phí quân sự, chạy đua vũ trang, phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản độc quyền. Theo tính toán của các chuyên gia Liên hợp quốc thì chi phí quân sự của các nước tư bản chủ nghĩa đã tăng từ 209 tỷ đô la năm 1970 lên 450 tỷ đô la năm 1980. Rõ ràng là ngân sách càng hụt thì lạm phát càng tăng

Ngoài nguồn gốc sâu xa của lạm phát đó ra, những hậu quả của lạm phát trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện nay lại tạo nên những yếu tố mới tác động trở lại làm cho lạm phát và thất nghiệp trầm trọng thêm.

Ba là, *cuộc khủng hoảng kinh tế lần này nổ ra trong khi các cuộc khủng hoảng cơ cấu đang phát triển sâu sắc.* Từ cuối năm 1978 cuộc khủng hoảng năng lượng lại bùng lên mãnh liệt. Nếu lần khủng hoảng năng lượng năm 1974 giá dầu mỏ tăng 9 đô la (từ 2,59 đô la lên 11,65 đô la/thùng) thì lần khủng hoảng này mức tăng giá lại nhiều gấp đôi, tức tăng 19,3 đô la (từ 12,7 đô la lên 32 đô la/thùng).

Các nước tư bản chủ nghĩa một mặt phải siết chặt các biện pháp hạn chế tiêu thụ năng lượng và như vậy không thể không ảnh hưởng đến sản xuất của nhiều ngành; mặt khác phải tăng chi để nhập khẩu dầu mỏ. Chi phí nhập khẩu dầu mỏ của Mỹ đã tăng từ 8,1 tỷ đô la năm 1973 lên 15 tỷ đô la năm 1977 và khoảng 60 tỷ đô la năm 1979. Cũng trong thời gian đó, chi phí về khoản này của Nhật-bản đã tăng từ 6,7 tỷ đô la lên 25,5 tỷ đô la và gần 40 tỷ đô la. Chi phí về nhập khẩu dầu mỏ của các nước Thị trường chung châu Âu cũng tăng lên tương tự như vậy.

Hậu quả trực tiếp của tình hình này là cán cân mậu dịch của các nước tư bản chủ nghĩa bị hụt nghiêm trọng. Năm 1970 các nước này mới bị nhập siêu 6,24 tỷ đô la, năm 1975 tăng lên 28,4 tỷ đô la, năm 1979 tăng vọt lên 64,7 tỷ đô la và năm 1980 sẽ còn tăng lên mạnh hơn nữa. Riêng trong quý 3-1980 con số này đã là 40,4 tỷ đô la, tính mức cả năm sẽ vượt trên 100 tỷ đô la. Rõ ràng cán cân mậu dịch của các nước tư bản chủ nghĩa đã nằm trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng và tất nhiên đã và đang gây nên nhiều khó khăn và mâu thuẫn mới trong các lĩnh vực kinh tế khác, nhất là trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

Giá dầu mỏ tăng lên còn tạo ra những yếu tố mới thúc đẩy nạn lạm phát phát triển trầm trọng thêm. Một mặt các công ty độc quyền dầu mỏ nhân cơ hội đục nước béo cò, tăng giá bán dầu mỏ và sản phẩm của dầu mỏ cao hơn mức tăng giá của các nước trong tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEP) để tăng thu lợi nhuận. Mặt khác giá dầu mỏ tăng lên sẽ tác động đến việc hình thành giá cả các loại hàng hóa khác, nhất là các loại hàng hao phí nhiều năng lượng trong quá trình sản xuất hoặc dùng dầu mỏ, khí đốt, v.v. làm nguyên liệu. Về nguyên nhân tình hình trên, các nhà lý luận tư sản đều đổ tội cho các nước xuất khẩu dầu mỏ. Thật ra, việc tăng giá dầu là kết quả của cuộc khủng hoảng kinh tế và của nạn lạm phát trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Đầu năm 1979, các nước trong tổ chức OPEP đã vạch rõ: lạm phát ở các

Digitized by Google

nước tư bản chủ nghĩa đã làm cho thu nhập thực tế về xuất khẩu dầu mỏ của các nước trong tổ chức này bị tổn thất 17 tỷ đô la trong năm 1977 và 20 tỷ đô la trong năm 1978. Hơn nữa, tính tới tháng 3-1979 giá xuất khẩu dầu mỏ chỉ tăng 48% trong khi giá nhập khẩu hàng công nghiệp từ các nước tư bản chủ nghĩa đã tăng 56%. Đứng trước tình hình đó các nước trong tổ chức OPEP phải tăng giá dầu mỏ lên để bảo vệ quyền lợi của mình, cho nên, cuộc khủng hoảng dầu mỏ hiện nay là bắt nguồn từ trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa và chính bọn tư bản độc quyền đã làm cho cuộc khủng hoảng này ngày càng trầm trọng.

Do lạm phát ngày càng trầm trọng cho nên các đồng tiền tư bản chủ nghĩa bị mất giá nhanh chóng. Trong xu hướng chung đó, đồng đô la Mỹ lại bị suy yếu nhanh hơn cả và đã kéo theo hệ thống tiền tệ của thế giới tư bản chủ nghĩa vào tình trạng rối loạn hơn. Giá vàng ngày 21-1-1980 đã tăng lên tới 838 đô la/lạng, cao nhất trong lịch sử và so với mức giá đầu những năm 70 thì đã tăng lên 21 lần. Điều đó đang làm xói mòn sự tin nhiệm đối với tiền tệ phương Tây và chứng tỏ rằng mọi cố gắng của các nước tư bản chủ nghĩa nhằm ổn định tiền tệ chỉ là ảo tưởng.

Những khó khăn và mâu thuẫn mới trong chu kỳ kinh tế tư bản chủ nghĩa, hiện tượng lạm phát—đình trệ đã trở thành chứng bệnh kinh niên, khủng hoảng cơ cấu sâu sắc, đã *làm bùng lên cuộc khủng hoảng cơ chế.* Thực tế những năm gần đây cho thấy rằng các biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước không những đã không còn có tác dụng, ngược lại trong nhiều lĩnh vực nó còn trở thành nguyên nhân gây nên những khó khăn và mâu thuẫn mới, rõ rệt nhất là lạm phát và hậu quả của nó là chứng bệnh lạm phát — trì trệ. Như vậy chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước đã thật sự nằm trong tình trạng khủng hoảng. Tình hình kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng bế tắc, không có lối thoát.

★

Trên cơ sở những khó khăn nghiêm trọng nói trên, các nước tư bản chủ nghĩa đều dự đoán triển vọng kinh tế những năm 80 một cách rất bi quan. Họ coi đấy là 10 năm ảm đạm phải đối phó với nhiều vấn đề cực kỳ gay gắt.

Năng lượng là vấn đề gay gắt số một đối với tất cả các nước tư bản chủ nghĩa trong 10 năm tới. Theo đánh giá của tổ chức năng lượng quốc tế thì nạn thiếu dầu mỏ trong các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng tăng cho tới cuối thế kỷ này. Bộ năng lượng Mỹ cũng thừa nhận tới năm 1985 giá dầu mỏ có thể tăng gấp đôi và các nước tiêu thụ dầu mỏ phải chi thêm 140 tỷ đô la để nhập khẩu dầu mỏ.

Khó khăn thứ hai mà không một nước tư bản chủ nghĩa nào có thể tránh được là lạm phát và thất nghiệp song song phát triển, tạo thành hai gọng kìm đối với quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Các nước tư bản chủ nghĩa đặt nhiều hy vọng vào thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật để giải quyết những vấn đề kinh tế gay gắt hiện nay. Song quá trình cải tiến cơ cấu kinh tế và đưa cơ sở kỹ thuật cũ lên cơ sở kỹ thuật mới thích ứng với điều kiện kinh tế đã thay đổi ở các nước tư bản chủ nghĩa đang diễn ra rất chậm. Vả lại, do quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, mỗi bước hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật là một bước nâng cao tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất và là một bước sa thải công nhân hàng loạt. Điều đó làm cho mâu thuẫn chính trị—xã hội càng thêm sâu sắc.

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

VÀI NÉT VỀ CÁC NƯỚC TRONG TỔ CHỨC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

NGUYỄN-KHẮC-VIỆN

IN-ĐÔ-NÊ-XI-A và Bru-nây mỗi năm sản xuất gần 100 triệu tấn dầu mỏ.

Ma-lai-xi-a mỗi năm xuất 60 000 tấn thiếc, 1,5 triệu tấn cao su.

Phi-lip-pin hằng năm sản xuất hơn 12 triệu quả dừa.

Thái-lan mỗi năm xuất khẩu 6 triệu tấn bột sắn.

Đó là chưa nói đến các loại nông phẩm khác: cọ, ngô, thuốc lá, chè..., chưa nói đến quặng các loại ngoài thiếc, chưa nói đến những vỉa dầu mỏ và khí đốt nằm dưới đáy biển đang chờ được khai thác, chưa nói đến gỗ quý của những khu rừng nhiệt đới phong phú.

Nhưng phần lớn những của cải trên đều xuất sang Mỹ, Nhật-bản, Tây Âu.

Ta không lạ gì, khi tổng thống Mỹ Ai-xen-hao, năm 1953, họp thống đốc các bang giải thích vì sao Mỹ lại giúp Pháp 80% chi phí chiến tranh ở Đông-dương: Đông Nam Á là nguồn lớn cung cấp nguyên liệu cho các nước thế giới « tự do ».

Từ năm 1970, lúc vấn đề thiếu nhiên liệu trở thành gay gắt ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, sự thăm dò dầu và khí ở Đông Nam Á tăng vọt lên. Toàn bộ vùng biển ở đây đã được chia thành ô để thăm dò và chuẩn bị khai thác. Từ năm 1968 đến năm 1980, nhu cầu dầu hằng ngày của thế giới tăng từ 40 triệu thùng lên 80 triệu. Người ta ước tính đến năm 1985 Mỹ sẽ nhập mỗi ngày 13 triệu thùng, và Nhật-bản tiêu dùng hằng ngày 12 triệu thùng.

Nắm lấy nguồn nguyên liệu to lớn của Đông Nam Á là vấn đề sống còn đối với kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa phát triển: Mỹ, Nhật, Tây Âu.

Những nguyên liệu nói trên trước khi xuất sang các nước tư bản chủ nghĩa lớn được chế biến phần nào; một nền công nghiệp chế biến dầu dừa, dầu cọ, cao su, hoa quả được dựng lên. Kèm theo đó là một số nhà máy lắp ráp ô tô, và đặc biệt là các máy điện tử: máy thu thanh, thu hình, ghi âm, điện thoại... Những linh kiện sản xuất ở Nhật, ở Mỹ được đưa sang Đông Nam Á cho công nhân các nước vùng này lắp ráp; việc sản xuất linh kiện đòi hỏi trình độ khoa học kỹ thuật cao thì tiến hành ở các nước tư bản chủ nghĩa lớn; việc lắp ráp đòi hỏi nhiều công phu thì công nhân các nước Đông Nam Á làm. Hàng bán ra thị trường quốc tế vẫn mang nhãn hiệu Mỹ, Nhật hoặc Tây Âu; lãi chủ yếu trở về các hãng siêu quốc gia của các nước tư bản chủ nghĩa lớn đóng ở Mỹ, ở Nhật, ở Tây Âu. Còn lương công nhân Đông Nam Á nhiều lắm chỉ bằng 1/5 lương của một công nhân Nhật, 1/10 của một công nhân Mỹ. Lúc ốm đau kiệt sức, chỉ cần thải ra, không phải trả chi phí nuôi dưỡng như đối với công nhân các nước Âu – Mỹ. Trong cuộc cạnh tranh giữa tư bản với nhau, tìm được nhân công rẻ nhất, là một yếu tố sống còn.

Digitized by Google

Nhìn qua các nước trong tổ chức Đông Nam Á (ASEAN), ta còn thấy một lĩnh vực nữa, có vẻ cũng đang phát triển rầm rộ: ngành du lịch và dịch vụ. Đến các thành phố Băng-cốc, Ma-ni-la, Xinh-ga-po, thấy những khách sạn đồ sộ, những khu ăn chơi giải trí nhộn nhịp; nhìn vào thống kê, thấy hằng năm khoản «du lịch» thu được hàng mấy trăm triệu đô la. Phố xá thì nhộn nhịp khách Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nhật; ngày ngày máy bay từ khắp nơi đổ về các thành phố này hàng vạn khách phương Tây và Nhật-bản. Đi qua Nhật-bản, Mỹ và Tây Âu, thấy khắp nơi quảng cáo mời khách qua Đông Nam Á thưởng thức những thú vui kỳ lạ, rất «phương Đông».

Khách đổ dồn về các thành phố Băng-cốc, Xinh-ga-po, Ma-ni-la, Hương-cảng là ai? Là chủ các hãng lớn, những chuyên gia, kỹ sư, chuyên viên kinh tế, ngân hàng, nhà buôn, và đông nhất là khách «du lịch». Họ từ Nhật, Mỹ, Tây Âu, những nước mà các cuộc ăn chơi rất đắt tiền, đến Đông Nam Á vào ăn ở khách sạn sang trọng, hoặc thuê riêng biệt thự với đầy đủ bồi bếp, giá rất rẻ; đi máy bay nhiều lắm cũng chỉ mất 12, 13 giờ. Đến đây được xem những cảnh vật «Á đông», và nhất là tha hồ đĩ điếm. Những cô gái Thái-lan từ vùng đông bắc nghèo khổ, nơi những nông dân bị phá sản, phải bán con đi để khỏi bị chết đói, đã ra các thành phố làm nghề mãi dâm. Đối với khách, vài ba đô la không là bao, nhưng đối với một cô gái nghèo cầu bơ cầu bất ở Băng-cốc, lại là một món tiền lớn. Và ở một thành phố như Băng-cốc chẳng hạn, nghề buôn son bán phấn phục vụ khách Nhật-bản và phương Tây trở thành một công nghiệp quan trọng. Những cô gái này thu hoạch cao gấp đôi một cán bộ tốt nghiệp đại học. Tờ báo Pháp *Thế giới* cho biết con số gái điếm ở Thái-lan ước chừng 60 vạn.

Như vậy là kinh tế các nước ấy bao gồm ba lĩnh vực đều «phát triển»: xuất khẩu nguyên liệu; công nghiệp lắp ráp, chế biến; kinh doanh du lịch, dịch vụ. Gần đây bọn tư bản Mỹ và các nhà cầm quyền kinh doanh ở các nước Đông Nam Á đã thỏa thuận với nhau về một loạt biện pháp để Mỹ đầu tư nhiều hơn nữa vào vùng này. Theo hãng thông tấn USIS thì số đầu tư trực tiếp của Mỹ vào 5 nước Đông Nam Á (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái-lan, Xinh-ga-po) năm 1966 chiếm hơn 5% tổng số đầu tư của Mỹ vào các nước đang phát triển, năm 1978 tỷ số đó tăng lên 9% và cuối năm đó đạt tới 3640 triệu đô la. Ước lượng số đầu tư hiện nay là 5000 triệu đô la. Các nước Đông Nam Á này là bạn hàng lớn thứ 4 của Mỹ và quan hệ buôn bán Mỹ — Đông Nam Á hiện nay tăng gấp 10 lần so với hồi năm 1965; tổng giá trị hàng hóa đạt tới 16800 triệu đô la. Trong nửa đầu năm 1980 quan hệ buôn bán hai chiều tăng 46%. Quan hệ kinh tế gắn bó như vậy thì sự gắn bó chặt chẽ về chính trị là điều dễ hiểu!

Một đặc điểm quan trọng của kinh tế các nước này là vai trò chủ yếu của tư sản người Hoa.

Công nhân nhà máy lắp ráp là người các nước trong tổ chức Đông Nam Á (ASEAN), hãng gốc chiếm phần lớn lãi là của Nhật, Mỹ, Tây Âu; trung gian quản lý là tư sản Hoa kiều.

Nông dân Thái-lan trồng sắn, bột sắn đưa qua các nước tư bản lớn, người thu mua là tư sản Hoa kiều. Trong ngành du lịch, cô gái là người Thái-lan, khách là người Nhật-bản hay phương Tây, chủ khách sạn là tư sản người Hoa.

Trong nông nghiệp, một số nông sản hàng hóa có tăng nhưng đều được xuất khẩu sang các nước tư bản lớn; chỉ có những địa chủ mới đủ vốn mua máy, phân hóa học, giống mới

Digitized by Google

tạo ra những sản phẩm ấy: tiền lãi dùng để mua máy và hàng xa xỉ của các nước đế quốc. Đa số nông dân, do máy vào cho nên mất công ăn việc làm, trước kia còn bán ra chút ít nông phẩm hoặc hàng thủ công kiếm ít tiền, nay đành chịu. Số dân ngày càng đông, số người phá sản ở nông thôn ngày càng nhiều.

Kết quả là: năng suất cây trồng chỉ tăng trên một diện tích nhỏ. Năng suất lúa trung bình trong cả nước Thái-lan chỉ loanh quanh 2 tấn/năm; ruộng đất phần lớn làm một vụ. Thái-lan có thể xuất khẩu gạo vì diện tích ruộng lúa lớn (17 triệu héc ta, gấp 3 so với Việt-nam mà số dân thì gần bằng nhau). Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn các nước nói trên ngày càng gay gắt; hàng chục triệu nông dân phá sản bỏ làng xóm ùn ra thành phố.

Các thành phố, nhất là các thủ đô, như Băng-cốc phình lên 5—6 triệu dân với một bên là những lâu đài, cao ốc, khách sạn, cửa hàng đồ sộ, hàng hóa trần trề phục vụ khách du lịch nước ngoài, các nhà buôn lớn, địa chủ, sĩ quan, viên chức cao cấp; và một bên là những khu nhà ổ chuột của dân lao động nghèo, việc làm bấp bênh. Một số nhỏ được đưa vào các nhà máy lắp ráp của những công ty siêu quốc gia, ở đây lương không cao nhưng so với những lao động lang thang ngoài đường phố và nông dân bị phá sản, thu nhập vẫn hơn nhiều. Nhiều người phải dùng kính hiển vi lắp ráp những linh kiện điện tử tinh vi, làm 5 — 7 năm lòa mắt, bị thải. Buôn bán lớn, nhỏ, những chức vụ quản lý, điều hành, phần lớn trong tay người Hoa.

Rốt cuộc, ngoài một số nhà buôn, viên chức, sĩ quan cao cấp ăn sung mặc sướng, và một số công nhân viên chức nhỏ tạm đủ ăn, đại đa số nhân dân, lao động sống bấp bênh, dễ bị phá sản. Màn ảnh, đài phát thanh, truyền hình, sách báo, tràn ngập những thứ kích thích bạo động, dâm dật, xã hội bị lôi cuốn chạy theo lối sống xa xỉ, hưởng lạc. Văn hóa dân tộc bị vùi dập dưới làn sóng những sản phẩm gọi là văn hóa nhập từ Mỹ và các nước tư bản lớn khác.

Theo một bản báo cáo của Ủy Ban kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc về châu Á và Thái bình dương (ESCAP) thì Thái-lan, nơi có bề ngoài phồn vinh và nụ cười nổi tiếng, có 11 triệu trong số hơn 40 triệu dân không có đủ tiền để sinh sống với mức tối thiểu. Chính phủ Băng-cốc cũng thừa nhận, trong một bản báo cáo khác, có trên 4 triệu trong số 7 triệu trẻ em ở tuổi vỡ lòng bị thiếu dinh dưỡng thường xuyên (năm 1974 có 51 000 trẻ em bị chết đói). Hàng triệu trẻ em từ vùng đồng bắc nghèo khổ đã bị bố mẹ bán đi và phải vào làm trong các nhà máy như tù khổ sai, với những điều kiện cực kỳ khắc nghiệt, cả tuần không được nghỉ và bị cấm ngặt không được ra khỏi nhà máy với bất cứ lý do gì. (Có khoảng 8 000 nhà máy kiểu này đã đóng góp thêm cho sự « phồn vinh » của Băng-cốc). Trong một bản báo cáo công bố năm 1978, Ngân hàng thế giới tính ra số trẻ em dưới 14 tuổi ở Thái-lan phải lao động là gần 2 triệu em (chiếm 10% số trẻ em ở lứa tuổi đó). Sau khi bị Ủy ban chống nô lệ của Liên hợp quốc tố cáo, Chính phủ Thái-lan đã tuyên bố có ý định phát động chiến dịch chống những « nhà máy dùng nô lệ » ở thủ đô và những tên « lái buôn xác thịt » ở ga xe lửa Băng-cốc, nhưng kết quả chưa có gì cụ thể.

Ở các nước trong Tổ chức Đông Nam Á (ASEAN) đại đa số nhân dân lao động bị bần cùng hóa, văn hóa dân tộc có nguy cơ bị xóa bỏ, xã hội sa vào trụy lạc. Tình cảnh ấy không thể không gây ra những phản ứng mãnh liệt trong những người yêu nước, trong công nhân, nông dân, sinh viên, trí thức các nước ấy.

Digitized by Google

Để thực hiện mưu đồ bành trướng, tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh sử dụng ở các nước trong Tổ chức Đông Nam Á (ASEAN) nhiều phương sách. Ví dụ : chúng dùng tư sản Hoa kiều nắm các vị trí then chốt trong nền kinh tế, len chân vào bộ máy chính quyền, mua chuộc các chính khách, tướng tá ; dùng các đảng mao ít quấy rối, gây sức ép với các chính phủ địa phương.

Ta không lạ gì, đứng trước sức ép và sự cò mồi của bọn đế quốc và tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh, lực lượng phản động ở một số nước trong Tổ chức Đông Nam Á đã ngả về phía Mỹ, Nhật và Bắc-kinh, hòng củng cố địa vị của chúng. Ngoài chuyện làm ăn hằng ngày, chia phần lãi trong nền kinh tế thực dân, một số còn mong kiếm chác trong các cuộc chiến tranh do đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế gây ra. Năm 1940, Thái-lan theo đuôi Nhật chiếm của Cam-pu-chia cả tỉnh Bát-tam-bang, một phần tỉnh Cong-pông Thom; trong những năm Mỹ đánh chiếm các nước Đông-dương, Thái-lan cung cấp lính đánh thuê và cho Mỹ sử dụng đất Thái-lan làm căn cứ không quân, hải quân. Những máy bay B. 52 đã gây ra biết bao tội ác ở các nước Đông-dương phần lớn xuất phát từ đất Thái-lan.

Nhân dân các nước trong Tổ chức Đông Nam Á (ASEAN) cùng chung với nhân dân ba nước Đông-dương một môi trường sinh sống, một quá khứ đấu tranh chống thực dân cũ. Ngày nay để bảo vệ độc lập dân tộc, để cho các tài nguyên của mình khỏi bị bòn rút đến mức kiệt quệ, không để văn hóa dân tộc bị hủy diệt, và đặc biệt để giữ gìn hòa bình cho cả khu vực, không bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh khốc liệt, chết thay cho các lực lượng cầm quyền phản động ở Oa-sinh-tơn, Tô-ki-ô, Bắc-kinh, nhân dân tất cả các nước Đông Nam Á không thể không chống lại những mưu đồ của bọn đế quốc và bọn bành trướng Bắc-kinh. Trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập này, Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia sẵn sàng cùng các nước khác ở Đông Nam châu Á bàn bạc, để tiến tới những giải pháp làm dịu tình hình, xây dựng một nền hòa bình lâu dài, trên cơ sở đó, hợp tác với nhau để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa. Vận mệnh của Đông Nam Á — trong đó Đông-dương là một bộ phận khăng khít — phải do nhân dân Đông Nam Á quyết định, không thể giao phó cho những người cầm quyền ở Oa-sinh-tơn, Tô-ki-ô và Bắc-kinh!

Digitized by Google

Tham vọng chiến lược của Bắc-kinh đối với biển Đông

NHUẬN - VŨ

ĐỊA BẢN CHIẾN LƯỢC THEN CHỐT

Với diện tích 2,14 triệu km², biển Đông là một trong những biển lớn nhất thế giới. Về hướng bắc, biển Đông thông với biển Hoa-đông qua eo biển Đài-loan, và thông với Thái-bình-dương qua eo biển Ba-si (nằm giữa Đài-loan và Bắc Phi-líp-pin). Về hướng đông nam, biển Đông thông với Nam Thái-bình-dương qua các biển Xu-lu và Xu-la-vê-xi (nằm giữa Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a). Về hướng tây, biển Đông thông với Ấn-độ-dương qua eo biển Ma-lắc-ca. Vì vậy, biển Đông là vùng bản lề giao lưu giữa châu Á và châu Âu, và giữa nhiều khu vực tại châu Á, là đầu mối giao thông hàng hải và hàng không quan trọng. Biển Đông có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế không chỉ của những nước ở ven bờ mà cả khu vực Đông Bắc châu Á, đặc biệt là Nhật-bản vốn lệ thuộc nặng nề vào nguồn dầu mỏ Trung Đông và nguồn nguyên liệu Đông Nam châu Á. Biển Đông còn là địa bàn chiến lược quân sự quan trọng đối với tất cả những nước trong khu vực Đông Nam châu Á mang dạng bán đảo và quần đảo. Đây cũng là địa bàn chiến lược quân sự bản lề ghép nối hai đại dương: Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương, và do đấy có thể đóng vai trò bàn đạp triển khai lực lượng quân sự từ khu vực Thái-bình-dương sang các khu vực tiểu lục địa Ấn-độ, Nam Á, Trung Đông và Đông châu Phi.

Những thế lực đế quốc thực dân cũ phương Tây đã sớm nhận ra tầm quan trọng của biển Đông, cho nên ngay từ những thế kỷ XIV, XV, bọn lái buôn Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha đã đặt chân lên Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a và từ thế kỷ XVII, những tàu bọc đồng gắn đầy đại bác ở hai mạn sườn của bọn thực dân Pháp, Hà-lan, Anh đã xuất hiện trên biển Đông trong cơn sốt đi xâm chiếm thuộc địa của chúng.

Trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, những nước vốn là thuộc địa của bọn đế quốc trước đây đã giành được độc lập dân tộc. Nhưng chủ nghĩa thực dân mới đã thế chân chủ nghĩa thực dân cũ. Các nước đế quốc, trước hết là Mỹ, Nhật, các thế lực phản động quốc tế đang cố bám lấy khu vực này. Đây là những nước khí hậu ấm áp, có nhiều nhân lực (khoảng 300 triệu dân), giàu nông sản, khoáng sản, được xem là kho chứa nhiều nguyên liệu chiến lược quý giá trên thế giới. Ví dụ, năm 1970, riêng về cao su tự nhiên, các nước ở Đông Nam châu Á sản xuất 2,4 triệu tấn so với 2,9 triệu tấn của toàn thế giới ; 115 nghìn tấn thiếc so với khoảng 200 nghìn tấn của toàn thế giới.

Ngày nay, vị trí của biển Đông càng trở nên quan trọng khi mà tại nhiều khu vực thềm lục địa của biển này những trữ lượng dầu mỏ to lớn đang phát hiện.

Digitized by Google

THAM VỌNG VỀ „VÙNG BIỂN NHÀ" CỦA BẮC-KINH

Trong lịch sử, cho đến nay, phạm vi chinh phục của những thế lực đế quốc, bành trướng, nằm trong tay những đạo lục quân hùng mạnh, vẫn bị hạn chế trên địa bàn đất liền. Vì vậy, để trở thành cường quốc toàn cầu, các thế lực đế quốc cần phải có một đạo hải quân mạnh bên cạnh một đạo lục quân mạnh. Muốn thế, trước hết phải có một «vùng biển nhà» thuận lợi để lấy đấy làm bàn đạp tiến ra các đại dương. «Vùng biển nhà» của hải quân đế quốc La-mã xưa là Địa-trung-hải, của hải quân Nhật-bản khi mới được xây dựng vào đầu thế kỷ XX là biển Nhật-bản, của hải quân Đức quốc xã là biển Bắc.

Trong suốt nhiều nghìn năm lịch sử, chưa bao giờ Trung-quốc có được một đạo hải quân đại dương hùng mạnh và một «vùng biển nhà» chắc chắn. Hải quân các triều đại Tống, Nguyên đang trên đà được xây dựng và phát triển vừa tiến vào biển Đông để rồi từ đấy chuẩn bị vươn vây ra xa thì một phần đã bị hải quân Đại Việt nhận chìm trên cửa sông và sông Bạch-đằng. Bắc-kinh ngày nay tất không quên điều đó. Hải quân Trung-quốc từ năm 1950 đến nay đã được mở rộng, có số quân đông đến trên 300 000 người, được trang bị một số lượng lớn tàu chiến đã cũ với tuổi từ 20 đến trên 30 năm. Trừ 73 tàu ngầm và 23 tàu khu trục các loại, các tàu chiến khác trong 3 hạm đội Bắc-hải, Đông-hải và Nam-hải của hải quân Trung-quốc gồm chủ yếu là các tàu hộ tống, tàu săn ngầm, pháo hạm và tàu phóng ngư lôi chạy nhanh.

Biển Hoa-đông «vùng biển nhà» của Trung-quốc với 1,24 triệu km², nằm vào thế bị hải quân Mỹ — Nhật-bản kiềm tỏa.

Từ «vùng biển nhà» của mình nhìn ra đại dương, Bắc-kinh đã thấy trong tầm ống nhòm các tàu chiến thuộc hải quân Mỹ và hải quân Nhật-bản chẹn lối ngay trước mặt, và eo biển Đài-loan, eo biển Triều-tiên, quần đảo Ri-u-ki-u và đảo Ki-u-si-u của Nhật-bản như tấm bình phong chặn đứng gió Thái-bình-dương thổi vào biển Hoa-đông và vùng duyên hải dài nhiều nghìn ki-lô-mét của Trung-quốc.

Dưới đôi mắt thực dụng của giới bành trướng bá quyền Bắc-kinh, biển Đông hiện ra như một bàn đạp khoáng đạt mà hải quân Trung-quốc với sức vóc có hạn có thể phát huy tác dụng, đặc biệt khi hoạt động trong khuôn khổ câu kết với hải quân Mỹ. Đây cũng là điều mà Oa-sinh-tơn mong muốn, vì Mỹ muốn lợi dụng hải quân Trung-quốc làm lực lượng giúp sức tạm thời nhằm phục vụ mưu đồ đen tối của chúng ở khu vực biển Đông.

Trong khuôn khổ mối quan hệ lợi dụng lẫn nhau giữa Oa-sinh-tơn và Bắc-kinh ở khu vực biển Đông, Bắc-kinh đang mơ ước và ra sức hành động nhằm biến biển Đông, vùng biển của nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam châu Á, thành «vùng biển nhà» của hải quân Trung-quốc.

CUỘC TRƯỜNG CHINH MỚI XUỐNG PHÍA NAM

Bị chặn đứng lại ở các hướng bắc, tây bắc, tây nam và vấp phải biển cả và những hòn đảo của Nhật-bản, một nước được gọi là «hoàng đế xứ mặt trời mọc» với tham vọng cũng chẳng kém gì «hoàng đế xứ mặt trời lặn», bọn bành trướng Trung-quốc đã nhiều lần chuyển những cố gắng của chúng về hướng nam cả từ trên đất liền lẫn trên biển cả.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, nhờ khống chế được biển Đông, quân đội phát xít Nhật-bản đã đánh chiếm được hầu hết khu vực Đông Nam châu Á ngay trong vòng vài tháng

Digitized by Google

đầu sau khi chiến tranh bùng nổ tại Thái-bình-dương.

Từ 1955 đến 1975, đế quốc Mỹ đã cố bám lấy miền Nam Việt-nam, xem đấy là một đầu cầu của chúng bắc lên lục địa châu Á. Các hệ thống căn cứ quân sự Mỹ thiết lập tại miền Nam Việt-nam và Phi-líp-pin được Lầu năm góc xem như hai gọng kìm kẹp chặt biển Đông từ hai bờ đông và tây, nhằm biến biển này thành cái hồ riêng của hải quân Mỹ, thành bàn đạp để lực lượng quân sự Mỹ khống chế toàn bộ khu vực Đông Nam châu Á và triển khai sang Ấn-độ-dương.

Bị thất bại hoàn toàn trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, các tàu chiến và máy bay Mỹ đã phải rút về, lấy hai căn cứ quân sự Xu-bích và Clác ở Phi-líp-pin làm chỗ dựa chủ yếu.

Sau ngày 30-4-1975, nhân dân các nước ven bờ biển Đông hoan hỉ chào mừng thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt-nam và hy vọng rằng từ đấy, biển Đông sẽ « lặng sóng ». Thế nhưng, những tàu cướp biển cũ chưa khuất bóng thì những tàu cướp biển mới của bọn bành trướng Bắc-kinh đã ló dạng từ chân trời và mở đầu trắng trợn nhất bằng sự kiện ngày 19-1-1974 : mặc cả công khai với nhau từ năm 1972, Ních-xơn đã trả cái giá đầu tiên cho Bắc-kinh trong canh bạc « chơi con bài Trung-quốc » bằng cách thỏa thuận và cho phép Bắc-kinh đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam lúc đó do quân ngụy Sài-gòn đóng giữ.

Cuộc mua bán bỉ ổi này đã bị phơi trần khi người phát ngôn của Bộ ngoại giao Mỹ Giôn Kinh (John King) tuyên bố : « Phía Trung-quốc không ra mặt phản kháng sự hiện diện của đại úy Kô-sơn trên đảo » và « Mỹ giữ lập trường trung lập trong vụ tranh chấp về chủ quyền Hoàng-sa ». Sau đó, tên Kô-sơn, « tù binh », đại úy lục quân Mỹ bị bắt ở Hoàng-sa đã được giới cầm quyền Trung-quốc long trọng tiễn đưa từ sân bay Bắc-kinh về Mỹ.

Cái mà người phát ngôn của Bộ ngoại giao Mỹ gọi là « lập trường trung lập của Mỹ trong việc tranh chấp chủ quyền về đảo Hoàng-sa » về thực chất là một biểu hiện của sự câu kết chiến lược giữa Bắc-kinh và Oa-sinh-tơn.

★

Sau khi móc ngoặc với đế quốc Mỹ, Bắc-kinh ra sức gây rối ở biển Đông. Chúng đổi trắng thay đen về vấn đề chủ quyền các quần đảo ở biển Đông. Chúng xui nguyên dục bị trong quan hệ giữa các nước chung quanh biển Đông. Âm mưu thâm độc của chúng là đục nước béo cò. Người ta còn nhớ năm 1954, trong một cuốn sách giáo khoa, Bắc-kinh đưa ra một bản đồ, khoanh vẽ phân minh hàng triệu ki-lô-mét vuông vùng biển và các đảo của các nước chung quanh. Việc này đã bị bóc trần. Năm 1978, Bắc-kinh lại tung ra một bản đồ khác, khoanh hầu hết biển Đông cách xa hàng nghìn ki-lô-mét về phía nam vào lãnh hải Trung-quốc. Trên bản đồ, vùng « lãnh hải » mà bọn bành trướng Bắc-kinh nhận là của chúng như một lưỡi dao bầu thọc vào bụng — vùng mềm — của toàn bộ Đông Nam châu Á.

Đối với tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh, sau khi chúng hoàn toàn mất ảnh hưởng ở Việt-nam và Lào, thì Cam-pu-chia có vị trí địa lý chiến lược quan trọng đặc biệt trong chiến lược biển Đông của chúng. Từ Cam-pu-chia, chúng có thể bành trướng ra các nước chung quanh, đặc biệt là xuống phía nam, qua vịnh Thái-lan đến Xinh-ga-po với 90% số dân là người gốc Hoa, án ngữ eo biển chiến lược Ma-lắc-ca. Hơn nữa, vịnh Thái-lan lại nối liền với con đường bộ chiến lược chạy xuyên suốt từ Vân-nam qua Phông-xa-lý, Luông Pra-

Digitized by Google

băng đến Pắc-xế, qua Phnôm Pênh đến tận cảng Công-pông Xom.

Như vậy, đối với tập đoàn phản động Bắc-kinh, toàn bộ bán đảo Đông-dương — bàn đạp trên đất liền — cùng với biển Đông — bàn đạp trên biển, tạo thành bậc thang đầu tiên của chiếc thang chiến lược để chúng bành trướng ra khu vực Đông Nam châu Á, rồi từ đấy vươn ra Ấn-độ-dương, với đến những nước ven bờ đại dương này. Nhưng các nước Đông-dương giành được độc lập và đoàn kết chặt chẽ với nhau, đã chặn đứng âm mưu chiến lược này của Bắc-kinh. Điều đó cắt nghĩa tại sao Bắc-kinh cứ cố bám riết lấy cái thây ma Pôn Pốt đã bị hàng nghìn triệu người trên thế giới phỉ nhổ! Điều đó bóc trần cái cốt lõi bên trong điều mà Bắc-kinh luôn miệng nói với đồng minh là phải xét tình hình Cam-pu-chia từ góc độ chiến lược toàn cầu. Chiến lược toàn cầu gì, nếu đó không phải là chiến lược toàn cầu phản động nhất, chà đạp lên nền độc lập giành được bằng biết bao xương máu của nhân dân các nước Đông-dương, mưu toan đặt ách thống trị của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc lên các nước Đông-dương và toàn bộ các nước Đông Nam châu Á.

Với « chiến lược biển Đông », Bắc-kinh đang ra sức biến biển Đông thành « vùng biển nhà » của nó, mong sẽ cắn đuôi Mỹ và Nhật-bản, vươn vây bơi xa gây « đại loạn » trên Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương. Nhưng chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc đang vấp phải bức trường thành của nhân dân các nước Đông Nam châu Á, trước hết là nhân dân các nước Đông-dương. Hơn nữa, chủ nghĩa đế quốc Mỹ và Nhật-bản cũng đang ra sức giành giật chỗ đứng ở Đông Nam châu Á; chúng không thể dễ dàng để cho Bắc-kinh thả cửa bành trướng ở vùng này, làm thiệt hại đến quyền lợi của chúng. Tuy nhiên, nhân dân các nước Đông Nam châu Á không thể để cho bọn bành trướng và đế quốc làm mưa làm gió ở khu vực này

Digitized by Google

Tư liệu

TRUNG-QUỐC : *Con số và sự việc*

THEO số liệu chính thức năm 1979, Trung-quốc có 970 triệu dân, chiếm 1/5 số dân thế giới. Diện tích tự nhiên : 9 760 000 km². Diện tích canh tác : 96 triệu héc-ta. Bình quân một người gần 1000m². Giá trị sản lượng công nghiệp : 459 tỷ nhân dân tệ, bằng 3% giá trị sản lượng công nghiệp thế giới. Giá trị sản lượng nông nghiệp : 158,4 tỷ ; thu nhập quốc dân : 337 tỷ, bình quân đầu người : 347 nhân dân tệ, đứng thứ 125 trên thế giới.

Trước đây, kế hoạch kinh tế 10 năm (1976 — 1985) của Trung-quốc quy định đến cuối năm 1985 sẽ sản xuất 60 triệu tấn thép, 500 triệu tấn dầu thô, 1000 triệu tấn than, 400 triệu tấn lương thực... Và cộng thêm 3 kế hoạch 5 năm nữa, Trung-quốc sẽ trở thành cường quốc hàng đầu trên thế giới ! Tháng 9-1980, Hoa-Quốc-Phong đã thú nhận kế hoạch đó đã phá sản, và nói kế hoạch mới phải kéo dài đến năm 1990. Trong kế hoạch mới đó, nói chung các chỉ tiêu đều thấp hơn khoảng 30% so với kế hoạch cũ. Theo những nguồn tin thông thạo, kế hoạch mới của Trung-quốc dự kiến đến năm 1990 sẽ đạt 40 — 50 triệu tấn thép, 200 triệu tấn dầu thô, 600 triệu tấn than, 400 triệu tấn lương thực... Về tốc độ phát triển, kế hoạch cũ quy định mỗi năm công nghiệp tăng trên 10%, theo dự kiến hiện nay năm 1981 chỉ tăng 6%, tổng giá trị công nông nghiệp tăng 5%. Về nông nghiệp, kế hoạch cũ quy định năm 1980 sẽ hoàn thành cơ khí hóa, nay không nêu ra nữa vì tài chính thiếu hụt. Tốc độ tăng của nông nghiệp cũng bị hãm bớt lại.

Tại sao có sự sửa đổi kế hoạch nghiêm trọng như vậy ? Đó là do đường lối chính trị phản động của giới cầm quyền muốn cho Trung-quốc nhanh chóng « đại nhảy vọt » thành cường quốc hàng đầu trong điều kiện nền kinh tế Trung-quốc vừa mới thoát khỏi miệng hố sụp đổ sau cách mạng văn hóa, một nền kinh tế lạc hậu, ốm yếu, rối loạn. Tháng 2-1978, Hoa-Quốc-Phong thú nhận cách mạng văn hóa đã gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế Trung-quốc, riêng từ 1974 đến 1976 đã thiệt hại 100 tỷ nhân dân tệ. Tháng 8-1980 Đặng-Tiểu-Bình nói cuộc cách mạng văn hóa làm cho 10 triệu người bị giết 200 triệu người bị đàn áp và khủng bố. Tháng 5-1980, Cục thống kê trung ương Trung-quốc công bố một tài liệu nói rằng « nền kinh tế hiện đang mất cân đối nghiêm trọng », « nông nghiệp là ngành yếu kém nhất », « công nghiệp nhẹ không đáp ứng yêu cầu của nhân dân », các ngành công nghiệp nặng như « chất đốt và điện rất thiếu » ; trong khi đó, « giá thành rất cao, chất lượng thấp kém, lãng phí rất nhiều, nhưng thu lãi ít ». Trong xây dựng cơ bản, cả nước

Digitized by Google

« đang tiến hành 1187 công trình, nhưng chỉ có 9,7% trong số đó được xây dựng xong ». Theo bộ trưởng Bộ tài chính Trung-quốc, ngân sách năm 1979 bội chi 17,6 tỷ nhân dân tệ; trong đó chi phí quân sự vượt trên 2 tỷ. Điều này được xác nhận là do cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam gây nên. Lạm phát 5,8%, nợ nước ngoài 3,1 tỷ đô la. Do đó mà giá cả tăng lên vùn vụt, đời sống nhân dân vốn đã điêu đứng trong cách mạng văn hóa, nay vẫn còn chìm đắm trong khó khăn. Theo con số chính thức, thu nhập bình quân của mỗi nông dân không đầy 7 nhân dân tệ một tháng, còn xa mới bằng mức sống trung bình. Năm ngoái, Lý-Tiên-Niệm nói có 100 triệu người bị đói; 20 triệu người thất nghiệp, chiếm 26% tổng số công nhân, viên chức cả nước. Tháng 6-1980, Tiết-Mộ-Kiều, người phụ trách kinh tế cấp cao, nói hiện nay có 80% nhân dân sống trong tình trạng nghèo khổ, 1 phần 3 trong tổng số 600 triệu thanh niên, thiếu niên không được đi học. Tháng 10-1980, nhà cầm quyền Trung-quốc chính thức nói qua điều tra ở các thành phố lớn, trong 1 phần 4 tổng số công nhân, viên chức có 8,2% mù chữ. Trong xã hội, hàng triệu thanh niên, thiếu niên phạm pháp; riêng trong cơ quan Nhà nước, một năm rưỡi qua, hơn 1 vạn vụ phạm pháp phải đưa ra tòa án hoặc thi hành kỷ luật.

Trong tình hình đó, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc vẫn duy trì một bộ máy quân sự khổng lồ với chi phí hằng năm từ 40 đến 50 tỷ đô la. (theo tạp chí *Chính trị quốc tế*, Pa-ri, số mùa hạ 1980) gấp 4 đến 5 lần tổng số vốn bỏ vào nông nghiệp năm 1979 Chắc chắn rằng đường lối ấy không vực dậy nổi nền kinh tế Trung-quốc.

LÊ-TỊNH

Nền kinh tế tư bản...

(Tiếp theo trang 60)

Trong bối cảnh như vậy, Nhà nước tư bản lũng đoạn chỉ có thể thi hành các biện pháp, chính sách kinh tế nửa vời, không thể giải quyết được vấn đề một cách triệt để.

Như vậy, những năm 80, ở các nước tư bản chủ nghĩa ít có khả năng xuất hiện phồn vinh kinh tế thật sự, ngược lại có nhiều khả năng nổ ra các cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng ít ra cũng tương tự như cuộc khủng hoảng những năm 1973 – 1975. Nước Mỹ đã và đang đi dần vào cơn lốc khủng khoảng kinh tế. Do vị trí kinh tế và chính trị của nó, sự xuống dốc của tên khổng lồ này nhất định sẽ kéo theo một loạt nước tư bản chủ nghĩa khác. Thời kỳ « sau Việt-nam », chắc chắn trong thế giới tư bản chủ nghĩa sẽ còn có những biến động sâu sắc và lớn hơn nữa.

Digitized by Google

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 11 — 1980

ЛЕ ЗУАН — Построим город, достойный имени великого Хо Ши Мина.
☆☆☆ — Уверенная поступь Лаосской Народно-Демократической Республики
ЧАН ДО — Литература и искусство — оружие революции.
НГУЕН МАЙ — О пропагандистской работе среди молодежи на новом этапе.
ХОАНГ НГОК ЗИ — О качестве общеобразовательной школы
ЧЫОНГ ШОН — Сырье для промышленности.
НГУЕН ВАН ТХО — Экономика Запада вновь перед лицом острых проблем.
НГУЕН КХАК ВЬЕН — Коротко о странах АСЕАН.
НЬУАН ВУ — Стратегические устремления Пекина в отношении Восточного моря.

. . .

REVIEW OF COMMUNISM N° 11 – 1980

LÊ-DUÂN – Make the city worthy of bearing the name of our great President Ho. ★★★ Steady advance of the Democratic People's Republic of Laos. *TRĂN-ĐỘ* – Literature and art, weapons of the revolution. *NGUYÊN-MAI* – Work among the youth in the new situation. *HOÀNG-NGỌC-DI* – On the quality of general education. *TRƯỜNG-SƠN* – Materials for industry. *NGUYÊN-VĂN-THỌ* – World capitalist economy again facing acute problems. *NGUYÊN-KHẮC-VIỆN* – Brieflyabout ASEAN. *NHUẬN-VŨ* – Beijing's strategic ambitions with regard to the East Sea

. . .

REVUE DU COMMUNISME N° 11 – 1980

LÊ-DUÂN – Edifier la ville pour qu'elle soit digne de porter le nom du grand Président Hồ. ★★★ – La République démocratique populaire Lao avance à pas sûrs. *TRĂN-ĐỘ* – Les lettres et les arts, armes de la révolution. *NGUYÊN-MAI* – Sur la mobilisation des jeunes dans la nouvelle conjoncture. *HOÀNG-NGỌC-DI* – Sur la qualité de l'enseignement général. *TRƯỜNG-SƠN* – Des matières premières pour l'industrie. *NGUYÊN-VĂN-THỌ* – L'économie capitaliste mondiale se trouve à nouveau devant de grandes difficultés. *NGUYÊN-KHẮC-VIỆN* – Aperçu sur les pays de l' ASEAN. *NHUẬN-VŨ* – Les ambitions stratégiques de Beijing dans la Mer orientale.

. . .

REVISTA DEL COMUNISMO N° 11 – 1980

LÊ-DUÂN – Edificar dignamente la ciudad que tiene el honor de llevar el nombre de nuestro gran Tío Ho. ★★★ – La República Democrática Popular de Laos en su avance seguro. *TRĂN-ĐỘ* – Letras y artes, armas de la revolución. *NGUYÊN-MAI* – Acerca del trabajo de orientación revolucionaria con respecto a la juventud en la nueva etapa. *HOÀNG-NGỌC-DI* – Sobre la calidad de la ensenanza general. *TRƯỜNG-SƠN* – Materias primas para la industria. *NGUYÊN-VĂN-THỌ* – La nueva crisis de la economia capitalista mundial. *NGUYÊN-KHẮC-VIỆN* – Algunos rasgos sobre los paises de la ASEAN. *NHUẬN-VŨ* – La ambición estratégica de Pekin con respecto al Mar Oriental.

. . .

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11

1980

NĂM THỨ XXVI (299)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

LÊ-DUẨN — Xây dựng thành phố xứng đáng với vinh dự được mang tên Bác Hồ vĩ đại 1

★★★ — Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào vững bước đi lên 13

TRẦN-ĐỘ — Văn nghệ, vũ khí của cách mạng 19

NGUYỄN-MAI — Về công tác vận động thanh niên trong tình hình mới 27

HOÀNG-NGỌC-DI — Về chất lượng giáo dục phổ thông 33

TRƯỜNG-SƠN — Nguyên liệu cho công nghiệp 38

LÊ-CHÍ-TIẾT — Nhìn lại tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thành phố Hồ-Chí-Minh trong thời gian qua 43

Nghiên cứu ★ *TRẦN-HỒ* — Một số ý kiến về hoạt động của quy luật giá trị trong nền kinh tế hiện nay 46

VŨ-NGỌC — Phim truyện Việt-nam thứ 100 và 100 bộ phim truyện Việt-nam 52

NGUYỄN-VĂN-THỌ — Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới lại đang đứng trước nhiều vấn đề gay gắt 56

NGUYỄN-KHẮC-VIỆN — Vài nét về các nước trong Tổ chức Đông Nam Á (ASEAN) 61

NHUẬN-VŨ — Tham vọng chiến lược của Bắc-kinh đối với biển Đông 65

Tư liệu ★ *LÊ-TỊNH* — Trung-quốc : Con số và sự việc 69

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc:

HỒ - CHÍ - MINH:

- Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc
- Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin

LÊ - DUẨN:

- Tiến lên dưới ngọn cờ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại
- Cách mạng Tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam

TRƯỜNG - CHINH:

- Kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại

VÕ - NGUYÊN - GIÁP:

- Cả nước một lòng bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa
- Mấy vấn đề về cách mạng khoa học kỹ thuật ở nước ta

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

★

VÕ - NGUYÊN - GIÁP:

- Điện - biên - phủ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ40

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

HX
9
.H68B

12

12 · 1980

Digitized by Google

Digitized by Google

LÀM CHỦ TẬP THỂ — NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP MỚI.

LÊ - DUẨN

HIẾN PHÁP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

DÂN tộc ta có một lịch sử vô cùng vẻ vang. Trong 4000 năm đã có hơn 20 thế kỷ đấu tranh kiên cường bất khuất cho độc lập tự chủ, với nhiều chiến công oanh liệt tuyệt vời, nhưng vào giữa thế kỷ trước, dân tộc ta lại phải chịu thảm họa mất nước bởi sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân. Biết bao xương máu đã đổ để cứu nước; cứu nhà, song sự nghiệp giải phóng dân tộc vẫn không thành!

Năm 1930, Đảng ta ra đời. Kế thừa truyền thống chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc và tiếp thụ ánh sáng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chân lý của thời đại ngày nay, Đảng xác lập quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam đối với cách mạng, dựa chắc vào lực lượng to lớn của nhân dân, đưa vào phong trào cứu nước của dân tộc ta một nội dung mới, một chất lượng mới. Đó là: độc lập tự do cho dân tộc gắn liền với xóa bỏ ách áp bức giai cấp, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, đưa đất nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa; cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản thế giới, hướng theo ngọn cờ tiên phong mà Liên-xô đã phất lên từ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Đường lối chiến lược giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã nêu lên và được cụ thể hóa trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, vạch một hướng đi mới cho cách mạng Việt-nam, thúc đẩy cuộc đấu tranh cách mạng phát triển với một sức mạnh kỳ diệu, bảo đảm cho nhân dân ta giành được thắng lợi huy hoàng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mở ra một bước ngoặt căn bản trong lịch sử hiện đại của nước nhà.

Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam chính là sản phẩm của cuộc chiến đấu lâu dài và anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội, đồng thời là vũ khí sắc bén của toàn dân ta trong cuộc đấu tranh để củng cố và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và giành thắng lợi quyết định cho chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc ta.

Hiện nay, đất nước ta tuy có hòa bình, song phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh. Câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản

Digitized by Google

động khác, nhà cầm quyền Trung-quốc đang ráo riết tiến hành chính sách phá hoại ta về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, cản trở nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội, hòng làm suy yếu và thôn tính nước ta, để tiến lên thực hiện chủ nghĩa bành trướng và bá quyền trong vùng Đông Nam châu Á.

Trong tình hình đó, chúng ta phải đề cao cảnh giác, chăm lo tăng cường quốc phòng, đặt một phần đất nước trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu, đồng thời phải có những cố gắng cao nhất nhằm đưa nước nhà tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam thành một nước vững mạnh về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, một nước có kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học, kỹ thuật tiên tiến, có đời sống văn minh, hạnh phúc.

Sứ mệnh lịch sử của Nhà nước và nhân dân ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ cơ bản đó xuyên suốt toàn bộ bản Hiến pháp mới. Đó cũng là nghĩa vụ và quyền lợi cao nhất của mọi công dân Việt-nam. Thi hành Hiến pháp mới, nói một cách bao quát, là phấn đấu làm tròn sứ mệnh cao cả đó.

Hiện nay, nhân dân ta đứng trước một tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp; song chưa lúc nào đất nước và dân tộc ta lớn mạnh về mọi mặt như ngày nay. Đoàn kết chặt chẽ dưới lá cờ bách chiến bách thắng của Đảng cộng sản Việt-nam, ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta nhất định giành được thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Sự gắn bó giữa chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc là chân lý lớn nhất của thời đại ngày nay. Cả loài người đang được lôi cuốn vào cuộc đấu tranh quyết liệt để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » trên phạm vi toàn thế giới, giữa một bên là các lực lượng của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc, các lực lượng hòa bình và dân chủ với một bên là chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế. Mặc dù chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh xúc tiến liên minh với nhau đang gây ra một tình hình nguy hiểm trong nền chính trị thế giới, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội vẫn tiến bước vững chắc với thế mạnh, thế thắng ngày càng rõ rệt.

Cách mạng Việt-nam đã giành được thắng lợi vĩ đại là vì nhân dân ta luôn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, luôn luôn đứng cùng một tuyến chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, với tất cả các lực lượng cách mạng trên thế giới, mà cộng đồng xã hội chủ nghĩa là trung tâm và Liên-xô là trụ cột.

Trong lúc này, hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải giương cao ngọn cờ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững đường lối chung do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra, một đường lối phản ánh đúng quy luật phát triển của dân tộc ta trong thời đại mới. Chỉ có đi theo con đường đó thì nước ta mới có đủ sức mạnh giữ vững độc lập dân tộc, nhân dân ta mới có đời sống ấm no, hạnh phúc. Trong lúc này, hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, ra sức tăng cường quan hệ đặc biệt Việt-nam — Lào — Cam-pu-chia, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và sự hợp tác toàn diện giữa Việt-nam với Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đó là một điều kiện tất yếu, bảo đảm vững chắc cho thắng lợi vĩnh viễn của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Digitized by Google

LÀM CHỦ TẬP THỂ LÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP MỚI

Là đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Hiến pháp mới quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền và nghĩa vụ của công dân, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Từ Lời nói đầu đến tất cả các chương, Hiến pháp mới thể chế hóa chế độ làm chủ tập thể trên các mặt của đời sống xã hội, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ cơ sở kinh tế đến kiến trúc thượng tầng, từ sự nghiệp dựng nước đến sứ mệnh giữ nước, từ quan hệ của mỗi công dân với tập thể đến quan hệ của mỗi người với Tổ quốc, từ vị trí của gia đình trong cộng đồng xã hội đến cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Hiến pháp mới ghi lại mức độ đã đạt và chỉ ra phương hướng tiến lên trong công cuộc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp mới đặt nền móng kỷ cương cho nước nhà, trong đó mọi người sống và làm việc theo pháp luật, có kỷ luật, có tổ chức, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với yêu cầu của một xã hội văn minh, hiện đại mà chúng ta đang từng bước xây dựng.

Làm chủ tập thể là nội dung cơ bản của Hiến pháp mới, bởi vì đó là mục đích thật sự của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là động lực cực kỳ quan trọng của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Do đó, muốn thi hành đúng Hiến pháp mới, cần phải nắm vững tư tưởng của Đảng về *làm chủ tập thể*.

Tư tưởng làm chủ tập thể đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học nêu ra. Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đã chỉ rõ chủ nghĩa xã hội là một chế độ trong đó con người bắt đầu làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, là một chế độ mà yếu tố chủ đạo là « tính cộng đồng », « tính tập thể », là bước phát triển cao nhất trong sự tiến hóa của loài người. Làm chủ tập thể không chỉ là ý thức và tình cảm mà trước hết là *một hệ thống quan hệ* chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thể hiện nhất quán nguyên lý nhân dân lao động là người làm chủ tập thể nước nhà. Chính hệ thống quan hệ này xác định bản chất và đặc điểm của xã hội mới, xã hội chủ nghĩa, làm cho xã hội mới khác về chất so với mọi xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử nước ta.

Hệ thống quan hệ làm chủ đó làm nổi bật tính hơn hẳn của chế độ mới và tạo ra sức mạnh to lớn để cải tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật chưa có gì đáng kể thì chỗ dựa to lớn nhất là sức mạnh của làm chủ tập thể. Do đó, đi ngay vào làm chủ tập thể, trước hết là làm chủ đối với đất đai và lao động, xây dựng ngay những cơ sở ban đầu của chế độ làm chủ tập thể là vấn đề có tính quy luật trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Theo quan điểm đó, Hiến pháp mới quy định toàn bộ đất đai là thuộc sở hữu toàn dân. Quy định đó hoàn toàn phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với thực trạng ruộng đất của nước ta, phù hợp với lợi ích toàn xã hội và cũng phù hợp với lợi ích của chính nông dân. Thật vậy, nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội là tất cả những tư liệu sản xuất cơ bản là của chung của xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải thống nhất quy hoạch và có chính sách khai thác hợp lý, đầu tư thích đáng, bảo

Digitized by Google

vệ và bồi bổ đất đai trên phạm vi cả nước cũng như ở từng vùng kinh tế, làm sao cho toàn bộ đất đai bảo đảm nuôi sống nhân dân ta, làm sao đưa nông nghiệp nước ta lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa để phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Tuy thuộc sở hữu toàn dân, song một phần quan trọng ruộng đất được giao cho các tập thể hợp tác xã và nông dân lao động cá thể sử dụng và hưởng kết quả lao động của mình theo quy định của pháp luật; những hộ lao động đang sử dụng đất ruộng tất nhiên vẫn được tiếp tục sử dụng. Tập thể hoặc cá nhân khi sử dụng đất đai đều có trách nhiệm bảo vệ, bồi bổ và khai thác theo chính sách và kế hoạch của Nhà nước.

Chỉ có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mới giải quyết đúng mối quan hệ giữa *xã hội và cá nhân*. Ở đây, vừa có sự làm chủ tập thể của cả cộng đồng xã hội Việt-nam, vừa có sự phát huy cao độ quyền tự do chân chính của cá nhân, khơi dậy mọi năng lực sáng tạo của cá nhân, thống nhất hài hòa cá nhân với xã hội. Không thấy và không kiên quyết dựa vào sức mạnh làm chủ của cả cộng đồng là không đúng, nhưng không thấy quyền lợi chính đáng, vai trò quan trọng, tất yếu của cá nhân cũng là sai lầm. Kết hợp xã hội, tập thể với cá nhân, dùng hết sức mạnh của cả tập thể cũng như khả năng của từng người là phương hướng đúng đắn để khai thác mọi tiềm năng của đất nước, nhất là trong lĩnh vực tổ chức, sử dụng và quản lý lao động

Một nội dung cơ bản của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là *kết hợp hữu cơ quyền lợi với nghĩa vụ, nghĩa vụ với quyền lợi*. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, đều phải làm tròn những nghĩa vụ nhất định như bảo vệ Tổ quốc, lao động xây dựng đất nước, v.v., đồng thời đều được hưởng những quyền lợi nhất định về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ai có sức lao động đều có quyền lao động và phải lao động, đồng thời đều có quyền hưởng thụ tùy theo lao động cống hiến. Tách rời nghĩa vụ với quyền lợi, quyền lợi với nghĩa vụ là trái với bản chất của chế độ làm chủ tập thể. Theo tinh thần đó, phải kiên quyết phê phán những hiện tượng sai lệch trong quản lý kinh tế như: vừa xem nhẹ các biện pháp kinh tế để khuyến khích sản xuất, lao động, vừa lỏng lẻo trong việc sử dụng các biện pháp hành chính, thiên về mệnh lệnh mà không quan tâm đúng mức đến việc tổ chức đời sống vật chất và văn hóa cho quần chúng, không tạo điều kiện cho quần chúng có việc làm chính đáng, tăng thêm thu nhập và sản xuất thêm của cải cho xã hội. Đồng thời, theo tinh thần đó, cần kiên trì giáo dục cho công dân thái độ lao động mới, giáo dục ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc thực hiện chế độ làm chủ tập thể đòi hỏi trước hết thi hành đúng những điều khoản của Hiến pháp mới về nghĩa vụ và quyền của công dân.

Trong chế độ làm chủ tập thể, lợi ích toàn xã hội, lợi ích từng tập thể và lợi ích của từng người lao động là nhất trí. Sự nhất trí giữa *ba lợi ích* đó, một đặc điểm cơ bản của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là một động lực rất quan trọng để đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng xã hội mới. Cũng như các điều khoản của Hiến pháp mới, các chính sách cụ thể về quản lý kinh tế và quản lý xã hội phải thể hiện cho được đặc điểm cơ bản này. Không quan tâm thực hiện sự nhất trí giữa «ba lợi ích» là một khuyết điểm kéo dài trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đã gây ra nhiều mặt tiêu cực trong lao động sản xuất, chẳng những không phát huy mà

Digitized by Google

còn làm lu mờ bản chất tốt đẹp và sức mạnh to lớn của chế độ làm chủ tập thể.

Để bảo đảm trọn vẹn lợi ích của quần chúng, đồng thời để phát huy hết sức mạnh của làm chủ tập thể, chế độ làm chủ tập thể phải được thực hiện đồng thời trên *ba phạm vi cơ bản*: cả nước, địa phương và cơ sở. Đó là một tất yếu khách quan của tồn tại xã hội. Kết hợp làm chủ trong cả nước với làm chủ trong từng địa phương và làm chủ ở từng cơ sở là kết hợp sự thống nhất tập trung với việc mở rộng dân chủ, vừa tránh tình trạng phân tán, chia cắt, vừa chống tập trung quan liêu; vừa phù hợp với quá trình sản xuất, vừa đáp ứng được yêu cầu của chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa; là kết hợp sức mạnh chung của cả nước với sức mạnh cụ thể của từng địa phương, từng đơn vị. Các điều khoản của Hiến pháp mới nói về chức năng, nhiệm vụ của các cấp chính quyền cần được cụ thể hóa và bổ sung bằng những chính sách về tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thể hiện đầy đủ chế độ làm chủ tập thể trên ba phạm vi cơ bản, khắc phục những sự chồng chéo, vướng mắc hiện nay giữa trung ương, địa phương và cơ sở.

Chế độ làm chủ tập thể dựa trên cơ sở nền kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa. Chưa có nền tảng vật chất là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thì chế độ làm chủ tập thể chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ, bởi vì, như Lê-nin đã nói, trình độ dân chủ không thể vượt quá trình độ phát triển của kinh tế. Vì vậy, ra sức xây dựng nền kinh tế mới là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của nhân dân ta, của tất cả các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Đi đôi với xây dựng kinh tế, Nhà nước vô sản có trách nhiệm xây dựng từng bước nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, coi đó là những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LÀM CHỦ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa được thể hiện bằng một cơ chế, trong đó Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Ba mặt ấy vừa có sự phân biệt rõ về nội dung, chức năng, nhiệm vụ, vừa có quan hệ hữu cơ với nhau, hợp thành một chỉnh thể thống nhất.

Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bởi mục đích của Đảng là thực hiện chủ nghĩa xã hội (và chủ nghĩa cộng sản), đem lại quyền làm chủ tập thể cho nhân dân lao động. Điều đó được ghi rõ trong Hiến pháp mới. Và đó là lẽ tự nhiên. Nhân dân ta trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng để tự giải phóng và tiến lên cuộc đời làm chủ, hiểu và tin sâu sắc rằng sự nghiệp cách mạng của mình không thể thành công nếu không có Đảng lãnh đạo. Ý nguyện và tình cảm đó của nhân dân bắt nguồn sâu xa từ quy luật khách quan của lịch sử. Thật vậy, trong thời đại ngày nay, chỉ có giai cấp công nhân mới là giai cấp duy nhất có khả năng đi đầu trong công cuộc giải phóng xã hội khỏi ách áp bức dân tộc và áp bức giai cấp; chỉ có giai cấp công nhân mới tiêu biểu được cho chế độ làm chủ

Digitized by Google

tập thể xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, đó là giai cấp gắn liền với nền công nghiệp lớn hiện đại, mà chỉ với lực lượng sản xuất tiên tiến và hùng mạnh này thì mới cải tạo được triệt để xã hội cũ và xây dựng được nền tảng vật chất vững chắc cho chế độ mới. Vì đó là giai cấp có một đội tiên phong chiến đấu được trang bị bằng lý luận cách mạng và khoa học là chủ nghĩa Mác—Lê-nin—lý luận duy nhất có khả năng soi sáng quy luật phát triển khách quan của xã hội; không có lý luận đó nhân dân sẽ mãi mãi chìm dắm trong đêm tối, không thấy đường đi. Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam, chính là một đội ngũ như thế.

Sự lãnh đạo của Đảng, như vậy, tuyệt đối không phải là sự áp đặt chủ quan, trái lại bắt nguồn một cách khách quan từ tính tất yếu lịch sử, từ chính lợi ích giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, từ nhu cầu thiết thân của nhân dân đấu tranh giành độc lập, tự do và xây dựng cuộc sống mới.

Trong giai đoạn hiện nay, sự lãnh đạo của Đảng bao trùm một phạm vi rất rộng lớn, quán xuyến tất cả các mặt hoạt động và đời sống của dân tộc, đi vào những lĩnh vực ngày càng mới mẻ, phức tạp và khó khăn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đang đứng trước yêu cầu phải vươn lên, nắm vững hơn nữa lý luận Mác—Lê-nin về các quy luật phát triển xã hội, nhất là trong điều kiện tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, làm chủ các kiến thức khoa học, kỹ thuật hiện đại, vận dụng sáng tạo những tri thức đó vào điều kiện thực tế nước ta để cụ thể hóa và phát triển hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng phải nhìn lại tình hình đất nước ta từ Đại hội IV đến nay, đánh giá chính xác những việc đã làm được và những việc chưa làm được, tổng kết sâu sắc những kinh nghiệm thành công cũng như kinh nghiệm không thành công, nhất là trong lĩnh vực tổ chức là khâu yếu nhất trong sự lãnh đạo của Đảng hiện nay, trên cơ sở đó mà vạch ra một cách có căn cứ khoa học phương hướng và chủ trương cụ thể cho thời kỳ cách mạng sắp tới.

Đi đôi với việc nâng cao năng lực lãnh đạo về đường lối, chủ trương, Đảng rất coi trọng tăng cường sức chiến đấu, giữ cho đội ngũ của Đảng luôn luôn trong sạch và gắn bó máu thịt với quần chúng, xây dựng đảng bộ cơ sở vững mạnh, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, đồng thời không ngừng bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên.

Một nhiệm vụ đặc biệt cấp bách của Đảng là phấn đấu nâng cao năng lực tổ chức, làm tốt công tác kiểm tra, ra sức khắc phục những mặt yếu kém và sai lầm trong lĩnh vực tổ chức thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nói đến lĩnh vực này là nói đến vấn đề quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, vấn đề Đảng phải làm gì và làm thế nào để phát huy được mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước.

Nhà nước chuyên chính vô sản là nơi biểu hiện tập trung sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đảng lãnh đạo chính quyền phải biết sử dụng Nhà nước, coi đó là một công cụ hùng mạnh và sắc bén để thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân và sự lãnh đạo của Đảng trên quy mô toàn xã hội. Sau khi giành được chính quyền, thiết lập Nhà nước chuyên chính vô sản thì sự nghiệp cách mạng quan trọng nhất là cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng đất nước theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Và đi liền với sự nghiệp đó, phải tổ chức

Digitized by Google

công cuộc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả của cách mạng, chống sự xâm lược từ bên ngoài và đập tan các thế lực chống đối từ bên trong. Chính vì vậy, Nhà nước chuyên chính vô sản coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là động viên, đoàn kết và tổ chức nhân dân xây dựng kinh tế, văn hóa và quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Về nhiệm vụ này, Lê-nin đã nói: «Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vấn đề là phải tổ chức một cách mới mẻ những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống hàng chục và hàng chục triệu con người. Đó cũng là nhiệm vụ cao cả nhất, vì chỉ có *sau khi đã thực hiện* được nhiệm vụ ấy (trên những nét lớn căn bản của nó), người ta mới có thể nói rằng nước Nga *đã trở thành* một nước Cộng hòa không những là xô-viết, mà còn là xã hội chủ nghĩa nữa» (1).

Nếu như phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tự phát hình thành từ trong lòng xã hội phong kiến, thì phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa do Nhà nước chuyên chính vô sản chủ động tạo ra. Điều đó càng đúng đối với nước ta, một nước từ sản xuất nhỏ đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nếu như bản chất của chuyên chính tư sản là cai trị, là đàn áp, là bạo lực, thì bản chất chủ yếu của chuyên chính vô sản là tổ chức, xây dựng. Đó là điều phổ biến ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; riêng đối với nước ta điều đó càng đúng.

Nói tổ chức, xây dựng là nói tổ chức xây dựng kinh tế, văn hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu về vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân, trên cơ sở kỹ thuật ngày càng cao và quyền làm chủ tập thể ngày càng đầy đủ của nhân dân lao động. Sự nghiệp vĩ đại ấy không thể nào hoàn thành nếu không có một Nhà nước thể hiện đầy đủ sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân, một Nhà nước nắm trong tay những lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội, lao động và tài nguyên đất nước, một Nhà nước nắm được và ngày càng thành thạo khoa học quản lý, đủ sức tổ chức và quản lý có hiệu quả mọi mặt hoạt động kinh tế, văn hóa và đời sống nhân dân. Nếu không có Nhà nước, không có vai trò tổ chức và quản lý của Nhà nước, không thể có chủ nghĩa xã hội. Có Nhà nước vững mạnh trong tay nhân dân và dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta sẽ có tất cả.

Mấy chục năm qua, Nhà nước chuyên chính vô sản của ta chẳng những đã tỏ rõ là một vũ khí sắc bén trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc và trấn áp các thế lực thù địch, mà còn là một công cụ rất quan trọng trong việc xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, trong khi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển về quy mô, về chiều sâu với những mặt phức tạp của nó trên phạm vi cả nước, Nhà nước ta bộc lộ những mặt non kém, làm giảm một cách nghiêm trọng hiệu lực của nó, khiến cho tình hình kinh tế và đời sống vốn đã khó khăn do những nguyên nhân khách quan lại càng khó khăn thêm do những khuyết điểm chủ quan trong việc vận dụng đường lối của Đảng, trong việc tổ chức sản xuất, thực hiện kế hoạch hóa và vận dụng quan hệ thị trường, trong việc đề ra và thi hành các chính sách và chế độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội, v.v...

Nhà nước ta cần nhanh chóng khắc phục những khuyết điểm ấy; đồng thời Đảng ta phải nghiêm túc tổng kết kinh nghiệm, không ngừng học tập để thành thục trong việc lãnh đạo Nhà nước, xứng đáng với vai trò của một đảng cầm quyền.

Để thi hành Hiến pháp mới nói chung, để làm tốt chức năng tổ chức, xây dựng kinh tế nói riêng, *khâu*

(1) Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần I, tr. 402.

Digitized by Google

quyết định hiện nay là khẩn trương kiện toàn các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, từ các cơ quan lập pháp, hành pháp đến bộ máy quản lý kinh tế, văn hóa. Nhất là phải cấp bách chấn chỉnh, tăng cường bộ máy quản lý kinh tế, vì nếu không cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế, nhất là ở cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố, thì không một chủ trương kinh tế nào có thể thực hiện được đến nơi đến chốn, không một kế hoạch kinh tế nào có thể hoàn thành tốt được.

Trong bộ máy kinh tế ở trung ương, trước hết phải kiện toàn các *cơ quan tổng hợp* như Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ tài chính, Ủy ban vật giá, Ngân hàng, Bộ vật tư, Bộ lao động, Ủy ban khoa học kỹ thuật Nhà nước, Tổng cục thống kê, là những cơ quan có vai trò cực kỳ quan trọng đối với việc xây dựng một nền kinh tế có kế hoạch. Việc này rất cần thiết, vì trong thời gian qua, chúng ta phạm khuyết điểm, sai lầm trước hết và lớn hơn hết là trong việc kế hoạch hóa kinh tế và trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Cần nâng cao chức năng nghiên cứu kế hoạch và chính sách, chức năng thống nhất quản lý từng lĩnh vực liên ngành và chức năng kiểm tra của các cơ quan tổng hợp, nhằm tạo ra quỹ đạo phát triển đúng đắn và những điều kiện hoạt động thuận lợi cho các ngành, các địa phương, các cơ sở. Bắt đầu từ kế hoạch 5 năm tới, chúng ta tập trung cố gắng tìm ra hình thức tổ chức và chỉ đạo thích hợp, bảo đảm quy tụ được lực lượng và phối hợp được nhịp nhàng giữa nhiều ngành, nhiều địa phương dưới sự quản lý thống nhất của Chính phủ, nhằm thực hiện một số chương trình mục tiêu có ý nghĩa cả nước như: lương thực, dầu khí, điện, than, giao thông vận tải, v.v.

Các cơ quan quản lý ngành cần được kiện toàn để đủ sức quản lý, xây dựng và phát triển các ngành kinh tế—kỹ thuật, những tổ chức then chốt của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Bộ trưởng là người phụ trách cao nhất đối với toàn ngành, phải làm tốt chức năng quản lý, mà nội dung chính là xây dựng các quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành, xác định phương hướng khoa học kỹ thuật, không ngừng cải tiến chính sách, chế độ quản lý, đào tạo đội ngũ cán bộ và công nhân cho ngành mình. Khẩn trương tổ chức lại sản xuất của ngành trong cả nước, tạo ra cơ cấu mới của ngành, tùy điều kiện mà lập các liên hiệp xí nghiệp, công ty, xí nghiệp liên hợp, nhóm sản phẩm, bảo đảm những tổ chức ấy thật sự là những đơn vị hạch toán kinh tế, đảm nhận chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao. Theo hướng đó, cần sửa đổi mạnh cơ cấu tổ chức và bố trí cán bộ: bỏ dần các cơ quan trung gian không cần thiết, và giảm biên chế, chuyển một bộ phận quan trọng cán bộ từ các bàn giấy về các cơ sở sản xuất.

Cần tiến hành phân cấp quản lý dứt khoát và cụ thể cho *địa phương* nhằm mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của địa phương về kế hoạch hóa, về phân phối và tổ chức đời sống, về quản lý ngân sách, lao động, vật tư, về tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ; đồng thời cho địa phương quyền làm công tác xuất khẩu, nhập khẩu theo chính sách của Nhà nước. Cần giúp đỡ các tỉnh, thành phố, huyện phát triển nông nghiệp và công nghiệp địa phương và giao cho chính quyền địa phương trực tiếp quản lý các cơ sở chế biến thực phẩm vừa và nhỏ, các ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, các cơ sở thương nghiệp bán lẻ, cơ sở dịch vụ cũng như các cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế.

Chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố, huyện) vừa đại diện cho chính quyền trung ương, vừa đại diện

Digitized by Google

cho nhân dân địa phương. Hai mặt đó thống nhất làm một. Sự thống nhất đó thể hiện ở chỗ chính quyền địa phương cần chủ động giải quyết tốt các vấn đề kinh tế, quốc phòng và đời sống ở địa phương, không ỷ lại cấp trên; đồng thời ra sức phấn đấu làm tốt nghĩa vụ đối với cả nước, không có tư tưởng cục bộ, bản vị.

Xây dựng mỗi *huyện* thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, một cơ sở của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và một pháo đài vững chắc về quốc phòng. Gấp rút tăng cường cán bộ để xây dựng bộ máy cấp huyện đủ sức chỉ đạo tốt các hợp tác xã, đủ sức quản lý kinh tế trên địa bàn huyện, trước hết là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mở mang các ngành, nghề, phân công lại lao động, nhằm thỏa mãn nhu cầu của đời sống nhân dân trong huyện, đồng thời góp phần đưa nền nông nghiệp cả nước tiến lên đáp ứng được yêu cầu cấp bách trước mắt và phục vụ sự phát triển lâu dài của nền kinh tế quốc dân.

Các *cơ sở* của nền kinh tế quốc dân là tế bào sản xuất, kinh doanh, là nơi trực tiếp diễn ra ba cuộc cách mạng, là nơi thể hiện cụ thể quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Cơ sở là nơi Đảng, Nhà nước và quần chúng liên kết thành một cơ cấu chặt chẽ, để hoàn thành mọi nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội. Cần trao cho các cơ sở quyền tự chủ về tài chính, để các cơ sở thực hiện cho được chế độ hạch toán kinh tế, kinh doanh có lãi, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích của tập thể và nâng cao thu nhập của mỗi người lao động.

Các cơ quan trung ương chẳng những phải quản lý tốt ngành mình mà còn có trách nhiệm giúp xây dựng địa phương và cùng với chính quyền địa phương tăng cường chỉ đạo các cơ sở, kiện toàn bộ máy quản lý xí nghiệp, đào tạo giám đốc cho xí nghiệp quốc doanh, chủ nhiệm, kế toán trưởng và cán bộ kỹ thuật cho hợp tác xã. Tổ chức lại các mối quan hệ giữa cấp trên với cơ sở và giữa các cấp trên với nhau, để bảo đảm cho hoạt động của cơ sở được thuận lợi.

Phương hướng cơ bản để tăng cường Nhà nước là thực hiện đầy đủ *quyền làm chủ tập thể của nhân dân* trong việc quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội. Lê-nin chỉ rõ, với Nhà nước chuyên chính vô sản «... lần đầu tiên trong lịch sử những xã hội văn minh, *quần chúng* nhân dân vươn lên tham gia một cách *độc lập* không những vào việc bầu cử và tuyển cử *mà cả vào việc quản lý hằng ngày...*» (2). Nghĩa là ở đây không chỉ giản đơn là dân chủ mà còn là làm chủ; và đây chính là ý nghĩa thực chất của nhận định của Lê-nin: dân chủ vô sản «triệu lần dân chủ hơn bất cứ nền dân chủ tư sản nào». Song đáng tiếc là do những khuyết điểm của chúng ta, mà từ bản chất ưu việt của chế độ dân chủ vô sản đến sự thực hiện trong thực tiễn bản chất ấy, còn nhiều vấn đề làm cho quần chúng không hài lòng. Để khắc phục tình trạng ấy, cần cố gắng tìm tòi, xây dựng những chế độ và hình thức thích hợp để quần chúng nhân dân trực tiếp tham gia *thật sự* vào các công việc của Đảng và Nhà nước, vào các hoạt động xã hội và kinh tế, ở tất cả các cấp, các ngành.

Điều quan trọng và cấp bách nhất là phải thực hiện cho được *làm chủ tập thể ở cơ sở*, vì đây là nơi trực tiếp đụng chạm đến lợi ích, đến cuộc sống và quyền làm chủ của nhân dân. Thông qua đấu tranh nội bộ trong các tổ chức cơ sở của Đảng và qua phong trào quần chúng góp ý kiến phê bình chi bộ, đảng bộ cơ sở, phê bình cán bộ, đảng viên mà chấm dứt những

(2) V. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1976, tập 33, tr. 116.

Digitized by Google

hiện tượng quan liêu hống hách, những vụ vi phạm quyền công dân và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất trong Đảng lợi dụng chức quyền để ức hiếp quần chúng, ăn cắp của công, hối lộ, móc ngoặc, đầu cơ trục lợi. Gần đây, nhiều nơi có những kinh nghiệm tốt về bảo đảm thực hiện làm chủ ở cơ sở, cần tổng kết, phát huy, phổ biến. Việc này là nhiệm vụ không chỉ của cơ sở mà của cả các cấp trung ương và địa phương, bởi vì nhân dân không thật sự làm chủ ở cơ sở thì căn bản không thể làm chủ ở các cấp bên trên, và thật là vô nghĩa nếu nói rằng ở cấp trên đã có chế độ làm chủ trong khi ở cơ sở quần chúng nhân dân không thực hiện được quyền làm chủ.

Nhằm khắc phục những hiện tượng Đảng bao biện công việc Nhà nước hoặc tách rời một cách máy móc sự quản lý của Nhà nước với sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta cần soát xét lại một cách toàn diện từ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể, đến chế độ làm việc của mỗi cấp ủy Đảng và mỗi cấp chính quyền.

Cải tiến lề lối hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, khiến cho các tổ chức dân cử đó *thật sự* là những cơ quan quyền lực của nhân dân, *thật sự* chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Ra sức nâng cao chất lượng và phát huy vai trò các *đoàn thể quần chúng*, xây dựng Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức nông dân tập thể, Hội phụ nữ, thành những tổ chức mạnh trong cơ chế làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Các đoàn thể phải tổ chức một cách thường xuyên, sâu rộng phong trào cách mạng của quần chúng, đưa đoàn viên, hội viên tích cực tham gia sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, qua đó làm cho các đoàn thể quần chúng thật sự là tổ chức chiến đấu của người lao động, là trường học rèn luyện con người mới, xã hội chủ nghĩa.

Một phương hướng nữa rất quan trọng hiện nay để củng cố Nhà nước và phát huy hiệu lực của nó là *tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*. Điều này càng phải nhấn mạnh khi Nhà nước ta ban hành Hiến pháp mới.

Nhà nước quản lý bằng pháp luật, tức là định ra các luật lệ, phổ biến và giải thích pháp luật, kiểm tra nghiêm ngặt việc thi hành pháp luật, cưỡng bức đối với những người không tự giác thi hành và trừng trị đích đáng bất kỳ ai vi phạm. Bằng việc kiên quyết thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa, Nhà nước tỏ rõ quyền lực và hiệu quả quản lý của mình, bảo đảm chế độ làm chủ tập thể của nhân dân, tạo ra cuộc sống cộng đồng có kỷ cương, trật tự, ngăn chặn và loại trừ mọi sự hà lạm, mọi biểu hiện tiêu cực, mọi tệ nạn và thói xấu trong xã hội.

Trên nền tảng Hiến pháp mới, xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh trong đó một bộ phận quan trọng hàng đầu là các luật lệ, chế độ về kinh tế. Hệ thống pháp luật hiện nay của chúng ta chưa phát triển, nhiều mặt hoạt động chưa được chế định thành luật lệ, và phần luật lệ đã có rồi thì còn những chỗ chưa thể hiện đúng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhiều cái đã lạc hậu, nhiều chỗ thiếu ăn khớp, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Nhà nước ta phải sớm xây dựng, ban hành và kịp thời bổ sung pháp luật về các mặt hoạt động và đời sống xã hội, đưa mọi lĩnh vực vào tổ chức, quy cũ. Trong lĩnh vực kinh tế, cần bổ sung các luật lệ về kế hoạch hóa, về hạch toán kinh tế, về lao động, vật tư, tài chính, về hợp đồng kinh tế và hội đồng trọng tài, về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân, mỗi đơn vị cơ sở, mỗi ngành, mỗi cấp.

Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa phải nhất quán từ luật của

Digitized by Google

Nhà nước cho đến các quy định của các cơ quan chính quyền các cấp. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động không chỉ thu hẹp trong các quyền chính trị của công dân, mà còn được thể chế hóa đầy đủ trong sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, về kinh tế, chính trị và văn hóa, ở cơ sở, địa phương và trong cả nước. Quy định không đủ, không rõ, không chính xác, không cụ thể, là mở đường cho sự tùy tiện trong việc xử lý vấn đề của các cơ quan quản lý cũng như của những người có chức, có quyền. Những sự thiếu sót về luật lệ, cộng thêm sự buông lỏng quản lý, đang là một nguyên nhân quan trọng gây ra nhiều vụ vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm giảm, thậm chí trong nhiều trường hợp làm mất hẳn hiệu lực của các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nhà nước ta cần thu hút đông đảo quần chúng vào việc thảo luận các dự thảo pháp luật, làm cho quần chúng được góp ý kiến, đồng thời qua đó hiểu rõ ý nghĩa các đạo luật, khiến cho quần chúng đồng tình sâu sắc và nghiêm chỉnh thực hiện khi pháp luật được ban bố. Như vậy là làm cho pháp luật xã hội chủ nghĩa vừa là công cụ quản lý của Nhà nước, vừa là vũ khí làm chủ của nhân dân, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với việc giải thích, giáo dục, phải cưỡng chế thi hành pháp luật, kiểm soát chặt chẽ và xử trí đích đáng đối với hành vi phạm pháp. Các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp về việc này như Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra Nhà nước, Công an và Tòa án, cần tăng cường hoạt động bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công lý và trật tự.

Sống theo pháp luật, làm đúng pháp luật là yêu cầu chung đối với toàn thể nhân dân, là bổn phận trước nhất của cán bộ và nhân viên Nhà nước. Những người thừa hành pháp luật, được trao quyền lực lớn, nếu không trước hết tự khép mình vào pháp luật, đi đến chỗ lộng quyền, thì hành động sai phạm của họ sẽ gây ra những tổn thất đặc biệt lớn cho xã hội, cho nhân dân. Phải làm cho tất cả cán bộ, nhân viên Nhà nước nắm được và làm đúng pháp luật, tiêu biểu cho pháp luật. Người giữ cương vị càng cao, được trao quyền lực càng lớn, thì càng phải gương mẫu thi hành pháp luật, và càng bị xử phạt nặng nếu vi phạm pháp luật.

Cũng như trong mọi lĩnh vực khác, việc thực hiện Hiến pháp mới, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa phụ thuộc một cách quyết định vào sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt vào việc làm của cán bộ, đảng viên. Chi bộ Đảng có nhiệm vụ bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo đảm pháp luật xã hội chủ nghĩa được thi hành nghiêm chỉnh, đó là một thước đo quan trọng chất lượng lãnh đạo của chi bộ. Đảng viên phải gương mẫu làm đúng pháp luật, coi đó vừa là nghĩa vụ đối với công dân, vừa là kỷ luật đối với đảng viên cộng sản. Những người vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, không tôn trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa, thì không đủ tư cách đảng viên, phải đưa ra khỏi Đảng.

★

Được định ra cho cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Hiến pháp mới phải được thực hiện gắn liền với toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước ta nhằm biến Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và

Digitized by Google

nghị quyết các Hội nghị toàn thể của Ban chấp hành trung ương thành hiện thực.

Trong thời gian trước mắt, chúng ta phải làm tốt công tác cán bộ, sớm kiện toàn bộ máy, cải tiến tổ chức và phương thức quản lý kinh tế, hoàn thiện một bước pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm khai thác tốt những tiềm năng của đất nước, ổn định tình hình kinh tế và đời sống, tạo thế cân đối mới về kinh tế để đi lên. Điều quan trọng là phải phấn đấu giành cho được những thắng lợi, những tiến bộ từng năm, từng tháng, mang lại những kết quả thiết thực, những lợi ích cụ thể, làm cho quần chúng phấn khởi, tin tưởng và tạo thêm lực lượng để tiến những bước cao hơn.

Hiện nay, cần phát động một phong trào sản xuất lương thực, rau màu và thực phẩm rất mạnh, để vượt qua vụ giáp hạt sắp tới và tiến lên trong năm 1981; tìm mọi cách cung ứng nguyên liệu và năng lượng cho các xí nghiệp, nâng cao tỷ lệ sử dụng lao động và công suất máy móc, làm thêm hàng hóa; tập trung lực lượng hoàn thành xây dựng các công trình trọng điểm; cải thiện công tác ở các cảng và trên tuyến đường sắt Bắc — Nam.

Về phân phối, lưu thông, cần quyết định sớm các phương án cụ thể về thu mua, giá cả, quản lý thị trường, đời sống... để thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ chính trị. Phải sớm kết luận về những điển hình mới đang thực hiện những cải tiến mạnh dạn trong tổ chức sản xuất, quản lý lao động, chế độ khoán và phân phối sản phẩm để phổ biến những kinh nghiệm tốt cho các nơi khác.

Việc thực hiện những công tác cấp bách nói trên phải gắn liền với việc đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng một cách sắc bén và kịp thời. Đặc biệt trong lúc này, tất cả các tổ chức Đảng và tổ chức đoàn thể, từng người cán bộ, đảng viên phải bình tĩnh, sáng suốt, làm chủ cho được tình hình chính trị, tư tưởng của xã hội, của đơn vị mình, không một phút nào được lơi lỏng trận địa tư tưởng, kiên quyết phát động phong trào quần chúng đứng lên làm chủ, dấy lên khí thế cách mạng, dựa vào quần chúng để đập tan chiến tranh tâm lý và mọi âm mưu, hành động phá hoại của địch, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, thúc đẩy toàn bộ sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên.

Hiện nay, chúng ta đang gặp những khó khăn về kinh tế và đời sống. Song tình hình đó không làm thay đổi cục diện chung của cách mạng nước ta đang tiếp tục thế đi lên vững chắc. Trong những tháng sắp tới, toàn Đảng, toàn dân ta kiên quyết tập trung lực lượng làm tốt những công tác cấp bách trên các mặt trận kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, tổ chức nói trên thì chúng ta hoàn toàn có thể vượt qua được khó khăn.

Chúng ta tin rằng Hiến pháp mới ra đời sẽ đánh dấu một bước quan trọng trong việc củng cố kỷ cương của xã hội, xây dựng và hoàn thiện chế độ mới, tạo thêm cho nhân dân ta sức mạnh để đấu tranh giành thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trong việc thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, nhằm xây dựng một nước Việt-nam thật sự hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng của dân tộc ta vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân toàn thế giới.

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC TA và vấn đề quản lý chính trị — xã hội

ĐỖ - TƯ

Từ khi ra đời, Nhà nước ta do Hồ Chủ tịch đứng đầu đã coi việc quản lý xã hội là một trách nhiệm quan trọng gắn chặt với sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Ngày nay, quản lý xã hội ở nước ta, xét về bản chất là quản lý xã hội xã hội chủ nghĩa, song chưa phải là quản lý một xã hội xã hội chủ nghĩa đã hoàn chỉnh, mà là một xã hội đang ở bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Quản lý xã hội bao gồm: quản lý kinh tế; quản lý chính trị — xã hội; quản lý văn hóa tư tưởng. Ba lĩnh vực quản lý ấy không tách rời nhau, có mối quan hệ tác động lẫn nhau, đó là một chỉnh thể. Bởi vì, trong thực tiễn, không có hoạt động kinh tế, văn hóa nào lại tách biệt hẳn với chính trị, lại không dẫn đến một hậu quả chính trị—xã hội nhất định. Ngược lại, quản lý chính trị—xã hội có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện những yêu cầu chính trị đã được xác định, nhưng trong rất nhiều trường hợp, phải thông qua hoạt động kinh tế, văn hóa mới thực hiện được những yêu cầu chính trị ấy. Đồng thời, quản lý chính trị — xã hội còn có nhiệm vụ giúp sức thúc đẩy, bảo vệ quá trình phát triển của kinh tế, văn hóa.

Trong bài này, chúng tôi chỉ phân tích một lĩnh vực quản lý: quản lý chính trị — xã hội.

A) Theo Lê-nin, nói đến chính trị là nói đến « lĩnh vực những mối quan hệ giữa *tất cả* các giai cấp, các tầng lớp với Nhà nước » (1). Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản, đầu mối của tất cả các quan hệ chính trị — xã hội, nơi biểu hiện tập trung

(1) Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, tập 6, tr. 101.

Digitized by Google

quyền lực của nhân dân lao động, do Đảng ta lãnh đạo. Vì vậy, vấn đề mấu chốt của quản lý chính trị – xã hội là xây dựng, điều hành và hoàn thiện tổ chức chính trị–xã hội, trên cơ sở nhận thức được những quy luật hình thành và phát triển của các quan hệ chính trị – xã hội và những yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển của chúng.

Đối tượng của quản lý chính trị–xã hội là các quan hệ chính trị – xã hội, quan trọng nhất là các quan hệ giai cấp. Ở nước ta hiện nay các quan hệ đó là: quan hệ giữa giai cấp công nhân và các giai cấp khác (chủ yếu là quan hệ công nông), quan hệ gia đình và xã hội, quan hệ giữa các thành phần dân tộc anh em, quan hệ quân và dân, quan hệ giữa các đoàn thể quần chúng và các tổ chức văn hóa, xã hội với nhau, quan hệ giữa tất cả các đoàn thể và tổ chức ấy với Nhà nước v.v.

Nếu quản lý kinh tế và quản lý văn hóa cần có kế hoạch thì quản lý chính trị–xã hội *cũng cần có kế hoạch*. Việc vận dụng lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về quản lý xã hội xã hội chủ nghĩa, việc quán triệt đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, việc phân tích và đánh giá một cách đúng đắn tình hình thực tế của đời sống xã hội là những cơ sở để kế hoạch hóa việc quản lý chính trị–xã hội. Yêu cầu đối với kế hoạch hóa việc quản lý chính trị – xã hội là xác định rõ tình hình cơ cấu giai cấp, cơ cấu xã hội, đặc điểm của hệ thống quan hệ chính trị – xã hội, tính chất riêng biệt của từng quan hệ chính trị–xã hội và xu hướng phát triển của chúng; là vạch ra những mục tiêu, phương hướng, chủ trương hoạt động, những biện pháp nhằm thực hiện những yêu cầu chính trị – xã hội trong một thời kỳ nhất định. Là một bộ phận của kế hoạch hóa việc quản lý xã hội, tất nhiên kế hoạch hóa việc quản lý chính trị–xã hội không thể tách rời kế hoạch hóa việc quản lý kinh tế và văn hóa. Do đó, trên những yêu cầu cần thiết và trong những trường hợp cần thiết, sự phối hợp giữa các lực lượng quốc phòng, an ninh, các cơ quan khác thuộc khối nội chính với các cơ quan kinh tế và văn hóa là rất cần thiết nhằm giúp cho việc kế hoạch hóa quản lý chính trị – xã hội xác định được những mục tiêu, phương hướng hoạt động thích hợp với những nhiệm vụ cách mạng chung của từng thời kỳ.

Cũng như kinh tế, chính trị là vấn đề có liên quan đến « vận mệnh thực tế của hàng triệu con người »(2) cho nên quản lý chính trị–xã hội không có mục đích nào khác là phục vụ cho lợi ích chính trị của hàng triệu nhân dân lao động đã làm chủ xã hội.

Loại quản lý nào cũng vậy, xét về bản chất, là sự tác động tự giác, có phương hướng, có kế hoạch, có mục đích vào các đối tượng quản lý, trên cơ sở nhận thức và vận dụng được những quy luật phát triển khách quan của xã hội, lợi dụng được những xu hướng tiến bộ, những nhân tố tích cực, những điều kiện, khả năng và những ưu thế sẵn có của chủ nghĩa xã hội để phát triển xã hội một cách tốt nhất. Nhưng cách vận dụng những quy luật xã hội, nội dung và hình thức thông tin, phương pháp và thủ đoạn tác động của chủ thể quản lý vào các đối tượng trong lĩnh vực quản lý chính trị – xã hội đương nhiên có những điểm giống và cũng có những điểm không hoàn toàn giống như trong các lĩnh vực quản lý khác. Ví dụ trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, bạo lực không phải là yếu tố có ý nghĩa quyết định. Nhưng trong quản lý chính trị–xã hội, thì trong nhiều trường hợp, bạo lực lại là một phương pháp không thể thiếu được. Kế hoạch hóa việc

(2) V.Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t.p 40, tr. 150.

Digitized by Google

quản lý chính trị — xã hội, do tính đặc thù của đối tượng quản lý quy định, cũng có những đặc điểm riêng. Trong thực tiễn, có lúc không nên và không thể đề ra yêu cầu xây dựng những chỉ tiêu số lượng. Chẳng hạn, không thể và không nên đặt ra chỉ tiêu truy quét bao nhiêu tên lưu manh, côn đồ, khám phá ra bao nhiêu nhóm trộm cắp, phát hiện ra bao nhiêu vụ tham ô, hối lộ, v.v. Trái lại, điều quan trọng là vạch ra được những mục tiêu có ý nghĩa chiến lược, những yêu cầu cấp bách trước mắt, sát với tình hình thực tế, những chủ trương, phương hướng hoạt động đúng đắn, tạo ra được những điều kiện thuận lợi, những hình thức tổ chức thích hợp, những biện pháp tích cực nhằm giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề chính trị — xã hội được đặt ra.

Kế hoạch hóa việc quản lý chính trị — xã hội cũng cần dựa vào sức mạnh và trí sáng tạo của quần chúng, chú trọng phát hiện những khả năng, những nhân tố tích cực và tạo điều kiện cho những cái đó trở thành phổ biến. Trong thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đã và đang nảy nở rất nhiều nhân tố mới phù hợp với quy luật phát triển của xã hội mới. Phong trào « 5 công khai » của huyện Tiền-hải (Thái-bình), hình thức hội nghị chuyên đề của Nhà máy công cụ số 1 (Hà-nội) không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị rõ rệt. Những phong trào ấy là những hình thức dân chủ chẳng những có tác dụng thiết thực đối với việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động ở các cơ sở sản xuất và kinh doanh mà còn có tác dụng nâng cao tính tự giác của họ trong việc tham gia quản lý kinh tế và tổ chức đời sống. Sự sắp xếp công ăn việc làm cho những người có khả năng lao động ở tiểu khu hàng Chiếu (Hà-nội) chẳng những có tác dụng ổn định đời sống quần chúng mà còn góp phần tích cực vào việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở những khu dân cư thành thị.

B) Trước những nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay như: đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, tăng cường lực lượng quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu và hành động xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, v.v. *trách nhiệm* của quản lý chính trị — xã hội rất to lớn.

Sau hàng chục năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh để giành độc lập dân tộc và thực hiện thống nhất nước nhà, đáng lẽ đến nay nhân dân ta đã có thể tập trung sức lực và tài trí của mình xây dựng đất nước trong hòa bình theo con đường xã hội chủ nghĩa. Song, bọn phản động cầm quyền ở Trung-quốc và bè lũ đế quốc tìm mọi cách kìm hãm sự phát triển của dân tộc ta, hòng làm cho đất nước ta bị suy yếu để chúng dễ bề thực hiện ý đồ bành trướng, bá quyền. Đất nước ta đang ở vào hoàn cảnh vừa có hòa bình vừa có nguy cơ xảy ra chiến tranh. Cho nên nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của quản lý chính trị — xã hội là kiên quyết và tích cực chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt để làm thất bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của bọn phản động trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh. Đây là một nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài. Chừng nào ý đồ xâm lược của bọn chúng chưa bị đẩy lùi và phá sản, chừng nào độc lập, chủ quyền của nước ta còn bị uy hiếp thì nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vẫn là một nhiệm vụ cấp bách.

Bọn đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ, và bọn phản động cầm quyền ở Trung-quốc, đã cài lại trên đất nước ta nhiều tên tay sai, nhiều nhóm phản cách mạng hòng thực hiện âm mưu

Digitized by Google

phá hoại lâu dài của chúng. Hiện nay, cùng với những hành động khiêu khích vũ trang ở vùng biên giới phía bắc nước ta, chúng đang ra sức dùng chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp nhằm phá hoại an ninh quốc gia và an toàn xã hội của nước ta. Chúng đang ráo riết lợi dụng những khó khăn về kinh tế của ta hòng tạo ra tình trạng hoang mang, dao động, bi quan, hoài nghi trong nhân dân ta. Vì vậy, chống chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp, kịp thời vạch trần và đập tan mọi thủ đoạn tác động tinh thần, mọi hoạt động thám báo và phá hoại của địch, đang là một nhiệm vụ thường xuyên của quản lý chính trị — xã hội nhằm bảo đảm an ninh quốc gia và an toàn xã hội.

Cuộc chiến tranh xâm lược do đế quốc Mỹ gây ra trên đất nước ta đã để lại không biết bao nhiêu hậu quả tai hại về nhiều mặt mà nhân dân ta và Nhà nước ta phải mất nhiều năm tháng để khắc phục. Một mặt, Nhà nước phải quan tâm chăm sóc các gia đình liệt sĩ và thương binh, những người đã góp phần cống hiến to lớn vào sự nghiệp giành độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, có hàng chục vạn người không có nghề ở miền Nam nước ta trước kia quen sống bám vào bộ máy chiến tranh và bộ máy thống trị của địch, nay cần được sắp xếp công ăn việc làm để trở thành những người công dân bình thường. Có hàng vạn thanh niên nam, nữ bị chủ nghĩa thực dân mới trước kia ở miền Nam đẩy vào vòng sa đọa, trụy lạc, bệnh tật, cần được cứu vớt, cải tạo để lấy lại phẩm giá con người. Đó cũng là nhiệm vụ mà công tác quản lý chính trị — xã hội không thể bỏ qua.

Nước ta hiện có trên năm chục dân tộc anh em đã từng sống cố kết với nhau hàng nghìn năm trong một cộng đồng quốc gia thống nhất. Nhiệm vụ của quản lý chính trị — xã hội là phải giữ gìn và củng cố truyền thống đoàn kết dân tộc tốt đẹp đã được Đảng ta phát huy cao độ trong nửa thế kỷ qua, bảo đảm sự bình đẳng giữa các dân tộc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc đều làm chủ đất nước và cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, kiên quyết chống lại mọi âm mưu của kẻ thù chia rẽ dân tộc.

Ở nước ta, một số tổ chức tôn giáo còn có ảnh hưởng trong đời sống tinh thần của hàng triệu quần chúng. Nhiệm vụ của quản lý chính trị — xã hội là bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo thực hiện chức năng chăm lo việc đạo cho bộ phận quần chúng có tín ngưỡng tôn giáo theo đúng chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách kinh tế và văn hóa, xã hội của Nhà nước, nhằm góp phần đẩy mạnh sản xuất, tổ chức tốt đời sống nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chống mọi âm mưu chia rẽ và mọi thủ đoạn lợi dụng của bọn đế quốc và phản động quốc tế.

Quản lý chính trị — xã hội bao gồm nhiều nội dung và nhiều phương hướng hoạt động cụ thể do nhiều cơ quan quản lý thực hiện. Nhưng, vấn đề mấu chốt, có tính chất chung, là củng cố mối liên hệ giữa Nhà nước và nhân dân lao động, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên cơ sở giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Quản lý chính trị — xã hội là nhằm giải quyết tốt những quan hệ chính trị — xã hội, trong đó, đáng chú ý nhất là quan hệ giai cấp. Ở nước ta hiện nay, nói đến quan hệ giai cấp, chủ yếu là quan hệ giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Đối tượng quan trọng của quản lý chính trị — xã hội của ta hiện nay là *củng cố liên*

Digitized by Google

minh công nông. Củng cố liên minh công nông là cơ sở để giải quyết tốt nhiều mối quan hệ xã hội khác, vì liên minh công nông là cơ sở xã hội vững chắc của chuyên chính vô sản và của toàn bộ hệ thống quản lý xã hội; toàn bộ việc tổ chức và quản lý Nhà nước từ trên xuống dưới đều phải dựa trên cơ sở của liên minh đó.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, liên minh công nông đã hình thành từ nửa thế kỷ qua, mang tính truyền thống tốt đẹp, đã được thử thách qua đấu tranh cách mạng lâu dài, không ngừng được củng cố và là sức mạnh vô địch quyết định thắng lợi của cách mạng. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, không có mối quan hệ nào lại thể hiện một sự tác động qua lại thường xuyên về kinh tế, chính trị và tư tưởng như quan hệ công nông. Đảng ta rất chú trọng tăng cường sự lãnh đạo đối với khối liên minh công nông.

Cơ sở để củng cố liên minh công nông là sự phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, sự giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa khu vực kinh doanh của Nhà nước và khu vực sản xuất tập thể và cá thể của nông dân, là việc đáp ứng một cách thích đáng cả ba lợi ích: lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Giải quyết đúng đắn quan hệ giữa ba lợi ích ấy không phải chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị. Trong vấn đề này, vai trò của Nhà nước thật là quan trọng.

Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng tạo mọi điều kiện cần thiết để công nhân và nông dân thật sự có quyền làm chủ về chính trị, kinh tế và văn hóa, xã hội. Nhiều phương hướng hoạt động kinh tế đã được mở ra nhằm phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Số vốn của Nhà nước bỏ vào nông nghiệp khá lớn. Gần đây nhiều chính sách, chủ trương đã được xem xét lại, được bổ sung, sửa đổi nhằm kích thích sản xuất và giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và của các tập thể lao động trong công nghiệp và nông nghiệp.

Tuy vậy, trong quan hệ công nông hiện nay có nhiều vấn đề mới phát sinh cần được giải quyết tốt để tăng cường liên minh công nông.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện và triệt để nhất trong lịch sử, vì vậy, phải kinh qua nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi ý chí tự giác hy sinh của giai cấp công nhân, nhất là trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng đó. Ở Liên-xô chẳng hạn, sau Cách mạng Tháng Mười, giai cấp công nhân đã từng chịu đựng tình trạng thiếu thốn kéo dài nhiều năm, chịu đựng nhiều hơn bất cứ tầng lớp nhân dân nào khác. Lê-nin và Đảng cộng sản bôn-sê-vích đã làm cho giai cấp công nhân hiểu rõ rằng sự hy sinh của họ có ý nghĩa rất cao quý vì đó là hy sinh cho sự tồn tại của chính quyền công nông, cho thắng lợi của sự nghiệp chung là giải phóng những người lao động. Ở nước ta hiện nay, tuyệt đại bộ phận công nhân, viên chức, chiến sĩ quân đội đã và đang biểu hiện tinh thần chịu đựng, sự hy sinh vì lợi ích chung của toàn xã hội, vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ý thức tự giác chịu đựng đó cần được củng cố và cần được phát huy một cách mạnh mẽ, biến thành nguồn sức mạnh động viên, thúc đẩy mọi người vượt qua khó khăn, thiếu thốn trước mắt để vươn tới.

Từ 20 năm nay, nông dân miền Bắc đã đi vào con đường làm ăn tập thể. Giai cấp nông dân tập thể ở miền Bắc chiếm trên 90% và ở miền Nam chiếm 20% tổng số hộ nông dân. Nhìn chung cả nước, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp về căn bản

Digitized by Google

đã được xác lập, song không phải mọi việc đã êm đẹp. Những nhận thức không đúng về lối làm ăn tập thể, về hợp tác hóa nông nghiệp còn biểu hiện ở nhiều nơi, nhất là khi sản xuất gặp khó khăn. Vì vậy, vẫn rất cần thiết làm cho nông dân hiểu sâu sắc rằng tiếp tục cùng với giai cấp công nhân đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất bảo đảm cho họ vĩnh viễn thoát khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột và có được một tương lai tốt đẹp.

Để củng cố liên minh công nông, nhiệm vụ của Đảng ta và Nhà nước ta là tiếp tục vận động số hộ nông dân cá thể còn lại ở miền Nam đi vào con đường tập thể theo những bước đi thích hợp; đồng thời không ngừng củng cố quan hệ sản xuất mới đã được hình thành trên phần lớn nông thôn nước ta, không ngừng cải tiến công tác quản lý các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Để mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam, cần đánh giá đúng đắn người nông dân cá thể, chủ yếu là người trung nông, vững tin vào khả năng vận động họ đi vào con đường làm ăn tập thể, và có phương pháp vận động họ một cách thấu tình đạt lý. Như chúng ta đã biết, giai cấp công nhân và nông dân lao động đều có nguyện vọng xóa bỏ triệt để chế độ người bóc lột người, đều muốn phát triển sản xuất và nâng cao đời sống. Người nông dân Việt-nam, được sự dìu dắt của Đảng suốt nửa thế kỷ qua, ngày càng trưởng thành qua quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc, càng biểu lộ sự gắn bó chặt chẽ với lý tưởng của giai cấp công nhân. Đó là mặt thống nhất và là mặt cơ bản trong quan hệ công nông. Mặt khác, giữa giai cấp công nhân và nông dân cũng có mâu thuẫn nhưng không phải là mâu thuẫn đối kháng, mà chỉ là mâu thuẫn về nhận thức, về sự lựa chọn phương hướng để thực hiện những yêu cầu cơ bản đó. Ở nơi nào có sự lãnh đạo đúng đắn của các tổ chức Đảng, có sự quản lý đúng đắn của các cơ quan Nhà nước thì ở đó mâu thuẫn nói trên được giải quyết thỏa đáng, tốt đẹp.

Một số địa phương ở miền Nam, trong 5 năm qua, do nhận thức đúng, có cách làm đúng, đã xây dựng được một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ngày càng vững mạnh, ngày càng phát huy tác dụng tốt, khẳng định tính ưu việt của lối làm ăn tập thể. Song, bên cạnh những thắng lợi đó, có nơi, có lúc các hợp tác xã nông nghiệp, các tập đoàn sản xuất đã được tổ chức theo lối «đánh trống ghi tên», hoặc bằng cách cưỡng bức, thiếu công phu tuyên truyền giáo dục. Các nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ không được tôn trọng. Tình trạng thiếu chuẩn bị về mặt nhận thức tư tưởng, về mặt cán bộ, v.v. đã khiến cho một số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp sau khi thành lập đã dẫm chân tại chỗ, không phát triển được, hoặc bị tan vỡ. Ở miền Bắc, một số nơi có hiện tượng buông lỏng quản lý hợp tác xã nông nghiệp khiến cho lợi ích vật chất và quyền làm chủ tập thể của xã viên bị vi phạm. Những hiện tượng tiêu cực đó ảnh hưởng xấu đến việc củng cố liên minh công nông, cần sớm được khắc phục. Về góc độ quản lý chính trị — xã hội mà xét, việc củng cố, cải tiến, hợp lý hóa quản lý phân phối, lưu thông của Nhà nước đang là một đòi hỏi cấp bách nhằm phục vụ tốt hơn cho sản xuất, cho đời sống nhân dân, cho nhiệm vụ quốc phòng, cho yêu cầu củng cố liên minh công nông. Phân phối, lưu thông là cái gạch nối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa khu vực kinh tế Nhà nước và khu vực kinh tế tập thể, giữa giai cấp công nhân và nông dân, giữa lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích của người

Digitized by Google

lao động. Thế nhưng, khâu quản lý phân phối, lưu thông hiện nay của ta lại đang có những nhược điểm, thiếu sót đáng kể dẫn đến những hậu quả chính trị — xã hội không tốt. Phần lớn tệ tham ô, hối lộ, móc ngoặc, cửa quyền, vô trách nhiệm, v.v. nảy sinh trong khâu phân phối, lưu thông. Việc tích cực phát hiện và nghiêm khắc trừng trị những tên ăn cắp tài sản của Nhà nước được nhân dân ta rất đồng tình vì đó là việc làm hoàn toàn phù hợp với lợi ích và ý muốn của họ. Đi đôi với việc đó, cần kiên quyết phát hiện và kịp thời xử lý thích đáng những người có chức, có quyền trong lĩnh vực quản lý phân phối, lưu thông do quan liêu, vô trách nhiệm đã gây ra tình trạng lãng phí hoặc tạo điều kiện cho tệ ăn cắp nảy sinh, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, làm cho đời sống của nhân dân đã khó khăn lại càng khó khăn thêm. Phát hiện những phần tử ấy khó khăn hơn nhiều so với việc phát hiện những bọn lưu manh, ăn cắp. Nhưng đó là việc cần làm một cách kiên quyết để cho bộ máy Nhà nước ta được trong sạch, vững mạnh. Hiện nay, một trong những điều mong muốn của nhân dân ta đối với Nhà nước là, cán bộ, viên chức Nhà nước, trong khi không ngừng phấn đấu trở thành những người quản lý thông thạo, phải là những người có công tâm, liêm khiết và có đầy đủ trách nhiệm trước nhân dân. Kiên quyết loại trừ bọn sâu mọt và bọn lười biếng trong bộ máy Nhà nước, nhất là trong bộ máy quản lý phân phối, lưu thông là đáp ứng một cách thiết thực lòng mong muốn ấy của nhân dân, là bảo vệ uy tín của Nhà nước, lợi ích và quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, là tăng thêm hiệu lực công tác quản lý chính trị — xã hội của Nhà nước ta nhằm phục vụ tốt những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng trong giai đoạn hiện nay.

Digitized by Google

XÂY DỰNG VĂN HÓA – THÔNG TIN CẤP HUYỆN

NGUYỄN-VĂN-HIẾU

XÂY dựng huyện và tăng cường cấp huyện là một cách giải quyết sáng tạo của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vai trò của cấp huyện ngày càng được thể hiện một cách rõ nét, với tính cách là cấp quản lý toàn diện về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng. Để góp phần xây dựng cái mô hình chung ấy ngày càng thêm hoàn chỉnh và vững mạnh, ngành văn hóa - thông tin phải xây dựng cái gì và xây dựng như thế nào?

Qua thực tiễn hoạt động xây dựng văn hóa – thông tin cấp huyện, nổi lên mấy vấn đề mấu chốt sau đây:

Xây dựng văn hóa – thông tin cấp huyện thực chất là xây dựng một nền tảng cho hoạt động văn hóa – thông tin trong huyện, bao gồm thị trấn của nó và tất cả các điểm dân cư trong các làng, xã của huyện đó.

Xây dựng nền tảng cho hoạt động văn hóa – thông tin trong huyện là tạo ra những tiền đề, điều kiện cơ bản, bảo đảm tính vững chắc cho hoạt động văn hóa – thông tin trong huyện, để chủ động thực hiện và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân về văn hóa, nhằm phát huy sức mạnh của văn hóa – thông tin, tác động tích cực đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện. Nó là một biện pháp có tính chất chiến lược, một khâu quan trọng của quá trình xây dựng nông thôn mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng nền tảng văn hóa – thông tin ở cấp huyện là xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức, xây dựng phong trào, xây dựng cơ sở vật chất cho văn hóa – thông tin. Ba mặt này có mối quan hệ khăng khít và tác động tích cực lẫn nhau. Mỗi mặt này vừa là kết quả, vừa là nguyên nhân và là tiền đề của hai mặt kia. Muốn phong trào văn hóa – thông tin phát triển tốt, phải củng cố bộ máy tổ chức, hoạt động, và phải có cơ sở vật chất thích ứng cho hoạt động văn hóa – thông tin. Bộ máy tổ chức vững mạnh là điều kiện thuận lợi để giữ vững, phát triển phong trào và phát huy tốt hiệu quả của cơ sở vật chất.

Củng cố bộ máy tổ chức của ngành ở huyện là nhằm bảo đảm năng lực làm tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền ở huyện trong việc lập kế hoạch, xây dựng những chỉ tiêu phát triển văn hóa – thông tin, đề ra được những chủ trương công tác thích hợp, cụ thể, và nhằm tăng thêm năng lực chỉ đạo, tổ chức và điều hành các mặt công tác, các hình thức hoạt động văn hóa – thông tin trên địa bàn huyện.

Tình hình phổ biến hiện nay là bộ máy văn hóa – thông tin ở huyện chưa ổn định, chưa bảo đảm cơ cấu cần thiết tối thiểu, công tác tổ chức chưa phát triển kịp phong trào, chưa đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của quần chúng trong

Digitized by Google

huyện. Ở đây có quan niệm chưa rõ ràng về biên chế tổ chức. Trong tổ chức bộ máy văn hóa — thông tin ở huyện cần có sự phân biệt giữa các đơn vị quản lý, sự nghiệp và kinh doanh. Việc giảm biên chế thực hiện chủ yếu ở bộ phận hành chính, quản trị. Đối với bộ phận sự nghiệp như nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, đội thông tin lưu động... thì từng bước tăng cường cán bộ một cách thích đáng, nhất là cán bộ cho nhà văn hóa và đội thông tin lưu động của huyện.

Ở tất cả các xã trong huyện đều phải có ban văn hóa để giúp ủy ban nhân dân xã vạch ra kế hoạch hoạt động và điều hành công tác văn hóa — thông tin trong toàn xã. Các tổ chức văn hóa — thông tin như đội thông tin cơ sở, đội văn nghệ, thư viện hoặc phòng đọc sách... cần được gắn vào tổ chức hợp tác xã, dựa hẳn vào tổ chức kinh tế mà hoạt động, như thế vừa bám chắc được nhiệm vụ sản xuất, vừa có chế độ, chính sách, ngân sách dài thọ.

Để khắc phục tình trạng thiếu cán bộ và sự non yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoài nguồn cung cấp cán bộ từ trên xuống, với sự giúp đỡ của trung ương và tỉnh, các huyện cần ra sức đào tạo cán bộ tại chỗ là chủ yếu. Từ trong các hoạt động văn hóa — thông tin phong phú của quần chúng, xuất hiện nhiều người có nhiệt tình và năng lực sáng tạo văn hóa, đó là nguồn bổ sung cán bộ quan trọng, thiết thực. Chỉ có dựa chủ yếu vào đó mới đáp ứng kịp đòi hỏi của phong trào và đưa sự nghiệp văn hóa — thông tin ở huyện phát triển nhanh, mạnh.

Vì sao phải *xây dựng phong trào* văn hóa — thông tin ở cấp huyện? Những yếu tố gì cần có để bảo đảm cho phong trào phát triển tốt?

Thực tiễn đã chứng minh: thắng lợi của mọi sự nghiệp cách mạng đều gắn chặt với phong trào quần chúng. Hoạt động văn hóa — thông tin ở cơ sở do quần chúng trực tiếp tiến hành, và chỉ có thể đạt kết quả tốt khi có sự tự nguyện tham gia của đông đảo quần chúng. Thật khó mà hình dung được kết quả của việc xây dựng nếp sống mới và gia đình văn hóa mới, nếu như chúng ta không tạo ra được một phong trào quần chúng. Kinh nghiệm của nhiều huyện cho thấy: hoạt động văn hóa — thông tin càng trở thành phong trào quần chúng thì càng phát huy được tác dụng thiết thực của nó đối với việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, và càng phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Các phong trào văn hóa — thông tin sôi nổi có tác dụng thúc đẩy các phong trào cách mạng khác, tạo nên khí thế thi đua liên tục. Phong trào văn nghệ quần chúng, phong trào đọc sách, báo, nghe đài, làm theo sách, đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào sản xuất, phong trào thi đua làm nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ lương thực... Ở nhiều huyện, ngày hội văn hóa hòa quyện với ngày hội sản xuất trong các chiến dịch làm thủy lợi, cấy, cày... đã gây được khí thế thi đua hăng hái, sôi nổi, tạo nên năng suất lao động cao, góp phần giải quyết nhanh chóng nhiều công việc lớn của địa phương.

Muốn xây dựng được phong trào một cách sâu rộng và vững chắc, trước hết phải xác định đúng mục tiêu và nội dung của nó. Phong trào văn hóa — thông tin càng gắn chặt với nhiệm vụ chính trị mà quần chúng đang thực hiện, và đáp ứng nhu cầu, lợi ích thiết thực của quần chúng, thì càng phát triển nhanh chóng, vững mạnh và liên tục. Thí dụ: phong trào xây dựng nếp sống mới gắn với cuộc vận động chống tiêu cực, phong trào đọc sách, báo gắn với việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất... Vấn đề quan trọng là phải phát huy ý thức làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao tinh thần chủ động,

Digitized by Google

sáng tạo, ý thức tự giác và trách nhiệm của họ đối với phong trào. Khi phát động phong trào, cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và các cán bộ làm công tác văn hóa — thông tin ở huyện cần có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên và liên tục. Phong trào phát triển tốt là kết quả tổng hợp của nhiều biện pháp chỉ đạo, của nhiều lực lượng tham gia. Vì vậy, những người chỉ đạo phong trào phải tổ chức tốt việc phối hợp hành động và phải xây dựng *lực lượng nòng cốt* cho từng phong trào. Chẳng hạn, trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới, lực lượng nòng cốt phải là đoàn thể phụ nữ; trong phong trào văn nghệ quần chúng, lực lượng nòng cốt phải là thanh niên. Muốn có sự phát triển tốt đẹp, phong trào còn đòi hỏi phải có những cơ sở vật chất văn hóa — thông tin nhất định.

Có thể nói *xây dựng cơ sở vật chất văn hóa — thông tin* là dựng lên một cái giàn để cho hoạt động văn hóa — thông tin có chỗ leo cao và nở hoa, kết quả. Hoạt động văn hóa — thông tin — nói một cách khác là « lao động văn hóa — thông tin » — chỉ có thể đạt được kết quả tốt, đáp ứng được nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của quần chúng khi nó có công cụ, phương tiện để thực hiện. Chẳng hạn, việc đọc sách và phong trào đọc sách báo, làm theo sách, báo, đài của quần chúng không thể đạt hiệu quả cao, khi không có thư viện hoặc phòng đọc sách với những sách, báo cần thiết, khi không có hệ thống truyền thanh với những loa, đài tối thiểu của nó.

Nhận rõ nhu cầu về đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân, nhận thức đúng tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở vật chất, cho hoạt động văn hóa — thông tin, nhiều huyện đã làm tốt việc này.

Ở đây có vấn đề đặt ra là: trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, việc xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa — thông tin nên đặt ra như thế nào là thích đáng? Cách làm của những huyện đạt kết quả tốt về mặt này là một giải đáp sinh động đối với quá trình xây dựng cơ sở vật chất theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng: « *Việc xây dựng các cơ sở vật chất nói trên (cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa — thông tin) chủ yếu phải dựa vào lao động của hợp tác xã, của địa phương, ngân sách địa phương, có sự đầu tư cần thiết* ».

Thực hiện phương châm « *Nhà nước và nhân dân cùng làm* », nhiều nơi có những biện pháp sáng tạo. Có nơi cán bộ thoát ly góp một ngày lương để xây nhà bảo tàng huyện (Tam-kỳ), có nơi nhân dân đóng góp gạch, tre xây nhà bảo tàng, thư viện huyện (Hải-hậu), hoặc có nơi góp công lao động xã hội chủ nghĩa xây dựng nhà văn hóa (Đông-hưng). Tạo ra những cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa — thông tin không nhất thiết phải là xây dựng mới, mà có thể tận dụng những cơ sở vật chất sẵn có. Nhiều nơi, đặc biệt là các quận, huyện của các tỉnh miền Nam, đã sửa chữa nhiều cơ sở vật chất cũ thành những công trình văn hóa tốt. Thí dụ: huyện Thủ-đức đã sửa chữa một trường dòng cũ của Nhà chung cho thành nhà văn hóa tương đối lớn; trung tâm văn hóa huyện Sông-lô hình thành chủ yếu cũng do cải tạo và sử dụng các cơ sở cũ. Tùy điều kiện của từng nơi mà có thể bắt đầu xây dựng công trình văn hóa nào đó trước, không nhất thiết phải xây dựng đồng bộ mọi cái một lúc. Việc xây dựng các công trình văn hóa có thể tiến hành từng bước, nhưng phải có quy hoạch nằm trong quy hoạch tổng thể của huyện.

Do vai trò của cấp huyện hiện nay, huyện lỵ trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của toàn huyện cho nên mỗi huyện cần từng

Digitized by Google

bước tạo ra những công trình văn hóa thiết yếu, tiến tới hình thành trung tâm văn hóa huyện. Trung tâm văn hóa này đóng vai trò chỉ đạo và điều hành các hoạt động văn hóa — thông tin trên toàn huyện, là nơi tập trung các điều kiện để thỏa mãn những nhu cầu văn hóa của nhân dân; là trung tâm giao lưu, các sinh hoạt văn hóa của các tầng lớp nhân dân trong huyện. Những hoạt động văn hóa từ đây cũng tỏa ra và tác động xuống mạng lưới văn hóa — thông tin trong huyện. Trong trung tâm này, công trình then chốt cần ưu tiên xây dựng là nhà văn hóa huyện. Nó là nơi hướng dẫn nghiệp vụ về các mặt hoạt động văn hóa — thông tin quần chúng, cho các cơ sở, đồng thời là nơi trực tiếp tổ chức những hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phục vụ cán bộ và nhân dân. Ở xã và cấp tương đương như phường, tiểu khu, các khu tập thể công nhân viên chức, các xí nghiệp, công trường, nông trường,..., không xây dựng trung tâm văn hóa, bởi vì nói đến trung tâm là nói đến tính hoàn chỉnh của nó, mà ở xã, phường thì không đủ điều kiện để xây dựng và quản lý một trung tâm văn hóa. Tùy theo khả năng của mình, mỗi xã, phường có thể xây dựng một số cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân như nhà văn hóa, câu lạc bộ, phòng truyền thống, thư viện hoặc phòng đọc sách...

Xây dựng và củng cố được bộ máy làm công tác văn hóa — thông tin vững mạnh, gây dựng được các phong trào văn hóa — thông tin, và tạo ra được những cơ sở vật chất tương ứng là xây dựng được một nền tảng văn hóa — thông tin vững chắc ở cơ sở, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức và sáng tạo văn hóa của nhân dân, tạo nên một đời sống tinh thần tươi vui lành mạnh, góp phần đắc lực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở.

★

Trong điều kiện kinh tế chưa phát triển, việc xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa — thông tin ở cấp huyện tất yếu gặp nhiều khó khăn, song thực tiễn đã chứng minh là chúng ta thực hiện được. Nhiều nơi đời sống vật chất chưa thể nâng lên nhanh chóng, vẫn tạo ra được một cuộc sống văn hóa, tinh thần tương đối phong phú và lành mạnh, đem lại niềm vui và hạnh phúc thật sự cho nhân dân. Nhiều tỉnh và thành phố đã xây dựng được những điển hình tốt về văn hóa — thông tin cấp huyện như Hải-hậu, Hưng-hà, An-nhơn, Đắc-tô, Thủ-đức, Thốt-nốt..., tiêu biểu là huyện Hải-hậu. Hải-hậu đã tích cực phấn đấu xây dựng được một nền tảng văn hóa — thông tin ở cơ sở tương đối vững chắc và đồng đều trên khắp địa bàn huyện, tạo ra một hình mẫu bước đầu về văn hóa — thông tin cấp huyện, phát huy được tác dụng to lớn của hoạt động văn hóa — thông tin đối với sản xuất, xây dựng quốc phòng và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân trong toàn huyện.

Cái gì vừa là lực đẩy, vừa là nguyên nhân của những thành quả bước đầu về văn hóa — thông tin mà các điển hình tiên tiến về mặt này đã đạt được? Đó chính *là quá trình liên tục phát huy hoạt động của cơ chế và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, biểu hiện tập trung ở mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.*

Có thể nói: hầu hết những thắng lợi cơ bản của sự nghiệp văn hóa thông tin mà các huyện đã đạt được đều bắt nguồn từ việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể này lại thể hiện một cách tập trung ở sự làm chủ của *nhân dân* lao động, chủ yếu bằng *Nhà nước*, dưới sự lãnh đạo của *Đảng*. Vì vậy, để thúc đẩy sự nghiệp phát triển văn hóa — thông tin ở huyện, phải xây dựng cho được mối quan

(Xem tiếp trang 28)

Digitized by Google

Khâu then chốt trong công tác phát thẻ đảng viên

VŨ-OANH

THỰC tế các đợt phát thẻ đảng viên vừa qua chứng tỏ *khâu then chốt trong công tác phát thẻ đảng viên là khâu nhận xét, phân loại đảng viên.* Có nhận xét, phân loại đảng viên thật rõ ràng, chính xác thì mới bảo đảm được yêu cầu « thẻ đảng viên chỉ phát cho những đảng viên có đủ tư cách đảng viên và làm tròn nhiệm vụ đảng viên » như chỉ thị của Ban bí thư đã quy định.

Theo sự chỉ đạo của Ban bí thư, mỗi chi bộ, đảng bộ phân đảng viên thành ba loại : loại đủ tư cách được nhận thẻ đảng viên ; loại còn khuyết điểm tương đối nặng cần phải xử lý kỷ luật thích đáng và để một thời gian giáo dục, sửa chữa khuyết điểm, hoặc có vấn đề thuộc về tư cách đảng viên cần xem xét nhưng chưa có thể kết luận ngay được ; loại không đủ tư cách đảng viên cần đưa ngay ra khỏi Đảng.

Nhận xét, phân loại đảng viên thật rõ ràng, chính xác, có những kết luận đúng đắn về tư cách đảng viên hoàn toàn không phải là vấn đề đơn giản.

Để làm tốt việc đó, trước hết các tổ chức cơ sở Đảng cần *nắm vững những yêu cầu về tư cách đảng viên.*

Tư cách đảng viên bao gồm những điều cơ bản mà đảng viên cần phải có. Những điều đó đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng quy định. Ban tổ chức trung ương Đảng cũng đã có hướng dẫn cụ thể việc nhận xét, phân loại đảng viên Có thể tóm tắt như sau :

Những người đủ tư cách đảng viên là những người « — có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tuyệt đối trung thành với cách mạng, tự nguyện suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ; — có hiểu biết nhất định về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực đảm nhiệm công việc được giao, có năng lực lãnh đạo quần chúng và góp phần vào công tác lãnh đạo của tổ chức Đảng ; — tôn trọng và ra sức góp phần xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng ; — chăm lo xây dựng Đảng, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có tinh thần tự phê bình và phê bình, bảo vệ Đảng, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất của Đảng ; — nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế của Đảng » (1).

Mỗi đảng viên phải tích cực phấn đấu theo những quy định nói trên. Song, trong tình hình thực tế hiện nay, người đảng viên đủ tư cách phải

(1) Xem « Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng » do đồng chí Lê-Đức-Thọ, Ủy viên Bộ chính trị trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

có những biểu hiện: có trình độ giác ngộ chính trị cần thiết, có lập trường rõ ràng và kiên định, tha thiết với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nhận rõ bạn thù, nhất là nhận rõ kẻ thù trực tiếp hiện nay là bọn bành trướng Bắc-kinh, tích cực đấu tranh chống bọn bành trướng Bắc-kinh, bọn đế quốc và tay sai của chúng. Có ý thức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt giữa nước ta với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, bảo vệ tình hữu nghị vĩ đại và sự hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác,... Tóm lại, những người đủ tư cách đảng viên là những người về nhận thức, tư tưởng và hành động phải thể hiện được tính tiên phong cách mạng; có tác dụng lãnh đạo quần chúng và có tinh thần phục vụ quần chúng; được đại bộ phận đảng viên và quần chúng tốt thừa nhận. Người đủ tư cách đảng viên vẫn có thể có những khuyết điểm, sai lầm, nhưng không phải là nghiêm trọng đến mức mất bản chất người đảng viên.

Những người không đủ tư cách đảng viên cần đưa ngay ra khỏi Đảng là:

— Những người phạm tiêu chuẩn về chính trị, những phần tử tiếp tay cho kẻ thù chống lại cách mạng, những đảng viên không tỏ rõ thái độ chống lại bọn bành trướng Bắc-kinh;

— Những người có hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, vô trách nhiệm nặng; những người gây chia rẽ, bè phái nghiêm trọng; những cán bộ có chức, có quyền mà đã thoái hóa biến chất; những phần tử ăn cắp, hối lộ, trù dập người tốt, ức hiếp quần chúng, không chấp hành hay cố tình làm sai chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước như: không chịu làm nghĩa vụ quân sự, không chịu vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nếu như ở nơi đó có sản xuất tập thể; chiếm ruộng đất, thuê nhân công có tính chất bóc lột, hùn vốn kinh doanh lấy lãi theo kiểu tư sản, tổ chức Đảng đã yêu cầu chấm dứt mà không sửa chữa...;

— Những người sa sút ý chí chiến đấu cách mạng, không chấp hành nhiệm vụ được giao, không còn tác dụng lãnh đạo quần chúng, không còn tín nhiệm trong quần chúng, không hơn quần chúng bình thường;

— Những người giác ngộ chính trị quá thấp, đã qua giáo dục mà không tiến bộ;

— Những người bỏ sinh hoạt Đảng không có lý do chính đáng.

Những người phải để lại giáo dục một thời gian (không quá sáu tháng) là những người phạm khuyết điểm đã bị thi hành kỷ luật nhưng chưa đến mức phải khai trừ ra khỏi Đảng; những người trước đây đã có thành tích trong sản xuất, chiến đấu và công tác, có cống hiến cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc, nay chuyển sang điều kiện, hoàn cảnh công tác mới, trên nhiều mặt không thể hiện được vai trò tiên phong, gương mẫu của người đảng viên nhưng nếu được giáo dục, giúp đỡ vẫn còn khả năng phấn đấu tốt; những người trình độ giác ngộ chính trị thấp nhưng vẫn thiết tha với Đảng và có triển vọng phấn đấu trở thành đảng viên tốt. Hết thời gian sáu tháng phải xem xét lại ngay, nếu đảng viên đó vẫn không tiến bộ thì đưa ra khỏi Đảng.

Có nắm vững được những yêu cầu về tư cách đảng viên một cách cụ thể như vậy, các chi bộ, đảng bộ mới có thể nhận xét, phân loại đảng viên được rõ ràng, chính xác, khắc phục được những biểu hiện lệch lạc khi hữu, khi "tả" do nhận thức không đầy đủ về tư cách đảng viên.

Để tiến hành nhận xét, phân loại đảng viên được rõ ràng, chính xác, còn *phải thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng.*

Digitized by Google

Mỗi đảng viên phải dựa trên yêu cầu về chức trách, nhiệm vụ của mình, đối chiếu với tiêu chuẩn đảng viên mà tự kiểm điểm một cách nghiêm túc trước toàn thể chi bộ; từ đó tự xác định xem mình có đủ tư cách đảng viên hay không. Chi bộ cần góp ý kiến một cách đầy đủ, thẳng thắn với tinh thần đồng chí về những ưu điểm, khuyết điểm của từng đảng viên và biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín để xác định tư cách của người đảng viên ấy.

Việc tự phê bình và phê bình nên tiến hành theo thứ tự: các cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt từng đơn vị kiểm điểm trước, sau đó mở rộng tới toàn thể đảng viên. Thực tiễn cho thấy, các đồng chí cấp ủy viên, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong từng ngành, từng cấp, từng đơn vị có nêu gương tốt về tự phê bình và phê bình thì việc tự phê bình và phê bình trong toàn chi bộ, đảng bộ mới đạt được kết quả tốt.

Khi tự phê bình và phê bình cần khắc phục khuynh hướng làm lướt. Có nơi, cấp ủy cho việc phát thẻ đảng viên là công tác nghiệp vụ, hành chính, tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên trong Đảng, việc nhận xét phân loại đảng viên đã tiến hành khi thực hiện chỉ thị 72 của Ban bí thư rồi, vì vậy lần này không cần làm kỹ nữa. Do quan niệm như vậy cho nên đã xảy ra tình trạng làm lướt, tự phê bình và phê bình không nghiêm túc, có hiện tượng cảm tình, nể nang, dễ dãi, châm chước cho nhau về tiêu chuẩn đảng viên, dẫn đến hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, và quyết định: tất cả đảng viên trong chi bộ đều đủ tư cách đảng viên. Bên cạnh khuynh hướng ấy, lại có khuynh hướng biến các buổi sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong chi bộ để nhận xét phân loại đảng viên thành các buổi đấu đá nhau, dìm nhau, dẫn đến hậu quả là một số đồng chí đáng lẽ đủ điều kiện được phát thẻ đảng viên nhưng không được nhận thẻ Đảng.

Tự phê bình và phê bình phải đạt được yêu cầu là đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm của từng đảng viên, giáo dục đảng viên, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng. Tự phê bình và phê bình không phải chỉ là để tìm ra khuyết điểm, sai lầm, mà còn là để nâng cao nhận thức, phát triển trí tuệ của đảng viên.

Tự phê bình và phê bình tốt sẽ giúp cho việc nhận xét, phân loại đảng viên được rõ ràng, chính xác; giúp cho đảng viên có phương hướng khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của mình. Vì vậy, các tổ chức cơ sở Đảng cần làm thật tốt việc chuẩn bị, làm thật tốt việc lãnh đạo tư tưởng trong chi bộ, cũng như đối với từng đảng viên trước khi tổ chức tự phê bình và phê bình.

Chuẩn bị tốt và tổ chức tốt cho *quần chúng tham gia góp ý kiến phê bình đảng viên, xác định tư cách đảng viên* cũng là một biện pháp quan trọng để nhận xét, phân loại đảng viên được rõ ràng, chính xác.

Tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng là một vấn đề có tính nguyên tắc, là một phương châm xây dựng Đảng của Đảng ta. Tư cách đảng viên chỉ có thể được kiểm tra, kết luận chính xác khi có sự tham gia của đông đảo quần chúng cộng với sự phê bình, phân tích, kết luận của tổ chức Đảng.

Do tầm quan trọng của công tác phát thẻ đảng viên nên việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến phê bình đảng viên, xác định tư cách đảng viên phải được sự chỉ đạo chặt chẽ, chu đáo và công phu của các cấp ủy. Phải tuyệt đối tránh tư tưởng coi thường ý kiến của quần chúng, tổ chức lấy ý kiến của quần chúng một cách hình thức; không nghiêm túc xem xét, nghiên cứu những ý kiến đóng

Digitized by Google

góp của quần chúng, hoặc ngại khó cho là đã lấy ý kiến phê bình của quần chúng nhiều lần rồi, nay không cần làm nữa. Mặt khác, cũng cần tránh khuynh hướng coi tất cả ý kiến của quần chúng đều đúng, xem nhẹ việc thẩm tra, xác minh những ý kiến chưa có đầy đủ căn cứ cụ thể, xem nhẹ những ý kiến kết luận của tổ chức Đảng.

Thực tiễn cho thấy nơi nào chuẩn bị tốt và tổ chức tốt cho quần chúng tham gia góp ý kiến phê bình đảng viên thì thu được những ý kiến đóng góp có chất lượng cao, giúp cho tổ chức Đảng nhận xét, phân loại đảng viên được chính xác. Chi bộ Châu-thành, huyện Châu-thành (Tây-ninh) có 16 đảng viên. Khi biểu quyết về tư cách đảng viên trong chi bộ, 16 đảng viên này đều được xếp vào loại đảng viên đủ tư cách. Nhưng sau khi lấy ý kiến của quần chúng bằng cách bỏ phiếu kín, quần chúng đã đề nghị xem xét lại tư cách đảng viên của 8 đồng chí với những lý do, chứng cớ rõ ràng, xác đáng. Huyện ủy Châu-thành đã kiểm tra lại và đã xác nhận 7 người trong số đó không đủ tư cách đảng viên. Đảng bộ Cảng Hải-phòng trong đợt đầu do chuẩn bị chưa tốt nên chỉ thu được 60 ý kiến của quần chúng phát biểu về tư cách đảng viên. Đảng ủy đã kịp thời rút kinh nghiệm, kiên quyết chỉ đạo chặt chẽ, cóphương thức thu thập ý kiến thích hợp với điều kiện công nhân sản xuất theo ca, kíp... cho nên đã động viên được 1700 người ngoài Đảng đóng góp ý kiến một cách sôi nổi, tích cực và có chất lượng tốt. Nhiều tổ chức cơ sở khác thuộc đảng bộ Hải-phòng như đảng bộ Nhà máy đóng tàu Tam-bạc, đảng bộ Công ty tàu cuốc, đảng bộ Khu phố Lê-Chân. . đã có nhiều suy nghĩ sáng tạo, có phương thức thu thập ý kiến của quần chúng một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện sản xuất, công tác từng nơi, phù hợp với từng loại đối tượng quần chúng. Nhiều địa phương, đơn vị khác trong cả nước cũng có những cách làm và kinh nghiệm phong phú trong việc tổ chức cho quần chúng tham gia góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên.

Tổ chức tốt cho quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên, chi bộ, đảng bộ không chỉ thu được những ý kiến phát hiện về sai lầm, khuyết điểm của đảng viên, mà còn thu được cả những ý kiến khẳng định ưu điểm, thành tích của đảng viên, bảo vệ uy tín của đảng viên trước sự tung tin, bịa đặt, xuyên tạc của những kẻ xấu.

Trong thời gian tới, các cơ sở Đảng cần làm tốt hơn nữa việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên. Cần làm cho quần chúng thấy lợi ích của họ gắn chặt với việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, đảng viên, gắn chặt với việc xây dựng tổ chức Đảng ở địa phương mình, đơn vị mình. Điều quan trọng là cần hướng dẫn quần chúng nắm được những điểm chính về tư cách đảng viên và những công việc chính mà từng đảng viên được giao để khi phê bình cán bộ, đảng viên và nhận xét sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, quần chúng có thể đóng góp được những ý kiến cụ thể, sâu sắc và có chất lượng. Khi tổ chức để quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên không nên chỉ chú ý về số lượng, về thành phần đại biểu tham gia, mà chủ yếu là lựa chọn những người có khả năng góp ý kiến xây dựng cho cán bộ, đảng viên. Cần động viên tinh thần tự giác của quần chúng và bảo đảm dân chủ thật sự, làm cho quần chúng tin tưởng và mạnh dạn góp ý kiến một cách thẳng thắn mà không sợ bị thành kiến, truy trù. Cấp ủy cần nghiên cứu một cách nghiêm túc những ý kiến đóng góp của quần chúng và trả lời quần chúng một cách đầy đủ về những ý kiến đó. Để bảo đảm cho quần chúng nói thẳng, nói thật, đồng thời để tránh mọi hiện tượng « trù úm » có thể xảy ra của cán bộ, đảng viên, việc tổ chức cho

Digitized by Google

quần chúng góp ý kiến nhận xét, phân loại đảng viên nên theo cách bỏ phiếu kín.

Sau khi đảng viên đã kiểm điểm, tự phê bình và phê bình ở chi bộ, và đã có ý kiến của quần chúng, chi bộ tiến hành phân loại đảng viên và báo cáo lên đảng ủy. Đảng ủy xem xét lại và báo cáo lên cấp ủy cấp trên xét duyệt. Nếu đảng ủy có những ý kiến khác với quyết định của chi bộ thì trao đổi lại với chi ủy, và sau khi trao đổi, nếu vẫn không nhất trí cũng phải báo cáo lên cấp trên những ý kiến khác nhau đó. Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng phải kịp thời kiểm tra, xem xét kỹ và *trực tiếp xét duyệt tư cách đảng viên*, bảo đảm cho việc nhận xét, phân loại đảng viên, đạt tới mức chính xác cao nhất. Những trường hợp nào chưa rõ phải tổ chức điều tra, xác minh ngay, không được bỏ qua hoặc để kéo dài. Ở một số địa phương, nhờ trực tiếp kiểm tra, xem xét và xét duyệt kỹ càng tư cách đảng viên, cấp ủy cấp trên đã có quyết định đúng để lại chưa phát thẻ cho một số đảng viên chưa đủ tư cách và phát thẻ cho những đảng viên đủ tư cách mà bị bỏ sót, sửa lại kịp thời những kết luận sai của tổ chức Đảng ở cơ sở.

Các cấp ủy có thẩm quyền xét duyệt tư cách đảng viên cần chống khuynh hướng đại khái, qua loa, quá tin vào những quyết định của cơ sở mà không tiến hành kiểm tra, xem xét lại. Đồng thời cũng cần chống khuynh hướng hoài nghi mọi kết luận của cơ sở, tiến hành việc kiểm tra xem xét một cách tràn lan, vừa mất thời giờ vừa không có lợi cho sự đoàn kết nội bộ trong các tổ chức Đảng.

Nắm vững những yêu cầu về tư cách đảng viên; đảng viên tự phê bình và phê bình trong chi bộ; lấy ý kiến của quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên; cấp ủy cấp trên xét duyệt — bốn bước công tác đó là một chỉnh thể bảo đảm cho việc nhận xét, phân loại đảng viên được rõ ràng, chính xác

---

Xây dựng văn hóa...

(Tiếp theo trang 23)

hệ đúng đắn giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Ba yếu tố này chỉ phát huy đầy đủ sức mạnh của chúng trong mối quan hệ gắn bó hết sức chặt chẽ trong một tổng thể. Vì vậy, thành công của sự nghiệp xây dựng văn hóa — thông tin cấp huyện chỉ có thể là sản phẩm của sự hoạt động có ý thức (được Đảng giác ngộ), có tổ chức (được Nhà nước chỉ đạo) và chủ động, sáng tạo của đông đảo quần chúng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Cải tiến kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa

TRẦN-DƯƠNG

ĐỂ làm tốt vai trò là một công cụ quan trọng bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa *phải có những chuyển biến mạnh mẽ trong việc cải tiến kinh doanh* nhằm thực hiện tốt những yêu cầu cụ thể và cấp bách sau đây :

Một là, trên cơ sở phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, cải tiến công tác lưu thông hàng hóa và hệ thống thu mua, lấy kế hoạch hóa làm chính, vận dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, kết hợp ba biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục, nhằm tập trung nguồn hàng vào Nhà nước.

Hai là, chấn chỉnh và tăng cường quản lý thị trường để góp phần khôi phục trật tự trong đời sống kinh tế, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và bảo đảm cho thương nghiệp quốc doanh làm chủ được thị trường xã hội.

Ba là, tổ chức tốt việc phân phối hàng hóa, góp phần ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, trước hết phải bảo đảm cung cấp hàng tiêu dùng thiết yếu cho công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang.

Giữa ba yêu cầu nói trên có mối quan hệ hữu cơ và sự gắn bó, tác động qua lại với nhau. Thu mua, bán ra và quản lý thị trường là ba việc làm không tách rời nhau trong công tác thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Muốn phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân, ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải *nắm nguồn hàng tận gốc và tổ chức bán hàng đến tay người tiêu dùng* theo đúng chính sách, đúng chế độ. Chỉ có tập trung được nguồn hàng vào Nhà nước và làm tốt việc bán hàng, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mới quản lý thị trường tận gốc, nắm trọn được quyền bán buôn, chi phối được bán lẻ, làm chủ được thị trường.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải *tập trung sức phấn đấu thực hiện bằng được những chỉ tiêu thu mua* của kế hoạch Nhà nước, đồng thời vận dụng linh hoạt quan hệ thị trường, tranh thủ *nắm thêm* một số sản phẩm sản xuất vượt mức kế hoạch và sản xuất ngoài kế hoạch để có thêm lực lượng hàng hóa đáp ứng các nhu cầu, nhất là một số mặt hàng thiết yếu phục vụ cho các bữa ăn, đã được Nhà nước cho mua thêm ngoài kế hoạch theo giá thỏa thuận như lợn thịt, đậu tương, trứng...

Đối với sản phẩm công nghiệp, ngành thương nghiệp thông qua việc thực hiện chế độ sản xuất theo hợp đồng và đơn đặt hàng của mình mà nắm nguồn hàng. Xí nghiệp sản xuất phải thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ giao nộp sản phẩm, không được bán sản phẩm ra ngoài. Trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cần áp dụng hình thức gia công đối với những mặt hàng dùng nguyên liệu quý, nguyên

Digitized by Google

liệu mà Nhà nước thống nhất quản lý, những mặt hàng mà nguyên liệu chiếm phần lớn giá trị hàng hóa; thực hiện rộng rãi phương thức bán nguyên liệu, mua sản phẩm theo chế độ « đấu thầu »

Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán phải nhanh chóng thay đổi cung cách làm ăn, tăng cường công tác thu mua, nắm nguồn hàng, bao gồm cả phần mua trong kế hoạch và phần mua ngoài kế hoạch, khắc phục những thiếu sót hiện nay là: có những công ty vẫn theo lối kinh doanh cũ, thụ động ngồi chờ hàng hoặc ngại khó, sợ trách nhiệm thủ thế trong phần kinh doanh theo kế hoạch, hoặc đã bắt đầu làm nhưng chưa thật sự đi sâu vào từng xí nghiệp để tìm hiểu khả năng và thông qua việc điều tra, nghiên cứu nhu cầu để có những đơn đặt hàng thích hợp với mỗi xí nghiệp.

Trong nông nghiệp, cần mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, tăng cường mối liên hệ giữa Nhà nước và nông dân, thông qua thị trường có tổ chức, kiên quyết loại trừ tư thương mua buôn và bán buôn ra khỏi thị trường nông thôn; thực hiện chính sách ổn định nghĩa vụ bán nông sản (rau, đay, cói, tơ tằm, chè, cà phê, đậu, lạc) của hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân và chính sách ổn định nghĩa vụ bán lợn thịt hoặc trâu bò thịt cho Nhà nước trong từng thời gian 5 năm. Ngoài phần sản phẩm bán theo mức nghĩa vụ ổn định, người sản xuất được tự do sử dụng phần còn lại; thương nghiệp quốc doanh nếu cần thì thu mua theo giá thỏa thuận. Ngành thương nghiệp cần thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều, gắn việc cung ứng tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng với việc mua nông sản.

Trong khi thực hiện chính sách thu mua, cần nắm vững ba loại lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động, đề cao nghĩa vụ của các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân trong việc bán nông sản, thực phẩm cho Nhà nước. Ba loại lợi ích nói trên thể hiện nghĩa vụ và quyền lợi của các đối tượng thực hiện chính sách, thể hiện quan điểm làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong chính sách. Nếu nhấn mạnh hay coi nhẹ một trong ba loại lợi ích ấy thì việc thực hiện chính sách thu mua sẽ gây ra nhiều lệch lạc, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và yêu cầu tập trung nguồn hàng vào Nhà nước. Ba loại lợi ích nói trên được biểu hiện tập trung ở cơ chế và phương thức thu mua của Nhà nước, *trước hết, là ở hệ thống giá thu mua* và *ở tỷ lệ huy động* quy định cho từng loại sản phẩm. Cơ chế và phương thức thu mua phải bảo đảm thực hiện bằng được những chỉ tiêu thu mua của kế hoạch Nhà nước về những mặt hàng trong phạm vi quản lý của Nhà nước, vì những mặt hàng này đều là những mặt hàng quan trọng đối với kinh tế và đời sống nhân dân. Phải coi phương thức thu mua trong kế hoạch và thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều là phương thức thu mua có ý nghĩa quyết định, nhưng không coi nhẹ phương thức thu mua ngoài kế hoạch *theo giá thỏa thuận* là một biện pháp hết sức quan trọng để bổ sung nguồn hàng cho Nhà nước. Cần đấu tranh chống các khuynh hướng lệch lạc như chỉ nhấn mạnh và chạy theo việc kinh doanh theo giá thỏa thuận, coi nhẹ việc thu mua theo kế hoạch, hoặc ngược lại, chỉ hạn chế trong phần kinh doanh trong kế hoạch mà không dám nghĩ, dám làm, trong việc mở rộng kinh doanh ngoài kế hoạch theo giá thỏa thuận. Ở miền Nam, những nơi còn sản xuất cá thể, chưa quy định mức nghĩa vụ bán nông sản cho Nhà nước và chưa ký được hợp đồng mua bán theo giá chỉ đạo thì tạm thời các tổ chức cung ứng vật tư và thương nghiệp của Nhà nước bán tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng

Digitized by Google

và cung ứng dịch vụ cho người sản xuất theo giá thỏa thuận : các tổ chức thu mua của Nhà nước mua nông sản của người sản xuất cũng theo giá thỏa thuận.

Về phân phối cho tiêu dùng, ngành thương nghiệp cần thấu suốt đầy đủ quan điểm làm chủ tập thể và bảo đảm cho mỗi thành viên xã hội được đáp ứng các nhu cầu của mình một cách công bằng, hợp lý, thuận tiện và ngày càng đầy đủ, phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động. Khi mỗi thành viên xã hội đã làm đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với xã hội, thì xã hội có trách nhiệm chăm lo bảo đảm tổ chức tốt đời sống của họ, đồng thời cũng hết sức chú trọng tăng dần phúc lợi tập thể, phúc lợi xã hội vì lợi ích của tất cả mọi người.

Thông qua công tác lưu thông hàng hóa, ngành thương nghiệp góp phần tích cực vào việc tổ chức đời sống xã hội và tác động mạnh mẽ đến các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội. Vai trò của ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa là làm cho sản phẩm xã hội đáp ứng tiêu dùng đúng hướng và đạt hiệu quả tốt, góp phần tích cực vào việc *ổn định thị trường, giá cả, giữ vững giá trị đồng tiền, cân đối thu chi ngân sách và tiền tệ, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân viên chức, ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân*. Trong thời gian tới, ngành thương nghiệp cần dựa vào quan điểm trên đây để cải tiến việc bán hàng tiêu dùng.

Trước mắt, cần bảo đảm cung cấp theo giá chỉ đạo một số mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu của công nhân, cán bộ, nông dân và những người có quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước, nhất là, bảo đảm cung cấp cho công nhân, cán bộ những mặt hàng thiết yếu một cách đều đặn theo định lượng hoặc theo phương thức thích hợp để ổn định đời sống của họ. Mặt khác, cần điều chỉnh lại diện mặt hàng cung cấp và tiêu chuẩn định lượng cho phù hợp với khả năng hiện thực trước mắt. Giảm bớt chế độ bao cấp đối với những người không có quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước, mở rộng mạng lưới dịch vụ để đấu tranh bình ổn giá thị trường. Cần cải tiến tổ chức và phương thức bán, bảo đảm hàng hóa đến tay người tiêu dùng, không bị lợi dụng, cắt xén ; tổ chức hai hệ thống cửa hàng thương nghiệp quốc doanh : một hệ thống chuyên lo việc cung cấp các mặt hàng thiết yếu theo định lượng và giá ổn định cho các đối tượng được cung cấp ; một hệ thống chuyên kinh doanh những mặt hàng ngoài diện và ngoài lượng cung cấp, có nhiệm vụ tích cực mở rộng kinh doanh phục vụ đời sống nhân dân và đấu tranh chống những hoạt động đầu cơ, phá rối thị trường, phát triển hệ thống thương nghiệp hợp tác xã kinh doanh những mặt hàng được Nhà nước cho phép theo giá bảo đảm kinh doanh.

Cần có chính sách phân phối và giá bán lẻ hàng tiêu dùng hợp lý, nhằm tác động vào việc phân phối sản phẩm, cũng như vào việc phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân. Công tác lưu thông hàng hóa vừa phải có những sửa đổi về chính sách, chế độ theo hướng kiên quyết bỏ dần *chế độ hành chính bao cấp, khắc phục tình trạng phân phối bình quân*, tập trung hàng hóa cao hơn cho các trọng tâm trọng điểm, thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động ; vừa phải cải tiến việc kế hoạch hóa công tác phân phối, lưu thông trên cơ sở cân đối sức mua của từng nơi và căn cứ vào mức đóng góp của từng nơi cho các nhu cầu chung ; vừa phải tiếp tục thực hiện rộng rãi những cải tiến về tổ chức và phương thức, nhằm bảo đảm công bằng, hợp lý và thuận tiện cho người tiêu dùng.

Cần dành phần lớn hàng hóa cho người tiêu dùng, giảm đến mức tối thiểu việc bán hàng hóa cho nhu cầu

Digitized by Google

chung của cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp, đơn vị bộ đội..., để vừa tiết kiệm chi ngân sách, vừa tập trung được nguồn hàng cung cấp cho công nhân, viên chức, vừa có hàng hóa bán ra thu tiền về, giảm bớt khó khăn về tiền mặt của Nhà nước.

Một yêu cầu mà nhân dân đòi hỏi ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, với tư cách là một công cụ bảo đảm quyền làm chủ tập thể của họ trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là *phải tổ chức tốt việc bán hàng hóa theo nguyên tắc công bằng, hợp lý và thuận tiện.* Nhân dân có thể thông cảm với những khó khăn, thiếu thốn về hàng hóa do khả năng đáp ứng của nền kinh tế còn bị hạn chế, nhưng họ không thể bỏ qua mà không lên án những khuyết điểm của ngành thương nghiệp trong việc tổ chức công tác lưu thông hàng hóa đã gây cho họ những thiệt hại và phiền hà không đáng có. Ngành thương nghiệp cũng không thể vin vào bất kỳ một lý do nào để bào chữa hoặc làm giảm nhẹ những khuyết điểm ấy, vì đó là những việc thuộc trách nhiệm của riêng mình, phụ thuộc vào sự cố gắng phấn đấu của ngành, và bản thân ngành cũng có những điều kiện để làm được tốt hơn.

Công bằng, hợp lý và thuận tiện là những tiêu chuẩn hàng đầu đặt ra để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong lĩnh vực phân phối, lưu thông. Tiêu chuẩn này càng phải được đặc biệt tôn trọng trong những lúc hàng hóa đang còn thiếu thốn, vì nó mang một ý nghĩa kinh tế và chính trị quan trọng, và về thực chất đó là một mặt biểu hiện sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong hoạt động nội thương.

Biện pháp bán hàng bảo đảm công bằng, hợp lý, thuận tiện là *chấn chỉnh và tổ chức lại mạng lưới kinh doanh ở cơ sở* (xã đối với nông thôn và tiểu khu hoặc phường đối với thành thị), gắn mạng lưới này với các khu vực dân cư và dùng sổ mua hàng thay cho tem phiếu. Cần áp dụng rộng rãi những biện pháp nghiệp vụ và những kinh nghiệm tốt về bán hàng như: thực hiện «3 công khai» (công khai quỹ hàng hóa với cấp ủy, chính quyền địa phương; công khai tiêu chuẩn, phương thức, giá cả và điểm bán hàng với nhân dân; công khai họ tên của mậu dịch viên trên áo công tác). Cần tổ chức bán thực phẩm một cách tổng hợp và có đóng gói sẵn, mở rộng các hình thức đặt hàng và giao hàng tại nhà cho một số đối tượng; tăng thêm dụng cụ cân đong, đo, tăng thêm lao động và giờ bán hàng cho các cửa hàng bán lẻ đang còn thiếu, nhất là sắp xếp lao động ở các khâu và bố trí ca kíp, giờ làm việc một cách hợp lý, nhằm tập trung lao động vào những khâu trọng yếu, vào những giờ cao điểm và vào những ngày, những mặt hàng đông khách mua. Ở nông thôn, cần phối hợp chặt chẽ hoạt động của hợp tác xã mua bán với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong việc tổ chức đời sống và bán hàng hóa cho xã viên, nông dân như: chủ động giải quyết tại chỗ nhu cầu về rau, nước chấm...; kết hợp việc bán hàng công nghiệp với thu mua nông sản, thực phẩm; mở rộng hoạt động phục vụ việc tang, cưới xin, nhà trẻ..., tổ chức phục vụ các bữa ăn tại đồng và chế biến thức ăn chín bán cho xã viên trong những ngày thời vụ sản xuất

★

Đi đôi với việc cải tiến tổ chức và phương thức bán hàng hóa, một nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho ngành thương nghiệp là *tăng cường quản lý thị trường*, không bỏ trống trận địa này cho thương nhân.

Cần tiến hành cuộc đấu tranh trên thị trường bằng cả ba biện pháp: hành chính, kinh tế, giáo dục, nhằm bảo đảm sự thắng lợi của chủ nghĩa

Digitized by Google

xã hội trên mặt trận kinh tế nóng bỏng này. Chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của Nhà nước về quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp; đồng thời khuyến khích việc mở rộng giao lưu hàng hóa có tổ chức giữa các thành phần, giữa các vùng và các khu vực trong nền kinh tế quốc dân, bảo đảm cho người sản xuất và những thành viên khác được lưu thông bình thường những mặt hàng không thuộc diện Nhà nước độc quyền hoặc thống nhất quản lý và kinh doanh, hoặc ở những địa bàn Nhà nước không khoanh vùng thu mua.

Quản lý việc lưu thông hàng hóa không có nghĩa là làm cho hàng hóa bị tắc nghẽn ở nơi sản xuất, không đưa nhanh được về nơi tiêu thụ, mà chính là phải tạo điều kiện để hàng hóa được lưu thông thông suốt, nhưng việc lưu thông ấy phải được chính sách Nhà nước cho phép đối với từng đối tượng, từng mặt hàng và phải nằm trong quỹ đạo các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Quản lý việc lưu thông hàng hóa phải gắn liền với tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam, từng bước sắp xếp thương nghiệp nhỏ ở cả hai miền, nhất là phải tổ chức tốt thị trường xã hội và thực hiện đúng đắn chức năng thống nhất quản lý thị trường trong nước của ngành nội thương, bảo đảm vai trò chủ đạo của thương nghiệp quốc doanh đối với toàn bộ thị trường, trên cơ sở thấu suốt quan điểm của Đảng đối với các thành phần kinh tế ở mỗi miền và quan điểm đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Trước hết, yêu cầu đặt ra là phải xác lập quyền làm chủ của Nhà nước trên thị trường, củng cố và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất, hướng dẫn và kiểm tra sự hoạt động của thị trường tự do, triệt để chống đầu cơ, buôn lậu.

Một trong những yếu tố bảo đảm cho Nhà nước làm chủ được thị trường là Nhà nước phải nắm cho được hàng hóa. Nhiệm vụ đặt ra là phải đẩy mạnh hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên cả ba khâu: *bán buôn, thu mua và bán lẻ*, bằng cả hai phương thức kinh doanh: *trong kế hoạch và ngoài kế hoạch*, trên cả hai thị trường: *thị trường có tổ chức và thị trường « tự do »*, và trên cả hai lĩnh vực: thương nghiệp và dịch vụ.

Mặt khác, thông qua việc thi hành điều lệ đăng ký kinh doanh công thương nghiệp, thông qua các biện pháp về thuế công thương nghiệp, về chế độ mở tài khoản ở ngân hàng đối với các cơ sở công thương nghiệp tư doanh và về chế độ quản lý và kiểm soát giá cả, chế độ niêm yết giá để quản lý chặt chẽ các hộ kinh doanh tư nhân, buộc họ phải theo đúng pháp luật của Nhà nước và chịu sự kiểm tra, kiểm sát của những cơ quan Nhà nước có trách nhiệm. Thường xuyên phối hợp lực lượng của các ngành có liên quan (thương nghiệp, công an, hải quan, thuế vụ...) để tích cực hoạt động chống buôn lậu, đầu cơ, tích trữ; bịt ngay các đường buôn lậu từ biên giới và ngoài biển vào; trừng trị đích đáng những kẻ đầu cơ buôn lậu.

Kiên quyết loại trừ tư nhân buôn bán những hàng hóa do Nhà nước độc quyền hoặc thống nhất quản lý và kinh doanh, tổ chức sắp xếp những người buôn bán lương thiện có nghiệp vụ, kỹ thuật theo hướng: vận động giúp đỡ một số có điều kiện chuyển sang sản xuất; cho phép số không có điều kiện chuyển sang sản xuất được tiếp tục kinh doanh những mặt hàng và ngành nghề mà Nhà nước còn cho tư nhân hoạt động; sử dụng một số làm đại lý bán hay mua một số hàng nhất định, hoặc làm các công

Digitized by Google

việc vận chuyển, chế biến, đóng gói... theo chế độ hợp đồng cho thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

Đi đôi với việc tăng cường quản lý thị trường, cần phát động mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống các mặt tiêu cực trong ngành và sự móc nối giữa những phần tử xấu trong ngành với bọn làm ăn phi pháp ngoài xã hội, ngăn chặn bằng được tệ ăn cắp tài sản, tham ô, hối lộ, làm ăn phi pháp trong khâu gia công, thu mua; tệ lấy cắp hàng hóa trong quá trình vận chuyển, bảo quản; tệ móc ngoặc với gian thương để tuồn hàng ra ngoài và quay vòng tem phiếu; tệ bớt xén hàng hóa, tệ cửa quyền trong khâu phân phối.

Trong cuộc đấu tranh này, cần kết hợp «xây» và «chống». Cần xây dựng con người mới trong thương nghiệp; đó là con người có tinh thần phục vụ nhân dân cao, là người nội trợ đảm đang của nhân dân. Việc xây dựng con người mới phải đi đôi với việc phát động phong trào cách mạng của quần chúng chống tiêu cực trong ngành, việc thực hiện «bốn chế độ», việc phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức trong ngành. Chú trọng công tác kiểm tra, nhất là phát huy vai trò kiểm tra của tập thể, của quần chúng, đồng thời thông qua các hình thức hội nghị khách hàng, sổ góp ý, hòm thư xây dựng... biết được ý kiến khen, chê của khách hàng để có biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm. Chấn chỉnh và kiện toàn một bước bộ máy quản lý của ngành từ trên xuống dưới, nhằm phát huy được hiệu lực của bộ máy trong việc quản lý lao động, vật tư, hàng hóa, tiền vốn, đồng thời sửa đổi cơ chế và những chế độ quản lý kinh tế không thích hợp, cải tiến và nâng cao nghiệp vụ kinh doanh cho cán bộ, nhân viên trong ngành.

Có thực hiện tốt các biện pháp trên đây, ngành thương nghiệp mới phục vụ được tốt sản xuất và đời sống nhân dân.

Digitized by Google

KHOÁN LÚA

HỮU - HẠNH

GẦN đây, nhiều hợp tác xã (cả hợp tác xã khá, trung bình và yếu kém) đã có những cải tiến trong cách tổ chức sản xuất và khoán quản đối với cây lúa. Dựa trên cơ sở kế hoạch « ba khoán » của hợp tác xã mà đội sản xuất là người chịu trách nhiệm chính về sản phẩm cuối cùng đối với hợp tác xã, các đội sản xuất cơ bản (kết hợp với các đội chuyên của hợp tác xã) tổ chức lao động tập thể làm 5 khâu công việc cơ bản (làm đất, cung cấp giống, điều hành phân bón, phụ trách việc tưới tiêu nước, phòng trừ sâu bệnh và bảo vệ mùa màng), rồi khoán cho từng người lao động và gia đình họ làm một số khâu công việc còn lại như : gieo cấy, chăm sóc cho đến khâu thu hoạch sản phẩm cuối cùng trên một phần diện tích hoặc toàn bộ diện tích trồng lúa của hợp tác xã theo kế hoạch và định mức kinh tế — kỹ thuật của tập thể, có *thưởng phạt bằng sản phẩm* khi vượt hay hụt sản lượng khoán.

Cách khoán mới này có tác dụng làm cho mọi người lao động thật sự quan tâm đến kết quả cuối cùng của sản xuất, kích thích mọi người tăng năng suất lao động, khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng của lao động, vật tư trong nông thôn và đất đai trong nông nghiệp để tăng nhanh sản lượng lúa, chăm lo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất của hợp tác xã nhằm bảo đảm tốt cả ba lợi ích (của người lao động, tập thể và Nhà nước).

I — KẾT QUẢ ĐÁNG PHẤN KHỞI

Hợp tác xã Đoàn-xá là một hợp tác xã sản xuất yếu kém và đời sống khó khăn triền miên nhiều năm của huyện Đồ-sơn (Hải-phòng). Sáu vụ lúa vừa qua, hợp tác xã đều tiến hành giao khoán một số khâu công việc cho người lao động gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể (ở đây hợp tác xã gọi là « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động), làm cho kinh tế của Đoàn-xá phát triển nhanh và đi lên vững chắc. Trên cơ sở đó, ngày nay ở Đoàn-xá, đời sống vật chất và văn hóa khấm khá, trật tự an ninh được giữ vững. Dưới đây là kết quả của phương thức khoán mới này ở Đoàn-xá : *(Xem biểu ở trang bên).*

Một số hợp tác xã khác đã thực hiện phương thức khoán mới này trên một phần diện tích trong một vụ lúa và đã có thu hoạch tốt, như hợp tác xã Xuân-minh (Thọ-xuân, Thanh-hóa) làm 30% diện tích lúa vụ mùa năm 1979 trên chân ruộng làm vụ đông. Vụ chiêm xuân 1979 — 1980 hợp tác xã Đoàn-lập (Tiên-lãng, Hải-phòng) làm 92% diện tích và hợp tác xã Yên-thịnh (Thiệu-yên, Thanh-hóa) đã làm từ 30% đến 100% diện tích của 8 trong số 9 đội sản xuất làm lúa của hợp tác xã. Sang vụ mùa năm 1980 lại có hàng loạt hợp tác xã ở các huyện ngoại thành Hải-phòng, một số hợp tác xã ở Vĩnh-lạc (Vĩnh-phú) cũng như một số hợp tác xã khác ở các tỉnh Nghệ-tĩnh, Thanh-hóa, Hà-nam-

Digitized by Google

Diễn giải	Đơn vị tính	1977	1978		1979		1980	
			Thực hiện	So với 1977	Thực hiện	So với 1977	Thực hiện	So với 1977
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tỷ lệ diện tích trồng lúa khoán sản phẩm cho xã viên so với tổng diện tích trồng lúa	%	0	17%	+17%	38%	+38%	50%	+50%
Diện tích gieo trồng lúa cả năm	Ha	585	620	+35	639	+ 54	738	+ 153
Sản lượng thóc của tập thể	tấn	749	1054	+305	1134	+ 385	1500	+ 751
Thóc vượt khoán (xã viên hưởng)	tấn	0	50	+ 50	80	+80	120	+ 120
Tổng sản lượng lương thực xã hội trong năm	tấn	749	1104	+355	1214	+465	1620	+ 871
Thóc hàng hóa bán cho Nhà nước cả năm	tấn	100	170	+ 70	170	+ 70	91 (*)	—
Thịt lợn bán cho Nhà nước	tấn	21	30	+ 9	30	+ 9	43	+ 22
Mức lương thực ăn hằng tháng (của tập thể phân phối	kg/ người	6,4	10,3	+3,9	11,4	+ 5	13 (*)	+ 6,6

(*) Chỉ tính riêng vụ chiêm xuân 1979— 1980, chưa kể vụ mùa.

ninh, v.v. đã tiến hành « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động. Ở tất cả các hợp tác xã đã tiến hành giao khoán một số khâu công việc trồng lúa cho người lao động gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể, có *thưởng phạt bằng sản phẩm* khi tăng hay hụt sản lượng so với mức khoán, đều xuất hiện nổi bật một xu thế tăng lên đồng đều cả về năng suất và sản lượng lúa, về hàng hóa lương thực và thực phẩm bán cho Nhà nước; đời sống của xã viên đều được nâng lên gấp bội, hợp tác xã được củng cố vững chắc tương tự như tình hình hợp tác xã Đoàn-xá đã trình bày ở trên.

Tại sao các hợp tác xã nói trên đạt được như vậy?

Một là, việc thực hiện phương thức khoán mới này có tác dụng khai thác có hiệu quả tiềm năng của lao động, vật tư trong nông dân và đất đai nông nghiệp.

Lợi ích vật chất của người lao động gắn với trách nhiệm cá nhân bảo đảm đến sản phẩm cuối cùng cho tập thể, làm cho mọi người nhận khoán của hợp tác xã đều lao động hết sức mình và huy động mọi năng lực lao động khác trong gia đình tham gia công việc đồng áng. Thời gian lao động thực tế của họ trên đồng ruộng tăng gấp rưỡi hoặc gấp đôi so với khi chưa làm « khoán sản phẩm » cho hợp tác

Digitized by Google

xã. Họ lao động khẩn trương và có trách nhiệm đối với công việc. Những lúc mùa vụ khẩn trương (như thời vụ cấy, gặt và làm vụ đông) họ đã dồn sức tranh thủ từng ngày, từng giờ chạy đua với thời vụ. Năng suất lao động (chủ yếu là do tăng cường độ và thời gian lao động) lúc này tăng gấp đôi hoặc gấp ba so với khi chưa làm « khoán sản phẩm », do đó, bảo đảm làm đúng thời vụ tốt nhất

Ở hầu hết các hợp tác xã đã thực hiện phương thức khoán mới này, các gia đình xã viên đều đầu tư thêm phân chuồng, phân hóa học và các loại phân khác, có nơi đã bón phân cho lúa gấp rưỡi định mức khoán của hợp tác xã. Phong trào làm phân bón và chăn nuôi lợn do đó phát triển nhanh chóng. So sánh giữa hai thời điểm: 1-10-1979 (khi chưa « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động) và 1-10-1980 (khi đã làm một vụ mùa « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động), có những hợp tác xã ở huyện Vĩnh-lạc (Vĩnh-phú) như Thổ-tang đã giảm số hộ xã viên để trống chuồng từ 283 xuống còn 251 hộ, ở Tân-hưng từ 347 xuống còn 76 hộ, ở Tân-tiến từ 154 xuống còn 37 hộ, ở Chấn-hưng từ 141 xuống còn 38 hộ. Các gia đình chăn nuôi lợn ở đây phần lớn đều sửa sang lại chuồng trại kiên cố để nhốt lợn lấy phân. Việc làm phân bùn ao, lấy phù sa, làm phân đất hun và độn rác vào chuồng lợn, v.v. trở thành hành động tự giác và thường xuyên của quần chúng.

Người lao động làm việc cần cù, tận dụng từng tấc đất quanh bờ và góc ruộng, gieo cấy hết diện tích, bảo đảm mật độ số khóm và số cây đồng đều và tốt nhất. Do cấy dày hợp lý để đạt năng suất cao, ở hợp tác xã Thổ-tang (Vĩnh-lạc) số khóm tăng thêm nếu quy ra đơn vị gieo cấy theo mật độ cũ thì tương đương với từ 10 đến 13% diện tích gieo cấy. Diện tích trồng lúa được thu hoạch ăn chắc hằng năm tăng lên rõ rệt. Nhờ làm đúng thời vụ và tích cực khắc phục khó khăn về thời tiết (nắng hạn và bão úng làm hư hại), cấy đi cấy lại nhiều lượt, cho nên ở hợp tác xã Đoàn-xá (Hải-phòng), diện tích trồng lúa năm 1978 (khoán sản phẩm cho người lao động trên 17% diện tích trồng lúa) tăng thêm 35 héc-ta, năm 1979 (khoán sản phẩm cho người lao động trên 38% diện tích trồng lúa) tăng thêm 54 héc-ta, và năm 1980 (khoán sản phẩm cho người lao động trên 50% diện tích trồng lúa) tăng thêm 153 héc-ta so với năm 1977 (còn tổ chức làm tập trung trên toàn bộ diện tích trồng lúa).

Hai là, việc thực hiện phương thức khoán mới này có tác dụng tăng năng suất lúa, tăng sản lượng thóc, hạ giá thành sản phẩm và khắc phục có hiệu quả nhiều hiện tượng tiêu cực trong quản lý sản xuất và phân phối.

Kết quả nổi bật là trên phần lớn số diện tích trồng lúa ở những hợp tác xã đã thực hiện « khoán sản phẩm » cho người lao động trong nhiều vụ hoặc một vụ, cũng như ở các hợp tác xã mới làm vụ mùa năm nay (1980), năng suất lúa đều tăng: ở mức thấp nhất cũng được từ 3 đến 5%, trung bình thì từ 10 đến 15% và cao thì từ 30 đến 50% so với định mức năng suất khoán của hợp tác xã.

Do năng suất trên đơn vị diện tích tăng lên như vậy, lại thêm diện tích trồng lúa cũng tăng lên nhiều so với những năm chưa làm « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động, cho nên sản lượng lúa đã tăng lên nhanh. Tổng sản lượng lúa của hợp tác xã Đoàn-xá (Hải-phòng) năm 1977 (chưa « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động) chỉ được 749 tấn; năm 1978 (khoán sản phẩm cho người lao động trên 17% diện tích trồng lúa) tăng lên 1104 tấn (tăng trên 47%); năm 1979 (khoán sản phẩm cho người lao động trên 38% diện tích trồng lúa) tăng lên 1214 tấn (tăng 62%); và năm 1980 (khoán sản phẩm cho người lao

Digitized by Google

động trên 50% diện tích trồng lúa) lại tăng lên 1620 tấn (tăng trên 116%). Ở hợp tác xã Yên-thịnh (Thiệu-yên, Thanh-hóa) vụ chiêm xuân 1978 — 1979 (làm lúa tập trung) chỉ thu hoạch được 94 tấn thóc, đến vụ chiêm xuân 1979 — 1980 (« khoán sản phẩm » cho người lao động trên khoảng 2/3 diện tích trồng lúa) đã thu hoạch được 155 tấn thóc (tăng gần 65%). Ở các hợp tác xã khác có thực hiện phương thức khoán mới này đối với cây lúa, sản lượng thóc đều tăng lên tương tự như vậy.

Việc thực hiện phương thức khoán mới này còn làm hạ giá thành của mỗi tạ thóc làm ra. Qua đợt thu hoạch lúa mùa sớm vừa qua ở một số hợp tác xã thuộc huyện Vĩnh-lạc (Vĩnh-phú), điều này đã được thể hiện rõ:

DIỄN GIẢI	Giá thành 1 tạ thóc (đ/tạ)		So sánh A/B	Ghi chú
	đội khoán sản phẩm cho lao động (A)	đội làm tập trung (B)		
Hợp tác xã Đồng-văn				
Giá thành thực hiện trong đó:	53,45đ	66,50đ	giảm 13,05đ	
— Chi phí vật tư	30,80	38,30	— 7,50	
— Hao phí lao động sống	22,65	28,20	— 5,55	Công lao động tính theo giá trị ngày công ăn chia của từng hợp tác xã.
Hợp tác xã Thổ-tang				
Giá thành thực hiện trong đó:	38,45đ	42,20đ	— 3,75đ	
— Chi phí vật tư	12,50	14,50	— 2,00	
— Hao phí lao động sống	25,95	27,70	— 1,75	
Hợp tác xã Tam-hồng				
Giá thành thực hiện trong đó:	43,90đ	57,30đ	— 13,40đ	
— Chi phí vật tư	16,40	19,30	— 2,90	
— Hao phí lao động sống	27,50	38,00	— 10,50	

Phương thức khoán mới này còn có tác dụng khắc phục có hiệu quả hoặc hạn chế được nhiều hiện tượng tham ô công điểm và mất mát sản phẩm khi thu hoạch. Do đã khoán công điểm theo định mức trực tiếp đến người lao động trong nhiều khâu công việc và đã xác định từ đầu chi phí theo định mức khoán, quy định trong quá trình sản xuất nếu không có biến động đột xuất thì chi phí không thay đổi, cho nên đã hạn chế có kết quả tình trạng dong công phóng điểm bừa bãi trong các đội sản xuất. Khi thu hoạch, những xã viên nhận « khoán sản phẩm » đều chăm lo gặt hái kỹ lưỡng, trên đường vận chuyển giữ gìn cẩn thận không để rơi rụng, đập lúa ra hạt không để sót trong rơm, bảo quản chu đáo thóc hạt để giao nộp đủ định mức sản lượng khoán cho hợp tác xã và được hưởng

Digitized by Google

phần vượt khoán, do đó, hạn chế đến mức thấp nhất (có thể coi như không đáng kể) việc để rơi sót trong thu hoạch ngoài đồng ruộng và mất mát, hư hỏng, lãng phí trên sân kho của hợp tác xã.

Những kết quả trên đây chứng minh rằng ở các hợp tác xã thực hiện giao khoán một số khâu công việc cho người lao động gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể, quan hệ sản xuất không hề bị suy yếu mà ngược lại được củng cố về ba mặt. *Một là*, những tư liệu sản xuất chủ yếu như ruộng đất, trâu bò, cày bừa, máy móc nông nghiệp khác của tập thể vẫn hoàn toàn thuộc sở hữu tập thể, được sử dụng, quản lý chặt chẽ và điều hành theo kế hoạch thống nhất của hợp tác xã. *Hai là*, người xã viên được tham gia bàn bạc thật sự kế hoạch sản xuất, xây dựng và xác định các định mức kinh tế — kỹ thuật, năng suất và sản lượng khoán, phân phối và thưởng phạt. Ở đây thấy rõ nét việc làm chủ thật sự của người lao động trong quản lý sản xuất và phân phối. *Ba là*, xã viên nhận khoán được trả công điểm theo định mức khoán rõ ràng từ đầu; hợp tác xã thực hiện chế độ thưởng phạt đối với họ bằng sản phẩm khi sản lượng khoán tăng hay hụt; điều này thể hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động trong các hợp tác xã.

Trong việc thực hiện chế độ khoán mới này đối với cây lúa, chưa thấy có hiện tượng các cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã bị sử dụng lãng phí, bừa bãi. Máy móc, trâu bò, nông cụ, kho tàng, sân phơi, công trình thủy lợi, cơ sở làm giống, v.v. vẫn được sử dụng, bảo quản tốt, hơn nữa còn được tăng cường, nhất là những cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho 5 khâu công việc cơ bản mà hợp tác xã và đội sản xuất đảm nhận, để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nhận khoán làm các khâu tiếp theo cho đến thu hoạch sản phẩm cuối cùng đạt hiệu quả cao nhất.

Phương thức khoán mới này đối với cây lúa khác hẳn với kiểu « khoán trắng » là khoán cho người lao động làm toàn bộ các khâu công việc làm lúa cho đến thu hoạch sản phẩm cuối cùng. Đây là một hình thức lao động tập thể có sự phân công hợp lý giữa lao động tập trung với lao động từng người của nông dân tập thể trong hợp tác xã, dưới sự điều hành thống nhất theo quy hoạch và quy trình sản xuất, theo định mức kinh tế — kỹ thuật và theo hướng thâm canh cao.

II — CHUNG QUANH VẤN ĐỀ THƯỞNG PHẠT

Trên cơ sở các định mức chi phí vật tư, lao động và sản phẩm phải đạt đã được xác định chính xác, các hợp tác xã thực hiện chế độ khoán một số khâu công việc làm lúa cho người lao động gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể đều tiến hành thưởng phạt bằng sản phẩm khi sản lượng thu hoạch được tăng hay hụt so với mức khoán.

Về phạt, các hợp tác xã đều xác định phạt 100% sản lượng hụt định mức khoán bằng sản phẩm (trừ vào mức ăn chia của người nhận khoán) hoặc bằng giá thị trường « tự do » đương thời. Khi các định mức chi phí vật tư, lao động đã được xác định và thực hiện đúng, và trong quá trình sản xuất các yếu tố vật chất không được cung cấp đúng tiêu chuẩn hoặc gặp thiên tai đột xuất làm ảnh hưởng đến năng suất lúa, hợp tác xã đã xem xét miễn giảm, mà sản lượng thu hoạch được vẫn hụt so với mức khoán của hợp tác xã do yếu tố lao động, kỹ thuật của người nhận khoán gây nên, thì người đó phải chịu phạt 100% sản lượng hụt bằng sản phẩm. Điều này hoàn toàn đúng, được xã viên đồng tình và chấp nhận. Việc này có tác dụng đề cao kỷ luật lao

Digitized by Google

động và trách nhiệm cá nhân của người nhận khoán đối với sản phẩm cuối cùng của tập thể, đồng thời ngăn ngừa được những hiện tượng giấu giếm và bớt xén sản phẩm làm ra.

Đối với đội trưởng và ban chỉ huy đội cũng vậy. Nếu trong đội để xảy ra tình hình nhiều gia đình hụt mức khoán dẫn đến cả đội không hoàn thành kế hoạch sản lượng khoán của hợp tác xã giao cho đội (sau khi đã loại trừ các lý do chính đáng) thì cán bộ đội cũng phải chịu phạt bằng công điểm từ 3 đến 5% số công gián tiếp của từng loại cán bộ đội được hưởng.

Về thưởng, có nơi chủ trương thưởng từ 80 đến 90%, có nơi lại thưởng cả 100% sản lượng vượt mức khoán bằng sản phẩm cho người lao động. Cả hai trường hợp thưởng kể trên, nói chung đều có tác dụng kích thích như một động lực nhạy bén thúc đẩy người lao động hăng say sản xuất và dám đầu tư thêm lao động, vật tư vào thâm canh cây lúa nhằm đạt năng suất cao, sản lượng nhiều, không chỉ để bảo đảm giao nộp đủ định mức sản lượng khoán của hợp tác xã (để lấy công điểm) mà còn có thêm nhiều sản lượng vượt khoán (để được thưởng bằng sản phẩm).

Các hợp tác xã «khoán sản phẩm» cây lúa cho người lao động ở Vĩnh-lạc (Vĩnh-phú) đều thực hiện thưởng 80 — 90% sản lượng vượt so với mức khoán theo lũy tiến: vượt dưới 10% được thưởng 80% số vượt và vượt 10% trở lên được thưởng 90% số vượt bằng sản phẩm. Hợp tác xã trích từ 10 đến 15% số vượt để thưởng cho cán bộ đội. 5% còn lại dùng làm quỹ thưởng cho các đội chuyên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch khoán của hợp tác xã.

Để bảo đảm cho hợp tác xã nắm được sản phẩm làm ra và tiến hành thưởng phạt một cách chính xác, nhất thiết phải tổ chức thu hoạch đem về ra hạt tại sân công cộng (sân của đội hay liên đội). Việc thu hoạch đưa về sân công cộng đối với từng gia đình nhận khoán, đương nhiên có nhiều khó khăn và trở ngại, nhưng thực tế việc này các hợp tác xã «khoán sản phẩm» cây lúa cho người lao động ở Vĩnh-lạc đều làm trôi chảy cả. Tâm lý của số đông xã viên, cán bộ đội sản xuất và ban quản trị hợp tác xã ở cơ sở là muốn được thưởng 100% sản lượng vượt bằng sản phẩm, vừa có thêm thu nhập, vừa dễ làm; và muốn để phần vượt sản lượng khoán trên diện tích còn lại cho xã viên thu hoạch đưa về nhà hưởng 100%.

Ở Hải-phòng, các hợp tác «khoán sản phẩm» cây lúa cho người lao động đều thực hiện chế độ thưởng 100% sản lượng vượt khoán cho người lao động bằng sản phẩm. Cách thưởng này rất hấp dẫn đối với người nông dân, thu hút đông đảo các lực lượng lao động trong nông thôn xin nhận làm «khoán sản phẩm» cây lúa cho hợp tác xã. Thực hiện chế độ thưởng này, thì hợp tác xã chỉ thu đủ sản lượng theo định mức khoán (đối với các đội làm vượt và đạt mức khoán của hợp tác xã) hoặc chỉ thu được xấp xỉ sản lượng khoán theo định mức (đối với những đội hụt sản lượng khoán). Ngoài ra, hợp tác xã không có khoản thu hoạch thêm nào khác về sản phẩm vượt khoán để trích thưởng lại cho cán bộ đội có thành tích tổ chức và quản lý sản xuất đạt năng suất cao và sản lượng nhiều trong đội của họ.

Ở Thiệu-yên (Thanh-hóa) các hợp tác xã cũng chủ trương thực hiện chế độ thưởng 100% sản lượng vượt khoán cho người lao động bằng sản phẩm, nhưng lại giải quyết được tốt cả vấn đề trích thưởng cho cán bộ đội sản xuất cơ bản và đội chuyên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất của hợp tác xã.

Ở đây, mức sản lượng khoán của hợp tác xã giao cho đội sản xuất được xác định bằng mức năng suất

Digitized by Google

bình quân trung bình tiên tiến của 3 hoặc 5 năm trước. Về đội sản xuất, hợp tác xã cho phép nâng mức khoán đó lên không quá 10% (tức là mỗi sào tăng thêm khoảng 10 kg thóc) để khoán cho từng người lao động (phải được xã viên bàn bạc và nhất trí thông qua để thực hiện).

Thực tế sản xuất ở các đội sản xuất cho thấy số trường hợp vượt mức sản lượng khoán như trên của đội thường chiếm từ 60 đến 70% số gia đình nhận khoán (ít nhất cũng vượt từ 5 đến 10%, trung bình vượt từ 20 đến 30%, và cao nhất là vượt trên 50% sản lượng khoán); chỉ có khoảng 20 – 30% trường hợp đạt mức khoán và có khoảng 5 – 10% số gia đình hụt sản lượng khoán (phần lớn là có lý do chính đáng được xét miễn giảm hay hạ mức khoán).

Làm theo cách này, trường hợp trong đội sản xuất có những gia đình hụt sản lượng khoán, đội vẫn bù đắp được để bao giờ cũng đạt và vượt mức khoán hợp tác xã giao chung cho cả đội. Phần vượt mức khoán chung của cả đội, hợp tác xã trích 80% thưởng chung cho đội; đội đem chia thưởng cho các thành viên trong đội tính theo tỷ lệ ngày công lao động tham gia làm cho tập thể, 20% còn lại giao nộp ban quản trị để hợp tác xã làm quỹ thưởng cho cán bộ đội sản xuất cơ bản và đội chuyên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch khoán của hợp tác xã.

Theo cách thưởng này, không nhất thiết lúc nào và bất cứ ở đâu cũng phải tổ chức thu hoạch đem về ra hạt ở sân công cộng, có nhiều phiền phức và khó khăn, nhất là những lúc nắng mưa thất thường trong ngày mùa bận rộn. Ở những hợp tác xã có đủ sân, kho và máy móc đủ sức phục vụ công việc thu hoạch của xã viên, có thể tổ chức cho các gia đình nhận « khoán sản phẩm » cây lúa thu hoạch đem về ra hạt tại sân hợp tác xã để giao nộp đủ sản lượng khoán (cả sản phẩm chính và phụ) cho hợp tác xã. Phần vượt khoán trên diện tích còn lại thì để cho xã viên thu hoạch đem thẳng về gia đình hưởng 100% sản lượng vượt bằng sản phẩm (cả thóc và rơm rạ). Ở những hợp tác xã chỉ có điều kiện sân, kho và máy móc phục vụ được một phần diện tích thu hoạch của các gia đình xã viên nhận khoán, thì phần còn lại có thể để cho xã viên thu hoạch đưa về gia đình. Người nhận khoán chỉ phải đem nộp cho hợp tác xã đủ số lượng sản phẩm (cả chính và phụ) theo định mức khoán. Ở những nơi cơ sở vật chất phục vụ cho việc thu hoạch lúa chưa có gì đáng kể, tất cả đều phải làm theo lối thủ công, có thể để cho xã viên thu hoạch toàn bộ sản phẩm đưa về gia đình và cũng chỉ phải đem giao nộp hợp tác xã đủ sản lượng theo định mức khoán.

Bất kỳ theo cách thu hoạch nào, cũng đều phải bảo đảm giao nộp đủ sản phẩm theo định mức khoán cho hợp tác xã. Trong thực tế, các hợp tác xã khá, trung bình và yếu kém đều đã thực hiện được như vậy cả. Chưa hề thấy có tình trạng cháy lười hay thâm hụt vào sản lượng khoán của hợp tác xã. Phần sản lượng vượt mức khoán thưởng 100% cho xã viên, có thể để cho họ thu hoạch đưa về nhà; và như vậy là hợp lý và đáp ứng đúng mong muốn của người nhận « khoán sản phẩm ».

III – CHỐNG LỆCH LẠC VÀ SAI TRÁI

Vừa qua, do tình hình khó khăn về lương thực, một số hợp tác xã đã tự động tiến hành giao khoán một số khâu công việc trồng lúa cho người lao động và gia đình xã viên gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể, có *thưởng phạt bằng sản phẩm* khi sản lượng thu hoạch được tăng hay hụt so với mức khoán (còn gọi là « khoán sản phẩm » hay

Digitized by Google

« khoán tăng sản » lúa). Việc làm này đã thu được kết quả tốt và tiếng đồn lan rộng, được nhiều hợp tác xã khác bắt chước làm theo. Nhưng do chưa có sự hướng dẫn thống nhất, cụ thể và chu đáo, cho nên cũng đã xảy ra không ít những lệch lạc cần khắc phục.

Do năng lực quản lý và điều hành còn hạn chế, và chưa được bồi dưỡng, hướng dẫn cụ thể, cho nên một số cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ đội sản xuất còn lúng túng và không biết nắm những khâu công việc nào là do hợp tác xã và đội sản xuất phụ trách. Vì vậy có nơi đã giao khoán cho người lao động cả những khâu công việc dẫn đến phân tán tư liệu sản xuất của hợp tác xã, để cho xã viên sử dụng tùy tiện. Như khâu làm đất, lúc đầu hợp tác xã Đoàn-lập (Tiên-lãng, Hải-phòng) đã giao cho xã viên đảm nhận, do đó phải chia lượt trâu bò và cày bừa của hợp tác xã cho các gia đình nhận khoán sử dụng. Cách làm đó đưa đến tình trạng các gia đình tranh chấp và sử dụng quá sức làm ảnh hưởng xấu đến sức kéo và làm cho cày bừa của tập thể mau hư hỏng

Ban quản trị của một vài hợp tác xã (ở Vĩnh-lạc) trong khi áp dụng phương thức khoán mới này đã không nắm chặt công việc điều hành hằng ngày, dẫn đến tình trạng tranh chấp và mất đoàn kết giữa các gia đình nhận khoán. Ví như: do thiếu chặt chẽ trong việc phân phối phân bón của tập thể cho hộ thiếu và hộ thừa phân, cũng như phân phối sức kéo cho đội nhiều trâu bò và đội ít trâu bò của tập thể cho nên đã xảy ra tình trạng phân của tập thể để ở nhà ai nhiều, nhà ấy được bón nhiều, nhà khác phải bón ít hơn định mức khoán của hợp tác xã; đội nhiều trâu bò được cày bừa thoải mái, đội ít trâu bò phải cuốc thêm. Việc định mức và điều hành công việc nhổ mạ không chặt chẽ, dẫn đến tình trạng người này nhổ lẫn của người khác, đội no xâm lấn sang đội kia, gây ra cãi cọ, mất đoàn kết và cấy lẫn giống trên cùng một khoảnh ruộng.

Có nơi các định mức khoán và chế độ thưởng phạt chưa được bàn bạc thật thông suốt trong xã viên, cho nên người nhận khoán đòi phải chia ruộng ra quá manh mún (có xấu, có tốt, có gần, có xa) như ở các hợp tác xã Thổ-tang và Đồng-văn (Vĩnh-phú), ảnh hưởng không tốt đến quá trình sản xuất, chăm bón và thâm canh cây lúa.

Hoặc do nhận thức không đầy đủ về mục đích và nguyên tắc của chế độ « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động, nên có hợp tác xã và đội sản xuất bỏ mặc cho cá nhân người lao động và gia đình họ tự lo liệu lấy mọi khâu công việc nhận khoán với hợp tác xã đến sản phẩm cuối cùng. Đội sản xuất không chỉ đạo chặt chẽ công việc làm hằng ngày của người nhận khoán, nên đã dễ xảy ra tình trạng gieo cấy lúa trên đồng ruộng không theo đúng sự bố trí cây trồng của hợp tác xã (như một số đội sản xuất ở hợp tác xã Đồng-văn đã mắc phải) và bất chấp tiêu chuẩn kỹ thuật mà hợp tác xã đã quy định (như đội 12 của hợp tác xã Thổ-tang đã để cho xã viên tùy tiện cấy dày quá mức với 77 khóm trên một mét vuông, làm cho năng suất mỗi sào giảm 7kg thóc so với mức khoán của hợp tác xã).

Việc nhận « khoán sản phẩm » của người lao động và gia đình xã viên không được đội sản xuất chỉ đạo chặt chẽ, để cho mọi người tùy thích nhận khoán, cho nên đã có trường hợp người nhận khoán làm không xuể phải thuê thêm người làm để kiếm lời. Có gia đình ở hợp tác xã Thiệu-tiến (Thiệu-yên, Thanh-hóa) đã nhận khoán quá nhiều diện tích, rồi bỏ tiền ra mua thêm phân bón và thuê người làm, đến khi thu hoạch trừ đi các khoản chi phí, còn được lời 15 tạ thóc một vụ (!)...

Digitized by Google

Những hiện tượng lệch lạc như trên nếu không được khắc phục ngay từ đầu, rất dễ dẫn đến tình trạng « khoán trắng ».

Ngoài ra, chung quanh phong trào « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động, thái độ của người lãnh đạo kinh tế cũng rất đáng chú ý.

Các đồng chí lãnh đạo ở huyện Đồ-sơn (Hải-phòng) có thái độ đúng đắn, có tinh thần phụ trách cao và dám chịu trách nhiệm đối với việc phát hiện và đưa nhanh ra đại trà phương thức « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động có thưởng phạt bằng sản phẩm.

Khi phát hiện thấy có hiện tượng hợp tác xã Đoàn-xá vốn có nhiều khó khăn về đời sống trong nhiều năm đã nhanh chóng có chuyển biến tốt về kinh tế, đời sống no đủ, văn hóa phát triển và trật tự trị an được giữ vững, huyện ủy tức khắc đi sát cán bộ cơ sở và nhân dân địa phương để tìm hiểu. Thấy người lãnh đạo cấp trên trực tiếp của mình là huyện thật sự quan tâm, cán bộ và nhân dân Đoàn-xá đã báo cáo thật về kết quả công việc làm giấu kín không cho ai biết của địa phương trong 4 vụ « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động có thưởng phạt bằng sản phẩm. Huyện ủy tổng kết, rút kinh nghiệm ngay, hoàn chỉnh thêm phương thức khoán mới này và ra nghị quyết (trước khi có nghị quyết của thành ủy Hải-phòng) cho tiến hành « khoán sản phẩm » cho người lao động trên 40% diện tích trồng lúa trong huyện. Nghị quyết đó được nhân dân chấp hành rất nhanh nhạy. Khí thế sản xuất ở nông thôn Đồ-sơn dấy lên mạnh mẽ chưa từng có. Phát hiện thấy khí thế sản xuất hiếm có từ trước tới nay ở Đồ-sơn, thành ủy Hải-phòng kiểm tra và có kết luận ngay, đồng thời ra nghị quyết cho các huyện trong toàn thành phố được thực hiện chế độ « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động có thưởng phạt bằng sản phẩm. Vụ mùa năm nay (1980), một năm bão, úng phá hại nghiêm trọng vùng này, Đồ-sơn nói riêng và cả thành phố Hải-phòng nói chung cấy được nhiều diện tích lúa nhất từ trước đến nay, lúa ngoài đồng tốt đều và chắc chắn cho năng suất cao, sản lượng nhiều: đó là kết quả không thể chối cãi của việc áp dụng phương thức « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động có thưởng phạt bằng sản phẩm.

Ngược lại, cũng một tình hình giống hệt như tình hình Đồ-sơn vừa kể trên đã diễn ra ở Thanh-hóa, lại được cấp ủy ở đây đối xử một cách khác.

Hợp tác xã Xuân-minh ở huyện Thọ-xuân (Thanh-hóa) là một hợp tác xã kinh tế yếu kém và đời sống khó khăn nhiều năm liền giống như Đoàn-xá của Đồ-sơn (Hải-phòng). Vụ mùa năm 1979 hợp tác xã này cũng tiến hành phương thức khoán một số khâu công việc cho người lao động có thưởng phạt bằng sản phẩm trên 30% diện tích trồng lúa của hợp tác xã (chủ yếu là ở chân ruộng cấy lúa mùa sớm để làm vụ đông). Kết quả vụ đó, Xuân-minh được mùa nhất vùng tả ngạn sông Chu của huyện Thọ-xuân. Thuế nông nghiệp, nghĩa vụ lương thực và thực phẩm năm đó, hợp tác xã hoàn thành sớm và hoàn thành vượt mức. Mức ăn hằng tháng của mỗi người đang từ 6—7 kg tăng lên 12 kg (phần tập thể phân phối) và số thóc vượt mức khoán xã viên được hưởng 100% cũng được khoảng 10 kg nữa. Nhân dân và cán bộ cơ sở rất phấn khởi, ước tính cứ làm « khoán tăng sản » lúa kiểu này 4, 5 vụ là có thể thoát khỏi tình trạng kinh tế yếu kém và hợp tác xã có đà đi lên làm ăn lớn.

Huyện Thiệu-yên nằm sát cạnh hợp tác xã Xuân-minh phát hiện thấy phương thức khoán này đối với cây lúa cho hiệu quả tốt về nhiều mặt liền nghiên cứu hoàn chỉnh thêm và

Digitized by Google

ra bản hướng dẫn cụ thể cho phần lớn các hợp tác xã trong huyện tiến hành « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động trên 50% diện tích trồng lúa vụ đông xuân 1979 — 1980 của huyện. Nông dân và cán bộ trong huyện rất hoan nghênh chủ trương đó và phấn khởi đăng ký nhận làm « khoán sản phẩm » cây lúa cho hợp tác xã. Giữa chừng, các gia đình xã viên đang tiến hành gieo cấy thì có lệnh của tỉnh cấm không cho « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động, và bắt phải trở về phương thức khoán việc và thưởng phạt bằng công điểm. Thiệu-yên xin tỉnh cho làm thử cũng bị bác. Huyện Thọ-xuân thì dẹp tắt phong trào « khoán sản phẩm » cây lúa cho người lao động ở Xuân-minh một cách dứt khoát không tính toán đến hiệu quả kinh tế tốt xấu của nó. Huyện đưa một huyện ủy viên (không phải người địa phương) về trực tiếp làm bí thư đảng ủy xã để điều hành công việc làm lúa tập trung. Huyện còn điều khoảng 100 cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước về giúp sức (đương nhiên hợp tác xã phải chi phí ăn uống khá tốn kém). Làm tập trung kéo dài 2 tháng trời (còn đâu là thời vụ!) mới cấy xong diện tích lúa vụ đông xuân 1979—1980. Năng suất thấp, diện tích không có thu hoạch lại nhiều, sản lượng thóc do đó ít, mức ăn của xã viên vụ này chỉ trên 3 kg một đầu người mỗi tháng (chứ không phải 20 kg như kế hoạch của huyện xây dựng!).

Hiện nay tỉnh Thanh-hóa đã thấy sai sót của mình trong việc đối xử với huyện Thiệu-yên và đã tự phê bình trước các đồng chí Thiệu-yên. Đó là một thái độ rất đáng hoan nghênh.

Chúng ta tin rằng, rồi đây, từ những kinh nghiệm rút ra trong thực tiễn, những lệch lạc sẽ được ngăn chặn và khắc phục kịp thời, phương thức khoán mới sẽ ngày càng hoàn chỉnh và phát triển rộng rãi, đúng hướng, đem lại lợi ích thiết thực cho người lao động, cho tập thể và cho xã hội.

Digitized by Google

Rô-nan Ri-gân : Sự nuối tiếc một thế mạnh đã qua rồi !

LƯU-QUÝ-KỲ

THẾ là nước Mỹ đã bầu ra tổng thống mới.

Rô-nan Ri-gân, tổng thống thứ 40, vào Nhà trắng năm đầu của thập kỷ 80 — một thập kỷ được báo trước là sẽ có nhiều biến động và bùng nổ.

Một số câu hỏi được đặt ra : Vì sao Ri-gân được làm tổng thống ? Ri-gân có thể đảo ngược chiều hướng của nước Mỹ đang xuống dốc không ? Ri-gân có giải quyết được những vấn đề đang đè nặng nước Mỹ không ? Đúng vào lúc công bố kết quả bầu cử, một báo Mỹ đã tuyên bố : « Kỷ nguyên Ri-gân bắt đầu ». Nhưng, đó là kỷ nguyên gì ?

Trong xã hội Mỹ, một sự kiện chính trị quan trọng như cuộc bầu cử nguyên thủ quốc gia, cũng vẫn mang tính giật gân : Gim-my Ca-tơ, xuất thân là chủ trại trồng lạc, không tên tuổi, bỗng nhiên được bầu vào Nhà trắng làm vị tổng thống trẻ tuổi nhất (56 tuổi) để rồi bốn năm sau bị loại ra một cách thảm hại với 11% số phiếu đại cử tri. Còn Ri-gân, 69 tuổi, trước đây là diễn viên điện ảnh, đã từng làm nghề quảng cáo cho công ty tư bản Mỹ trên đài vô tuyến truyền hình, đã hai lần được các nhà triệu phú Mỹ đưa ra làm thống đốc bang Ca-li-pho-ni-a, ba lần tranh cử tổng thống bị thất bại, bỗng nhiên lần này được vào Nhà trắng với số phiếu gọi là « áp đảo », chiếm trên 90% tổng số phiếu đại cử tri và là tổng thống già nua nhất của nước Mỹ.

Nhưng, ý nghĩa của cuộc bầu cử này không phải ở khía cạnh giật gân đó. Chúng ta tìm ra nó bằng cách phân tích các số liệu và mối liên hệ của sự kiện này với bối cảnh và chiều hướng phát triển hiện nay của nước Mỹ cũng như của chế độ xã hội Mỹ.

RI-GÂN KHÔNG PHẢI LÀ NGƯỜI ĐƯỢC NHÂN DÂN MỸ LỰA CHỌN

Mới nhìn qua con số kết quả bầu cử, đúng là Ri-gân thu được một *số phiếu lớn của cử tri đi bầu*, đạt được một số phiếu đại cử tri « *áp đảo* » *Ca-tơ* : 489 phiếu so với 49 phiếu.

Nhưng sự thật thì như thế nào ? Tổng số cử tri Mỹ là 160,5 triệu, trong đó số người đi bầu là 84 triệu, tức là 52,3%. Theo kết quả kiểm phiếu của 97% khu vực bầu cử, Ri-gân giành được 42187495 phiếu bầu, tức là 51% số người đi bầu. Như vậy là chỉ 26% hay là *một phần tư* cử tri Mỹ bỏ phiếu cho Ri-gân. Giả thiết người Mỹ thật sự được tự do bầu cử thì số liệu trên hoàn toàn xác minh rằng Ri-gân trúng cử không phải là người được số lớn nhân dân Mỹ lựa chọn.

Mặt khác, chế độ bầu cử ở Mỹ, bằng mọi cách, không cho những người đại diện chân chính của nhân dân lao động có tài năng ra ứng cử và cũng không tạo cho nhân dân lao động điều kiện bầu ra người đại biểu

Digitized by Google

thật sự của mình. Cử tri Mỹ, rốt cuộc chỉ có thể chọn một trong hai người do hai đảng Cộng hòa hoặc Dân chủ đưa ra. Mà hai đảng này đều là của giai cấp tư sản, đại diện cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lũng đoạn nhà nước Mỹ. Từ lâu, Lê-nin đã nhận định rằng: về bản chất và mục tiêu cơ bản, hai đảng này giống nhau và «khác nhau» như «hai chiếc guốc trong một đôi guốc» và có sự phân công với nhau để đối phó với những tình huống cụ thể: chiến tranh hay hòa bình, hòa dịu hay căng thẳng, tăng tiến hay suy thoái... Vì vậy người của một trong hai đảng tư sản này được bầu thì giai cấp tư sản Mỹ vẫn là người quyết định đường lối chính sách của nước Mỹ.

Khi hai đảng này đã chọn xong người ra ứng cử thì cuộc vận động tranh cử bước vào «pha» gay cấn, sôi nổi, ồn ào nhất. Cuộc vận động tranh cử rùm beng này, trong đó hai ứng cử viên tha hồ dả kích nhau, làm cho những người ngây thơ tưởng rằng đó là một cuộc bầu cử «hoàn toàn tự do, dân chủ». Nhưng, thật ra, ở nước Mỹ chỉ có *tự do cạnh tranh của ứng cử viên* (đã được giai cấp tư sản chọn ra) chứ không hề có tự do của cử tri để bầu ra người đại diện thật sự cho mình.

Cách tính kết quả bầu cử chỉ căn cứ vào số phiếu của đại cử tri càng làm cho người đắc cử không tiêu biểu cho ý muốn của số lớn cử tri. Việc Ri-gân đắc cử lần này là một ví dụ nổi bật: về số phiếu bầu, Ri-gân chỉ hơn Ca-tơ 10% (51% so với 41%) nhưng khi tính kết quả, Ri-gân hơn Ca-tơ gấp 10 lần (tổng số đại cử tri là 538. Ri-gân: 489 — Ca-tơ: 49).

Một yếu tố làm cho nhân dân Mỹ thêm khó khăn trong việc bầu cử là báo chí và phương tiện thông tin rộng rãi của chính quyền Mỹ không hề góp phần nâng cao nhận thức và trình độ chính trị của người Mỹ, mà luôn luôn xuyên tạc và che giấu sự thật. Đến lúc bầu cử, bộ máy đó lại được huy động đến mức tối đa để «gây nhiễu» sự tìm hiểu của nhân dân đối với các vấn đề của đất nước và cá nhân các ứng cử viên.

Với một chế độ bầu cử «kiểu Mỹ» như thế, người đắc cử bao giờ cũng nằm trong ý đồ của giai cấp tư sản: nếu không phải là người của Đảng dân chủ thì là người của Đảng cộng hòa và ngược lại. Lần này, cử tri không muốn bầu cho Ca-tơ, nhưng lại rất sợ bầu cho Ri-gân. Dù Ca-tơ hay Ri-gân vào Nhà trắng thì đối với nhân dân Mỹ cũng như từ trước đến nay, «chỉ là vứt bỏ tai họa này để chuốc lấy tai họa khác mà thôi». Ngoài Ca-tơ và Ri-gân ra thì khó có một người nào khác có thể giành được đa số phiếu đại cử tri. Rõ ràng lá phiếu không phải là phương tiện để nhân dân Mỹ lựa chọn người thay mặt cho mình. Vì vậy ngày càng có nhiều người Mỹ chán ngấy và thờ ơ với cuộc bầu cử, số liệu dưới đây nói lên tâm trạng đó: tỷ lệ cử tri Mỹ đi bầu cử so với tổng số cử tri năm 1962 là 61,9%; năm 1968: 60,9%; năm 1972: 55,5%; năm 1976: 51,3%; năm 1980: 52,3%.

BÁC BỎ CA-TƠ KHÔNG PHẢI LÀ CHẤP NHẬN RI-GÂN

Báo chí của Mỹ và phương Tây đưa ra cùng một nhận xét: «Việc Gim-mi Ca-tơ bị đo ván không có gì đáng ngạc nhiên, nhưng mức độ thắng cuộc của Ri-gân làm cho nhiều người sửng sốt... Ri-gân thắng vì những người đã bỏ phiếu cho Ca-tơ năm 1976 ở miền Nam, Đông Bắc, Trung Tây nước Mỹ đã không ủng hộ Ca-tơ nữa. Một số lớn người Mỹ bầu cho Ri-gân vì họ nghĩ rằng nước Mỹ sẽ càng tồi tệ ở trong nước và mất hết thể diện ở nước ngoài nếu Ca-tơ tiếp tục cầm quyền, chứ không phải vì họ cùng quan điểm với Ri-gân và tin tưởng Ri-gân hơn. Do đó, kết quả cuộc bầu

Digitized by Google

cử là một sự bác bỏ hơn là một sự chấp nhận... »

Theo cuộc điều tra dư luận của báo *Niu-oóc Tal-mơ*, gần 40% cử tri được hỏi thừa nhận rằng họ bỏ phiếu cho Ri-gân vì « cần có sự thay đổi » và chỉ có 11% chọn Ri-gân vì « ông ta là một người bảo thủ thật sự ».

Kết quả cuộc bầu cử toàn bộ hạ nghị sĩ và một phần ba thượng nghị sĩ cũng chứng minh là Ca-tơ bị «xuống giá ». So với trước đây, lần này Đảng cộng hòa của Ri-gân giành thêm 11 ghế ở thượng nghị viện ; 32 ghế ở hạ nghị viện ; 4 ghế thống đốc bang. Còn Đảng dân chủ của Ca-tơ mất một số ghế xấp xỉ với số ghế tăng của Đảng cộng hòa.

Đúng là trong khi một số đông cử tri tầy chay cuộc bầu cử thì những cử tri tham gia bỏ phiếu đã bác bỏ Ca-tơ. Với một tâm trạng lo âu, bất bình và thất vọng, họ đã bác bỏ Ca-tơ chỉ sau một nhiệm kỳ tổng thống và họ đã loại trừ hàng loạt nghị sĩ Đảng dân chủ ra khỏi thượng nghị viện và hạ nghị viện.

Họ bác bỏ Ca-tơ vì họ không muốn đất nước của họ ở trong tình trạng xuống dốc kéo dài ; vì họ thấy Ca-tơ không thay đổi được mức độ phát triển tồi tệ của nước Mỹ. Ca-tơ không thực hiện được những lời hứa trước khi làm tổng thống.

Họ bầu cho Ri-gân bởi vì họ muốn có một « sự thay đổi » mặc dù Ri-gân không đưa ra được một « phép thần nào » hứa hẹn đem lại sức mạnh cho nền kinh tế Mỹ đang suy thoái với những căn bệnh kinh niên trầm trọng khác, mặc dù họ vẫn chưa quên những « quan điểm quá khích, cực hữu từ lâu » của Ri-gân, những tác hại của các chính sách « diều hâu » từ thời Ních-xơn mà Ri-gân tán thành.

Tâm lý đòi hỏi sự thay đổi này cùng với khủng hoảng lòng tin, đang lan rộng ở Mỹ. Bất mãn với hiện tại, lo lắng về tương lai. Đó là điều dễ hiểu. Làm sao mà người Mỹ có thể yên tâm được khi thấy đất nước của họ đã có một cơ sở vật chất, kỹ thuật dồi dào, một nền kinh tế phát triển, thế mà ngày nay số người thất nghiệp đã lên đến 8,3 triệu, lạm phát đã lên đến mức 14,8% hằng năm ; đồng đô la xuống giá đến mức 838 đô la/một ao-xơ vàng, (so với 10 năm trước — 35 đô la — hạ trên 20 lần !), khó khăn ngày càng chồng chất, tội phạm ngày càng tăng, xã hội ngày càng thối nát. Trước đây, ngân sách Mỹ thường xuyên bị thiếu hụt ở mức 13 tỷ đô la/năm, nhưng từ bốn năm nay con số này đã lên tới 48,6 tỷ, năm. Và cả nước Mỹ đang đau đầu về năng lượng...

Lại còn một yếu tố nữa : từ sau thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, Mỹ ngày càng thất thế về mặt quốc tế. Vị trí của Mỹ suy yếu trước ba dòng thác cách mạng sôi sục của thời đại và suy yếu cả so với các nước trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Mỹ phải lùi bước trước phong trào cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, Ăng-gô-la, Ni-ca-ra-goa, Áp-ga-ni-xtan, v.v. Mỹ đã mất mặt ở vùng Ca-ri-bê và Trung Đông, đặc biệt ở I-ran. Các đồng minh của Mỹ ở Tây Âu và Nhật-bản đang có khuynh hướng không đếm xỉa gì đến vai trò lãnh đạo của Mỹ và theo đuổi lập trường riêng, buông dần sự cam kết với chính sách Mỹ. Hãng tin Pháp AFP đã nêu rõ : « việc bầu Ri-gân làm tổng thống Mỹ làm nổi lên một loạt điều bấp bênh và những mối hoài nghi đáng lo ngại trong các nước đồng minh châu Âu » : Cộng hòa liên bang Đức và Pháp đều lo ngại về chính sách của Ri-gân « muốn làm ra vẻ đàn anh », « muốn vượt qua đầu các nước Tây Âu », và tổng thống Pháp đã tuyên bố trước Hội đồng chính phủ Pháp rằng « Tây Âu phải tự vệ chống áp lực của Mỹ » bằng cách củng cố những mối liên hệ trong nội bộ châu Âu, còn Cộng hòa liên bang Đức đòi Mỹ phải « đối xử

Digitized by Google

bình đẳng với Tây Âu ». Và điều mà tập đoàn thống trị Mỹ lo ngại nhất là Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác phát triển nhanh chóng về kinh tế, quốc phòng.

Thành tích bốn năm cầm quyền của Ca-tơ quá nghèo nàn, trên một số mặt, còn là con số âm. Vì vậy, trong cuộc chạy đua vào Nhà trắng lần này, Ca-tơ đã bị thất bại.

Còn Ri-gân, trong cuộc vận động tuyển cử có nhiều lời tuyên bố với lập trường « bảo thủ » và « cực hữu », cương lĩnh tranh cử có nhiều điều mâu thuẫn giữa chính sách và biện pháp. Nhưng Ri-gân được bầu không phải là vì đa số nhân dân Mỹ chấp nhận lập trường và cương lĩnh đó. Vậy thì ai chấp nhận Ri-gân ?

ẢO TƯỞNG CỦA GIỚI TÀI PHIỆT MỸ

Điều quá rõ là ở nước Mỹ, cuộc khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội đã dẫn tới sự khủng hoảng về người lãnh đạo cao nhất của Nhà nước. Bốn vị tổng thống trước kia được xem là « tinh hoa chính trị Mỹ » phải về vườn vì thất bại ở Việt-nam. Những tổng thống kế tiếp cũng không xoay chuyển được tình thế suy yếu, xuống dốc của nước Mỹ. Thế thì giao tay lái con tàu Mỹ cho ai ? Trong cơn khủng hoảng người làm tổng thống, Ri-gân được chọn. Và kẻ chọn đưa Ri-gân ra, chính là các giới tài phiệt Mỹ. Và cũng chính các giới này định ra chiến lược và chính sách của nước Mỹ, tuy rằng với bản lĩnh, tài năng, phong cách của mình, tổng thống Mỹ cũng có phần đóng góp.

Vậy, những tập đoàn tư bản nào đứng sau Ri-gân ? Báo chí Mỹ cho biết : từ những năm 50, Ri-gân đã quan hệ chặt chẽ với Công ty « Giê-nê-ran Ê-lếch-tờ-rích », một công ty có vốn đầu tư gần 20 tỷ đô-la, đứng thứ 11 trong các công ty độc quyền lớn nhất thế giới, kiểm soát phần lớn việc sản xuất vũ khí hạt nhân, máy bay, tên lửa của Mỹ. Từ năm 1960, Ri-gân còn được thêm sự ủng hộ của các giới tài phiệt kinh doanh xe hơi, dầu mỏ và hóa chất. Những cố vấn về chính sách đối nội và đối ngoại của Ri-gân có nhiều người trong « Ủy ban đối phó nguy cơ hiện tại », gồm những nhân vật phái hữu thuộc tổ hợp công nghiệp quân sự ; Ủy ban này chống lại việc ký hiệp ước SALT II và đòi tăng chi phí quốc phòng nhiều hơn để « chống nguy cơ Liên-xô ».

Chính các giới tài phiệt trên đây, những kẻ làm giàu bằng kinh doanh phương tiện quân sự, đã sử dụng Ri-gân vào những mục tiêu của họ. Từ năm 1947 Ri-gân đã hợp tác tích cực với ủy ban điều tra chống cộng, chống Liên-xô. Từ năm 1964, ông ta là Chủ tịch của tổ chức « những đảng viên cộng hòa Ca-li-pho-ni-a ủng hộ Be-ry Gôn-oa-tơ » (phái cực hữu) và báo chí Mỹ đã gọi Ri-gân là « thái tử của vương quốc Gôn-oa-tơ ».

Ri-gân ủng hộ Ai-xen-hao năm 1952 và Ních-xơn năm 1960. Trong gần nửa thế kỷ qua (1932 — 1980), phục vụ đắc lực cho chính quyền tư bản tài phiệt Mỹ, ông ta đã từng hoạt động theo quan điểm hiếu chiến, coi việc tăng cường sức mạnh quân sự của Mỹ để chống Liên-xô là vấn đề ưu tiên số một. Trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, Ri-gân đòi để cho các tướng Mỹ tự do hành động, đòi dùng vũ khí hạt nhân tiến công miền Bắc nước ta, phản đối hòa bình thương lượng.

Trong khi tranh cử, Ri-gân đã kích động tâm lý dân tộc chủ nghĩa, sô vanh nước lớn đến mức cho rằng « chiến tranh Việt-nam là một trang sử vẻ vang của nước Mỹ », rằng « người Mỹ không có điều gì phải căn rứt lương tâm về việc hành hình vợ chồng nhà bác học Rô-dăng-be, về vụ Oa-tơ-ghết, về vụ tàn sát dân làng Mỹ-lai... Nước Mỹ rất tốt đẹp vì nó là hiện thân của đạo đức, tự do. Nước

Digitized by Google

Mỹ phải hùng mạnh để bảo vệ công lý và pháp lý, v.v. ». Sau khi đắc cử, Ri-gân đã cho người ta hiểu rằng ông ta có thể phủ nhận hiệp ước hạn chế vũ khí hạt nhân SALT II, bật đèn xanh cho việc chế tạo bom nơ-tơ-rôn, có thể can thiệp vũ trang vào I-ran... Ông ta đã chọn một số nhân vật « diều hâu » như tướng Hê-gơ, Kít-xinh-giơ, làm cố vấn.

Đưa Ri-gân vào Nhà trắng, các giới tài phiệt Mỹ muốn gì? Báo *Nhân đạo* (Pháp) nhận xét: « Ri-gân có ưu thế là đã đáp ứng được nỗi luyến tiếc quá khứ, gây được một ảo tưởng rằng nước Mỹ của thời kỳ làm mưa làm gió trước đây có thể sống lại ».

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, do vị trí đặc biệt của nó, nước Mỹ đã có một thời kỳ nắm độc quyền bom nguyên tử, có một tiềm lực quân sự hơn hẳn các nước khác, một túi đô la to lớn và một vị trí nổi bật trên thế giới. Mỹ đã trở thành dinh lũy, đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc thế giới, sen đầm quốc tế, ôm ấp mộng bá chủ thế giới.

Nhưng, sự phát triển của lịch sử vẫn tuân theo những quy luật thép.

Sau cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, nước Mỹ không ngừng xuống dốc. Thời kỳ « vàng son » của Mỹ lùi dần về dĩ vãng. Cái gọi là « kỷ nguyên Mỹ » đang bước dần đến điểm tận cùng của sự bế tắc.

Trước triển vọng đen tối đó, đế quốc Mỹ, một lần nữa, mưu toan xoay ngược bánh xe lịch sử. Ra sức chạy đua vũ trang, ngăn chặn xu thế hòa bình và hòa dịu quốc tế, gây tình hình căng thẳng và chiến tranh lạnh, dốc sức lấy lại ưu thế về quân sự, ngăn chặn các phong trào đấu tranh cách mạng, can thiệp vào công việc nội bộ các nước khác, hành động thù địch với các nước xã hội chủ nghĩa, cố giành lại những địa bàn đã mất. Báo Mỹ Cri-schiên Sai-ân-sơ Mô-ni-tơ, số ra ngày 6-11-1980 đã nói: « Thắng lợi của Ri-gân làm cho một số người Mỹ có thêm hy vọng mới sẽ giải quyết được những vấn đề của họ ở trong và ngoài nước » và là « một cơ hội để đảo ngược chiều hướng phát triển của chính quyền ».

Đó là hy vọng hay là ảo tưởng?

NẾU TIẾP TỤC CON ĐƯỜNG CŨ, NƯỚC MỸ SẼ TRẢ GIÁ ĐẮT

Hãy còn quá sớm để bình luận về chiến lược và chính sách đối nội, đối ngoại của Ri-gân. Ít nhất, phải chờ đến lúc tổng thống mới nhậm chức và đọc thông điệp về liên bang trước quốc hội Mỹ vào ngày 20 tháng 1 năm 1981.

Mặc dù quá khứ và chương trình tranh cử của Ri-gân cùng với sự xuống dốc của nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa đã tạo cho người ta một ý niệm khá rõ về triển vọng không sáng sủa gì của nước Mỹ trong bốn năm cầm quyền sắp tới của tổng thống mới, nhưng có hai lý do khiến chúng ta phải chờ đợi: thông thường, các vị tổng thống Mỹ sau khi nhậm chức đều « quên » những lời hứa lúc vận động tranh cử; có một khoảng cách giữa chương trình « vĩ đại » với khả năng rất hạn chế của tổng thống và khả năng thực tế của nước Mỹ. Tổng thống mới sẽ vấp phải những khó khăn và mâu thuẫn mà ông ta phải trực tiếp đương đầu khi ngồi vào Nhà trắng, khiến cho ông ta phải điều chỉnh những chính sách do ông ta và tập đoàn tư bản lũng đoạn Nhà nước Mỹ đã phác họa.

Trong mười hai năm liền với ba lần ra tranh cử chức ứng cử viên tổng thống nhưng bị thất bại, Ri-gân theo đuổi một giấc mộng: đưa nước Mỹ trở lại thế mạnh thời cuối những năm 40, khi Liên-xô chưa hàn gắn xong vết thương chiến tranh, khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới mới hình thành, khi các dân tộc mới bắt đầu thức tỉnh về chủ quyền độc lập.

Digitized by Google

khi phong trào hòa bình và dân chủ bắt đầu nhen nhóm, khi các nước Tây Âu và Nhật-bản vẫn còn trong cơn ác mộng của kẻ chiến bại... Hồi đó, Mỹ một tay ôm bom nguyên tử, một tay xách túi đô la, xông vào các lục địa, thao túng Liên hợp quốc và giải quyết mọi vấn đề trên thế mạnh.

Ngày nay, tình hình ấy đã lùi xa trong dĩ vãng. Qua nhiều năm bị thất bại và suy yếu, về đối ngoại, Mỹ không còn đủ sức làm sen đầm quốc tế như trước, về đối nội, Mỹ không tránh khỏi những hậu quả tai hại có tính quy luật của một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. Đối sánh lực lượng trên thế giới đã và đang thay đổi, ngày càng có lợi cho chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc và hòa bình thế giới. Ba dòng thác cách mạng liên tục tiến công, từng bước giành thắng lợi. Đồng minh của Mỹ cũng không ngoan ngoãn vâng lời Mỹ như trước. Cả loài người tiến bộ sẽ không khoanh tay nhìn hòa bình và an ninh bị phá hoại, mà luôn luôn nêu cao cảnh giác, tăng cường hành động cách mạng để bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình thế giới.

Thế giới đã bước vào thập kỷ 80, thập kỷ sẽ mang lại nhiều điều rối ren, hỗn loạn hơn nữa cho thế giới tư bản chủ nghĩa do các cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội, tình trạng suy thoái kinh tế, sự khan hiếm năng lượng và nguyên liệu, sự cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn tột cùng của nó gây ra. Thập kỷ 80 cũng báo trước những cuộc tiến công mới của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vị tổng thống mới của nước Mỹ sẽ đứng trước hàng loạt vấn đề gay cấn, bắt nguồn từ những mạch sâu xa của bản thân chế độ Mỹ, của bản chất chủ nghĩa đế quốc. Ri-gân sẽ hành động như thế nào? Làm sao thực hiện được những điều ông ta đã hứa? Ngay lúc Ri-gân chưa chính thức nhậm chức, một người vận động bầu cử của ông ta đã thổ lộ tâm trạng lo lắng: « Vâng! chúng ta đã thắng. Chúng ta đã thắng lớn. Nhưng chẳng mấy chốc chúng ta phải thông báo kết quả. Chúng ta phải thực hiện những điều đã hứa... »

Trước mắt, ở nước Mỹ chưa ai tỏ ra lạc quan về nhiệm kỳ tổng thống mới — kể cả những người trong đảng của ông ta. Nhưng có điều chắc chắn là, dù người cầm lái con thuyền nước Mỹ đó là ai, đường lối chính sách của Mỹ về cơ bản chưa thay đổi thì nước Mỹ đang và sẽ còn tiếp tục đi xuống!

Digitized by Google

NHÌN LẠI NHỮNG TÁC PHẨM VIẾT VỀ CHIẾN TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC TRONG 35 NĂM QUA

PHAN-CỰ-ĐỆ

CHIẾN tranh nhân dân chống bọn đế quốc xâm lược là một trong những đề tài lớn của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chúng ta tự hào đã xây dựng được nền văn học phản ánh ba mươi lăm năm đấu tranh liên tục chống đế quốc của nhân dân ta, nền văn học lên án mạnh mẽ và bóc trần không thương tiếc những thủ đoạn thâm độc, những tội ác dã man của chủ nghĩa thực dân Pháp kiểu cũ cũng như chủ nghĩa thực dân Mỹ kiểu mới. Có thể là còn có những hạn chế cần phải vượt qua, cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật. Đây đó, còn có những tác phẩm đơn giản và sơ lược, đôi khi màu sắc trữ tình lãng mạn trong một số truyện và tiểu thuyết cũng đã làm mờ đi những đường nét gân guốc của hiện thực. Nhưng nhìn chung những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh đã miêu tả một cách chân thật những mặt bản chất của thực tiễn đấu tranh cách mạng mấy chục năm qua. Đó là những tác phẩm xuất sắc của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Có lẽ trong văn học thế giới nửa thế kỷ nay, ít có nền văn học nào chống đế quốc mạnh mẽ và liên tục đến như thế. Đó là nền văn học cháy sáng ngọn lửa của lý tưởng, của niềm tin của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nền văn học đó đã góp phần xây dựng con người mới Việt-nam xã hội chủ nghĩa và chắc chắn sẽ còn rọi sáng cho nhiều thế hệ tương lai. Vì thế mà Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV đã khẳng định:

« Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay ».

Nhưng gần đây, trong cách đánh giá tính chân thật của những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh, đã nảy sinh một số ý kiến không đúng.

Có người cho rằng nền văn học của chúng ta trong mấy chục năm qua thiên về miêu tả *hiện thực như nó phải tồn tại chứ không phải như nó đang tồn tại*, miêu tả *cái lý tưởng* hơn là miêu tả *cái hiện thực*, mới miêu tả *cái cao cả* chứ chưa miêu tả *cái đẹp* (1). Họ cho rằng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học nghệ thuật của chúng ta là « chủ nghĩa hiện thực phải đạo » do có « lối sống phải đạo » theo quy luật « thích nghi sinh tồn », thực chất là muốn nói đến một lối sống tùy thời trong xã hội và một chủ nghĩa công thức, giáo điều nào đó trong văn học, muốn nói

(1) Xem bài « Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua » của Hoàng-Ngọc-Hiến đăng trên báo *Văn nghệ* số 23, ngày 9-6-1979.

Digitized by Google

đến một nền văn học không thật sự có tự do, một nền văn học phi hiện thực vì phải viết theo ý muốn của lãnh đạo. Đây là một sự vu khống đồng thời là một sự miệt thị đối với nền văn học và các nhà văn của chúng ta, khiến cho nhiều nhà văn của chúng ta phẫn nộ một cách chính đáng.

Người đưa ra luận điểm này thực chất đã đối lập tính đảng với tính hiện thực và có khuynh hướng muốn bỏ qua một cách phi lý phạm trù cái cao cả, cái anh hùng, phủ nhận mặt mạnh nhất của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt-nam là đã xây dựng được những tác phẩm giàu tính lý tưởng, xây dựng được những điển hình anh hùng cách mạng ngời sáng. Những điển hình văn học có phẩm chất trong sáng, có lý tưởng cao cả là hoàn toàn phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của con người Việt-nam trong quá khứ cũng như hiện nay. Con người Việt-nam vốn có truyền thống coi trọng đời sống tinh thần, coi trọng những quan hệ cộng đồng, khát khao những lý tưởng đẹp đẽ. Trong mấy chục năm kháng chiến chống hai tên đế quốc xâm lược, không phải « lối sống phải đạo », « lối sống tùy thời » mà chính là chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã trở thành nếp sống chủ đạo của nhân dân ta. Do đó, cái anh hùng, cái cao cả là mặt bản chất của hiện thực đấu tranh cách mạng. Do đó, nhiệm vụ trung tâm của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt-nam là phải « phản ánh chủ nghĩa anh hùng cách mạng và những phẩm chất cao quý của nhân dân ta » (2).

Về mặt lý luận, người đưa ra luận điểm về « chủ nghĩa hiện thực phải đạo » đã phạm sai lầm khi đối lập một cách siêu hình lý tưởng với hiện thực, *cái phải tồn tại* với *cái đang tồn tại*. Trong những xã hội có đối kháng giai cấp, nhà văn không có điều kiện khắc phục cái hố ngăn cách giữa lý tưởng và hiện thực. Trong những xã hội ấy, giữa lý tưởng của nhà văn mong muốn có một cuộc đời tốt đẹp và hiện thực xấu xa của xã hội là một cái vực sâu thẳm, lý tưởng hoặc « chiến thắng » hiện thực xấu xa một cách ảo tưởng theo lối hài kịch, hoặc tan vỡ đau xót trước hiện thực phũ phàng theo lối bi kịch. Những lý tưởng thẩm mỹ của văn học nhân đạo chủ nghĩa quá khứ phần lớn là những mô hình về tính hoàn mỹ ở ngoài hiện thực được mô tả. Những hình tượng đẹp trong văn học dân gian, văn học quá khứ có khi chỉ là những khuôn mặt mờ ảo, lung linh trong giấc mơ. Còn những hình tượng mang tính lý tưởng cao cả trong các tác phẩm của chúng ta ngày nay viết về đề tài chiến tranh cách mạng (như anh hùng Núp, chị Út-Tịch, Kan-Lich, Nguyễn-Văn-Trỗi...) thì lại chính là hình ảnh chân thật của những người anh hùng cầm súng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn không có tình trạng đối lập tuyệt đối, không thể vượt qua giữa lý tưởng và hiện thực như E. Phi-sơ (Eret Fisher) đã nêu lên. Dĩ nhiên là vẫn còn mâu thuẫn giữa lý tưởng và hiện thực: khi hiện thực vươn lên được một lý tưởng nào đó thì mục tiêu phấn đấu của con người lại càng muốn vượt cao hơn, vươn xa hơn. Quan hệ này cứ đổi mới thường xuyên nhưng ở đây không còn là tình trạng đối kháng giữa lý tưởng và hiện thực như trong xã hội cũ.

Xã hội mới, thế giới quan mác xít, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa giúp cho nhà văn miêu tả hiện thực một cách lịch sử cụ thể trong quá trình phát triển cách mạng, giải quyết được mối quan hệ hài hòa giữa lý tưởng và hiện thực, giữa *cái phải tồn*

---

(2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật Hà-nội, 1977, tr. 121.

Digitized by Google

tại và *cái đang tồn tại*. Sự kết hợp nhuần nhị giữa tính lý tưởng và tính hiện thực đã trở thành đặc trưng thẩm mỹ của những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh trong mấy chục năm qua. Vậy mà có người bất chấp sự thật này lại cho rằng đó là những « tác phẩm chỉ có 1 phần 2 sự thật », mà « 1 phần 2 sự thật đã là sự giả dối ». Đây là một sự đánh giá sai lầm. Hiện thực được miêu tả trong các tác phẩm của các nhà văn chúng ta viết về đề tài chiến tranh là một hiện thực phong phú, phức tạp và đa dạng về màu sắc thẩm mỹ. Đảng kêu gọi văn nghệ sĩ chúng ta đến các mũi nhọn của cuộc sống, đến những nơi mà ngọn lửa kháng chiến, ngọn lửa anh hùng cháy sáng nhất, đến những nơi đầu sóng ngọn gió của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc đang diễn ra dữ dội và ác liệt nhất. Chính vì thế mà văn học ta không những không tránh né mà đi thẳng vào trung tâm mâu thuẫn, không chỉ miêu tả cái anh hùng, cao cả vốn là mặt bản chất của hiện thực mà còn lên án cái ti tiện, thấp hèn, không chỉ ca ngợi những chiến công rực rỡ mà còn nói những tổn thất, hy sinh, những khó khăn phức tạp mà nhân dân ta đã phải trải qua để đi đến thắng lợi ngày hôm nay. Nhiều cuốn tiểu thuyết viết về cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước đã tập trung miêu tả cuộc chiến đấu dữ dội ở những vùng vành đai, vùng ven đô, vùng giới tuyến. Thôn Thượng anh hùng nằm ngay ven đường vào căn cứ lính dù Mỹ (*Thôn ven đường*), làng Hà-thanh ương ngạnh đứng trụ trên vành đai diệt Mỹ quyết liệt nhất của Quảng-đà (*Đất Quảng*), làng Cá kiên cường, bất khuất nằm lọt giữa vùng bàn đạp gần Chu-lai (*Mặn và tôi*), đó là những pháo đài chống Mỹ tiêu biểu, những hoàn cảnh rất điển hình, phản ánh hình thái giằng co ác liệt giữa ta và địch. Bọn Mỹ muốn quét trắng vùng vành đai, nống ra vùng giải phóng, còn quân dân ta thì quyết tâm bám trụ, một tấc không đi, một ly không rời, quyết tâm làm chủ vùng bàn đạp để bao vây tiêu diệt địch. Hiện thực trong các tác phẩm viết về đề tài chiến tranh đâu có phải là « hiện thực tô hồng », là « làn mây mỏng bay là là trên mặt đất » ! Những thắng lợi chúng ta đạt được phải đổi bằng biết bao khó khăn, gian khổ, biết bao mất mát, hy sinh của đồng bào, đồng chí ta.

Tiểu thuyết *Mặn và tôi* bắt đầu từ một điểm hơi thấp của phong trào, vào cuối năm 1964, lúc miền Trung Trung-bộ đang bị tàn phá dữ dội trong một trận lụt lớn chưa từng thấy chạy suốt các tỉnh ven biển từ Thừa-thiên đến Bình-định. Bằng một bút pháp lạnh lùng và tỉnh táo, Phan-Tứ đã thành công trong việc tố cáo tội ác diệt chủng dã man chưa từng thấy của Mỹ-ngụy. Lòng ta đau thắt lại trước cái cảnh nước dâng réo dữ tợn trong đêm đen mù mịt, hàng ngàn bà con rú thét chạy loạn trong các địa ngục ấp chiến lược bị những họng súng, rào thép gai và mìn vây kín. Chính từ những cảnh đau thương uất hận đó mà lòng căm thù bốc lên, tạo thành sức mạnh bộc phá cho những đợt dồng khởi dậy chuyền của hàng chục xã và những trận đánh lớn vào các cứ điểm đã từng gây nhiều tội ác ở phía nam Tam-kỳ. Làng Cá đầm bùn và máu đã lớn vọt lên thành làng chiến đấu. Nhưng rồi phong trào Tam-sa lại tụt xuống điểm âm, sau khi Ba-Chấn phản bội, sáu thôn Tam-sa lại bị địch chiếm đóng. Rồi Mỹ đổ quân ồ ạt vào Chu-lai, biến làng Cá thành mảnh đất bàn đạp căng thẳng gần căn cứ. Bất chấp mọi thử thách đau thương, làng Cá kiên cường bất khuất vẫn lớn lên và cuối cùng đã trở thành một điển hình anh hùng ngời sáng của miền Nam. Những cuốn tiểu thuyết khác như *Rừng U-minh*, *Đất Quảng*, *Dấu chân người lính*, *Miền cháy*... tuy

Digitized by Google

nói nhiều những chuyện mất mát, đau thương nhưng vẫn trình bày được sức quật khởi vô cùng mạnh mẽ của đồng bào ta trong lòng địch, vẫn làm sáng lên những tấm gương anh hùng bất khuất và chủ nghĩa nhân đạo cộng sản của những người chiến sĩ cầm súng.

Có người bối rối, bi quan trước những khó khăn to lớn trong quá trình phát triển của cách mạng hiện nay, đưa ra những nhận định sai lầm về bản chất của hiện thực đời sống chúng ta, về nhiệm vụ của văn học trong tình hình mới. Khi đánh giá những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh, họ muốn thu hẹp hiện thực về phía những « mặt trái », mặt tiêu cực, những tổn thất hy sinh, những đau thương mất mát — mà họ gọi chung một cái tên là « hiện thực dữ dội, khốc liệt » Họ chỉ trích nền văn học ta không tập trung miêu tả những con người bất hạnh mà chỉ miêu tả những « con người may mắn », không miêu tả « những con đường đau khổ » và « những kẻ đi lang thang » ngoài lề của chủ nghĩa xã hội, không miêu tả những con người bé nhỏ, bình thường, trung gian mà lại tập trung miêu tả những con người tiên tiến, anh hùng của xã hội.

Hiện thực là một tồn tại khách quan, đa dạng, phức tạp và luôn luôn vận động Thấy hiện thực toàn màu hồng là một cách nhìn sơ lược, công thức, nhưng nếu cho rằng phải tập trung miêu tả cái tiêu cực, cái tổn thất hy sinh, cái khốc liệt mới là hiện thực thì lại sa vào một công thức khác. Bởi vì trong mấy chục năm qua, chúng ta đã đánh thắng hai tên đế quốc đầu sỏ, đã xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nửa nước, rồi trong cả nước, hiện nay chúng ta lại đang bước vào một cuộc chiến đấu mới nhằm bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Thành tích của chúng ta vô cùng to lớn. Nếu chỉ thấy mặt tiêu cực, chỉ thấy mất mát hy sinh thì sẽ không đánh giá đúng hiện thực, lẫn lộn hiện tượng và bản chất, do đó rơi vào tình trạng bi quan, thậm chí khiếp nhược, mất phương hướng trong sáng tác và phê bình.

Trước đây, các tác phẩm viết về chiến tranh đã tập trung tố cáo tội ác của kẻ thù và ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quần chúng. Điều đó là hoàn toàn đúng. *Dấu chân người lính* đã miêu tả vẻ đẹp của hai thế hệ cầm súng trên chiến hào chống Mỹ. *Vùng trời* (tập 1 và tập 2) đã nói được bản chất anh hùng của quân chủng không quân nhân dân Việt-nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không lực Hoa-kỳ, và đó là mặt thành công chủ yếu của tác phẩm. Trong hoàn cảnh chiến tranh, do ý thức trách nhiệm trước vận mệnh của Tổ quốc, có những điều chúng ta chưa nói hết; trong những điều đó có những tổn thất hy sinh to lớn mà nhân dân ta đã phải chịu đựng cũng như những chiến công anh hùng thầm lặng chưa được công bố của các đơn vị đặc công, an ninh, không quân... Bây giờ đây, trong những điều kiện mới, chúng ta đặt vấn đề nâng cao chất lượng hiện thực của tác phẩm là hoàn toàn đúng. Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, *Vùng trời* (tập 3), *Miền cháy*, *Kỵ sự miền đất lửa* đã có thể bổ sung thêm một số mảng hiện thực mà trước đây chúng ta chưa có điều kiện nói. Mặt khác, chúng ta đã có một khoảng cách thời gian để có thể đánh giá sự kiện một cách chính xác hơn, nhìn cuộc chiến tranh một cách toàn diện hơn, bao quát hơn. Đó là chưa nói đến những yêu cầu của bạn đọc ngày càng cao hơn, phức tạp và tinh tế hơn. Tuy nhiên, muốn đặt vấn đề

Digitized by Google

nâng cao chất lượng hiện thực của văn học một cách chính xác thì cần phải hiểu đúng tình hình chính trị của đất nước ta hiện nay. Một số người rơi vào ảo tưởng là hiện nay chúng ta đã hoàn toàn ở trong thời kỳ hòa bình, không còn có sự tiến công của kẻ thù ở bên trong và bên ngoài, cho nên bây giờ là lúc văn học có thể nói mọi chuyện, nêu lên mọi vấn đề. Tất nhiên, văn học phải miêu tả cuộc đấu tranh giữa hai con đường để đi lên chủ nghĩa xã hội, miêu tả cuộc đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, tiêu cực còn tồn tại trong đời sống chúng ta hiện nay. Nhưng cũng cần phải thấy rằng chúng ta đang đứng trước nguy cơ xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Nhân dân ta vừa tiến hành thắng lợi hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới tây-nam và biên giới phía bắc chống bọn bành trướng Bắc-kinh và bè lũ tay sai là bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry. Nhưng đến hôm nay chiến sĩ ta vẫn còn phải đánh địch xâm lấn biên giới, còn phải chịu tổn thất thương vong, còn phải tiếp tục đối phó với những thủ đoạn phá hoại rất thâm độc của tập đoàn phản bội Bắc-kinh câu kết với bè lũ đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Văn học phải tiếp tục động viên ý chí chiến đấu của nhân dân để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng làm thất bại mọi âm mưu xảo quyệt, mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý của kẻ thù Văn học cũng phải góp phần kiên định ý chí của nhân dân ta trong việc phấn đấu thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Không nhận thức đúng bản chất của hiện thực cách mạng 35 năm qua và những nhiệm vụ hiện nay của văn học sẽ dễ dàng rơi vào những luận điểm mơ hồ, thậm chí lệch hướng.

Cho rằng văn học ta chỉ miêu tả « những con người may mắn » theo một công thức nào đó là một ý kiến sai lầm. Các nhân vật trung tâm trong các tác phẩm văn xuôi viết về đề tài chiến tranh như Kha (*Xung kích*), Lương (*Trước giờ nổ súng*), chị Tứ-Hậu (*Một chuyện chép ở bệnh viện*), chị Sứ (*Hòn Đất*), Nguyễn-Văn-Trỗi (*Sống như Anh*), Sáu-Thắm (*Đất Quảng*), Mẫn (*Mẫn và tôi*), Lữ (*Dấu chân người lính*)... đã chịu bao nhiêu mất mát trong cuộc đời riêng của họ và có những người đã hy sinh cả tính mệnh của mình cho lẽ sống cao cả của dân tộc. Họ là những điển hình tiêu biểu cho cuộc chiến đấu anh hùng của dân tộc ta trong mấy chục năm qua. Tất nhiên những kẻ phải trải qua « con đường đau khổ » mới đi được đến với cách mạng, « những kẻ lang thang » ngoài lề của chủ nghĩa xã hội, những con người bé nhỏ, trung gian cũng có thể là đối tượng miêu tả của văn học. Nhưng đó không phải là những con người tiêu biểu cho bản chất thời đại chúng ta. Hướng văn học vào những tấn bi kịch quằn quại của những kẻ phản bội, đầu hàng, những kẻ dao động, cơ hội chủ nghĩa, những « con người đau khổ », « bất hạnh » đi « ngoài lề » của chủ nghĩa xã hội để làm gì ?

Đảng cộng sản Việt-nam, từ trước đến nay, vẫn xem nhiệm vụ xây dựng con người mới, xây dựng những điển hình tiên tiến và anh hùng là nhiệm vụ trung tâm của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa. Chúng ta đều đã rõ, những điển hình con người mới, những điển hình anh hùng chiến sĩ là những điểm sáng hội tụ các vấn đề có ý nghĩa bản chất của đời sống, các vẻ đẹp lý tưởng của thế giới chung quanh ta, do đó họ là những người tiêu biểu cho cuộc sống hôm

Digitized by Google

nay và cho xu hướng phát triển tiến lên ngày mai của lịch sử. Những điển hình văn học đó cũng giúp ta nhận thức được những mâu thuẫn cơ bản của hiện thực, bởi vì chính họ là những người sẵn sàng đứng ở đầu sóng ngọn gió, đứng ở mặt chính yếu của mâu thuẫn để giải quyết mâu thuẫn. Một nền văn học hiện thực mang tính đảng cộng sản phải xem nhiệm vụ xây dựng những điển hình con người mới, những điển hình anh hùng cao cả là nhiệm vụ chiến lược của mình, là lý do tồn tại của mình trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Chúng ta không loại trừ việc miêu tả nhân vật tiêu cực trong văn học. Miêu tả nhân vật tiêu cực là để làm nổi bật nhân vật tích cực, để nêu cao lý tưởng cách mạng sáng ngời của chúng ta. Cho rằng văn học ta phải hướng vào việc miêu tả những người «bất hạnh», những người «lang thang», những người «ngoài lề», thậm chí những tên đầu hàng, phản bội, là sai lầm.

★

Nâng cao chất lượng hiện thực của tác phẩm, khám phá và sáng tạo cái mới là nhiệm vụ thường xuyên của nền văn học chúng ta. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là quay lưng lại truyền thống tốt đẹp, phủ nhận những thành tựu to lớn của nền văn học 35 năm qua, càng không có nghĩa là chạy theo một số quan điểm đã cũ rích, một số mốt «tân thời» của văn nghệ tư sản phương Tây. Cho rằng văn nghệ ta đi theo «chủ nghĩa hiện thực phải đạo», bởi vì nó chỉ miêu tả cái hiện thực phải tồn tại chứ chưa miêu tả cái hiện thực đang tồn tại là sao chép luận điệu của A. Ca-múyt hơn hai chục năm về trước khi ông ta nói xấu nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa của Liên-xô.

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn văn học, cái *mới* không đồng nhất với cái *lạ*, càng không đồng nhất với cái *phi lý*. Trên cái nền của những thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được 35 năm qua, trên cơ sở truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc, chúng ta sẽ vươn lên những đỉnh cao mới, khám phá và sáng tạo những giá trị nghệ thuật mới. Cái *mới* chân chính không thể nảy sinh trên một miếng đất trống, nảy sinh từ lối suy nghĩ tư biện và hình thức chủ nghĩa, thoát ly truyền thống dân tộc và thực tiễn đấu tranh chính trị của nhân dân ta hiện nay.

Nâng cao chất lượng tác phẩm là một trong những nhiệm vụ quan trọng của văn học nói chung, của những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh nói riêng. Nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta là một nền văn nghệ tiên phong chống đế quốc trong thời đại ngày nay, một nền văn nghệ anh hùng mà mặt mạnh chủ yếu của nó là luôn luôn cháy sáng ngọn lửa lý tưởng. Nền văn nghệ đó không cho phép chúng ta tách rời tính hiện thực với tính đảng, tính hiện thực với tính lý tưởng. Trong thời đại chúng ta, triết học mác xít không chỉ giải thích thế giới mà còn góp phần tích cực cải tạo thế giới. Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng là một nền văn học không chỉ phản ánh để phản ánh mà còn phải chú ý nâng cao tư tưởng và tình cảm cách mạng cho quần chúng, góp phần vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, góp phần hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta hiện nay là bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

NGÔ-HUY-QUỲNH

Khi bay tới thủ đô Hà-nội, một khách nước ngoài nói : « Nhìn từ trên cao, đất nước xanh rờn này hình như bàn tay con người đang thay đổi, sắp đặt lại ». Thật vậy, với bờ vùng bờ thửa, mương máng tưới tiêu song song với những hàng cây phòng hộ tươi tốt, nông thôn nước ta đã thay đổi khá nhiều. Với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nhiều làng xóm đã được cải tạo. Dù chưa có những công trình kiến trúc đồ sộ hiện đại, những công trình thủy nông, điểm cơ khí, chuồng trại chăn nuôi... đang là những nét cơ bản làm đổi mới bộ mặt của nông thôn.

Ở miền xuôi, nhiều làng xóm đã trở nên phong quang với đường đi rộng, sạch. Ở miền núi, đồng bào định canh định cư đã dựng lên những khu ở kiểu mới với những vật liệu mà thiên nhiên ưu đãi. Ta chưa thỏa mãn được yêu cầu xây dựng ngay làng bản thật đẹp, nhưng từ phong trào nhân dân tự sửa chữa và xây mới nhà ở, đã nảy mầm những nhân tố mới trong kiến trúc nhà ở. Kiểu nhà 5—7 gian cổ truyền với vì kèo nhiều gỗ đã dần dần được thay thế. Phòng ngủ, nơi tiếp khách, chỗ làm nghề phụ, nơi học của các cháu nhỏ đã có phân biệt rõ ràng. Quanh nhà, vườn tược, chuồng lợn, chuồng gà, hố xí hai ngăn đã được xếp đặt hợp lý hơn, bảo đảm quan hệ láng giềng tốt với các hộ lân cận. Rõ ràng, giữa vùng đồng ruộng phản ánh hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với nội dung chuyên canh, thâm canh, thủy lợi hóa, hóa học hóa, điện khí hóa ở quy mô ban đầu của sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, làng bản đã đổi mới trong chiều sâu của đời sống vật chất và văn hóa, tuy bộ mặt kiến trúc còn xa mới đàng hoàng to đẹp.

I — CẦN THỐNG NHẤT NHẬN ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Một số quan niệm về xây dựng nông thôn vẫn còn là đề tài tranh cãi.

« Đô thị hóa nông thôn » ? Ít nhiều đã có người nói đến vấn đề này với một khái niệm sai lạc. Có người cho rằng ta sẽ phải chuyển hóa nông thôn thành đô thị cả. Có cán bộ chỉ đạo quy hoạch đô thị đã nghĩ rằng đối với thôn xóm hiện nay chỉ cần cải tiến, sửa sang tạm để nó « sống » nhất thời vì nó sẽ chuyển hóa thành đô thị, và như vậy không nên đặt vấn đề quy hoạch xây dựng nông thôn ! Cũng do cách đặt vấn đề « đô thị hóa nông thôn » theo cách ấy mà không thiếu gì nơi cho rằng phải xây dựng nông thôn như thành thị, nghĩa là kẻ đường thật thẳng rộng và xây hàng nhà hai bên đường như phố phường Hà-nội.

Digitized by Google

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin đặt vấn đề xóa bỏ mâu thuẫn giữa đô thị và nông thôn. Trong bước đầu thực hiện mục tiêu đó, các nước xã hội chủ nghĩa phấn đấu giảm dần sự cách biệt cơ bản giữa đô thị và nông thôn, cho nên quy hoạch xây dựng đô thị vẫn có những đặc trưng khác quy hoạch xây dựng nông thôn.

Trong quá trình công nghiệp hóa nước nhà, đô thị sẽ phát triển trên cơ sở phát triển công trình công nghiệp ít nhiều tập trung ở từng đô thị, tại đó người ở chủ yếu là giai cấp công nhân công nghiệp. Đồng thời trong quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với nội dung điện khí hóa, hóa học hóa, cơ giới hóa và phát triển thành phần công nhân trong nông nghiệp, chúng ta phải làm cho những *điểm dân cư kiểu mới* được hình thành ở khu vực nông lâm nghiệp, ví dụ như những trung tâm của tiểu vùng trong huyện, huyện lỵ, với nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nghề cá. Các làng xóm hiện có nếu phù hợp với yêu cầu bố trí lao động sẽ tồn tại lâu dài và được cải tạo dần thành những *làng kiểu mới*, trong đó những cách biệt cơ bản giữa đô thị và nông thôn sẽ giảm dần và về lâu dài mất hẳn. Trong bước đi ban đầu của sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, làng kiểu mới này dần dần tiếp thu các đặc trưng của đô thị là ở gọn, tập trung (vì lý do kinh tế), đông người, có điện, có nước, có nhiều công trình phục vụ công cộng. Nhưng các khu ở này, mà cư dân chủ yếu là nông dân và công nhân nông nghiệp, vẫn là các *làng kiểu mới*, ít ra là trong 3—4 kế hoạch 5 năm. Lâu hơn nữa, nghĩa là sang thế kỷ sau chẳng hạn, quan hệ thành thị và nông thôn có thể đặt ra khác, và trên thực tế, sẽ khó mà phân biệt đâu là đô thị, đâu là nông thôn. Hình ảnh này đã xuất hiện đó đây trên một số nước anh em có nền kinh tế và văn hóa phát triển.

Một số người khác thường nêu khẩu hiệu « ngói hóa ». Khẩu hiệu này được đưa ra hình như dựa vào tâm lý nông dân thường mơ ước « nhà ngói, cây mít ». Lợp ngói để dành rơm rạ cho chăn nuôi là một đòi hỏi đúng đắn ở những vùng đồng lúa. Nhưng chắc chắn là mục tiêu xây dựng nhà ở—đây nói rõ là nhà ở của nông dân tập thể trên cả nước—không chỉ là làm nhà có mái ngói. Nếp sống gia đình văn hóa mới, con người mới, bộ mặt nông thôn văn minh đâu phải ở « ngói hóa »!

Khẩu hiệu này đặt ra những đòi hỏi không phải là ở địa phương nào cũng hợp lý; nó kìm hãm những nỗ lực làm chủ giải quyết nhà ở kịp thời, gây tư tưởng trông chờ những vật tư khan hiếm của Nhà nước như xi măng, sắt thép và ngói máy. Lợp ngói máy mà không làm trần nhà, không lát gạch nền nhà thì có khác nào tạo ra trong nhà một nồi hơi hấp nóng giữa trưa hè!

Bồi cói ở vùng chua mặn, phên tre, nứa ở miền núi, nhựa thải của cao su và nhiều vật liệu tại chỗ khác, nếu được khoa học tiên tiến tác động vào và nâng lên, và nếu không bị khẩu hiệu « ngói hóa » bó tay, bó sáng kiến, sẽ cung cấp cho chúng ta nhiều chất lợp để xây dựng trong bước đi ban đầu này. Tất nhiên, chúng ta không dừng ở đây vì những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật sẽ phát huy những tiềm năng thiên nhiên vô tận. Mai đây, những nhà có gác, các loại biệt thự với cửa rộng, mái bằng, mái đá đen, mái ngói đỏ, sẽ là nơi ở cho nông dân tập thể trên cả nước giàu đẹp của chúng ta.

Mặt khác, trong việc xây dựng công trình phục vụ đời sống ở cấp huyện còn có quan niệm thoát ly thực tế: muốn xây dựng ngay trong

Digitized by Google

bước đi ban đầu này những công trình kiến trúc quy mô hiện đại như ở các nước anh em đã có một quá trình phát triển kinh tế, văn hóa và có một nền công nghiệp xây dựng phát triển. Dù chỉ là làm thử thôi, mấy nhà văn hóa huyện đồ sộ nhiều tầng xây bằng xi măng cốt thép ở địa phương nọ đã biểu hiện xu hướng đó. Có công trình xây dựng theo hướng đó đã phải bỏ dở 4 — 5 năm nay, trong khi những nhà văn hóa khác, xây đơn giản và phù hợp với khả năng thực tế, đang phục vụ tốt đời sống văn hóa của nhân dân địa phương. Xứng đáng là gương mẫu trong sự nghiệp xây dựng ở các buôn làng miền núi, các nhà rông, không cần một tấc sắt, đang được đưa sang làm chức năng nhà văn hóa.

II — CẦN CÓ BIỆN PHÁP THIẾT THỰC THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH CẢI TẠO, MỞ RỘNG, XÂY MỚI NÔNG THÔN, KỂ CẢ CÁC BUÔN LÀNG ĐỊNH CƯ ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

Hầu như cấp huyện nào cũng có một quy hoạch sơ phác làm phương hướng chỉ đạo bố trí, xây dựng công trình. Tuy nhiên, nếu quy hoạch mộtthì biệnpháp phải mười. Sự trì trệ chính là ở chỗ thiếu biện pháp tích cực. Riêng khu vực dân cư, buôn làng cải tạo mở rộng, xây mới, kể cả khu định cư, khu nhà ở vùng kinh tế mới, còn rất nhiều thiếu sót trong quy hoạch xây dựng, nhất là thiếu các biện pháp thực hiện, trong đó có những vấn đề như nước ăn, đất ở và nhất là vật liệu xây dựng. Ngoài ra, tinh thần nhiều chỉ thị về quy hoạch xây dựng chưa thấm sâu vào cấp huyện, xã.

— Cần khẩn trương đào tạo và đưa đồng bộ cán bộ chuyên môn về cấp huyện.

Ngành xây dựng tuy đã quan tâm đến quy hoạch xây dựng huyện, nhưng thử hỏi trong 11 huyện chỉ đạo điển hình của trung ương, bộ máy quản lý xây dựng đã hình thành và có hiệu lực đến đâu?

Trong khi nhiều nơi quan tâm và khích lệ kết quả cuộc thi quốc tế về xây dựng nông thôn, thì nhiều cơ quan quản lý xây dựng chưa quan tâm đầy đủ đến việc giúp đỡ và chỉ đạo địa phương, mà để lãng phí tri thức và nhiệt tình của đội ngũ khá đông cán bộ. Đội ngũ này được Đảng đào tạo, có kiến thức và nhiệt tình, có kinh nghiệm thực tế cần được tổ chức vào đội quân xây dựng chiến đấu trên trận tuyến của gần 400 huyện. Trong quá trình công tác, họ sẽ đào tạo thêm những lực lượng trẻ làm việc ở xã, hợp tác xã. Chỉ khi nào các ngành xây dựng đưa đồng bộ về huyện một đội ngũ cán bộ nhiệt tình và có tình cảm thiết tha với nông thôn thì mới xây dựng được các cơ sở vật chất kỹ thuật ở huyện, xã, hợp tác xã và cải thiện nơi ở của nông dân.

— Cần điều tra, nghiên cứu nâng cao truyền thống kết hợp với đưa khoa học kỹ thuật mới vào việc sản xuất vật liệu và việc xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Mỗi địa phương trên đất nước ta đều có những kinh nghiệm, những biện pháp làm ra vật liệu để xây nhà cho mình. Trong những năm trước mắt, chưa có nhiều xi măng và sắt thép, thiết tưởng phải có sự chỉ đạo, tổ chức để cán bộ khoa học, kỹ thuật và nhân dân phát hiện và nâng cao những truyền thống lâu đời về xây dựng. Sắt thép, xi măng còn dành riêng cho những chuồng trại, kho tàng, những công trình kinh tế, văn hóa lớn dùng lâu dài. Sau này khi có đủ vật liệu tốt, chúng ta sẽ xây dựng nhà ở của nông dân bền đẹp hơn nhiều lần ngày nay.

Digitized by Google

Ở nhiều địa phương, tường trình quen dùng đất đồi có sét. Đồng bào Nùng Lạng-sơn đắp tường nhà hai tầng, thường gọi là « nhà pháo đài » để chống những vụ cướp bóc do bọn thổ phỉ biên giới gây nên. Thiết tưởng, để chuẩn bị chiến đấu chống bọn bành trướng Trung-quốc, các nhà kiểu này với tường đắp kiên cố, hoàn toàn có giá trị như những ổ chiến đấu, kể cả những ụ chống bom nữa. Tường bằng phên tre trát vữa hay xây gạch không nung cũng làm được chức năng ngăn chắn. Các mặt tường trát vữa phẳng phiu bảo đảm mỹ quan trong nhà và như vậy có khả năng loại trừ gạch nung. Viện quy hoạch và thiết kế tổng hợp thuộc Bộ xây dựng ở thành phố Hồ-Chí-Minh đã dựng thử mẫu nhà xây bằng gạch nén đất đồi. Mẫu này có thể dùng xây nhà ở, cơ quan và công trình sản xuất ở các khu vực kinh tế mới. Ngói có thể khó giải quyết hơn, nhưng chỉ cần khắc phục tư tưởng chờ đợi gạch, ngói nung, thì chúng ta sẽ có nhiều khả năng phong phú để giải quyết vấn đề lợp nhà.

Các đồ án được giải thưởng trong kỳ thi quốc tế về xây dựng nông thôn (1) đã đề xuất nhiều biện pháp sử dụng vật liệu có sẵn tại chỗ. Để chống mục cho gỗ, đồng bào đã quen dùng dầu « chai » quét trên mặt gỗ như một nước sơn ; dùng cả dầu nhờn thải sau khi chạy máy, cả thứ vữa chống nước mặn trát thuyền bằng xi măng, dầu ma dút và bi tuyn. Gỗ sú vẹt bóc vỏ hơ vào ngọn lửa nhỏ cũng bảo đảm độ bền từ 5 đến 15 năm. Gỗ rừng, gỗ đước, song, tre được dùng từ hàng ngàn năm rồi. Nhân dân lao động miền biển, miền núi, miền đồng bằng, vùng khô cạn, vùng ngập quanh năm, có biết bao biện pháp kỹ thuật quen thuộc cần được cơ quan Nhà nước nghiên cứu, áp dụng và nâng cao.

Về vật liệu xây dựng cho khu vực nông thôn, có muôn vàn điều để nói. Riêng vấn đề bảo đảm xây dựng nhanh chóng hàng loạt công trình ở gần 400 huyện và hàng vạn xã bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ đến những biện pháp có hiệu lực nhất. Các đồ án trúng giải thưởng quốc tế về xây dựng nông thôn đều đề xuất những biện pháp quen thuộc trên thế giới về tiêu chuẩn hóa cấu kiện, điển hình hóa kiểu kiến trúc và công nghiệp hóa việc sản xuất các bộ phận chịu lực để lắp dựng công trình nhanh chóng. Biện pháp « *công nghiệp hóa cấu kiện xây dựng* » có thể sản xuất hàng loạt các thanh gỗ dài từ 2,7m dùng cho bộ khung nhà, trên cả 3 chiều, chiều cao, chiều ngang, chiều dọc, lắp dựng tất cả các kiểu nhà ở, nhà kho, chuồng ủ phân... Gỗ lấy ở đâu ? Chúng ta vận động nông dân trồng xoan, trồng tre trên đất chung của hợp tác xã và đất tư của xã viên, và đặt việc trao đổi hai chiều theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng làm sao để một cơ quan cấp huyện thu mua những thanh gỗ với kích thước quy định trên, rồi làm việc bào nhẵn, xoi chỉ, đục mộng, v.v. Chắc chắn nông dân sẵn sàng, đem gỗ đến để đổi lấy những cột, vì kèo... làm sẵn với một ít tiền công phải trả thêm. Một thanh gỗ định hình, đó là ý kiến đề xuất trong một đồ án được giải thưởng.

Có đồ án được giải thưởng quốc tế đề xuất kiểu nhà nổi cho vùng nước ngập quanh năm ở Cà-mau. Cũng vẫn phương pháp tiên tiến như định hình

(1) Một số kiến trúc sư, kỹ sư Việt-nam đã đề xuất 37 đồ án có cơ sở thực tế của nhiều địa phương. 6 đồ án của tác giả Việt-nam đã tham gia bước hai của cuộc thi quốc tế cùng với 3 đồ án Pháp, 3 đồ án Li-băng và 1 đồ án Xê-nê-gan. Cuối cùng 3 trong 5 giải thưởng quốc tế đã được tặng cho các kiến trúc sư và học sinh kiến trúc Việt-nam. Tổng thư ký Hội kiến trúc sư quốc tế Mi-sen Lăng-tô-ni nhận xét : « Tôi cho rằng các đồ án của các kiến trúc sư Việt-nam có chất lượng, chất lượng ấy được lý giải trên cả mặt lý thuyết và trên cả mặt thực hành, do các kiến trúc sư Việt-nam có năng lực rất tiên tiến để giải quyết vấn đề này ».

Digitized by Google

hóa một nền nhà vuông cạnh 6m kiểu phao nổi trên mặt nước, và lắp ghép nhiều « tấm nền » đó theo mọi yêu cầu của kiểu nhà, trường học hay chuồng trại, kho tàng. Đành rằng, trước mắt, những « tấm nền » kiểu phao nổi đó chưa làm ngay được nhiều bằng bê tông lưới thép như tác giả kiến nghị, nhưng chúng ta có khả năng làm ngay bằng vật liệu có sẵn những « tấm nền » nổi đó, tất nhiên là với độ bền hạn chế.

Những biện pháp đề xuất về vật liệu, về kết cấu xây dựng công trình và những sáng kiến quy hoạch tổ chức ăn ở và kinh tế phụ gia đình cho nông thôn không phải là hiếm. 37 đồ án của các tác giả dự thi thật sự có nhiều ý đồ táo bạo, nhiều kiến nghị thực tế thể hiện nhiệt tình của đội ngũ kiến trúc sư Việt-nam sẵn sàng lao vào mặt trận xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa.

III — CHÚNG TA CÓ KHẢ NĂNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GÓP PHẦN HÌNH THÀNH MỘT NỀN VĂN HÓA CAO, KHÔNG CHỜ ĐỢI MỘT NỀN CÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN

Nhiều đồ án của các kiến trúc sư dự thi quốc tế đề xuất ý kiến xây dựng theo yêu cầu và khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bước đi ban đầu của nước ta. Ngoài việc nêu lên những vấn đề cải tạo nhà cửa, làng bản hiện có, vừa ở vừa chăn nuôi và làm nghề phụ gia đình, các đồ án đó đều chú ý đến nhu cầu xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng con người mới. Họ kiến nghị gắn phong trào quần chúng với khoa học kỹ thuật, động viên quần chúng tham gia với Nhà nước xây dựng và thực hiện các biện pháp khoa học tiên tiến về tiêu chuẩn hóa, định hình hóa cấu kiện xây dựng. Thế giới coi các biện pháp này là khoa học tiên tiến. Ông cha ta — mà ngày nay những nghệ nhân kiến trúc dân gian, những tay nghề mộc giỏi là những người am hiểu nhất — đã làm việc lắp ghép những đình, đền, cung, miếu và nhà dân theo *kiểu lắp ghép* những kèo, xà định hình và tiêu chuẩn hóa có từ những thời đại lịch sử xa xưa rồi !

Nếu truyền thống kiến trúc cổ truyền của nhân dân ta được khoa học mới nâng lên, hoàn chỉnh dần và phát triển sâu rộng theo đúng đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, thì chúng ta có thể quản lý tốt việc xây dựng rộng lớn ở nông thôn, đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện nhà ở, làng bản, xây dựng nếp sống văn minh nhằm thể hiện một nền văn hóa cao ngay trong bước đi ban đầu này, khi chưa có một nền công nghiệp phát triển trên phạm vi cả nước. Ngay cả sau này, khi đã có một nền công nghiệp hiện đại rồi, thì ở một số nơi, làng bản và nhà cửa vẫn có thể giữ những công trình kiến trúc xây cất ngày nay với tường trình, gạch không nung, với nguyên liệu tre, nứa, gỗ, và tất nhiên, bên trong, với những tiện nghi hiện đại như máy nước, máy điều hòa nhiệt độ, bếp đun bằng khí... Nếu lắp dựng hàng loạt những kiểu nhà một hai tầng ẩn hiện trong những khóm cây xanh, vườn quả um tùm, chúng ta không sợ bộ mặt đơn điệu của kiến trúc làng bản.

Bằng vật liệu và kỹ thuật truyền thống, ông cha ta đã xây dựng những công trình kiến trúc xứng đáng với một nền văn hóa cao trong những thế kỷ thịnh vượng của Tổ quốc. Khoa học tiên tiến ngày nay ứng dụng vào hoàn cảnh thực tế đời sống, vào kỹ thuật và vật liệu xây dựng truyền thống, đang chứng minh khả năng to lớn phát triển những làng, những buôn văn hóa mới kiểu Việt-nam.

Digitized by Google

KINH TẾ TRUNG-QUỐC HIỆN NAY VÀ TRIỂN VỌNG CỦA NÓ

LÊ-VĂN-SANG

ÔM ấp tham vọng bá chủ thế giới, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đề ra đường lối « bốn hiện đại hóa » nhằm nhanh chóng biến Trung-quốc thành cường quốc số một trên thế giới vào cuối thế kỷ này. Mục tiêu của « bốn hiện đại hóa » được thể hiện bước đầu bằng một kế hoạch 10 năm 1976 — 1985, với những chỉ tiêu « đại nhảy vọt » như 60 triệu tấn thép, 500 triệu tấn dầu mỏ, 1000 triệu tấn than .. Nhưng chỉ hơn một năm sau khi nó được công bố, « chương trình vĩ đại » đó đã bị bãi bỏ và thay thế bằng một kế hoạch mới. Về thực tế, nhà cầm quyền Trung-quốc đã kéo dài kế hoạch đến năm 1990 với những chỉ tiêu được giảm thấp nhiều. Trước khi chuyển sang kế hoạch mới, họ dành 3 năm 1979 — 1981 để điều chỉnh lại nền kinh tế. Đây là bước thất bại đầu tiên của cái gọi là cuộc trường chinh mới « bốn hiện đại hóa ».

Chính sách « điều chỉnh » đòi hỏi trong 3 năm (1979 — 1981) phải khắc phục tình trạng mất cân đối, giảm tỷ lệ tích lũy, giảm đầu tư vào công nghiệp nặng để phát triển công nghiệp nhẹ, nông nghiệp, cắt giảm bớt nhiều hạng mục công trình. Nhưng qua gần hai năm thực hiện điều chỉnh, tình hình kinh tế—xã hội Trung-quốc vẫn chưa có những cải thiện đáng kể, nhiều mâu thuẫn kinh tế — xã hội vẫn chưa được giải quyết.

Hai năm 1977 và 1978, kinh tế Trung-quốc có phục hồi một phần. Công nghiệp năm 1977 tăng 14%, 1978 : 10,5%. Nông nghiệp năm 1977 tăng không đáng kể, năm 1978 tăng 8,9%. Thu nhập quốc dân trong hai năm này tăng 8% và 12% so với năm trước.

Có được nhịp độ tăng trưởng hằng năm trên đây là do kinh tế Trung-quốc bị phá hoại nghiêm trọng trong « cách mạng văn hóa » và năm 1976 kinh tế Trung-quốc ở bên bờ vực thẳm. Nhưng đến các năm 1979, 1980 những yếu tố kích thích không còn nữa, các nguồn huy động không còn dồi dào, đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt-nam đã giáng một đòn nặng nề vào nền kinh tế Trung-quốc. Theo Diêu-Y-Lâm, chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước Trung-quốc, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và nông nghiệp năm 1979 chỉ tăng 8,5% so với 12,3% của năm 1978. Năm 1980 có thể còn kém hơn nữa, công nghiệp có thể chỉ tăng 6 — 7%, nông nghiệp có khả năng giảm 10% so với năm 1979. Mặc dù giảm tốc độ như vậy, tình trạng mất cân đối và nhiều mâu thuẫn kinh tế— xã hội khác vẫn còn nặng nề. Do đó, các nhà lãnh đạo Trung-quốc dự kiến sản lượng

Digitized by Google

công nghiệp năm 1981 chỉ tăng 5%. Họ nói Trung-quốc buộc phải « hy sinh », công nghiệp nặng: sản lượng thép, dầu mỏ, than năm 1980 chỉ giữ ở mức năm 1979, tức là khoảng 35 triệu, 106 triệu và 620 triệu tấn. Chỉ có điện là tăng đôi chút (4%). Công nghiệp nhẹ cũng chỉ tăng 8%, thấp hơn mức tăng của năm 1979. Về nông nghiệp, « khu vực được ưu tiên trong chính sách điều chỉnh », cũng chỉ tăng 4%. Thật ra mức tăng 4% của nông nghiệp vẫn khó đạt được. Trong điều kiện giảm tốc độ tăng trưởng như trên, Trung-quốc vẫn phải chấp nhận một căn bệnh mới là nạn thiếu hụt ngân sách, và hậu quả khó tránh là giá cả tăng vọt và lạm phát. Năm 1979, ngân sách thiếu hụt 17 tỷ nhân dân tệ. Theo Diêu-Y-Lâm, năm 1980 ít ra cũng sẽ thiếu hụt 8 tỷ và năm 1981 thiếu hụt 5 tỷ nhân dân tệ. Cuối 1980, nợ nước ngoài là 3,4 tỷ đô la. Tình hình này đã buộc Trung-quốc phải giảm đầu tư xây dựng cơ bản, từ 39,5 tỷ nhân dân tệ năm 1978 xuống còn 36 tỷ năm 1979, và tiếp tục giảm các chỉ tiêu tăng trưởng trong các năm sau.

Hiện tượng giảm tốc độ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, đặc biệt là hiện tượng cắt giảm các chương trình đầu tư chứng tỏ nền kinh tế Trung-quốc đang gặp phải những khó khăn to lớn. Nhiều nhà kinh tế dự đoán, *tốc độ phát triển kinh tế của Trung-quốc trong năm 1979 là bức tranh hiện thực của nền kinh tế này trong thập kỷ 80 tới. Nó báo hiệu trước sự phá sản của các tham vọng « bốn hiện đại hóa » của các giới cầm quyền Bắc-kinh.*

Trung-quốc có nguồn tài nguyên lớn, có điều kiện để phát triển kinh tế. Nhưng trước mắt còn gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình phát triển kinh tế sắp tới sẽ còn tùy thuộc rất lớn vào việc giải quyết các khó khăn này.

1 — Nông nghiệp quá lạc hậu, vấn đề lương thực luôn luôn gay gắt. Đặc điểm nổi bật của nông nghiệp Trung-quốc là năng suất lao động rất thấp, sức lao động quá nhiều. Theo năng suất trung bình của thế giới, nông nghiệp Trung-quốc chỉ cần 250 — 300 triệu lao động (mọi lứa tuổi); nhưng hiện có trên 700 triệu, thừa 400 — 450 triệu lao động. Sức lao động thừa là một cản trở lớn đối với việc cơ giới hóa, và do đó gây trở ngại lớn cho việc nâng cao năng suất lao động. Vấn đề này đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ trong một thời gian dài.

Diện tích canh tác giảm đi khá nhiều, từ 111,3 triệu héc-ta năm 1957 xuống còn 96,3 triệu héc-ta năm 1977. Bình quân mỗi người chỉ có khoảng 1000 m^2. Theo tính toán, muốn đạt 500kg lương thực một người, trước mắt ít nhất phải có thêm 40 — 45 triệu héc ta, có công cụ khá, bảo đảm năng suất gấp đôi. Nhưng để khai hoang một héc-ta phải tốn 2000 nhân dân tệ, 45 triệu héc-ta thì tốn ít nhất 90 tỷ nhân dân tệ. Riêng điều đó cũng đủ để phủ định ba cái «hiện đại hóa» khác.

Cơ cấu nông nghiệp rất lạc hậu, 80% đất canh tác dùng để trồng các cây lương thực chủ yếu. Trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp, giá trị lương thực chủ yếu chiếm trên 50%, sản phẩm chăn nuôi chỉ chiếm 13%. Theo tài liệu chính thức của Trung-quốc, sản lượng cây lương thực chủ yếu (bao gồm cả đỗ, ngô, khoai, sắn tính ra lúa mì) trong mấy năm gần đây như sau: 1977: 283 triệu tấn, 1978: 305 triệu tấn, 1979: 315 triệu tấn. Mức tiêu dùng ngũ cốc đã giảm từ 203 ki-lô-gam/đầu người năm 1975 xuống còn 196,5 ki-lô-gam/đầu người hiện nay. Sản lượng lương thực tính theo đầu người giảm trong điều kiện mức sống của quần chúng lao động Trung-quốc đã quá thấp là một vấn đề kinh tế và xã hội cấp bách.

Digitized by Google

Năm 1979 Trung-quốc đã phải nhập trên 10 triệu tấn lương thực, năm 1980 có thể phải nhập tới 15 triệu tấn lương thực, trong khi nguồn tài chính rất hạn chế.

Để giải quyết những khó khăn trên, nhà cầm quyền Trung-quốc chủ trương nâng giá thu mua nông sản, tăng mức đầu tư của Nhà nước, giảm mức đóng góp của nông nghiệp. Song biện pháp này nặng tính chất tuyên truyền. Vì ưu tiên trong bốn hiện đại hóa vốn là quốc phòng.

2 — *Mất cân đối nghiêm trọng giữa các ngành kinh tế.* Trước hết là mất cân đối trong bản thân công nghiệp: giữa công nghiệp chế biến với công nghiệp nguyên liệu và nhiên liệu, giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ. Gần đây Trung-quốc chủ trương đẩy mạnh công nghiệp nhẹ, mở rộng sản xuất công nghiệp chế biến loại nhỏ nhằm kích thích sản xuất, tạo ngay ra sản phẩm tiêu dùng, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên cơ sở đó sẽ tăng tích lũy; nhưng lập tức vấp ngay phải khó khăn về nguyên liệu và nhiên liệu. Muốn có đủ nguồn nguyên liệu và nhiên liệu thì phải đầu tư lớn vào các ngành công nghiệp khai thác. Nhưng tài chính lại rất có hạn. Nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp cũng rất hạn chế do nông nghiệp quá lạc hậu, ngay tập trung giải quyết vấn đề ăn cũng chưa xong. Có thể nói, cho đến năm 1985, nông nghiệp vẫn chưa có khả năng trở thành nhân tố tác động tích cực đến sự phát triển công nghiệp.

Thực tế đã buộc nhà cầm quyền Bắc-kinh thừa nhận «không có cân đối thì không phát triển nổi», và phải giảm tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Song giải quyết tình trạng mất cân đối là nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, không thể làm xong trong vài ba năm được. Nếu muốn kinh tế phát triển ổn định thì phải từ bỏ chính sách tích lũy quá cao (10% trong những năm «đại nhảy vọt», 33% trong thời gian từ 1970 đến 1978) nghĩa là phải chấp nhận nhịp độ phát triển kinh tế chậm như năm 1979 — 1980

3 — *Nạn thất nghiệp đang tăng lên:*

Số dân đông có thể có lợi cho sự phát triển. Nhưng hiện nay ở Trung-quốc, số dân đông với nạn thất nghiệp nghiêm trọng đang cản trở sự phát triển. Chính vì số dân đông, mà Trung-quốc phải bỏ phương án cơ giới hóa nông nghiệp. Ở các thành phố, nếu tập trung vốn vào công nghiệp lớn, hiện đại, thì thất nghiệp sẽ tăng.

Để giải quyết tình hình đó, gần đây Trung-quốc tiến hành nhiều biện pháp nhằm phát triển công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp, phát triển nghề phụ của nông dân, huy động nguồn dự trữ địa phương vào việc kích thích sản xuất tư nhân, phát triển sản xuất trên đất phần trăm để lại cho nông dân, v.v. Đó là những biện pháp tất yếu để giải quyết việc làm. Song đó chỉ là những biện pháp tạm thời, vẫn chưa thể giải quyết được những vấn đề cơ bản như vấn đề nguyên liệu, nhiên liệu, vấn đề kỹ thuật. Do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động xã hội trong một thời gian dài sẽ vẫn còn thấp.

4 — *Triển vọng của việc cải cách kinh tế hiện nay.* Hệ thống quản lý mang nặng tính chất hành chính bao cấp, bộ máy quản lý bị quan liêu hóa từ lâu đã trở thành vật cản lớn cho sự phát triển kinh tế. Ban lãnh đạo Bắc-kinh đã công khai thừa nhận điều đó. Hiện nay họ đang tiến hành những cải cách sau:

— Triệt để lợi dụng các biện pháp kích thích bằng lợi ích vật chất trong những điều kiện có thể được. Họ đã quyết định tăng lương cho công nhân, viên chức; áp dụng chế độ tiền thưởng trong xí nghiệp, cho xí nghiệp có khả năng tự cấp vốn để tái sản

Digitized by Google

xuất. Đó là quỹ riêng của xí nghiệp hình thành từ lợi nhuận để lại theo kế hoạch và số lợi nhuận vượt mức kế hoạch. Cho phép xí nghiệp vay vốn của tư bản nước ngoài. Về quản lý xí nghiệp, Trung-quốc đang áp dụng hình thức công nhân tự quản.

— Tăng cường vai trò điều tiết của thị trường đối với sản xuất. Theo Triệu-Tử-Dương viết trên tạp chí *Hồng kỳ*, số 1-1980, biện pháp này sẽ có tác dụng tích cực « buộc các xí nghiệp phải tự động tìm gạo nấu cơm », phải « sắp xếp lại sản xuất theo nhu cầu của thị trường », theo quy luật cạnh tranh.

— Khuyến khích tư nhân kinh doanh. Đến tháng 8-1979, tỉnh Liêu-ninh đã cấp 3300 giấy đăng ký mở xí nghiệp công nghiệp và thương nghiệp tư nhân. Đến tháng 10-1979, Quảng-châu đã cho phép 15000 xí nghiệp tư nhân hoạt động. Tại Bắc-kinh, trong thời gian trên, 300 xí nghiệp tư nhân đã được phép kinh doanh.

Khuyến khích các nhà tư sản cũ trở lại kinh doanh hoặc tham gia vào các hoạt động kinh doanh của Nhà nước. Tờ *Nhân dân nhật báo* yêu cầu các đơn vị sản xuất « không ngần ngại đưa họ lên giữ những chức vụ quan trọng », bởi vì, với những chức vụ này, « tài năng và kiến thức của các đồng chí ấy » sẽ phục vụ cho bốn hiện đại hóa. Thậm chí họ còn được phép đứng ra góp cổ phần lập công ty cổ phần. Chỉ trong một tháng, một công ty kiểu này ở Thượng-hải đã tập hợp được 35 triệu đô la để xây dựng nhà.

— « Mở cửa » cho tư bản Hoa kiều và tư bản nước ngoài vào Trung-quốc, hình thành các xí nghiệp hỗn hợp giữa Nhà nước Trung-quốc và tư bản nước ngoài. « Hương-cảng hóa » một số tỉnh như Quảng-đông, Phúc-kiến, Quảng-châu, hình thành các khu vực tự do kinh doanh xuất khẩu nhằm thu hút tư bản nước ngoài.

Những cải cách trên đây có tác dụng khuyến khích phát triển sản xuất trong điều kiện Trung-quốc hiện nay, nhưng hiệu quả của nó không nhiều. Chưa nói đến sự biến chất nghiêm trọng trong tính chất của nền kinh tế, riêng tính hiệu quả của các cải cách trên cũng vấp phải nhiều giới hạn và mâu thuẫn sau đây. *Một là*, sự lạc hậu về kinh tế, mục tiêu bòn rút tối đa giá trị thặng dư của xã hội cho công nghiệp quân sự sẽ hạn chế các biện pháp khuyến khích bằng lợi ích vật chất. *Hai là*, xu hướng tập trung quyền lực kinh tế vào tay Nhà nước quân phiệt và xu hướng phi tập trung hóa của các biện pháp cải cách hiện nay sẽ mâu thuẫn gay gắt với nhau, dẫn đến tình trạng không nhất quán trong việc thực hiện các chính sách, hạn chế hiệu quả của các biện pháp trên. *Ba là*, bộ máy quản lý vốn bị quan liêu hóa nặng, nay muốn thay đổi không thể một sớm một chiều. *Bốn là*, những mâu thuẫn phát sinh từ các cải cách này sẽ ngày càng nhiều, và sẽ cản trở không nhỏ kinh tế phát triển. Mới qua cải cách chưa bao lâu mà năm 1979 đã lạm phát 5,8% (theo sự thú nhận của nhà cầm quyền Trung-quốc, trên thực tế tỷ lệ lạm phát còn cao hơn nữa). Ngày 21-8-1980, trên tờ *Nhân dân nhật báo*, Triệu-Tử-Dương đã phải thừa nhận : « mâu thuẫn đã xuất hiện từ tính độc lập ngày càng tăng của các đơn vị sản xuất và từ sự phát triển nền kinh tế thị trường. Những hoạt động phi pháp đã nảy sinh như đầu cơ, bán hàng kém phẩm chất gây thiệt hại cho Nhà nước »... Còn một nhà kinh doanh Trung-quốc nhận xét : do chính sách mới, « đất nước rơi vào tình trạng vô chính phủ về kinh tế. Người ta không biết ai chịu trách nhiệm về việc gì nữa, mỗi đơn vị có mục tiêu riêng của mình... Chính sách nhân quyền hình như đã gây nên một cuộc chiến tranh thật sự giữa những đơn vị của trung ương và của địa

Digitized by Google

phương, mỗi bên đều mưu toan chiếm ưu thế trên thị trường hoặc thu hút vào mình vốn đầu tư ».

5 — *Thiếu các điều kiện vật chất kỹ thuật cho « bốn hiện đại hóa »*. Trung-quốc lớn nhưng không mạnh. Chương trình « bốn hiện đại hóa » chỉ là tham vọng không có cơ sở thực tế. Theo Trần-Vân, Trung-quốc thiếu mọi điều kiện vật chất, cả sức người, sức của, tiền vốn, kinh nghiệm, kỹ thuật cho « bốn hiện đại hóa », những điều kiện này « có ít, gần như không, nên cũng như không có » (xem tạp chí *Triển vọng*, Hương-cảng, số tháng 4-1980).

Theo đánh giá của nhiều nhà kinh tế, muốn thực hiện chương trình « 10 năm then chốt » của « bốn hiện đại hóa ». Trung-quốc phải có ít nhất 300 tỷ đô la. Nhưng Trung-quốc đang thiếu ngoại tệ nghiêm trọng, và không dễ gì tìm ngay được các nguồn đem lại ngoại tệ. Khi bước vào thực hiện « bốn hiện đại hóa », Trung-quốc chỉ có 2,5 tỷ đô la dự trữ. Mới đầu người ta hy vọng nhiều vào nguồn xuất khẩu dầu mỏ. Song thực tế cho thấy nguồn này không lớn và muốn có dầu mỏ xuất khẩu thì trước hết phải có nhiều vốn đầu tư khai thác, hơn nữa nhu cầu tiêu dùng dầu mỏ ở trong nước sẽ ngày càng tăng do sản xuất và tiêu dùng mở rộng. Nông nghiệp Trung-quốc càng chưa thể là nguồn tích lũy nhanh được. Vì chỉ giải quyết vấn đề ăn thôi, nông nghiệp đã đòi hỏi một lượng đầu tư rất lớn mà Trung-quốc khó kham nổi. Gần đây các nhà cầm quyền Trung-quốc xoay sang xuất khẩu lao động để kiếm ngoại tệ, song số tiền đó thấm vào đâu trong khi Trung-quốc phải chịu hậu quả không nhỏ về những vấn đề chính trị, xã hội do việc làm đó gây nên.

Trung-quốc trông mong rất nhiều vào nguồn vốn của bọn đế quốc. Thị trường Trung-quốc tuy rất lớn, lại đang thèm khát kỹ thuật và tiền vốn của phương Tây, nhưng những điều kiện kinh tế—xã hội cho phép tư bản phương Tây đem vốn và kỹ thuật vào có nhiều hạn chế. *Trước hết*, đó là sự không ổn định về chính trị, *hai là*, tình trạng thiếu cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật; *ba là*, khả năng thanh toán thiết bị, vật tư nhập khẩu và khả năng trả nợ của Trung-quốc rất mỏng manh.

Thực tế, quan hệ kinh tế giữa Trung-quốc với các nước tư bản phương Tây trong hai năm qua cho thấy, tổng số vốn và kỹ thuật phương Tây đổ vào Trung-quốc là lớn, song vẫn còn quá ít ỏi so với nhu cầu « bốn hiện đại hóa ». Việc mở rộng quan hệ kinh tế đó rõ ràng là một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Trung-quốc nhưng không thể coi nó như một yếu tố tạo nên được sự phát triển vượt bậc. Vì có những giới hạn của bản thân nền kinh tế Trung-quốc và giới hạn của phía bọn đế quốc. Hơn nữa, việc gắn chặt kinh tế Trung-quốc với kinh tế đế quốc chủ nghĩa, sẽ đẩy nền kinh tế Trung-quốc vào tình trạng phát triển không ổn định, khó tránh khỏi bị xoáy vào những cơn lốc khủng hoảng kinh tế chu kỳ và các cuộc khủng hoảng cơ cấu khác của thế giới tư bản chủ nghĩa.

Ở Trung-quốc, sự phát triển kinh tế phụ thuộc vào hai điều kiện thiết yếu sau đây: *Một là*, điều kiện chính trị—xã hội. Nhưng tình hình chính trị xã hội Trung-quốc hiện nay không ổn định. Mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giành quyền bính giữa các phe phái trong tập đoàn cầm quyền sau Mao diễn ra từ cấp trung ương đến cấp địa phương và cơ sở, và tiếp tục sâu sắc. Sự chống đối của các lực lượng tiến bộ đối với đường lối đối nội và đối ngoại phản động của bọn cầm quyền ngày càng phát triển.

Hai là, mức độ tập trung vào mục tiêu quân sự. Bản chất của chương

Digitized by Google

trình « bốn hiện đại hóa » là ưu tiên hiện đại hóa quân sự. Nhưng ưu tiên đến đâu và ưu tiên như thế nào đều ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế. Hiện nay, trong giới cầm quyền Bắc-kinh có những ý kiến khác nhau về hai phương án ưu tiên. Phương án một là hy sinh kinh tế để tập trung mọi nguồn vốn phát triển tiềm lực quân sự, biến Trung-quốc thành cường quốc quân sự trong một thời gian ngắn. Phương án hai là lấy sự phát triển kinh tế làm nền tảng cho việc hiện đại hóa quân sự.

Năm 1979, trong điều kiện phải giảm đầu tư vào kinh tế, ban lãnh đạo Bắc-kinh vẫn tăng ngân sách quân sự lên 20% so với năm 1978. Nhưng do cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, chi phí quân sự vẫn vượt quá kế hoạch hơn 2 tỷ nhân dân tệ. Nghiêm trọng hơn, cuộc chiến tranh đó đã ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển kinh tế Trung-quốc. Vì vậy, Bắc-kinh phải giảm ngân sách quân sự năm 1980 khoảng 2 tỷ đô la so với năm 1979. Nhưng điều này đang vấp phải sự phản đối của giới quân sự.

Với tình hình căng thẳng về các nguồn vốn hiện nay, với yêu cầu rất gắt gao về đầu tư cải thiện cơ cấu hạ tầng của sản xuất và xã hội, về hiện đại hóa khoa học kỹ thuật, về phát triển công nghiệp và nông nghiệp và với chủ trương thực dụng hiện nay, khả năng thực hiện phương án 1 là rất hạn chế.

Với giả thiết tình hình chính trị — xã hội vẫn không ổn định song không xảy ra những xung đột xã hội lớn như cách mạng văn hóa, và với mức độ ưu tiên cho quốc phòng như hiện nay, thì trong thập kỷ 80, Trung-quốc có khả năng đạt được tốc độ phát triển bình quân hằng năm mà các nước đang phát triển đã đạt được trong thập kỷ 70 như sau: Tổng sản phẩm quốc dân: 5%; nông nghiệp: 3 — 4%; công nghiệp: 6 — 7%.

Như vậy, so với tốc độ phát triển bình quân của Trung-quốc trong 20 năm từ 1958 đến 1977, thì trong thập kỷ tới, công nghiệp Trung-quốc có tốc độ thấp hơn, do phải giảm đầu tư cơ bản, hạn chế phát triển công nghiệp nặng để điều chỉnh tình hình mất cân đối.

Riêng về nông nghiệp, vì Trung-quốc là một nước có nhân khẩu nông nghiệp đông nhất thế giới, kỹ thuật lại lạc hậu nhất, cho nên khó có triển vọng phát triển ở mức 4% mỗi năm. Các nhà kinh tế đưa ra hai phương án sau đây về mức tăng hằng năm của nông nghiệp Trung-quốc và sản lượng đạt được của mỗi phương án:

(Triệu tấn)

Phương án	Tốc độ bình quân mỗi năm	Đến 1985	Đến 1990
I	2%	306 — 350	338 — 386
II	4%		373 — 426

(Con số trước — 306, 338, 373 — là con số của nước ngoài; con số cao hơn là tính theo số liệu chính thức của Trung-quốc).

Như vậy nông nghiệp Trung-quốc vẫn ở tình trạng lạc hậu trong thập kỷ này và vẫn là yếu tố kìm hãm sự phát triển của các ngành khác.

Những chỉ tiêu về chất lượng của nền kinh tế chưa thể có những thay đổi căn bản. Chẳng hạn, tổng sản phẩm quốc dân tính theo

Digitized by Google

đầu người của Trung-quốc đến năm 1990 cũng chỉ có thể đạt mức 500 đô la, trong khi tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người của Liên-xô là 3 400 đô la (năm 1976), của Nhật-bản 2 340 đô la (1975), của Mỹ 4 600 đô la (1975). Một số chỉ tiêu chất lượng khác của kinh tế Trung-quốc có thể sẽ xấu hơn, như tình hình phát triển kinh tế sẽ không ổn định hơn do chủ trương lấy thị trường điều tiết sản xuất và do tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa.

Trung-quốc có khả năng tập trung đẩy mạnh xuất khẩu hàng tiêu dùng ra thị trường thế giới, đặc biệt là thị trường Đông Nam châu Á. Điều đó chắc chắn sẽ làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa Trung-quốc và các đối thủ cạnh tranh.

Với mục tiêu bá quyền và bành trướng, tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc sẽ tìm mọi cách lợi dụng mọi sự phát triển kinh tế của mình, dù là nhỏ nhất, để ve vãn các nước đang phát triển, để tăng cường câu kết với chủ nghĩa đế quốc, nhằm chống phá ba dòng thác cách mạng trên thế giới. *Trên trường quốc tế, nhân tố kinh tế Trung-quốc trong thập kỷ 80 và sau đó, là một nhân tố gây mất ổn định và là nguy cơ đối với hòa bình và an ninh ở khu vực Đông Nam châu Á và trên thế giới.* Mặc dù tập đoàn sau Mao luôn miệng nói cần có hòa bình trong nước để xây dựng kinh tế, mặc dù khả năng tăng cường lực lượng quân sự của chúng đang rất có hạn, nhưng chúng chưa bao giờ từ bỏ âm mưu gây chiến tranh, đặc biệt đối với Việt-nam và các nước Đông-dương. Chúng ta cần theo dõi và hết sức cảnh giác.

Digitized by Google

Trung-quốc :

NHỮNG CON SỐ CÓ Ý NGHĨA

TRONG thời gian « cách mạng văn hóa », theo con số chính thức của Trung-quốc, có trên 50 triệu « hồng vệ binh ». Trong số thanh niên này, có 17 triệu được kết nạp vào « Đảng cộng sản Trung-quốc », vì có tinh thần « nhảy bổ vào rừng gươm dao, lao thân vào ngọn lửa cháy, thà chết bảo vệ thống soái vĩ đại... và phó thống soái... » Quân đội Trung-quốc hiện có 4,5 triệu người, hầu hết cán bộ từ tiểu đội đến đại đội là hồng vệ binh cũ.

Trong « cách mạng văn hóa », bọn người chuyên môn « đập phá, đánh người, cướp của » này đã giết 10 triệu người, hãm hại 200 triệu (Vinh-Nghị-Nhân, ủy viên Ủy ban thường vụ Hội nghị hiệp thương chính trị Trung-quốc, nói những con số này là do Đặng-Tiểu-Bình báo cáo tại cuộc họp của Ủy ban thường vụ Hội nghị hiệp thương chính trị Trung-quốc cuối tháng 8-1980). Người ta quy tội cho nhóm Giang-Thanh và nhóm Lâm-Bưu đã *trực tiếp* dính líu vào việc hãm hại 727420 người, trong đó có 31274 người bị giết. Cách mạng văn hóa đã gây nên 1,2 triệu vụ án, trong đó 61% là án oan. Số còn lại được coi là án đúng, chẳng hạn vụ « nhóm Giang-Thanh » và vụ « nhóm Lâm-Bưu » hiện đang xử ở Bắc-kinh. Riêng vụ Lưu-Thiếu-Kỳ đã gây ra 2,8 vạn vụ án oan khác. Một mình Lâm-Bưu, theo lệnh Mao, đã sa thải 40 vạn cán bộ quân đội.

Trung-quốc có 600 triệu thanh niên, thiếu niên từ 7 đến 30 tuổi, trong đó có khoảng 200 triệu không được học hành. Từ 1968 đến 1976, có 17 triệu thanh niên, thiếu niên được đưa về nông thôn. Số người này, về sau chạy về thành phố quê hương, trong đó số người về Bắc-kinh 10 vạn, về Thượng-hải 30 vạn. Số người này về đã làm tăng thêm vụ phạm tội trong thanh niên và thiếu niên. Theo một giáo sư luật ở Bắc-kinh, 60% vụ phạm tội ở Trung-quốc là do thanh niên, thiếu niên từ 15 đến 25 tuổi gây nên, ngang với tỷ lệ phạm tội ở Mỹ. Trong tổng số 250 triệu thanh niên (15 — 30 tuổi), chỉ có khoảng 1 triệu đang học đại học. Như vậy cứ khoảng 1000 dân mới có 1 học sinh đại học (tỷ lệ đó ở Liên-xô là 19,5 ; ở Việt-nam 15,8 ; ở Thụy-điển 18,8). Nông thôn Trung-quốc chiếm trên 80% số dân cả nước, nhưng chỉ có 5000 cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học, và cứ 10000 nông dân mới có 3,7 cán bộ kỹ thuật trung cấp. Trong số 20 triệu công nhân viên chức ở các thành phố lớn, chỉ có 3,1% là có trình độ đại học, 8,2% là mù chữ, 81% có trình độ văn hóa cấp II trở xuống.

Digitized by Google

Tạp chí *Thanh niên Trung-quốc* đầu năm 1980 cho biết chỉ trong 3 tháng, hơn 4 vạn thanh niên các nơi đã gửi thu đến tòa soạn bày tỏ sự buồn chán và tuyệt vọng trước hiện thực xã hội Trung-quốc. Tại Thượng-hải, trong số 872 thanh niên dự thi vào làm việc ở công ty ăn uống thành phố, có 397 người hoàn toàn không biết Đảng cộng sản Trung-quốc, quân giải phóng Trung-quốc và nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, thành lập vào ngày nào. Chỉ có 56 người, tức là 6,4% trả lời được 3 câu hỏi trên.

Theo con số chính thức của nhà cầm quyền Trung-quốc, đầu năm 1976 ở Trung-quốc có 20 triệu người thất nghiệp, trong khi báo chí phương Tây đưa tin ở Trung-quốc có khoảng 200 triệu người thất nghiệp. Gần đây nhất, ngày 29-10-1980, để phản đối nhà cầm quyền Trung-quốc, một công nhân Trung-quốc tên là Vương-Chí-Cường, 30 tuổi, đã đặt bom ở nhà ga Bắc-kinh, làm chết 9 người và bị thương 81 người.

Trong số 20 triệu người được chính thức gọi là « trí thức Trung-quốc », chỉ có 6 người có trình độ đại học. Hồ-Diệu-Bang nói số trí thức ấy « không đủ tiêu chuẩn về chuyên môn và về chính trị ». Theo tạp chí *Hồng kỳ* số 5-1980, trong số 18 triệu cán bộ các cấp trong cả nước, chỉ có không đầy 1 phần 3 được coi là có tri thức chuyên môn về lĩnh vực này hoặc lĩnh vực khác. Trong đó, cán bộ khoa học kỹ thuật rất ít, trong ngành công nghiệp, số cán bộ này chỉ chiếm 3,9% tổng số công nhân viên chức của ngành. Cũng theo tạp chí trên, « vì thiếu trí thức chuyên môn, thiếu năng lực công tác, số cán bộ này không đáp ứng được yêu cầu « 4 hiện đại hóa », họ chỉ tìm cách sống cho qua ngày, một số thoái hóa dần. Chỉ tính 9 tháng đầu 1980, trong 13 tỉnh và thành phố (Trung-quốc hiện có 25 tỉnh và khu tự trị), đã có 2660 vụ ăn cắp của công loại lớn, trong đó có 150 vụ ăn cắp từ 10000 nhân dân tệ trở lên. Tại Liêu-ninh, năm nay đã phát hiện 72 cán bộ từ cấp phó cục trưởng trở lên, đã ăn cắp của công, làm nhà riêng.

Tại Bắc-kinh, trong số 161 sĩ quan từ cấp sư đoàn đến quân đoàn, có gần 100 người không được học hành gì về lý luận. Không kể cán bộ cấp dưới và binh lính, số cán bộ quân đội thuộc loại trung cấp và cao cấp tỏ ra hết sức bất bình với đường lối hiện hành, cho rằng đất nước đang đổi hướng (*Nhân dân nhật báo*, ngày 1-7-1980).

LÊ-TỊNH

Digitized by Google

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ N° 12 — 1980

ЛЕ ЗУАН — Коллективное хозяйствование — основное содержание Новой конституции.
ДО ТЫ — Наше государство и социально — политическое управление.
НГУЕН ВАН ХИЕУ — Организация культурно — информационной работы на уровне уезда.
ВУ ОАНЬ — Основное в работе по выдаче партийных билетов.
ЧАН ЗЫОНГ — Улучшение социалистической торговли.
ХЫУ ХАНЬ — Нормирование труда в рисоводстве.
ЛЫУ КУЙ КИ — Р. Рейган: Сожаление о утраченной позиции.
ФАН КЫ ДЕ — Обзор изданных за последних 35 лет работ на тему антиимпериалистических войн.
ЛЕ ВАН ШАНГ — Современная экономика Китая и ее перспективы.

. . .

REVIEW OF COMMUNISM N°12 – 1980

LÊ-DUẨN — Collective mastery — the essential content of the new Constitution. *ĐỖ-TƯ* — Our state and political-social management. *NGUYỄN-VĂN-HIẾU* — Culture and information at the district level. *VŨ-OANH* — The key link in the issue of Party cards. *TRẦN-DƯƠNG* — Improve socialist trade. *HỨU-HẠNH* — Fixed deliveries of rice. *LƯU-QUÝ-KỲ* — Ronald Reagan: Regret over a posture of strength that is past and gone. *PHAN-CỰ-ĐỆ* — Works written about the anti-imperialist war over the past 35 years. *LÊ-VĂN-SANG* — The Chinese economy at present and its prospects.

. . .

REVUE DU COMMUNISME N° 12 – 1980

LÊ-DUẨN — Le droit de maître collectif — contenu fondamental de la nouvelle Constitution. *ĐỖ-TƯ* — Notre Etat et le problème de la gestion politico-sociale. *NGUYỄN-VĂN-HIẾU* — Edifier la culture et l' information à l'échelon du district. *VŨ-OANH* — Le maillon-clé du travail de la délivrance des cartes du Parti. *TRẦN-DƯƠNG* — Améliorer le commerce socialiste. *HỨU-HẠNH* — Forfait pour la culture du riz. *LƯU-QUÝ-KỲ* — Ronald Reagan: le regret d'une position de force perdue. *PHAN-CỰ-ĐỆ* — Revue des livres sur la lutte anti-impérialiste des trente-cinq dernières années. *LÊ-VAN-SANG* — L'économie chinoise actuelle et ses perspectives.

. . .

REVISTA DEL COMUNISMO N° 12 – 1980

LÊ-DUẨN — Hacerse dueño colectivo: el contenido fundamental de la nueva Constitución. *ĐỖ-TƯ*: Nuestro Estado y el problema de la administración político-social. *NGUYỄN-VĂN-HIẾU* — Construcción de la cultura e información a escala distrital. *VŨ-OANH* — El eslabón clave en el trabajo de entrega del carnet del Partido. *TRẦN-DƯƠNG* — Mejorar el comercio socialista. *HỨU-HẠNH* — Trabajo a destajo en la producción de arroz. *LƯU-QUÝ-KỲ* — Ronald Rigan: Nostalgia de una posición de fuerza ya pasada. *PHAN-CỰ-ĐỆ* — Ojeadas de las obras literarias sobre la guerra antiimperialista durante los últimos 35 años. *LÊ-VĂN-SANG*: La economía china actual y sus perspectivas.

. . .

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 12

1980

NĂM THỨ XXVI (300)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 22040, 25768

MỤC LỤC

LÊ-DUẨN — Làm chủ tập thể — nội dung cơ bản của Hiến pháp mới 1

ĐỖ-TƯ — Nhà nước ta và vấn đề quản lý chính trị — xã hội 13

NGUYỄN-VĂN-HIẾU — Xây dựng văn hóa thông tin cấp huyện 20

VŨ-OANH — Khâu then chốt trong công tác phát thẻ đảng viên 24

TRẦN-DƯƠNG — Cải tiến kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa 29

HỮU-HẠNH — Khoán lúa 35

LƯU-QUÝ-KỲ — Rô-nan Ri-gân : sự nuối tiếc một thế mạnh đã qua rồi 45

PHAN-CỰ-ĐỆ — Nhìn lại những tác phẩm viết về chiến tranh chống đế quốc trong 35 năm qua 51

NGÔ-HUY-QUỲNH — Xây dựng nông thôn mới 57

LÊ-VĂN-SANG — Kinh tế Trung-quốc hiện nay và triển vọng của nó 62

Tư liệu ★ *LÊ-TỊNH* — Trung-quốc : những con số có ý nghĩa 69

Digitized by Google

Digitized by Google

17

Tìm đọc:

HỒ-CHÍ-MINH:

— Về xây dựng Đảng

LÊ-DUẨN:

— Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam
Tác phẩm chọn lọc — Tập III

TRƯỜNG-CHINH:

— Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, sự nghiệp vĩ đại, gương sáng đời đời

PHẠM-VĂN-ĐỒNG:

— 35 năm chiến đấu kiên cường và thắng lợi vẻ vang

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ40

Digitized by Google

Digitized by Google

THE UNIVERSITY O

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 06131 1372

Digitized by Google

Digitized by Google